

THE INTERNATIONAL BESTSELLER

DANH
SÁCH
của
SCHINDLER

WINNER OF THE BOOKER PRIZE

THOMAS KENEALLY

Nham Hoa dịch



DANH SÁCH CỦA SCHINDLER

Tác giả

THOMAS KENEALLY, TOUCHSTONE

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh

Schindler's List

Dịch giả

Nham Hoa

Nhà Xuất Bản

Hội Nhà Văn

Phát Hành

Nhã Nam

Năm

2018

Chuyển thể ebook

amylee

<http://tve-4u.org/>

ĐỂ TƯỞNG NHỚ OSKAR SCHINDLER,
VÀ TẶNG LEOPOLD PFEFFERBERG,
NGƯỜI, BẰNG LÒNG KIÊN TRÌ VÀ NHIỆT HUYẾT,
ĐÃ KHIẾN CUỐN SÁCH NÀY RA ĐỜI

Oskar Schindler

(28 tháng Tư 1908 – 9 tháng Mười 1974)



Oskar Schindler sinh ra ở Sudetenland nói tiếng Đức. Khi còn trẻ, ông là một thành viên của Đảng Quốc xã và khi chiến tranh bắt đầu, ông đã thành lập một nhà máy ở Cracow để sản xuất hàng hóa cho Quân đội Đức. Ông nhanh chóng trở nên rất giàu có với tư cách là một trong những tầng lớp tinh hoa của Đức Quốc xã. Tuy nhiên, ông và vợ Emilie trở nên kinh hoàng trước cách đối xử với người Do Thái và nhanh chóng bắt đầu thu xếp để bảo vệ những người lao động Do Thái của họ, chủ yếu bằng tiền của họ. Vào cuối cuộc chiến, họ đã cứu khoảng 1200 người Do Thái.

Trong bóng đen khủng khiếp của các trại diệt chủng thời Đế nhị Thế chiến, có một nhà công nghiệp Đức đã trở thành cứu tinh của người Do Thái. Oskar Schindler, con người ham lạc thú, kẻ còn lâu mới được coi là mẫu mực, cũng đồng thời là kẻ đã mạo hiểm cả mạng sống của mình để bảo vệ những đồng loại khác chủng tộc mà nếu không có ông thì hẳn đã kết thúc cuộc đời trong lò thiêu.

Danh sách của Schindler đã kể một câu chuyện có thật khác thường như vậy, một câu chuyện tự nó đã có thể làm người đọc choáng váng mà không cần đến một phương tiện văn chương cầu kỳ nào. Nó có thể làm ta khóc, như bộ phim kinh điển dựng từ chính nó của Steven Spielberg đã làm cho hàng triệu người khóc, nhưng trên hết nó làm ta hiểu hơn về những gì đã xảy ra, những sự kiện, những con số, những chân dung chi tiết hơn của cả nạn nhân, thủ phạm và người cứu nạn. Holocaust là một chương lịch sử kinh hoàng gần như nằm ngoài tưởng tượng của loài người tỉnh táo. Nhưng những câu chuyện như ***Danh sách của Schindler*** chính là tia hy vọng trấn an, rằng ngay cả trong hố sâu tuyệt vọng nhất của lịch sử vẫn luôn có một cá nhân nào đó nhận ra và dám làm điều đúng đắn, rằng nhân tính sẽ thắng dù cho có bị thử thách khốc liệt ra sao.

LỜI TÁC GIẢ

Năm 1980 tôi vào một tiệm bán vali ở Beverly Hills, California hỏi giá cặp tài liệu. Chủ tiệm là Leopold Pfefferberg, một cựu tù sống sót của Schindler. Chính tại đây, dưới những giá đồ da nhập khẩu từ Ý của Pfefferberg, lần đầu tiên tôi được nghe về Oskar Schindler, gã lãng tử phong lưu người Đức, nhà đầu cơ, kẻ mê hoặc, biểu tượng của sự đổi lập, và về nỗ lực của Oskar nhằm giải cứu một bộ phận của một chủng tộc bị tru di, trong những năm tháng về sau được biết tới qua cái tên chung là Holocaust.

Cuốn sách về cuộc đời oanh liệt của Oskar này trước hết dựa trên nội dung phỏng vấn năm mươi cựu tù ở bảy quốc gia - Australia, Israel, Tây Đức, Áo, Mỹ, Argentina và Brazil. Nó được làm phong phú thêm bằng một chuyến đi, được sự đồng hành của Leopold Pfefferberg, đến các địa điểm xuất hiện nổi bật trong sách: Cracow, nơi Oskar chọn làm quê hương; Płaszów, nơi đặt trại lao động khủng khiếp của Amon Goeth; phố Lipowa, Zablocie, nơi ngày nay nhà máy của Oskar còn đứng đó; Auschwitz-Birkenau, từ đây Oskar đã giải cứu đoàn tù nữ. Những câu chuyện còn căn cứ vào hồ sơ tư liệu và những thông tin khác từ một vài cộng sự thời chiến của Oskar mà tác giả còn có thể tiếp cận, cũng như đông đảo bạn bè thời bình của ông. Nhiều lời chứng chi tiết về Oskar, do các cựu tù Do Thái gửi tới *Yad Vashem*, Cơ quan Tưởng niệm các Anh hùng và bậc Tử vì đạo, giúp câu chuyện thêm phong phú hơn nữa. Bên cạnh đó là lời chứng bằng văn bản từ các nguồn riêng và bộ sưu tập giấy tờ, thư tín của Schindler, một số của *Yad Vashem*, số khác do bạn bè Oskar cung cấp.

Sử dụng chất liệu cùng thủ pháp tiểu thuyết để kể một câu chuyện có thật là lối đi quen thuộc của văn chương hiện đại. Đó cũng là con đường tôi lựa chọn ở đây - vì viết tiểu thuyết là kỹ năng duy nhất tôi nắm chắc, và các kỹ thuật tiểu thuyết có vẻ phù hợp với một nhân vật mơ hồ và có tâm vóc như Oskar. Dù vậy tôi vẫn cố gắng hạn chế hư cấu hoàn toàn, vì hư cấu sẽ xói mòn giá trị của câu chuyện, và cố gắng phân biệt hiện thực và những huyền thoại thường gắn liền với một con người tầm cỡ Oskar. Đôi khi tôi buộc phải tái tạo một

cách hợp lý những đối thoại mà Oskar và các bên tham gia chỉ để lại ký lục hết sức vắn tắt. Song phần lớn các trao đổi và đối thoại, cùng mọi sự kiện, đều căn cứ theo hồi ức chi tiết của các *Schindlerjuden* (người Do Thái của Schindler), của bản thân Schindler, và nhiều người khác có cơ hội chứng kiến nghĩa cử phi thường của Oskar.

Trước tiên, tôi xin cảm ơn ba cựu tù sống sót của Schindler - Leopold Pfefferberg, Thẩm phán Moshe Bejski tại Tòa án tối cao Israel, và Mieczyslaw Pemper - những người không chỉ gửi gắm cho tác giả ký ức của mình về Oskar, và cung cấp tài liệu góp phần vào sự chính xác của câu chuyện, mà còn đọc bản thảo đầu tiên và góp ý những điểm cần sửa chữa.

Nhiều người khác, từ các cựu tù cho đến đồng sự của Oskar thời hậu chiến, đã trả lời phỏng vấn và nhiệt tình đóng góp thông tin qua thư tín và tài liệu. Trong số đó có Frau⁽¹⁾ Emilie Schindler, bà Ludmila Pfefferberg, tiến sĩ Sophia Stern, bà Helen Horowitz, tiến sĩ Jonas Dresner, ông bà Henry và Mariana Rosner, ông Leopold Rosner, tiến sĩ Alex Rosner, tiến sĩ Idek Schindel, tiến sĩ Danuta Schindel, bà Regina Horowitz, bà Bronislaw Karakulska, ông Richard Horowitz, ông Shmuel Springmann, ông Jakob Sternberg quá cố, ông Jerzy Sternberg, ông bà Lewis Fagen, ông Henry Kinstlinger, bà Rebecca Bau, ông Edward Heuberger, ông bà M. Hirschfeld, ông bà Irving Glovin, và còn nhiều nữa. Tại thành phố quê tôi, ông bà E. Korn không chỉ chia sẻ hồi ức về Oskar mà còn là nguồn động viên thường trực. Tại *Yad Vashem*, tiến sĩ Josef Kermisz, tiến sĩ Shmuel Krakowski, Vera Prausnitz, Chana Abells, và Hadassah Mödlinger đã tạo điều kiện rộng rãi cho tôi tiếp cận hồ sơ nhân chứng về Schindler và các tư liệu phim, ảnh liên quan.

Sau cùng, tôi muốn tôn vinh nỗ lực của ông Martin Gosch nhằm đưa cái tên Oskar Schindler đến với thế giới, và bày tỏ lòng cảm ơn bà quả phụ Lucille Gaynes, về sự hợp tác với dự án này. Nhờ sự hỗ trợ của tất cả mọi người, câu chuyện phi thường của Oskar Schindler đã lần đầu tiên xuất hiện một cách trọn vẹn.

TOM KENEALLY

(1) Tiếng Đức: cô, bà, dùng cho người phụ nữ đã kết hôn.

MỞ ĐẦU

Mùa thu, 1943

Trong cái lạnh sâu thẳm cuối mùa thu Ba Lan, một người đàn ông trẻ, cao lớn, mặc áo khoác đắt tiền, bên trong là bộ dạ phục hai hàng cúc, ve áo đính huy hiệu hình *Hakenkreuz* (chữ thập ngoặc) viền vàng trên nền men sứ đen, bước ra từ một khu căn hộ thời thượng trên phố Straszewskiego, ven khu phố cổ của Cracow, và nhìn thấy người tài xế đang đứng đợi, hơi thở tỏa khói, bên cánh cửa mở sẵn của chiếc limousine hiệu Adler đồ sộ và sáng bóng dù giữa xứ sở tối tăm này.

“Cẩn thận vỉa hè nhé, Herr⁽²⁾ Schindler,” người tài xế nhắc. “Trời buốt giá như lòng mụ góa ấy.”

Câu thoại nhỏ giữa mùa đông ấy báo hiệu chúng ta có thể yên tâm. Người đàn ông trẻ, cao lớn nọ, cho đến cuối đời, sẽ luôn mặc áo vét hai hàng cúc, sẽ - là một dạng kỹ sư - luôn được hưởng thụ những cỗ xe hoành tráng, sẽ - mặc dù là người Đức, thậm chí vào thời điểm này của lịch sử còn là một người Đức có máu mặt - luôn là mẫu người mà bác tài người Ba Lan có thể yên tâm buông ra một câu đùa xuề xòa, què kệch.

Nhưng ta sẽ không thể hiểu toàn bộ câu chuyện chỉ bằng vài gạch đầu dòng về tính cách giản đơn như vậy. Bởi đây là câu chuyện về chiến thắng thực tế của cái thiện trước cái ác, một chiến thắng không mơ hồ, có thể cân đong đo đếm hết sức rõ ràng. Khi tiếp cận nhân tính từ phía bên kia - khi ghi chép những thắng lợi có thể dự báo và định lượng mà cái ác nói chung thường giành được - không khó tỏ ra sâu sắc, châm biếm, cay độc, và không khó tránh khỏi cái bầy tằm phào. Cũng không khó phản ánh tính tất yếu của việc cái ác chiếm lĩnh tất cả những gì mà ta có thể gọi là *đa thịt* câu chuyện, mặc dù, đến hồi kết, cái thiện có thể giành được dăm thứ hão huyền như phẩm giá và tự tri. Sự tàn ác trong nhân tính là tài liệu của người kể chuyện, tội lỗi nguyên thủy là nước ối của sử gia. Nhưng viết về *đạo đức* là một nhiệm vụ đầy mạo hiểm.

“Đạo đức” kỳ thực là một từ nguy hiểm, buộc ta phải giải thích ngay lập tức; Herr Oskar Schindler, người đang mạo hiểm đôi giày bóng loáng trên vỉa hè đóng băng trong khu phố cổ thanh lịch này của Cracow, không phải là một nhân vật đạo đức theo nghĩa truyền thống của từ ấy. Ở thành phố này, ông vừa có một căn nhà dành cho nhân tình người Đức, vừa có mối quan hệ lâu dài với cô thư ký người Ba Lan. Vợ ông, Emilie, chủ yếu sống ở quê nhà tại Moravia, tuy thỉnh thoảng có sang Ba Lan thăm chồng. Cũng phải nói rằng, với tất cả đàn bà của mình, ông là một người tình lịch thiệp và hào phóng. Nhưng chiếu theo cách hiểu thông thường về “đạo đức”, điều đó cũng không thể bào chữa cho ông được.

Tương tự, ông hay uống rượu. Đôi khi ông uống chỉ vì khoái ý; còn lại là với đối tác, giới quan chức, đám sĩ quan SS, vì những thành quả hữu hình hơn. Như một số ít người, ông có khả năng uống mà không say, vẫn giữ mình lọc lõi và tỉnh táo. Tuy vậy, điều này - trong định nghĩa hẹp của luân lý - cũng không thể bào chữa cho chuyện ông say sưa. Và dù có đầy đủ tài liệu chứng minh thành tích của Herr Schindler, một đặc điểm của tính mơ hồ ở ông là ông đã làm ăn trong khuôn khổ hay chí ít là dựa trên sức mạnh của một âm mưu đồi bại và man rợ, một âm mưu đã gieo rắc khắp châu Âu những trại tập trung đa dạng nhưng nhất quán về mức độ phi nhân tính, và đã tạo nên một xứ sở ngảm, không ai nhắc đến, của những tù nhân. Vì vậy, có lẽ tốt hơn hết là nên bắt đầu bằng một tình huống thể hiện sơ bộ tư cách đạo đức kỳ lạ của Herr Schindler, và bằng những địa điểm, những đối tác mà nó đã dắt ông tìm đến.

Tới cuối phố Straszewskiego, chiếc xe đi dưới cái bóng đồ sộ của Lâu đài Wawel, nơi viên luật sư con cưng của Đảng Quốc xã, Hans Frank, cai trị Lãnh thổ Ba Lan thuộc Đức⁽³⁾. Như cung điện của mọi kẻ đại ác, ở đây không hề có ánh đèn. Cả Herr Schindler lẫn người lái xe đều không ngược nhìn bức tường thành khi chiếc xe rẽ về hướng Đông Nam, chạy ra sông. Đến cầu Podgórze, toán lính gác, được bố trí trên con sông Vistula đóng băng để ngăn chặn quân du kích và những kẻ vi phạm lệnh giới nghiêm qua lại Podgórze và Cracow, đã rất quen với chiếc xe, với khuôn mặt Herr Schindler, và với tấm *Passierschein*⁽⁴⁾ của bác tài trình ra. Herr Schindler thường

xuyên qua lại trạm kiểm soát này, từ nhà máy của ông (nơi ông cũng có một căn hộ) vào thành phố có công chuyện, hoặc từ căn hộ trên phố Straszewskiego ra nhà máy ở quận ngoại ô Zablocie. Họ cũng đã quen với việc gặp ông sau khi trời tối, ăn vận trang trọng hoặc bán-trang-trọng, trên đường đến một bữa tối, một buổi tiệc, một phòng ngủ; có thể là, như tối nay chẳng hạn, ra khỏi thành phố mười ki lô mét, đến trại lao động cưỡng bức ở Płaszów, để ăn tối với *Hauptsturmführer* SS Amon Goeth, một kẻ trụy lạc ở địa vị cao. Herr Schindler có tiếng là người hào phóng tặng rượu vào dịp Giáng sinh, nhờ đó cỗ xe được phép ra vùng ngoại ô của Podgórze mà không phải chờ đợi gì nhiều.

Chắc chắn rằng đến thời điểm này trong đời mình, dù là người thích rượu ngon nhắm tối, Herr Schindler đi ăn bữa tối nay ở tư dinh của Commandant (Trại trưởng) Goeth với tâm lý chán ghét hơn là mong đợi. Thật ra chưa có lần nào ngồi ăn uống với Amon lại không phải là một điều ghê tởm. Thế nhưng niềm căm ghét của Herr Schindler lại có tính khiêu khích, một cảm giác hả hê, cổ xưa của lòng khinh miệt - tương tự như, trong hội họa thời Trung cổ, thái độ của chính nghĩa trước tà ác. Cảm giác ấy đang kích thích Oskar thay vì làm ông sồn lòng. Ngồi giữa nội thất bọc da đen của chiếc Adler, khi cỗ xe chạy dọc đường xe điện qua nơi mới đây hãy còn là ghetto⁽⁵⁾ Do Thái, Herr Schindler, như mọi lần, đốt thuốc liên hồi. Nhưng ông hút một cách tự chủ. Đôi tay không bao giờ có dấu hiệu căng thẳng; ông là người lịch lãm. Tác phong của ông cho thấy ông biết rõ điều thuốc và chai cognac tiếp theo sẽ từ đâu đến. Chỉ ông mới có thể cho ta biết ông có phải viện đến sự trợ giúp của rượu khi chạy qua làng Prokocim tối tăm, âm lặng, và nhìn thấy, trên đường sắt đi Lwów, một đoàn tàu chở gia súc đang đỗ, trên các toa có thể chở binh lính, tù nhân, thậm chí là - dù ít có khả năng này - gia súc.

Đến vùng nông thôn, có lẽ cách trung tâm thành phố mười cây số, chiếc Adler rẽ phải vào con đường mang cái tên đầy châm biếm là Jerozolimska⁽⁶⁾. Trong cái đêm khắp nơi phủ đầy sương giá này, Herr Schindler nhìn thấy hiện lên dưới chân đồi, đầu tiên là một giáo đường Do Thái đồ nát, rồi hình hài mờ mờ của nơi mà hồi ấy đã tồn tại như thành Jerusalem: Trại Lao động Cưỡng bức Płaszów, thị

trấn-trại lính của 20.000 người Do Thái luôn thấp thỏm. Toán lính Ukraine và *Waffen* SS canh cổng lịch thiệp chào Herr Schindler, vì ở đây họ biết rõ ông chẳng kém gì ở cầu Podgórze.

Đi ngang khu nhà Quản giáo, chiếc Adler chuyển sang một con đường nhà tù lát bằng những tấm bia mộ Do Thái. Nơi này hai năm trước vẫn là nghĩa trang Do Thái. Commandant Goeth, một thi sĩ tự phong, đã đưa bất kỳ ẩn dụ sẵn có nào vào quá trình xây dựng khu trại. Phép ẩn dụ mang hình hài những tấm bia vỡ nát này chạy dọc chiều dài của trại, tách nó làm đôi, nhưng không vươn về phía Đông tới tận tư dinh của Commandant Goeth.

Bên phải, sau dãy nhà của lính gác, là một nhà tang lễ Do Thái cũ. Sự hiện diện của nó như một tuyên bố rằng mọi cái chết tại đây đều là tự nhiên, vì sức khỏe hao mòn, và rằng tất cả đều được khâm liệm. Thật ra nơi này đang là chuồng ngựa của viên Commandant. Mặc dù đã quen với cảnh tượng này, có khả năng Herr Schindler vẫn phản ứng bằng một tiếng ho khẽ đượm màu trào phúng. Phải nói thật rằng, nếu ta phản ứng trước mọi điều trào phúng của châu Âu đương thời, nếu để những thứ đó vào lòng, nó sẽ trở nên một phần gánh nặng trong ta. Nhưng Herr Schindler là người sở hữu một năng lực phi thường trong việc mang theo hành trang ấy.

Tối hôm ấy, một người tù tên là Poldek Pfefferberg cũng trên đường đến tư dinh của viên Commandant. Lisiek, cậu cần vụ mười chín tuổi của viên Commandant, đã tìm đến khu nhà giam của Pfefferberg với giấy phép do một sĩ quan SS ký. Vấn đề của cậu là bồn tắm của Herr Commandant có một vết ố cứng đầu, và Lisiek sợ sẽ ăn đòn vì nó khi Commandant Goeth đi tắm buổi sáng. Pfefferberg, thầy giáo cũ của Lisiek ở trường trung học tại Podgórze, làm việc ở ga ra của khu trại, nơi có thuốc tẩy. Vậy là anh dắt Lisiek xuống ga ra, nhặt một cây lau sàn cùng một can dung dịch tẩy rửa. Tiếp cận biệt thự của viên Commandant là một việc luôn tiềm ẩn nhiều bất trắc, song cũng kèm theo cơ hội nhận được thức ăn từ Helen Hirsch, người hầu Do Thái bị ngược đãi của Goeth, một cô gái hào phóng, và cũng là học trò cũ của Pfefferberg.

Khi chiếc Adler của Herr Schindler còn cách tòa biệt thự 100 mét, lũ chó đã sửa vang - con chó săn sói Great Dane⁽⁷⁾ và tất cả những

con khác được Amon nuôi trong chuồng trước nhà. Tòa nhà được xây vuông vắn, có tầng áp mái. Cửa sổ tầng trên nhìn ra ban công. Một hàng hiên có lan can bao quanh nhà. Amon Goeth thích ngồi ngoài trời vào mùa hè. Từ khi đến Płaszów, gã đã tăng cân. Đến hè sang năm, gã sẽ thành một tín đồ thờ thần mặt trời béo múp. Nhưng giữa phiên bản này của thành Jerusalem, sẽ chẳng có ai giấu cọt gã.

Tối nay một viên *Unterscharführer* (trung sĩ) SS đi găng trắng được bố trí ở cửa. Anh ta giơ tay chào rồi dẫn Herr Schindler vào nhà. Trong sảnh, cậu cần vụ người Ukraine, Ivan, cất áo khoác và mũ phớt cho Herr Schindler. Schindler khẽ đập tay lên túi ngực để biết chắc mình có mang quà cho chủ nhân: một hộp thuốc lá mạ vàng, hàng chợ đen. Amon kiếm được rất khá ngoài chức trách của gã, nhất là từ đồ kim hoàn tịch thu được. Một món quà dưới mức mạ vàng sẽ làm gã phật ý.

Trên ngưỡng hai cánh cửa dẫn vào phòng ăn, anh em nhà Rosner đang song tấu, Henry chơi violin, Leo chơi accordion. Theo lệnh Goeth, họ đã trút bỏ bộ đồ rách rưới của xưởng sơn trong trại, nơi họ làm việc ban ngày, để khoác lên bộ da phục họ cất dưới trại giam dành riêng cho những dịp này. Oskar Schindler biết, cho dù viên Commandant hân thưởng tài năng của họ, chưa bao giờ anh em Rosner chơi đàn trong biệt thự với tâm lý thoải mái. Họ đã chứng kiến Amon quá nhiều. Họ rõ gã hành xử thất thường và có thiên hướng giết người *tùy hứng*. Họ chơi một cách cẩn trọng và hy vọng tiếng đàn của mình sẽ không, đột nhiên và không rõ nguyên do, làm gã phật ý.

Bữa tiệc hôm ấy có bảy người. Ngoài Schindler và chủ nhân, còn Julian Scherner, trùm SS vùng Cracow, và Rolf Czurda, trưởng phân cục Cracow của SD, Lực lượng An ninh của Heydrich⁽⁸⁾ quá cố. Scherner là *Oberführer* - hàm giữa Đại tá và Chuẩn tướng của SS, nhưng không có hàm tương đương trong quân đội; Czurda là *Obersturmbannführer*, ngang Trung tá. Bản thân Goeth là *Hauptsturmführer*, hay Đại úy. Hôm nay Scherner và Czurda là đại quý khách, vì trại này thuộc phạm vi quản hạt của họ. Cả hai đều tương đối nhiều tuổi hơn Commandant Goeth, và trùm cảnh sát SS

Scherner nhìn khá đứng tuổi với cặp kính, cái đầu hói và thân hình hơi phì nộn. Tuy vậy, nếu xét đến lối sống trác táng của viên sĩ quan đàn em thì khoảng cách tuổi tác giữa y và Amon xem ra không lớn lắm.

Người lớn tuổi nhất trong bọn là Herr Franz Bosch, một cựu binh từ Thế chiến I, hiện quản lý nhiều công xưởng khác nhau, hợp pháp lẫn bất hợp pháp, trong trại Płaszów. Y đồng thời là “cố vấn kinh tế” của Julian Scherner và sở hữu cổ phần ở khắp nơi trong thành phố.

Oskar khinh bỉ Bosch lẫn hai trùm cảnh sát, Scherner và Czurda. Cộng tác với họ, tuy vậy, lại là điều rất quan trọng cho sự tồn tại của nhà máy đặc biệt của ông tại Zablocie, bởi vậy ông thường xuyên quà cáp cho họ. Vị khách duy nhất mà Oskar có cảm tình là Julius Madritsch, chủ nhà máy quân phục Madritsch ở trại Płaszów, và quản lý của ông ta, Raimund Titsch, Madritsch trẻ hơn Oskar và Commandant Goeth độ một hai tuổi. Ông ta là người giỏi làm ăn nhưng phúc hậu, và nếu bị chất vấn về sự tồn tại của nhà máy sinh lời của mình trong trại này, sẽ lập luận rằng nó tạo việc làm cho gần bốn nghìn tù nhân và giúp họ thoát khỏi lò sát sinh. Raimund Titsch, một người đàn ông ngoài bốn mươi, thanh mảnh, kín đáo, dễ rời tiệc sớm, là quản lý của Madritsch. Ông chuyển lậu hàng xe thực phẩm vào trại cho tù nhân (một hành động phiêu lưu có thể mang đến một chuyến lưu trú chết người ở nhà tù Montelupich của SS, nếu không thì cũng là Auschwitz), và tán thành quan điểm của Madritsch.

Đó là bộ sậu khách quen trong những bữa tối tại tư dinh của Herr Commandant Goeth. Bốn khách nữ, tóc uốn cầu kỳ, váy áo đắt tiền, trẻ hơn tất cả đám đàn ông. Họ là gái điểm hạng sang người Đức và Ba Lan tại Cracow. Vài người là khách thường xuyên ở đây. Con số bốn là để hai sĩ quan cấp tá có lựa chọn cho nhu cầu nam nhi của mình. Nhân tình người Đức của Goeth, Majola, thường lưu lại căn hộ của cô ta trong thành phố mỗi lần Amon có tiệc tùng. Cô nàng xem đây là những cuộc tụ tập của cánh đàn ông, và do đó tổn thương đến sự nhạy cảm của mình.

Chuyện hai trùm cảnh sát và viên Commandant thích Oskar theo cách của mình là điều chắc chắn. Tuy nhiên, họ vẫn thấy con người này có chút gì kỳ quái. Có lẽ họ sẵn lòng quy kết một phần cho gốc

gác của Schindler. Hắn ta là dân Đức Sudeten⁽⁹⁾ - so với họ cũng như Arkansas so với Manhattan, Liverpool so với Cambridge. Có dấu hiệu cho thấy tư tưởng của hắn có vấn đề, dù là người rất chịu chi, là nguồn cung dồi dào những mặt hàng khan hiếm, trữ lượng cao, óc hài hước hơi chậm và đôi khi ồn ào. Hắn là loại người ta mỉm cười gật đầu chào mỗi khi thấy ở các cuộc giao tế, nhưng nhảy dựng lên rồi làm âm ỉ về hắn lại là không cần thiết, thậm chí không khôn ngoan.

Nhiều khả năng ba sĩ quan SS nhận thấy sự xuất hiện của Oskar Schindler vì vẻ phần khích bất ngờ ở bốn cô gái. Người quen của Oskar hồi ấy đều nhắc đến sức hấp dẫn tự nhiên như nam châm của ông, đặc biệt là với phụ nữ, những đối tượng mà với họ Herr Schindler luôn thành công một cách bất tận và bất chính. Hai trùm cảnh sát, Czurda và Scherner, lúc này hắn đã chuyển sự chú ý sang Schindler như để kiểm chế không chú ý đến các cô gái. Goeth cũng tiến đến bắt tay ông. Viên Commandant cao ngang Schindler, và ấn tượng rằng gã béo bất thường so với độ tuổi ngoài ba mươi càng trở nên nổi bật và chiều cao ấy, một chiều cao thể thao khiến phần béo phì như bị cấy vào cơ thể gã một cách phi tự nhiên. Khuôn mặt gần như không khiếm khuyết trừ hơi rượu trong ánh mắt. Viên Commandant uống thứ rượu bản xứ hơi quá đà.

Gã, dù vậy, không đến nổi như Herr Bosch, chuyên gia kinh tế của Płaszów và SS. Herr Bosch có cái mũi đồ tía; nguồn oxy lẽ ra thuộc về các mạch máu trên mặt y từ nhiều năm nay đã bị mang ra nuôi lưối lửa xanh của ngàn ấy rượu còn. Schindler gật đầu chào, biết tối nay Bosch sẽ, như thường lệ, đặt hàng mình.

“Hãy chào mừng nhà công nghiệp của chúng ta,” Goeth lớn tiếng, rồi trịnh trọng giới thiệu Schindler với các cô gái. Trong lúc đó, anh em nhà Rosner tấu nhạc của Strauss, ánh mắt Henry chỉ vờ vẩn giữa các dây đàn và góc phòng trống trải nhất, còn Leo cúi mặt mỉm cười với những phím accordion.

Đến lượt các cô gái được giới thiệu với Herr Schindler. Khi hôn những bàn tay họ chìa ra, Schindler thấy tội nghiệp những cô gái mua vui ở Cracow này, vì ông biết sau đây - khi màn đét-và-cù bắt đầu - đét có thể sẽ lẫn và cù sẽ khoét thịt. Nhưng hiện tại,

Hauptsturmführer Amon Goeth, một kẻ bạo dân khi say, vẫn là một quý ông thành Vienna mẫu mực.

Màn trò chuyện trước bữa ăn không có gì đặc biệt. Họ nói về chiến tranh, và trong khi trùm SD Czurda lãnh trách nhiệm trấn an một cô gái Đức cao ráo rằng Crimea được phòng thủ vững chắc, trùm SS Scherner kể cho cô khác chuyện người quen của y thời ở Hamburg, một anh chàng tử tế, một viên *Oberscharführer* SS, bị thổi bay cả hai chân khi du kích đánh bom một nhà hàng tại Czestochowa. Schindler bàn chuyện nhà máy với Madritsch và Titsch. Giữa ba doanh nhân này có một tình bạn thực sự. Schindler biết tay Titsch bé nhỏ nọ đã mua trái phép một lượng lớn bánh mì chợ đen cho tù nhân tại nhà máy quân phục của Madritsch, và phần lớn số tiền này do Madritsch thu xếp. Đây là một nghĩa cử rất nhỏ bé, bởi vì, theo quan điểm của Herr Schindler, lợi nhuận ở Ba Lan thừa sức thỏa mãn một nhà tư bản tham lam nhất đồng thời trang trải chi phí mua thêm bánh mì trái phép. Với Schindler, các đơn hàng với *Rüstungsinspektion*, Tổng cục Quân giới - cơ quan đấu thầu và ký hợp đồng sản xuất mọi mặt hàng quân đội Đức cần - hậu hĩnh tới mức ông đã vượt qua khát vọng phải thành đạt trong mắt cha mình. Đáng buồn thay, Madritsch, Titsch và bản thân ông, Oskar Schindler, là những người duy nhất ông biết thường xuyên chi tiền mua bánh mì chợ đen.

Gần đến giờ Goeth mời họ vào bàn ăn, Herr Bosch đến gần Schindler, và như dự đoán, nắm lấy khuỷu tay rồi dẫn ông ra cửa, nơi hai nhạc công trình tấu, như thể nghĩ rằng giai điệu hoàn hảo của anh em Rosner sẽ che đậy nội dung câu chuyện. “Làm ăn tốt hả,” Bosch hỏi.

Schindler mỉm cười. “Ông *biết* mà, phải không, Herr Bosch?”

“Tôi biết,” Bosch đáp. Tất nhiên Bosch đã đọc những bản tin chính thức của Ủy ban Quân giới, thông báo những hợp đồng được giao cho nhà máy của Schindler.

“Tôi tự hỏi,” Bosch nói, hơi nghiêng đầu, “trước tình hình ăn nên làm ra hiện nay, nói cho cùng cũng dựa trên thành công chung của chúng ta trên một loạt các Mặt trận... tôi tự hỏi, không biết ông có

sẵn lòng cho một cử chỉ hào hiệp. Không có gì to tát hết. Một cử chỉ thôi.”

“Tất nhiên,” Schindler đáp. Ông thấy buồn nôn khi bị lợi dụng, nhưng đồng thời cũng có một cảm giác hưng phấn rất gần với khoái trá. Đã hai lần Văn phòng của trùm cảnh sát Scherner dùng ảnh hưởng của mình để giúp Oskar Schindler khỏi bị vào tù. Nay thuộc hạ của y lại tích lũy món nợ để phải làm vậy một lần nữa.

“Nhà dì tôi ở Bremen vừa bị trúng bom, khổ thân bà cụ,” Bosch nói. “Sạch sẽ! Từ giường cưới đến tủ bếp - tất cả đám đồ sứ Meissen của cụ. Tôi tự hỏi, liệu ông có thể dành cho cụ một ít đồ bếp được không. Có thể thêm một hai cái liễn - loại liễn nấu xúp cỡ lớn mà ông cho ra lò ở DEF ấy.”

Deutsche Emailwaren Fabrik (Nhà máy Đồ dùng tráng men Đức) là tên doanh nghiệp đang phát đạt của Herr Schindler. Người Đức gọi tắt là DEF, nhưng dân Ba Lan và Do Thái có một cách gọi tắt khác, là Emalia.

Herr Schindler đáp, “Tôi nghĩ cái đó có thể thu xếp được. Ông muốn hàng được gửi thẳng cho cụ hay là qua chỗ ông?”

Bosch thậm chí không cười. “Qua chỗ tôi chứ, Oskar. Tôi muốn gửi kèm một tấm thiệp nhỏ.”

“Tất nhiên.”

“Vây cứ thế nhé. Coi như sáu tá tất cả mọi thứ - bát xúp, đĩa, cốc cà phê. Và nửa tá nồi hầm kia nữa.”

Herr Schindler, quai hàm nhướn lên, bật cười thật tình, tuy có hơi mỗi mệ. Nhưng khi lên tiếng, giọng ông vẫn ân cần. Mà quả có thể thật. Riêng chuyện quà cáp ông luôn rất phóng tay. Chỉ là hình như Bosch phải gánh chịu các loại nợ hàng bị trúng bom hơi thường xuyên.

Oskar lẩm bẩm, “Nhà dì ông có phải trại mồ côi không đấy?”

Bosch lại nhìn vào mắt ông; gã say này không biết lần tránh là gì. “Bà cụ già rồi và chẳng có của nả gì. Cái gì không dùng đến, bà ấy có thể đem đổi.”

“Tôi sẽ nhắc thư ký lo chuyện này.”

“Em gái Ba Lan ấy hả?” Bosch hỏi. “Ngon mắt nhỉ?”

“Ngon mắt thật,” Schindler tán thành.

Bosch toan huýt sáo, nhưng độ căng của đôi môi đã bị hủy hoại bởi thứ rượu độ cồn cao, và âm thanh phát ra chỉ như một tiếng phì khe khẽ. “Vợ ông,” y nói, kiểu giữa đàn ông với nhau, “hẳn là một nữ thánh.”

“Đúng vậy,” Herr Schindler thừa nhận cụt lủn. Bosch muốn xin đồ bếp thì được thôi, nhưng đề cập đến vợ ông thì miễn cho.

“Này ông,” Bosch nói. “Làm thế nào mà ông yên được với bà ấy? Chắc hẳn bà ấy *biết*... nhưng xem ra ông kiểm soát bà ấy rất giỏi.”

Về hài hước trên mặt Schindler tan biến hoàn toàn. Thay vào đó là sự chán ghét lộ liễu. Tiếng gầm dữ dội khe khẽ phát ra từ ông, mặc dù vậy, vẫn không khác giọng Schindler lúc bình thường.

“Tôi không bao giờ nói chuyện riêng tư,” ông nói.

Bosch cuống quýt. “Xin lỗi. Tôi không định...” Y líu ríu xin lỗi. Cảm tình của Herr Schindler đối với Her Bosch chưa đủ để giải thích cho y, trong cái đêm muộn này của đời mình, rằng đây không phải là chuyện ai kiểm soát ai, rằng thảm họa hôn nhân của Schindler thực ra là trường hợp một tính cách khổ hạnh - của Frau Emilie Schindler - và một tính cách phóng túng - của Herr Oskar Schindler - đã tự nguyện ràng buộc lẫn nhau bất chấp mọi lời can gián. Những cơn giận của Oskar đối với Bosch còn sâu xa hơn là chính ông sẽ tự thừa nhận. Emilie rất giống người mẹ quá cố của ông, Frau Louisa Schindler. Herr Schindler cha đã ruồng bỏ bà vào năm 1935. Vậy nên Oskar có một cảm giác vô thức rằng khi đùa cợt về cuộc hôn nhân giữa ông và Emilie, Bosch đồng thời đã hạ thấp phẩm giá cuộc hôn nhân của cha mẹ ông.

Y vẫn tiếp tục tuôn ra những lời xin lỗi. Bosch, kẻ thọc tay vào mọi ngăn kéo tính tiền ở Cracow, lúc này đang vã mồ hôi vì sợ mất oan sáu tá bộ đồ bếp.

Các vị khách được mời vào bàn. Người hầu gái mang xúp hành lên và lấy phần cho từng người. Trong khi khách khứa ăn uống và trò chuyện, hai anh em nhà Rosner tiếp tục chơi đàn, tiến lại gần thực khách hơn, song vẫn giữ khoảng cách để không ảnh hưởng tới

việc đi lại của cô hầu gái hay của Ivan và Petr, hai cậu cần vụ người Ukraine của Goeth. Herr Schindler, ngồi giữa cô gái cao ráo mà Scherner đã chấm và một cô gái Ba Lan nói tiếng Đức, nhỏ xương, mặt mũi ưa nhìn, nhận thấy cả hai đều quan sát người hầu gái. Cô mặc trang phục nội trợ truyền thống, váy đen, tạp dề trắng. Trên tay cô không đeo ngôi sao sáu cánh, lưng cô cũng không có vết sơn vàng. Nhưng nhìn cô vẫn rõ ra người Do Thái. Điều thu hút sự chú ý của các cô gái khác là tình trạng của khuôn mặt cô. Viên xương hàm cô bầm tím, và chúng ta hẳn sẽ nghĩ rằng Goeth không biết hổ thẹn là gì mới để người hầu xuất hiện trong tình trạng như vậy trước quan khách đến từ Cracow. Các cô gái và Herr Schindler đều thấy, ngoài vết thương ở mặt, còn một vết tím đáng sợ hơn, và không phải lúc nào cũng được cổ áo che lấp, ở nơi tiếp giáp giữa bờ vai và cái cổ thanh mảnh của cô.

Không những không mặc kệ cô gái ở hậu trường không một lời giải thích, Amon Goeth còn xoay ghế về phía cô, ngoắc tay ra hiệu cho cô, rồi phô bày cô cho quan khách đang tề tựu. Đã sáu tuần nay Herr Schindler chưa viếng thăm căn nhà này, song những nguồn tin của ông cho biết, quan hệ giữa Goeth và cô gái đã biến thái theo hướng này. Khi có khách, gã lấy cô ra làm đề tài chuyện gẫu. Gã chỉ giấu cô đi khi có thượng cấp từ ngoài Cracow đến thăm.

“Thưa quý bà quý ông,” gã nói, bắt chước giọng người dẫn chương trình giả vờ say khướt của quán cabaret⁽¹⁰⁾, “xin hân hạnh giới thiệu Lena. Sau năm tháng được tôi rèn giữa, nay cô ả đã thông thạo cả nấu nướng lẫn phép tắc.”

“Nhìn mặt là thấy,” Cô gái cao ráo nói, “cô nàng vừa đụng độ với đồ đạc dưới bếp.”

“Và còn có thể đụng lần nữa,” Goeth thoải mái cười khùng khục. “Phải. Lần nữa. Có không hả, Lena?”

“Hắn rất phũ với đàn bà,” tay trùm SS nói và nháy mắt với bạn tình cao ráo của mình. Dụng ý của Scherner chưa hẳn đã là không tử tế, bởi y không nói đàn bà *Do Thái* mà là đàn bà nói chung. Khi Goeth nhớ ra Lena là người Do Thái cũng là lúc cô phải nhận thêm những đòn trừng phạt, hoặc công khai, trước mặt thực khách, hoặc

sau đấy, khi bạn bè của viên Commandant đã ra về. Scherner, là cấp trên của Goeth, có thể ra lệnh cho viên Commandant ngừng đánh đập cô. Nhưng thế sẽ là bất nhã và làm hỏng không khí thân mật của những bữa tiệc ở tư dinh của Amon. Scherner đến đây không phải với tư cách thượng cấp, mà như một bằng hữu, một đối tác, một bạn rượu, một người thường thức đàn bà. Amon là kẻ kỳ quái, nhưng không ai có thể gây cuộc tiệc tùng khéo được như gã.

Tiếp đến là cá trích xốt, sau đó tới chân giò lợn, dưới bàn tay nấu nướng và bày biện tuyệt hảo của Lena. Họ uống một loại vang đỏ Hungary khá nặng kèm với món thịt. Anh em nhà Rosner chuyển sang một điệu czardas nồng nhiệt, và không khí trong phòng ăn quánh lại, tất cả sĩ quan đều cởi áo quân phục. Câu chuyện tiếp tục xoay quanh các hợp đồng chiến tranh. Họ hỏi han Madritsch, nhà sản xuất quân phục, về nhà máy của ông ở Tarnow. Nó làm ăn với những đơn đặt hàng của Tổng cục Quân giới có khá như cái trong trại Płaszów này không? Madritsch quay sang hỏi Titsch, viên quản lý gầy gò và khắc khổ của mình. Goeth bỗng nhiên có vẻ tự lự, như người đang dờ dũa tới chợt nhớ ra một việc cấp bách phải xử lý lúc chiều, giờ đang giục giã mình từ bóng tối của phòng làm việc.

Các cô gái Cracow bắt đầu thấy chán. Cô gái Ba Lan nhỏ xương, môi bóng, chắc độ hai mươi, khéo chỉ mười tám, đặt tay lên tay áo bên phải của Herr Schindler. “Ông không phải lính à?” cô thì thầm. “Ông mà mặc quân phục chắc oách lắm.” Mọi người bật cười khúc khích - kể cả Madritsch. Hồi 1940 ông từng mặc áo lính một thời gian cho đến khi được giải ngũ, vì tài năng quản lý của ông rất cần thiết cho công cuộc chiến tranh. Nhưng Herr Schindler là người rất có thể lực nên chưa bao giờ bị *Wehrmacht*⁽¹¹⁾ đe dọa. Madritsch cười, vẻ hiểu biết. “Quý vị nghe không?” *Oberführer* Scherner hỏi cả bàn. “Tiểu thư đây vừa hình dung ra nhà công nghiệp của chúng ta mặc áo lính. Binh nhì Schindler, hả? Ngồi xúc cơm trong cặp lồng với cái chăn khoác trên vai. Tít tận Kharkov.”

Xét phong thái lịch lãm với y phục may đo của Herr Schindler, bức tranh ấy *quả là* kỳ quái, và chính Schindler cũng phải bật cười.

“Vụ này đã xảy ra với...” Bosch nói, cố gắng búng tay; “xảy ra với... tên thằng cha ở Warsaw ấy là gì nhỉ?”

“Toebbens,” Goeth nói, bất ngờ bừng tỉnh. “Xảy ra với Toebbens. Suýt nữa.”

Tay trùm SD, Czurda, nói, “Ừ, đúng rồi. Vụ đấy Toebbens suýt chết.” Toebbens là một nhà công nghiệp tại Warsaw. Lớn hơn Schindler, lớn hơn Madritsch. Hết sức thành đạt. “Heini,” Czurda nói (Heini tức là Heinrich Himmler), “tới Warsaw, bảo đảm quân giới ở đó. Đuổi bọn chó Do Thái khỏi nhà máy của Toebbens đi, đăng lính cho Toebbens và... và tống hấn ra Mặt trận. Mặt trận! Rồi Heini bảo các đồng nghiệp của tôi trên ấy. Lấy kính hiển vi ra soi sổ sách của hấn cho ta!”

Toebbens là con cưng của Tổng cục Quân giới, cơ quan đã ưu ái y bằng nhiều hợp đồng quân sự và được y ưu ái lại bằng quà cáp. Sự phản đối của Tổng cục Quân giới đã cứu mạng Toebbens, Scherner trình trọng tuyên bố với cả bàn, rồi nghiêng người về phía trước và nháy mắt lộ liễu với Schindler. “Không đời nào xảy ra ở Cracow nhé, Oskar. Tội này quá yêu mến ông.”

Đột nhiên, như thể để biểu lộ tình cảm nồng ấm cả bàn dành cho Herr Schindler nhà công nghiệp, Goeth đứng dậy và ngâm nga một bản nhạc không lời, hòa cùng giai điệu của vở *Madame Butterfly* mà hai nghệ sĩ bảnh bao nhà Rosner đang trình tấu một cách cần mẫn, như mọi người thợ thủ công của mọi nhà máy bị uy hiếp, ở mọi ghetto bị uy hiếp.

Lúc này Pfefferberg với Lisiek, cậu cần vụ, đang ở trên gác, trong phòng tắm của Goeth, cố đánh cho sạch vết ố trong bồn tắm. Họ có thể nghe thấy tiếng nhạc của hai anh em Rosner, những tràng cười và câu chuyện. Lúc này dưới nhà đã chuyển sang uống cà phê; cô gái thâm tím Lena đã mang khay lên cho khách rồi rút lui xuống bếp mà không bị xâm hại gì.

Madritsch và Titsch mau chóng kết thúc ly cà phê và rút lui. Schindler chuẩn bị theo gót họ. Cô gái Ba Lan nhỏ nhắn có ý phản đối, nhưng đây không phải là ngôi nhà dành cho ông. Tại nhà Goeth chẳng có gì là cấm kỵ, nhưng Oskar nhận ra rằng hiểu biết hậu trường của mình về giới hạn hành xử của SS ở Ba Lan sẽ rọi một thứ ánh sáng buồn nôn lên mỗi lời ta nói, mỗi cốc ta uống tại đây,

chưa kể đến mỗi lời mời mọc giao hoan. Cho dù có dắt một cô gái lên gác, ta cũng không thể quên rằng Bosch và Scherner và Goeth đang là anh em chung khoái lạc với mình, đang - ngoài cầu thang hay trong phòng tắm hay trên phòng ngủ - thực hiện những động tác tương tự. Herr Schindler, tuy không phải là thầy tu, *thà làm* thầy tu còn hơn hưởng thụ một người đàn bà tại tư gia của Goeth.

Ông nói chuyện với Scherner qua mặt cô gái, về chiến sự, về thổ phỉ Ba Lan, về nguy cơ sắp có một mùa đông rét mướt. Để cô gái hiểu rằng Scherner với ông là anh em, mà ông không bao giờ giành gái của anh em. Nhưng ông vẫn hôn tay cô lúc chào tạm biệt. Ông trông thấy Goeth, mặc độc sơ mi, sắp biến mất sau cánh cửa phòng ăn và hướng lên cầu thang, với sự nâng đỡ của một trong những cô gái kề cận gã trong bữa tối. Oskar cáo lỗi mọi người và đuổi theo viên Commandant. Ông chìa tay ra, đặt lên vai Goeth. Ánh mắt gã gắng gượng tập trung vào ông. “Kia,” gã khề khà. “Về à, Oskar?”

“Tôi phải về nhà,” Oskar nói. Ở nhà có Ingrid, nhân tình người Đức của ông.

“Ông đúng là đồ ngựa giống,” Goeth nói.

“Còn thua ông xa,” Schindler đáp.

“Không, ông nói đúng. Tôi là thần trên đỉnh Olympus mẹ nó rồi. Bọn tôi đang đi... bọn tôi đang đi đâu nhỉ?” Gã ngoảnh sang cô gái nhưng tự trả lời. “Bọn tôi đang đi xuống bếp xem Lena dọn dẹp có tử tế không.”

“Không,” cô gái bật cười. “Không xuống bếp đâu.” Cô lái gã về phía cầu thang. Đây là ý tốt của cô - xuất phát từ tình chị em - muốn bảo vệ cô gái mảnh mai, bầm tím trong nhà bếp.

Schindler dõi theo họ - gã sĩ quan đồ sộ, cô gái mảnh mai đang dìu gã - loạng choạng, xiêu vẹo đi lên cầu thang. Trông Goeth như một kẻ sẽ ngủ thẳng cẳng đến trưa hôm sau, nhưng Oskar biết thể chất đáng kinh ngạc và đồng hồ sinh học của gã. Goeth thậm chí có thể quyết định dậy lúc ba giờ sáng để viết thư cho cha gã ở Vienna. Đến bây giờ, khi mới ngủ một tiếng, gã sẽ có mặt ngoài ban công, súng trường trên tay, sẵn sàng bắn bất kỳ tù nhân nào trể nải.

Khi cô gái và Goeth lên đến chiếu nghỉ đầu tiên, Schindler bèn lên vào hành lang và đi xuống nhà dưới.

Pfefferberg và Lisiek nghe thấy tiếng viên Commandant, sớm hơn họ nghĩ đáng kể, bước vào phòng ngủ và lau bầu với cô gái gã vừa đem lên gác. Trong im lặng, họ nhặt nhanh dụng cụ lau chùi, lên sang phòng ngủ và cố gắng chuồn đi qua cửa hông. Vẫn đang đứng và thấy họ trên đường tẩu thoát, Goeth rút lại khi nhìn thấy cây lau nhà, ngỡ rằng họ định ám sát gã. Tuy nhiên, khi Lisiek bước lên và bắt đầu run rẩy trình bẩm, viên Commandant hiểu ra họ chỉ là tù nhân.

“Herr Commandant,” Lisiek nói, hỏn hển vì một nỗi sợ hãi dễ hiểu, “tôi xin phép được báo cáo rằng trong bồn tắm của ngài có một vết ố...”

“À,” Amon nói. “Thế nên mi bèn gọi chuyên gia.” Gã ra hiệu cho cậu bé. “Lại đây, cưng.”

Lisiek nhích lại gần và bị táng một đòn dữ dội đến nỗi cậu ngã sòng soài dưới gầm giường. Amon nhắc lại lời mời, như thể chuyện gã nói năng âu yếm với tù nhân sẽ làm cô gái thích thú. Cậu trai Lisiek đứng dậy và lão đảo lại gần viên Commandant để ăn một lượt đòn nữa. Trong khi cậu bé bò dậy lần hai, Pfefferberg, một tù nhân giàu kinh nghiệm, đã chuẩn bị tinh thần đón nhận bất cứ chuyện gì - rằng họ sẽ bị Ivan áp giải xuống vườn và bắn luôn. Tuy nhiên viên Commandant chỉ gầm thét đuổi họ ra, và họ tuân lệnh ngay lập tức.

Mấy ngày sau, Pfefferberg, khi nghe tin Lisiek bị Amon bắn chết, liền nghĩ ngay đến vụ nhà tắm. Kỳ thực sự việc lại vì một nguyên nhân hoàn toàn khác - lỗi của Lisiek là đã thắng xe ngựa cho Herr Bosch mà không xin phép trước.

Trong nhà bếp, cô hầu gái, tên thật là Helen Hirsch (cô luôn nói rằng Goeth gọi cô là Lena vì lười), ngẩng lên và phát hiện ra một vị khách tối nay đứng trên ngưỡng cửa. Cô đặt khay thịt vụn trên tay xuống, rồi luống cuống giật mình đứng nghiêm. “Herr...” Cô nhìn chiếc áo dạ phục của ông để tìm từ thích hợp. “*Herr Direktor*, tôi chỉ đang cất riêng xương ra cho đàn chó của Herr Commandant.”

“Coi nào, coi nào,” Herr Schindler nói. “Cô không có nghĩa vụ phải báo cáo với tôi, Fraulein⁽¹²⁾ Hirsch.”

Ông đi vòng qua bàn. Ông không có vẻ gì là rình mò cô, nhưng cái cô sợ là ý định của ông. Tuy Amon thích đánh đập cô, dòng máu Do Thái luôn giúp cô thoát khỏi việc bị xâm phạm tình dục lộ liễu. Nhưng có những người Đức không kén chọn về chủng tộc như Amon. Ngữ điệu của người này, dầu vậy, hoàn toàn xa lạ với cô, khác cả những sĩ quan hay hạ sĩ quan SS vẫn xuống bếp để phàn nàn về Amon.

“Cô không biết tôi ư?” ông hỏi, như một ngôi sao bóng đá, hoặc một nhạc công vĩ cầm, ý thức về sự nổi tiếng của bản thân bị tổn thương vì người ta không nhận ra mình. “Tôi là Schindler.”

Cô cúi đầu. “*Herr Direktor*,” cô đáp. “Tất nhiên, tôi đã nghe nói... Ông cũng từng đến đây rồi. Tôi nhớ rồi...”

Ông ôm lấy cô. Ông cảm nhận rõ ràng sự căng thẳng của cơ thể cô, khi môi ông chạm vào má cô.

Ông thì thầm. “Không phải cái hôn kiểu ấy đâu. Tôi hôn cô vì thương xót, nếu như cô muốn biết.”

Cô không nén nổi trào nước mắt. Lúc này *Herr Direktor* Schindler hôn mạnh lên trán cô, theo kiểu chào tạm biệt của người Ba Lan ngoài ga tàu, một cái bập môi âm vang thành tiếng kiểu Đông Âu. Cô thấy ông cũng bắt đầu ứa lệ. “Cái hôn ấy là tôi gửi đến cho cô từ...” Ông vẫy tay, ám chỉ một tộc người trung thực ở đâu đó ngoài kia, trong bóng tối, ngủ giường tầng hoặc trốn trong rừng, những người mà cô - bằng cách hứng chịu những đòn trừng phạt từ *Hauptsturmführer* Goeth - đang gánh đỡ một phần áp lực.

Herr Schindler buông cô ra, lấy từ trong túi ra một thanh kẹo lớn. Bản thân sự xa xỉ của nó đã có vẻ sặc mùi tiền chiến.

“Cô cất đi,” ông khuyên.

“Ở đây tôi có đủ thức ăn,” cô nói, như thể lòng tự tôn không cho phép ông nghĩ rằng cô đang chết đói. Thức ăn, thật ra, là điều có ít lo lắng nhất. Cô biết mình sẽ không sống sót nổi trong nhà Amon, nhưng không phải vì thiếu ăn.

“Nếu cô không ăn, thì đem đổi.” Herr Schindler nói. “Mà sao không ăn cho khỏe?” Ông lùi lại và ngắm cô. “Itzhak Stern đã kể cho tôi về cô.”

“Herr Schindler,” cô ghen ngào. Cô gục đầu xuống và khóc nhỏ nhẹ, chất chiu trong vài giây. “Herr Schindler, hấn thích đánh tôi trước mặt những người đàn bà ấy. Ngày đầu tiên tôi ở đây, hấn đánh tôi vì tôi trót đổ xương thừa đi sau bữa tối. Hấn xuống tầng hầm lúc nửa đêm và hỏi tôi xương đâu. Để cho chó, ông biết đấy. Đó là lần đầu tiên hấn đánh tôi. Tôi bảo hấn... tôi không biết tại sao mình lại nói vậy; bây giờ tôi sẽ không bao giờ nói thế nữa... Tại sao ông lại đánh tôi? Hấn bảo, Lúc này tao đánh mày vì mày hỏi tại sao tao lại đánh mày.”

Cô lắc đầu và nhún vai, như thể tự trách mình nói quá nhiều. Cô không muốn kể thêm nữa, cô không thể thuật lại lịch sử những lần bị trừng phạt, những lần ném mùi nắm đấm của viên *Hauptsturmführer*.

Herr Schindler cúi xuống bên cô, như thể giải bày. “Hoàn cảnh của cô thật kinh khủng, Helen,” ông nói.

“Chẳng sao đâu,” cô nói. “Tôi đã chấp nhận rồi.”

“Chấp nhận?”

“Một ngày nào đó, hấn sẽ bắn tôi.”

Schindler lắc đầu, và cô cảm thấy cử chỉ động viên ấy quá đổi hời hợt để có thể cho cô hy vọng. Đột nhiên, ngoại hình ăn sung mặc sướng của Herr Schindler trở thành một sự khiêu khích. “Vì lòng kính Chúa, *Herr Direktor*, tôi *thấy* nhiều rồi. Hôm thứ Hai, chúng tôi lên mái nhà để khoét băng, thằng bé Lisiek và tôi. Rồi chúng tôi thấy Herr Commandant bước ra cửa chính, theo bậc cấp đi ra hiên nhà, ngay bên dưới chúng tôi. Đứng trên thềm, hấn rút súng bắn một người phụ nữ đi ngang qua. Một phụ nữ tay ôm bọc đồ. Xuyên cổ họng. Một phụ nữ trên đường đi đâu đó. Ông thử nghĩ xem. Bà ấy không béo hơn hay gầy hơn hay chậm hơn hay nhanh hơn bất kỳ ai. Tôi chịu không hiểu nổi bà ấy đã làm gì nên nổi. Càng biết Herr Commandant, ông càng hiểu rằng không có một bộ quy tắc nào để

tuân theo hết. Ông không thể tự nhủ, Nếu mình tuân thủ những quy tắc này, mình sẽ an toàn...”

Schindler cầm lấy tay cô và siết chặt nó để nhấn mạnh. “Nghe này, Helen Hirsch thân mến, bất chấp tất cả, ở đây vẫn tốt hơn Majdanek hay Auschwitz. Nếu cô có thể giữ gìn sức khỏe...”

Cô nói, “Tôi cứ tưởng ở bếp của Herr Commandant, điều đó sẽ dễ dàng. Khi tôi được điều lên đây từ bếp ăn của trại, các chị em đều ghen tị.”

Môi cô nhếch một nụ cười đáng thương.

Schindler liền cao giọng. Như thể phát biểu một định luật vật lý. “Hắn sẽ không giết cô đâu, bởi vì hắn quá thương thức cô, Helen thân mến. Hắn thương thức cô đến nỗi hắn không cho cô đeo Ngôi sao. Hắn không muốn ai biết hắn đang thương thức một người Do Thái. Hắn bắn người đàn bà khi đứng trước thềm vì bà ấy chẳng có ý nghĩa gì với hắn, vì bà ấy chỉ là một trong cả chuỗi những con người, không làm gã phật ý hay hài lòng. Cô hiểu không. Còn cô thì... điều này chẳng hay ho gì, Helen. Nhưng đời là vậy.”

Đã có người bảo cô như thế. Leo John, phó của viên Commandant. John là một *Untersturmführer* SS - tương đương Thiếu úy SS. “Hắn sẽ không giết cô đâu,” John từng nói, “cho đến phút chót, Lena, bởi hắn tìm thấy ở cô quá nhiều khoái cảm.” Những lời ấy, từ John, không tác động mạnh đến thế. Herr Schindler vừa khoắc cho cô cái án phải tồn tại trong đau đớn.

Dường như ông nhận ra cô bị choáng. Ông thì thầm những lời khích lệ. Ông sẽ gặp lại cô. Ông sẽ tìm cách cứu cô ra. Ra đâu? cô hỏi. Ra khỏi ngôi nhà này, ông giải thích; về nhà máy của tôi, ông nói. Chắc cô đã nghe nói về nhà máy của tôi. Tôi có một nhà máy đồ tráng men.

“Phải rồi,” cô nói, giống như một đứa trẻ khu ổ chuột nói về Riviera⁽¹³⁾. “Emalia của Schindler. Tôi biết.”

“Giữ gìn sức khỏe nhé,” ông nhắc lại. Đường như ông biết đó là điều then chốt. Đường như ông xuất phát từ một dự báo về những ý định trong tương lai - của Himmler, của Frank - khi nói ra điều đó.

“Được rồi,” cô nhượng bộ.

Cô quay lưng lại ông và đi đến gần tủ đồ sứ, lôi nó từ sát tường ra, vận dụng một sức mạnh làm Herr Schindler kinh ngạc khi xuất phát từ một cô gái yếu đuối như thế. Cô dỡ một viên gạch ở mảng tường nằm sau cái tủ. Và mang ra một cuộn tiền - tiền zloty Ba Lan do quân Đức chiếm đóng phát hành.

“Tôi có một đứa em gái ở bếp ăn của trại này,” cô nói. “Tôi muốn ông dùng món tiền này để mua lại nó, nếu có bao giờ nó bị đưa lên xe gia súc. Tôi tin ông thường biết trước về những chuyện như vậy.”

“Tôi sẽ coi đó là việc của mình,” Schindler đáp, nhưng với vẻ thoải mái, không phải như một lời hứa trang trọng. “Bao nhiêu đây?”

“Bốn ngàn zloty.”

Ông nhận một cách lơ đãng, món tiền lặn lưng của cô, rồi nhét vào túi áo. Trong tay ông, nó vẫn an toàn hơn là trong hốc tường sau tủ đồ sứ của Amon Goeth.

Câu chuyện về Oskar Schindler bắt đầu như thế đấy, với lăm hiểm nguy, với những tên Quốc xã Gothic⁽¹⁴⁾, với sự trụy lạc của SS, với một cô gái mảnh mai bị ngược đãi, và với một nhân vật của trí tưởng tượng, không rõ vì đâu cũng quen thuộc như hình tượng ả gái điểm có tám lòng vàng: tay người Đức tốt bụng.

Một mặt, Oskar xác định nhiệm vụ của mình là phải hiểu rõ bộ mặt thật của chế độ, bộ mặt hung bạo đằng sau tám mạng chuẩn mực hành chính. Ông hiểu, nghĩa là, sớm hơn gần như tất cả dám hiểu, *Sonderbehandlung* nghĩa là gì; rằng mặc dù trên giấy tờ nó là “Quy chế đối xử đặc biệt”, nó đồng nghĩa với những kim tự tháp xác chết xanh nhợt⁽¹⁵⁾ tại Belzec, Sobibor, Treblinka, và tại khu phức hợp phía Đông Cracow, mà người Ba Lan gọi là Oświęcim-Brzezinka, nhưng sẽ được phương Tây biết đến bằng cái tên tiếng Đức, Auschwitz-Birkenau.

Mặt khác, ông là một doanh nhân, một con buôn từ bản chất, và ông không công khai nhổ vào mặt chế độ. Ông đã góp phần giảm bớt những kim tự tháp kia, và dù không biết năm nay rồi năm sau chúng sẽ gia tăng về kích cỡ và số lượng, và vượt quá đỉnh Matterhorn ra sao, nhưng ông biết ngọn núi ấy rồi sẽ xuất hiện. Tuy

không thể dự đoán những thay đổi hành chính sẽ xảy đến trong quá trình hình thành của nó, ông vẫn xác định rằng sẽ luôn có chỗ và có nhu cầu cho lao động Do Thái. Bởi thế, lần viếng thăm Helen Hirsch, ông mới dặn đi dặn lại, “Giữ gìn sức khỏe”. Ông biết rõ, và ngoài kia, trong màn đêm tăm tối của *Arbeitslager* (Trại lao động) Płaszów, những người Do Thái trần trọc tỉnh giấc và tự hứa hẹn với mình, rằng không một chế độ nào - vì như vậy là đi ngược xu thế - sẵn lòng vứt bỏ một nguồn lao động không công dồi dào. Chỉ những ai suy kiệt, ho ra máu, gục ngã vì kiệt lực mới bị đẩy lên tàu đi Auschwitz. Chính Herr Schindler từng nghe thấy tù nhân, khi đứng giữa *Appellplatz* (Sân tập trung) của trại lao động Płaszów, vào ca điểm danh buổi sáng, lầm rầm, “Ít ra tôi vẫn còn sức khỏe,” bằng một ngữ điệu mà trong cuộc sống bình thường chỉ có người cao tuổi mới dùng.

Vậy đây, cái đêm đông này, nó là buổi ban đầu mà cũng là chạng cuối trong nỗ lực thực dụng của Herr Schindler hòng cứu rỗi một số sinh mạng. Ông đã dấn quá sâu; ông đã vi phạm pháp luật Đế chế đến mức thừa sức lĩnh nhiều án treo cổ hay chặt đầu, hoặc bị vận tải đến khu lán tạm bợ ở Auschwitz hay Gröss-Rosen. Nhưng ông vẫn chưa biết cái giá thực sự cho điều đó. Dù đã tiêu cả một gia tài, ông vẫn chưa hình dung được mức độ của những gì mình sẽ còn phải trả.

Để không cưỡng ép niềm tin của độc giả quá sớm, câu chuyện bắt đầu từ một cử chỉ nhân ái bình thường - một cái hôn, một giọng nói vỗ về, một thanh chocolate. Helen Hirsch không bao giờ thấy lại bốn ngàn zloty của mình nữa - không phải dưới dạng đếm được và cầm được trên tay. Nhưng đến hôm nay, việc Oskar rất không chính xác về tiền bạc, đối với cô chỉ là điều nhỏ nhặt.

(2) Tiếng Đức: ông, ngài.

(3) Nguyên văn: Government General of Poland, vùng lãnh thổ của Ba Lan do Đức Quốc xã kiểm soát trong Thế chiến II, Phát xít Đức xem đây như một lãnh thổ tự trị của Đế chế thứ ba. Khu vực này bao gồm các thành phố lớn như Warsaw, Kraków và Lviv.

- (4) Giấy thông hành.
- (5) Khu định cư bị cô lập, có tường bao của người Do Thái trong một thành phố.
- (6) Tiếng Ba Lan: Jerusalem.
- (7) Giống chó Đức, có kích thước rất lớn, cao tới 80 cm.
- (8) Reinhard Heydrich, nhân vật đầu não phụ trách an ninh của chính quyền phát xít, người thành lập Lực lượng An ninh SD (Sicherheitsdienst), đóng vai trò chủ chốt trong các kế hoạch thanh trừng người Do Thái.
- (9) Người gốc Đức nói tiếng Đức cư trú ở phía Bắc, Tây và Tây Nam của Czechoslovakia.
- (10) Quán rượu có các trò hát múa để mua vui.
- (11) Tên gọi quân đội Đức đương thời.
- (12) Tiếng Đức (cũ, ít dùng): cô, dùng với người phụ nữ chưa chồng.
- (13) Vùng bờ biển Địa Trung Hải từ Marseille, Pháp đến La Spezia, Ý, nổi tiếng về khí hậu và vẻ đẹp.
- (14) Có lẽ Keneally chơi chữ. Tính từ gothic vừa nghĩa là man rợ, vừa gần âm với tên của Goeth.
- (15) Cyanotic, một thuật ngữ y học chỉ hiện tượng mất màu và ngả xanh của da người do thiếu ôxy.

CHƯƠNG 1

Các sư đoàn thiết giáp của tướng Sigmund List, từ Sudetenland tràn lên phía Bắc, đã chiếm được Cracow, hòn ngọc phương Nam điểm lệ của Ba Lan, từ cả hai cánh vào ngày 6 tháng Chín năm 1939. Và, theo chân họ, Oskar Schindler đã tiến vào thành phố mà, trong năm năm sau đó, sẽ là mỏ vàng của ông. Tuy chưa đầy tháng ông sẽ thể hiện sự bất mãn với Đảng Quốc xã, nhưng ông vẫn nhận ra Cracow, với vị trí đầu mối về đường sắt và hạ tầng công nghiệp còn khiêm tốn, sẽ bùng nổ về kinh tế dưới chế độ mới. Ông sẽ không là một anh bán hàng nữa. Ông sẽ trở thành nhà tài phiệt.

Soi vào tiểu sử gia đình Oskar, không dễ tìm thấy ngay động cơ sẽ thôi thúc ông trở thành kẻ cứu nạn. Ông sinh ngày 28 tháng Tư năm 1908, tức là dưới thời Đế chế Áo của Franz Josef, ở tỉnh trung du Moravia của vương quốc lâu đời này. Quê ông là thành phố công nghiệp Zwittau, nơi tổ tiên của Schindler đã từ Vienna tìm đến để mở cửa hiệu kinh doanh từ đầu thế kỷ 16.

Herr Hans Schindler, cha của Oskar, tán thành sự cai trị của đế chế, tự xem mình là người Áo về văn hóa, nói tiếng Đức tại bàn ăn, trên điện thoại, trong công việc, và vào những phút giây triu mến. Thế nhưng năm 1918, khi Herr Schindler và gia đình nhận ra mình đã trở thành công dân của nước Cộng hòa Czechoslovakia của Masaryk và Beneš⁽¹⁶⁾, điều này cũng chẳng làm ông phiền lòng bao nhiêu, và với cậu con trai mười tuổi của ông thì còn ít nữa. Cậu bé Hitler, theo lời người đàn ông Hitler, từ nhỏ đã bị dằn vặt vì hố sâu ngăn cách mối gắn bó thiêng liêng giữa Áo và Đức với sự độc lập chính trị của hai xứ sở. Khác với Hitler, thời thơ ấu của Oskar Schindler không hề bị vẩn đục bởi chứng trầm uất vì bị tước quyền thừa kế. Czechoslovakia là một nước Cộng hòa bé bằng cái bánh bao, rậm rạp, nguyên sơ, thành thử cộng đồng nói tiếng Đức chấp nhận vị thế thiểu số của mình một cách thoải mái, mặc dù sau này cuộc suy thoái và một vài hành động điên rồ của chính quyền sẽ gây ra sự căng thẳng nhất định cho mối quan hệ ấy.

Zwittau, quê nhà của Oskar, là một thành phố nhỏ, ám bụi than nằm tại mé Nam rặng núi có tên là Jeseniks. Những triền đồi vây quanh thành phố một phần đã bị công nghiệp tàn phá, phần còn lại vẫn được bao phủ dưới tán vân sam, linh sam, và thông rụng lá. Do có cộng đồng *Sudetendeutsche*⁽¹⁷⁾ nói tiếng Đức nên tại đây vẫn duy trì một trường dạy tiếng Đức, nơi Oskar theo học. Ở đây cậu đăng ký khóa học *Realgymnasium*, được thiết kế nhằm đào tạo kỹ sư - mỏ, cơ khí, đô thị - để đáp ứng diện mạo công nghiệp của thành phố. Bản thân Herr Schindler sở hữu một nhà máy sản xuất máy móc nông nghiệp, và việc học của Oskar là để chuẩn bị cho cậu thừa kế cơ ngơi này.

Gia đình Schindler theo Công giáo. Cũng giống như gia đình của cậu thanh niên Amon Goeth, người lúc này cũng sắp kết thúc lớp Khoa học và dự kỳ thi Matura⁽¹⁸⁾ ở Vienna.

Mẹ của Oskar, Louisa, là một con chiên nhiệt thành, mỗi ngày Chủ nhật quần áo bà lại nồng nặc mùi khói hương vốn tụ thành mây tại buổi lễ Trọng ở nhà thờ St. Maurice. Hans Schindler là mẫu đàn ông đẩy vợ mình tìm đến tôn giáo. Ông khoái cognac; ông thích quán cà phê. Hơi thở ẩm mùi brandy, thuốc lá hảo hạng, và chất trần tục không lẫn vào đâu được là những gì toát ra từ con người bảo hoàng đáng kính ấy, Herr Hans Schindler.

Gia đình họ sống trong một biệt thự hiện đại, có vườn riêng, nằm ở đầu kia thành phố, cách xa khu công nghiệp. Họ có hai con, Oskar và em gái, Elfriede. Nhưng giờ chẳng còn lại nhân chứng nào hiểu rõ về nội tình nhà Schindler, trừ những ý niệm chung nhất. Ví dụ, chúng ta biết rằng, Frau Schindler buồn phiền khi thấy con trai, cũng như ông bố, có một đức tin Công giáo khá hời hợt.

Nhưng chắc chắn đây không thể là một gia cảnh quá đáng cay. Trong những gì ít ỏi được Oskar hé lộ về tuổi thơ, không hề có màu đen tối. Nắng lấp lánh trong tán linh sam ngoài vườn. Mận chín ở góc vườn khi hè đến sớm. Nếu có đi dự lễ Trọng vào những sáng tháng Sáu, cậu trai cũng không mang theo về nhà nhiều cảm giác tội lỗi. Cậu đánh xe ô tô của bố ra chỗ nắng trước ga ra rồi bắt đầu vọc

động cơ. Hoặc cậu ngồi ở bậc thềm bên hông nhà, mài giũa bộ chế hòa khí của chiếc mô tô cậu đang lắp ráp.

Oskar có vài người bạn Do Thái trung lưu, được bố mẹ cho đi học ở trường tiếng Đức. Chúng không thuộc loại dân quê Ashkenazim - lập dị, theo Chính thống giáo, nói tiếng Yiddish - mà là những đứa trẻ đa ngôn ngữ, không sùng đạo cho lắm, con trai các nhà buôn Do Thái. Bên kia Bình nguyên Hana và giữa vùng đồi Beskidy, Sigmund Freud đã sinh ra từ một gia đình Do Thái như vậy, không bao lâu trước khi chính Hans Schindler chào đời trong một gia đình Đức nòi tại Zwittau.

Thành tích sau này dường như đòi hỏi tuổi thơ của Oskar phải có vài kịch bản tương tự. Cậu trai Oskar cần phải bệnh vực một cậu bạn Do Thái bị bắt nạt trên đường đi học về. Ta có thể chắc rằng chuyện đó không xảy ra, và không biết cũng tốt, vì sự kiện ấy hơi tầm thường. Hơn nữa, cứu một cậu bé Do Thái khỏi bị đánh chảy máu mũi không nói lên điều gì. Bởi vì sau này, chính Himmler đã phàn nàn, khi phát biểu trước một toán *Einsatzgruppen*⁽¹⁹⁾ của y, rằng mỗi người Đức đều có một người bạn Do Thái. “ ‘Dân Do Thái sẽ bị tuyệt diệt, mọi đảng viên đều khẳng định. Chắc chắn, đó là kế hoạch: thủ tiêu bọn Do Thái, tuyệt diệt chúng - chúng ta sẽ làm đến nơi đến chốn.’ Rồi tất cả đều lê bước trở lại, tám mươi triệu người Đức thực thụ, và ai cũng có một anh bạn Do Thái tử tế. Bọn khác là lợn hết, hẳn rồi, riêng bạn em đây là Do Thái hạng A1.”

Trong nỗ lực tìm kiếm, dưới bóng đen của Himmler, những tín hiệu cho sự nhiệt tình sau này của Oskar, chúng tôi gặp được ông hàng xóm sát vách nhà Schindler, một giáo sĩ Do Thái là tiến sĩ Felix Kantor. Giáo sĩ Kantor là môn đồ của Abraham Geiger, giáo sĩ người Đức chủ trương tự do hóa Do Thái giáo, người khẳng định vừa là người Đức vừa là Do Thái không có gì sai trái, thậm chí còn đáng tôn vinh. Giáo sĩ Kantor không phải mẫu học giả làng quê bảo thủ. Ông ăn mặc theo lối hiện đại và nói tiếng Đức ở nhà. Ông gọi nơi hành đạo của mình là “nhà thờ” thay vì cái tên cũ, “giáo đường”. Đến thăm nhà thờ của ông là giới bác sĩ, kỹ sư và chủ xưởng dệt người Do Thái ở Zwittau. Khi đi xa, họ khoe với các đối tác, “Giáo sĩ

của chúng tôi là tiến sĩ Kantor - ông ấy không chỉ viết bài cho các tạp chí Do Thái tại Prague và Brno, mà cho cả các nhật báo nữa.”

Hai con trai của Giáo sĩ Kantor học cùng trường với con trai ông hàng xóm người Đức Schindler. Họ đều đủ đỉnh ngộ để sau này trở thành hai giáo sư Do Thái hiếm hoi tại Đại học Prague tiếng Đức⁽²⁰⁾. Hai thần đồng nói tiếng Đức, cắt tóc húi cua này mặc quần lửng đuổi nhau trong vườn mùa hạ. Đuổi bắt hai anh em nhà Schindler, và ngược lại. Và Kantor, khi ngấm lũ trẻ thoát ẩn thoát hiện giữa những bụi thủy tùng, có lẽ đã tự nhủ tất cả rồi sẽ suôn sẻ như Geiger và Graetz và Lazarus và các giáo sĩ tự do người Đức hồi thế kỷ 19 từng dự báo. Chúng ta sống đời khai sáng, chúng ta được hàng xóm Đức hoan nghênh - Herr Schindler thậm chí sẽ mĩa mai các chính khách Czech trước mặt chúng ta. Chúng ta vừa là các học giả thế tục vừa diễn giải Talmud⁽²¹⁾ một cách hợp lý. Chúng ta thuộc về thế kỷ 20 và một chủng tộc cổ xưa. Chúng ta không làm ai khó chịu và ngược lại.

Về sau, vào giữa thập niên 1930, vị giáo sĩ sẽ phải xem xét lại dự báo lạc quan ấy và cuối cùng đi đến kết luận rằng các con ông không bao giờ mua chuộc nổi Đảng Quốc xã bằng học vị Tiến sĩ Đức văn - rằng không có thành tựu nào về công nghệ hay học thuật thế tục của thế kỷ 20 có thể là bùa hộ mệnh cho dân Do Thái, cũng như không bao giờ có một chủng loại giáo sĩ được giới lập pháp mới của Đức chấp nhận. Năm 1936, gia đình Kantor dọn sang Bỉ. Nhà Schindler không bao giờ nghe về họ nữa.

Chủng tộc, dòng máu và lãnh thổ không có nhiều ý nghĩa với cậu trai Oskar. Cậu thuộc típ thanh niên xem một chiếc mô tô là hình mẫu hấp dẫn nhất của vũ trụ. Và cha cậu - có khí chất của một kỹ sư - dường như đã khuyến khích đam mê của con trai với thứ máy móc thời thượng này. Trong năm cuối trung học, Oskar lượn khắp Zwittau trên chiếc Galloni 500cc màu đỏ. Một cậu bạn học, Erwin Tragatsch, nhìn theo với nỗi thèm muốn không nói nổi thành lời, khi chiếc Galloni oành oành phóng đi giữa phố và thu hút sự chú ý của khách bộ hành trên quảng trường. Như hai cậu trai nhà Kantor, chiếc xe chính là một kỳ quan - không chỉ là chiếc Galloni duy nhất ở

Zwittau, không chỉ là chiếc Galloni 500cc duy nhất ở Moravia, mà có lẽ còn là chiếc xe độc nhất vô nhị trên khắp Czechoslovakia.

Vào mùa xuân 1928, những tháng cuối cùng trong thời niên thiếu của Oskar và khúc dạo đầu cho mùa hè mà cậu sẽ yêu và quyết định kết hôn, cậu xuất hiện tại quảng trường thành phố trên chiếc Moto-Guzzi 250cc. Ngoài nước Ý, cả châu Âu chỉ còn đúng bốn chiếc khác, đều thuộc sở hữu của các tay đua quốc tế - Giessler, Hans Winkler, Joo người Hung và Kolaczkowski người Ba Lan. Dân tình chắc hẳn đã có người lắc đầu nói Herr Schindler đang làm hư thằng bé.

Nhưng đó là mùa hè ngọt ngào và hồn nhiên nhất trong đời Oskar. Một cậu trai thờ ơ với chính trị, mũ da bó sát đầu, vít ga chiếc Moto-Guzzi, đua với đội của các nhà máy địa phương trên đường núi Moravia, con trai của một gia đình mà đỉnh cao của sự phức tạp chính trị là châm một ngọn nến cho Franz Josef. Bên kia triền núi phủ đầy thông, là một cuộc hôn nhân khó hiểu, một cuộc suy thoái kinh tế, và mười bảy năm ngập lặn trong thứ chính trị chết người. Nhưng gương mặt chàng trai chẳng hề có ý niệm gì, chỉ có vẻ nhản nhó vì gió thốc của một tay đua tốc độ cao, người - vì cậu là người mới, vì cậu nghiệp dư, vì đến lúc này cậu chưa có kỷ lục nào - có thể vào cuộc tốt hơn các đối thủ kỳ cựu, những kẻ chuyên nghiệp, những tay đua chịu sức ép phải phá kỷ lục.

Cuộc đua đầu tiên của cậu là vào tháng Năm, chặng đường núi giữa Brno và Sobeslav. Đó là một cuộc tranh tài đẳng cấp cao, để ít ra món đồ chơi đắt tiền mà Herr Hans Schindler giàu có mua cho cậu không bị han gỉ trong ga ra. Cậu về ba trên chiếc Moto-Guzzi đỏ, sau hai chiếc Terrot đã được độ lên động cơ Blackburne của Anh.

Chặng thử thách tiếp theo, cậu đi xa nhà hơn, dự vòng đua Altvater, ở vùng đồi trên biên giới với Saxon. Tay đua vô địch 250cc người Đức Walfried Winkler có mặt, cùng địch thủ lâu năm của mình Kurt Henkelmann, trên chiếc DKW làm mát bằng nước. Các anh tài xứ Saxon - Horowitz, Kocher, và Kliwar - đều góp mặt; hai chiếc Terrot-Blackburne cũng tái xuất, ngoài ra còn mấy chiếc Coventry

Eagle. Có ba chiếc Moto-Guzzi, trong đó có của Oskar Schindler, vài chiếc hàng khủng thuộc loại 350cc, và một đội đua BMW 500cc.

Đó gần như là ngày đẹp nhất, thuần khiết nhất của Oskar. Cậu giữ cự ly với tốp dẫn đầu trong những vòng đầu tiên và chờ đợi những diễn biến mới. Sau một giờ, Winkler, Henkelmann và Oskar đã bỏ đội Saxon lại sau, còn hai chiếc Moto-Guzzi bị rớt lại vì lỗi động cơ. Tại vòng đua mà Oskar định ninh là áp chót, cậu vượt qua Winkler và chắc hẳn đã thấy, hiển hiện trước mắt mình như lớp nhựa trải đường và rặng thông nhòa nhạt, tương lai tất yếu của một thành viên đội đua nhà máy, và cuộc đời phiêu bạt mà sự nghiệp ấy sẽ cho phép cậu đeo đuổi.

Đến vòng đua mà cậu ngỡ là cuối cùng, Oskar vượt qua cả Henkelmann lẫn hai chiếc DKW, cán đích và chạy chậm lại. Hẳn đã có tín hiệu gây nhầm lẫn nào đó từ Ban tổ chức, bởi đám đông cũng tưởng rằng cuộc đua đã kết thúc. Đến khi Oskar nhận ra mình nhầm - và đã mắc một sai lầm nghiệp dư - thì cả Walfried Winkler lẫn Mita Vychodil đã qua mặt cậu, thậm chí Henkelmann đã kiệt sức cũng kịp đẩy bật cậu khỏi vị trí thứ ba.

Cậu được tung hô nhiệt liệt ở quê nhà. Bỏ qua một chi tiết chỉ mang tính kỹ thuật, cậu đã đánh bại những tay đua cừ nhất châu Âu.

Tragatsch phỏng đoán rằng sự nghiệp đua xe của Oskar bị gián đoạn vì lý do kinh tế. Đây là một phán đoán có cơ sở. Vì mùa hè năm ấy, chỉ sau sáu tuần yêu đương, cậu vội vã tiến đến hôn nhân với một cô gái nhà nông, do vậy bị thất sủng với cha mình, người tình cờ chính là ông chủ của cậu.

Hôn thê của cậu đến từ một làng trên bình nguyên Hana phía Đông Zwittau. Cô theo học trường dòng và có nét kín đáo mà cậu vốn ngưỡng mộ ở mẹ mình. Người cha góa bụa của cô không phải nông phu, mà là một chủ trang trại. Hồi Chiến tranh Ba mươi năm, tổ tiên người Áo của cô đã sống sót qua những đợt chiến dịch và nạn đói liên miên càn quét khắp bình nguyên màu mỡ này. Ba thế kỷ sau, trong một thời đại mới lắm rủi ro, con gái họ đã bước vào một cuộc hôn nhân khờ khạo với một cậu trai chưa trưởng thành ở Zwittau. Cha cô phản đối họ cũng quyết liệt chẳng kém gì bố Oskar.

Hans không bằng lòng bởi ông nhận thấy Oskar đi theo vết xe đổ của mình, bước vào một cuộc hôn nhân bất ổn. Một người chồng phóng túng, một cậu trai có máu nổi loạn, nhưng quá vội vã đi tìm sự bình yên ở một cô gái giản dị, đoan trang như một nữ tu.

Oskar gặp Emilie tại một bữa tiệc ở Zwittau. Cô từ làng Alt-Molstein đến chơi nhà bạn. Dĩ nhiên Oskar biết làng cô; cậu đã bán máy kéo khắp cả vùng này.

Khi hôn lễ được thông báo trong các xứ đạo ở Zwittau, một số người thấy đôi vợ chồng mới khác biệt đến nỗi họ bắt đầu tìm kiếm những động cơ khác ngoài tình yêu. Rất có thể mùa hè năm đó, nhà máy Schindler đã gặp khó khăn, bởi nó được trang bị để sản xuất loại máy kéo hơi nước đã bắt đầu lỗi thời trong giới nông dân. Oskar phải rót một phần lớn tiền lương vào quay vòng sản xuất, và nay - với Emilie - họ sẽ có một món hồi môn nửa triệu Reichsmark, dù nói kiểu gì thì vẫn là một khoản vốn sạch sẽ, giải tỏa được khó khăn. Tuy nhiên những đồn đại này đều vô căn cứ, bởi hè năm đó Oskar mê mết vì yêu. Và bởi vì cha Emilie không bao giờ thấy bằng chứng rằng cậu trai sẽ chí thú làm ăn và trở thành một người chồng tốt, mới chỉ một phần nhỏ trong món tiền nửa triệu được chung chi.

Bản thân Emilie rất hân hoan khi thoát được làng Alt-Molstein buồn chán bằng đám cưới với chàng Oskar Schindler đẹp trai. Bạn chí thân của cha cô là ông cha xứ lừ đừ, và thời kỳ trưởng thành của Emilie được đánh dấu bằng việc rót trà cho họ và lắng nghe những ý kiến ngây thơ của họ về chính trị và thần học. Nếu ta vẫn muốn tìm kiếm những mối liên hệ đáng chú ý với người Do Thái, thì thời thơ ấu của Emilie cũng có chút ít - ông bác sĩ trong làng, người chữa bệnh cho bà cô, và Rita, cháu gái của ông bán hàng Reif. Trong một lần đến chơi nhà, cha xứ bảo cha Emilie rằng trên nguyên tắc một đứa trẻ Công giáo mà lại bạn bè với dân Do Thái thì thật không hay. Xuất phát từ sự bướng bỉnh chủ yếu do thay đổi nội tiết tuổi dậy thì, Emilie đã cưỡng lại ý chỉ của vị tu sĩ. Tình bạn với Rita Reif kéo dài đến tận năm 1942, cái ngày Rita bị sĩ quan Quốc xã địa phương hành quyết ngay trước cửa hàng.

Sau khi kết hôn, Oskar và Emilie dọn về một căn hộ ở Zwittau. Với Oskar, thập niên 1930 có lẽ cũng chỉ như hồi kết cho sai lầm huy

hoàng của anh trên vòng đua Altyater mùa hè năm 28. Anh đi nghĩa vụ quân sự cho Quân đội Czechoslovakia và, tuy có cơ hội lái xe tải, thấy chán ghét cuộc sống nhà binh - chẳng phải bởi anh yêu hòa bình mà vì anh thích tiện nghi. Giải ngũ về Zwittau, buổi tối anh lạnh nhạt với Emilie, la cà ở quán cà phê tới khuya như một gã độc thân, tán chuyện với các cô gái không đoan trang và cũng chẳng giống nữ tu. Việc kinh doanh của gia đình phá sản năm 1935; cùng năm đó bố anh ly thân với Frau Louisa Schindler và dọn ra ở riêng. Việc này khiến Oskar ghét bỏ ông, tìm đến uống trà với các bà dì để lên án ông, thậm chí giữa quán cà phê công khai cáo buộc ông đã phản bội một người phụ nữ tử tế. Dường như anh mù quáng không thấy sự tương đồng giữa cuộc hôn nhân đang lung lay của mình và mối quan hệ đổ vỡ của hai đảng sinh thành.

Nhờ quan hệ rộng, ưa thích tiệc tùng, năng khiếu bán hàng và tửu lượng cao, anh vẫn tìm được việc trong thời kỳ Suy thoái, làm giám đốc kinh doanh cho Moravian Electrotechnic. Trụ sở của hãng đóng tại tỉnh lỵ Brno, và Oskar đi lại giữa Brno và Zwittau. Anh thích cuộc đời xê dịch. Đó là một nửa vận mệnh anh từng tự hứa với mình khi vượt mặt Winkler trên chặng đua Altyater.

Khi mẹ anh qua đời, Oskar vội vã trở về Zwittau, đứng bên các dì, em gái Elfriede và vợ anh, Emilie, bên này mộ huyết, trong khi người cha bội bạc đứng một mình - tất nhiên, còn có cha xứ - ở đầu quan tài. Cái chết của Louisa đã thanh hóa mối thù địch giữa Oskar và Hans. Oskar không nhận ra - nhưng những người đàn bà thì có - rằng Hans và anh vốn dĩ là hai anh em, chỉ ngăn cách nhau bằng sự ngẫu nhiên của tình phụ tử.

Từ trước khi tang lễ diễn ra, Oskar đã đeo huy hiệu *Hakenkreuz* của Đảng Người Đức Sudeten do Konrad Henlein làm thủ lĩnh. Emilie và các bà dì tuy không tán thành, nhưng cũng không quá gay gắt với việc này - một điều khá phổ biến trong giới thanh niên Czech gốc Đức hồi đấy. Chỉ có Đảng Dân chủ Xã hội với Đảng Cộng sản là không đeo phù hiệu và không đồng thuận với đảng của Henlein, và có Chúa chứng giám, Oskar không theo Cộng sản cũng chẳng Dân chủ Xã hội. Oskar là anh bán hàng. Khi gặp một tay giám đốc người

Đức, nếu mọi yếu tố đều như nhau, ai đeo phù hiệu sẽ bán được hàng.

Bất chấp cuốn sổ đặt hàng rộng mở và cây bút chì bay múa, Oskar vẫn - trong những tháng trước khi các sư đoàn Đức tràn vào Sudetenland năm 1938 - cảm nhận được một bước dịch chuyển vĩ đại của lịch sử, và bị mê hoặc bởi niềm háo hức được tham dự vào nó.

Dù động cơ của Oskar khi về phe Henlein là gì, có vẻ như ngay khi các sư đoàn tiến vào Moravia, anh đã lập tức bị vỡ mộng với Đảng Quốc xã, một sự vỡ mộng nhanh chóng và triệt để như đã xảy ra sau khi anh thành hôn. Có lẽ anh đã chờ đợi lực lượng chiếm đóng sẽ cho phép thành lập một nước Cộng hòa Sudeten anh em. Trong một tuyên bố sau này, Oskar nói mình kinh hoàng trước cảnh chế độ mới đàn áp người dân Czech, tịch thu tài sản của họ. Hành vi phản kháng đầu tiên được ghi chép lại của anh sẽ xảy ra rất sớm trong cuộc xung đột toàn cầu sắp đến, và không có gì phải nghi ngờ rằng Nhà nước Bảo hộ xứ Bohemia và Moravia, được Hitler khai sinh ở Lâu đài Hradschin tháng Ba năm 1939, đã làm Oskar ngỡ ngàng bằng những biểu hiện sớm của sự tàn bạo.

Bên cạnh đó, hai người Oskar tôn trọng ý kiến nhất - Emilie, và người cha bị ruồng bỏ - đều không bị ảo tưởng về thời khắc Đại Đức quốc, và đều khẳng định Hitler không thể thành công. Kiến giải của họ không sâu sắc, song Oskar cũng chẳng hơn gì. Emilie suy nghĩ giản đơn rằng con người này sẽ bị trừng phạt vì tự biến mình thành Chúa. Còn Herr Schindler cha, quan điểm được một bà di truyền đặt lại cho Oskar, thì căn cứ vào những quy luật lịch sử cơ bản. Ngay ngoài thành Brno là con sông nơi Napoleon đã thắng trận Austerlitz. Và điều gì đã giáng xuống đầu kẻ chiến thắng ấy? Trở thành một kẻ vô danh, trồng khoai tây trên một hòn đảo giữa Đại Tây Dương. Thằng cha này rồi sẽ có số phận tương tự. Vận mệnh, Herr Schindler cha nói, không phải là một sợi thừng vô tận. Nó là một sợi cao su. Càng cố tiến về phía trước bao nhiêu, anh càng bị giật mạnh về điểm khởi đầu bấy nhiêu. Đó là bài học mà cuộc đời, một cuộc hôn nhân thất bại và trận suy thoái kinh tế đã dạy Herr Hans Schindler.

Nhưng có lẽ con ông, Oskar, vẫn chưa trở thành kẻ thù thật sự của chế độ mới. Một tối mùa thu năm ấy, Herr Schindler trẻ dự chiêu đãi tại một viện điều dưỡng trên đồi ở ngoại ô Ostrava, gần biên giới Ba Lan. Nữ chủ nhân là giám đốc viện điều dưỡng, một khách hàng và bạn bè mà Oskar đã kết giao được trên đường làm ăn. Bà giới thiệu anh với một người Đức nhã nhặn tên là Eberhard Gebauer. Họ nói chuyện kinh doanh và dự báo những động thái sắp tới của Pháp, Anh và Nga. Sau đó họ xách theo chai rượu sang một căn phòng trống để, như gợi ý của Gebauer, có thể trò chuyện thẳng thắn hơn. Tại đây Gebauer tự nhận mình là sĩ quan trong lực lượng tình báo *Abwehr* của Đô đốc Canaris và ngỏ lời mời người bạn rượu mới làm việc cho Cục Đối ngoại của *Abwehr*. Oskar có thói làm ăn sang tận Ba Lan, khắp Galicia và Thượng Silesia. Liệu anh có đồng ý cung cấp tin tình báo quân sự ở khu vực này cho *Abwehr* không? Gebauer nói, qua người bạn chủ nhân bữa tiệc, ông ta biết Oskar là người thông minh và quảng giao. Với tài năng ấy, anh có thể tận dụng không chỉ những quan sát của bản thân về cách bố trí quân sự và công nghiệp ở khu vực, mà còn của bất kỳ người Ba Lan gốc Đức nào anh ngẫu nhiên tuyển mộ được từ nhà hàng, quán bar hay qua những cuộc giao dịch làm ăn.

Một lần nữa, phe bảo chữa cho chàng Oskar trẻ tuổi sẽ nói rằng anh đồng ý làm việc cho Canaris vì, là tình báo viên của *Abwehr*, anh được miễn quân dịch. Đây quả là một phần đáng kể trong tính hấp dẫn của lời đề nghị. Nhưng chắc hẳn khi đó anh vẫn tin vào tính chính đáng của việc Đức tiến quân vào Ba Lan. Cũng như viên sĩ quan thanh mảnh ngồi uống rượu trên giường với mình, Oskar chắc vẫn tán thành công việc của quốc gia, dù không thích cách điều hành của nó. Đối với Oskar, ở Gebauer có lẽ có sự quyến rũ về đạo đức, vì ông ta và các đồng nghiệp ở *Abwehr* tự xem mình là nhóm tinh hoa Cơ Đốc giáo chính trực. Dù điều đó không ngăn trở việc họ lên kế hoạch xâm lược Ba Lan, nó khiến họ khinh bỉ Himmler và SS, lực lượng mà họ ngạo mạn tin rằng, là địch thủ của mình trong việc kiểm soát linh hồn Đức.

Sau này, một cơ quan tình báo rất khác sẽ đánh giá các báo cáo của Oskar là đầy đủ và đáng ca ngợi. Trong các chuyến công cán

Ba Lan cho *Abwehr*, anh đã bộc lộ tài năng moi tin từ người khác, đặc biệt là trong các cuộc giao tế - tại bàn ăn, bên ly cocktail. Chúng ta không biết chính xác nội dung hay tầm quan trọng của thông tin mà Oskar thu thập cho Gebauer và Canaris, nhưng từ đây anh đã đem lòng yêu thích Cracow, và khám phá ra rằng nó tuy không phải là một đại đô thị công nghiệp, nhưng lại là một thành phố Trung cổ thanh nhã, với một vành đai các nhà máy luyện kim, dệt và hóa chất bao quanh.

Về phần quân đội chưa được cơ giới hóa của Ba Lan, mọi bí mật của nó đều rành rành ra đó.

(16) Tomáš Masaryk và Edvard Beneš, hai tổng thống đầu tiên của Czechoslovakia độc lập.

(17) Người Đức Sudeten.

(18) Tương đương kỳ thi tốt nghiệp trung học. Ở Áo, người muốn vào đại học phải vượt qua kỳ thi này.

(19) Tên gọi các đội hành quyết của lực lượng SS, chịu trách nhiệm chính về các vụ thảm sát người Do Thái.

(20) Do vấn đề ngôn ngữ nên vào cuối thế kỷ 19 Đại học Prague được tách ra làm hai trường, một nói tiếng Đức và một nói tiếng Czech.

(21) Bộ giáo lý cổ của người Do Thái.

CHƯƠNG 2

Cuối tháng Mười năm 1939, hai hạ sĩ quan trẻ người Đức bước vào showroom của hãng J. C. Buchheister and Company trên phố Stradom, Cracow, đòi mua vài súc vải đắt tiền để gửi về nhà. Viên thư ký người Do Thái đứng quầy, ngực đính ngôi sao vàng, giải thích rằng本店 không bán lẻ mà chỉ cung cấp cho nhà máy may và bán buôn cho các cửa hàng. Hai người lính không bị thuyết phục. Đến khi thanh toán, họ chột nhả đưa ra một tờ tiền giấy Bavaria năm 1858 và một tấm ngân phiếu lưu hành ở Vùng Quản hạt của Quân đội Đức năm 1914. “Tiền xịn đấy,” một người bảo tay thu ngân Do Thái. Đó là hai thanh niên trai tráng đã dành cả mùa xuân và mùa hè cho việc thao luyện, và đầu thu vừa mang đến cho họ một chiến thắng dễ dàng cùng mọi đặc quyền của những kẻ chinh phục một thành phố ngọt ngào. Người thu ngân bằng lòng giao dịch và tiễn họ ra khỏi cửa hàng trước khi vào sổ trên máy tính tiền.

Sau đó cùng ngày, viên quản lý sổ sách kế toán trẻ người Đức, một nhân viên được tổ chức có cái tên gọn ghẽ là Quỹ Tín thác Đông phương chỉ định tiếp quản và điều hành các doanh nghiệp Do Thái, tạt qua cửa hàng. Đây là một trong hai nhân viên người Đức được giao phụ trách Buchheister. Người đầu tiên là Sepp Aue, viên quản lý, một người đàn ông trung niên, không tham vọng, và người thứ hai là gã thanh niên hăm hở này. Anh ta kiểm tra sổ sách và hộp thu ngân, rồi nhặt ra tờ tiền vô giá trị. Cái này là sao, tờ giấy bạc âm phủ này?

Người thu ngân Do Thái tường trình lại sự việc; tay quản lý sổ sách cáo buộc ông ta đánh tráo tiền zloty thật bằng hai tờ bạc cổ. Sau đó cùng ngày, tại nhà kho ở tầng trên của hãng Buchheister, gã hăm hở nọ báo cáo với Sepp Aue và nói họ cần báo *Schutzpolizei*⁽²²⁾.

Cả Herr Aue lẫn viên kế toán trẻ đều biết, điều này sẽ dẫn đến việc người thu ngân sẽ bị tổng vào nhà tù SS trên phố Montelupich. Viên kế toán trẻ cho rằng như thế sẽ làm đám nhân viên Do Thái còn lại ở Buchheister sáng mắt ra. Nhưng ý tưởng này làm Aue

phiền lòng, vì ông ta cũng có một bí mật khó nói - bà ông ta cũng là người Do Thái, dù chưa ai phát hiện ra chuyện này.

Aue cử một cậu bé giúp việc báo tin cho viên kế toán ban đầu của công ty, một người Ba Lan gốc Do Thái tên là Itzhak Stern, đang cúm nghỉ ở nhà. Là một sự bổ nhiệm nặng tính chính trị, Aue có ít kinh nghiệm về kế toán. Ông ta muốn Stern đến văn phòng để xử lý vụ bế tắc quanh mấy súc vải. Cậu bé đưa tin vừa đi đến nhà Stern ở Podgórze thì thư ký của Aue bước vào và thông báo có một Herr Oskar Schindler đang đợi bên ngoài, nói rằng mình có hẹn. Aue bước ra phòng ngoài và thấy một người đàn ông trẻ, cao lớn, điềm tĩnh như một con chó ngao, đang bình thản hút thuốc. Họ đã gặp nhau ở bữa tiệc đêm qua. Oskar tới dự cùng một cô gái Sudeten gốc Đức tên là Ingrid, đang là *Treuhänder*, tức quản lý, ở một công ty kim khí Do Thái, cũng giống như Aue đang là *Treuhänder* ở Buchheister. Họ là một cặp đặc biệt cuốn hút, Oskar và cô nàng Ingrid này, yêu nhau thật tình, sành điệu, có nhiều bạn bè trong *Abwehr*.

Herr Schindler có nguyện vọng gây dựng sự nghiệp ở Cracow. Dệt may? Aue gợi ý. “Không chỉ có quân phục. Thị trường nội địa Ba Lan đủ lớn và đủ trượt giá cho tất cả chúng ta. Ngài có thể xem qua Buchheister nếu thấy hứng thú,” ông ta khuyến khích Oskar, không biết rằng đến hai giờ chiều mai mình sẽ hối hận vì sự hữu hảo bỗng ngột này.

Schindler nhìn ra có thể Herr Aue đã nghĩ lại về lời mời này. Nếu như không phiền, Herr *Treuhänder*, Oskar gợi ý...

Herr Aue đáp không đâu và dẫn Schindler đi xuyên nhà kho và qua một khoảng sân đến xưởng dệt, nơi từng súc vải khổng lồ vàng óng đang được kéo ra từ máy dệt. Schindler hỏi viên *Treuhänder* có gặp khó khăn gì với người Ba Lan không. Không, Sepp đáp, họ hợp tác thôi. Có hơi sốc một tí. Nói cho cùng, đây cũng không hẳn là một nhà máy đan dượt.

Ở Schindler toát ra khí phách của một người quen biết rộng rõ ràng đến nỗi Aue không nhin nổi buông ra vài câu thăm dò. Herr

Schindler có quen biết ở bên Ủy ban Quân giới không? Tướng Julius Schindler chẳng hạn. Khéo hai vị lại là bà con.

Có hay không thì có khác gì đâu, Herr Schindler khéo léo hóa giải câu hỏi (thực tình hai người không có họ hàng gì). So với nhiều người thì ông ấy còn khá chán, Oskar nói.

Aue tán thành. Nhưng ông ta sẽ chẳng bao giờ được ăn tối hay cộng ly với tướng Schindler; khác biệt là ở chỗ đó.

Trên đường quay lại văn phòng, họ gặp Itzhak Stern, viên kế toán người Do Thái của Buchheister, đang ngồi đợi trên ghế do thư ký của Aue mang cho, vừa xì mũi vừa ho sù sụ. Ông đứng dậy, áp hai tay lên trước ngực, đôi mắt tròn xoe dõi theo hai kẻ chinh phục lại gần, đi qua mặt mình, bước vào văn phòng. Tại đây Aue mời Schindler một ly rượu, rồi xin lỗi, để Oskar lại bên lò sưởi, và ra ngoài nói chuyện với Stern.

Stern rất gầy, và ở ông toát ra một vẻ khô khan trí giả. Ông vừa có phong thái của một học giả Talmud, vừa giống một trí thức Âu châu. Aue kể cho ông nghe chuyện tay thu ngân với hai hạ sĩ quan nọ, và phỏng đoán của viên kế toán trẻ người Đức. Ông ta lấy trong két ra hai tờ giấy bạc: tờ Bavaria 1858, và tờ 1914. “Tôi nghĩ chắc ông đã hình thành một thủ tục kế toán để xử lý tình huống này,” Aue nói. “Chuyện này gần đây chắc hẳn xảy ra thường xuyên ở Cracow.”

Itzhak Stern cầm lấy hai tờ bạc và sẫm soi. Quả thực tôi đã xây dựng một quy trình cho việc này, ông trả lời Herr *Treuhänder*. Không hề mỉm cười hoặc nháy mắt, ông đến bên lò sưởi ở cuối phòng và thả hai tờ bạc vào đó.

“Tôi bỏ những giao dịch này khỏi mục lỗ-lãi, và ghi vào mục “hàng mẫu miễn phí,” ông nói. Có rất nhiều hàng mẫu miễn phí từ tháng Chín trở lại đây.

Aue thích tác phong gọn gàng, tinh rụi của Stern với hai vật chứng nọ. Ông ta bật cười, đọc thấy trên gương mặt gầy gò của viên kế toán những phức tạp của chính Cracow, chất lọc lõi địa phương của một thành phố nhỏ. Những bài ấy chỉ dân bản xứ mới thuộc. Ở phòng trong, Herr Schindler đang đợi, rất cần thông tin từ người bản xứ.

Aue đưa Stern vào phòng giám đốc gặp Herr Schindler, người đang đứng ngắm ngọn lửa, một bình rượu dẹt⁽²³⁾ mở nắp hờ hững trên tay. Ý nghĩ đầu tiên đến với Itzhak Stern là, *Người Đức này thuộc loại không thao túng được*. Aue cũng mang phù hiệu của *Führer* (Quốc trưởng), một chữ thập ngoặc nhỏ, đại khái như người ta đeo phù hiệu câu lạc bộ xe đạp. Nhưng chiếc huy hiệu to bằng đồng bạc của tay Schindler cao lớn này thì phản chiếu ánh lửa trên nền men sứ đen. Nó, cùng với khí phách sang trọng của người đàn ông trẻ này, càng thêm phần đại diện cho nỗi khổ ải mùa thu của Stern, trong thân phận một người Do Thái Ba Lan cảm cúm.

Aue giới thiệu hai người. Tuân thủ sắc lệnh do Toàn quyền Frank ban hành, Stern thông báo: “Tôi phải cho ngài biết, thưa ngài, tôi là người Do Thái.”

“À,” Herr Schindler gầm gừ đáp. “Tôi là người Đức. Thế là ta biết nhau rồi nhé.”

Quý hóa quá, Stern gần như kín đáo lẩm bẩm sau chiếc mũi soa sưng nước. *Vậy thì bãi bỏ sắc lệnh đi*.

Chẳng là trên cổ Itzhak Stern - dù Trật tự Mới ở Ba Lan mới bước sang tuần thứ bảy - đã tròng vào không chỉ một mà nhiều sắc lệnh. Hans Frank, Toàn quyền Ba Lan, đã khởi xướng và ký ban hành sáu sắc lệnh hạn chế, cho viên Khâm sứ, Tiến sĩ Otto Wächter, một *Gruppenführer* (tương đương Thiếu tướng) SS, thực thi. Bên cạnh việc phải khai báo nguồn gốc của mình, còn phải mang một loại chứng minh thư có vạch vàng để phân biệt. Hội đồng Lập pháp chỉ vừa cấm việc giết mổ động vật theo luật Do Thái và áp dụng lao động cưỡng bức đối với người Do Thái được ba tuần khi Stern đứng ho trước mặt Schindler. Và khẩu phần chính thức của Stern, với địa vị một *Untermensch* (tiện dân), chỉ bằng nửa của người Ba Lan không có gốc Do Thái, đối tượng cũng chịu chung quy chế *Untermensch*.

Cuối cùng, theo một sắc lệnh ngày 8 tháng Mười một, việc kê khai nhân khẩu Do Thái tại Cracow đã được bắt đầu và buộc phải hoàn thành trước ngày 24.

Stern, với nếp tư duy thâm trầm và điềm đạm, biết rằng những sắc lệnh sẽ còn tiếp diễn, sẽ còn hạn chế cuộc sinh tồn của mình hơn nữa. Hầu hết người Do Thái ở Cracow đều chuẩn bị tâm lý cho một cơn lũ sắc lệnh như thế. Đời sống của họ sẽ bị gián đoạn - nông dân ở các làng bị lừa lên thành phố để xúc than, trí thức bị bắt về nông thôn để đào củ cải. Rải rác đây đó sẽ có những vụ thảm sát, giống ở Tursk - khi một đơn vị pháo binh SS bắt dân làng lao động cả ngày trên cầu, đến khi trời tối thì lừa họ vào giáo đường của làng rồi xả súng. Thỉnh thoảng sẽ có những biến cố như thế. Nhưng tình hình rồi sẽ lắng xuống, chủng tộc này rồi sẽ sống sót bằng cách van nài, bằng cách mua chuộc nhà cầm quyền - đó là một biện pháp cổ xưa, vẫn hiệu nghiệm từ thời Đế chế La Mã, và sẽ lại hiệu nghiệm. Cuối cùng thì chính quyền dân sự vẫn cần đến họ, đặc biệt là tại một quốc gia mà cứ mười một người lại có một người Do Thái.

Stern, tuy vậy, không thuộc nhóm người lạc quan. Ông không nghĩ rằng các quy định sẽ sớm dừng lại ở một mức sàn có thể đàm phán được về độ khắc nghiệt. Vì đây là thời kỳ đặc biệt đen tối. Thế nên tuy không rõ ngọn lửa sắp tới sẽ khác biệt thế nào về tính chất cũng như độ nóng, ông đã thừa phần uất về tương lai để nghĩ, *Quý hóa quá, Herr Schindler ạ, mấy cử chỉ bình đẳng hào phóng vật của ngài.*

Đây, Aue giới thiệu Itzhak Stern, là cánh tay phải của Buchheister. Ông ấy quen biết rất rộng trong giới kinh doanh Cracow.

Stern không có tư cách gì để tranh cãi với Aue về điều này. Tuy vậy, ông tự hỏi liệu viên *Treuhänder* có trên gấm thêu hoa quá lớn với ông khách quý chăng.

Aue xin phép rút lui.

Còn lại một mình với Stern, Schindler hạ giọng nói ông sẽ rất biết ơn nếu viên kế toán có thể chia sẻ những gì mình biết về một số doanh nghiệp sở tại. Để thăm dò Oskar, Stern gợi ý có lẽ Herr Schindler nên trao đổi với những quan chức của Quý Tín thác.

“Một lũ kẻ cắp,” Herr Schindler thản nhiên đáp. “Lại còn quan liêu nữa. Tôi muốn được tự do chút đỉnh.” Ông nhún vai. “Bản chất tôi là một nhà tư bản và tôi không thích bị kiểm soát.”

Vậy là Stern và nhà tư bản tự phong bắt đầu nói chuyện. Và Stern quả là một mỗ quan hệ; hình như ông có bạn bè hoặc người thân trong mọi nhà máy tại Cracow - dệt, may, bánh kẹo, đồ gỗ, cơ khí. Herr Schindler rất ấn tượng và rút từ túi ngực ra một phong bì. “Ông biết công ty Rekord không?” Ông hỏi.

Itzhak Stern biết. Nó đang phá sản, ông nói. Trước đây nó sản xuất đồ tráng men. Từ khi phá sản một số máy ép kim loại đã bị tịch thu, giờ nhà máy cơ bản là rỗng ruột, chỉ vận hành - do một người bà con của chủ cũ quản lý - với một phần nhỏ công suất. Em trai ông, Stern cho biết, đại diện cho một công ty Thụy Sĩ, một trong những chủ nợ chính của Rekord. Stern biết mình được phép hé lộ niềm tự hào huynh đệ ở một mức độ thấp, rồi lại hạ thấp nó. “Họ quản lý chỗ đó rất kém,” Stern nói.

Schindler thả chiếc phong bì vào lòng Stern. “Đây là bảng cân đối kế toán của họ. Ông thử nhận xét xem.”

Itzhak nói tất nhiên Herr Schindler nên tham khảo những người khác nữa. Tất nhiên, Oskar đáp. Nhưng tôi đánh giá cao ý kiến của ông.

Stern đọc nhanh bản báo cáo; rồi sau đó ba phút nghiên cứu, bỗng cảm thấy một sự im lặng kỳ lạ trong căn phòng và ngẩng lên, thấy cặp mắt Herr Oskar Schindler đang chăm chú nhìn mình.

Lẽ tự nhiên, những người như Stern có một năng khiếu cổ xưa giúp họ đánh hơi thấy người Goy⁽²⁴⁾ chính trực, có thể sử dụng như một vật giảm chấn hoặc phần nào như một nơi ẩn náu trước sự tàn bạo của kẻ khác. Đó là bản năng tìm ra một ngôi nhà an toàn, một chốn nương náu tiềm năng. Và từ giờ trở đi, triển vọng Herr Schindler có thể trở thành một nơi trú ẩn sẽ tô điểm cho cuộc đối thoại, theo cách những hứa hẹn yêu đường mơ hồ, đầu mảy cuối mắt tô điểm cho cuộc trò chuyện của một đôi trai gái tại một bữa tiệc. Đó là một ý tưởng mà Stern nhận thức được rõ ràng hơn là Schindler, và ông không dám nói gì lộ liễu vì sợ tổn hại mối liên hệ mong manh ấy.

“Mối này hoàn toàn tốt,” Stern nói. “Ông có thể nói chuyện với em tôi. Và, tất nhiên, sắp tới còn có thể có các hợp đồng quân sự...”

“Chính xác,” Herr Schindler khẽ nói.

Bởi gần như sau khi Cracow thất thủ, thậm chí trước khi cuộc vây hãm Warsaw kết thúc, Tổng cục Quân giới đã được thành lập tại vùng Đức thuộc, với nhiệm vụ ký hợp đồng với các nhà sản xuất phù hợp để cung cấp thiết bị quân giới. Một nhà máy như Rekord có thể cho ra lò bộ đồ ăn cá nhân và đồ bếp dã chiến. Đứng đầu Tổng cục Quân giới, Stern biết, là Julius Schindler, một thiếu tướng của *Wehrmacht*. Không rõ ngài thiếu tướng có họ hàng gì với Herr Oskar Schindler không? Stern hỏi. Không, tôi e rằng không, Schindler đáp, nhưng như thể muốn Stern giữ bí mật về sự không-họ-hàng ấy.

Trong mọi tình huống, Stern nói, dù chỉ sản xuất cầm chừng thì doanh thu của Rekord cũng được hơn nửa triệu zloty một năm, còn máy ép kim loại và lò luyện thì có thể mua tương đối dễ dàng. Tất cả phụ thuộc vào nguồn vốn Herr Schindler có thể tiếp cận.

Đồ tráng men, Schindler nói, gần với chuyên môn của tôi hơn là dệt. Trước tôi kinh doanh máy nông nghiệp, nên có hiểu biết về kỹ thuật ép hơi nước các thứ.

Dần dà Stern đã hết thắc mắc vì sao một doanh nhân Đức lịch lãm lại muốn trao đổi với ông về cơ hội làm ăn. Những cuộc gặp gỡ như vậy từng diễn ra suốt chiều dài lịch sử của chủng tộc ông, và khó lòng giải thích chúng chỉ bằng mục đích giao dịch làm ăn thông thường. Ông tiếp tục trình bày cặn kẽ hơn, hướng dẫn cho Schindler việc Tòa án Thương mại sẽ xác định mức phí cho thuê dài hạn nhà máy phá sản. Cho thuê dài hạn với điều khoản mua đứt - như thế hay hơn làm *Treuhänder*. Là *Treuhänder*, anh chỉ là người quản lý, và hoàn toàn chịu sự kiểm soát của Bộ Kinh tế.

Stern thấp giọng rồi đánh liều nói ra: “Rồi ông sẽ biết mình bị hạn chế về diện nhân công được phép thuê...”

Schindler thấy thú vị. “Làm sao ông biết những chuyện này. Về những mục tiêu tối hậu ấy?”

“Tôi đọc thấy trên tờ *Berliner Tageblatt*. Người Do Thái vẫn được phép đọc báo tiếng Đức.”

Schindler tiếp tục cười, vươn tay ra, và để nó hạ xuống vai Stern. “Thật vậy à?” ông hỏi.

Thật ra, Stern biết vì Aue nhận được một chỉ thị của Quốc vụ khanh Bộ Kinh tế Eberhard von Jagwitz, phác họa các chính sách sẽ được thực thi nhằm Aryan hóa các doanh nghiệp. Aue đã giao cho Stern làm bản tóm tắt chỉ thị này. Von Jagwitz cho biết, một cách buồn rầu hơn là giận dữ, rằng sẽ có sức ép từ các cơ quan khác của chính phủ và của đảng, chẳng hạn như RHSA của Heydrich, Văn phòng Trung ương về An ninh Đế chế, đòi hỏi Aryan hóa các doanh nghiệp không chỉ về sở hữu mà còn cả từ khâu quản lý lẫn nhân công. Các *Treuhänder* phải đào thải nhóm lao động Do Thái lành nghề càng sớm càng tốt - mặt khác tất nhiên phải luôn bảo đảm duy trì sản xuất ở mức độ đạt yêu cầu.

Sau cùng Herr Schindler nhét lại tập báo cáo của công ty Rekord vào túi ngực, đứng dậy, và dẫn Itzhak Stern ra đến văn phòng lớn. Họ dừng chân một lúc, giữa đám thư ký và nhân viên đánh máy, trở nên triết lý, một sở thích của Oskar. Chính tại đây, Oskar nêu vấn đề Thiên Chúa giáo có nền tảng từ Do Thái giáo, một đề tài không rõ vì đâu, thậm chí có thể vì tình bạn thời thơ ấu với anh em nhà Kantor ở Zwittau, làm ông hứng thú. Stern hồi đáp một cách nhỏ nhẹ, cặn kẽ, hiểu biết. Ông từng có bài đăng trên các tạp chí về tôn giáo so sánh. Oskar, người vẫn làm tưởng mình là triết gia, đã đụng phải chuyên gia. Stern, vị học giả, bị một số người cho là hủ nho, nhận thấy hiểu biết của Oskar còn nông cạn, một bộ óc trời sinh sáng láng nhưng thiếu kỹ năng tư duy siêu hình. Nói vậy không có nghĩa là Stern muốn phê phán. Một tình bằng hữu tréo ngoe đã được thiết lập vững vàng. Thành thử Stern bỗng thấy mình thuận miệng đưa ra một sự liên tưởng, giống như cha Oskar năm xưa, đến các đế chế trước kia, và nêu lập luận của mình lý giải tại sao Adolf Hitler không thể thành công.

Nhận định ấy buột ra khỏi miệng Stern trước khi ông kịp rút lại. Các nhân viên Do Thái khác trong văn phòng cúi gằm mặt và chú mục công việc của mình. Schindler không có vẻ gì là phật ý.

Gần cuối cuộc nói chuyện, Oskar nói ra một điều lạ thường. Thời buổi này, ông nhận xét, thật khó cho nhà thờ khi phải đi rao giảng cho con chiên rằng Đức Chúa Trời đoái đến cái chết của cả một con sẻ nhỏ. Ông chẳng muốn làm tu sĩ chút nào, Herr Schindler nói, vào

thời buổi này, khi mạng người giá trị không bằng một bao thuốc lá. Stern tán thành những gợi ý, trên tinh thần của cuộc đàm luận, rằng điển tích trong Kinh Thánh mà Herr Schindler vừa dẫn có thể đúc kết lại bằng một câu kinh Talmud nói rằng, “Cứu một mạng người cũng là cứu cả nhân loại”.

“Tất nhiên, tất nhiên,” Oskar Schindler nói.

Itzhak, dù đúng hay sai, vẫn luôn tin rằng chính vào giây phút đó, ông đã gieo đúng hạt giống xuống luống cày.

(22) Cảnh sát địa phương.

(23) Hip flash, loại bình kim loại, mỏng dẹt và hơi cong, để đeo bên hông hoặc bỏ túi áo.

(24) Cách người Do Thái gọi những người khác tôn giáo.

CHƯƠNG 3

Còn một người Do Thái nữa tại Cracow đã thuật lại chuyện mình gặp Schindler mùa thu năm đó - và suýt nữa định giết ông. Đó là Leopold (Poldek) Pfefferberg. Anh là đại đội trưởng trong Quân đội Ba Lan trong chiến dịch thảm khốc trước đó. Sau khi bị thương ở chân trong trận sông San, anh tập tễnh đi lại trong bệnh viện Ba Lan tại Przemyśl, giúp cứu chữa cho những người bị thương khác. Không phải là bác sĩ, nhưng anh từng là thầy dạy giáo dục thể chất ở trường trung học, tốt nghiệp Đại học Jagiellonian ở Cracow, và vì vậy có ít nhiều kiến thức giải phẫu. Anh là người dẻo dai, tự tin, hai mươi bảy tuổi, thể chất chắc nịch như nệm cối.

Cùng vài trăm tù binh khác, cũng là sĩ quan Ba Lan ở Przemyśl, Pfefferberg đang trên đường sang Đức khi đoàn tàu chở anh dừng chân ở Cracow quê nhà anh, và tù binh bị lừa sang phòng chờ hạng nhất để đợi đến khi có phương tiện chuyên chở mới. Nhà anh cách đó chỉ mười dặm nhà. Đối với một thanh niên thực tế, thật đáng giận khi ta không thể đi ra phố Pawia rồi bắt chuyến tàu điện số 1 về thẳng nhà. Tên lính *Wehrmacht* quê kệch đứng canh cửa trông như một sự khiêu khích.

Trong túi ngực của Pfefferberg có giấy chứng nhận của lãnh đạo bệnh viện Đức ở Przemyśl ký, cho phép anh tự do đi lại trong thành phố cùng đoàn xe cứu thương để săn sóc người bị thương của cả hai bên. Hình thức tờ giấy hết sức trang trọng, được đóng dấu và ký tên cẩn thận. Anh lấy nó ra, đi lại chỗ tên lính, gí vào mặt gã.

“Có biết đọc tiếng Đức không” Pfefferberg gặng.

Dĩ nhiên, để chơi trò này, anh phải biết cách. Anh phải trẻ; anh phải tỏ ra thuyết phục; anh phải duy trì một phong thái tự tin rất đặc trưng Ba Lan, không bị thất bại chóng vánh vừa qua làm suy giảm một điều được phổ biến vào hàng ngũ sĩ quan Ba Lan, kể cả các thành viên Do Thái hiếm hoi, từ tầng lớp quý tộc đông đảo của nó.

Tên lính gác chớp mắt. “Tất nhiên là biết,” gã nói. Nhưng sau khi nhận tờ giấy, gã cầm nó không khác gì một người mù chữ - như cầm một lát bánh mì. Pfefferberg giải thích bằng tiếng Đức rằng tờ

giấy này cho phép anh ra ngoài chăm sóc người bệnh. Tất cả những gì gã thấy chỉ là một ma trận những con dấu. Một tờ giấy oách ra trò. Bằng một cái hất đầu, gã chỉ ra phía cửa.

Pfefferberg là hành khách duy nhất trên chuyến tàu điện số 1 sáng hôm đó. Còn chưa đến sáu giờ sáng. Người soát vé thu tiền của anh mà không thắc mắc gì, bởi trong thành phố vẫn còn nhiều binh sĩ Ba Lan chưa được *Wehracht* xử lý. Các sĩ quan phải đến trình báo, có thể thôi.

Chuyến xe lượn quanh Barbakan, xuyên qua cổng thành cổ, đi xuôi Floriańska xuống Nhà thờ St. Mary, băng qua quảng trường trung tâm, và trong năm phút đã đến phố Grodzka. Gần tới căn hộ của cha mẹ mình ở số 48, giống như hồi nhỏ, anh nhảy xuống trước khi xe dừng bánh, để đà của cú nhảy cộng hưởng với cỗ xe đem mình đáp xuống khung cửa với một tiếng huých khế.

Sau khi bỏ trốn, anh sống không đến nổi khổ sở lắm ở nhà bạn bè, thi thoảng tạt về thăm nhà ở 48 phố Godzka. Các trường học Do Thái mở cửa lại được một thời gian ngắn - tất cả sẽ bị đóng cửa sau sáu tuần - anh thậm chí đã đi dạy trở lại. Tin rằng phải mất một thời gian Gestapo⁽²⁵⁾ mới đi tìm mình, anh đăng ký nhận sổ khẩu phần. Anh bắt đầu thanh lý đồ trang sức - của mình và bán hộ người khác - ngoài chợ đen thường hoạt động ở quảng trường trung tâm Cracow, dưới cổng vòm của Sukiennice và hai ngọn tháp lệch nhau của Nhà thờ St. Mary. Các giao dịch diễn ra chóng vánh, giữa người Ba Lan với nhau, nhưng giữa người Ba Lan gốc Do Thái là chính. Sổ khẩu phần của họ, đầy tem phiếu hủy trước hạn, chỉ cho họ lĩnh suất thịt bằng hai phần ba và suất bơ bằng nửa công dân gốc Aryan, trong khi tem phiếu ca cao và gạo bị cắt *hoàn toàn*. Thế nên chợ đen, đã hoạt động qua hàng thế kỷ chiếm đóng và vài thập niên tự trị của Ba Lan, vừa là nguồn thực phẩm và thu nhập, vừa là phương tiện phản kháng thuận tiện nhất cho tầng lớp thị dân khả kính, đặc biệt là những đứa con đường phố như Leopold Pfefferberg.

Anh xác định mình sẽ sớm theo đường trượt tuyết vòng qua ngả Zakopane trên dãy Tatras, và băng qua dải đất hẹp của Slovakia để sang Hungary hoặc Rumania. Anh đã sẵn sàng cho lộ trình này: anh từng là thành viên của đội trượt tuyết quốc gia Ba Lan. Ở tầng cao

của giá để đồ trên nóc lò nướng trắng men ở căn hộ của mẹ anh, anh giấu một khẩu súng lục xinh xắn cỡ 22 - vừa là vũ khí cho cuộc đào tẩu dự kiến, vừa phòng khi Gestapo ập đến khi anh đang ở trong nhà.

Với món đồ chơi bóng ốp ngọc trai này, Pfefferberg suýt nữa đã giết chết Oskar Schindler vào một ngày giá rét tháng Mười một, khi Schindler, mặc vét hai hàng cúc, ve cài huy hiệu Quốc xã, quyết định đến gặp bà Mina Pfefferberg, mẹ Poldek, để đặt hàng. Ông vừa được Sở Nhà đất của Đế chế cấp một căn hộ đẹp và tân thời trên phố Straszewskiego. Trước đây nó thuộc sở hữu của một gia đình Do Thái họ Nussbaum. Các quyết định tái định cư kiểu này được thực thi mà không có bất kỳ hình thức bồi thường nào cho chủ cũ. Cái ngày Oskar gõ cửa, chính bà Mina Pfefferberg cũng đang lo điều này sẽ đến với căn hộ của mình trên phố Grodzka.

Về sau một số bạn bè của Schindler khẳng định - tuy không kiểm chứng được rằng Oskar đã tìm đến nơi ở mới tại Podgórze gia đình Nussbaum vừa mất nhà và trao cho họ một khoản tiền gần 50.000 zloty để bồi thường. Người ta bảo rằng với số tiền này cả nhà Nussbaum đã mua được lối thoát sang Nam Tư. Năm mươi ngàn zloty thể hiện một sự bất phục tùng mạnh mẽ, nhưng từ lúc này cho đến Giáng sinh, Oskar sẽ còn nhiều hành động bất phục tùng tương tự. Thực ra, một số bạn bè sẽ nói rằng hào phóng là cái tật của Oskar, một chứng cuồng, một trong những đam mê của ông. Tiền ông thường cho tài xế taxi thường gấp đôi tiền xe. Nhưng cũng cần phải nói rằng, ông xem hành động của Sở Nhà đất là bất công, và đã nói như vậy với Stern, ngay vào mùa thu chói lọi nhất của chế độ, chứ không đợi đến khi nó gặp khó khăn.

Dù gì đi nữa, bà Pfefferberg không hề biết người Đức cao lớn, phục sức đắt tiền nọ xuất hiện trước cửa nhà mình làm gì. Hẳn ta có thể đến tìm con bà, người tình cờ đang ở trong bếp. Cũng có thể hẳn đến tịch thu căn hộ của bà, việc kinh doanh nội thất của bà, chỗ đồ cổ của bà, và tám trăm Pháp của bà nữa.

Trên thực tế, trước lễ Hanukkah vào tháng Mười hai, cảnh sát Đức, theo lệnh của Sở Nhà đất, cũng sẽ tìm đến gia đình Pfefferberg, gõ cửa và đuổi họ, run lẩy bẩy vì rét, ra vỉa hè trên phố

Grodzka. Khi bà Pfefferberg xin quay lên lấy áo khoác, bà bị từ chối; khi ông Pfefferberg toan mở ngăn kéo để lấy một chiếc đồng hồ cổ, ông bị đẩy vào hàm. “Tôi từng chứng kiến nhiều điều tồi tệ,” Hermann Göring nói, “đám lái xe và Gauleiter⁽²⁶⁾ kiểm soát từ việc này nhiều tới mức chúng phải tích lũy được cả nửa triệu.” Tác động của những hành vi thuận tay dặt dề như với chiếc đồng hồ vàng của ông Pfefferberg lên phẩm chất đạo đức của đảng có thể khiến Göring day dứt. Nhưng tại Ba Lan năm đó, sự thiếu minh bạch về nội dung của các căn hộ đã thành phong cách của Gestapo.

Tuy nhiên, khi Schindler lần đầu viếng thăm căn hộ tầng hai của nhà Pfefferberg, họ vẫn đang sống trong pháp phòng tại đây.

Bà Pfefferberg và con trai đang trò chuyện giữa những súc vải và giấy dán tường thì Herr Schindler gõ cửa. Leopold không lo sợ. Căn hộ có hai cửa trước - một cửa cho khách và một cửa bếp, đối diện nhau qua một chiếu nghỉ. Leopold rút vào bếp và theo dõi vị khách qua khe nứt trên cánh cửa. Anh thấy vóc dáng đồ sộ và trang phục sành điệu của người nọ. Anh quay vào phòng khách tìm mẹ. Con có linh cảm hấn là Gestapo. Khi mẹ mời hấn vào qua cửa tiếp khách, con có thể chuồn đi bằng cửa bếp.

Bà Mina Pfefferberg run rẩy. Bà ra mở cửa tiếp khách. Và tất nhiên, bà cũng nghe ngóng động tĩnh ngoài hành lang.

Thật ra Pfefferberg đã giắt súng vào thắt lưng và định xen tiếng động của mình khi thoát đi lẫn vào tiếng động của Herr Schindler khi vào nhà. Nhưng sẽ hơi dại dột nếu rút lui mà không biết gã người Đức này muốn gì. Không loại trừ khả năng anh sẽ phải khử gã, rồi cả gia đình sẽ phải cùng đào tẩu sang Rumania.

Ví thử vận mệnh đã run rủi xui khiến Pfefferberg rút súng ra và bắn, thì cái chết, cuộc đào tẩu và màn báo thù sau đó sẽ được xem là bình thường và thích hợp với bối cảnh lịch sử thời điểm ấy. Herr Schindler sẽ được khốc thương chóng vánh và trả thù nhanh gọn. Và đây, tất nhiên, sẽ là cái kết đột ngột cho mọi triển vọng của Oskar. Và ở Zwittau người ta sẽ hỏi nhau, “Đấy là chồng ai đó thì phải?”

Giọng nói của người Đức làm hai mẹ con Pfefferberg bất ngờ. Nó đầm ấm, nhẹ nhàng, phù hợp cho việc làm ăn, thậm chí dễ nghe. Những tuần qua họ đã quen với ngữ điệu của sắc lệnh và sự tước đoạt tức thời. Giọng người này có vẻ hòa nhã. Như vậy càng đáng sợ hơn. Nhưng cũng kích thích trí tò mò.

Pfefferberg đã chuồn từ bếp vào và giấu mình sau cánh cửa đôi ở phòng khách. Anh nhìn thấy một phần của người Đức nọ. Bà là bà Pfefferberg? người Đức hỏi. Tôi được Herr Nussbaum giới thiệu đến đây. Tôi vừa tiếp nhận một căn hộ trên phố Straszewskiego, và tôi muốn tìm người trang trí lại nội thất.

Mina Pfefferberg giữ người đàn ông ở ngoài cửa. Bà lắp bắp đến mức người con trai thấy tội nghiệp mẹ mình và xuất hiện trên ngưỡng cửa, đã cài khuy áo để che đi khẩu súng. Anh mời vị khách vào nhà, đồng thời khe khẽ trấn an mẹ bằng tiếng Ba Lan.

Lúc này Oskar Schindler xưng tên. Hai bên trải qua màn thăm dò, vì Schindler có thể nhìn ra sự xuất hiện của Pfefferberg là một hành vi bảo vệ nguyên thủy. Schindler biểu hiện sự tôn trọng bằng cách nói chuyện thông qua người con trai như qua một phiên dịch.

“Vợ tôi sắp từ Czechoslovakia sang,” ông nói, “và tôi muốn trang trí lại căn hộ cho hợp với cô ấy.” Ông nói nhà Nussbaum chăm sóc ngôi nhà rất tốt, nhưng họ ưa đồ đặc trưng trọng và thích màu trầm. Thảm mĩ của bà Schindler thì sinh động hơi - Phá một chút, Thụy Điển một chút.

Bà Pfefferberg đã trấn tĩnh đủ để đáp rằng bà không biết nữa - độ này đang vào mùa Giáng sinh bận rộn. Leopold có thể nhận ra ở bà một sự ngần ngại bản năng trong việc phát triển một nhóm khách hàng người Đức; nhưng có lẽ người Đức là chủng tộc duy nhất vào thời buổi này có đủ tự tin vào tương lai để nghĩ đến việc thiết kế nội thất. Và bà Pfefferberg cần một mối làm ăn tốt - chồng bà vừa mất việc và giờ đang làm việc lĩnh đồng lương rẻ mạt ở phòng nhà đất của Gemeinde, Văn phòng phúc lợi Do Thái.

Sau hai phút hai người đàn ông đã chuyện gẫu như bạn bè. Khẩu súng ở thắt lưng Pfefferberg đã được hạ cấp thành vũ khí dự phòng cho tình huống khẩn cấp trong tương lai xa. Chắc chắn bà

Pfefferberg sẽ nhận làm căn hộ của Schindler, kinh phí không phải nghĩ, và sau khi hoàn thành, Schindler ngỏ ý mời Leopold Pfefferberg qua chơi và trao đổi những chuyện khác. “Biết đâu anh có thể tư vấn cho tôi mua hàng hóa địa phương,” Herr Schindler nói, “Như chiếc sơ mi xanh thanh nhã của anh chẳng hạn... nói thực tôi không biết phải tìm loại áo này ở đâu.” Sự ngây thơ của ông chỉ là vờ vĩnh, nhưng Pfefferberg đánh giá cao nó. “Các cửa hàng, anh biết đấy, trống trơn,” Oskar nhẹ nhàng, như một lời gợi ý.

Leopold Pfefferberg thuộc mẫu thanh niên kiếm ăn bằng cách nói thách. “Herr Schindler, loại áo này rất đắt, xin ngài biết cho. Mỗi cái giá hai mươi lăm złoty.”

Anh đã nâng giá lên năm lần. Ngay lập tức, trên mặt Herr Schindler hiện lên một vẻ biết thừa thú vị - nhưng không đến nỗi làm tổn thương tình bằng hữu mong manh này hoặc nhắc Pfefferberg nhớ rằng anh có súng.

“Tôi có thể kiếm được cho ngài mấy cái,” Pfefferberg nói, “nếu ngài cho tôi biết cỡ áo. Nhưng tôi e rằng đầu mối của tôi muốn nhận tiền trước.”

Herr Schindler, vẫn với vẻ biết thừa ấy trong mắt, rút ví đưa cho Pfefferberg hai trăm Reichsmark. Khoản tiền quá đổi hoành tráng và kể cả ở mức giá đã nói thách của Pfefferberg cũng thừa đủ mua áo cho một tá nhà tài phiệt. Nhưng Pfefferberg biết luật chơi và không chớp mắt. “Ngài phải cho tôi số đo nữa,” anh nói.

Một tuần sau, Pfefferberg mang một tá sơ mi lụa đến căn hộ của Schindler trên phố Straszewskiego. Ở đây có một phụ nữ Đức xinh đẹp, được giới thiệu với anh là *Treuhänder* của một công ty kim khí ở Cracow. Sau đó, một tối nọ, Pfefferberg thấy Oskar đi cùng một người đẹp Ba Lan tóc vàng, mắt to. Nếu Frau Schindler là có thật thì bà ta cũng không xuất hiện ngay cả khi bà Pfefferberg đã trang trí xong căn hộ. Bản thân Pfefferberg trở thành một trong những trung gian thường xuyên nhất của Schindler với thị trường hàng xa xỉ - lụa, đồ nội thất, đồ trang sức - đang hồi phát đạt ở thành phố Cracow cổ kính này.

(25) Tên gọi tắt của Geheime Staatspolizei, lực lượng cảnh sát mật của SS.

(26) Chức vụ tương đương Quận trưởng, do Đức Quốc xã đặt ra tại các vùng tạm chiếm.

CHƯƠNG 4

Lần tiếp theo Itzhak Stern gặp Oskar Schindler là một sáng đầu tháng Mười hai. Hồ sơ đăng ký của Schindler đã nộp lên Tòa án Thương mại Ba Lan tại Cracow, nhưng Oskar vẫn có thời gian đến thăm văn phòng của hãng Buchheister và, sau khi đàm đạo với Aue, đứng gần bàn của Stern ở phòng làm việc bên ngoài, vỗ tay, và tuyên bố bằng một giọng chuếch choáng hơi men, “Ngày mai, tất cả sẽ bắt đầu. Cả phố Józefa và Izaaka sẽ biết!”

Ở Kazimierz quả thật có một phố Józefa và một phố Izaaka. Ở ghetto nào cũng có, và Kazimierz vốn là ghetto cũ của Cracow, một thời là hòn đảo được Kazimierz Đại đế cấp cho cộng đồng Do Thái, và nay là một khu ngoại ô nằm lọt giữa khúc quanh của sông Vistula.

Herr Schindler cúi xuống Stern. Stern ngửi thấy hơi thở nồng mùi brandy, và bắn khoản với câu hỏi: *Phải chăng Herr Schindler biết điều sắp xảy ra ở phố Józefa và Izaaka? Hay chỉ thuận miệng nói ra hai cái tên này?* Dù gì đi nữa, trong Stern bỗng trào dâng cảm giác buồn nôn của nỗi thất vọng. Oskar đã huýt gió gọi tới một pogrom⁽²⁷⁾ và ba hoa một cách mập mờ về nó, như để trả Stern về đúng chỗ của mình.

Hôm ấy là ngày 3 tháng Mười hai. Khi Oskar nói “ngày mai,” Stern không hề nghĩ rằng Oskar ám chỉ ngày mùng 4, mà hiểu nó theo nghĩa kẻ say và nhà tiên tri vẫn dùng: như một điều sẽ hoặc cần phải sớm xảy ra. Chỉ vài người có mặt hoặc nghe truyền tai nhau lời cảnh báo lúc say của Herr Schindler là hiểu nó theo nghĩa đen. Một số gói ghém ngay trong đêm và dắt gia đình vượt sông dón vào Podgórze.

Về phần Oskar, ông thấy mình khá mạo hiểm khi loan tin này ra. Ông có được nó từ ít nhất hai nguồn, đều là bạn mới quen. Một là tùy tùng của Cảnh sát trưởng SS, một cảnh sát tên là *Wachmeister* (Trung sĩ) Herman Toffel. Người còn lại, Dieter Reeder, là nhân viên của trùm SD Czurda. Cả hai đều điển hình cho những sĩ quan có lòng khoan dung mà Oskar luôn biết cách đánh hơi ra.

Dù vậy, ông chưa bao giờ khéo nói khi giải thích động cơ của việc thông báo với Stern vào tháng Mười hai ấy. Sau này ông nói rằng trong thời kỳ Đức chiếm đóng Bohemia và Moravia ông đã chứng kiến quá đủ việc tịch thu tài sản của người Do Thái và Czech, cũng như việc cưỡng bức di dời họ khỏi những khu vực ở Sudeten được coi là của Đức, khiến ông chẳng còn chút sốt sắng nào với Trật tự Mới. Việc ông tiết lộ phong thanh cho Stern, hơn hẳn câu chuyện khó bề kiểm chứng về nhà Nussbaum, ít nhiều đã cho thấy điều đó.

Hẳn ông đã hy vọng, như Cộng đồng Do Thái ở Cracow, rằng sau cơn thịnh nộ ban đầu, chế độ sẽ lỏng tay cho họ thở. Nếu tiết lộ thông tin sớm có thể hạn chế phần nào độ tàn khốc của các cuộc càn quét và đột kích của SS trong vài tháng tới thì có lẽ sang xuân đầu óc giới cầm quyền sẽ tỉnh táo trở lại. Nói cho cùng, Oskar và dân Do Thái tự nhủ, Đức vẫn là một dân tộc văn minh.

Tuy nhiên, cuộc xâm lăng của SS vào Kazimierz sẽ khơi dậy ở Oskar một nỗi ghê tởm sâu sắc - tuy chưa tác động quá trực tiếp đến tầng cảm xúc khi ông kiếm tiền, chiều chuộng phụ nữ hay khoản đãi bạn bè, nhưng khi những động cơ của chế độ ngày một lộ rõ hơn, sẽ dẫn dắt, ám ảnh, đe dọa, và nâng ông lên một tầm cao mới. Một phần mục đích của chiến dịch là nhằm vơ vét đồ trang sức và lông thú. Một số trường hợp sẽ bị trục xuất khỏi nhà ở vùng giáp ranh giàu có hơn giữa Cracow và Kazimierz. Ngoài những kết quả thực tế ấy, *Aktion*⁽²⁸⁾ đầu tiên này còn là lời cảnh báo mạnh mẽ với những cư dân đang kinh hoàng của khu Do Thái cũ. Vì mục đích ấy, Reeder cho Oskar biết, một phân đội *Einsatzgruppe* sẽ đổ xuống Stradom và tiến vào Kazimierz, đi cùng xe với quân SS địa phương và cảnh sát khu vực.

Sáu *Einsatzgruppe* đã đến Ba Lan cùng đạo quân chiếm đóng. Cái tên này mang hàm nghĩa phức tạp. Một Cách dịch sát là “Đội đặc nhiệm”. Bản thân chữ *Einsatz* vô định hình này có nhiều sắc thái - của thách đấu, của nhận lời khiêu chiến, của tinh thần hiệp sĩ. Các toán này được tuyển mộ từ *Sicherheitsdienst* (SD; Cơ quan An ninh) của Heydrich. Họ biết phạm vi sứ mệnh của mình rộng. Sáu tuần trước, Thủ lĩnh tối cao của họ đã nói với tướng Wilhelm Keitel rằng, “Ở vùng Đức thuộc, sẽ diễn ra một cuộc đấu tranh quyết liệt vì sự

tồn vong của dân tộc, không bị ràng buộc bởi bất kỳ giới hạn pháp lý nào.” Trong cách hành văn hoa mỹ của cấp trên, những binh lính Einsatz hiểu, cuộc đấu tranh quyết liệt vì sự tồn vong của dân tộc nghĩa là chiến tranh chủng tộc, giống như bản thân chữ Einsatz, Nhiệm vụ Hiệp sĩ Đặc biệt, nghĩa là hòng súng nóng bỏng.

Đội Einsatz được trao sứ mệnh hành động tại Kazimierz tối ấy là quân tinh nhuệ. Họ sẽ nhường cho lực lượng SS làm công ăn lương tại Cracow nhiệm vụ hạ tiện là lùng sục các nhà để tìm nhẫn kim cương và áo khoác viền lông thú. Bản thân họ sẽ tham gia một hoạt động khác, mang tính biểu tượng sâu sắc hơn, với chính những công cụ của văn hóa Do Thái - nghĩa là với những giáo đường cổ xưa của Cracow.

Đã vài tuần họ đợi để triển khai Einsatz, cùng với các đội Sonderkommando SS (Lực lượng đặc biệt) địa phương, cũng được phiên chế trong Chiến dịch Cracow đầu tiên này, và với Trùm Cảnh sát An ninh SD Czurda. Quân đội đã đàm phán với Heydrich và các tướng lĩnh cảnh sát cấp cao hơn về việc duy trì hoạt động đến khi Ba Lan chuyển từ chính quyền quân sự sang dân sự. Nay việc chuyển giao quyền lực đã diễn ra, và khắp Ba Lan các Hiệp sĩ Einsatz và các *Sonderkommando* được bật đèn xanh để, với một nhận thức đúng đắn về lịch sử chủng tộc và sự lãnh tính chuyên nghiệp, tiến vào các ghetto Do Thái cổ xưa.

Ở cuối con phố nơi có căn hộ của Oskar, sừng sững phần tường đá kiên cố của Lâu đài Wavel, nơi Hans Frank cai trị. Để hiểu được tương lai Ba Lan của Oskar, chúng ta phải xem xét mối liên hệ giữa Frank với toán kiêu binh trẻ của SS và SD, rồi giữa Frank với người Do Thái tại Cracow.

Trước hết, Hans Frank không có quyền uy trực tiếp gì với đội quân đặc biệt đang tiến vào Kazimierz. Cảnh sát của Heinrich Himmler, dù hoạt động ở đâu, luôn là kẻ định ra luật lệ. Frank vừa căm ghét quyền lực độc lập của chúng, y vừa bất đồng với chúng trên thực tiễn. Giống mọi đảng viên Quốc xã khác, y ghét cay ghét đắng dân Do Thái và không chịu nổi thành Cracow xinh đẹp vì tầng tầng lớp lớp Do Thái ở đây. Những tuần qua y đã phàn nàn khi thấy chính quyền muốn sử dụng vùng Đức thuộc, đặc biệt là Cracow, với

ưu thế đầu mối đường sắt, làm bãi rác thải Do Thái của các thành phố ở Wartheland⁽²⁹⁾, của Łódź và Poznań. Nhưng y không tin rằng các Einsatzgruppe hay Sonderkommando, bằng những biện pháp hiện thời, có thể tạo nên đột phá. Frank áp ủ niềm tin, từng được Himmler chia sẻ ở một số thời kỳ trong chuỗi biến thiên tâm lý thất thường của “Heini”, rằng phải có một trại tập trung khổng lồ duy nhất cho dân Do Thái, rằng chí ít nó cũng phải bằng thành phố Lublin và vùng phụ cận, thậm chí được cả đảo Madagascar là tốt nhất.

Bản thân người Ba Lan vẫn luôn tin vào Madagascar. Năm 1937, Chính quyền Ba Lan đã cử một phái đoàn đi tìm hiểu hòn đảo sống trâu cách rất xa bờ biển của sự nhay cảm châu Âu của họ. Văn phòng Thuộc địa Pháp, nơi cai quản Madagascar, sẵn lòng thúc đẩy một thỏa thuận giữa hai chính phủ về dự án tái định cư này, vì một Madagascar đầy Do Thái gốc Âu đồng nghĩa với một thị trường xuất khẩu khổng lồ. Bộ trưởng Quốc phòng Nam Phi, Oswald Pirow, từng làm trung gian môi giới giữa Hitler với Pháp về hòn đảo. Thành thử, Madagascar là một giải pháp có lịch sử khả kính. Hans Frank bắt cửa này, chứ không tin vào đám Einsatzgruppe. Bởi những trận càn và tàn sát rời rạc của chúng chẳng thể triệt hạ Cộng đồng tiên dân ở Đông Âu. Trong chiến dịch ở Warsaw, Einsatzgruppe treo cổ dân Do Thái trong các giáo đường của Silesia, phá nát cơ thể họ bằng cách trấn nước, ập vào nhà họ vào tối Sabbath hoặc ngày lễ, cắt lọn tóc thánh, đốt khăn cầu nguyện⁽³⁰⁾, bắt họ dựa tường. Nhưng chẳng ăn thua. Theo Frank, lịch sử đã nhiều lần chứng minh, chủng tộc bị đe dọa sinh sôi nhanh hơn nạn diệt chủng. Dương vật vẫn nhanh hơn súng.

Điều không ai biết - bao gồm các bên tranh luận, từ những gã trai Einsatzgruppe được đào tạo kỹ lưỡng trong thùng xe tải này, đến những gã trai SS ít-tinh-tuyển-hơn trên thùng xe tải nọ, từ những tín đồ dự lễ cầu nguyện tối tại giáo đường, tới Herr Oskar Schindler đang trên đường về nhà ở phố Straszewskiego để chuẩn bị y phục cho bữa tối - điều không ai biết và hiếm nhà hoạch định chính sách nào của Đảng dám hy vọng, là một đáp án về công nghệ sẽ ra đời - một hợp chất hóa học diệt khuẩn, Zyklon B, sẽ thay thế Madagascar trở thành giải pháp.

Có một vụ việc liên quan đến Leni Riefenstahl, diễn viên và đạo diễn cùng của Hitler. Bà ta đến Łódź cùng một đội quay phim lưu động sau khi thành phố thất thủ, và đã chứng kiến một hàng người Do Thái - Do Thái rõ ràng, kiểu để tóc mai dài - bị hành quyết bằng súng máy. Bà ta đi thẳng lên *Führer*, lúc này đang ở Sở Chỉ huy của Cụm tập đoàn quân Nam, và làm ồn lên. Chính thể - vấn đề hậu cần, sức nặng của những con số, rồi yếu tố quan hệ công chúng phải tính đến; tất cả biến Einsatz thành trò cười. Nhưng cả Madagascar cũng sẽ trở nên lố bịch một khi họ tìm ra biện pháp tiêu hao đáng kể số tiện dân của Trung Âu ở các địa điểm cố định, với đầy đủ phương tiện xử lý, nơi không một nhà làm phim thời thượng nào có thể tình cờ bắt gặp.

Như Oskar cảnh báo Stern ở văn phòng của Buchheister, SS đã mang chiến tranh kinh tế đến từng căn nhà ở Jakoba và Izaaka và Józefa. Chúng xông vào các căn hộ, lôi đồ trong tủ ra ngoài, phá khóa bàn viết và bàn phấn. Chúng tước những đồ quý giá khỏi ngón tay và cổ và dây xà tích. Một cô gái bị đánh gãy tay vì không nỡ chia tay tấm áo lông thú; một cậu bé phố Ciemna bị bắn vì muốn giữ lại bộ ván trượt tuyết.

Một số chủ nhân của những đồ vật bị tước đoạt - không biết rằng hoạt động của SS không chịu giới hạn pháp lý nào - sẽ báo cảnh sát. Đâu đó, lịch sử mách bảo họ, sẽ có một sĩ quan cảnh sát còn một chút lương tâm sẽ lúng túng và thậm chí chính đồn vài thành phần vô kỷ luật nọ. Cần phải có cuộc điều tra về vụ cậu bé ở Ciemna và vụ người vợ bị dúi cùi đánh vỡ mũi.

Trong khi SS săn sóc các chung cư, đội Einsatzgruppe tiến về giáo đường có tuổi đời từ thế kỷ 14 ở Stara Bożnica. Đúng như dự kiến, chúng tìm thấy ở đây một giáo đoàn Do Thái truyền thống, để râu, tóc mai và trùm khăn nguyện. Chúng lừa thêm về đây một số thành phần ít Chính thống giáo hơn từ các căn hộ xung quanh, như thể muốn đo phản ứng của hai nhóm với nhau.

Trong số những người bị đẩy qua ngưỡng cửa giáo đường Stara Bożnica, có một tay du đãng là Max Redlicht, kẻ bình thường sẽ chẳng bao giờ bước chân vào một ngôi đền thiêng, và cũng chẳng có ai mời vào.

Họ đứng trước Tủ Thiêng⁽³¹⁾, hai thái cực của một bộ tộc, những người ngày thường sẽ khó chịu trước sự hiện diện của nhau. Một hạ sĩ quan Einsatz mở tủ lấy ra cuộn kinh Torah. Các thành phần đa dạng có mặt tại giáo đường phải lần lượt đi qua và nhỏ nước bọt lên đó. Không ai có thể giả vờ - vết nước bọt trên tấm thư pháp phải rõ ràng.

Nhóm Do Thái Chính thống giáo tỏ ra lý trí hơn nhóm còn lại, những kẻ hoài nghi, tự do, tự nhận mình là người châu Âu. Toán Einsatz thấy rõ những phần tử hiện đại lại chùn bước trước cuốn kinh, thậm chí họ cố nhìn vào mắt chúng như muốn nói, Thôi nào, trò vớ vẩn này đâu xứng với những kẻ hiểu đời như chúng ta. Lực lượng SS đã được huấn luyện rằng cá tính Âu châu của các phần tử Do Thái tự do chỉ là lớp vỏ ngoài da; và tại Stara Božnica, sự chán chường ngựa quen đường cũ của những kẻ để tóc ngắn và mặc quần áo đương thời đã chứng minh điều đó.

Sau cùng, tất cả đều nhỏ, trừ Max Redlicht. Có lẽ đám Einsatzgruppe thấy đây là một khảo nghiệm đáng làm - buộc một kẻ bề ngoài rõ ràng không có đức tin dùng nước bọt để chối bỏ cuốn sách mà trí não hắn xem như một cổ vật dớ dẩn của bộ tộc, nhưng huyết quản vẫn mạch bảo hắn là thiêng liêng. Liệu tên Do Thái này có thoát khỏi sự thuyết phục của dòng máu ngu muội trong hắn không? Hắn có nghĩ thông được như Kant không? Khảo nghiệm là đây.

Redlicht không vượt qua được. Gã phát biểu ngắn gọn. “Tôi đã làm nhiều chuyện. Nhưng chuyện này thì không.” Chúng bắn gã trước, tất cả những người khác sau, rồi châm lửa, đốt tro khung giáo đường lâu đời nhất Ba Lan.

⁽²⁷⁾ Cuộc tàn sát người Do Thái có tổ chức dưới thời Sa hoàng ở Nga.

⁽²⁸⁾ Tiếng Đức, nghĩa là Chiến dịch.

⁽²⁹⁾ Tên một vùng đất của Ba Lan bị Đức sáp nhập trong Thế chiến II.

(30) Người Do Thái có tục để tóc mai dài và trùm khăn khi cầu nguyện.

(31) Tủ đựng kinh Torah của người Do Thái, đặt ở vị trí trang trọng nhất trong giáo đường.

CHƯƠNG 5

Victoria Klonowska, thư ký người Ba Lan, là mỹ nhân ở văn phòng của Oskar, và ông mau chóng có quan hệ tình ái lâu dài với cô. Ingrid, tình nhân người Đức của ông, chắc thừa biết, như Emilie Schindler biết về Ingrid. Bởi vì Oskar chưa bao giờ là một người tình kín đáo. Ông có một nét thành thật trẻ thơ trong tình ái. Chẳng phải là ông thích khoa trương. Chỉ là ông không bao giờ thấy phải nói dối, phải lén vào khách sạn bằng cầu thang hậu, phải khẽ khàng gõ cửa nhà một cô gái lúc nửa khuya. Do Oskar không thực sự tìm cách nói dối đàn bà của mình, họ không có nhiều bài để chơi; những lập luận quen thuộc trong tình yêu thành ra khó nói.

Tóc vàng búi cao trên gương mặt xinh đẹp, quyến rũ, trang điểm đậm, Victoria Klonowska trông giống mẫu phụ nữ hồn nhiên, coi những bất tiện của lịch sử chỉ như sự can thiệp tạm thời vào dòng chảy thật sự của cuộc sống. Giữa mùa thu của những trang phục giản đơn này, Klonowska trông thật lả lơi trong chiếc jacket, áo blouse diềm bèo và váy bó. Thế nhưng cô lại rất quyết đoán, hiệu quả, lanh lợi. Cô cũng theo chủ nghĩa dân tộc, thực tế kiểu Ba Lan. Chính cô về sau đã điều đình với giới chớp bu của Đức để người tình Sudeten của cô được SS thả ra. Nhưng lúc này Oskar có một nhiệm vụ ít mạo hiểm hơn cho cô.

Ông cần tìm một quán bar hoặc quán cabaret ngon nghề ở Cracow để đưa bạn bè đến. Không phải quan hệ làm ăn, không phải đám chớp bu ở Tổng cục Quân giới. Bạn bè thực sự. Một nơi sôi nổi, không có sự xuất hiện của các quan chức trung niên.

Klonowska có biết chỗ nào như vậy không?

Cô phát hiện ra một quán nhạc jazz lý tưởng dưới tầng hầm ở khu phố nhỏ phía Bắc Rynek, quảng trường thành phố. Đây là nơi lui tới ưa thích của giới sinh viên và các giáo viên trẻ ở trường đại học, nhưng chính Victoria thì chưa đến đây bao giờ. Những người đàn ông trung niên từng theo đuổi cô trong thời bình sẽ chẳng bao giờ muốn đến một quán sinh viên. Nếu muốn, anh có thể thuê một hốc tường có rèm che để tụ tập riêng tư dưới sự nguy trang của những

giai điệu mang màu sắc thổ dân. Vì có công tìm ra câu lạc bộ âm nhạc này, Klonowska được Oskar đặt biệt hiệu là “Columbus”. Đường lối của đảng quan niệm nhạc jazz không chỉ suy đồi về nghệ thuật mà còn biểu hiện một thứ thú tính hạ đẳng, đậm chất châu Phi. Nhịp ump-pa-pa của các điệu van thành Vienna mới là nhịp điệu ưa thích của giới SS và các quan chức của đảng, và họ thực sự tránh các câu lạc bộ jazz.

Khoảng Giáng sinh 1939, Oskar tổ chức một bữa tiệc ở câu lạc bộ cho một số bạn bè. Như mọi kẻ có khiếu tạo dựng quan hệ, ông chẳng bao giờ thấy khó khăn khi phải uống với người mình không thích. Nhưng đêm đó thực khách đều là người ông có cảm tình. Hơn nữa, họ đương nhiên đều hữu ích, những nhân vật cấp thấp nhưng không phải là không có ảnh hưởng tại nhiều cơ quan khác nhau của Chính quyền chiếm đóng, và tất cả đều ít nhiều đang chịu cảnh lưu đày kép - không chỉ xa nhà, mà dù ở trong hay ngoài nước, họ đều thấy không thoải mái theo nhiều cách khác nhau dưới chế độ này.

Ví dụ, có một nhân viên địa chính trẻ người Đức ở Sở Nội vụ. Anh ta là người xác định địa giới nhà máy đồ tráng men của Oskar ở Zablocie. Đằng sau nhà máy của Oskar, Deutsche Email Fabrik (DEF), có một bãi đất trống với hai nhà máy liền nhau, một xưởng vỏ hộp và một xí nghiệp máy sợi. Schindler rất hào hứng khi phát hiện ra, phần lớn diện tích đất trống, theo anh địa chính viên này, thuộc về DEF. Viễn cảnh mở rộng sản xuất nhảy múa trong đầu ông. Dĩ nhiên, anh địa chính viên được mời vì anh là người tử tế, dễ nói chuyện, và vì qua anh ông có thể nắm thông tin về cấp phép xây dựng trong tương lai.

Viên cảnh sát Herman Toffel và nhân viên SD Reeder đều có mặt, cùng với một sĩ quan trẻ - cũng làm địa chính, tên là Steinhauser - ở Tổng cục Quân giới. Oskar quen và có cảm tình với họ trong quá trình chạy giấy phép mở nhà máy. Ông thích bù khú với họ. Ông vẫn luôn tin rằng, trừ hồi lộ ra thì cách tốt nhất để cởi nút thắt Gordius⁽³²⁾ của bộ máy quan liêu là nhậu.

Cuối cùng là hai nhân vật ở *Abwehr*. Đầu tiên là Eberhard Gebauer, viên trung úy đã tuyển mộ Oskar vào *Abwehr* hồi năm trước. Thứ hai là Thiếu úy Martin Plathe ở sở chỉ huy của Canaris

tại Breslau. Chính nhờ được Gebauer tuyển mộ mà Herr Oskar Schindler mới phát hiện được Cracow là một thành phố đầy cơ hội ra sao.

Sẽ có một sản phẩm phái sinh từ sự hiện diện của Gebauer và Plathe. Oskar vẫn có tên trong danh sách điệp viên của *Abwehr* và, trong những năm ở Cracow, sẽ tiếp tục thỏa mãn Văn phòng Breslau của Canaris bằng việc cung cấp thông tin về hoạt động của lực lượng SS kinh địch với họ. Gebauer và Plathe sẽ xem việc Oskar mang theo một viên cảnh sát ít nhiều bất mãn như Toffel, và cả Reeder từ SD, như một ân huệ tình báo, một món quà riêng biệt ngoài rượu ngon và bạn hiền.

Tuy không thể biết chính xác mỗi người đã nói gì tối hôm đó, nhưng từ những gì Oskar chia sẻ sau này về từng người, chúng ta có thể tái hiện câu chuyện một cách tương đối hợp lý.

Dĩ nhiên chính Gabauer sẽ là người đề nghị nâng cốc, nói rằng mình không định chúc chính phủ, quân đội hay nguyên thủ, mà sẽ chúc nhà máy đồ tráng men của ông bạn quý Oskar Schindler. Vì nếu nhà máy ăn nên làm ra thì sẽ có thêm nhiều bữa tiệc nữa, tiệc theo phong cách Schindler, những bữa tiệc hoành tráng nhất.

Nhưng sau khi cạn chén, một cách tự nhiên, câu chuyện chuyển sang chủ đề đã khiến mọi cấp chính quyền phải băn khoăn hoặc ám ảnh. Dân Do Thái.

Ngày hôm ấy Toffel và Reeder phải có mặt ở ga Mogilska để giám sát việc đổ bộ dân Ba Lan và Do Thái từ các chuyến tàu chạy về miền Đông. Những người này bị đưa đến đây từ Vùng Lãnh thổ Sáp nhập, những khu vực mới chinh phục trước kia từng là của Đức. Toffel không định phàn nàn về tiện nghi của hành khách trên các toa gia súc của tuyến *Ostbahn*, tuy có ghi nhận rằng trời lạnh. Nhưng chuyên chở người bằng toa gia súc vẫn còn là điều mới mẻ, và các toa cũng chưa đông đến vô nhân tính như sau này. Điều làm Toffel khó hiểu là chính sách đằng sau nó.

Có một tin đồn dai dẳng, Toffel nói, rằng chúng ta đang chiến tranh. Và trong bối cảnh đó, Vùng Lãnh thổ Sáp nhập thiên sinh thuận khiết không thể chấp nhận dăm gã Ba Lan và tới nửa triệu tên

Do Thái. “Toàn tuyến *Ostbahn*,” Toffel nói, “đã bị đảo lộn để tổng chúng đến chỗ ta.”

Hai sĩ quan *Abwehr* lắng nghe, trên mặt phẳng phát nụ cười. Đối với SS, kẻ thù trong nhà có thể là dân Do Thái, nhưng với Canaris kẻ thù trong nhà chính là SS.

SS, Toffel nói, giành toàn quyền sử dụng mạng lưới đường sắt từ ngày 15 tháng Mười một. Nhiều công văn giận dữ của SS gửi giới lãnh đạo Quân đội, theo Toffel, đã qua bàn làm việc của anh ở phố Pomorska, cáo buộc Quân đội không tôn trọng thỏa thuận và chiếm dụng *Ostbahn* quá thời hạn hai tuần. Bỗng nhiên, Toffel hỏi, không phải là Quân đội được ưu tiên năng đầu, và bao lâu tùy thích, trong việc sử dụng đường sắt à? Không thì họ triển khai quân kiểu gì? Toffel hỏi, vẫn uống say sưa. Bằng xe đạp chắc?

Oskar hơi buồn cười khi hai sĩ quan *Abwehr* không bình luận gì. Họ nghi Toffel định bẫy họ chứ không đơn giản là say rượu.

Tay địa chính viên và người đồng nghiệp đến từ Tổng cục Quân giới hỏi thêm Toffel về những chuyến tàu đặc biệt vừa đến Mogilska. Chẳng bao lâu nữa những chuyến hàng này sẽ chẳng còn gì đáng nói: vận chuyển người sẽ trở thành chuyện thường ngày trong chính sách tái định cư. Nhưng vào tối Oskar tổ chức tiệc Giáng sinh, đó vẫn là một điều mới lạ.

“Họ gọi đây là,” Toffel, “*tập trung*. Đó là khái niệm các anh sẽ thấy trong các văn bản. *Tập trung*. Tôi thì gọi đây là một nỗi ám ảnh chết tiệt.”

Chủ quán dọn lên mấy đĩa cá trích với nước sốt. Món cá này đưa cay rất hợp, và trong khi họ ngốn nhiệt tình, Gebauer nói về *Judenrat*, các Hội đồng Do Thái của từng địa phận, được thành lập theo lệnh của Toàn quyền Frank. Ở các thành phố như Warsaw và Cracow, *Judenrat* có hai mươi tư thành viên được bầu ra và chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ mọi mệnh lệnh của chế độ. *Judenrat* ở Cracow mới đi vào hoạt động chưa đầy một tháng; Marek Biberstein, một quan chức khả kính trong hội đồng thành phố, được chỉ định làm Chủ tịch. Thế mà, Gebauer nhận xét, nghe nói họ đã tiếp cận Lâu đài Wavel với một lịch lao động luân phiên cho người

Do Thái. *Judenrat* sẽ cung cấp lực lượng lao động để đào mương, nhà vệ sinh công cộng, và dọn tuyết. Các vị có thấy như thế là quá ư hợp tác không?

Không hề, kỹ sư Steinhauser của Tổng cục Quân giới nói. Bọn chúng cho rằng việc cung cấp các đội lao động sẽ chấm dứt tình trạng trưng dụng ngẫu nhiên, vốn thường đi kèm với đánh đập và đôi khi là một viên đạn vào đầu.

Martin Plathe nhất trí. Chúng sẽ hợp tác để tránh những điều tồi tệ hơn. Cái này đã thành phương pháp rồi - các vị phải hiểu điều đó. Chúng luôn mua chuộc nhà chức trách bằng cách hợp tác trước rồi đàm phán sau.

Gebauer dường như chủ đích tung hỏa mù cho Toffel và Reeder bằng cách đẩy câu chuyện đi xa hơn, bằng cách tỏ ra say sưa phân tích về dân Do Thái hơn bình thường. “Để tôi kể các vị nghe chữ hợp tác mà tôi muốn nói là gì. Frank thông qua sắc lệnh bắt buộc tất cả dân Do Thái ở vùng Đức thuộc phải đeo ngôi sao. Sắc lệnh mới ra được vài tuần, ở Warsaw có ngay một nhà máy Do Thái cho ra lò hàng loạt sao nhựa giắt được, giá ba zloty một chiếc. Cứ như thế chúng không hiểu bản chất quy định ấy là gì. Như thế đó là phù hiệu của câu lạc bộ xe đạp.”

Sau đó mọi người bèn gợi ý, vì Schindler sản xuất đồ tráng men, ông có thể cân nhắc khả năng ép một ngôi sao tráng men hảo hạng ở nhà máy của mình và bán lẻ qua hàng kim khí do Ingrid bạn gái ông giám sát. Một người nhận xét rằng với dân Do Thái ngôi sao giống như một thứ quốc huy, quốc huy của một đất nước đã bị La Mã tiêu diệt, nay chỉ còn tồn tại trong tâm trí những người Zionist⁽³³⁾. Cho nên có lẽ họ thấy tự hào khi đeo nó.

“Vấn đề là,” Gebauer tiếp, “dân Do Thái không có tổ chức nào để tự cứu mình. Chúng chỉ có kiểu tổ chức để sống-sót-quá-bảo-tổ. Nhưng lần này thì khác. Cơn bão sẽ do SS thực hiện.” Một lần nữa, Gebauer tỏ vẻ, tuy không quá văn hoa, tán thành sự triệt để đầy chuyên nghiệp của SS.

“Thôi nào,” Plathe nói, “cùng lắm thì bọn chúng sẽ bị lừa ra Madagascar, nơi thời tiết còn đẹp hơn Cracow này.”

“Tôi không tin chúng sẽ có cơ hội *trông thấy Madagascar*,” Gebauer nói.

Oskar đề nghị thay đổi chủ đề. Ông là chủ tịch cơ mà?

Thực ra, Oskar đã nhìn thấy Gebauer trao giấy tờ giả để bay sang Hungary cho một doanh nhân Do Thái tại quầy bar của khách sạn Cracovia. Có thể Gebauer đã nhận tiền của người nọ, mặc dù ông ta có vẻ là người quá nhạy cảm về đạo đức để buôn giấy tờ, bán chữ ký và con dấu. Nhưng chắc chắn, bất chấp thái độ trước mặt Toffel, ông ta không phải người căm ghét Do Thái. Những người kia cũng vậy. Vào Giáng sinh 1939, với Oskar, họ đơn giản là một sự giải thoát khỏi đường lối chính thống đầy khoa trương. Sau này, họ sẽ có những tác dụng tích cực hơn.

(32) Có một lời tiên tri rằng người nào có được nút thắt huyền thoại của Gordius, vua xứ Gordium, sẽ cai trị châu Á. Về sau Alexander Đại đế dùng kiếm chém đứt nút thắt này.

(33) Những người Do Thái theo đuổi việc phục hồi Nhà nước Israel.

CHƯƠNG 6

Sự kiện đêm mùng 4 tháng Mười hai đã thuyết phục Stern rằng Oskar Schindler đích thực là mẫu người hiếm hoi nọ - người Goy chính trực. Kinh Talmud có một truyền thuyết về *Hasidei Ummot Ha-olam*, Người Hiệp nghĩa của các Dân tộc. Vào bất kỳ thời điểm nào trong lịch sử, trên thế giới cũng có ba mươi sáu người như vậy. Stern không tin vào nghĩa đen của con số huyền bí này, nhưng thâm tâm ông tin ở truyền thuyết ấy, và ông tin ở tính chính đáng và khôn ngoan của nỗ lực biến Oskar Schindler thành một nơi tị nạn bằng xương bằng thịt.

Oskar cần vốn - thiết bị của nhà máy Rekord đã bị tịch thu một phần, trừ một số ít máy ép kim loại, bồn tráng men, máy tiện và lò luyện. Mặc dù Stern có thể là một nguồn ảnh hưởng tinh thần đáng kể với Oskar, nhưng người giúp ông tìm được vốn vay với những điều kiện tốt chính là Abraham Bankier, chánh văn phòng ở Rekord, người mà Oskar đã chiếm được cảm tình.

Hai người họ - Oskar cao lớn, hào hoa và Bankier thấp lùn, tinh ranh - đi gặp các nhà đầu tư tiềm năng. Theo Sắc lệnh ngày 23 tháng Mười một, tất cả tài khoản và kết an toàn của người Do Thái ở ngân hàng đều bị chính quyền Đức nắm giữ trong các quỹ tín thác cố định, chủ nhân không thể tiếp cận hoặc lãnh lợi tức. Một số doanh nhân Do Thái giàu có và am hiểu lịch sử hơn, có quỹ bí mật bằng tiền mặt. Nhưng họ có thể dự báo, sau vài năm dưới thời Toàn quyền Hans Frank, tiền mặt cũng sẽ thành mạo hiểm; các tài bảo gọn nhẹ - kim cương, vàng, những vật có thể đổi chác - sẽ đáng giá hơn.

Bankier biết một số người quanh Cracow sẵn sàng rút vốn đổi lấy một số lượng sản phẩm cam kết. Thỏa thuận có thể là đầu tư 50.000 zloty để đổi lấy ngân nào đó kí lô xoong chảo một tháng, giao hàng từ tháng Bảy 1940, và kéo dài một năm. Đối với người Do Thái ở Cracow, khi Hans Frank còn ngự trị trong Wavel, đồ bếp còn an toàn và dễ tiêu thụ hơn tiền zloty.

Các bên tham gia hợp đồng - Oskar, nhà đầu tư, và Bankier trong vai trò trung gian - đều ra về tay trắng, một bản ghi nhớ thỏa thuận cũng không có. Hợp đồng hoàn chỉnh không có tác dụng gì, cũng không ai cưỡng chế thi hành được. Không có gì là cưỡng chế được hết. Tất cả chỉ trông vào độ chính xác trong đánh giá của Bankier về nhà sản xuất đồ trắng men đến từ Sudeten này.

Hai bên có lẽ sẽ gặp nhau tại căn hộ của nhà đầu tư ở Nội đô Cracow. Tranh của các danh họa phong cảnh Ba Lan được bà chủ nhà ngưỡng mộ và các tiểu thuyết Pháp được các cô con gái tươi tắn và mỏng manh thường thức sẽ lung linh trong ánh sáng của cuộc giao dịch. Mà cũng có thể nhà đầu tư đã bị tổng cổ khỏi nhà và đang sống ở khu phố nghèo bên Podgórze. Ông ta đã sớm hứng chịu cú sốc - vừa mất nhà và nay đã thành nhân công cho chính doanh nghiệp của mình - tất cả chỉ trong vài tháng, và vẫn còn chưa hết năm.

Thoạt nhìn, có lẽ ta sẽ thi vị hóa câu chuyện nếu nói rằng Oskar không bao giờ bị cáo buộc không tuân thủ những hợp đồng phi chính thức này. Sang năm mới, ông sẽ mâu thuẫn với một nhà buôn Do Thái về lượng sản phẩm người này được nhận từ kho giao hàng của DEF trên phố Lipowa. Và vì chuyện đó mà người này sẽ suốt đời phê phán Oskar. Nhưng bảo Oskar quỵ nợ - thì chưa bao giờ.

Bởi Oskar bản chất là một kẻ trả tiền, người bằng cách nào đó luôn đem lại ấn tượng rằng mình có thể thực hiện những khoản thanh toán vô biên từ những nguồn vô tận. Dù gì đi nữa, trong bốn năm sắp tới, Oskar và những người Đức cơ hội khác sẽ kiếm được nhiều đến mức chỉ những kẻ bị lợi nhuận làm mờ mắt mới không trả được thứ mà cha Oskar hẳn sẽ gọi là món nợ danh dự.

*

Emilie Schindler lên Cracow thăm chồng lần đầu vào năm mới. Bà thấy đây là thành phố thú vị nhất mình từng biết, duyên dáng, dễ chịu, và cổ kính hơn hẳn Brno với những đám mây khói bụi công nghiệp.

Bà cũng ấn tượng với căn hộ mới của chồng. Cửa sổ mặt tiền nhìn xuống Planty, một vòng cung cây xanh duyên dáng chạy quanh

thành phố, theo lối những bước tường thành cũ đã bị phá bỏ từ lâu. Cuối phố sừng sững pháo đài Wavel khổng lồ, còn giữa không gian cổ kính này là căn hộ thời thượng của Oskar. Bà ngắm nghía những thảm và rèm của bà Pfefferberg. Thành công của chồng bà hiển hiện trong chúng.

“Sang đây anh ăn nên làm ra quá,” bà nói.

Oskar biết thực ra bà đang nhắc đến món hồi môn, mà cha bà đã từ chối trả mười hai năm trước, khi lũ khách từ Zwittau về làng Alt-Molstein mách ông rằng con rể ông đang sống và yêu như một chàng trai chưa vợ. Cuộc hôn nhân của con gái ông đã diễn ra theo đúng kịch bản ông hàng lo ngại, và đừng hòng mà ông trả tiền.

Và tuy việc thiếu vắng 400.000 Reichsmark có thay đổi vận may của Oskar chút đỉnh, vị chủ nông trại làng Alt-Molstein không biết rằng điều này đã dẫn vật con ông đến mức nào, khiến tính phòng vệ ở cô càng tăng, và rằng mười hai năm sau, khi điều đó không còn ý nghĩa gì với Oskar nữa, nó vẫn tiếp tục làm Emilie day dứt.

“Mình ơi,” Oskar luôn gầm gừ. “Tôi có bao giờ cần chỗ tiền ấy đếch đâu.”

Quan hệ ngắt quãng của Emilie với Oskar có vẻ điển hình cho một phụ nữ biết chồng mình không và sẽ không chung thủy, nhưng lại không muốn bằng chứng ngoại tình được trưng ra trước mũi mình. Chắc hẳn bà đã giao du ở Cracow một cách thận trọng, tham dự những bữa tiệc nơi bạn bè của Oskar chắc chắn biết rõ sự thật, biết cả tên những người đàn bà khác, những cái tên mà bà không thực sự muốn nghe.

Ngày nọ, một thanh niên Ba Lan - chính là Poldek Pfefferberg, người suýt nữa đã bán chồng bà, nhưng dĩ nhiên bà không biết chuyện này - xuất hiện trước cửa căn hộ với một tấm thảm cuộn tròn trên vai. Đó là một tấm thảm nhập lậu từ Istanbul qua đường Hungary. Pfefferberg đã nhận nhiệm vụ lũng mua nó từ Ingrid, người đã tạm thời dọn ra ngoài khi Emilie đến thăm.

“Frau Schindler có nhà không?” Pfefferberg hỏi. Anh vẫn quen gọi Ingrid là Frau Schindler vì thấy như thế ít sỗ sàng hơn.

“Tôi là Frau Schindler đây,” Emilie đáp, thừa hiểu câu hỏi nghĩa là gì.

Pfefferberg tỏ ra có chút nhậy cảm để che giấu sự tình. Thật ra anh không cần gặp Frau Schindler, tuy đã nghe Herr Schindler kể nhiều về bà. Anh chỉ định gặp Herr Schindler để bàn chuyện công việc.

Herr Schindler không có nhà, Emilie nói. Bà mời Pfefferberg uống nước, nhưng anh vội từ chối. Emilie cũng hiểu điều đó nghĩa là gì. Chàng thanh niên hơi bị sốc trước đời tư của Oskar, và cảm thấy thiếu đàng hoàng nếu ngồi lại uống nước với nạn nhân.

*

Nhà máy Oskar vừa thuê thuộc khu Zablocie bên kia sông, ở số 4 phố Lipowa. Tòa nhà văn phòng nhìn ra đường, có thiết kế hiện đại, và Oskar nghĩ có lẽ sau này ông sẽ dọn về đây, có một căn hộ trên lầu ba vừa khả thi vừa tiện lợi, tuy quang cảnh nơi này nặng màu công nghiệp và không sống động như ở phố Straszewskiego.

Khi Oskar tiếp quản Rekord và đổi tên thành Deutsche Emailwaren Fabrik, nhà máy đang có bốn mươi lăm nhân công, sản xuất đồ bếp với công suất khiêm tốn. Đầu năm mới, ông nhận được những đơn hàng đầu tiên từ Quân đội. Chuyện này không có gì bất ngờ. Ông đã gây dựng quan hệ với những kỹ sư có ảnh hưởng của *Wehrmacht* ở Ủy ban Quân giới thuộc Tổng cục Quân giới của tướng Schindler từ lâu. Ông dự tiệc cùng họ và mời họ ăn tối tại khách sạn Cracovia. Có nhiều ảnh Oskar chụp chung với họ tại những nhà hàng sang trọng, ai nấy đều tươi cười lịch lãm trước ống kính, ai nấy đều cồm no rượu say, các sĩ quan đều lịch lãm trong những bộ quân phục. Một số đã đóng những con dấu cần thiết lên hồ sơ thầu của Oskar, và viết những lá thư tiến cử quan trọng cho tướng Schindler, hoàn toàn vì tình bạn và vì tin tưởng Oskar có nhà máy và có thể giao hàng. Số khác bị lung lạc vì quà cáp, loại quà ưa thích của Oskar dành cho các quan chức - cognac và sâm, trang sức và đồ nội thất và những giỏ thực phẩm đắt tiền. Bên cạnh đó, tất cả đều biết tướng Schindler có quan hệ và rất quý mến nhà sản xuất đồ tráng men cùng họ với mình.

Giờ đây, với thẩm quyền từ các hợp đồng sinh lời lớn của Tổng cục Quân giới, Oskar được phép mở rộng nhà máy. Vẫn còn chỗ. Đối diện sảnh chính và khu văn phòng là hai nhà xưởng lớn. Một phần mặt bằng của nhà xưởng bên trái khi ta từ sảnh bước vào trong nhà máy đã đang phục vụ sản xuất. Tòa còn lại vẫn để trống hoàn toàn.

Ông đặt mua thêm máy móc, một số tại chỗ, một số từ quê nhà. Ngoài nhu cầu của quân đội, còn cả một thị trường chợ đen đói khát chờ ông đáp ứng. Lúc này Oskar biết mình có thể thành đại gia. Đến giữa hè 1940, ông sẽ thuê 250 lao động Ba Lan và phải tính mở thêm ca đêm. Nhà máy máy nông nghiệp của Herr Hans Schindler tại Zwittau khi ấy nên làm ra nhất cũng chỉ có năm mươi người. Cảm giác vượt mặt người cha mình chưa tha thứ thật ngọt ngào.

Trong năm thỉnh thoảng Itzhak Stern sẽ tìm đến Schindler để thu xếp việc làm cho vài thanh niên Do Thái - một trường hợp đặc biệt; một đứa con cô từ Łódź; con gái một viên thư ký ở *Judenrat*. Trong vòng vài tháng, Oskar đã thuê tới 150 lao động Do Thái và nhà máy đã hơi có tiếng tăm là một chốn nương thân.

Năm ấy, cũng như những năm tiếp theo của cuộc Thế chiến, người Do Thái sẽ cố gắng tìm một công việc được đánh giá là cần thiết phục vụ chiến tranh. Vào tháng Tư, Toàn quyền Hans Frank ra sắc lệnh di tản dân Do Thái khỏi Cracow. Đó là một quyết định kỳ lạ vì chính quyền Đế chế vẫn đang di chuyển dân Do Thái và Ba Lan sang vùng Đức thuộc với tốc độ gần mười ngàn người một ngày. Thế nhưng điều kiện tại Cracow, Frank nói với nội các của y, thật đáng hổ thẹn. Y biết có những sĩ quan cấp sư đoàn người Đức phải sống chung tòa nhà với bọn Do Thái. Các sĩ quan cao cấp hơn cũng phải chịu sự lăng nhục đáng hổ thẹn tương tự. Trong sáu tháng tới, y hứa, y sẽ làm Cracow *judenfrei* (sạch bóng Do Thái). Chỉ có tàn dư khoảng năm ngàn tới sáu ngàn lao động lành nghề được lưu lại. Còn lại sẽ bị chuyển đến các thành phố khác trong vùng Đức thuộc, Warsaw hoặc Radom, Lublin hoặc Czystochowa. Dân Do Thái có thể tự nguyện dọn đến thành phố nào mình muốn, miễn là trước ngày 15 tháng Tám. Ai còn ở lại sau ngày đó sẽ bị chở bằng xe tải với một lượng hành lý hạn chế đến bất cứ nơi nào thuận cho nhà

đương cục. Kể từ ngày 1 tháng Mười một, Hans Frank cam kết, người Đức ở Cracow có thể hít thở “bầu không khí Đức trong lành,” và đi lại ngoài đường mà không thấy “lúc nhúc bóng dân Do Thái”.

Năm ấy Frank sẽ không thành công trong việc cắt giảm dân số Do Thái đến mức thấp như vậy, nhưng khi kế hoạch vừa được công bố, trong cộng đồng Do Thái ở Cracow, đặc biệt là nhóm thanh niên, xuất hiện một làn sóng sẵn lòng chứng nhận chuyên môn. Những người như Itzhak Stern, điệp viên chính thức và không chính thức của *Judenrat*, đã lên một danh sách các nhà hảo tâm, những người Đức họ có thể nhờ giúp đỡ. Trong đó có Schindler; và Julius Madritsch, một cựu binh người Vienna đã tìm được cách giải ngũ khỏi *Wehrmacht*, và trở thành *Treuhänder* của một nhà máy sản xuất quân phục. Madritsch nhìn thấy lợi ích từ các hợp đồng của Tổng cục Quân giới và đang tính mở một nhà máy quân phục riêng ở khu ngoại ô Podgórze. Cuối cùng ông còn giàu hơn cả Schindler, nhưng vào *annus mirabilis*⁽³⁴⁾ 1940 ông vẫn đang đi làm thuê. Ông có tiếng là người nhân ái - thế là đủ.

Đến 1 tháng Mười một năm 1940, Frank đã di dời được 23.000 người Do Thái tình nguyện khỏi Cracow. Một số chuyển đến các ghetto mới ở Warsaw và Łódź. Có thể hình dung ra những trống trải ở bàn ăn, những đau buồn ở nhà ga nhưng mọi người đón nhận nó một cách cam chịu, tự nhủ, Ta sẽ phục tùng, và đây sẽ là tội cùng của những gì chúng đòi hỏi. Oskar biết việc này sẽ xảy ra, nhưng, như chính người Do Thái, hy vọng đây chỉ là một sự cực đoan tạm thời.

Đó nhiều khả năng sẽ là năm vất vả nhất đời Oskar - một năm lo gây dựng nhà máy từ một xưởng sản xuất phá sản thành một công ty đáng kể trong mắt chính quyền. Khi tuyết đầu mùa rơi, Schindler nhận thấy và bức bối trước hiện tượng, vào một ngày bất kỳ, có đến trên dưới sáu mươi công nhân Do Thái vắng mặt. Họ bị SS giữ lại trên đường đi làm và trưng dụng để dọn tuyết. Herr Schindler đến thăm anh bạn Toffel tại Tổng hành dinh SS trên phố Pomorska để phàn nàn. Có ngày, ông bảo Toffel, tôi có đến 125 người vắng mặt.

Toffel thú thật. “Anh phải hiểu rằng ở đây có những thằng cha chả quan tâm chó gì đến sản xuất hết. Với bọn ấy bắt Do Thái xúc tuyết

là vấn đề mang tính ưu tiên dân tộc. Cả tôi cũng đếch hiểu... trong đầu chúng đó là một nghi thức quan trọng, bắt Do Thái xúc tuyết. Mà không riêng gì anh, ai cũng dính vụ này.” Oskar hỏi, thế họ có kêu ca không. Có chứ, Toffel nói. Tuy nhiên, anh ta tiếp, một nhân vật tai to mặt lớn ở Phòng Ngân sách và Xây dựng của SS khi ăn trưa ở Pomorska từng nói, nếu tin rằng một tên công nhân Do Thái lành nghề có chỗ trong nền kinh tế của Đế chế thì ta có thể bị quy tội phản quốc. “E rằng anh còn phải chịu đựng vụ xúc tuyết này dài dài, Oskar.”

Trong một khoảnh khắc, Oskar biến thành người yêu nước phần nộ, mà cũng có thể là kẻ trục lợi phần nộ. “Muốn thắng cuộc chiến này,” Oskar nói, “thì phải tổng khur mấy thằng như thế khỏi SS.”

“Tổng khur bọn ấy?” Toffel hỏi. “Anh đùa à, chính mấy thằng con hoang đó làm sếp chứ ai.”

Những cuộc đối thoại như vậy đã biến Oskar thành người cổ xúy cho nguyên tắc chủ nhà máy phải có quyền bắt khả xâm phạm trong việc sử dụng công nhân, còn công nhân phải có quyền đến nhà máy, không bị tạm giữ và bạo hành trên đường đi làm và ngược lại. Trong mắt Oskar, đó không chỉ là nguyên tắc đạo đức mà còn là nguyên tắc kinh doanh. Sau cùng, ông sẽ tuân thủ nó hết mức có thể ở Deutsche Email Fabrik.

(34) Tiếng Latin, nghĩa là “năm của những điều kỳ diệu”.

CHƯƠNG 7

Có những người ở thành phố lớn - Warsaw và Łódź với các ghetto, hay Cracow với cam kết biến nó thành *judenfrei* của Frank - đã về nông thôn để ẩn giữa nông dân. Anh em nhà Rosner, hai nhạc công thành Cracow, những người sẽ biết Oskar rất rõ, ẩn cư tại làng Tynieć. Ngôi làng nằm trên một khúc quanh đẹp đẽ của sông Vistula, với một tu viện dòng Benedict trông xuống làng từ một vách đá vôi. Chốn này, tuy vậy, cũng đủ vô danh cho anh em Rosner. Người Do Thái ở đây chỉ có vài chủ hiệu tạp hóa và thợ thủ công, ít có gì để nói với hai nhạc công hộp đêm. Song nông dân trong làng, bận rộn với sự tẻ nhạt của mùa màng, lại rất phấn khởi khi có nhạc công đến ở chốn này. Hai anh em cũng chỉ dám mong có thế.

Họ đến Tynieć không phải từ Cracow, không phải từ bãi tập kết khổng lồ ngoài vườn bách thảo trên phố Mogilska, nơi đám lính SS trẻ tổng mọi người lên xe tải và thốt ra những lời hứa hời hợt và dối trá rằng hành lý sẽ được dán nhãn đầy đủ và chuyển đến sau. Kỳ thực, họ đến từ Warsaw, khi đang có mối diễn tại nhà hàng Basilisk. Họ ra đi một ngày trước khi Đức khóa chặt ghetto của thành phố - Henry và Leopold và Mancie vợ Henry, và cậu con trai năm tuổi Olek.

Ý tưởng về một ngôi làng ở miền Nam Ba Lan như Tyniec, không xa Cracow quê nhà của họ là bao, đã hấp dẫn hai anh em. Ở đây, nếu tình hình khá lên, họ có thể bắt xe buýt lên Cracow tìm việc. Mancie Rosner, người Áo, mang theo máy khâu, và nhà Rosner mở một tiệm may nhỏ tại Tynieć. Tối đến họ chơi nhạc trong các quán rượu và, ở một làng nhỏ như vậy, trở thành hiện tượng. Dân làng hoan nghênh và ủng hộ những kỳ quan chẳng mấy khi xuất hiện, kể cả Do Thái. Mà trong mọi nhạc cụ, dân Ba Lan lại trọng nhất vĩ cầm.

Tối nọ, một lữ khách *Volksdeutsche* (người Ba Lan nói tiếng Đức) đến từ Poznan có dịp nghe họ trình diễn ngoài lữ quán. Ông ta là quan chức thành phố Cracow, một trong những người Ba Lan gốc Đức mà Hitler ban đầu đã nhân danh để thôn tính xứ sở này. Ông ta bảo Henry rằng Thị trưởng Cracow, *Obersturmbannführer* Pavlu, và cấp phó, nhà trượt tuyết lừng danh Sepp Röhre, sẽ thăm nông thôn

vào mùa thu hoạch, và ông ta muốn bố trí cho hai vị thượng thức một cặp song tầu tài ba như anh em Rosner.

Một buổi chiều, khi những lượn lúa ngủ lơ mơ trên những thửa ruộng tĩnh lặng và hoang vắng như ngày Chủ nhật, một đoàn xe uồn lượn chạy qua Tynieć và lên đồi, dừng lại ở biệt thự của một quý tộc Ba Lan vắng nhà. Ngoài hiên, anh em nhà Rosner bảnh bao chờ sẵn, và khi quan khách đã an tọa ở gian phòng trước đây có lẽ dùng để khiêu vũ, họ được mời trình tấu. Henry và Leopold vừa hưng phấn vừa sợ hãi, trước sự trang trọng mà quan khách của *Obersturmbannführer* Pavlu đã chuẩn bị để nghe họ biểu diễn. Phụ nữ mặc váy trắng và đi găng tay, sĩ quan quân phục chỉnh tề, quan chức vận sơ mi bâu cánh én. Khi người ta đã cầu kỳ như thế, rất dễ làm họ thất vọng. Với người Do Thái, mang đến một thất vọng văn hóa cho chế độ cũng là trọng tội.

Nhưng khán giả mê họ. Đó là một đám đông gemütlich⁽³⁵⁾ điển hình; họ mê Strauss, mê cái diễm lệ của Offenbach và Lehar, của André Messager và Leo Fall. Đến phần biểu diễn theo yêu cầu, họ trở nên ủy mị.

Trong khi Henry và Leopold trình diễn, quan khách uống champagne từ ly thon để cao được mang đến bằng giỏ mây.

Kết thúc phần trình diễn chính thức, hai anh em được đưa xuống chân đồi, nơi nông dân và đội lính hộ tống đoàn xe tụ tập. Nếu có hành vi phân biệt chủng tộc thô bạo nào, nó sẽ diễn ra ở đây. Nhưng một lần nữa, khi leo lên một cỗ xe ngựa và nhìn vào mắt đám đông, Henry biết họ được an toàn. Niềm tự hào của những người nông dân, phần nào có tính dân tộc - anh em Rosner, trong đêm nay, đem lại danh tiếng cho văn hóa Ba Lan - là những gì bảo vệ họ. Cảm giác ấy giống với ngày xưa đến nỗi Henry thấy mình mỉm cười nhìn xuống Olek và Mancie, chỉ chơi cho mình cô, đủ sức mặc kệ tất cả. Quả thực, vào khoảnh khắc ấy, dường như âm nhạc đã mang lại hòa bình cho trái đất.

Kết thúc chương trình, một hạ sĩ quan SS trung niên, có lẽ là một *Rottenführer* - đạo ấy Henry chưa quen với hàm cấp của SS như sau này - tiếp cận khi họ đứng bên cỗ xe ngựa nhận lời khen ngợi

của khán giả. Y gật đầu và hơi mỉm cười. “Chúc hai người một kỳ nghỉ vụ mùa dễ chịu,” y nói, cúi đầu chào, và rút lui.

Hai anh em ngây người nhìn nhau. Ngay khi viên hạ sĩ quan đi khuất, họ không nhìn nổi phân tích hàm ý của y. Leopold quả quyết, “Đó là sự đe dọa.” Nó đã xác thực nỗi sợ họ cảm nhận từ xương tủy từ khi viên chức *Volksdeutsche* đặt vấn đề với họ - rằng vào thời buổi này nổi bật và có gương mặt dễ nhớ là điều không hay chút nào.

Cuộc sống nông thôn năm 1940 là vậy. Cái kết của một sự nghiệp, cái tẻ nhạt của đồng quê, cái chết của nghề nhạc công, cái ngẫu nhiên của những lần hoảng sợ, cái lồi cuồn của đô thành rực sáng tên gọi Cracow. Nơi, nhà Rosner biết, rồi họ sẽ có ngày trở lại.

*

Emilie về quê vào mùa thu, và lần sau khi Stern tới căn hộ của Schindler người bụng cà phê ra đã là Ingrid. Oskar không giấu giếm điểm yếu của mình, và có lẽ không bao giờ nghĩ rằng một Itzhak Stern khổ hạnh lại cần lời biện minh cho sự hiện diện của Ingrid. Tương tự, khi xong tuần cà phê, Oskar mở tủ rượu, đem ra một chai brandy chưa mở, đặt lên mặt bàn giữa hai người, như thể Stern sẽ giúp ông xử nó thật.

Stern đến để trao đổi với Oskar rằng một gia đình (mà chúng ta tạm gọi là nhà C⁽³⁶⁾)) đang lan truyền tin đồn về ông. Ông bố David, và người con Leon C, nói công khai trên phố ở Kazimierz - chưa kể những chốn riêng tư hơn - rằng Oskar là một tên gangster, một gã côn đồ người Đức. Khi truyền đạt những cáo buộc ấy cho Oskar, ông không dùng từ ngữ mạnh đến vậy.

Oskar biết Stern không chờ đợi câu trả lời, mà chỉ muốn truyền đạt tin tức tình báo. Nhưng tất nhiên ông thấy mình vẫn phải trả lời.

“Tôi cũng có thể loan tin về chúng,” Oskar đáp. “Chúng đang cướp trắng của tôi. Nếu muốn ông cứ hỏi Ingrid.”

Ingrid là quản lý của nhà C. Cô là một *Treuhänder* lành tính và, mới ngoài hai mươi, còn thiếu kinh nghiệm thương trường. Người ta đồn chính Schindler đã giúp cô được bổ nhiệm, để chắc chắn một mối bán đồ bếp. Nhà C, tuy vậy, về cơ bản vẫn có thể muốn gì làm

này ở công ty. Nếu họ căm ghét ý tưởng nó bị chính quyền chiếm đóng kiểm soát qua quỹ tín thác thì cũng không ai trách họ được.

Stern thấy tay gạt bỏ đề xuất của Oskar. Ông là ai mà đòi truy vấn Ingrid? Mà có trao đổi với cô cũng chẳng để làm gì.

“Chúng dễ dàng qua mặt Ingrid,” Oskar nói. Họ đến phố Lipowa nhận hàng, sửa hóa đơn ngay tại chỗ và lấy đi nhiều hàng hơn số đã thanh toán tiền. “Cô ấy bảo cứ lấy đi.” họ nói với nhân viên của Schindler. “Ông ấy đã thu xếp với Ingrid.”

Thực ra, người con trai đã tụ tập một đám đông và tố cáo Schindler đã cho SS đánh anh ta. Nhưng câu chuyện mỗi lúc một khác - vụ đánh đập khi thì diễn ra ở nhà máy của Schindler, trong kho chứa đồ, nơi C con bước ra với một mắt bầm và một cái răng gãy. Khi thì nó xảy ra trên phố Limanowskiego và có người chứng kiến. Một người tên F, nhân viên của Oskar và là bạn của nhà C, khẳng định anh ta đã nghe thấy Oskar hầm hầm nện bước trong văn phòng trên phố Lipowa và dọa giết ông bố David C. Sau đó Oskar lái xe xuống Stradom, cướp kết thu ngân của nhà C, nhét tiền đầy túi, bảo họ châu Âu đã có Trật tự Mới, và đánh ông lão David ngay tại văn phòng.

Liệu có khả năng Oskar đã tấn công ông lão David C và đánh ông ta liệt giường? Có thể nào ông đã nhờ bạn bên cảnh sát tấn Leon một trận? Trên một bình diện, cả Oskar và nhà C đều là gangster, bán hàng tấn đồ bếp bất hợp pháp mà không gửi hóa đơn cho *Transferstelle*⁽³⁷⁾, và không sử dụng biên lai *Bezugschein* theo quy định. Ngoài chợ đen, lời lẽ dễ cục cằn và cái đầu dễ nóng. Oskar thừa nhận mình đã giận dữ lao vào cửa hàng nhà C, gọi hai bố con là đồ ăn cắp, và tự đền bù thiệt hại cho mình, từ ngăn đựng tiền, về số đồ bếp mà họ đã tự tiện đem đi. Ông cũng nhận đã đâm cậu con trai. Nhưng sự thừa nhận của Oskar chỉ dừng ở đó.

Và bố con nhà C, mà Stern biết từ thời thơ ấu - họ cũng có tiếng từ lâu. Không hẳn là tội phạm, nhưng ghê gớm trong làm ăn, và, đáng chú ý trong trường hợp này, nổi tiếng giỏi ăn vạ khi bị bắt quả tang.

Stern biết Leon C có bị bầm tím thật. Anh ta phô những vết thương ngoài phở và sẵn sàng kể lể về chúng. Vụ đánh người của SS quả thực đã xảy ra đâu đó, nhưng có thể có cả tá nguyên nhân. Stern không những không tin rằng Oskar đã bắt đầu nhờ vả SS những chuyện như thế, mà còn quan niệm rằng, trong trường hợp này, việc tin hay không tin những gì các bên khẳng định đã xảy ra không liên quan đến những mục tiêu lớn lao hơn của ông. Nó chỉ can hệ nếu Herr Schindler hình thành tập quán bạo lực. Với mục tiêu của Stern, lỗi lầm nhất thời không quan trọng. Nếu Schindler là người toàn thiện thì căn hộ này đã chẳng tồn tại trong hình thức hiện thời, và cũng chẳng có Ingrid đang đợi trong phòng ngủ.

Và còn một điều nữa cần phải khẳng định, là Oskar sẽ cứu tất cả bọn họ - hai vợ chồng Leon C, ông H và cô M, thư ký của ông C bố - và họ sẽ luôn thừa nhận điều này, nhưng họ vẫn luôn cam đoan câu chuyện về những vết bầm là thật.

Hôm đó Itzhak Stern còn mang đến tin Marek Biberstein chịu án tù. Cựu chủ tịch của *Judenrat*, hay đúng ra là chủ tịch đương nhiệm cho đến khi bị bắt, đã bị kết án hai năm tại nhà tù trên phố Montelupich. Tại các thành phố khác *Judenrat* sớm đã bị người Do Thái nguyên rủa, vì chức trách chính của nó là lên danh sách lao động cưỡng bức và đi trại. Chính quyền Đức xem *Judenrat* là công cụ thực thi ý chí của họ, nhưng tại Cracow, Marek Biberstein và nội các vẫn xem mình là bộ giảm chấn giữa một bên là Văn phòng của viên Thị trưởng nhà binh, Schmid và sau là Pavlu, và bên kia là các cư dân Do Thái của thành phố. Trên tờ báo tiếng Đức số ra ngày 13 tháng Ba năm 1940 ở Cracow, một người là tiến sĩ Dietrich Redecker cho biết trong một lần đến Văn phòng *Judenrat*, ông ta bị sốc trước sự tương phản giữa thảm và ghế bọc nhung ở đây với sự bẩn cùng và bẩn thỉu của khu Do Thái Kazimierz. Nhưng những người Do Thái sống sót không nhớ tới *Judenrat* đầu tiên của Cracow như những kẻ xa rời quần chúng. Tuy nhiên, vì tham tăng thu ngân sách, họ đã phạm sai lầm như các *Judenrat* của Łódź và Warsaw trước đó, cho phép người giàu trả tiền để thoát lao động cưỡng bức, buộc người nghèo đi lao dịch để đổi lấy xúp và bánh mì.

Nhưng kể cả về sau, đến năm 1941, Biberstein và hội đồng của ông vẫn nhận được sự tôn trọng của người Do Thái ở Cracow.

Thành phần ban đầu của *Judenrat* gồm hai mươi bốn người, phần lớn là trí thức. Hằng ngày, trên đường tới Zablocie, Oskar vẫn đi qua trụ sở của họ tại Podgórze, nơi chen chúc một cơ sở các phòng ban. Giống mô hình nội các, tại đây mỗi thành viên phụ trách một lĩnh vực khác nhau của chính phủ. Schenker lo việc thuế má, Steinberg quản chuyện nhà đất - nhiệm vụ quan trọng trong một xã hội nơi con người không ngừng trôi dạt, tuần trước còn tính chuyện tị nạn tại một làng nhỏ, tuần này đã quay lại thành phố do chán ngán sự hẹp hòi của đám nông dân. Leon Salpeter, xuất thân dược sĩ, phụ trách một trong các văn phòng an sinh xã hội. Có văn phòng về lương thực, mai táng, y tế, giấy thông hành, kinh tế, hành chính, văn hóa, thậm chí - dù phải đối mặt với lệnh đóng cửa trường học - giáo dục.

Biberstein và hội đồng tin tưởng về nguyên tắc rằng người Do Thái bị trục xuất khỏi Cracow sẽ gặp những kết cục tồi tệ hơn, thành thử họ quyết định trở về với một mưu kế xa xưa: hối lộ. Ngân sách eo hẹp của *Judenrat* dành ra hai trăm ngàn zloty cho mục đích này. Biberstein và Thư ký Phụ trách Nhà ở, Chaim Goldfluss, đi tìm một trung gian, trong vụ này là một gã *Volksdeutsche* tên là Reichert, có quan hệ với SS và chính quyền thành phố. Nhiệm vụ của Reichert là đưa tiền cho một loạt quan chức, bắt đầu bằng *Obersturmführer* (quân hàm SS tương đương Trung úy) Seibert, sĩ quan liên lạc giữa *Judenrat* và chính quyền thành phố. Đổi lại, các quan chức sẽ cho mười ngàn người Do Thái nữa ở lại Cracow, bất chấp sắc lệnh của Frank. Không rõ Reichert đã xúc phạm nhà chức trách khi giữ lại phần trăm quá lớn cho mình và ra giá quá thấp; hay các nhân vật liên quan thấy tham vọng thiết tha của Toàn quyền Frank về một thành phố *judenfrei* khiến việc nhận hối lộ trở nên quá mạo hiểm. Câu hỏi này nhìn vào biên bản phiên tòa không ai trả lời được. Nhưng Biberstein lĩnh án hai năm ở Montelupich, Goldfluss sáu tháng tại Auschwitz. Bản thân Reichert bị xử tám năm. Nhưng tất cả đều biết, gã sẽ dễ thở hơn nhiều so với hai người kia.

Schindler lắc đầu trước ý tưởng đặt hai trăm ngàn zloty vào một hy vọng mỏng manh như thế. “Reichert là đồ vô lại,” ông lầm bầm.

Mười phút trước, họ vẫn đang thảo luận xem ông và bố con nhà C có phải là đồ vô lại không, và đã bỏ lửng câu hỏi ấy. Nhưng Reichert thì khỏi phải bàn. “Đáng lẽ tôi có thể mách họ rằng Reichert là đồ vô lại,” ông nhắc đi nhắc lại.

Stern bình luận - như một triết lý - rằng có những thời kỳ đối tượng duy nhất còn lại để làm ăn là quân vô lại.

Schindler bật cười - một tiếng cười sáng khoái, gần như chất phác. “Cảm ơn ông nhiều lắm, ông bạn,” ông bảo Stern.

(35) Tiếng Đức, nghĩa là thân thiện, nồng nhiệt.

(36) Lý do sử dụng chữ viết tắt ở đây, thay vì một cái họ hư cấu, là do ở Cracow có đủ bộ sưu tập các họ Do Thái tại Ba Lan. Nếu sử dụng bất kỳ cái tên nào thay cho tên thật của nhà C cũng sẽ có thể tổn thương đến hồi ức về một gia đình đã khuất hay những bạn bè còn sống của Oskar. (Chú thích của bản gốc)

(37) Cơ quan giám sát các giao dịch thương mại giữa trong và ngoài ghetto.

CHƯƠNG 8

Giang sinh năm ấy chẳng đến nỗi nào. Nhưng có một nỗi u hoài; tuyết phủ như một câu hỏi ở công viên đối diện căn hộ của Schindler, như một điều gì đó hoang mang, cảnh giác và bất biến trên nóc pháo đài Wavel ở cuối đường và dưới những mặt tiền cổ kính ở phố Kanonicza. Không còn ai tin vào một giải pháp nhanh gọn nữa - kể cả giới nhà binh, người Ba Lan, lẫn người Do Thái ở hai bên bờ sông.

Để làm quà Giáng sinh cho cô thư ký Ba Lan Klonowska, Schindler mua một con chó xù, một tạo vật kỳ dị đậm chất Paris, do Pfefferberg cung cấp. Ông tặng Ingrid đồ trang sức và gửi vài món khác về võ yên Emilie ở Zwittau. Chó xù thì khó kiếm, theo Leopold Pfefferberg. Những trang sức thì đơn giản. Vì thời thế, đá quý là mặt hàng đang lưu chuyển rất nhanh.

Có vẻ như Oskar đã duy trì sự gắn bó đồng thời với ba người đàn bà, và có nhiều mối quan hệ ngắn ngủi sơ sài khác, song không phải hứng chịu những trừng phạt thường đeo đuổi mấy gã đào hoa. Khách khứa đến thăm căn hộ của ông chưa bao giờ gặp Ingrid đang dẫn dỗi. Cô có vẻ là một phụ nữ độ lượng và mát tính. Emilie, người có nhiều cơ sở để phàn nàn hơn, lại quá tự tôn để gây ra những chuyện âm ỉ mà Oskar đáng phải chịu. Nếu Klonowska có âm ức gì, nó dường như không ảnh hưởng đến thái độ của cô tại văn phòng của DEF, hay lòng trung thành của cô với *Herr Direktor*. Dự luận có thể dự đoán rằng sống như Oskar thì các cuộc đụng độ công khai giữa những phụ nữ bức xúc là chuyện bình thường. Nhưng không ai trong số bạn bè và công nhân của Oskar - những nhân chứng sẵn lòng thừa nhận và thậm chí chất lười bỏ qua tội lỗi xác thịt của ông - nhớ đã có cuộc đụng độ đau đớn nào như thế, điều vẫn thường giáng xuống đầu những gã trắng hoa biết kiềm chế hơn Oskar nhiều.

Phỏng đoán, như một số người, rằng ai cũng sẽ bằng lòng với việc sở hữu một phần Oskar sẽ hạ thấp những người phụ nữ liên quan. Vấn đề có lẽ ở chỗ, nếu ai định nói với Oskar về lòng chung

thủy, thì một ánh nhìn ngờ ngác trẻ thơ và thành thật sẽ hiện ra trong mắt ông, như thể họ đang giới thiệu một khái niệm kiểu như Thuyết Tương đối, chỉ có thể hiểu được nếu người nghe chịu ngồi yên và tập trung trong năm tiếng. Oskar không bao giờ có năm tiếng và không bao giờ hiểu.

Trừ trường hợp mẹ ông. Sáng Giáng sinh năm ấy, vì người mẹ đã khuất, Oskar đi dự lễ Trọng ở Nhà thờ St. Mary. Trên ban thờ chính có một khoảng không nơi chỉ vài tuần trước bức phù điêu gỗ⁽³⁸⁾ của Wit Stwosz hãy còn thu hút sự chú ý của giáo dân với một dàn các thiên thần chen chúc. Sự trống trải, màu đá xanh xao của nơi trước kia từng gắn bức phù điêu làm Herr Schindler để ý, và hổ thẹn. Có kẻ đã ăn cắp bức phù điêu. Nó đã được chuyển về Nuremberg. Thế giới này đã trở nên quá sức hoang đường!

Riêng chuyện kinh doanh mùa đông ấy là vẫn ngon lành. Sang năm mới, bạn bè ở Tổng cục Quân giới đề cập với Oskar khả năng mở một xưởng đạn dược để sản xuất đạn pháo chống tăng. Đạn pháo không làm Oskar hào hứng như xoong chảo. Xoong chảo thuộc loại dễ gia công. Chỉ cần cắt kim loại ra, dập, tráng men, nung ở nhiệt độ thích hợp. Không cần căn chỉnh máy móc; đòi hỏi về độ chính xác kém xa sản xuất vũ khí. Và vỏ đạn thì chẳng mua bán lậu cho ai được, mà Oskar vốn thích mua bán lậu - thích cái khoái cảm, cái tai tiếng, cái tiền tươi thóc thật, và cái miễn giấy tờ của nó.

Nhưng vì lợi ích chính trị, Oskar vẫn mở xưởng, cho lắp đặt một cơ sở máy Hilo khổng lồ, để dập khuôn và gia công chính xác vỏ đạn tại công xưởng số 2 của nhà máy. Xưởng đạn dược vẫn còn sơ khai; sẽ mất vài tháng để lên kế hoạch, tính toán và thử nghiệm trước khi ra lò sản phẩm hoàn thiện. Đám máy Hilo, tuy nhiên, ít ra cũng tạo cho việc kinh doanh của Schindler, như một hình thức bảo hiểm trước tương lai khó lường, vẻ ngoài của một ngành nghề thiết yếu.

Trước khi căn chỉnh xong các máy Hilo, Oskar đã nghe được phong thanh từ các đầu mối SS trên phố Pomorska rằng sẽ có ghetto cho dân Do Thái. Ông truyền tin này cho Stern, không muốn gây ra tâm lý hoảng hốt. À có, Stern đáp, có tin đồn ấy thật. Có người còn mong đến ngày đó. Ta sẽ ở trong, kẻ thù ở ngoài. Ta sẽ

được tự quản. Sẽ không còn ai ghen ghét ta, ném đá ta ngoài phố. Ghetto sẽ có tường bao kiên cố. Bức tường sẽ là hình thức cuối cùng, cố định của tai họa.

Sắc lệnh “Gen. Gub. 44/91,” ban hành ngày 3 tháng Ba, được thông báo trên các nhật báo của Cracow và từ các loa phóng thanh lưu động trong Kazimierz. Đi dọc phân xưởng đạn dược của nhà máy, Oskar nghe được bình luận của một kỹ thuật viên người Đức về sự kiện này. “Trong ấy chẳng phải sẽ tốt hơn cho họ ư?” anh ta hỏi. “Dân Ba Lan ghét họ mà.”

Sắc lệnh viện dẫn chính lý do này. Để hạn chế xung đột sắc tộc trong vùng Đức thuộc, chính quyền sẽ quy hoạch một khu dân cư Do Thái biệt lập. Việc đi lại của cư dân bị giới hạn trong phạm vi ghetto, nhưng ai có giấy phép lao động hợp lệ sẽ được ra ngoài đi làm và quay về vào buổi tối. Ghetto sẽ được bố trí ở quận ngoại ô Podgórze, ngay bên kia sông. Thời hạn để vào ghetto là ngày 20 tháng Ba. Sau khi vào, tất cả sẽ được *Judenrat* bố trí chỗ ở. Riêng công dân Ba Lan sống tại khu vực sẽ thuộc về ghetto, do vậy buộc phải di dời, cần đăng ký với sở nhà đất Ba Lan để xin cấp căn hộ ở nơi khác trong thành phố.

Sắc lệnh được ban hành kèm tám bản đồ của ghetto. Phía Bắc sẽ giáp sông, phía Đông với đường sắt đi Lwów, phía Nam với đồi Rekawka, phía Tây với Podgórze. Sẽ đông đúc ra trò. Nhưng lại có một niềm hy vọng rằng từ nay những áp bức sẽ định hình và sẽ cho mọi người căn cứ để lên kế hoạch cho tương lai giới hạn của họ. Đối với người như Juda Dresner, một nhà buôn vải vóc trên phố Stradom, và sau này sẽ biết Oskar, một năm rưỡi qua đã làm ông hoang mang tột độ với một chuỗi những sắc lệnh, những vụ xâm nhập tư gia và tịch biên tài sản. Ông đã mất cơ nghiệp của mình cho Quỹ Tín thác, rồi cả xe lẫn nhà. Tài khoản ngân hàng của ông bị phong tỏa. Trường của con ông bị đóng cửa, mà nếu không thì chúng cũng bị trục xuất khỏi đó. Đồ gia bảo bị tịch thu, cả chiếc radio cũng vậy. Cả gia đình bị cắm đặt chân vào trung tâm Cracow, cấm đi tàu hỏa. Họ chỉ có thể đi toa tàu điện riêng biệt. Vợ, con gái và các con trai ông thỉnh thoảng lại bị lừa đi xúc tuyết hoặc các loại hình lao động bắt buộc khác. Họ không bao giờ biết, khi bị tổng lên thùng xe

tải, mình sẽ vắng mặt lâu hay chóng, và loại sĩ quan điền khùng hơi tí là bóp cò nào sẽ giám sát công việc của họ. Dưới chế độ này, họ cảm thấy đời chẳng còn chỗ nào bầu vịu, và mình đang trượt xuống một hố sâu không đáy. Nhưng có lẽ ghetto chính là đáy, nơi họ có thể bắt đầu bình tâm suy nghĩ.

Ngoài ra, người Do Thái Cracow - bẩm sinh có lẽ là cách miêu tả thích hợp nhất - đã quen với ý niệm ghetto. Và giờ khi sắc lệnh đã ra, chính từ ấy lại mang đến một âm hưởng cổ xưa làm yên lòng người. Khi xưa, cha ông họ cũng không được phép bước ra khỏi ghetto Kazimierz mãi đến tận 1867, khi Franz Josef ký sắc lệnh cho phép họ định cư ở bất cứ đâu trong thành phố. Những kẻ hoài nghi bảo người Áo phải mở cửa Kazimierz, nắm sát Cracow như một cái hốc ở khúc quanh của dòng sông, để lao động Ba Lan tìm được chỗ ở gần nơi làm việc. Nhưng bất kể thế nào, Franz Josef vẫn được thể hệ người già của Kazimierz tôn kính nhiệt thành, như ở gia đình Oskar Schindler thời thơ ấu.

Mặc dù tự do đến muện như vậy, nhưng ở những người già đồng thời lại có một nỗi nhớ tiếc ghetto Kazimierz ngày xưa. Ghetto đồng nghĩa với bần thủ, nhà cửa chật chội, tắm rửa chung chạ, tranh giành cái cọ nhau từng chỗ phơi quần áo. Thế nhưng nó cũng quy tụ người Do Thái về với nét đặc biệt của chính họ, với sự giàu có của trí tuệ tập thể, với ca hát và bàn luận về Zion, khi chen vai thích cánh trong những quán cà phê nếu không sẵn kem sữa thì vẫn đầy ý tưởng. Có những tin đồn đáng sợ đến từ ghetto ở Łódź và Warsaw, nhưng căn cứ vào bản đồ thì ghetto của Podgórze tương đối rộng rãi, vì nếu đặt nó chồng lên bản đồ Trung tâm, ta sẽ thấy ghetto bằng cỡ một nửa khu Thành cổ về diện tích - nói rộng thì không phải, song cũng không đến nỗi ngột ngạt.

Sắc lệnh có một điều khoản có tính an thần khi cam kết bảo vệ dân Do Thái khỏi người Ba Lan đồng quốc. Từ đầu thập niên ba mươi ở Ba Lan đã nổi lên một cuộc đấu tranh chủng tộc có tổ chức. Từ khi Đại suy thoái bắt đầu và giá nông sản sụt giảm, chính quyền Ba Lan đã dung dưỡng một số tổ chức chính trị bài Do Thái và coi Do Thái là nguồn cơn của khó khăn kinh tế. Sanacja, đảng Thanh tẩy Đạo đức của Nguyên soái Pilsudski⁽³⁹⁾, sau khi cha đẻ của nó

qua đời, bèn liên minh với Mặt trận Thống nhất Dân tộc, một đảng cánh hữu ngược đãi Do Thái. Đứng giữa Quốc hội ở Warsaw, Thủ tướng Skladkowski tuyên bố, “Chiến tranh kinh tế với dân Do Thái? Được thôi!” Đáng lẽ cải cách ruộng đất cho nông dân, Sanacja lại khuyến khích họ nhìn các quầy hàng Do Thái ngày phiên chợ như biểu tượng và lời giải thích toàn diện cho sự bần cùng của nông thôn Ba Lan. Hàng loạt vụ thảm sát Do Thái xảy ra ở các thành phố, khởi đầu với Grodno năm 1935. Các nhà lập pháp cũng nhảy vào vòng chiến, và các ngành kinh doanh của người Do Thái chết đói dưới các đạo luật tín dụng mới. Các phường nghề không tiếp nhận thợ thủ công Do Thái, các trường đại học định ra quota, hoặc như họ - với sở trường kinh viện - vẫn gọi là *numerus clausus aut nullus* (số lượng hạn chế hoặc không), với sinh viên Do Thái. Trước áp lực của Đảng Thống nhất Dân tộc, các khoa bố trí ghế bằng riêng trong sân trường cho sinh viên Do Thái và lưu đầy họ sang cánh trái ở các giảng đường. Một chuyện khá phổ biến ở các đại học Ba Lan là những thiếu nữ Do Thái thông minh xinh xắn vừa từ giảng đường bước ra thì dung mạo đã bị hủy dưới nhát dao lam từ tay một thanh niên gầy gò, nghiêm túc thuộc Mặt trận Thống nhất Dân tộc.

Khi vùng Đức thuộc mới thành lập, những kẻ chinh phục đã kinh ngạc trước sự nhiệt tình của dân Ba Lan trong việc chỉ điểm các gia đình Do Thái, giữ chặt một tên Do Thái để tóc thánh cho lính Đức cắt trụi bộ râu Chính thống giáo bằng kéo hoặc bằng lưỡi lê, quá tay rạch luôn da mặt. Thế nên, vào tháng Ba năm 1941, lời cam kết bảo vệ cư dân ghetto khỏi tư tưởng dân tộc cực đoan Ba Lan vang lên bên tai người Do Thái gần như khả tín.

Mặc dù không có niềm hân hoan tự phát nào trong cộng đồng Do Thái ở Cracow khi họ khăn gói dọn vào Podgórze, nhưng lần di cư ấy có những yếu tố giống đến kỳ lạ một sự về nhà, cùng với cảm giác chạm tới giới hạn mà sau đó, với một chút may mắn, họ sẽ không bị ly tán hay đàn áp thêm nữa. Giống đến mức có người từ các làng quanh Cracow, từ Wieliczka, từ Niepolomice, Lipnica, Murowana, Tyniec cũng hồi hải dọn đến vì sợ bị kẹt lại ở ngoài sau ngày 20 tháng Ba giữa một khung cảnh khốn cùng hơn. Bởi ghetto về bản chất, và gần như trong định nghĩa, là chốn có thể nương

thân, cho dù thỉnh thoảng vẫn bị tấn công. Ghetto đại biểu cho sự ổn định, thay vì biến động.

Ghetto sẽ mang đến một bất tiện nho nhỏ trong đời Oskar Schindler. Thường lệ, ông sẽ rời căn hộ sang trọng trên phố Straszewskiego, đi qua khối đá vôi có tên là Wavel, án ngữ trước cửa thành phố như nút bấc trên chai rượu, rồi chạy xuyên Kazimierz, qua cầu Kosciuszko và rẽ trái đến nhà máy tại Zablocie. Giờ thì tuyến đường này đã bị bức tường ghetto chặn lại. Chuyện nhỏ thôi, nhưng khiến ý tưởng duy trì một căn hộ trên tầng thượng của tòa văn phòng ở phố Lipowa thêm phần hợp lý. Khu nhà cũng không tệ, có phong cách kiến trúc của Walter Gropius. Nhiều kính và ánh sáng, lối vào ốp gạch lập phương rất thời thượng.

Mỗi khi đi lại giữa thành phố và Zablocie vào những ngày tháng Ba trước khi đến hạn vào ghetto, ông lại thấy người Do Thái ở Kazimierz đang gói ghém đồ đạc, và trên phố Stradom, vào đầu thời kỳ ân hạn, các gia đình đẩy xe cút kít chất đầy ghế, thảm và đồng hồ thẳng tiến về ghetto. Gia đình họ đã sống ở Kazimierz từ khi đây còn là một hòn đảo ngăn cách với trung tâm thành phố bởi dòng suối tên là Stara Wisła. Đúng ra là từ khi Kazimierz Đại đế mời họ tới Cracow, trong khi, ở nơi khác, họ đang phải gánh tội gây ra Cái chết Đen. Oskar đoán tổ tiên họ cũng đến Cracow như thế, đẩy xe cút kít đầy giường chiếu, hơn năm trăm năm về trước. Giờ đây, họ lại ra đi, xem ra vẫn với những cỗ xe đẩy. Lời mời của Kazimierz đã bị hủy bỏ.

Những sáng có việc đi ngang thành phố, Oskar nhận thấy kế hoạch của chính quyền là tiếp tục cho xe điện chạy dọc phố Lwowska, xuyên qua ghetto. Những đoạn đường đối diện đường tàu được thợ Ba Lan xây cao lên, nơi nào còn trống được xây tường xi măng bít lại. Mặt khác, xe điện sẽ đóng cửa khi vào ghetto và không dừng lại cho đến khi quay về Umwelt, thế giới của chủng tộc Aryan, ở góc phố Lwowska và Św Kingi. Oskar biết kiểu gì người ta rồi cũng sẽ bắt chuyến tàu ấy. Cửa đóng, tàu không dừng, súng máy trên bờ tường - có hề gì? Đó là cổ tạt vô phương cứu chữa của nhân loại. Sẽ có người tìm cách nhảy xuống, một cô hầu gái Ba Lan trung thành ôm bọc xúc xích. Và sẽ có người tìm cách nhảy lên, một

thanh niên nhanh nhẹn, thể thao như Leopold Pfefferberg, túi đựng đầy kim cương hay tiền zloty của vùng Chiếm đóng hay một bức điện mật cho quân kháng chiến. Con người phản ứng trước mọi cơ hội nhỏ nhoi, cho dù nó đến từ bên ngoài, cửa khóa chặt, di chuyển nhanh giữa những bức tường câm lặng.

*

Từ ngày 20 tháng Ba, công nhân Do Thái của Oskar sẽ không được lĩnh lương và phải hoàn toàn sống dựa vào khẩu phần. Thay vào đó ông sẽ phải đóng lệ phí cho Trụ sở SS ở Cracow. Cả Oskar và Madritsch đều lấy thế làm bất an, bởi họ biết rồi chiến tranh cũng sẽ kết thúc và chủ nô lệ, giống như ở Mỹ, sẽ bị lãng nhục và tước đoạt sạch sẽ. Khoản tiền phải nộp cho các trùm cảnh sát là mức phí do Văn phòng Hành chính và Kinh tế của SS quy định - 7,50 Reichsmark một ngày cho một nhân công lành nghề và 5 RM cho lao động thô sơ và phụ nữ. Vậy tức là rẻ hơn giá nhân công trên thị trường tự do. Nhưng với cả Oskar và Julius Madritsch nỗi băn khoăn về đạo đức còn nặng hơn lợi thế kinh tế. Năm đó, trả lương cho công nhân là điều ít khiến Oskar lo lắng nhất. Ngoài ra, ông chưa bao giờ là một nhà tư bản lý tưởng. Thời trẻ, ông thường bị cho trách mắng vì tiêu pha bừa bãi. Từ hồi mới là anh bán hàng, ông đã sở hữu hai ô tô, những mong Hans sẽ biết tin và bị sốc. Ngày nay, tại Cracow ông thừa sức mua đầy một chuồng - một chiếc Minerva của Bỉ, một chiếc Maybach, một chiếc Adler mui trần, một chiếc BMW.

Hoang tàng nhưng vẫn giàu có hơn người cha nghiêm cần của mình - đó là một trong những vinh quang mà Schindler mong muốn trong đời. Vào thời buổi kinh tế bùng nổ, chi phí nhân công chỉ là chuyện vặt.

Với Madritsch cũng vậy. Nhà máy quân phục của Julius Madritsch tọa lạc ở phía Tây ghetto, cách nhà máy của Oskar chừng một dặm. Việc kinh doanh tốt đến mức ông đang đàm phán để mở thêm một cơ sở nữa tại Tarnow. Ông cũng là con cưng của Tổng cục Quân giới, có độ tín nhiệm cao đến mức được vay một triệu zloty từ Ngân hàng Emisyjny⁽⁴⁰⁾.

Cho dù lương tâm có thấy ghê tởm thế nào, cũng ít có khả năng hai doanh nhân, Oskar và Julius, cảm thấy bị đạo đức ngăn cấm thuê thêm lao động Do Thái. Đó là vấn đề lập trường, và bởi họ vốn thực dụng, lập trường không phải là phong cách của họ. Dù gì đi nữa, chính Itzhak Stern và Roman Ginter, doanh nhân và đại diện của Văn phòng Cứu trợ thuộc *Judenrat*, đã tìm đến Oskar lẫn Julius để nài họ thuê người Do Thái, được bao nhiêu tốt bấy nhiêu. Mục đích là tạo cho ghetto giá trị lâu bền về kinh tế. Một quan niệm gần như hiển nhiên trong suy nghĩ của Stern và Ginter thời điểm ấy, là một người Do Thái có giá trị kinh tế, tại một chế độ tăng trưởng bộc phát và đói nhân công trình độ cao, sẽ an toàn trước những điều tồi tệ hơn. Oskar và Madritsch tán thành.

*

Vậy là trong hai tuần, người Do Thái xiêu vẹo đẩy xe cút kít từ Kazimierz qua cầu đi vào Podgórze. Những gia đình trung lưu có người hầu Ba Lan giúp đẩy xe cùng. Dưới đáy xe là những trâm cài áo còn sót lại, áo lông thú, của nả giấu gậm giường, ấm nước và xoong chảo. Người Ba Lan tụ tập trên phố Stradom và Starowislna, dè bĩu và ném bùn. “Bọn Do Thái cút rồi, bọn Do Thái cút rồi. Chào nhé, Do Thái.”

Bên kia cầu, chiếc cổng gỗ cầu kỳ chào đón những công dân mới của ghetto. Màu sơn trắng và họa tiết vỏ sò trên tường khiến nó đậm chất Arabesque. Có hai cổng vòm rộng để xe điện từ Cracow đi vào và đi ra, bên hông là một bức gác sơn trắng. Ở trên cổng vòm, dòng chữ tiếng Hebrew như cổ trấn an. THỊ TRẤN DO THÁI, nó tuyên bố. Hàng rào thép gai chạy dọc mặt trước nhìn ra sông của ghetto, trong khi những đoạn trống được bịt lại bằng những tấm bê tông cao gần ba mét, đỉnh lượn tròn, nhìn như một hàng bia mộ vô danh.

Ở cổng ghetto, đoàn người đẩy xe được đại diện Văn phòng Nhà ở của *Judenrat* đón tiếp. Nếu có vợ và gia đình đông người, anh sẽ được cấp hai phòng và quyền sử dụng bếp. Mặc dù vậy, sau thời kỳ ăn ở tiện nghi thập niên hai mươi và ba mươi, giờ đây thật khốn khổ khi phải chia sẻ cuộc sống riêng tư với những gia đình bất đồng về nghi lễ, khác biệt và khó chịu về mùi vị và nếp sống. Các bà rên rỉ,

còn các ông bảo khéo rồi còn tệ hơn, chất lười và lác đầu. Chung một phòng, nhà Chính thống thấy nhà Tự do thật gớm ghiếc.

Ngày 20 tháng Ba, cuộc di cư hoàn tất. Ai còn ở ngoài đều phải đối mặt với hình phạt và nguy hiểm. Bên trong, tạm thời, vẫn còn đất sống.

Edith Liebgold, hai mươi ba tuổi, được nhận một phòng ở tầng một cùng với mẹ và con nhỏ. Việc Cracow thất thủ mười tám tháng trước đã đẩy chồng cô vào tình trạng gần như tuyệt vọng. Anh bỏ nhà đi lang thang như để tìm kiếm lối thoát cho mình. Anh nói đến chuyện vào rừng, đến chuyện tìm một bãi đất trống an toàn. Và anh không quay về nữa.

Từ cửa sổ cuối phòng, Edith Liebgold có thể nhìn thấy sông Vistula sau hàng rào thép gai, nhưng con đường từ nhà cô đến các khu khác của ghetto, đặc biệt là đến bệnh viện trên phố Wegierska, phải chạy qua Plac Zgody, Quảng trường Hòa bình, quảng trường duy nhất ở ghetto. Tại đây, trong ngày thứ hai sống giữa những bức tường, thiếu đúng hai mươi giây nữa là cô bị bắt lên xe tải của SS đi xức than hoặc tuyết trong thành phố. Việc đội lao động, theo lời đồn, thường trở về ghetto thiếu một vài người so với lúc đi chỉ là một chuyện. Với Edit, đáng sợ hơn cả sự may rủi ấy là việc bị tống lên xe tải khi, chỉ nửa phút trước, cô vẫn đang định đi hiệu thuốc của Pankiewicz, và hai mươi phút nữa cô phải cho con bú.

Thế nên cô cùng các bạn đi đến Văn phòng Việc làm Do Thái. Nếu cô có thể được nhận vào làm ca, mẹ cô sẽ trông em bé vào ban đêm.

Những ngày đầu văn phòng rất đông khách. *Judenrat* nay đã có cảnh sát riêng, *Ordnungsdienst* (hay OD), được mở rộng và biên chế thường trực để duy trì trật tự của ghetto, và một thanh niên đội mũ kêpi, đeo băng tay hướng dẫn mọi người xếp hàng trước cửa văn phòng.

Nhóm của Edith Liebgold chỉ vừa vào đến cửa và đang chuyện trò rôm rả để giết thời gian thì một người đàn ông trung niên nhỏ nhắn mặc complet nâu và đeo cà vạt, tiếp cận cô. Họ có thể nhìn ra ông ta

bị thu hút bởi sự ồn ào và tươi trẻ của họ. Đầu tiên họ tưởng ông ta định à ời Edith.

“Này,” ông ta nói, “thay vì xếp hàng... có một nhà máy tráng men bên Zablocie.”.

Ông ta để cái tên tự gây ấn tượng. Zablocie nằm ngoài ghetto, ông ta tiếp. Các cô có thể đổi chác với công nhân Ba Lan ở đó. Ông ta cần mười phụ nữ khỏe mạnh để làm ca đêm.

Họ làm bộ nhăn mặt, như thể họ vẫn có quyền chọn lựa công việc và thậm chí có thể từ chối. Không vất vả đâu, ông ta đảm bảo. Và họ sẽ dạy nghề cho các cô. Ông ta giới thiệu mình là Abraham Bankier. Ông ta là quản lý. Chủ là người Đức, đương nhiên rồi. Đức loại nào? họ hỏi. Bankier toét miệng cười, như thể đột nhiên muốn đáp ứng mọi hy vọng của họ. Loại không tệ đâu, ông ta nói.

Đêm đó, Edith Liebgold gặp những thành viên ca đêm còn lại của nhà máy tráng men và đi từ ghetto sang Zablocie dưới sự giám sát của một OD Do Thái. Khi đứng trong hàng cô hỏi thăm về Deutsche Email Fabrik. Xúp ở đây nhiều cái lắm, họ nói. Có bị đánh không? Cô hỏi. Chỗ này không phải loại ấy đâu, họ đáp. Không như nhà máy dao cạo của Beckmann đâu; giống chỗ Madritsch hơn. Madritsch là người tốt, và Schindler cũng vậy.

Ở cổng vào nhà máy, nhóm công nhân ca đêm mới được Bankier gọi ra khỏi hàng và đưa lên tầng, đi qua một dãy bàn trống, đến trước cánh cửa có dòng chữ HERR DIREKTOR. Edith Liebgold nghe thấy một giọng nói trầm ấm mời họ vào. Họ thấy *Herr Direktor* đang ngồi ở góc bàn, hút thuốc. Mái tóc ông, đầu đó giữa màu vàng và nâu nhạt, nhìn như mới chải; ông mặc một bộ vét hai hàng cúc, thắt cà vạt lụa. Trông ông đích thị là người sắp đi dự tiệc tối, nhưng đã đặc biệt nán lại để nói vài lời với họ. Ông rất cao lớn; ông vẫn còn trẻ. Giữa một cơn ác mộng sặc mùi Hitler, Edith chờ đợi một bài giảng về nỗ lực thời chiến và nâng cao năng suất.

“Tôi muốn chào mừng các bạn,” ông nói tiếng Ba Lan. “Các bạn là một phần trong kế hoạch mở rộng nhà máy.” Ông nhìn đi chỗ khác; không khéo ông còn nghĩ, *Đừng bảo họ rằng - họ chẳng có vai trò gì ở đây.*

Thế rồi, không nháy mắt, không mào đầu, không nhún vai để giảm nhẹ tính tuyệt đối trong câu nói, ông bảo họ: “Làm việc ở đây, các bạn sẽ an toàn. Nếu làm ở đây, các bạn sẽ sống sót qua chiến tranh.” Ông chào tạm biệt và cùng họ rời văn phòng, cho phép Bankier giữ họ lại ở đầu cầu thang, để *Herr Direktor* có thể xuống trước và ngồi vào sau vô lăng.

Lời hứa làm họ choáng váng. Nó như lời hứa của Chúa. Người trần sao có thể nói ra một lời hứa như vậy? Nhưng Edith Liebgold thấy mình tin ngay lập tức. Không hẳn vì cô muốn tin; cũng không phải vì nó là một sự dễ dàng, một lời khích lệ táo bạo. Mà bởi khi *Herr Schindler* thốt lên lời hứa ấy, ông không cho cô lựa chọn nào khác, ngoài tin.

Nhóm công nhân mới nhận hướng dẫn công việc trong cơn ngầy ngật. Như thể một bà lão digan gàn dở chẳng cần lợi lộc gì vẫn tiên đoán họ sẽ lấy một chàng bá tước làm chồng. Lời hứa đã thay đổi vĩnh viễn kỳ vọng của Edith Liebgold vào cuộc sống. Giả sử họ có bắt cô thật, có lẽ cô sẽ đứng đó và phản đối, “Nhưng *Herr Direktor* đã bảo điều này không thể xảy ra.”

Công việc không đòi hỏi trí óc. Edith dùng một cây gậy dài, đầu có móc để đem bình đã tráng men đến lò luyện. Khi làm việc cô luôn tâm niệm lời hứa của *Herr Schindler*. Chỉ người điên mới hứa những lời tuyệt đối như thế. Hứa không chớp mắt. Nhưng ông không điên. Bởi ông là một doanh nhân có bữa tiệc tối phải đi. Thế tức là ông biết. Nhưng thế nghĩa là ông có thiên nhãn, có liên hệ sâu xa với quỷ thần, hay gì đấy tương tự. Có điều, ngoại hình của ông, bàn tay đeo nhẫn vàng mặt ấn, không phải là bàn tay của đáng tiên tri. Đây là tay của một tửu đồ; bàn tay nơi ta có thể mơ hồ cảm thấy những vuốt ve thâm kín. Và thế là cô lại trở về với ý nghĩ rằng ông bị điên, bị say, với những cách giải thích huyền bí, với ma thuật mà *Herr Direktor* đã dùng để gieo vào cô một niềm tin xác quyết.

Những vòng suy nghĩ luẩn quẩn tương tự sẽ nảy sinh vào năm đó và những năm tiếp theo trong đầu những ai nhận được lời hứa bốc đồng ấy của Oskar Schindler. Một số sẽ ý thức được cái hệ quả không ai nói ra. Nếu con người này sai lầm, nếu ông ta tùy tiện sử dụng quyền lực để đưa ra lời phán quyết, thì nghĩa là chẳng có

Chúa, có lòng nhân đạo, có bánh mì, có cứu khổ cứu nạn gì hết. Chỉ còn, dĩ nhiên, may rủi, và xem ra vận may không đứng về phía họ.

(38) Nguyên văn: triptych, phù điêu hoặc bình phong gồm ba bức, một chính và hai cánh hai bên.

(39) Chính khách, tướng lĩnh và nhà độc tài trên thực tế ở Ba Lan, mất năm 1935.

(40) Ngân hàng do Đức thành lập, hoạt động tương tự như một ngân hàng trung ương ở vùng Đức thuộc.

CHƯƠNG 9

Mùa xuân ấy, Schindler rời nhà máy tại Cracow, lái chiếc BMW về phía Tây, băng qua biên giới và những cánh rừng xuân đang tỉnh giấc quay lại Zwittau. Ông phải về thăm Emilie, các bà dì và chị gái. Họ đã về phe ông chống lại cha mình; tất cả đã chăm nom ngọn lửa tử vì đạo của mẹ ông. Nếu như có sự tương đồng nào giữa nỗi thống khổ của bà và của Emilie thì Oskar Schindler - mặc áo khoác ve lông thú, vê vô lăng thừa riêng bằng đôi tay đi găng da dê non, vừa châm thêm một điếu thuốc thơm Thổ Nhĩ Kỳ trên con đường đang tan băng dài ngút mắt của vùng Jeseniks - cũng không nhận ra. Một đứa trẻ không có nghĩa vụ nhận ra những điều này. Cha ông là thánh và thước đo dành cho ông phải khắt khe hơn.

Ông thích đến thăm các dì - thích cách các bà giơ tay lên trời ngưỡng mộ đường may bộ vét của ông. Em gái ông cưới một viên chức hỏa xa và sống trong một căn hộ tiện nghi được ngành đường sắt cấp cho. Chồng cô là một nhân vật quan trọng ở Zwittau, vì thị trấn này là ga đầu mối, có nhiều kho hàng lớn. Oskar uống trà với vợ chồng em gái, rồi làm vài ly rượu hoa quả. Giữa họ mơ hồ không khí chúc tụng lẫn nhau: anh em nhà Schindler đã lớn lên không đến nỗi nào.

Tất nhiên, chính em gái Oskar là người săn sóc Frau Schindler trong những ngày tháng bệnh tật cuối đời và nay đang là người vẫn bí mật đến thăm nom cha họ. Cô chẳng biết làm gì hơn, ngoài việc gợi ý về chuyện cha con hòa giải. Cô làm điều đó khi họ uống trà và được đáp lại bằng những tiếng gầm gừ.

Sau đó, Oskar về nhà ăn tối với Emilie. Thấy ông về bà rất phấn khởi. Họ có thể cùng nhau dự lễ Phục sinh, như một cặp vợ chồng truyền thống. Nghi lễ diễn ra suôn sẻ, vì họ trang trọng khiêu vũ bên nhau cả tối, săn sóc nhau tại bàn ăn như hai người xa lạ lịch thiệp. Và trong tâm trí họ, cả Emilie lẫn Oskar đều kinh ngạc trước sự tàn phé kỳ lạ của cuộc hôn nhân - trước việc ông có thể hiến dâng cho những người xa lạ, những công nhân nhà máy của ông, nhiều hơn cho bà.

Câu hỏi án ngữ giữa họ là liệu Emilie có nên đến Cracow đoàn tụ với ông không. Nếu cho thuê căn hộ ở Zwittau, bà sẽ không tránh khỏi việc phải đến Cracow. Bà tin rằng mình có nghĩa vụ phải ở bên ông; trong ngôn ngữ đạo đức của thần học Thiên Chúa giáo, việc ông sống xa nhà là “căn nguyên sát sườn của tội lỗi”. Nhưng bà chỉ chịu đựng được việc chung sống với Oskar ở một thành phố lạ nếu ông cần trọng, cảnh giác và nhạy cảm trước cảm xúc của bà. Vấn đề của Oskar là bà không thể trông mong ông kiềm chế nét sa ngã của mình. Cầu thả, nửa say sưa, nửa tươi cười, dường như đôi khi ông nghĩ rằng nếu mình thật sự thích một cô gái thì chắc chắn bà cũng vậy.

Câu hỏi không lời đáp về việc bà đến Cracow khiến không khí giữa họ ngọt ngào đến nỗi khi bữa tối kết thúc, ông cáo lui và tìm tới một quán café ở quảng trường trung tâm. Đây là nơi lui tới của đám kỹ sư mỏ, các tiểu thương và những anh bán hàng thời vụ chuyển nghề đi lính. May thay ông gặp vài người bạn chơi mô tô thời trẻ, phần lớn đều mặc quân phục *Wehrmacht*. Ông bắt đầu uống cognac với họ. Có vài người tỏ vẻ ngạc nhiên khi một anh chàng cao to bụi phủi như Oskar lại không mặc quân phục.

“Ngành nghề thiết yếu,” ông găm gù. “Ngành nghề thiết yếu.”

Họ hồi tưởng lại thời chơi mô tô. Họ đùa cợt về chiếc xe ông tự ráp hồi trung học. Âm thanh khủng bố của nó. Âm thanh khủng bố của con Galloni 500cc. Không khí trong quán ngày càng sôi nổi, họ kêu thêm rượu. Từ phòng ăn chợt xuất hiện mấy người bạn thời đi học, vẻ mặt như thể vừa nhận ra một điều cười bị lãng quên, và quả tình là vậy.

Rồi một người trở nên nghiêm trang. “Oskar, nghe này. Ông già mày đang ăn tối đẳng kia, mỗi một mình.” Oskar Schindler cúi nhìn ly cognac. Mặt ông nóng bừng, nhưng ông chỉ nhún vai.

“Mày nên nói chuyện với ông già,” người khác nói. “Ông ấy giờ như cái bóng, lão già tội nghiệp.”

Oskar đáp tốt hơn mình nên về nhà. Ông toan đứng dậy, nhưng họ đặt tay lên vai ông, ép ông ngồi xuống. “Ông ấy biết mày ở đây,” họ nói. Hai người đã sang phòng ăn để thuyết phục ông lão Hans

Schindler bên bữa tối ăn dở. Oskar, giữa cơn bàng hoàng, đã đứng dậy và đang sục tìm trong túi tấm thẻ gửi áo khoác, thì Herr Hans Schindler, gương mặt nhăn nhúm, từ phòng ăn bước ra, được hai thanh niên nhẹ nhàng điệu về phía trước. Cảnh tượng ấy làm Oskar sửng lại. Dù rất giận cha, ông luôn hình dung nếu có một ngày khoảng cách giữa họ được thu hẹp, thì chính ông sẽ phải làm điều đó. Cha ông quá kiêu hãnh. Vậy mà cụ đang chịu cho họ kéo mình đến chỗ con trai.

Khi họ bị đẩy về phía nhau, cử chỉ đầu tiên của ông lão là một nụ cười nửa miệng về hồi lỗi và một kiểu nhướng mày. Nét quen thuộc trong cử chỉ này như một cơn bão ập xuống Oskar. *Bố biết làm sao được*, Hans như muốn nói. *Cuộc hôn nhân và mọi chuyện, mẹ con và bố, đều vận động theo quy luật riêng của nó.* Ý tứ đằng sau cử chỉ ấy có thể bình thường, nhưng tối ấy, Oskar đã bắt gặp một vẻ mặt giống hệt trước đó - của chính ông, khi ông tự nhướng mày với mình trước tấm gương trên hành lang căn hộ của Emilie. *Cuộc hôn nhân và mọi chuyện, đều vận động theo quy luật riêng của nó.* Ông đã chia sẻ cái nhìn ấy với chính mình, và tại đây - sau ba ly cognac - cha ông lại chia sẻ nó với ông.

“Con khỏe không, Oskar,” Hans Schindler hỏi. Một tiếng khò khè đáng sợ lớn vồn quanh từng lời của ông. Ông cụ đã yếu đi nhiều so với trong trí nhớ của Oskar.

Vậy là Oskar quyết định, Herr Hans Schindler cũng chỉ là con người - một mệnh đề mà ông chưa tiêu hóa được khi uống trà với em gái; và ông ôm lấy cha, hôn lên má ông cụ ba lần, cảm thấy râu ông cọ vào mặt mình, rồi nức nở, trong khi đội kỹ sư, sĩ quan và cựu tay đua mô tô vỗ tay tán thưởng cảnh tượng ấm lòng ấy.

CHƯƠNG 10

Các Ủy viên Hội đồng *Judenrat* của Artur Rosenzweig, những người vẫn tự xem mình là người bảo hộ hơi thở, sức khỏe và khẩu phần bánh mì của cư dân ghetto, đã quán triệt với lực lượng cảnh sát Do Thái của ghetto rằng họ cũng là công bộc. *Judenrat* có xu hướng tuyển mộ những thanh niên nhiệt huyết và có chút học vấn. Dù trong mắt SS, OD chỉ như một lực lượng cảnh sát phụ trợ, và sẽ thực thi mệnh lệnh như mọi lực lượng cảnh sát khác, đây không phải là tôn chỉ của phần lớn các thành viên OD vào mùa hè năm 1941.

Không thể phủ nhận rằng theo thời gian tồn tại của ghetto, hình tượng OD ngày càng trở nên đáng ngờ, một kẻ tình nghi Do Thái gian. Một số nhân viên OD cung cấp thông tin cho quân kháng chiến và thách thức chế độ, nhưng có lẽ đa số nhận ra rằng sự sinh tồn của mình và gia đình ngày càng phụ thuộc vào mức độ hợp tác của họ với SS. Với người trung thực, OD rồi sẽ thành tha hóa. Với kẻ đều cang, đẩy lại là cơ hội.

Nhưng những tháng đầu ở Cracow, đây có vẻ là một lực lượng ôn hòa. Có thể coi Leopold Pfefferberg là hình mẫu về sự mập mờ của những thành viên OD. Khi mọi hình thức giáo dục cho dân Do Thái, kể cả do *Judenrat* tổ chức, bị bãi bỏ vào tháng Mười hai năm 1940, Poldek được giao việc quản lý dòng người xếp hàng và xếp lịch hẹn tại văn phòng nhà ở của *Judenrat*. Việc này chỉ mang tính bán thời gian, nhưng nó cho anh vỏ bọc để được ít nhiều tự do đi lại ở Cracow. Tháng Ba năm 1941, OD được thành lập với mục đích danh nghĩa là bảo vệ người Do Thái đã vào ghetto Podgórze khỏi các thành phần khác trong thành phố. Poldek nhận lời đội chiếc mũ kêpi của OD. Anh tin rằng mình hiểu chức phận của OD - không chỉ duy trì cách hành xử lý trí trong bốn bức tường mà còn đưa tinh thần miễn cưỡng phục tùng của chủng tộc lên tới cái ngưỡng mà, trong lịch sử Do Thái ở châu Âu, có xu hướng hứa hẹn tầng lớp áp bức sẽ bỏ đi sớm hơn, sẽ chóng quên hơn, để giữa những khoảng lặng của sự lãng quên ấy, cuộc sống sẽ trở lại khả thi.

Đồng thời với việc đội chiếc mũ OD, Pfefferberg vẫn buôn hàng lậu - đồ da, trang sức, lông thú, tiền mặt - cả ở trong lẫn ngoài ghetto. Anh quen viên *Wachtmeister* ở cổng, Oswald Bosko, một viên cảnh sát có tư tưởng phản kháng chế độ đến mức làm ngơ cho họ tuồn nguyên liệu vào ghetto rồi đem thành phẩm - quần áo, rượu, đồ kim khí - ra bán ở Cracow, mà không thèm đòi hối lộ.

Mỗi lần rời ghetto, khi đã khuất mắt toán sĩ quan ở cổng và tụi *Schmalzownicks* (chỉ điểm) dật dờ, Pfefferberg tạt vào một ngõ vắng để tháo dải băng Do Thái đeo tay ra trước khi đi làm ăn ở Kazimierz hoặc trung tâm thành phố.

Trên tường trong thành phố và trên đầu hành khách chung chuyến tàu điện, anh sẽ bắt gặp những áp phích trong ngày: những quảng cáo dao cạo, những sắc lệnh mới nhất của Wavel về việc chứa chấp bọn trộm cướp Ba Lan, khẩu hiệu “DO THÁI - CHẤY RẠN - PHÁT BAN”, bức tranh minh họa một trinh nữ Ba Lan bố thí cho tên Do Thái mũi khoằm có cái bóng của chính Con Quỷ. “GIÚP DO THÁI TỨC LÀ GIÚP SATAN.” Hàng rau treo tranh dân Do Thái băm thịt chuột làm bánh, pha nước vào sữa, rắc chấy vào bột mì, nhồi bột bằng đôi chân trần thiu. Sự hiện diện của ghetto đang được hợp thức hóa trên đường phố Cracow bằng tranh cổ động, bằng các dự luận viên của Bộ Tuyên truyền. Và Pfefferberg, với ngoại hình Aryan, sẽ bình thản đi dưới hàng áp phích, xách một va li đầy quần áo, trang sức hoặc tiền mặt.

Phi vụ oách nhất của Pfefferberg là vào năm ngoái, khi Toàn quyền Frank ra lệnh rút tờ 100 và 500 zloty khỏi lưu thông và buộc người dân phải gửi loại tiền mệnh giá này vào Quỹ Tín dụng Đế chế. Vì người Do Thái chỉ được đổi có 2.000 zł, tất cả số tiền tàng trữ bí mật - quá 2.000 và trái quy định - sẽ trở nên vô giá trị. Trừ phi, anh tìm được ai đó có ngoại hình Aryan và không đeo băng tay, sẵn sàng thay mặt anh gia nhập dòng người Ba Lan xếp hàng dài trước Ngân hàng Tín dụng Đế chế.

Pfefferberg và một anh bạn Zionist đã tập hợp của cư dân ghetto được vài trăm nghìn zloty thuộc hai mệnh giá bị cấm, chất đầy một va li mang đi, và quay về với loại tiền hợp lệ của vùng Chiếm đóng, chỉ trừ đi tiền hối lộ cho nhóm cảnh sát Ba Lan ở cổng.

Pfefferberg chính là mẫu cảnh sát như vậy. Hoàn hảo theo chuẩn mực của Chủ tịch Artur Rosenzweig; đáng lên án theo chuẩn mực của Pomorska.

*

Oskar viếng thăm ghetto vào tháng Tư - vừa do tò mò, vừa để gặp người thợ kim hoàn mà ông đặt làm hai chiếc nhẫn. Nơi này chật chội ngoài sức tưởng tượng của ông - hai gia đình vào một phòng, trừ phi anh may mắn có người quen ở *Judenrat*. Có mùi cống tắc, nhưng phụ nữ ngăn chặn dịch phát ban bằng cách miệt mài kì cọ và luộc quần áo ngoài sân. “Tình hình giờ khác rồi,” người thợ kim hoàn tiết lộ với Oskar. “OD vừa được phát dùi cui.” Do quyền quản lý ghetto, như mọi ghetto khác ở Ba Lan, vừa chuyển từ tay Toàn quyền Frank sang Cục 4B của Gestapo, người có thẩm quyền tối hậu với mọi vấn đề Do Thái ở Cracow hiện là *Oberführer* SS Julian Scherner, một người đàn ông hồ hởi, quãng bốn mươi lăm, năm mươi tuổi, với cái đầu hói, cặp kính dày, và trang phục dân sự, trông như một quan chức không có gì nổi bật. Oskar đã gặp y ở những bữa cocktail. Scherner nói rất nhiều - không phải về chiến tranh mà về làm ăn và đầu tư. Loại công chức như y nhan nhản trong hàng ngũ sĩ quan bậc trung của SS, một tay chơi, thích rượu ngon gái đẹp và của cải tịch biên. Đôi khi người ta bắt gặp nụ cười hí hửng vì quyền lực trên trời rơi xuống trên khoe miệng y, như một vệt mứt lem trên mỗi con nít. Đây là loại công chức luôn ham vui và vô cảm một cách đáng tin cậy. Oskar nhìn ra, Scherner thích bóc lột dân Do Thái hơn là giết họ và sẵn sàng lách luật để kiếm lời, song vẫn sẽ xuôi theo dòng chảy chính sách của SS, dù nó đi về đâu chẳng nữa.

Từ Giáng sinh năm ngoái Oskar đã nhớ đến viên trùm cảnh sát, và gửi biếu nửa tá cognac. Với quyền hạn gia tăng, năm nay y sẽ đáng giá nhiều hơn.

Chính vì sự chuyển giao quyền lực này - SS không chỉ thực thi chính sách mà đã nắm cả quyền đặt ra chính sách - mà dưới ánh mặt trời tháng Sáu OD đã có thay đổi về bản chất. Oskar, chỉ từ những lần lái xe qua ghetto, đã biết đến một gương mặt mới, một cựu thợ lắp kính tên là Symche Spira, đại diện cho một thế lực mới trong OD. Xuất phát từ nguồn gốc Chính thống giáo, từ tiền sử bản

thân lẫn trong bản chất, Spira căm ghét những nhân vật Do Thái tự do và Âu hóa vẫn đang hiện diện trong Hội đồng *Judenrat*. Y nhận lệnh không phải từ Artur Rosenzweig, mà từ *Untersturmführer* Brandt và tổng hành dinh SS bên kia sông. Sau những cuộc hội đàm với Brandt, y quay về ghetto với hiểu biết và quyền hạn gia tăng. Brandt yêu cầu y thành lập và chỉ huy Bộ phận Chính trị trong OD, và y đã chiêu mộ các chiến hữu của mình vào đây. Đồng phục của họ chuyển từ mũ kêpi và băng tay sang áo xám, quần kỵ binh, thắt lưng Sam Browne và ủng SS bóng loáng.

Bộ phận Chính trị của Spira sẽ vượt quá yêu cầu miễn cưỡng hợp tác và sẽ là tập hợp của những kẻ háms lợi, mang trong mình phức cảm và lòng hận thù sâu kín vì những lãng nhục về mặt xã hội và học thức mà ngày trước họ phải gánh chịu từ tầng lớp trung lưu Do Thái khả kính.

Ngoài Spira còn có Szymon Spitz và Marcel Zellinger, có Ignacy Diamond, David Gutter tay bán hàng, có Forster và Grüner và Landau. Họ dấn thân vào con đường sách nhiễu mọi người và cung cấp cho SS danh sách những đối tượng bất mãn, có tư tưởng nổi loạn ở ghetto.

Giờ đây Poldek Pfefferberg chỉ muốn đào ngũ. Có tin đồn rằng Gestapo sẽ bắt mọi nhân viên OD thề trung thành với *Führer*, kể từ đó họ sẽ chẳng còn cửa nào để bắt phục tùng nữa. Poldek không muốn chung nghề với Spira áo xám, hay với Spitz và Zellinger, những tên chỉ điểm. Anh tìm đến bệnh viện ở góc phố Wegierska để xin ý kiến một thầy thuốc hòa nhã tên gọi Alexander Biberstein, bác sĩ chính thức của *Judenrat*. Marek, anh trai ông này, chính là Chủ tịch đầu tiên của Hội đồng, và hiện đang ngồi trong nhà ngục tang tóc Montelupich vì vi phạm quy định tiền tệ, và âm mưu hối lộ nhà đương cục.

Pfefferberg van nài Biberstein cấp cho anh chứng nhận y tế để thoát khỏi OD. Vụ này khó đây, Biberstein nói. Trông Pfefferberg chẳng có vẻ gì là đau ốm. Giả vờ bị cao huyết áp là không khả thi rồi. Bác sĩ Biberstein chỉ dẫn anh về các triệu chứng của bệnh đau lưng. Pfefferberg bắt đầu đi làm với cái lưng còng và gậy chống.

Spira nổi điên. Lần đầu Pfefferberg đề nghị được rời OD, viên cảnh sát trưởng đã tuyên bố - như một thống lĩnh ngự lâm quân - rằng lối thoát duy nhất là trên tám khiên⁽⁴¹⁾. Tại ghetto, Spira và đám chiến hữu con nít của y đang chơi trò Đội Tinh nhuệ. Họ là Quân đoàn Lê dương; là Cận vệ của Hoàng đế La Mã.

“Ta sẽ gửi anh đến bác sĩ của Gestapo,” Spira hét.

Biberstein, nắm được tâm lý hồ thẹn của chàng trai, đã luyện tập cho anh chu đáo. Poldek vượt qua bài kiểm tra của viên bác sĩ Gestapo và được giải ngũ do mắc căn bệnh có thể ngăn cản anh thực thi hiệu quả nhiệm vụ trấn áp đám đông. Spira, khi chia tay sĩ quan Pfefferberg, đã thể hiện thái độ hằn học đầy khinh miệt.

Hôm sau, Đức xâm lược Liên Xô. Oskar lén nghe được tin này qua BBC và hiểu rằng Kế hoạch Madagascar đến đây là kết thúc. Sẽ phải mất hàng năm để bố trí được tàu cho giải pháp này. Oskar cảm thấy sự kiện này đã thay đổi bản chất kế hoạch của SS, bởi giờ đây ở khắp mọi nơi các nhà kinh tế, kỹ sư, người lên kế hoạch di dân, cảnh sát mọi cấp bậc đang trang bị cho mình nếp tư duy mới, phù hợp không chỉ với cuộc chiến trường kỳ, mà với một nỗ lực hệ thống hơn nhằm xây dựng một đế chế hoàn mỹ về chủng tộc.

⁽⁴¹⁾ Binh lính thời xưa đặt người chết hoặc bị thương lên tám khiên để khiêng đi.

CHƯƠNG 11

Trong một con ngõ không thuộc phố Lipowa, cuối ngõ trở thẳng về xưởng của nhà máy tráng men của Schindler, là Nhà máy Bao bì Đức. Oskar Schindler, luôn bồn chồn khao khát có người bầu bạn, thi thoảng vẫn tạt qua đây tán gẫu với viên *Treuhänder*, Ernst Kuhnpast, hoặc với cựu chủ nhân và giám đốc không chính thức, Szymon Jereth. Nhà máy Bao bì của Jereth đã biến thành Nhà máy Bao bì Đức hồi hai năm trước theo thông lệ - chẳng được bồi thường đồng nào, chẳng cần giấy tờ gì có chữ ký của chủ nhân.

Sự bất công ấy không làm Jereth lo nghĩ nhiều lắm nữa. Nó đã xảy ra với hầu hết người quen của ông. Điều ông lo lắng bây giờ là ghetto. Những cuộc cãi vã trong nhà bếp, sự nhấn tâm của cuộc sống chung đụng ở đây, mùi hôi của người, lũ rận nhảy sang người ta từ chiếc áo nhòn mỡ của kẻ ta vừa quệt phải trên cầu thang. Vợ ông, Jereth kể với Oskar, bị trầm cảm nặng. Từ lâu bà đã quen với cuộc sống tiện nghi; bà sinh ra trong một gia đình khá giả ở Kleparz, phía Bắc Cracow. Trong khi, ông tiếp, với chỗ ván thông này, tôi có thể xây riêng cho mình một căn nhà ngoài kia. Ông chỉ sang khu đất hoang sau nhà máy. Công nhân vẫn đá bóng ở đây, chạy bỏ hơi tai giữa không gian mênh mông. Phần lớn thuộc về nhà máy của Oskar, còn lại của một đôi vợ chồng Ba Lan tên là Bielski. Nhưng Oskar không cho Jereth tội nghiệp biết điều đó, cũng không tiết lộ rằng mình cũng đang trần trở về mảnh đất trống ấy. Ông hứng thú hơn với lời gợi ý kín đáo về gỗ thông. Ông “chuyển nhượng” được ngàn ấy gỗ? Ông biết mà, Jereth đáp, đó chỉ là vấn đề giấy tờ.

Họ đứng cạnh nhau, nhìn ra cửa sổ văn phòng của Jereth, cân nhắc về mảnh đất hoang. Từ xưởng sản xuất vọng sang tiếng búa và tiếng rít của cưa máy. Tôi căm ghét việc phải mất liên hệ với chốn này, Jereth bảo Oskar. Tôi căm ghét việc phải biến mất vào một trại lao động rồi ở nơi xa bắn khoản không hiểu lũ đàn ấy đang làm gì ở đây. Hẳn là ông hiểu cảm giác ấy, Herr Schindler?

Người như Jereth chẳng thể thấy trước một lối thoát nào. Quân Đức xem ra đang thắng như chẻ tre ở Nga, cả BBC cũng khó lòng

tin rằng họ đang tiến vào đất chết. Đơn đặt hàng đồ bếp đã chiến của Tổng cục Quân giới không ngừng xuất hiện trên bàn Oskar, với lời biểu dương viết tay của tướng Julius Schindler ở cuối thư, cùng với những cú điện thoại chúc mừng của đủ loại sĩ quan cấp dưới. Oskar tiếp nhận các đơn hàng và lời chúc tụng như một hệ quả tất yếu, nhưng lại có một nỗi hân hoan đầy mâu thuẫn từ những bức thư do cha ông viết để mừng việc cha con hòa giải. Sẽ chẳng bền đâu, ông lão viết. Số thằng cha ấy [Hitler] không bền được. Cuối cùng hắn sẽ ăn đòn với Mỹ. Oskar, vừa đọc vừa mỉm cười, chẳng hề day dứt trước những khoái cảm mâu thuẫn ấy - nỗi phẫn khích thương mại từ những bản hợp đồng của Tổng cục Quân giới và niềm hân hoan riêng tư hơn từ những lá thư phản nghịch của cha mình. Oskar gửi cho Hans một chi phiếu 1.000 RM mỗi tháng, để tròn đạo hiếu, tôn vinh tư tưởng phản loạn, và thỏa mãn niềm vui được hào phóng.

Đó là một năm qua nhanh và vẫn gần như không vấp vấp. Chưa bao giờ Schindler làm việc nhiều như thế, rồi tiệc tùng ở Cracovia, bù khú ở câu lạc bộ jazz, tới thăm nàng Klonowska kiều diễm. Khi lá bắt đầu rụng, ông tự hỏi cả năm vừa rồi đã biến đi đâu. Ấn tượng thời gian biến mất càng được củng cố bởi mùa hè kéo dài, và nay là mưa thu rơi sớm hơn thường lệ. Tính bất đối xứng của hai mùa, vì tạo thuận lợi cho Hồng quân, sẽ ảnh hưởng tới cuộc sống của cả châu Âu. Nhưng riêng với Herr Oskar Schindler ở phố Lipowa, thời tiết vẫn chỉ là thời tiết.

*

Thế rồi, cuối năm 1941, Oskar bỗng thấy mình bị bắt. Ai đó - một nhân viên tiếp vận người Ba Lan, một kỹ thuật viên người Đức ở bộ phận đạn dược, khó mà biết được - đã cáo giác ông, đã đến Pomorska trình báo. Một sáng nọ, hai tên Gestapo mặc thường phục lái xe đến phố Lipowa và đậu chiếc Mercedes chắn ngang cổng vào, như thể muốn chấm dứt mọi hoạt động kinh doanh ở Emalia. Khi lên lầu gặp Oskar, chúng trưng ra tờ trát cho phép tịch thu toàn bộ hồ sơ kinh doanh của ông. Nhưng xem ra chúng chưa được đào tạo về thương mại. “Cụ thể là các anh cần sổ sách gì,” ông hỏi.

“Sổ thu chi,” một tên nói.

“Sổ cái,” tên kia tiếp.

Cuộc bắt giữ diễn ra nhẹ nhàng, chúng tán gẫu với Klonowska, trong khi Oskar đi lấy nhật ký thu chi và sổ cái. Ông được phép ghi lại vài cái tên, những cái tên được cho là của đối tác mà Oskar đã hẹn gặp và nay phải hủy. Klonowska, đầu vậy, hiểu rằng đó là những người cần liên hệ để nhờ cứu Oskar ra.

Cái tên đầu tiên là của *Oberführer* Julian Scherner; thứ hai là Martin Plathe của *Abwehr* ở Breslau. Đây sẽ là một cuộc gọi đường dài. Cái tên thứ ba là quản lý nhà máy *Ostfaser*, tay cựu binh say sưa Franz Bosch, người đã nhận được từ Schindler một cơ sở đồ bếp trái phép. Nghiêng người lên vai Klonowska, tỉ lên mái tóc vàng nhạt búi cao của cô, ông gạch chân tên Bosch. Là người có ảnh hưởng, Bosch quen biết và tư vấn cho mọi quan chức cấp cao tham gia vào thị trường chợ đen tại Cracow. Và Oskar biết vụ bắt giữ này liên quan đến chợ đen, nơi tiềm ẩn nguy hiểm là ta luôn tìm được quan chức sẵn sàng nhận hối lộ, nhưng chẳng bao giờ dự báo được tâm lý ghen tị của người làm thuê cho mình.

Cái tên thứ tư là viên Chủ tịch người Đức của Ferrum AG tại Sosnowiec, công ty bán sắt cho Herr Schindler. Những cái tên ấy trấn an Oskar khi chiếc Mercedes của Gestapo đưa ông đến phố Pomorska, cách trung tâm đâu một ki lô mét. Chúng bảo đảm rằng ông sẽ không biến mất không vết tích khỏi hệ thống. Nhờ chúng mà ông sẽ không rơi vào cảnh vô phương tự vệ như một ngàn cư dân ghetto đã bị tập hợp lại theo danh sách của Symche Spira và bị áp tải dưới trời sao băng giá mùa Giáng sinh lên các toa xe chở gia súc ở ga Prokocim. Oskar quen toàn hàng khủng.

Trụ sở SS ở Cracow là một tòa nhà đồ sộ theo phong cách hiện đại, vô cảm, song không đến nỗi báo hiệu tai ương như nhà tù Montelupich. Nhưng dẫu anh không tin những câu chuyện tra tấn gắn liền với nơi này, tòa nhà vẫn khiến người bị bắt hoang mang ngay từ khi bước vào, vì tầm vóc của nó, vì những hành lang sặc mùi Kafkaesque⁽⁴²⁾, và vì mùi hăm dọa tê người từ những cái tên sơn trên từng cánh cửa. Ở đây anh sẽ thấy Văn phòng chính của

SS, trụ sở của Cảnh sát Trật tự, của Kripo, Sipo và Gestapo, của Kinh tế và Hành chính, của Nhân sự, của Các vấn đề Do Thái, của Chủng tộc và Tái định cư, của Tòa án SS, của Tác chiến, của Tuyển mộ SS, của *Reichskommissariat* vì Đức quốc vững mạnh, của Văn phòng Phúc lợi cho người Đức thiếu số.

Đâu đó trong mê cung ấy, một sĩ quan Gestapo trung niên, có vẻ nắm vững kiến thức kế toán hơn hai kẻ bắt giữ Oskar, bắt đầu thẩm vấn ông. Thái độ người này hơi hài hước, như hải quan phát hiện ra một hành khách bị nghi buôn lậu tiền kỳ thực lại buôn lậu cây cảnh cho bà dì. Y bảo Oskar rằng mọi doanh nghiệp phục vụ chiến tranh đều bị giám sát. Oskar không tin nhưng không trả lời. Herr Schindler chắc cũng hiểu, viên sĩ quan Gestapo nói, rằng mọi công ty phục vụ chiến tranh có trách nhiệm đạo đức phải cống hiến toàn bộ sản phẩm của mình cho mục tiêu cao cả ấy - và phải tuyệt đối tránh làm phương hại nền kinh tế của Vùng Lãnh thổ Đức thuộc bằng các giao dịch bất hợp pháp.

Oskar làm bầm bằng cái giọng găm gù đặc trưng của ông, có thể đồng thời chứa đựng cả sự đe dọa lẫn thân mật. “Phải chăng ý ông, *Herr Wachtmeister*, là có báo cáo rằng nhà máy của tôi không hoàn thành chỉ tiêu?”

“Ông sống rất sung túc,” người kia nói, nhưng với nụ cười độ lượng, như thể việc những nhà công nghiệp quan trọng sống sung túc là điều bình thường, thỏa đáng. Với những ai sống sung túc, y chỉ ra... chà, chúng tôi phải đảm bảo rằng mức sống ấy hoàn toàn xuất phát từ những hợp đồng hợp pháp.

Oskar mỉm cười với viên sĩ quan Gestapo. “Dù kẻ chỉ điểm tôi là ai,” ông nói, “thì hẳn cũng là thằng ngốc và đang làm mất thời gian của ông.”

“Quản lý ở DEF là ai?” người kia phớt lờ và hỏi tiếp.

“Abraham Bankier.”

“Do Thái à?”

“Tất nhiên. Trước đây công ty thuộc về bà con của ông ta.”

Những sổ sách này có thể đã đủ rồi, người kia nói. Nhưng nếu cần thêm, y tin rằng Herr Bankier có thể giao nộp.

“Ý ông là tôi bị tạm giữ?” Oskar hỏi. Ông bật cười. “Để tôi nói luôn nhé,” ông nói, “khi *Oberführer* Scherner và tôi cười cợt về vụ này bên ly rượu, tôi sẽ bảo ông ấy rằng ông đã đối xử với tôi lịch thiệp hết mức.”

Hai tên bắt giữ Oskar đưa ông lên tầng hai, tại đây họ soát người và cho phép ông giữ lại thuốc lá và 100 zł tiêu vặt. Ông bị giam vào một phòng ngủ - loại khá nhất ở đây, Oskar đoán, có bồn rửa mặt, toilet và lớp rèm phủ bụi trên cửa sổ song sắt - loại phòng giam những nhân vật có cỡ trong quá trình thẩm vấn. Nếu được thả, họ cũng chẳng thể phàn nàn về phòng ốc, cùng lắm chỉ nói về nó một cách say mê rồi thôi. Còn nếu ta bị kết luận là phản nghịch, nổi loạn hoặc là tội phạm kinh tế, thì như thể cánh cửa ngầm trên sàn vừa mở toang ra, ta sẽ thấy mình chờ đợi ở phòng thẩm vấn dưới hầm, ngồi bất động và chảy máu ở một trong một dãy xà lim được gọi là xe điện, chờ ngày đến Montelupich, nơi tù nhân bị treo cổ ngay trong buồng giam. Oskar xem xét cánh cửa. Kẻ dám động đến ta, ông tự hứa thầm, ta sẽ tổng hấn đến Nga.

Ông không quen chờ đợi. Được một giờ, ông gõ cửa buồng giam và đưa cho tên lính *Waffen* SS 50 zł để mua một chai vodka. Tất nhiên, tiền rượu chỉ bằng một phần ba chỗ đó, nhưng đó là phương pháp của Oskar. Sau đó, theo sắp xếp giữa Klonowska và Ingrid, một gói đồ vệ sinh cá nhân, sách, và đồ ngủ được đưa đến. Ông được phục vụ một bữa ăn ngon lành, với nửa chai vang Hungary, và không có ai tới làm phiền hay thẩm vấn ông. Ông đoán viên kế toán vẫn đang đánh vật với sổ sách của Emalia. Kể mà có cái đài để nghe tin tức của BBC về Nga, về Viễn Đông, về nước Mỹ mới tham chiến thì tốt, và ông cảm giác nếu mình yêu cầu, rất có thể sẽ được đáp . Ông hy vọng Gestapo chưa sờ đến căn hộ của ông ở phố Straszewskiego, định giá đồ nội thất và trang sức của Ingrid. Nhưng đến khi ngủ thiếp đi, ông đã chuyển sang giai đoạn mong đến lúc được thẩm vấn.

Hôm sau, ông được phục vụ một bữa sáng tử tế - cá trích, pho mát, trứng, bánh mì tròn, cà phê - và vẫn không bị ai làm phiền. Rồi viên kiểm toán SS trung niên xuất hiện, mang theo cả sổ thu chi lẫn sổ cái.

Y chúc ông buổi sáng tốt lành, và hy vọng ông đã có một đêm dễ chịu. Họ mới chỉ kịp xem xét sơ bộ sổ sách của Herr Schindler, nhưng đã quyết định rằng, một quý ông được nhiều nhân vật trọng yếu trong công cuộc chiến tranh đánh giá cao đến thế thì trước mắt không cần soi xét quá kỹ lưỡng. Chúng tôi, viên sĩ quan nói, nhận được một số cuộc điện thoại... Oskar cảm ơn y, tin rằng sự phóng thích mới là tạm thời. Ông nhận lại sổ sách và đầy đủ tiền mặt ở bàn tiếp tân. Dưới lầu, Klonowska đang rạng rỡ đợi ông. Nỗ lực liên hệ của cô đã đem lại thành quả, Schindler từ hang cộp bước ra trong bộ vét hai hàng cúc, không một vết xước. Cô dẫn ông ra chiếc Adler được họ cho đỗ trong sân. Con chó xù kỳ quái của cô ngồi ở ghế sau.

(42) Không khí ám ảnh, bức bối và ác mộng điển hình trong tác phẩm của nhà văn Franz Kafka.

CHƯƠNG 12

Cô bé đến nhà Dresner, ở bờ Đông của ghetto, vào chiều muộn. Gia đình Ba Lan ở nông thôn nhận sẵn sóc em đã mang em về lại Cracow. Họ thuyết phục được Cảnh sát Xanh⁽⁴³⁾ ở cổng cho họ vào ghetto có việc, và em theo vào cùng bố mẹ.

Họ là người tử tế, và hổ thẹn vì phải đưa em từ nông thôn lên Cracow và ghetto. Em rất dễ thương, họ cũng quyến luyến em. Nhưng thời buổi này người ta không thể giữ một đứa bé Do Thái trong nhà nữa. Chính quyền địa phương - chưa kể tới SS - treo thưởng 500 zł trở lên cho mỗi người Do Thái bị cáo giác. Toàn hàng xóm tố nhau. Giờ chẳng ai dám tin hàng xóm nữa. Đến lúc đó thì không chỉ đứa trẻ gặp vạ, mà cả nhà chúng tôi cũng vậy. Lạy Chúa, có cả những vùng nông dân xách liềm vác hái đi lùng Do Thái.

Cô bé xem ra không bận lòng mấy vì bất kỳ sự bắn thiu nào mà ghetto giờ đây bắt em phải chịu. Em ngồi bên chiếc bàn nhỏ giữa lớp lớp quần áo ướt và tỉ mẩn ăn đầu mẩu bánh mì bà Dresner vừa cho. Em chấp nhận mọi âu yếm được những phụ nữ chung nhau gian bếp thuận miệng nói ra. Bà Dresner nhận thấy mỗi câu trả lời của em đều cảnh giác một cách kỳ lạ. Song em cũng có nét phù phiếm riêng, và như mọi cô bé ba tuổi khác, cũng say mê màu sắc. Đỏ. Em ngồi đó, đội mũ đỏ, mặc áo đỏ, đi giày đỏ. Đôi vợ chồng nông dân quả đã nuôi em.

Bà Dresner gợi chuyện bằng cách nói về cha mẹ thật của em. Họ cũng đang sống - thật ra là ẩn náu - ở nông thôn. Nhưng, bà nói, họ sẽ sớm đoàn tụ với mọi người ở Cracow. Cô bé gật đầu, nhưng xem ra em im lặng không phải vì nhút nhát.

Cha mẹ em, hồi tháng Một, đã bị bắt theo danh sách do Spira cung cấp cho SS, và khi bị giải ra ga Prokocim đã đi ngang một đám đông Ba Lan giễu cợt - "Chào nhé, Do Thái." Họ bèn lẩn khỏi hàng như hai công dân Ba Lan đang hoảng đang băng sang đường để chứng kiến cảnh trục xuất kẻ thù của xã hội, nhập vào đám đông, cũng chế nhạo tí chút, rồi cuốc bộ về vùng nông thôn lân cận.

Giờ đây, khi thấy ở nông thôn cũng chẳng an toàn hơn, họ định lén về lại Cracow vào mùa hè. Mẹ của “Mũ đỏ”, biệt danh mà các cậu trai nhà Dresner đặt cho cô bé khi vừa cùng đoàn công nhân từ thành phố trở về, là chị em họ với bà Dresner.

Một lát sau, con gái bà Dresner, Danka, lao công quét dọn ở căn cứ không quân Luftwaffe, cũng về đến. Danka sắp mười bốn, đủ cao lớn để nhận *Kennkarte* (thẻ lao động), cho phép cô làm việc ngoài ghetto. Cô hào hứng bắt chuyện với đứa trẻ hờ hững. “Genia, chị biết Eva mẹ em đấy. Cô hay đưa chị đi mua váy, rồi mua bánh cho chị ở hiệu bánh trên phố Bracka nữa.”

Cô bé ngồi yên trên ghế, không cười, ngược lên. “Thưa cô, cô nhầm rồi ạ. Tên mẹ cháu không phải là Eva. Là Jasha.” Em tiếp tục kể tên những người họ hàng Ba Lan hư cấu được cha mẹ và vợ chồng bác nông dân dạy cho, phòng khi em bị Cảnh sát Xanh hay SS tra hỏi. Nhà Dresner nhíu mày nhìn nhau, sửng sờ trước sự giáo hoạt bất thường của đứa trẻ, thấy thế thật suy đồi, nhưng lại không muốn làm hỏng nó vì rất có thể chưa đầy một tuần nữa đó sẽ là một kỹ năng sinh tồn thiết yếu.

Tới giờ cơm chiều, Idek Schindel, chú cô bé, một bác sĩ trẻ ở bệnh viện của ghetto trên phố Wegierska, xuất hiện. Đó là mẫu ông chú bông bột, thích đùa và mê cháu mà lũ trẻ cần. Vừa thấy anh, Genia trở lại thành con nít, tuột xuống ghế và chạy bổ về phía anh. Nếu anh ở đây, gọi mấy người này là họ hàng, thì họ đúng là họ hàng. Giờ em có thể thừa nhận mẹ em tên là Eva và ông bà em không phải tên là Ludwik và Sophia.

Tiếp đó, ông Juda Dresner, nhân viên mua sắm của nhà máy Bosch, về tới nhà, và cuộc đoàn viên thế là trọn vẹn. Hai tám tháng Tư là sinh nhật Schindler, và năm 1942 ông ăn mừng như một đứa trẻ mùa xuân, náo nhiệt, hoành tráng. Đó là ngày hội ở DEF. Chẳng màng tốn kém, ông cho nhà máy ăn xúp trưa với của hiếm là bánh mì trắng. Không khí hội hè lan ra văn phòng bên ngoài và các xưởng phía sau. Oskar Schindler, nhà công nghiệp, đang ăn mừng trái ngọt cuộc đời.

Cuộc vui, sinh nhật thứ ba mươi tư của ông, bắt đầu ở Emalia từ sớm. Schindler phát tín hiệu bằng cách đi khắp văn phòng bên ngoài, xách cặp ba chai cognac để mời các kỹ sư, kế toán và chuyên viên pháp lý. Nhân viên bộ phận kế toán và nhân sự nhận từng vốc thuốc lá giúi tận tay, và đến giữa sáng, màn tặng quà đã lan xuống tầng nhà máy. Mọi người mua bánh sinh nhật mang đến, và Oskar cắt bánh ngay tại bàn Klonowska. Từng đoàn công nhân Do Thái và Ba Lan bắt đầu tiến vào văn phòng chúc mừng giám đốc, và ông thân mật hôn một cô gái tên là Kucharska, có bố từng là Nghị sĩ Quốc hội Ba Lan trước chiến tranh. Và đến lượt các cô gái Do Thái, rồi cánh đàn ông bắt tay, đến cả Stern, lúc này đang làm việc cho Progress Works, không hiểu sao cũng có mặt, trịnh trọng bắt tay Oskar và nhận về một cái ôm chặt tưởng gãy xương sườn.

Đến chiều, có kẻ, chắc vẫn là đối tượng bắt mắt lần trước, liên hệ với Pomorska, cáo giác Schindler có hành vi không đúng mực về chủng tộc. Sổ sách của ông có thể đứng vững trước mọi soi mói, nhưng không ai phủ nhận được ông là kẻ “hôn Do Thái”.

Hình thức bắt giữ lần này có vẻ chuyên nghiệp hơn lần trước. Sáng ngày 29, một chiếc Mercedes đỗ chắn trước cổng nhà máy. Hai nhân viên Gestapo, xem ra có cơ sở vững chắc hơn hai đồng nghiệp, chặn Oskar giữa sân nhà máy. Ông bị cáo buộc vi phạm một số điều khoản thuộc Đạo luật Chủng tộc và Tái định cư. Chúng muốn đưa ông đi ngay. Và không, không cần rẽ qua văn phòng làm gì.

“Các anh có lệnh bắt không?” ông hỏi.

“Không cần thiết,” họ đáp.

Ông mỉm cười. Hai vị nên biết rằng bắt người mà không có lệnh thì về sau sẽ phải hối hận đấy.

Ông nói hời hợt, nhưng từ thái độ của chúng ông cũng đoán ra mức độ đe dọa lần này đã vững chắc và tập trung hơn sau vụ tạm giữ hơi khô hài năm ngoái. Lần đó, cuộc đối thoại ở Pomorska là về các quy định kinh tế và liệu Schindler có vi phạm gì không. Lần này, ông đối mặt với thứ luật dị hợm, luật của lòng dạ dê hèn, sắc lệnh từ phần đen tối trong đầu óc con người. Không hề đơn giản.

“Bọn này đành mạo hiểm một phen vậy,” một tên trả lời.

Ông đánh giá sự tự tin của chúng, sự lãnh đạm đầy đe dọa chúng thể hiện với ông, một đại gia, vừa sang tuổi ba mươi tư. “Sáng đầu xuân,” ông nói, “chạy xe vài tiếng cũng chẳng hề gì.”

Ông tự an ủi mình rằng lần này sẽ lại là một xà lim văn minh ở Pomorska. Nhưng khi xe rẽ thẳng sang Kolejowa, ông biết lần này sẽ là nhà tù Montelupich

“Tôi muốn nói chuyện với luật sư,” ông bảo chúng.

“Sẽ đến lúc,” tên lái xe đáp.

Theo lời lẽ đáng tin cậy từ một trong những bạn nhậu của mình, Oskar được biết Viện Giải phẫu Jagiellonia nhận xác từ Montelupich.

Tường nhà tù chạy dài hết một con phố, và Oskar có thể thấy sự giống nhau đáng sợ của các ô cửa sổ trên tầng ba và bốn từ băng sau của chiếc Mercedes. Qua cổng chính và lối đi dưới mái vòm, họ đến một văn phòng nơi viên thư ký SS chỉ nói thì thầm, như thể sợ lớn tiếng sẽ gây ra tiếng vang nhức óc dọc những hành lang hẹp. Chúng tịch thu tiền của ông, nhưng cho biết sẽ phát cho ông 50 zł mỗi ngày trong thời gian giam giữ. Không, hai viên sĩ quan bắt giữ nói, chưa đến lúc gọi luật sư.

Chúng bỏ đi, để lại ông với lính gác giữa hành lang, nghiêng tai tìm nghe dấu vết những tiếng kêu gào có thể, giữa cái tĩnh lặng như tu viện này, lọt ra qua khe nứt của những ô cửa Judas⁽⁴⁴⁾ trên tường.

Cai ngục dẫn ông xuống cầu thang, vào một đường hầm hẹp đến ngạt thở, rồi qua một dãy xà lim có khóa, mặt trước là song sắt. Nửa tá tù nhân không áo khoác ngồi bên trong, mỗi người một khoang, đều quay vào tường nên không nhìn rõ mặt. Oskar nhận thấy một cái tai rách. Và ai đó đang sụt sịt, nhưng biết thân không chùi mũi. *Klonowska, Klonowska, em đã gọi điện chưa, tình yêu của tôi?*

Họ mở cửa xà lim và ông bước vào. Trước đó ông hơi lo rằng phòng giam có thể sẽ đông người. Nhưng trong xà lim chỉ có một tù nhân nữa, một người lính trùm áo choàng kín tai cho ấm, ngồi trên

một trong hai chiếc giường gỗ thấp, trải nệm rơm. Dĩ nhiên không có bồn rửa mặt. Có một xô nước và một cái xô. Và người tù kia, hóa ra là một *Standartenführer* (tương đương Đại tá) *Waffen* SS, râu ria lởm chởm, sơ mi không cài cúc dưới lần áo khoác, đi đôi ủng lấm bùn.

“Hoan nghênh ông bạn,” viên sĩ quan cười méo mó và chìa tay cho Oskar. Y khá đẹp trai, hơn Oskar vài tuổi. Khả năng lớn là do SS gài vào. Chỉ có điều không rõ vì sao chúng lại khoác cho y quân phục và quân hàm cao thế.

Oskar nhìn đồng hồ, ngồi xuống, đứng lên, nhìn qua cửa sổ trên cao. Có chút ánh sáng lọt vào từ sân tập, nhưng đây không phải là loại cửa sổ anh có thể dựa vào và trải lòng giữa hai chiếc giường đơn kê sát, khi ngồi bó gối đối diện nhau.

Sau cùng họ bắt đầu trò chuyện. Oskar cảnh giác, song viên *Standartenführer* thì nói rất hăng. Tên y là gì? Philip. Y nghĩ rằng nam nhi không nên khai họ trong tù. Vả lại đã đến lúc người ta nên gọi nhau bằng tên. Nếu gọi nhau bằng tên sớm hơn, chúng ta chắc đã là một chủng tộc hạnh phúc hơn nhiều.

Oskar kết luận nếu người này không phải do SS gài vào, thì chắc là một dạng suy nhược thần kinh, có thể là chấn thương tâm lý do chiến tranh. Y vừa tham chiến ở miền Nam nước Nga, tiểu đoàn của y đã góp phần bảo vệ Novgorod suốt cả mùa đông. Sau đó y được nghỉ để đi thăm bạn gái Ba Lan ở Cracow, và họ đã, theo lời y, “lao vào nhau như thiêu thân”, và y bị bắt ở căn hộ của người tình, ba ngày sau khi hết phép.

“Có lẽ tôi đã quyết định,” Philip nói, “chả việc chó gì phải trở về đúng hạn, sau khi chứng kiến bọn khác” - y huơ tay lên trần nhà, ám chỉ cả cơ chế quanh mình, đám sĩ quan SS, đám kế toán và quan chức - “sau khi chứng kiến cuộc sống của chúng. Nói vậy không có nghĩa là tôi cố tình vắng mặt không phép. Nhưng tôi cảm thấy, mẹ kiếp, chế độ này nợ mình một chút xông xênh.”

Oskar hỏi y có thích ở phố Pomorska hơn không. Không Philip nói, tôi thà ở đây còn hơn. Pomorska nhìn giống khách sạn hơn thật.

Nhưng ở đó bọn chúng có xà lim chết, toàn song cửa mạ kền bóng loáng. Thôi, vụ đó bỏ qua, Herr Schindler, ông đã làm gì?

“Tôi hôn một cô gái Do Thái,” Oskar nói. “Công nhân của tôi. Là họ cáo buộc thế.”

Philip bắt đầu huýt sáo. “Ồ hô! Thế chim ông có rụng ra không?”

Suốt buổi chiều *Standartenführer* Philip tiếp tục lên án SS. Một lũ trộm cắp và trác táng. Thật khó mà tin được. Có những thằng kiếm được cả đồng tiền. Mà hồi xưa chúng cũng thiết diện vô tư lắm. Chúng sẵn sàng giết một gã Ba Lan tội nghiệp vì buôn lậu một cân thịt hun khói, trong khi bản thân sống chẳng khác chó gì các bá tước xứ Hanse⁽⁴⁵⁾.

Oskar vờ như mới nghe những chuyện ấy lần đầu, như thể sự suy đồi trong hàng ngũ *Standartenführer* là một đòn đánh đau đớn vào đầu óc ngây thơ tỉnh lẻ của một gã Đức Sudeten, sự ngây thơ đã khiến ông quên cả bản thân mà âu yếm một đứa con gái Do Thái. Cuối cùng Philip, hết hơi vì phẫn nộ, lăn ra ngủ.

Oskar chọt thêm rượu. Có chút rượu sẽ làm thời gian trôi nhanh hơn, biến viên *Standartenführer* thành một bạn tù dễ chịu hơn, nếu y không phải là nội gián, còn nếu phải thì cũng dễ bại lộ hơn. Oskar lấy một tờ 10 zł, viết tên và số điện thoại lên đó, nhiều tên hơn lần trước: một tá. Ông lấy bốn tờ nữa, vo chúng lại, rồi gõ vào ô cửa Judas. Một hạ sĩ quan SS xuất hiện - một khuôn mặt trung niên u ám chằm chằm nhìn ông. Trông y không có vẻ gì của một kẻ hành hạ tù nhân đến chết hoặc đá vỡ thận người ta, nhưng tất nhiên, đó là một trong những điểm mạnh của tra tấn: ai ngờ được nó đến từ một kẻ có gương mặt giống ông bác ta ở quê.

Tôi muốn mua năm chai vodka có được không? Oskar hỏi. Năm chai ư, thưa ngài? viên hạ sĩ quan hỏi. Có thể y sẽ khuyên can một gã tửu đồ non trẻ chưa biết nhiều ít là gì. Tuy nhiên, y cũng trầm ngâm, như thể cân nhắc báo cáo thượng cấp. Ngài đại tá và tôi, Oskar nói, rất cảm kích nếu được mỗi người một chai để câu chuyện thêm phần rôm rả. Xin ông và đồng nghiệp nhận ba chai còn lại, coi như quà của tôi. Ngoài ra, tôi thiết tưởng với chức trách của mình chắc ông có đủ thẩm quyền để thay mặt tù nhân gọi điện thoại.

Tôi đã ghi sẵn, phải rồi, trên tờ bạc. Ông không cần gọi hết. Chỉ cần đưa số cho thư ký của tôi. Phải, số cô ấy ở trên cùng.

Toàn những người có thể lực, viên hạ sĩ quan lăm bằm.

Ông đại quá, Philip bảo Oskar. Chúng sẽ bắn ông vì tội hối lộ lính gác.

Oskar ngồi phịch xuống, về thờ ơ.

Làm thế cũng đại chả kém gì hôn gái Do Thái, Philip nói.

Để xem, Oskar đáp. Nhưng ông bắt đầu thấy sợ.

Sau cùng viên hạ sĩ quan trở lại, mang theo, cùng hai chai rượu, một bọc sơ mi và đồ lót sạch, vài cuốn sách, một chai vang, được Ingrid gói ghém ở căn hộ trên phố Straszewskiego rồi đưa tới cổng nhà tù Montelukich. Philip và Oskar có một đêm khoái hoạt, dù có một lần lính gác đập cửa đòi họ ngừng hát. Và kể cả sau đấy, khi rượu làm buồng giam rộng hơn và sự phẫn nộ của viên *Standartenführer* trở nên thuyết phục một cách bất ngờ, Shindler vẫn tìm nghe những tiếng la hét xa xăm từ tầng trên hay tiếng gõ theo mã Morse của một người tù tuyệt vọng nào đó ở xà lim kề bên. Chỉ có một lần bản chất thật của nơi này tiêu giảm hiệu lực của Volka. Ở cạnh giường, bị tấm nệm rơm che khuất một phần, Philip phát hiện ra một văn bản ngắn bằng bút chì đỏ. Y phải mày mò một lúc để giải mã - không khá cho lắm, tiếng Ba Lan của y không bằng Oskar.

“ ‘Lạy Chúa’ ” y dịch, “ ‘chúng đánh con chết mất!’ Chà, đời mới đẹp làm sao, anh bạn Oskar nhỉ. Đúng không?”

Sáng hôm sau, Schindler thức giấc hoàn toàn tỉnh táo. Ông chưa bao giờ bị văng vất sau cơn say, và không hiểu vì sao ai cũng kêu ca rầm rĩ về chuyện này. Nhưng Philip thì nhột nhật và trầm uất. Trong buổi sáng, y bị dẫn đi và sau đó quay về thu thập tư trang. Lễ ra buổi chiều y phải ra tòa án binh, nhưng vừa được giao nhiệm vụ tại trường đào tạo ở Stutthof, nên y nghĩ họ chắc sẽ không xử bắn mình vì tội đào ngũ. Y nhặt cái áo choàng vứt trên giường và đi giải trình về vụ cô nhân tình Ba Lan. Còn lại một mình, Oskar đọc cuốn sách của Karl May được Ingrid gửi cho và, đến chiều, gặp luật sư, cũng là dân Đức Sudeten đến Cracow hành nghề hai năm về trước.

Cuộc trò chuyện khiến Oskar yên lòng. Nguyên nhân của vụ bắt giữ đúng như đã nói; SS không định lấy vụ ân oán liên sắc tộc làm cái cớ để tạm giam Oskar trong khi điều tra chuyện làm ăn của ông. “Nhưng có khả năng ông sẽ phải ra tòa và bị chất vấn tại sao không nhập ngũ.”

“Lý do quá hiển nhiên,” Oskar nói. “Tôi là nhà sản xuất quan trọng phục vụ chiến tranh. Cái đó anh có thể nhờ tướng Schindler xác nhận.”

Oskar đọc chậm và nhăm nháp cuốn sách của Kark May - gã thợ săn và nhà hiền triết da đỏ giữa Mỹ châu hoang dã - một mối quan hệ chuẩn mực. Ông chẳng việc gì phải đọc vội. Có thể một tuần nữa ông mới được ra tòa. Luật sư dự kiến chủ tọa phiên tòa sẽ thuyết một bài về cách hành xử không phù hợp với thành viên Đảng tộc Đức, rồi ông sẽ bị phạt một khoản đáng kể. Cứ vậy đi. Ra khỏi tòa ông sẽ thành người thận trọng hơn.

Sáng ngày thứ năm, ông vừa uống hết nửa lít cà phê thứ phẩm được phát cho bữa sáng thì một hạ sĩ quan và hai lính gác xuất hiện. Họ dẫn ông qua dãy cửa cam nín lên tầng trên, vào một văn phòng ở mặt tiền. Tại đây ông thấy một người mình đã gặp ở các buổi cocktail, *Obershurbannführer* Rolf Czurda, trùm SD của Cracow. Trông y như một doanh nhân trong bộ vét đắt tiền.

“Oskar, Oskar,” giọng Czurda như bạn già quở trách. “Chúng tôi cấp cho anh bọn gái Do Thái với giá năm mark một ngày. Anh nên hôn chúng tôi mới phải.”

Oskar giải thích hôm đó là sinh nhật ông. Ông hơi bốc đồng. Ông hơi say.

Czurda lắc đầu. “Tôi không ngờ anh là thứ dữ vậy đấy, Oskar,” y nói. “Điện thoại từ tận Breslau, của mấy ông bạn bên *Abwehr*. Dĩ nhiên, làm gián đoạn công việc của anh chỉ vì anh trót sờ soạng gái Do Thái thì kỳ cục quá.”

“Ông là người rất độ lượng, *Herr Obersturmbannführer*,” Oskar nói, và cảm nhận được lời đề xuất về một dạng tiền trà nước đang tích tụ trong Czurda. “Nếu có bao giờ tôi có cơ hội báo đáp cử chỉ hào hiệp này...”

“Quả tình là,” Czurda nói, “căn hộ của bà bác tôi vừa bị bom dọn sạch.”

Lại một bà bác nữa. Schindler tặc lưỡi đầy thông cảm, và nói đại diện của ngài cảnh sát trưởng luôn được hoan nghênh trên phố Lipowa để tùy ý lựa chọn từ các dòng sản phẩm ra lò ở đây.

Nhưng Oskar biết không nên để loại người như Czurda nghĩ rằng việc thả ông là một ân huệ tuyệt đối và chỗ đồ bếp là sự báo đáp tối thiểu của người tù may mắn được phóng thích. Khi Czurda bảo ông có thể về, Oskar phản đối. “Tôi không thể cứ thế gọi xe đến đón được, *Herr Obersturmbannführer*. Nói cho cùng, quỹ xăng của tôi cũng có hạn.”

Czurda hỏi có phải Herr Schindler muốn được SD đưa về.

Oskar nhún vai. Nhà ông ở tận đầu kia thành phố. Khá xa nếu đi bộ.

Czurda bật cười. “Oskar, thôi để tôi cho tài xế đưa anh về.”

Nhưng khi chiếc limousine đã nổ máy sẵn sàng, tại bậc thang cuối cùng, vào lúc Schindler đang liếc nhìn những cửa sổ trống trơn trên đầu, tìm kiếm một tín hiệu từ nền cộng hòa kia, từ vương quốc của tra tấn, của giam cầm vô điều kiện - chốn địa ngục sau song sắt của những người không có xoong nồi mà đánh đổi - thì Rolf Czurda nắm khuỷu tay ông giữ lại.

“Đùa giỡn là một chuyện, Oskar thân mến. Còn thì anh chớ đại đâm đầu vào mấy cái váy Do Thái ấy. Chúng không có tương lai đâu, Oskar. Đó không phải là truyền thống căm ghét Do Thái đang phát ngôn đâu, tôi đảm bảo. Đó là chính sách.”

(43) Lực lượng Cảnh sát Ba Lan, được tái thiết lập và đặt dưới quyền chỉ huy của chính quyền Đức sau khi Đức chiếm đóng Ba Lan. Họ mặc sắc phục màu xanh lam, nên được gọi là Cảnh sát Xanh.

(44) Những lỗ nhỏ để quản giáo bí mật theo dõi tù nhân.

(45) Một liên minh các thành phố cảng ở Bắc Đức thời Trung đại, rất giàu có và mạnh về thương mại.

CHƯƠNG 13

Thậm chí đến hè năm ấy, cư dân trong bốn bức tường vẫn nuôi hy vọng ghetto là một chốn nương thân chật hẹp nhưng lâu bền. Vào năm 1941, người ta cũng dễ tin vào điều đó. Trong ghetto có bưu điện; rồi cả con tem bưu chính riêng. Ghetto cũng có một tờ báo, tuy nội dung chẳng có gì ngoài những sắc lệnh từ Wavel và phố Pomorska. Một nhà hàng được phép mở cửa ở phố Lwowska: nhà hàng Foerster, nơi anh em nhà Rosner, đã tạm biệt những hiểm nguy nơi thôn dã và đám thính giả nông dân ưa thay đổi, biểu diễn violin và accordion. Đã có lúc người ta tưởng rằng việc giáo dục sẽ tiếp tục diễn ra tại những trường lớp đảng hoàng, rằng dàn nhạc sẽ tập hợp và trình diễn thường xuyên, và rằng đời sống Do Thái sẽ được lan tỏa như một thực thể ôn hòa trên đường phố, từ thợ thuyền sang thợ thuyền, từ học giả sang học giả. Giới chức SS ở phố Pomorska vẫn chưa có những động thái tối hậu cho thấy ý tưởng về kiểu ghetto ấy không chỉ hoang đường mà còn sỉ nhục xu thế logic của lịch sử.

Thế nên khi *Untersturmführer* Brandt triệu Chủ tịch *Judenrat* Artur Rosenzweig đến Pomorska để ném mùi cán roi ngựa, y muốn đánh chính ảo tưởng vô phương cứu chữa của ông ta rằng ghetto là chốn định cư lâu dài. Đây chỉ là một kho hàng, một đoạn tàu tránh, một bến xe có tường bao. Mọi thứ cổ vũ tư tưởng trái ngược lại đã, đến năm 1942, bị thủ tiêu.

Bởi vậy nơi này rất khác ghetto mà người già vẫn nhớ, thậm chí là hoài vọng. Ở đây âm nhạc không phải là nghề, Không có gì là nghề hết. Henry Rosner làm việc tại bếp ăn tập thể của *Luftwaffe* căn cứ không quân Đức. Ở đây anh gặp tay bếp trưởng/quản lý trẻ người Đức tên gọi Richard, một chàng trai hay cười đang, trong khả năng của một đầu bếp, lẩn trốn lịch sử thế kỷ 20 giữa thế giới của bếp núc và quản lý quầy bar. Anh với Henry Rosner hợp nhau đến nỗi Richard sẽ cử chàng nghệ sĩ violin sang đầu kia thành phố nhận lương cho công ty Dịch vụ ăn uống *Luftwaffe* - dân Đức không thể tin được, Richard nói; thẳng lần trước đã ôm tiền trốn sang Hungary đấy.

Richard, như mọi bartender đích thực, nghe được nhiều chuyện và chiêm được cảm tình của giới sĩ quan. Ngày đầu tháng Sáu, anh đến ghetto cùng bạn gái, một cô gái *Volksdeutsche* mặc áo choàng dài quét đất - không có gì quá đáng nếu xét đến những trận mưa rào tháng Sáu. Do nghề nghiệp của mình, Richard quen biết khá nhiều cảnh sát, trong đó có *Wachtmeister* Oswald Bosko, nên không gặp khó khăn gì để vào ghetto, dù đúng ra anh không được đến đây. Sau khi đã vào trong, Richard băng qua Plac Zgody và tìm thấy nơi ở của Henry Rosner. Henry bất ngờ khi thấy họ. Anh vừa chia tay Richard ở nhà ăn vài tiếng trước, vậy mà giờ Richard và bạn gái đã ở đây, ăn vận như một cuộc viếng thăm trang trọng. Điều đó càng củng cố cảm giác của Henry về sự bất thường của mùa hè. Hai ngày qua, cư dân ghetto đã xếp hàng trước tòa nhà Ngân hàng Tiết kiệm Ba Lan cũ trên phố Józefińska để nhận chứng minh thư mới. Trên thẻ *Kennkarte* vàng dán ảnh hộ chiếu màu sepia và in chữ J to màu xanh, viên thư lại người Đức sẽ - nếu ai may mắn - dán một cái nhãn màu xanh lơ. Người ta rời ngân hàng, tay vấy tấm thẻ dán nhãn *Blauschein* như thẻ nó xác nhận quyền hít thở của họ, giá trị vĩnh viễn của họ. Những ai làm việc cho bếp ăn tập thể của *Luftwaffe*, ga ra của *Wehrmacht*, xưởng của Madritsch, Emalia của Schindler, và nhà máy Tiến bộ đều được nhận *Blauschein* không khó khăn gì. Những ai bị từ chối đều cảm thấy tư cách công dân - cho dù ở ghetto - của họ trở nên bấp bênh.

Richard nói cậu bé Olek Rosner nên đến nhà bạn gái anh ở tạm. Hẳn anh đã nghe được gì đó tại bếp ăn tập thể. Nhưng nó ra khỏi cổng thế nào được, Henry nói. Tôi đã thu xếp với Bosko rồi, Richard đáp.

Henry và Mancini ngần ngừ, hội ý với nhau trong khi cô gái mặc áo choàng hứa vỗ béo Olek bằng sô cô la. *Aktion* à? Henry Rosner thì thầm. Sắp sửa có *Aktion* phải không?

Richard trả lời bằng một câu hỏi. Anh có *Blauschein* chưa? Tất nhiên, Henry nói. Còn Mancini? Mancini cũng vậy. Nhưng Olek thì không, Richard đáp. Giữa buổi chiều tà mưa lất phất, Olek Rosner, con một, vừa tròn sáu tuổi, ra khỏi ghetto dưới lớp áo choàng của bạn gái Richard anh đầu bếp. Nếu có viên cảnh sát nào vén áo lên

kiểm tra, có lẽ cả Richard và cô gái sẽ bị xử bắn vì gian dối để giúp bạn. Olek cũng sẽ biến mất. Trong góc phòng vắng bóng con, vợ chồng Rosner chỉ mong mình đã hành động đúng.

*

Poldek Pfefferberg, chân chạy của Oskar Schindler, hồi đầu năm được lệnh làm gia sư cho con của Symche Spira, thợ lắp kính vừa thăng chức, sếp của OD. Mệnh lệnh này sắc mùi khinh miệt, như thể Spira muốn nói, “Phải, ta biết chú không đủ sức làm việc đàn ông, nhưng chí ít chú cũng có thể truyền cho con ta vài phần ích lợi từ học vấn của chú.”

Pfefferberg mua vui cho Schindler bằng chuyện đi dạy nhà Symche. Viên cảnh sát trưởng là một trong những cư dân Do Thái hiếm hoi được cấp riêng một tầng nhà. Ở đó, giữa đám chân dung hai chiều của các giáo sĩ Do Thái thế kỷ 19, Symche đi đi lại lại, nghe Pfefferberg giảng bài, hình như muốn thấy tri thức, như hoa đã yên thảo, trở ra từ tai lũ trẻ. Một người gặp hạnh vận, tay đút vào trong áo, y tin động tác mang màu sắc Napoleon này là cử chỉ phổ biến ở mọi nhân vật có quyền lực.

Vợ Symche là một phụ nữ nhòa nhạt, hơi hoang mang trước quyền lực bất ngờ của chồng, có lẽ bị bạn bè cũ xa lánh ít nhiều. Lũ trẻ, cậu em mười hai còn cô chị mười bốn, ngoan ngoãn nhưng không phải mẫu học trò thông tuệ.

Bất luận thế nào, khi đến Ngân hàng Tiết kiệm Ba Lan, Pfefferberg nghĩ mình sẽ được cấp *Blauschein* chẳng khó khăn gì. Anh đinh ninh việc gia sư cho lũ trẻ nhà Spira sẽ được xem là ngành nghề quan trọng. Tám thẻ vàng xác nhận anh là GIÁO SƯ TRUNG HỌC, và trong một thế giới lý tính tới nay mới chỉ bị đảo lộn một phần, đó vẫn là một danh hiệu khả kính.

Nhóm thư lại từ chối cấp cho anh tám dán. Anh tranh cãi với họ và nghĩ xem nên cầu cứu Oskar hay là Herr Szepessi, quan chức người Áo phụ trách văn phòng Lao động Đức ở cuối phố. Cả năm nay Oskar đề nghị anh về Emalia, nhưng Pfefferberg vẫn thấy không thể đi làm cả ngày vì vướng bận quá nhiều với chuyện buôn lậu.

Khi anh từ tòa nhà ngân hàng bước ra, Cảnh sát An ninh Đức, Cảnh sát Xanh Ba Lan và đội chính trị của OD đang hoạt động trên vỉa hè, kiểm tra thẻ và bắt giữ ai không có tấm dán. Một hàng người bị từ chối, những khuôn mặt hồ thẹn, đã đứng giữa phố Józefińska. Pfefferberg phô ra tác phong sĩ quan Ba Lan và giải thích tất nhiên là anh có một số nghề nghiệp. Nhưng viên *Schupo* lắc đầu, “Đừng trình bày với tao; không có *Blauschein* hả; đứng vào hàng. Hiểu chưa, Do Thái?”

Pfefferberg đành đứng vào hàng. Mila, cô gái mảnh mai, xinh đẹp anh cưới mười tám tháng trước, làm việc cho Madritsch và đã có *Blauschein*. Ra là thế đấy.

Khi hàng người vượt quá một trăm, họ được lừa đi qua góc phố, qua bệnh viện, đến sân nhà máy bánh kẹo Optima cũ. Ở đây đã có ba trăm người đợi sẵn. Những người đến trước đã trú ở chỗ có mái che, trước đây là chuồng ngựa, nơi đội ngựa của nhà máy một thời được đóng vào những xe thồ chất đầy sô cô la vị kem hoặc rượu mùi. Đây không phải là một nhóm ô hợp. Họ đều có nghề nghiệp tử tế, nhân viên ngân hàng như anh em nhà Holzer, dược sĩ hay nha sĩ. Họ đứng thành từng tốp, rì rầm nói chuyện. Anh được sĩ trẻ Bachner trò chuyện với một cặp vợ chồng già tên Wohl. Khá nhiều người già. Già và nghèo, những người sống dựa vào khẩu phần của *Judenrat*. Mùa hè này, chính *Judenrat*, cơ quan phân phối lương thực và thậm chí cả chỗ ở, cũng ít công bằng hơn năm ngoái.

Y tá của bệnh viện ghetto đi dọc hàng người bị bắt giữ, xách theo xô nước, được cho là có thể giúp họ giảm stress và chóng mặt. Bất luận thế nào, đây cũng là thứ thuốc duy nhất bệnh viện có thể phát cho họ, ngoài một chút xyanua từ chợ đen. Người già, và các gia đình nghèo ở quê, nhận nước với vẻ bồn chồn lặng lẽ.

Suốt ngày hôm ấy, ba loại cảnh sát liên tục đưa người vào sân. Sau đó tất cả xếp thành từng hàng ở cổng, được SS tiếp quản và giải ra ga Prokocim. Nỗi sợ phải đi chuyển sau thôi thúc một số người ra đứng tận đầu sân bên kia. Nhưng tác phong của Pfefferberg là loanh quanh ở cổng, tìm một sĩ quan để đề đạt nguyện vọng. Có thể Spira sẽ ở đây, ăn mặc như diễn viên điện ảnh và đồng ý - sau vài câu giễu cợt thô thiển - thả anh ra. Trên thực tế,

trong bất giác là một cậu trai mặt buồn đội mũ OD đang xem xét một danh sách, cầm tờ giấy bằng những ngón tay thanh mảnh. Pfefferberg không chỉ là đồng nghiệp với cậu một thời gian, mà trong năm đầu làm nghề giáo tại Trường trung học Kosciuszko ở Podgórze, từng dạy chị cậu.

Cậu ngẩng lên. Panie Pfefferberg, cậu thốt lên với sự kính trọng của những ngày đã xa. Như thể trong sân toàn đầu trộm đuôi cướp, cậu hỏi Panie Pfefferberg làm gì ở đây.

Vớ vẩn ấy mà, Pfefferberg nói, nhưng tôi chưa có *Blauschein*.

Cậu lắc đầu. Anh đi theo em, cậu nói. Cậu dẫn Pfefferberg ra cổng gặp một sĩ quan *Schupo* mặc quân phục và làm động tác chào. Nhìn cậu chẳng có vẻ gì là anh hùng với chiếc mũ OD ngộ nghĩnh và cần cổ gầy gò, yếu đuối. Sau này, Pfefferberg nghĩ chính điều đó khiến cậu đáng tin hơn. “Đây là Herr Pfefferberg của *Judenrat*,” cậu nói dối bằng sự kết hợp khéo léo giữa kính trọng và thẩm quyền. “Ông ấy đi thăm người nhà.” Viên *Schupo* có vẻ mệt mỏi với khối lượng công việc đồ sộ trong sân. Y uể oải vẫy tay cho phép Pfefferberg đi ra. Pfefferberg chẳng kịp cảm ơn cậu hay nghĩ ngợi về bí ẩn tại sao một cậu bé với cái cổ gầy gò lại mạo hiểm cả tính mạng để nói dối giúp mình chỉ vì mình từng dạy chị cậu môn vòng treo.

Pfefferberg chạy thẳng đến Văn phòng Lao động và chen hàng lên trước. Ngồi sau bàn là Fraulein Skoda và Knosalla, hai cô gái Sudeten gốc Đức hồn hậu. “*Liebchen, Liebchen*,”⁽⁴⁶⁾ anh bảo Skoda, “họ muốn bắt tôi vì không có tấm dán. Nhìn tôi xem, tôi xin cô.” (Thế trạng anh như bò mộng, từng là thành viên đội tuyển khúc côn cầu và trượt tuyết quốc gia Ba Lan) “Chẳng phải tôi chính là loại cô cần ở đây sao?”

Bất chấp đám đông cả ngày chẳng cho cô nghỉ ngơi một phút nào, Skoda nhướn mày và không nén nổi nụ cười. Cô đón tấm *Kennkarte* của anh. “Tôi không giúp được, Herr Pfefferberg. Họ không cấp cho anh, nên tôi không thể. Rất tiếc...”

“Nhưng cô có thể mà, *Liebchen*,” anh van nài bằng chất giọng cao, quyến rũ, đậm màu cải lương. “Tôi có nghề, *Liebchen*, tôi có nghề mà.”

Skoda bảo chỉ có Herr Szepessi mới giúp được anh, nhưng cô không thể thu xếp cho Pfefferberg gặp Szepessi được. Phải mất mấy ngày. “Nhưng cô sẽ cho tôi vào mà, *Liebchen*,” Pfefferberg năn nỉ. Và cô cho thật. Đây là lý do khiến cô có tiếng là nhân hậu, vì cô tách khỏi dòng chảy ào ạt của chính sách và có thể, kể cả vào ngày đông khách, đáp ứng một cá nhân riêng lẻ. Tuy nhiên, một lão già mặt mũi sần sùi chưa chắc đã gặp may như vậy với cô.

Herr Szepessi, người cũng có tiếng là nhân hậu cho dù đang phục vụ cỗ máy tội ác, liếc qua giấy tờ của Pfefferberg và nhỏ nhẹ, “Nhưng chúng tôi không cần giáo viên thể dục.”

Trước giờ Pfefferberg vẫn luôn từ chối đề nghị tuyển dụng của Oskar bởi anh tự coi mình là người điều phối, một kẻ độc lai độc vãng. Anh không muốn làm ca kíp ăn đồng lương còi cọc ở một xó ẩm đạm như Zablocie. Giờ anh mới nhận ra, thời đại của chủ nghĩa cá nhân đã chấm dứt. Người ta cần, như một nhu yếu phẩm để sinh tồn, có nghề. “Tôi là thợ đánh bóng kim loại,” anh bảo Szepessi. Anh có thời gian làm cho ông chú ở Podgórze, quản lý một nhà máy cơ khí nhỏ ở Rekawka.

Herr Szepessi nhìn Pfefferberg qua cặp kính. “À,” ông nói, “*cái đó mới gọi là nghề*.” Ông cầm bút, gạch hết dòng chữ GIÁO SU TRUNG HỌC, xóa bỏ học vấn Jagiellonia mà Pfefferberg từng rất tự hào, viết đè lên: THỢ ĐÁNH BÓNG KIM LOẠI. Ông nhặt con dấu cao su, lọ hồ, và lấy từ ngăn kéo ra một tấm dán màu xanh. “Bây giờ,” ông nói, trả giấy tờ lại cho Pfefferberg - “nếu có gặp *Schupo*, cậu có thể cam đoan rằng cậu là thành viên hữu ích của xã hội.”

Đến cuối năm Szepessi tội nghiệp sẽ bị đày đi Auschwitz vì quá dễ bị thuyết phục.

(46) Tiếng Đức, nghĩa là em yêu, cưng.

CHƯƠNG 14

Từ nhiều nguồn khác nhau - cả viên cảnh sát Toffel lẫn gã say Bosch ở *Ostfaser*, cơ sở dệt của SS, Oskar Schindler nghe được tin đồn rằng “việc xử lý ghetto” (bất kể cái đó là gì) sẽ ngày một quyết liệt hơn. SS sắp điều đến Cracow một số đơn vị *Sonderkommando* cứng cựa từ Lublin, nơi họ vừa lập thành tích xuất sắc về thanh lọc sắc tộc. Toffel khuyên Oskar, nếu không muốn gián đoạn sản xuất, phải thu xếp chỗ ngủ cho công nhân ca đêm đến tận lễ Sabbath đầu tiên của tháng Sáu.

Oskar bèn mở ký túc xá ở khu văn phòng và ở xưởng đạn dược tầng trên. Một số vui vẻ ngủ lại. Số khác còn vợ con, bố mẹ đợi họ trong ghetto. Ngoài ra, họ còn có *Blauschein*, tấm dán xanh thần thánh, trên *Kennkarte*.

Ngày 3 tháng Sáu, Abraham Bankier, quản lý văn phòng của Oskar, không có mặt ở phố Lipowa. Schindler vẫn ở nhà, uống cà phê trên phố *Straszewskiego* khi thư ký gọi điện. Cô thấy Bankier bị lừa ra khỏi ghetto, thậm chí không dừng ở *Optima* mà đi thẳng ra ga *Prokocim*. Trong đoàn có cả một số công nhân của *Emalia*. Như *Reich*, *Leser*... phải độ một tá.

Oskar gọi cho ga ra bảo mang xe đến nhà. Ông lái qua sông, chạy thẳng xuống *Lwowska* và ra *Prokocim*. Tại đây, ông xuất trình thẻ cho lính gác. Bãi tập kết đầy những đoàn xe gia súc, sân ga chen chúc những công dân phế thải của ghetto, đang xếp hàng một cách trật tự, vẫn tin vào - mà có lẽ họ đúng - vào giá trị của việc ngoan ngoãn và thụ động phục tùng. Đó là lần đầu tiên Oskar chứng kiến sự kè cậ của người với toa gia súc, và tai nghe không sốc bằng mắt thấy; ông đứng lại giữa sân ga. Ông nhìn thấy một thợ kim hoàn quen. Có gặp Bankier không? ông hỏi. “Ông ấy lên tàu rồi, Herr Schindler,” người kia đáp. “Tàu này đi đâu đây?” ông hỏi. “Họ báo sẽ đưa chúng tôi đến trại lao động. Gần Lublin. Chắc cũng chẳng tệ hơn đâu...” Ông ta vẫy tay về phía *Cracow*.

Schindler rút ra một bao thuốc lá, tìm thêm vài tờ 10 *złoty* rồi đưa cả cho người thợ kim hoàn. Ông ta cảm ơn. Lần này họ bị bắt đi tay

trắng. SS nói sẽ gửi hành lý theo sau. Cuối năm ngoái, Schindler thấy trên Bản tin Ngân sách và Xây dựng của SS thông báo mời thầu xây lò hỏa thiêu cho một trại tại Đông Nam Lublin. Bełżec. Schindler nhìn lại người thợ kim hoàn. Độ sáu ba, sáu tư. Hơi gầy; có lẽ mùa đông trước đã bị viêm phổi. Mặc complet kẻ chỉ, trời này thì hơi nóng. Và trong đôi mắt sáng, hiểu biết toát ra khả năng chịu đựng những khổ sở hữu hạn. Tới tận hè năm 1942, vẫn không ai đoán nổi mối liên hệ giữa những con người như thế và những lò nung có dung tích khổng lồ kia. Chúng định khởi phát bệnh dịch trong đám tù nhân chăng? Đó phải chăng là biện pháp?

Bắt đầu từ đầu máy, Schindler đi dọc một chuỗi hơn hai mươi toa xe, gọi tên Bankier với những khuôn mặt hóng xuống từ ô cửa chắn song cao trên thành toa. May mắn cho Abraham là Oskar không bắn khoăn tự hỏi vì sao mình lại gọi tên Bankier, vì sao mình không dừng lại, nghĩ đến chuyện Bankier cũng chỉ có giá trị tương đương mọi cái tên khác bị nhồi lên đoàn tàu *Ostbahn*. Một người theo thuyết hiện sinh chắc đã bỏ cuộc khi thấy đám đông ở Prokocim, choáng váng trước lời van cầu thống thiết ngang nhau từ mọi cái tên và giọng nói. Nhưng Schindler vốn là người ngây thơ về triết học. Ông biết những người ông biết. Ông biết tên Bankier, “Bankier! Bankier!” ông tiếp tục gọi.

Một viên SS *Oberscharführer* trẻ chặn ông lại, một chuyên viên vận tải đường sắt từ Lublin. Anh ta hỏi giấy tờ của Schindler. Oskar thấy tay trái anh ta có một danh sách dày cộp - toàn những cái tên.

Công nhân của tôi, Schindler đáp. Công nhân ngành công nghiệp thiết yếu. Quản lý văn phòng của tôi. Thật ngu xuẩn. Tôi có hợp đồng với Tổng cục Quân giới, và các anh đưa đi những người tôi cần để hoàn thành chúng.

Ông không đòi được đâu, anh ta nói. Họ đã vào danh sách rồi. Viên hạ sĩ quan đã có kinh nghiệm rằng danh sách có chung một đích đến cho tất cả.

Oskar hạ giọng xuống, kiểu làm rầm rần rồi quen thuộc, tiếng gầm gừ của một người ưa nói lý lẽ, quan hệ rộng, và còn chưa định viện đến những bạn bè làm lớn. *Herr Oberscharführer* có biết phải mất

bao lâu để đào tạo được chuyên gia thay thế những người trong danh sách không? Ở nhà máy của tôi, Deutsche Email Fabrik, có một xưởng đạn dược dưới sự bảo hộ đặc biệt của tướng Schindler, người cùng họ với tôi. Và không chỉ có các đồng đội của *Oberscharführer* ở mặt trận Nga bị ảnh hưởng vì sản xuất gián đoạn, mà Tổng cục Quân giới cũng sẽ yêu cầu giải thích.

Anh ta lắc đầu - chỉ là một nhân viên tiếp vận bị quấy rầy. “Những chuyện như này tôi đã nghe qua rồi, thưa ngài.” Nhưng anh ta cũng lo. Oskar nhìn ra điều đó, tiếp tục ghé sát và nói nhẹ nhàng nhưng với sắc thái đe dọa. “Ở địa vị mình tôi không tranh cãi với danh sách,” Oskar nói. “Thượng cấp của anh đâu?”

Anh ta gật đầu chỉ về một sĩ quan SS, một người ngoài ba mươi, lông mày nhíu lại trên cặp kính. “Xin ông cho biết tên, *Herr Untersturmführer*?” Oskar hỏi, rút trong túi ra một cuốn sổ.

Viên sĩ quan cũng thuyết một tràng về tính thần thánh của bản danh sách. Với y, đó là căn cứ an toàn, hợp lý, duy nhất của toàn bộ vụ vận chuyển người Do Thái và điều động toa xe này. Nhưng Schindler đã gay gắt hơn. Chuyện danh sách tôi đã nghe rồi, ông nói. Cái tôi muốn hỏi là tên của *Untersturmführer* đây. Ông định sẽ khiêu nại trực tiếp lên *Oberführer* Scherner, và lên tướng Schindler của Tổng cục Quân giới.

“Schindler?” viên sĩ quan hỏi. Bây giờ y mới nhìn kỹ Oskar. Người này ăn vận như một trùm tư bản, đeo huy hiệu xịn, có người thân cấp tướng. “Tôi dám cam đoan với ông, *Herr Untersturmführer*,” giọng Schindler hòa nhã rì rầm, “rằng chỉ trong tuần này ông sẽ có mặt ở miền Nam nước Nga.”

Viên hạ sĩ quan đi trước, Herr Schindler và viên sĩ quan sóng bước theo sau, giữa hàng tù nhân và những toa gia súc đầy người. Đầu máy đã xả khói và người lái tàu đang thò đầu khỏi cabin, ngó xuống đuôi tàu, chờ lệnh xuất phát. Viên sĩ quan báo cho các nhân viên *Ostbahn* họ gặp trên sân ga tạm dừng. Sau cùng họ đến một toa gần cuối. Có một tá công nhân ở đây với Bankier; họ đã lên tàu cùng nhau, như để đợi cùng được giải thoát. Cửa mở và tất cả nhảy xuống - Bankier và Frankel ở văn phòng; Reich, Leser và những

người khác ở nhà máy. Họ kiềm chế, không muốn ai phát hiện ra mình hân hoan vì được giải cứu. Những người còn lại trên xe bắt đầu chuyện trò hoan hỉ, như thể họ may mắn được đi một toa rộng rãi chừng ấy, trong khi bằng từng nét gạch đậm, viên sĩ quan lần lượt xóa tên từng công nhân Emalia khỏi danh sách rồi đề nghị Oskar ký tên xác nhận.

Khi Schindler cảm ơn viên sĩ quan rồi quay lưng bỏ đi với nhóm công nhân, y nắm khuỷu tay Oskar lại. “Thưa ngài,” y nói, “việc này chẳng ảnh hưởng gì đến chúng tôi hết, xin ngài hiểu cho. Một tá này hay tá khác cũng vậy.”

Viên sĩ quan, khi mới gặp Oskar còn nhú mày, giờ đây tỏ ra bình thản, như thể đã khám phá ra nguyên lý của vấn đề. Người tưởng mười ba gã thợ thiếc nhỏ nhoi của người quan trọng à? Chúng ta sẽ thay mười ba gã thợ thiếc khác, và đánh bại hoàn toàn sự đa cảm của người với chúng. “Chỉ phiền toái vụ danh sách, thế thôi,” viên sĩ quan giải thích.

Bankier bé nhỏ tròn trịa thú nhận cả nhóm đã không lưu tâm đến chuyện xếp hàng nhận *Blauschein* tại Ngân hàng Tiết kiệm Ba Lan. Schindler, bỗng nhiên gắt gỏng, bảo họ lo cho xong đi. Nhưng đằng sau sự cộc cằn ấy là nỗi kinh sợ với đám đông ở Prokocim, những người, vì muốn tấm dán màu xanh, đứng chờ biểu tượng mới và định đoạt thân phận của họ, những toa gia súc, được đầu máy nặng nề kéo qua trước mắt họ. Giờ thì, toa xe bảo họ, chúng ta đều là súc vật cả.

CHƯƠNG 15

Nhìn mặt công nhân, Oskar có thể đọc thấy phần nào nỗi khổ sở của ghetto. Bởi ở đây người ta không có thời gian để nghỉ lấy hơi, không có chỗ để ổn định, để hình thành thói quen, hay xác lập nếp sống gia đình. Nhiều người lẩn tránh và tìm thấy một dạng an ủi trong việc nghi ngờ tất cả - từ người ở chung phòng đến viên cảnh sát OD ngoài phố. Nhưng ngay cả người tỉnh táo nhất cũng chẳng biết có thể tin ai. “Mỗi người,” nghệ sĩ trẻ Josef Bau viết về một ngôi nhà trong ghetto, “đều có thể giới bí mật và nghi vấn của riêng mình.” Trẻ con im bật khi nghe tiếng cầu thang cọt két. Người lớn tỉnh dậy từ ác mộng bị lưu đày và cướp đoạt để nhận ra mình đã bị lưu đày và cướp đoạt, trong một căn phòng chen chúc của Podgórze - những sự kiện trong mơ, mùi vị của nỗi sợ trong mơ, đã tìm thấy sự tiếp nối trong nỗi sợ của hiện thực. Những tin đồn ghê gớm đeo đuổi họ vào phòng, trên phố, tới nhà máy. Spira có danh sách mới dài gấp đôi, gấp ba lần trước. Tất cả trẻ con sẽ bị đưa đến Tarnow để bắn, đến Stutthof để chìm chết, đến Breslau để tẩy não, để làm mất gốc, để phẫu thuật. Anh còn bố mẹ già không? Những người trên năm mươi sẽ bị đưa đến mỏ muối ở Wieliczka. Để làm việc à? Không. Để nhốt vào những hầm muối bỏ hoang.

Những tin đồn này, phần lớn đến tai Oskar, xuất phát từ bản năng của loài người là ngăn chặn cái ác bằng cách nói thành lời - đón đầu Số phận bằng cách cho thấy trí tưởng tượng của ta chẳng kém gì người. Nhưng tháng Sáu ấy, những mộng mị và rì rầm khủng khiếp nhất đã có hình hài, và tin đồn hoang đường nhất đã thành hiện thực.

Phía Nam ghetto, bên kia phố Rekawka, là một quả đồi cây phủ. Có một sự riêng tư, như những bức tranh công thành thời Trung cổ, trong việc từ đây có thể nhìn vượt bức tường phía Nam vào ghetto. Khi cưỡi ngựa lên triền đồi, bản đồ ghetto sẽ mở ra trước mắt, và dọc đường đi ta có thể thấy những gì xảy ra ở đường phố bên dưới.

Schindler nhận thấy lợi thế này khi cưỡi ngựa lên đây với Ingrid vào mùa xuân. Giờ đây, choáng váng trước cảnh tượng tại ga

Prokocim, ông quyết định lên đây lần nữa. Buổi sáng sau khi giải cứu Bankier, ông thuê ngựa từ tàu của Công viên Bednarskiego. Trông họ thật hoàn mỹ, ông và Ingrid, với áo jacket đuôi dài, quần kỵ sĩ và đôi ủng bóng loáng. Hai người Sudeten tóc vàng ở cao vời vọi, cách xa cái tổ kiến hỗn loạn tên gọi ghetto.

Họ xuyên rừng cây lên đồi và phi nước đại một quãng trên đồng cỏ. Từ trên lưng ngựa lúc này họ có thể thấy phố Wegierska, những đám đông tập hợp ở góc bệnh viện và, gần hơn, một đội SS dắt chó nghiệp vụ, sục vào từng nhà, các gia đình túa ra phố, mặc vội áo khoác bất kể trời nóng, với tâm lý sẽ vắng mặt dài ngày. Ingrid và Oskar gò cương ngựa vào dưới bóng cây và theo dõi cảnh tượng ấy, bắt đầu để ý thấy từng chi tiết của bức tranh. Cảnh sát OD trang bị dùi cui đang phối hợp với SS. Một số có vẻ nhiệt tình, bởi sau vài phút đứng trên đồi quan sát Oskar đã thấy ba phụ nữ lừng khừng ăn dùi cui vào vai. Ban đầu trong ông bốc lên một cơn giận ngây thơ, SS đang dùng Do Thái để trị Do Thái. Tuy nhiên về sau có thể thấy rằng một số cảnh sát OD sử dụng dùi cui để tránh cho nạn nhân khỏi những điều tệ hại hơn. Dù gì đi nữa, OD đã có luật mới: nếu anh không lừa được nhà khác ra đường, chính nhà anh sẽ phải trả giá.

Schindler cũng nhận thấy trên phố Wegierska đang hình thành hai hàng người. Một hàng đứng yên, nhưng hàng còn lại, mỗi khi dài thêm, từng khúc lại được cắt ra, giải đến góc phố Józefińska, và đi khuất tầm mắt. Không khó giải thích việc tập hợp và di chuyển này, bởi Schindler và Ingrid, vây quanh là rừng thông và từ trên cao nhìn xuống ghetto, chỉ cách nơi đang diễn ra *Aktion* độ hai ba dãy nhà.

Sau khi bị lừa ra khỏi nhà, các gia đình bị tách vào hai hàng bất kể quan hệ huyết thống. Những cô con gái mới lớn có giấy tờ hợp lệ đi vào hàng cố định, từ đây họ gọi với sang những bà mẹ đứng tuổi ở hàng bên kia. Một công nhân ca đêm, mặt hầy còn mờ dẫn vì mất giấc, bị chỉ vào một hàng, còn vợ con sang hàng kia. Ngay trên phố, anh ta tranh cãi với một viên OD. Kệ mẹ *Blauschein!* Tôi muốn đi cùng Eva và đứa nhỏ.

Một lính SS mang súng can thiệp. Đứng cạnh đám đông *Ghettomenschen*⁽⁴⁷⁾ bợt bạt, một sinh vật như gã, trong bộ quân

mục mùa hè mới là, nhìn cực kỳ no đủ và tươi mới. Từ trên đồi, ta có thể thấy dầu bóng trên khẩu súng lục trong tay gã. Gã đánh vào mang tai người chồng và cộc cằn hét vào mặt anh ta. Schindler, mặc dù không nghe thấy, biết chắc đó là những lời mình đã từng nghe, ngoài ga Prokocim. Chẳng ảnh hưởng gì đến tao sất. Muốn sang với con đĩ Do Thái của mày à, sang đi! Người đàn ông được dẫn sang hàng kia. Schindler thấy anh ta lết lên ôm vợ, và, lợi dụng cử chỉ phu thê nghĩa nặng ấy, một phụ nữ khác đã lủi vào nhà mà không bị SS *Sonderkommando* phát hiện.

Oskar và Ingrid quay ngựa, băng qua một đại lộ bỏ hoang, rồi sau vài mét, leo lên một phiến đá vôi bằng phẳng nhìn thẳng xuống Krakusa. Nhìn ở cự ly gần hơn, phố này không nhộn nháo như Wegierska. Một hàng người, phụ nữ và trẻ em, không dài lắm, đang bị dẫn về phố Piwna. Một lính gác đi trước, một tên khác theo sau. Dòng người toát ra một sự bất cân xứng: quá nhiều trẻ em so với khả năng sinh nở của vài người phụ nữ trong hàng. Tha thần ở cuối hàng là một em bé, không rõ trai hay gái, mặc áo và đội mũ màu đỏ tươi. Sự hiện diện này sở dĩ thu hút sự chú ý của Schindler vì nó đưa ra một tuyên ngôn, như người công nhân ca đêm ưa tranh cãi trên phố Wegierska. Tuyên ngôn ấy, tất nhiên, liên quan đến niềm đam mê màu đỏ.

Schindler tham khảo Ingrid. Nhất định là một bé gái, Ingrid đáp. Con gái mê mẩn màu sắc, đặc biệt là những màu như thế.

Trong khi họ quan sát, người lính *Waffen* SS ở cuối hàng thỉnh thoảng lại lấy tay chỉnh lại cái nút đỏ xộc xệch này. Anh ta không nặng tay - có lẽ ở nhà cũng có em gái. Giả thử được cấp trên yêu cầu làm gì đó để nguội bớt lòng lân mẩn của những thường dân chứng kiến, chắc anh cũng chẳng thể làm tốt hơn. Thành thử nỗi âu lo đạo đức của hai kỹ sĩ trong công viên Bednarskiego chột lẳng xuống một cách khó hiểu trong giây lát. Nhưng chẳng được bao lâu. Vì phía sau đoàn phụ nữ và trẻ em đang rời đi, kết thúc bằng em bé áo đỏ như một dấu chấm ngoằn ngoèo, từng toán SS có chó đi kèm đang tiến về phía Bắc, triển khai ở cả hai bên đường.

Chúng càn quét qua những căn hộ hôi hám; như để báo hiệu sự gấp rút của chúng, một chiếc va li phi qua cửa sổ tầng hai và xổ tung

ra trên vỉa hè. Và, chạy trước bầy chó, những đàn ông đàn bà trẻ em đã trốn vào góc xép hoặc tủ tường, tủ áo không ngăn kéo và thoát khỏi đợt lục soát đầu tiên, đổ xô ra đường, la hét và hỗn hển vì khiếp sợ đàn chó Dobermann. Tất cả như bị tua nhanh khiến hai khán giả trên đồi khó theo dõi. Những người chạy ra bị bắn ngay giữa lề đường, ngã nhào trên rãnh nước, máu chảy ồ ạt xuống cống. Có hai mẹ con, cậu bé độ tám tuổi, hoặc mười nhưng hơi còi, nấp dưới bậu cửa sổ ở phía Tây phố Krakusa. Oskar sợ thay cho họ, một nỗi sợ vô phương kiềm chế, một cơn kinh hãi trong huyết quản khiến bắp đùi ông lỏng ra trên yên và suýt khiến ông ngã ngựa. Ông nhìn sang Ingrid và thấy hai tay cô xoắn chặt trên dây cương. Bên tai ông là tiếng cô cảm thán và cầu khẩn.

Ông quay phắt về hướng Krakusa tìm em bé áo đỏ. Chúng hành động cách chỗ em chỉ nửa dãy nhà; chúng không thềm đợi cho hàng người của em đi khuất sang phố Józefińska. Có lẽ ban đầu Schindler chưa lý giải được tính nhất quán giữa điều này và những vụ sát nhân trên vỉa hè. Nhưng, nó vẫn cho thấy, theo một cách không ai chối bỏ được, mục đích đáng sợ của chúng. Giữa lúc em bé áo đỏ dừng chân trong hàng và quay đầu nhìn lại, chúng bắn vào cổ người mẹ, và một tên, khi cậu bé thút thít tuột xuống bức tường, giẫm ủng lên đầu cậu cho khỏi cựa quậy, áp nòng súng vào sau gáy - đúng bài bản của SS - và bóp cò.

Oskar lại đưa mắt tìm cô bé áo đỏ. Em đã dừng lại, đã quay đầu, và đã thấy chiếc ủng hạ xuống. Khoảng cách giữa em và người áp chót trong hàng đã nói rộng. Và người lính SS lại như một người anh chinh đồn em gái, đẩy em lại vào hàng. Herr Schindler không hiểu vì sao anh ta không đánh em bằng báng súng, bởi ở đầu kia phố Krakusa, lòng nhân từ đã bị hủy bỏ.

Cuối cùng Schindler tuột xuống ngựa, vấp ngã, và thấy mình đang quỳ dưới đất, ôm một gốc thông. Ông cảm thấy phải đè nén cơn buồn nôn muốn mửa bữa sáng thịnh soạn ra, bởi vì ông ngờ rằng tất cả những gì cơ thể giao hoạt của mình đang làm là dọn chỗ để tiêu hóa thảm cảnh trên phố Krakusa.

Việc chúng không hổ thẹn, những kẻ cũng do mẹ sinh ra và phải viết thư về nhà (chúng viết gì trong thư nhỉ?), không phải là khía

cạnh tôi tệ nhất mà Oskar phải chứng kiến. Ông biết rằng không ai hổ thẹn, bởi người lính cuối hàng không thấy cần phải ngăn em bé chứng kiến sự việc. Điều tôi tệ nhất là, không ai hổ thẹn, tức là có sự phê chuẩn chính thức. Sẽ chẳng ai còn có thể lẩn tránh bằng cách núp sau ba chữ văn hóa Đức, hay sau những tuyên ngôn được giới lãnh đạo nói ra để miễn cho các cá nhân vô danh việc ra khỏi vườn nhà hay nhìn qua cửa sổ và chứng kiến hiện thực trên vỉa hè. Trên phố Krakusa, Oskar đã nhìn thấy chính phủ Đức đưa ra một tuyên ngôn chính sách không thể bị bác bỏ như một sai lầm nhất thời. Những người lính SS, Oskar dám chắc, đã thực thi mệnh lệnh của lãnh đạo, bởi nếu không thì người đồng đội ở cuối hàng sẽ chẳng để một đứa trẻ chứng kiến.

Tới cuối ngày, khi đã hấp thụ một lượng brandy, Oskar mới thấu hiểu ý nghĩa của tuyên ngôn ấy. Chúng cho phép nhân chứng, những nhân chứng như em bé áo đỏ, bởi chúng tin rằng mọi nhân chứng đều sẽ tiêu vong.

*

Ở góc Plac Zgody (Quảng trường Hòa bình) là hiệu thuốc của Tadeus Pankiewicz. Đây là một dược phòng kiểu cũ. Những bình sứ ghi danh pháp Latin của các dược phẩm cổ truyền, và mấy trăm ngăn kéo nhỏ xinh, nhẵn bóng, giấu kín sự phức tạp của kho tàng dược liệu khỏi cư dân Podgórze. Dược sư Pankiewicz ngụ ngay tầng trên, được chính quyền cho phép và theo yêu cầu của các bác sĩ của ghetto. Ông là người Ba Lan duy nhất được ở lại trong ghetto. Ông là người trầm lặng, mới ngoài bốn mươi, và đam mê tri thức. Họa sĩ ẩn tượng người Ba Lan Abraham Neumann, nhà soạn nhạc Mordechai Gebirtig, nhà khoa học kiêm triết gia tiến sĩ Rappaport, và Leon Steinberg nhà nghiên cứu triết học đều năng lui tới chỗ Pankiewicz. Ngôi nhà còn là cơ sở giao liên, hộp thư liên lạc giữa Lực lượng Vũ trang Do Thái (ZOB) và du kích Quân đội Nhân dân Ba Lan. Dolek Liebeskind trẻ tuổi, Shimon và Gusta Dranger, các lãnh đạo của ZOB Cracow, thỉnh thoảng cũng đến đây, nhưng bí mật. Họ không muốn làm Tadeus Pankiewicz bị liên lụy bởi hoạt động của mình, vốn - khác với chính sách hợp tác của *Judenrat* - hàm chứa sự phản kháng quyết liệt và không khoan nhượng.

Những ngày đầu tháng Sáu, quảng trường trước hiệu thuốc Pankiewicz trở thành bãi tập kết. “Ngoài sức tưởng tượng,” sau này mỗi lần nhắc tới Quảng trường Hòa bình Pankiewicz lại nói vậy. Trên bãi cỏ giữa quảng trường, mọi người được phân loại lần nữa và được lệnh để hành lý lại - Không, không, hành lý sẽ gửi đến sau! Ở bức tường trống phía Tây, những ai phản kháng hoặc bị phát hiện có giấy tờ Aryan giả mạo sẽ bị xử bắn mà không cần giải thích hay nêu lý do gì cho những người ở giữa sân. Tiếng sấm rền vang của súng trường phá vỡ mọi đối thoại và hy vọng. Thế nhưng bất chấp tiếng kêu gào than khóc của người thân các nạn nhân, một số người - bị sốc hoặc đang tập trung một cách tuyệt vọng vào cuộc sống - hình như không nhận thấy đồng xác. Sau mỗi lần xe tải đến và xác được từng nhóm đàn ông Do Thái chất lên xe, những ai còn lại giữa quảng trường ngay lập tức nói về tương lai. Và Pankiewicz sẽ nghe thấy câu nói ông đã nghe suốt cả ngày từ các hạ sĩ quan SS, “Xin đảm bảo với bà, thưa bà, người Do Thái các vị sẽ được lao động. Chúng tôi làm sao phung phí các vị được?” Cơn khao khát đến điên dại muốn được tin sẽ trần trụi hiện lên trên mặt những phụ nữ ấy. Và các binh sĩ SS, mới quay lại từ những cuộc hành quyết ở bức tường, lại ung dung đi giữa đám đông và hướng dẫn mọi người cách ghi tên lên hành lý.

Đứng ở Bednarskiego, Oskar Schindler không nhìn được vào Plac Zgody. Nhưng cả Pankiewicz bên quảng trường, lẫn Schindler trên đồi, đều chưa bao giờ chứng kiến những thảm cảnh vô cảm đến thế. Như Oskar, ông lên cơn buồn nôn, tai ông lùng bùng những ảo thanh, như vừa bị đánh vào đầu. Quá đối hoang mang trước sự ồn ào và man rợ ấy, ông không biết rằng trong số những người chết tại quảng trường có bạn ông Gebirtig, tác giả bài hát nổi tiếng “Đô thành rực cháy”, và Neumann người nghệ sĩ ôn hòa. Các bác sĩ bắt đầu đổ vào hiệu thuốc, hỗn hển vì vừa chạy hai dãy phố từ bệnh viện đến. Họ cần băng cứu thương - họ vừa kéo những người bị thương từ ngoài đường vào. Một bác sĩ vào hỏi thuốc kích nôn. Đang có hơn chục người nôn ọe hoặc hôn mê vì nuốt xyanua. Một kỹ sư người quen của Pankiewicz đã lén bỏ thuốc vào mồm khi vợ không để ý.

Bác sĩ trẻ Idek Schindel, làm việc tại bệnh viện ghetto ở góc phố Wegierska, được một phụ nữ hót hải bảo rằng lính Đức đang bắt trẻ con. Bà thấy lũ trẻ bị xếp hàng trên phố Krakusa, trong đó có Genia. Buổi sáng, Schindel gửi Genia cho hàng xóm - anh là người trông nom cô bé ở ghetto; bố mẹ em vẫn trốn ở quê, đang tìm cách lên vào ghetto, mảnh đất, đến hôm nay, vẫn ít hiểm nguy hơn. Sáng hôm ấy Genia, vốn luôn là một phụ nữ độc lập, đã tha thân từ nhà bác hàng xóm về chỗ em đang sống với chú Idek. Em bị bắt ở đây. Chính từ đó mà Oskar Schindler, từ công viên, đã bị sự xuất hiện vắng mẹ của em trong hàng người trên phố Krakusa thu hút.

Cởi chiếc áo phẫu thuật, bác sĩ Schindel chạy vội ra quảng trường và thấy em gần như ngay lập tức, ngồi trên bãi cỏ, tỏ vẻ điềm tĩnh giữa bức tường lính gác. Bác sĩ Schindel biết rõ tính giả tạo của màn trình diễn ấy, sau nhiều đêm tỉnh giấc để vỗ yên những cơn ác mộng của em.

Anh đi men rìa quảng trường và cô bé thấy anh. Đừng gọi, anh muốn nói; để chú tìm cách. Anh không muốn gây chú ý, vì cái kết có thể sẽ tồi tệ cho cả hai. Nhưng anh chẳng cần lo, bởi đã thấy mắt cô bé lịm đi và tỏ ra xa lạ. Anh đứng lặng, sửng sò vì sự giáo hoạt vừa đáng phục vừa đáng thương của em. Ở tuổi lên ba em thừa biết không nên cất tiếng gọi chú để thỏa lòng trong chốc lát. Em biết sẽ chẳng thể cứu vãn được nếu thu hút sự chú ý của SS vào chú Idek.

Idek đang chuẩn bị nội dung để trình bày với viên *Oberscharführer* cao lớn đứng bên bức tường hành quyết. Tốt nhất không nên tiếp cận sĩ quan chỉ huy một cách quá khúm núm, hoặc thông qua thuộc cấp. Quay nhìn cô bé lần nữa, anh cảm giác như mắt em chớp chớp, và rồi, với vẻ bình thản đáng khâm phục của một con bạc chuyên nghiệp, em bước qua giữa hai lính SS đứng gần nhất, và ra ngoài hàng rào lính gác. Em di chuyển chậm chạp đến đầu tim, một cảnh tượng tất nhiên làm chú em kích động đến nổi về sau mỗi khi nhắm mắt anh vẫn thường thấy hình ảnh em giữa một rừng bớt SS cổ cao lấp loáng. Khắp Plac Zgody không ai thấy em. Em duy trì cái nhịp bước nửa vấp vấp, nửa nghi thức của kẻ chơi bài tháu cáy ấy tới tận góc hiệu thuốc của Pankiewicz, rồi đi tiếp sang mặt khuất của

con phố. Bác sĩ Schindel phải rất kiềm chế để không hoan hô. Dù màn trình diễn xứng đáng có khán giả, điều ấy sẽ làm hỏng nó.

Anh sợ rằng mình không thể đi theo em ngay mà không làm lộ màn kịch của em. Cố nén sự bốc đồng thường nhật, anh tự thuyết phục mình rằng cái bản năng bắt bại đã giúp cô bé thoát khỏi Plac Zgody sẽ giúp em tìm thấy nơi ẩn náu. Anh theo đường khác quay về bệnh viện để cho em thời gian.

Genia quay về căn phòng của hai chú cháu trên phố Krakusa. Con phố không một bóng người, hoặc, nếu có ai còn sót lại, nhờ khôn lanh hoặc tường giả, thì họ cũng không ra mặt. Em vào nhà, trốn dưới gầm giường. Trên đường về nhà, từ góc phố, Idek thấy SS đi rà soát lần chót, và gõ cửa. Nhưng Genia không trả lời. Đến khi anh về em cũng không thưa. Chẳng qua là anh biết chỗ tìm, khoảng trống giữa rèm với cửa sổ kéo, và thấy, lấp loáng trong cái âm u của căn phòng, đôi giày đỏ của em ẩn dưới viền tấm ga giường.

Lúc này, dĩ nhiên, Schindler đã trả ngựa về chuồng. Ông không có mặt trên đồi để chứng kiến thắng lợi nhỏ bé nhưng vinh quang của Genia áo đỏ, trở về nơi SS bắt được em lúc trước. Ông về đóng cửa ngòi lì trong văn phòng ở DEF, thấy việc chia sẻ tin dữ cho những công nhân ca ngày quá khó khăn. Mãi về sau, bằng thái độ rất không đặc trưng cho một Herr Schindler vui tính, vị khách ưa thích tại những bữa tiệc của Cracow, kẻ tiêu tiền như nước của Zablocie, bằng thái độ của - sau lớp vỏ ngoài lạnh tử - một quan tòa không khoan nhượng, Oskar nhấn mạnh ý nghĩa đặc biệt của ngày này. “Kể từ hôm nay,” ông tuyên bố, “không một kẻ biết nghĩ nào có thể không thấy những gì sẽ đến. Giờ đây, tôi quyết tâm làm tất cả những gì có thể để đánh bại chế độ này.”

(47) Tiếng Đức, nghĩa là người trong ghetto.

CHƯƠNG 16

Ss tiếp tục lùng sục ghetto cho đến tối thứ Bảy. Chúng hoạt động với sự hiệu quả mà Oskar đã chứng kiến qua những vụ hành quyết trên phố Krakusa. Những trận đột kích của chúng rất khó dự báo, những ai thoát được vào thứ Sáu lại bị bắt vào thứ Bảy. Nhưng Genia vẫn sống sót, nhờ năng khiếu giữ im lặng trước tuổi và khả năng tàng hình trong màu đỏ.

Ở Zablocie, Schindler không dám tin cô bé áo đỏ lại qua được *Aktion*. Qua Toffel và những mối quan hệ khác tại trụ sở cảnh sát trên phố Pomorska, ông được biết bảy ngàn người đã được thanh lọc khỏi ghetto. Một quan chức Gestapo tại Văn phòng các Vấn đề Do Thái hân hoan xác nhận thông tin ấy. Trong giới chức ở Pomorska, *Aktion* tháng Sáu được đánh giá là thắng lợi.

Những tin tức kiểu này của Oskar đã trở nên chính xác hơn. Chẳng hạn, ông biết *Aktion* vừa qua do một nhân vật là Wilhelm Kunde điều hành, nhưng chỉ huy trực tiếp là SS *Obersturmführer* Otto von Mallotke. Oskar không lưu hồ sơ, nhưng ông sẵn sàng cho một thời đại mới, khi ông sẽ báo cáo đầy đủ cho Canaris hoặc cả thế giới. Điều đó sẽ đến sớm hơn dự kiến. Trước mắt, ông điều tra những hiện tượng trước đây ông xem như sự bệnh hoạn nhất thời. Ông lấy thông tin từ cảnh sát, từ những người Do Thái đầu óc tỉnh táo như Stern. Tin tình báo từ các nơi khác trên đất Ba Lan được tuồn vào ghetto, một phần qua tiệm thuốc của Pankiewicz, từ du kích của Quân đội Nhân dân Ba Lan. Dolek Liebeskind, thủ lĩnh nhóm kháng chiến Akiva Halutz, cũng đem đến thông tin thu thập được từ các ghetto khác, qua công việc chính thức và phải đi lại thường xuyên của anh tại Công xã Do Thái tự cường, một tổ chức vẫn được Đức - do phải dè chừng Chữ thập đỏ - cho phép tồn tại.

Tiết lộ tin này cho *Judenrat* cũng chẳng ích gì. Hội đồng *Judenrat* quan niệm rằng về mặt dân sự không nên cho các cư dân ghetto biết về trại tập trung. Như vậy chỉ khiến người dân hoang mang dẫn tới mất trật tự trên đường phố, và sẽ khó tránh khỏi trừng phạt. Tốt hơn cứ mặc cho họ nghe tin đồn, tự kết luận đấy chỉ là phóng đại,

rồi lại tiếp tục hy vọng. Đây là thái độ chung của hầu hết các Ủy viên Hội đồng - kể cả dưới thời vị Chủ tịch tử tế Artur Rosenzweig. Nhưng Rosenzweig thôi rồi. Tay thương gia David Gutter, nhờ cái họ Đức, sẽ sớm trở thành Chủ tịch *Judenrat*. Khẩu phần thực phẩm giờ đây không chỉ chịu sự xà xẻo của quan chức SS, mà còn của cả Gutter và các Ủy viên Hội đồng mới, với đại diện trên đường phố là Symche Spira đi bất cổ cao. *Judenrat* bởi vậy chẳng còn lợi ích trong việc thông báo cho cư dân ghetto về đích đến dự kiến của họ, bởi các Ủy viên tin rằng bản thân sẽ không phải ra đi.

Hiểu biết đầu tiên của ghetto, và tin tức có ý nghĩa quyết định với Oskar, đến sau sự trở về Cracow - tám ngày sau khi bị bắt lên tàu rời Prokocim - của dược sĩ trẻ Bachner. Không ai biết bằng cách nào anh vào được ghetto, hay tại sao anh trở lại chốn này, chỉ để bị SS bắt đưa đi lần nữa. Nhưng, tất nhiên, chính sự thôi thúc của những điều anh biết đã mang Bachner trở về.

Câu chuyện của anh lan truyền khắp Lwowska và những con phố đằng sau Plac Zgody. Tôi đã thấy điều kinh hoàng tối hậu, anh quả quyết. Mắt anh loạn thần, tóc anh bạc trắng sau mấy ngày vắng mặt. Anh nói, tất cả dân Cracow bị bắt hồi tháng Sáu được đưa đến trại Belzec, sát biên giới Nga. Khi đến ga, họ bị lính Ukraine lừa xuống bằng dùi cui. Nơi này tỏa ra một mùi hôi đáng sợ, nhưng một sĩ quan SS tử tế giải thích đó là mùi thuốc sát trùng. Tất cả xếp hàng trước hai nhà kho lớn, một treo biển **ÁO KHOÁC**, cái kia ghi **TƯ TRANG**. Những người mới đến được lệnh cởi quần áo, và một cậu bé Do Thái phát cho mỗi người một đoạn dây để buộc giày lại với nhau. Kính và nhẫn cũng phải tháo ra. Tiếp đến, trần truồng, tù nhân được cạo trọc đầu; một hạ sĩ quan SS bảo người ta cạo tóc họ để làm một vật phẩm đặc biệt cho thủy thủ tàu ngầm. Sẽ mọc lại thôi, y nói, nuôi dưỡng ảo tưởng về sự hữu dụng của họ. Cuối cùng, các nạn nhân được lừa vào một lối đi rào thép gai, đến những boongke gần ngôi sao David bằng đồng trên mái, treo biển **PHÒNG TẮM VÀ HÍT THỞ**. Linh SS trấn an họ suốt quá trình này, khuyên họ hít thở sâu, rằng đó là cách sát trùng hiệu quả. Bachner nhìn thấy một cô bé đánh rơi vòng tay xuống đất, một cậu bé ba tuổi nhặt lên, vừa nghịch chiếc vòng vừa bước vào boongke.

Trong boongke, Bachner kể, tất cả bị phun hơi ngạt. Sau đó từng toán lính được điều vào, dỡ ngọn kim tự tháp xác người ra và đem thi thể đi chôn. Chưa đầy hai ngày, tất cả đã chết, trừ anh. Trong khi chờ đến lượt ở một khu đất có rào, không hiểu vì sao anh lén vào được một hố xí rồi chui xuống bể phốt. Anh nấp dưới đấy ba ngày, phân và nước tiểu ngập đến cổ. Mặt anh, anh kể, thành một tổ ruồi. Anh ngủ đứng, chèn người vào thành hố vì sợ chết đuối. Sau cùng, đến đêm, anh bò ra.

Không biết vì sao anh đi bộ được ra khỏi Belzec, men theo đường sắt. Ai nấy đều hiểu, anh thoát được chính vì hành động của anh đã ra ngoài lý trí. Cũng như vậy, anh được người ta rửa ráy - một nông phụ, chắc thế - rồi cho quần áo mới để lên đường trở về nơi xuất phát.

Đến tận lúc đó, tại Cracow vẫn còn có người cho rằng chuyện của Bachner là một tin đồn nguy hiểm. Họ hàng đã nhận được bưu thiếp từ các tù nhân tại Auschwitz. Nghĩa là có thể chuyện ở Belzec có thật, nhưng ở Auschwitz thì không. Mà chắc gì đã đáng tin? Với khẩu phần cảm xúc ít ỏi của ghetto, người ta sống qua ngày bằng cách bầu vùi vào điều đáng tin.

Các phòng hơi ngạt ở Belzec, theo nguồn tin của Schindler, vừa được hoàn thành tháng Ba năm ấy dưới sự giám sát của một công ty kỹ thuật ở Hamburg và các kỹ sư của SS ở Oranienburg. Theo lời chứng của Bachner, nơi này thừa sức đạt công suất ba ngàn lượt sát sinh một ngày. Lò hỏa thiêu đang được xây dựng, vì lo ngại lối tiêu hủy xác chết cũ cản trở phương thức sát sinh mới. Chính nhà thầu tại Belzec đã lắp đặt hệ thống đồng dạng ở Sobibor, cũng thuộc Lublin. Hồ sơ thầu đã được phê duyệt, việc xây dựng đã được triển khai với một cơ sở tương tự ở Treblinka, gần Warsaw. Cả phòng lẫn lò đã đi vào hoạt động tại trại Auschwitz chính và trại Auschwitz II rộng lớn cách Birkenau vài ki lô mét. Quân kháng chiến khăng định, mười ngàn lượt sát nhân một ngày hoàn toàn trong khả năng của Auschwitz II. Vùng Łódź thì có trại ở Chelmno, cũng được trang bị công nghệ mới.

Giờ đây, viết ra những điều này chỉ là thuật lại chuyện bình thường của lịch sử. Nhưng phát hiện ra chúng vào năm 1942, bị

chúng rơi xuống đầu giữa bầu trời tháng Sáu, là một cú sốc sâu xa, một sự đảo lộn trong vùng tâm thức nơi gìn giữ những quan niệm bền vững về nhân loại và những gì nhân loại có thể làm. Khắp châu Âu mùa hè ấy, hàng triệu người, trong đó có Oskar và những cư dân ghetto Cracow, đã vật vã điều chỉnh cơ chế tâm hồn để tiếp nhận Belzec và những cơ sở tương tự trong rừng Ba Lan.

Cùng hè năm ấy, Schindler chấm dứt tình trạng phá sản của Rekord và, theo điều khoản của Tòa Thương mại Ba Lan, mua lại quyền sở hữu công ty trong một cuộc đấu giá mang tính hình thức. Dù quân Đức đã vượt sông Don và đang tiến về vựa dầu Caucasus, từ những gì chứng kiến trên phố Krakusa, Oskar dự đoán rằng rốt cuộc chúng không thể thắng lợi. Do vậy ông muốn tranh thủ thời cơ hợp pháp hóa tối đa quyền sở hữu nhà máy ở phố Lipowa. Ông nuôi hy vọng, một cách gần như con trẻ và sẽ chẳng được lịch sử đếm xỉa đến, rằng sự sụp đổ của tên bạo chúa sẽ không tước đi sự hợp pháp ấy - rằng sang thời đại mới ông sẽ tiếp tục là đứa con thành đạt của Hans Schindler xứ Zwittau.

Jereth ở nhà máy bao bì tiếp tục hối thúc ông xây lán - làm nơi trú ẩn - ở khu đất trống của mình. Oskar lo hết các giấy tờ cần thiết. Nơi nghỉ ngơi cho công nhân ca đêm là lý do của ông. Gỗ ông đã có - do chính Jereth quyên tặng.

Khi hoàn thiện vào mùa thu, công trình nhìn mỏng manh và ọp ẹp. Vách tường có màu xanh của gỗ tươi và xem ra sẽ còn co ngót, để tuyết rơi xiên lọt vào. Ấy thế nhưng vào đợt *Aktion* tháng Mười, đây sẽ là nơi trú ẩn của hai vợ chồng Jereth, của công nhân nhà máy bao bì, xưởng máy sười, và công nhân ca đêm của Oskar.

Oskar Schindler, người mỗi sáng sương giá có *Aktion* lại từ văn phòng đi xuống nói chuyện với viên sĩ quan SS, với viên phụ tá Ukraine, với Cảnh sát Xanh, và với toán OD sẽ từ Podgórze sang để hộ tống công nhân ca đêm của ông về nhà; Oskar Schindler, người vừa uống cà phê vừa gọi điện đến văn phòng của *Wachtmeister* Bosko cạnh ghetto để bịa ra lý do vì sao công nhân ca đêm của ông phải ở lại phố Lipowa sáng nay - con người này giờ đây đã vượt quá giới hạn của tập quán kinh doanh thận trọng và tự đặt mình vào vòng nguy hiểm. Những nhân vật thế lực đã hai lần lôi ông ra tù

chẳng thể làm thế mãi cho dù ông có hào phóng mỗi lần sinh nhật họ đến thế nào chẳng nữa. Năm nay không thiếu những nhân vật thế lực bị tổng vào Auschwitz. Nếu họ chết ở đây, vợ góa của họ nhận được một bức điện tín nhật nhẽo và vô cảm của viên Commandant. “CHỒNG BÀ ĐÃ CHẾT TRONG TRẠI TẬP TRUNG AUSCHWITZ.”

Bosko cao lêu nghêu, gầy hơn Oskar. Giọng nói cục cằn, và cũng là dân Czech gốc Đức. Gia đình anh, giống như Oskar, thuộc diện bảo thủ và tôn thờ các giá trị Đức truyền thống. Anh đã có một thời gian ngắn ôm niềm hy vọng Đại Đức khi Hitler lên nắm quyền, giống như bầu nhiệt huyết Đại Âu châu của Beethoven dành cho Napoleon. Tại Vienna, nơi anh theo ngành thần học, Bosko đã gia nhập SS - một phần để khỏi phải đăng lính *Wehrmacht*, một phần vì cơn cuồng nhiệt chóng tàn. Nay anh đã hối hận và đang, nhiệt thành hơn là Oskar nghĩ, sám hối. Ở thời điểm này, Oskar chỉ biết đây là người luôn sẵn lòng ngấm phá hoại một *Aktion*. Bosko chịu trách nhiệm về ngoại vi của ghetto, và từ văn phòng ở ngoài bức tường, anh nhìn cảnh tượng *Aktion* với niềm kinh hãi đích thực, bởi anh, như Oskar, tự xem mình là một nhân chứng tiềm năng.

Oskar không biết rằng vào đợt *Aktion* tháng Mười, Bosko đã tuần vài chục trẻ em trong ghetto ra ngoài bằng thùng các tông. Ông cũng không biết rằng viên *Wachtmeister* này cung cấp mỗi lần cả chục giấy thông hành cho quân nổi dậy. Lực lượng vũ trang Do Thái (ZOB) ở Cracow khá mạnh. Nòng cốt của nó là thành viên câu lạc bộ thanh niên, đặc biệt là từ Akiva - lấy tên bậc giáo sĩ huyền thoại Akiva ben Joseph, soạn giả kinh Mishna. Lãnh đạo ZOB là hai vợ chồng Shimon và Gusta Dranger - nữ chủ nhân của cuốn nhật ký sẽ thành kinh điển của phong trào Cách mạng - và Dolek Liebeskind. Họ cần tự do ra vào ghetto để tuyển mộ thành viên, vận chuyển tiền, giấy tờ giả, và tờ báo của phong trào. Họ có liên hệ với Quân đội Nhân dân Ba Lan thiên tả, có căn cứ trong rừng quanh Cracow, mà tổ chức này cũng cần giấy tờ do Bosko cung cấp. Chỉ riêng quan hệ của Bosko với ZOB và Quân đội Nhân dân đã đủ lĩnh án treo cổ; nhưng anh vẫn ngấm chế giễu, khinh bỉ bản thân và coi thường

những nỗ lực giải cứu nửa vời. Vì Bosko muốn cứu tất cả, sẽ sớm cố gắng làm như vậy, và sẽ vì thế mà vong thân.

*

Danka Dresner, chị họ của Genia áo đỏ, mười bốn tuổi và giờ đây đã lớn vượt ra khỏi cái bản năng thơ ấu đã giúp cô em bé bỏng an toàn thoát khỏi hàng rào cảnh sát trên Plac Zgody. Dù em đã làm lao công ở căn cứ Luftwaffe, thực tế là vào mùa thu năm ấy bất kỳ phụ nữ nào dưới mười lăm hoặc trên bốn mươi đều có nguy cơ bị bắt đi trại.

Thành thử, vào buổi sáng một nhóm *Sonderkommando* SS và các đội Cảnh sát An ninh tiến vào phố Lwowska, bà Dresner liền đưa Danka xuống Dabrowski, tới nhà một người hàng xóm có tường giả. Chủ nhà là một phụ nữ gần bốn mươi, là người hầu của bếp ăn Gestapo gần Wavel, bởi vậy có thể hy vọng được châm chước chút ít. Nhưng bà có bố mẹ già, đương nhiên bị nguy hiểm. Do vậy bà mới xây một vách ngầm rộng sáu mươi xăng ti mét cho hai cụ, một dự án tốn kém, bởi chỉ có thể đưa lậu gạch vào ghetto bằng xe cút kít, giấu dưới đồng hàng hóa hợp pháp - quần áo cũ, củi và thuốc tẩy uế. Có Chúa mới biết bức vách bí mật này đã tốn của bà bao nhiêu tiền - có thể 5.000 zł, có thể 10.000.

Đã vài lần bà nói chuyện này với bà Dresner. Nếu Có *Aktion*, bà Dresner và Danka có thể đến đây. Thế nên vào buổi sáng họ nghe thấy từ góc phố Dabrowski thứ âm thanh huyền ảo ấy, tiếng sủa của bầy Dalmatian và Doberman, tiếng gầm qua loa phóng thanh của các *Oberscharführer*, Danka và bà Dresner vội vàng chạy tới nhà người bạn.

Khi mẹ con nhà Dresner leo lên cầu thang và tìm được đúng phòng, họ nhận thấy sự huyền ảo ấy đã làm kinh động nữ chủ nhân. “Xem chừng không ổn,” bà ta nói. “Bố mẹ tôi đã trong đó rồi. Thêm con bé nữa thì vừa. Nhưng chị thì không.”

Danka trần trần ngó bức tường cuối phòng, ngó lớp giấy dán lem lố. Trong đó, bị lèn sau lớp gạch, chuột có lẽ đang sục sạo dưới chân, giác quan căng ra vì bóng tối, là cha và mẹ già của người phụ nữ này.

Bà Dresner nhận ra bạn mình không còn tỉnh táo. Con bé thì được, chị thì không, bà ta nhắc đi nhắc lại. Như thể bà ta nghĩ, vì Danka nhẹ cân nên SS sẽ khoan dung hơn nếu phát hiện ra bức tường. Bà Dresner giải thích rằng mình không béo, rằng có vẻ *Aktion* chỉ tập trung vào bên này phố Lwowska, rằng bà chẳng có nơi nào để trốn. Và rằng bà cũng vừa. Danka là đứa tin cậy được, bà nói, nhưng có mẹ trong đó nó sẽ yên tâm hơn. Chị cứ lấy mắt ước lượng mà xem, chỗ này bốn người sánh vai nhau vẫn vừa. Nhưng tiếng súng cách đó hai dãy nhà đã quét phẳng chút lý trí còn sót lại ở người phụ nữ. “Con bé thì được!” bà ta hét lên. “Còn chị thì không!”

Bà Dresner quay sang Danka và bảo em trốn vào bức tường. Chính Danka sau đó cũng không hiểu vì sao mình lại ngoan ngoãn nghe lời mẹ và nín nặng đi trốn đến thế. Chủ nhà đưa em lên gác xép, lật thảm lên, dỡ một tấm ván sàn ra. Danka chui xuống. Dưới đó không tối lắm; hai ông bà đã thắp một mẩu nến. Danka thấy mình đứng cạnh bà cụ - mẹ người khác, nhưng, bên trên mũi cùng khổ, vẫn toát ra mùi hương ấm áp, bảo bọc của tình mẹ. Bà cụ khẽ mỉm cười với em. Ông cụ đứng đầu bên kia, hai mắt nhắm lại, không để bị phân tâm vì ngoại cảnh.

Được một lúc, bà cụ ra hiệu rằng nếu muốn em có thể ngồi xuống. Danka ngồi bó gối theo chiều dọc và tìm được một tư thế thoải mái trên sàn. Không có con chuột nào quấy rầy em. Em không nghe thấy gì - không một lời nào từ mẹ em và bà bạn bên kia bức tường. Nhưng trên hết em bất ngờ cảm thấy an toàn. Và cùng với cảm giác an toàn là nỗi ân hận vì đã máy móc nghe lời mẹ, và lo lắng cho bà, người vẫn ở ngoài kia, trong thế giới của những *Aktion*.

Bà Dresner không về ngay. Lúc này SS đã tới phố Dabrowski. Bà nghĩ có lẽ mình nên nán lại. Nếu bà bị bắt, bạn bà cũng chẳng tổn thất gì. Như thế khéo lại có ích. Bắt được một phụ nữ đây có thể sẽ làm chúng cảm thấy đã hoàn thành nhiệm vụ và không sẫm soi kỹ lớp giấy dán tường.

Nhưng người phụ nữ đã đinh ninh rằng sẽ không ai sống sót nếu bà Dresner lưu lại; còn bà Dresner cũng nhận thấy, nếu chủ nhà vẫn ở trong tình trạng này thì sẽ thế thật. Thế nên bà đứng dậy, bình

thần dập tắt mọi hy vọng của bản thân, và rút lui. Chúng sẽ thấy bà trên ngưỡng cửa hoặc ngoài sảnh. Vì sao không ở ngoài phố? Đã gần như luật bất thành văn, cư dân ghetto phải run rẩy ngồi trong nhà cho đến khi bị phát hiện, nên ai bị bắt khi đang đi cầu thang thì coi như mắc tội thách thức chế độ.

Một bóng người đội mũ kêpi ngăn bà lại. Cậu ta xuất hiện trên ngưỡng cửa, neho mắt nhìn từ hành lang tối tăm đến vùng sáng xanh lạnh của mảnh sân phía trong. Chăm chú nhìn, cậu ta nhận ra bà, và bà cũng vậy. Cậu ta quen con trai lớn của bà; nhưng ai dám chắc điều này có ý nghĩa gì không; ai biết sức ép họ phải chịu trong OD lớn đến mức nào. Cậu vào sảnh và đến gần bà. “Pani Dresner,” cậu nói. Cậu chỉ vào cầu thang “Mười phút nữa chúng sẽ rút đi. Bác cứ nấp dưới cầu thang. Nhanh lên. Nấp dưới cầu thang đi.”

Cũng dờ dẩn như Danka khi tuân lời mẹ, bà tuân lời cậu trai OD, chui xuống gầm cầu thang. Nhưng bà biết không ổn. Ánh sáng mùa thu từ sân sẽ phơi bày bà. Nếu định ngó vào sân, hoặc vào cửa căn hộ nằm cuối hành lang, chúng sẽ thấy bà ngay. Vì lom khom hay đứng thẳng chẳng khác gì nhau, bà bèn đứng thẳng. Từ ngưỡng cửa, cậu trai OD lại giục bà ở yên đấy. Rồi cậu bỏ đi. Bà nghe tiếng la hét, ra lệnh, cầu xin, tất cả như thể đang diễn ra ngay nhà bên cạnh.

Cuối cùng, cậu trở lại với một số người nữa. Bà nghe thấy tiếng chân trước cửa. Bà nghe thấy cậu nói bằng tiếng Đức rằng mình đã lục soát tầng trệt và không có ai ở nhà. Nhưng các phòng tầng trên thì có người. Cuộc đối thoại giữa cậu với lính SS tẻ nhạt đến mức bà cảm thấy nó không phản ánh hết sự mạo hiểm cậu phải trải qua. Cậu đã đặt cược tính mạng của mình vào kịch bản sau khi càn quét Lwowska tới tận cuối phố Dabrowski, bọn chúng không còn đủ mẫn cán để tự mình lục soát tầng trệt, vì thế sẽ không phát hiện ra bà Dresner, người cậu chỉ biết sơ, nấp dưới cầu thang.

Sau cùng chúng tin lời cậu. Bà nghe tiếng chúng lên cầu thang, đóng mở cửa sầm sập trên tầng một, tiếng bột lộp cộp trong căn phòng có tường giả. Bà nghe giọng bạn mình tru tréo, thất thanh... *tôi có giấy phép lao động chứ, tôi làm việc tại bếp ăn Gestapo, tôi biết hết các ngài sĩ quan.* Bà nghe thấy chúng từ tầng hai đi xuống

bắt theo ai đó; không chỉ một người; một đôi vợ chồng, hoặc một gia đình. *Họ thế mạng cho mình*, về sau bà nghĩ. Một giọng đàn ông trung niên khò khè viêm phổi nói, “Nhưng thưa các ngài, chúng tôi có thể mang theo ít quần áo chứ.” Bằng một giọng hồ hững như phu khuân vác ngoài ga khi được hỏi giờ tàu, tên lính SS bảo ông ta bằng tiếng Ba Lan, “Không cần đâu. Ở đó người ta sẽ bao cấp hết.”

Tiếng ồn xa dần. Bà Dresner chờ đợi. Không có trận càn thứ hai. Trận tiếp theo sẽ đến vào ngày mai hoặc ngày kia. Chúng sẽ trở lại, hết lần này đến lần khác, tĩa dần cả ghetto. Sự kiện vào tháng Sáu còn là đỉnh điểm của nỗi kinh hoàng thì tới tháng Mười đã thành chuyện thường nhật. Và dù lòng rất cảm kích cậu trai OD, bà vẫn ý thức rất rõ, khi lên cầu thang đón Danka, rằng một khi việc sát nhân được lên lịch, công nghiệp hóa, và trở thành thông lệ như tại Cracow này, thì anh khó lòng, bằng sự nghĩa hiệp nửa vời, cải biến dòng chảy chủ lưu của chế độ. Những cư dân chính thống hơn ở ghetto có câu châm ngôn - “Sống một giờ cũng là sống.” Cậu trai OD đã cho bà một giờ ấy. Bà biết chẳng ai có thể cho bà thêm nữa.

Trên lầu, người đàn bà có chút hổ thẹn. “Con bé có thể đến bất kỳ lúc nào,” bà ta nói. Nghĩa là, tôi loại chị không phải vì hèn nhát, mà vì đó là chính sách. Và chính sách là bất biến. Chị không được vào, nhưng nó thì được.

Bà Dresner không tranh cãi - bà cảm giác lập trường của bà chủ nhà là một phần của phương trình đã cứu mạng bà dưới sảnh. Bà cảm ơn. Danka có thể sẽ cần đến lòng hiếu khách của bà ta lần nữa.

Từ giờ trở đi, vì bà nhìn trẻ hơn cái tuổi bốn mươi hai và vẫn còn khỏe mạnh, bà Dresner sẽ nỗ lực sinh tồn trên cơ sở đó - cơ sở kinh tế, tức là giá trị giả định mà sức khỏe mang lại cho bà trong mắt Tổng cục Quân giới hay cơ quan nào khác của guồng máy chiến tranh. Nhưng bà chẳng lấy gì làm chắc chắn. Thời buổi này, chỉ cần nhận thức được phân nửa sự thật, ta sẽ hiểu rằng với SS, cái chết của một người Do Thái mà xã hội không được phép nhân nhượng ăn đứt mọi giá trị của người này với tư cách một vật phẩm lao động. Câu hỏi là, trong một thời đại như thế, Ai cứu Juda Dresner, nhân viên mua sắm của nhà máy? Ai cứu Janek Dresner, thợ sửa ô tô tại

xưởng của *Wehrmacht*? Ai cứu Danka Dresner, lao công của *Luftwaffe*, vào buổi sáng mà SS rút cuộc đã quyết định bỏ qua giá trị kinh tế của họ?

*

Trong khi cậu trai OD thu xếp sự sinh tồn của bà Dresner tại hành lang ngôi nhà trên phố Dabrowski, các thành viên Zionist của phong trào thanh niên *Halutz* và ZOB đang chuẩn bị một hành động phản kháng hữu hình hơn. Họ tìm được đồng phục của *Waffen SS* và nhờ vậy có thể vào nhà hàng *Cyganeria* của quân dự bị SS ở Św Ducha Plac bên kia quảng trường, đối diện rạp hát *Slowacki*. Tại đây họ đặt một quả bom thổi tung bàn ghế lên mái nhà, xé vụn bảy lính SS và làm bị thương hơn bốn mươi tên nữa.

Khi nghe tin, Oskar biết suýt nữa mình cũng đã có mặt ở đó, để phình phờ vài gã sĩ quan.

Mục đích sâu xa của Shimon và Gusta Dranger cùng đồng đội là đi ngược lại truyền thống dĩ hòa vi quý của ghetto, biến nó thành phong trào phản kháng tập thể. Họ đánh bom rạp chiếu bóng *Bagatella* dành riêng cho SS tại phố *Karmelicka*. Trong bóng tối nhập nhòa lời hứa hẹn của Leni Riefenstahl về đàn bà Đức, dành cho các binh sĩ mỗi một vì thực hiện nhiệm vụ đất nước giao phó giữa ghetto man rợ này hay trên đường phố ngày một lâm hiểm nguy của Cracow, và chỉ trong chớp mắt một lưỡi lửa khổng lồ vàng rực đã bùng lên nhận chìm tất cả.

Trong mấy tháng liền, ZOB đánh chìm tàu tuần tiểu trên sông *Vistula*, phóng hỏa một cơ sở xưởng ô tô quân sự trong thành phố, cung cấp *Passierschein* cho những người đáng lẽ không được nhận giấy này, tuồn ảnh hộ chiếu vào trung tâm để làm giả giấy tờ Aryan, làm trật bánh đoàn tàu thanh lịch dành riêng cho quân đội chạy tuyến Cracow-Bochnia, và phát hành tờ báo cách mạng của mình. Họ cũng gài bẫy cho hai cấp phó của Cảnh sát trưởng OD Spira, Spitz và Forster, hai kẻ đã lên danh sách bỏ tù hàng ngàn người, rơi vào bẫy phục kích của Gestapo. Họ đã xào lại một trò chơi khăm quen thuộc của sinh viên. Một người bọn họ đóng giả làm chỉ điểm, hẹn hai viên cảnh sát ở một làng gần Cracow. Đồng thời một người

khác cũng vào vai chỉ điểm mật báo cho Gestapo biết hai thủ lĩnh của phong trào kháng chiến Do Thái sẽ xuất hiện tại một điểm hẹn cụ thể. Spitz lẫn Forster đều bị hạ gục khi đang chạy trốn Gestapo.

Tuy vậy, phong cách phản kháng của cư dân ghetto vẫn là của Artur Rosenzweig, người, vào tháng Sáu, khi được yêu cầu lập danh sách trục xuất hàng nghìn người, đã ghi tên mình, vợ và con gái lên hàng đầu.

Còn ở Zablocie, tại sân sau của Emalia, Jereth và Oskar Schindler đang theo đuổi phương thức phản kháng riêng của họ, bằng cách lên kế hoạch xây dựng khu lán thứ hai.

CHƯƠNG 17

Một nha sĩ người áo tên là Sedlacek vừa đến Cracow và đang thận trọng tìm hiểu về Schindler. Ông ta đi tàu từ Budapest đến, mang theo danh sách những đầu mối tiềm năng ở Cracow và, trong chiếc va li hai đáy, một khối lượng lớn tiền zloty của vùng Đức thuộc, tồn chỗ một cách vô lý, nếu xét việc Toàn quyền Frank đã ra lệnh hủy bỏ các mệnh giá lớn của đồng nội tệ Ba Lan.

Ngoài mặt là đi công chuyện làm ăn, kỳ thực ông ta là người đưa thư của tổ chức cứu trợ Zionist ở Budapest.

Tới tận mùa thu năm 1942, cả cộng đồng Zionist ở Palestine, chứ chưa nói gì người dân thế giới, vẫn chưa biết gì ngoài tin đồn về những gì xảy ra ở châu Âu. Họ đã thành lập văn phòng ở Istanbul nhằm thu thập thông tin xác thực. Từ một căn hộ tại khu Beyoglu, ba nhân viên gửi bưu thiếp tới tất cả các tổ chức Zionist ở châu Âu thuộc Đức. Bưu thiếp viết: “Hãy cho tôi biết tình hình của bạn. Eretz rất mong nhớ bạn.” Eretz nghĩa là “xứ sở” và, đối với mỗi người Zionist, là Israel. Tất cả đều ký tên một người trong nhóm, một cô gái tên Sarka Mandelblatt, người có thuận lợi là mang quốc tịch Thổ Nhĩ Kỳ.

Tất cả bưu thiếp đều biệt vô âm tín. Không ai trả lời. Nghĩa là người nhận đang ở trong tù, hoặc trong rừng, hoặc đang lao động khổ sai, hoặc trong ghetto, hoặc đã chết. Những gì văn phòng Zionist ở Istanbul nhận được chỉ là sự im lặng, dấu hiệu tiêu cực của điềm gở.

Cuối thu 1942, rốt cuộc họ đã nhận được một lời phúc đáp, một tấm thiệp in hình khu phố cổ của Budapest. Trong đó viết: “Phần khởi vì được bạn quan tâm. Đang rất cần *rahamim maher* (trợ giúp khẩn cấp). Hãy giữ liên lạc.”

Tấm thiệp của một thợ kim hoàn tại Budapest, tên gọi Samu Springmann, người đã nhận và giải mã được thông điệp của Sarka Mandelblatt. Anh ta là người thấp bé, nhỏ con như nài ngựa, và mới ngoài ba mươi. Từ năm mười ba tuổi, bất chấp đức trung thực bất ly thân, Samu đã bơi trơn quan chức, giúp đỡ ngoại giao đoàn, hồi lộ

giới Cảnh sát mật có tiếng nặng tay của Hungary. Lúc này, Istanbul cho biết họ muốn dùng anh để bơm tiền cứu trợ vào để quốc Đức và qua họ, cung cấp cho thế giới thông tin tình báo xác thực về điều gì đang xảy ra với cộng đồng Do Thái ở châu Âu.

Tại đất Hungary đồng minh với Đức của tướng Horthy, Samu Springmann và các đồng nghiệp Zionist của anh cũng thiếu thông tin minh bạch từ bên kia biên giới Ba Lan chẳng kém gì những người từ Istanbul. Nhưng anh bắt đầu tuyển mộ liên lạc viên, những người, vì một phần của túi thư hoặc vì chính kiến, sẵn sàng thâm nhập vào lãnh thổ Đức. Một trong số đó là lái buôn kim cương, Erich Popescu, điệp viên của Cảnh sát mật Hungary. Một người khác là dân buôn lậu thảm, Bandi Grosz, có thời đã làm việc cho cảnh sát mật, nhưng giờ chuyển sang làm việc cho Springmann để chuộc lại những khổ đau mình gây ra cho người mẹ quá cố. Thứ ba là Rudi Schulz, cao thủ phá két người Áo, điệp viên của Văn phòng điều hành Gestapo ở Stuttgart. Springmann có biệt tài thao túng các điệp viên hai mang như Popescu, Grosz hay Schulz bằng cách khơi dậy sự đa cảm, máu tham và các nguyên tắc, nếu có, ở họ.

Một số liên lạc viên của Samu là những kẻ lý tưởng, có tiền để ổn định. Sedlacek, người hỏi thăm về Herr Schindler tại Cracow hồi cuối năm 1942, thuộc diện này. Công việc nha sĩ của ông ta tại Vienna khá thành đạt và, ở tuổi ngoại tứ tuần, đâu cần phải xách va li hai đáy tới Ba Lan. Thế nhưng ông lại ở đây, với bản danh sách đến từ Istanbul trong túi. Và cái tên thứ hai trong danh sách, là Oskar!

Thế nghĩa là ai đó - Itzhak Stern, nhà buôn Ginter, bác sĩ Alexander Biberstein - đã gửi tên Schindler đến cộng đồng Zionist tại Palestine. Dù bản thân không biết, Herr Schindler đã được đề cử vào vị trí người nghĩa hiệp.

*

Bác sĩ Sedlacek có bạn trong doanh trại của Cracow, một đồng hương từ Vienna, bệnh nhân cũ của ông. Đó là thiếu tá Franz von Korab của quân đội *Wehrmacht*. Tối đầu tiên đến Cracow, vị nha sĩ hẹn uống rượu với thiếu tá von Korab ở khách sạn Cracovia.

Sedlacek đã có một ngày bi thảm; ông ra con sông Vistula xám xịt và nhìn sang Podgórze, pháo đài lạnh lẽo rào dây thép gai, với những bức tường ngất ngưỡng xây từ bia mộ, bên trên lơ lửng một đám mây đặc biệt ảm đạm trong ngày đông u ám này, một trận mưa rét buốt đang trút xuống bên kia cánh cổng giả phía Đông, nơi đến cảnh sát trông cũng như bị nguyên rửa. Đến giờ hẹn với Korab, ông rời đi như được ân xá.

Ngày trước ở Vienna vẫn có lời đồn rằng bà của von Korab là người Do Thái. Các bệnh nhân vẫn nói vu vợ như vậy - với chế độ này, buôn chuyện về dòng dõi cũng bình thường như nói chuyện thời tiết. Khi trà dư tửu hậu, họ sẽ nghiêm túc phỏng đoán liệu chuyện bà của Reinhard Heydrich đã kết hôn với một người Do Thái tên là Suss không. Một lần, trái với lý trí nhưng vì tình bằng hữu, von Korab đã thú nhận với Sedlacek rằng trong trường hợp của mình tin đồn là thật. Đây là một cử chỉ thể hiện sự tin cậy, mà nay ông có thể an toàn hồi đáp. Do vậy Sedlacek bèn hỏi viên thiếu tá về vài người trong danh sách của Istanbul. Tới tên của Schindler, von Korab nở một nụ cười độ lượng. Ông ta biết Herr Schindler, từng ăn tối cùng nhau. Ông ta là người cao to đồ sộ, viên thiếu tá nói, và kiếm tiền luôn tay. Thuộc loại đại trí giả ngu. Tôi có thể gọi ông ta ngay bây giờ và hẹn gặp, von Korab nói.

Mười giờ sáng hôm sau, họ đến văn phòng của Emalia. Schindler lịch sự tiếp đón Sedlacek nhưng quan sát thiếu tá von Korab, ước lượng độ tin cậy của ông ta đối với viên nha sĩ. Sau một hồi Oskar tỏ ra hồ hởi hơn, và viên thiếu tá cáo lui, không ở lại dùng cà phê sớm. “Tốt lắm,” Sedlacek nói, khi von Korab đã ra về, “tôi xin nói thẳng mình từ đầu đến.”

Ông chưa đề cập đến số tiền mang theo, hay khả năng trong tương lai những đối tác tin cậy ở Ba Lan sẽ được nhận những khoản tiền bằng cả gia tài từ Ủy ban Cứu trợ Do Thái. Điều viên nha sĩ muốn biết, không bị yếu tố tài chính chi phối, là Herr Schindler biết gì và nghĩ gì về cuộc chiến chống Do Thái ở Ba Lan.

Nghe câu hỏi của Sedlacek, Schindler lộ vẻ đắn đo. Giây phút ấy, Sedlacek đã chờ đợi một lời từ chối. Nhà máy đang mở rộng của Schindler thuê 550 nhân công Do Thái với mức lương do SS quy

định. Tổng cục Quân giới sẽ đảm bảo cho những người như Schindler nguồn hợp đồng béo bở và lâu dài; và SS đã cam kết với ông, ở mức 7,50 Reichsmark một ngày, nguồn nô lệ ổn định. Sẽ không có gì ngạc nhiên nếu ông ngồi trong chiếc salon da và mũ ni che tai.

“Có một vấn đề, Herr Sedlacek,” ông gầm gừ, “Những gì họ làm với người dân nơi đây đã ra ngoài sức tưởng tượng.”

“Ý ông là,” bác sĩ Sedlacek nói, “ông sợ cấp trên của tôi sẽ không tin ông?”

Schindler đáp, “Đến bản thân tôi cũng khó mà tin nổi.”

Ông đứng dậy, ra chỗ tủ rượu, rót hai ly cognac và đưa một cho bác sĩ Sedlacek. Cầm ly còn lại trở về chỗ ngồi ở bàn làm việc, ông làm một ngụm, nhíu mày nhìn một tờ hóa đơn, nhặt nó lên, nhón chân đi ra cửa và mở toang ra như để bắt quả tang kẻ nghe trộm. Ông đứng trên ngưỡng cửa một lúc lâu. Rồi Sedlacek nghe thấy ông bình thản dặn dò cô thư ký Ba Lan về tờ hóa đơn. Vài phút sau, ông đóng cửa lại, quay về chỗ ngồi, và sau một ngụm rượu dài nữa, bắt đầu kể.

Ngay trong tổ chức nhỏ của Sedlacek, câu lạc bộ chống Quốc xã thành Vienna, tất cả cũng không hình dung nổi phong trào săn Do Thái đã trở nên hệ thống đến thế. Câu chuyện của Schindler không chỉ làm ông ngỡ ngàng từ góc độ đạo đức, ông còn buộc phải tin rằng giữa thời điểm giao tranh sinh tử này, Quốc xã sẵn sàng hy sinh hàng ngàn con người, tài nguyên đường sắt quý giá, không gian khổng lồ của tàu chở hàng, nhiều kỹ thuật cơ khí đắt đỏ, một lượng then chốt các nhà khoa học làm nghiên cứu-phát triển, một phần đáng kể bộ máy hành chính, nguyên những kho vũ khí tự động, nguyên những băng đạn, tất cả chỉ để phục vụ một cuộc diệt chủng không hề có giá trị quân sự hay kinh tế mà chỉ mang ý nghĩa tâm lý. Bác sĩ Sedlacek chỉ chờ đợi những thảm cảnh thông thường - nạn đói, kìm kẹp kinh tế, tàn sát ở nơi này nơi khác, xâm phạm quyền sở hữu - những điều đã quen thuộc trong lịch sử.

Lời khái quát tình hình Ba Lan của Oskar thuyết phục được Sedlacek chính nhờ con người của ông. Ông ăn nên làm ra nhờ sự

chiếm đóng của Đức; ông đang ấm êm trong tổ, với ly brandy trên tay. Từ ông đồng thời toát ra một sự bình thản bề ngoài đáng kinh ngạc và một niềm phần nộ sâu xa. Ông giống như một người vừa nhận ra, trong nỗi hối tiếc, rằng không thể không tin vào điều tồi tệ nhất. Ông chẳng hề có xu hướng ngoa ngôn trong những gì vừa tường thuật.

Nếu tôi thu xếp được visa, Sedlacek hỏi, ông có sẵn sàng đến Budapest để truyền đạt những gì vừa kể cho cấp trên của tôi không?

Schindler có một thoáng ngạc nhiên. Sao ông không viết báo cáo. Chắc ông cũng đã nghe những điều tương tự từ nhiều nguồn khác. Nhưng Sedlacek đáp không, chỉ có những chuyện riêng lẻ, chi tiết của từng vụ việc. Không có bức tranh toàn cảnh. Hãy đến Budapest, Sedlacek nói. Ông lưu ý, chuyến đi có thể sẽ không tiện nghi cho lắm.

Ý ông là, Schindler hỏi, tôi sẽ phải đi bộ vượt biên?

Không đến nỗi thế, vị nha sĩ đáp. Có thể ông sẽ phải đi tàu hàng. Tôi sẽ đi, Oskar Schindler đáp.

Bác sĩ Sedlacek bèn hỏi thăm về những cái tên khác trên danh sách của Istanbul. Ví dụ, đầu danh sách là một nha sĩ. Nha sĩ bao giờ cũng dễ tìm gặp, Sedlacek nói, vì trên đời ai cũng có ít nhất một lỗ hổng chân thực⁽⁴⁸⁾. Không, Herr Schindler đáp. Đừng tìm gặp người này. Y bị SS mua rồi.

Trước khi rời Cracow quay về với Springmann ở Budapest, bác sĩ Sedlacek hẹn gặp Schindler lần nữa. Ở văn phòng của Oskar ở DEF, ông để lại gần như toàn bộ số tiền Springmann đã giao cho ông mang sang Ba Lan. Với một người ưa lạc thú như Schindler, luôn có nguy cơ ông dùng tiền ấy để mua trang sức từ chợ đen. Nhưng cả Springmann và Istanbul đều không đòi hỏi sự cam đoan nào. Họ chẳng bao giờ dám hy vọng được đóng vai kiểm toán.

Cần phải khẳng định Oskar đã hành xử hoàn hảo khi chuyển số tiền cho các đầu mối trong cộng đồng Do Thái để họ toàn quyền tự quyết.

Nghề chính của Mordecai Wulkan, người, giống bà Dresner, sẽ có dịp quen biết Herr Oskar Schindler, là thợ kim hoàn. Vào cuối năm, một thành viên OD tìm đến nhà ông. Không việc gì đâu, anh ta bảo. Hiển nhiên là lý lịch Wulkan có tì vết. Năm ngoái, ông bị OD bắt vì đổi tiền ngoài chợ đen. Khi từ chối làm chỉ điểm cho Phòng Quản lý Tiền tệ, ông bị SS tra tấn. Bà Wulkan đã phải tìm đến *Wachtmeister* Beck ở đồn cảnh sát ghetto và hối lộ để chồng được thả.

Tháng Sáu năm nay, ông bị bắt đi Belzec, nhưng người quen của ông trong OD đã kịp đến cứu và dắt ông khỏi sân nhà máy Optima. Trong OD vẫn có những phần tử Zionist, dù cơ hội được thấy Jerusalem của họ nhỏ nhoi đến đâu đi nữa.

Viên OD đến tìm ông lần này không phải Zionist. SS, người này bảo, đang cần gấp bốn thợ kim hoàn. Chúng cho Symche Spira ba tiếng để giao người. Vậy là Herzog, Friedner, Grüner và Wulkan, bốn thợ kim hoàn, bị tập kết tại đồn cảnh sát OD, rồi bị áp giải khỏi ghetto, đến Học viện Kỹ thuật cũ, nay là nhà kho của Phòng Kinh tế và Quản trị của SS.

Vừa bước vào Học viện, Wulkan đã nhận thấy ngay nơi này có mức độ an ninh rất cao. Cửa nào cũng có lính gác. Tại tiền sảnh, một sĩ quan SS cảnh cáo nếu họ tiết lộ về công việc ở đây với bất kỳ ai, họ sẽ bị tổng vào trại lao động. Hằng ngày họ phải mang theo đồ nghề phân cấp kim cương và thiết bị xác định tuổi vàng.

Họ được dẫn xuống tầng hầm. Quanh tường là những giá chất đầy va li, cặp xách, tất cả đều đề tên, được chủ nhân cũ ghi lại một cách tỉ mỉ và vô ích. Dưới những ô cửa sổ trên cao là một dãy thùng gỗ. Trong khi bốn thợ kim hoàn ngồi xỏm giữa sàn, hai lính SS lôi một va li xuống, khệ nệ khênh ra giữa phòng, đổ ra chỗ Herzog. Chúng lấy một cái khác, đổ xuống trước mặt Grüner. Tiếp đó chúng trút một đồng vàng xuống cho Friedner, rồi đến Wulkan. Toàn vàng cũ - nhẫn, vòng, ghim cài áo, đồng hồ, kính cầm tay, ống điều thuốc lá. Họ phải định tuổi vàng, tách rời vàng mạ và vàng thật, định giá kim cương và ngọc trai. Họ phải phân loại tất cả, theo giá trị và trọng lượng, thành từng đồng riêng rẽ.

Ban đầu họ còn dè dặt nhặt từng món một, nhưng dần tăng tốc khi thói quen nghề nghiệp nổi lên. Khi vàng và trang sức đã chia thành đồng, lính SS để chúng vào các thùng tương ứng. Thùng nào đầy sẽ được dán nhãn sơn đen - REICHSFÜHRER SS BERLIN. *Reichsführer* SS chính là Himmler, người đứng tên nhận trang sức bị tịch thu của cả châu Âu tại Reichsbank. Có khá nhiều nhẫn trẻ em, và anh phải dùng lý trí bình tĩnh để khống chế nhận thức về lai lịch của chúng. Duy có một lần họ chùn tay: khi từ chiếc va li tuôn ra những chiếc răng vàng còn dính máu. Ở đó, chất đồng dưới chân Wulkan, là đại diện cho cả nghìn cái miệng người chết, mỗi người đều kêu gọi ông đứng về phía họ bằng cách đứng dậy, vứt hòn đá phân loại đi và công khai nguồn gốc vấy máu của mớ bảo vật này. Thế rồi, sau phút gián đoạn, Herzog và Grüner, Wulkan và Friedner lại tiếp tục làm việc, dĩ nhiên giờ đây đã nhận thức được giá trị rực rỡ của bất kể loại vàng nào trong miệng mình, và sợ rằng SS rồi sẽ lùng tìm nó.

Mất sáu tuần họ mới xử lý xong đồng của cải ở Học viện Kỹ thuật. Kết thúc ở đây, họ bị đưa đến một ga ra bỏ không được cải tạo thành kho chứa bạc. Các hào sửa xe⁽⁴⁹⁾ đầy tràn đồ bạc - nhẫn, dây chuyền, đĩa lễ Quá hải⁽⁵⁰⁾, đũa ngón tay⁽⁵¹⁾, giáp ngực, mũ miện, giá nến. Họ phân loại bạc nguyên chất và bạc mạ; họ cân đo tất cả. Viên sĩ quan SS phụ trách phàn nàn rằng một số thứ có hình thù kỳ quái, khó đóng gói, Mordecai Wulkan bèn gợi ý nung chảy chúng ra. Có lẽ, với Wulkan, dù ông không thuộc loại sùng đạo, như vậy sẽ tốt hơn, sẽ là một chiến thắng nhỏ nhoi nếu chính quyền Đế chế chỉ nhận được thứ bạc đã bị tước bỏ hình hài Do Thái. Nhưng vì sao đó viên sĩ quan không đồng ý. Có lẽ các đồ vật này dự kiến được đưa vào bảo tàng truyền thống của Đế chế. Mà cũng có thể SS ưa thích nghệ thuật chế tác bạc trong các giáo đường Do Thái.

Khi việc định giá kết thúc, Wulkan trở lại thất nghiệp. Ông thường xuyên phải rời ghetto để kiếm đủ ăn cho gia đình, đặc biệt là cho đứa con gái viêm phổi. Ông làm việc một thời gian trong nhà máy kim khí ở Kazimierz, và quen một sĩ quan SS ôn hòa, *Oberscharführer* Gola. Gola giới thiệu ông làm nhân viên bảo trì cho trại lính SA gần Wavel. Khi xách cờ lê vào nhà ăn, Wulkan thấy trên

cửa có dòng chữ FÜR JUDEN UND HUNDE EINTRITT VERBOTEN: Cấm Do Thái và chó. Thông báo này, cùng hàng trăm nghìn cái rằng ông từng định giá tại Học viện Kỹ thuật, đã thuyết phục ông rằng đến cuối cùng họ chẳng thể chờ đợi sự cứu rỗi từ cử chỉ thuận tay làm phúc của *Oberscharführer* Gola nữa. Gola vẫn uống rượu ở đây mà không để tâm đến tấm biển; và cũng sẽ chẳng để tâm đến sự vắng mặt của gia đình Wulkan vào cái ngày họ bị đưa đến Błżec hay một nơi có hiệu năng tương đương. Thành thử Wulkan, cũng như bà Dresner và cỡ mười lăm nghìn cư dân khác của ghetto, biết rằng cái họ cần là một sự cứu rỗi đặc biệt thần kỳ. Đã có lúc họ không tin rằng điều ấy sẽ đến.

(48) Bona fide cavity. Có lẽ Sedlacek chơi chữ. Bona fide là đáng tin cậy/chân thực, cavity là lỗ hổng/lỗ sâu răng. Bona fide cavity vừa có nghĩa là lỗ sâu răng, vừa ám chỉ câu chuyện bác thợ cạo vào rừng để trút vào một hốc cây bí mật về việc nhà vua có đôi tai lừa.

(49) Kiến trúc dạng hào, rãnh sâu trên sân ga ra, để thợ có thể nằm dưới và kiểm tra gầm ô tô.

(50) Loại đĩa dành riêng để bày thực phẩm nhân dịp lễ Quá hải của người Do Thái.

(51) Dụng cụ hình chiếc đĩa, một đầu điều khắc hình bàn tay nắm lại, ngón trỏ chỉ ra trước. Người Do Thái dùng để rà chữ khi đọc kinh sách, tránh tiếp xúc trực tiếp với văn bản.

CHƯƠNG 18

Bác sĩ Sedlacek hứa một chuyến đi không lấy gì làm dễ chịu, và quả có vậy. Oskar mặc một chiếc áo khoác loại tốt, va li và một túi đầy chứa đủ thứ tiện nghi mà ông sẽ rất cần vào chặng cuối. Dù có giấy tờ hợp lệ, nhưng ông không muốn phải dùng đến chúng. Nếu không phải xuất trình giấy tờ tại biên giới là tốt nhất. Sau này, ông luôn có thể phủ nhận mình đã đến Hungary tháng Mười hai năm ấy.

Ông đi trên chuyến tàu hàng chất đầy từng xấp báo Đảng Quốc xã, *Völkischer Beobachter*, sang bán tại Hungary. Bị nhốt giữa mùi mực in, và những hàng chữ gothic in đậm trên tờ báo chính thống của Đức, ông lắc lư xuôi Nam, băng qua dãy núi mùa đông giá rét của Slovakia, qua biên giới Hungary, đến bình nguyên Danube.

Họ đặt phòng cho ông ở Pannonia, gần trường đại học, và buổi chiều khi ông vừa đến, Samu Springmann bé nhỏ và đồng sự, bác sĩ Rezso Kastner, đến gặp ông. Hai người đàn ông đi thang máy lên phòng Schindler hôm ấy đã nghe phong thanh từ những người tị nạn. Những tin tức của họ chỉ là từng sợi chỉ đơn lẻ. Chính chuyện họ thoát nạn đã cho thấy họ không biết gì nhiều về sự bố trí của nó, chức năng chi tiết của nó, con số nó đạt đến. Kastner và Springmann đều tràn đầy hy vọng, bởi - nếu nhận định của Sedlacek đáng tin cậy - tay người Đức Sudeten trên lầu sẽ đem đến cho họ cả tấm vải, báo cáo toàn diện đầu tiên về thảm họa ở Ba Lan.

Màn giới thiệu diễn ra ngắn ngủi, vì Springmann và Kastner đến để nghe và họ có thể thấy Schindler khát khao được nói. Không ai có ý định, giữa thành phố ám ảnh vì cà phê này, trịnh trọng hóa cuộc nói chuyện bằng cách gọi phục vụ phòng mang cà phê và bánh ngọt lên. Kastner và Springmann, sau khi bắt tay người Đức khổng lồ, ngồi xuống. Riêng Schindler đi lại. Hình như khi cách xa Cracow và thực tại của *Aktion* và ghetto, những gì ông biết dần vật ông nhiều hơn so với khi thông tin ngắn gọn cho Sedlacek. Ông quần thảo khắp tám thăm. Khách trọ tầng dưới chắc cũng nghe tiếng chân ông - ngọn đèn chùm chắc cũng chao đảo mỗi lần ông hạ bước, như tái hiện hành động của tên lính SS trong đội hành quyết ở Krakusa, kẻ

đã lấy chân gi giày nạn nhân xuống trước sự chứng kiến của cô bé áo đỏ ở cuối hàng người đang sắp rời đi.

Ông bắt đầu bằng những hình ảnh riêng tư về thảm trạng ở Cracow, những điều đã mắt thấy trên đường phố, tai nghe từ hai bên bức tường, từ người Do Thái lẫn SS. Trên cơ sở đó, ông cho biết mình đem theo thư của một số người trong ghetto, của bác sĩ Chaim Hilfstein, của bác sĩ Leon Salpeter, của Itzhak Stern. Thư của bác sĩ Hilfstein, Schindler nói, chính là báo cáo về nạn đói. “Khi đã tiêu hết mỡ trên cơ thể.” Oskar nói, “nó bắt đầu ăn lên não.”

Các ghetto sắp sửa bị triệt tiêu, Oskar cho biết. Tình hình ở Warsaw hay Łódź hay Cracow đều như nhau. Dân số ở ghetto Warsaw đã giảm đến bốn phần năm, Łódź đến hai phần ba, Cracow còn một nửa. Số này đã bị chuyển đi đâu? Một số vào trại lao động, nhưng quý vị có mặt tại đây phải chấp nhận thực tế rằng ít nhất ba phần năm đã biến mất trong những trại sử dụng phương pháp khoa học tân tiến kia. Và những trại kiểu ấy không phải là ngoại lệ. SS có tên chính thức cho chúng - *Vernichtungslager*: Trại Diệt chủng.

Trong vài tuần qua, theo Oskar, khoảng hai ngàn người trong ghetto Cracow đã bị đưa đi, không phải đến phòng hơi ngạt ở Belzec, mà đến các trại tập trung gần thành phố. Một cái ở Wieliczka, và cái kia ở Prokocim, cả hai đều là ga đường sắt trên tuyến *Ostbahn* chạy ra mặt trận Nga. Từ Wieliczka, và Prokocim, hằng ngày họ được giải đến một công trường ở làng Płaszów, thuộc ngoại vi thành phố, nơi đang thi công san nền một trại lao động khổng lồ. Cuộc sống ở trại lao động dạng này, Schindler nói, chẳng nhàn hạ gì đâu - hai trại lính tại Wieliczka và Prokocim chịu sự chỉ huy của một hạ sĩ quan SS là Horst Pilarzik, kẻ đã thành danh từ tháng Sáu năm ngoái sau khi góp phần thanh lọc khỏi ghetto độ bảy ngàn người, trong số đó chỉ một người, một dược sĩ, sống sót trở về. Trại Płaszów sắp ra đời cũng sẽ được đặt dưới tay một kẻ tầm cỡ ấy. Ưu điểm của trại lao động là thiếu phương tiện kỹ thuật để sát sinh có hệ thống. Đằng sau chúng là một mục đích khác. Chúng có lý do kinh tế để tồn tại - hằng ngày tù nhân từ Wieliczka và Prokocim được giải đến để thi công các công trình khác nhau, giống như ở ghetto. Wieliczka, Prokocim, và trại lao động sắp ra đời ở Płaszów

chịu sự quản lý của các trùm cảnh sát Cracow, Julian Scherner và Rolf Czurda, trong khi các *Vernichtungslager* trực thuộc trung ương - Văn phòng Hành chính và Kinh tế SS ở Oranienburg gần Berlin. *Vernichtungslager* cũng sử dụng tù nhân làm lao động một thời gian, nhưng công năng tối hậu của chúng là cái chết và các sản phẩm phái sinh của nó - tái chế quần áo, đồ trang sức, kính, đồ chơi, thậm chí cả da và tóc người chết.

Đang say sưa giải thích sự khác biệt giữa trại diệt chủng với trại lao động cưỡng bức, Schindler bỗng nhiên tiến ra vịn tay nắm mở cửa, nhìn ra hai đầu hành lang trống không. “Tôi biết thành phố này có tiếng về nghe trộm,” ông giải thích. Springmann bé nhỏ đứng dậy và đồ khuỷu tay Schindler, “Pannonia cũng không đến nỗi nào,” ông khẽ bảo Oskar, “Victoria mới là tổ của Gestapo.”

Schindler rà soát hành lang lần nữa, đóng cửa, rồi quay vào phòng. Ông đứng bên cửa sổ, tiếp tục báo cáo tầm tối của mình. Các trại lao động cưỡng bức sẽ được đặt dưới sự quản lý của những kẻ được bổ nhiệm vì sự khắc nghiệt và hiệu quả đã thể hiện trong các chiến dịch thanh lọc ghetto. Thịnh thoảng sẽ có giết chóc, bạo hành và chặc chấn sẽ có tình trạng ăn bớt khẩu phần của tù nhân. Nhưng thế vẫn hơn là cảm chặc cái chết ở *Vernichtungslager*. Cuộc sống ở trại lao động sẽ dễ thở hơn và họ có thể đưa từng người riêng lẻ trốn thoát sang Hungary

SS có tham nhũng như các lực lượng cảnh sát khác không? vị đại diện của ủy ban cứu nạn Budapest hỏi Oskar. “Từ kinh nghiệm của tôi,” Oskar gầm gừ, “chẳng tên nào là không hết.”

Khi Oskar kết thúc, căn phòng, dĩ nhiên, rơi vào im lặng, Kastner và Springmann không thuộc mẫu người dễ sốc. Suốt đời họ đã sống trong mối đe dọa từ cảnh sát chìm. Hoạt động của họ vừa bị cảnh sát Hungary nghi ngờ - chỉ yên ổn nhờ Samu khéo quan hệ và đút lót - vừa bị giới Do Thái đức cao vọng trọng khinh rẻ. Chẳng hạn, Samuel Stern, Chủ tịch Hội đồng Do Thái và thành viên Quốc hội Hungary, sẽ bác bỏ báo cáo chiều nay của Oskar như một sự bịa đặt thâm độc, một sự lăng mạ với văn hóa Đức, thể hiện tính đúng đắn trong động cơ của Chính quyền Hungary. Bọn họ đã quen nghe những điều tồi tệ nhất.

Cho nên Springmann và Kastner nản lòng trước lời chứng của Schindler thì ít mà căng óc ra suy nghĩ thì nhiều. Giờ đây nguồn lực của họ trở nên nhỏ bé khi đã biết địch thủ của họ là gì - chẳng phải một gã khổng lồ Philistine thông thường và dễ hình dung, mà là chính Behemoth. Có lẽ từ lúc đó, họ đã theo đuổi suy nghĩ rằng cùng với những vụ mặc cả riêng lẻ - thêm thức ăn cho trại này, giải cứu vị trí thức nọ, hối lộ để vỗ yên lòng nhiệt thành nghề nghiệp của gã SS kia - họ sẽ phải xây dựng một kế hoạch giải cứu đồ sộ hơn nhiều và tốn kém kinh người.

Schindler buông mình xuống ghế. Samu Springmann nhìn sang nhà công nghiệp đang kiệt sức. Ông đã gây ấn tượng kinh khủng với họ, Springmann nói. Tất nhiên họ sẽ báo cáo với Istanbul tất cả những điều Oskar vừa kể. Họ sẽ dùng nó để đánh động những người Zionist tại Palestine lẫn Ủy ban Cứu trợ Do Thái, để họ có hành động quyết liệt hơn. Đồng thời, thông tin sẽ được chuyển đến chính phủ Churchill và Roosevelt. Springmann thừa nhận nỗi lo của Oskar, rằng chưa chắc người ta đã tin lời ông, là có cơ sở, tất cả những chuyện đó thật khó tin. “Thế nên,” ông ta tiếp, “tôi kêu gọi ông đích thân đến Istanbul nói chuyện với họ.”

Sau một thoáng chần chừ - không biết do tiếng gọi của việc kinh doanh sứt mẻ hay vì nỗi hiểm nguy phải vượt biên nhiều lần - Schindler đồng ý. Cuối năm nay, Springmann đáp. “Trước mắt, ông sẽ gặp bác sĩ Sedlacek tại Cracow thường xuyên.”

Họ đứng dậy, và Oskar có thể thấy họ đã biến thành hai người khác. Sau khi cảm ơn ông, họ ra về và, trong khi xuống cầu thang, đã hoàn toàn hóa thành hai doanh nhân Budapest trầm ngâm, mới nghe được tin tức đáng lo ngại về cung cách điều hành bữa bãi tại các chi nhánh.

Buổi tối bác sĩ Sedlacek tới khách sạn tìm Oskar và đưa ông ra phố xá nhộn nhịp để đi ăn ở khách sạn Gellert. Bàn họ ngồi nhìn ra sông Danube, những sà lan sáng đèn, phố xá lung linh trên bóng nước bên kia sông. Thành phố toát lên bầu không khí tiền chiến, và Schindler bắt đầu cảm thấy mình lại là du khách. Sau buổi chiều kiêng cử, ông uống loại vang Hungary sảng sảng tên gọi Huyết Bò

trong một cơn khát chậm rãi, chuyên chú, và góp thành một dãy chai không trên bàn.

Ăn được nửa bữa, họ đón một vị khách mới, tiến sĩ Schmidt, nhà báo người Áo, cùng nhân tình, một cô gái Hungary tóc vàng thanh tú. Schindler ngưỡng mộ trang sức của cô gái và tiết lộ ông cũng là dân mê đá quý. Nhưng khi chuyển sang rượu mơ, ông bắt đầu kém thân thiện. Ông ngồi đó, hơi cau mày, lắng nghe Schmidt ba hoa về giá bất động sản, mua bán ô tô và đua ngựa. Cô gái chăm chú lắng nghe, vì trên cổ và tay cô chính là kết quả của những thương vụ ấy. Nhưng Oskar bất ngờ lộ rõ vẻ chán ghét. Bác sĩ Sedlacek thăm thú vị: có lẽ Oskar thấy ở đây một phần bóng dáng sự giàu xổi và xu hướng làm ăn bên bờ phi pháp của chính mình.

Tàn tiệc, Schmidt và cô gái đi chơi hộp đêm, còn Sedlacek cẩn thận đưa Schindler đến một quán khác. Họ uống *barack* thả dàn và xem trình diễn trên sân khấu.

“Tay Schmidt này,” Schindler hỏi, muốn giải tỏa thắc mắc để thoải mái vui cho hết đêm. “Ông có dùng hẩn không?”

“Có.”

“Tôi nghĩ không nên dùng những kẻ như thế,” Oskar nói. “Hẩn là ăn cắp.”

Bác sĩ Sedlacek quay mặt đi, giấu nụ cười nửa miệng.

“Làm sao ông dám chắc hẩn sẽ bàn giao chỗ tiền đã nhận?” Oskar hỏi.

“Chúng tôi cho hẩn ăn phần trăm,” bác sĩ Sedlacek đáp.

Oskar ngẫm nghĩ tròn nửa phút. Rồi làm bằm, “Tôi không muốn phần trăm gì sất. Và đừng ai gợi ý chuyện đó với tôi.”

“Tốt thôi,” Sedlacek đáp.

“Ta ngắm gái đi thôi,” Oskar nói.

CHƯƠNG 19

Chính vào lúc Oskar Schindler đang ngồi tàu hàng trở về từ Budapest, nơi ông dự đoán ghetto sẽ sớm phải đóng cửa, một *Untersturmführer* SS là Amon Goeth cũng đang trên đường từ Lublin đến để thực thi việc giải thể này, và tiếp quản hệ quả của nó là Trại Lao động Cưỡng bức (*Zwangsarbeitslager*) tại Płaszów. Goeth trẻ hơn Schindler độ tám tháng, và điểm tương đồng giữa hai người không chỉ dừng lại ở năm sinh. Cũng như Oskar, gã sinh ra trong một gia đình Công giáo nhưng đã thôi đi nhà thờ từ 1938, khi cuộc hôn nhân đầu tiên đổ vỡ. Cũng như Oskar, gã tốt nghiệp trung học hệ *Realgymnasium*⁽⁵²⁾ - chuyên kỹ thuật, vật lý, toán. Gã, do vậy, là người thực tế, không phải nhà tư tưởng, nhưng tự xem mình là triết gia.

Là người Vienna, gã gia nhập Quốc xã từ sớm, năm 1930. Khi Cộng hòa Áo quan ngại và ra lệnh cấm đảng này năm 1933, gã đã là thành viên SS, lực lượng an ninh của đảng. Sau thời gian rút vào bí mật, gã tái xuất ở Vienna sau sự kiện *Anschluss*⁽⁵³⁾ năm 1938, trong bộ đồng phục hạ sĩ quan SS. Đến 1940, gã được thăng hàm *Oberscharführer* và năm 1941 có vinh dự đứng vào hàng ngũ sĩ quan, điều cực khó đạt được trong SS nếu so với *Wehrmacht*. Sau khóa đào tạo về chiến thuật bộ binh, gã được giao chỉ huy *Sonderkommando* trong các *Aktion* ở ghetto đông đúc của Lublin và, nhờ màn trình diễn ở đây, có vinh dự, được giao giải thể Cracow.

Điểm chung giữa *Untersturmführer* Amon Goeth, người khi ấy đang ngồi chuyến tàu đặc biệt từ Lublin tới Cracow để chỉ huy lực lượng *Sonderkommando* dày dạn kinh nghiệm, với Oskar không dừng lại ở năm sinh, tôn giáo và nét mê rượu. Gã có khuôn mặt sáng sủa, dễ coi, hơi dài hơn mặt Schindler. Tay gã, tuy to và cơ bắp, nhưng ngón lại thon dài. Gã rất thương bọn trẻ, những đứa con từ cuộc hôn nhân thứ hai, mà vì đi lính xa nhà, ba năm nay gã không gặp mặt. Như để bù đắp, đôi khi gã quan tâm săn sóc con các sĩ quan khác. Gã đã có thể là một người tình đa cảm, nhưng dù giống Oskar ở nhu cầu tình dục như hổ báo, khẩu vị gã phá cách hơn, đôi khi có cả đồng đội trong SS, còn thường là bạo hành phụ

nữ. Cả hai người vợ cũ đều có thể xác nhận một khi ngọn lửa đam mê buổi đầu đã tắt, gã sẽ trở nên vũ phu. Gã tự coi mình là người nhạy cảm, và nếp nhà gã chứng minh điều đó. Cha và ông gã là nhà in và đóng sách về quân sự và lịch sử kinh tế, và bản thân gã khi khai giấy tờ vẫn ghi mình là *Literat*: con người chủ nghĩa. Và dù ở thời điểm này, gã sẽ nói mình mong đợi được chỉ huy chiến dịch giải thể - rằng đó là cơ hội lớn trong đời binh nghiệp, đem đến cơ hội thăng tiến - kỳ thực gã cho rằng việc tham gia những Chiến dịch Đặc biệt đã ảnh hưởng tới dòng năng lượng thần kinh của mình. Gã bị chứng mất ngủ hành hạ đã hai năm, và nếu được theo ý mình, thì gã sẽ thức tới ba bốn giờ rồi ngủ nướng vào buổi sáng. Gã đã thành bọm nhậu và tin rằng trữ lượng của mình bây giờ vượt xa thời trẻ. Giống như Oskar, gã chẳng bao giờ vầng đầu sau cơn say dù rất đáng bị. Gã cảm ơn hai quả thận cần cù của mình vì ân huệ đó.

Mệnh lệnh giao phó cho gã nhiệm vụ tiêu diệt ghetto và làm chúa trại Płaszów đề ngày 12 tháng Hai năm 1943. Gã hy vọng sau khi tham khảo với các hạ sĩ quan cốt cán, với Wilhelm Kunde, chỉ huy đội lính gác SS của ghetto, và với Willi Haase, cấp phó của Scherner, có thể triển khai thanh trừng trong vòng một tháng kể từ ngày nhận lệnh.

Commandant Goeth đến ga Trung tâm trong sự tiếp đón của đích thân Kunde và viên sĩ quan SS trẻ tuổi, cao lớn Horst Pilarzik, người tạm thời đang phụ trách các trại lao động Prokocim và Wieliczka. Họ nhồi lên băng sau chiếc Mercedes, rồi đi thị sát một vòng quanh ghetto và địa điểm xây trại mới. Trời rét buốt, và tuyết bắt đầu rơi khi họ qua sông Vistula. *Untersturmführer* Goeth lấy làm ửng bụng vì một tộp rượu từ bình schnapp Pilarzik đem theo. Họ đi qua cánh cổng nhái kiểu Đông phương và xuôi đường tàu điện tại Lwowska, con phố xẻ ghetto làm hai nửa băng giá. Tay Kunde lạnh lợi, trước khi nhập ngũ là nhân viên sở thuế và thành thạo kỹ năng báo cáo cấp trên, phác họa ngắn gọn về ghetto. Phần bên trái là Ghetto B, gã nói. Cư dân ở đây, độ hai ngàn người, đã sống sót từ các *Aktion* trước, hoặc là lao động trong các ngành. Nhưng gần đây loại thẻ căn cước mới đã được lưu hành với ký hiệu viết tắt phù hợp - W cho người phục vụ quân đội, Z cho nhân viên dân sự, và R cho lao động

các ngành nghề thiết yếu. Cư dân Ghetto B không được nhận thẻ mới này, và sẽ bị đưa đi *Sonderbehandlung* (Đối xử Đặc biệt). Muốn thanh lọc ghetto, nên bắt đầu từ khu này, dù lựa chọn chiến thuật nào hoàn toàn là do Herr Commandant quyết định.

Nửa lớn hơn của ghetto nằm bên phải và có khoảng mười ngàn cư dân. Đây tất nhiên sẽ là nguồn lao động nòng cốt cho các nhà máy ở trại Płaszów. Dự kiến các doanh nhân và quản lý người Đức - Bosch, Madritsch, Beckmann, lẫn tay thương gia gốc Sudetenland Oskar Schindler - sẽ muốn chuyển toàn bộ hoặc một phần hoạt động từ thành phố ra đây. Ngoài ra, có một nhà máy sản xuất cáp cách địa điểm dự kiến của trại khoảng tám trăm mét, và công nhân sẽ được áp giải đến đó hằng ngày.

Không biết Herr Commandant, Kunde hỏi, có muốn đi thêm vài cây nữa đến cuối đường và thị sát luôn địa điểm dựng trại không?

Có chứ, Amon đáp, như thế hay đấy.

Họ rẽ khỏi đường cao tốc khi tới sân nhà máy cáp, nơi tuyệt phủ kín những cuộn cáp khổng lồ, đánh dấu điểm khởi đầu của phố Jerozolimska. Amon Goeth bắt gặp vài nhóm phụ nữ quần khăn đang gò lưng kéo từng mảng lều - một bức vách, một đoạn mái - qua đường cao tốc, đi lên Jerozolimska từ hướng ga Cracow-Paszów. Những phụ nữ này là ở trại Prokocim, Pilarzik giải thích. Khi Płaszów hoàn thành, tất nhiên Prokocim sẽ giải thể, và những lao động nữ này sẽ thuộc quyền quản lý của Herr Commandant.

Goeth ước lượng khoảng cách bọn họ phải vận chuyển bộ khung nhà phải độ ba phần tư cây số. “Hoàn toàn lên dốc,” Kunde nói, nghiêng đầu sang vai trái rồi vai phải, như muốn nói, để trừng phạt thì thế là đạt yêu cầu, nhưng lại làm chậm tiến độ thi công.

Trại mới sẽ cần có đường ray xe lửa, *Untersturmführer* Goeth nói. Gã sẽ đặt vấn đề với *Ostbahn*.

Bên phải trên đường xe chạy là một giáo đường Do Thái, khu nhà tang lễ, và bức tường đã sập một nửa, phô ra hàng bia mộ như hàm răng dữ tợn trong cái miệng rộng ngoác của mùa đông. Cho đến lúc này, một phần khu trại vẫn là nghĩa trang Do Thái. “Khá quy mô,” Wilhelm Kunde nói. Herr Commandant buông ra một câu đùa sẽ

thành cửa miệng trong thời gian gã ở Płaszów. “Thế thì bọn chúng đỡ phải chôn xa.”

Bên phải có một ngôi nhà thích hợp làm nơi ở tạm cho viên Commandant, và một tòa nhà lớn mới xây làm trung tâm quản trị. Nhà tang lễ, đã bị đánh thuốc nổ một phần, sẽ thành chuồng ngựa. Kunde nói từ đây họ có thể nhìn thấy hai mỏ đá nằm trong khuôn viên trại. Một ở chân thung lũng, một ở trên đồi phía sau giáo đường. Herr Commandant chắc cũng nhận thấy họ đang đặt đường ray cho xe goòng chở đá. Khi thời tiết khá lên, việc thi công đường ray sẽ tiếp tục.

Xe đi tiếp đến góc Đông Nam của khu trại dự kiến. Một con đường mòn tuyết phủ, nhưng xe vẫn đi được, dẫn họ đi dọc đường chân trời, kết thúc tại một công sự cũ của quân Áo, một gò đất tròn bao quanh một vùng lõm rộng và sâu. Với dân pháo binh thì đó là một điểm đồn trú quan trọng, có thể ngắm bắn trực diện xuống con đường từ Nga sang. Còn với *Untersturmführer* Goeth thì đây là nơi thích hợp cho các hình phạt có tính chất rắn đê.

Từ đây, họ có thể quan sát toàn cảnh khu trại. Đây là một dải đất đồng quê, được điểm xuyết bởi nghĩa trang Do Thái, nằm kẹp giữa hai quả đồi. Dưới thời tiết này, nơi đây như hai trang của một cuốn sách gần như trống trơn, mở rộng và đặt nằm ngang trước mắt người quan sát từ trên cao điểm. Một tòa nhà nông thôn bằng đá xám chặn lối vào thung lũng, và phía sau, dọc triền đồi và giữa vài căn lán đã hoàn thành, là từng toán phụ nữ đang lao động, như những nhúm nốt nhạc đen sì, dưới ánh hàn quang tối tăm kỳ dị của đêm tuyết rơi. Xuất hiện từ những lối đi bằng giá đường Jerozolimska, họ hì hục tiến lên triền đồi trắng xóa dưới sự đốc thúc của lính gác Ukraine và hạ đặt từng phần khung nhà theo chỉ dẫn của những kỹ sư SS mặc thường phục và đội mũ phớt vành cong.

Tiến độ công việc là một điểm hạn chế, *Untersturmführer* Goeth nhận xét. Cư dân ghetto tất nhiên không thể chuyển về đây chừng nào lán chưa dựng xong, tháp canh và hàng rào chưa hoàn thành. Gã không có gì phàn nàn về tiến độ của các tù nhân trên đồi, gã thú thật. Kỳ thực gã ngắm ngẫm ấn tượng vì trong một ngày rét buốt, đã muộn thế rồi mà các kỹ sư SS lẫn lính gác Ukraine vẫn không để

những tư tưởng về bữa tối và chăn ấm nệm êm làm chậm tốc độ thi công.

Horst Pilarzik cam đoan rằng bề ngoài vậy thôi nhưng thật ra sắp hoàn thành rồi: đất đã san nền, móng đã đào xong bất chấp trời lạnh, và một số lượng lớn các cấu phần lắp sẵn đã được chuyển từ ga đến. Herr *Untersturmführer* có thể tham khảo các doanh nghiệp vào ngày mai - một cuộc họp đã được bố trí lúc mười giờ sáng. Các biện pháp thi công hiện đại kết hợp với nguồn cung lao động dồi dào đảm bảo rằng nơi này có thể được hoàn thiện gần như chỉ sau một đêm, nếu thời tiết cho phép.

Pilarzik ngỡ rằng Goeth có nguy cơ nhụt chí. Kỳ thực, Amon đang phấn khích. Từ những gì vừa thấy, gã có thể hình dung ra hình hài cuối cùng của nơi này. Gã cũng chẳng lo chuyện hàng rào. Hàng rào để làm yên lòng tù nhân là chính, giá trị ngăn ngừa chỉ là phụ. Bởi sau khi phương thức giải thể do SS xác lập được áp dụng cho ghetto Podgórze, tất cả sẽ xem khu lán ở Płaszów như một ân huệ. Cả những ai có giấy tờ Aryan cũng sẽ bò vào đây, tìm kiếm một chỗ ngủ chên vênh trên thanh xà gỗ vẫn còn xanh, đóng đầy sương giá. Với đa số, rào thép gai chỉ là một đạo cụ cần thiết để họ tự trấn an rằng mình đang là tù nhân bất đắc dĩ.

*

Cuộc gặp các chủ nhà máy và *Treuhänder* sở tại diễn ra tại văn phòng của Julian Scherner ở trung tâm Cracow vào sáng sớm hôm sau, Amon Goeth xuất hiện với nụ cười thân ái, trong trang phục *Waffen* SS mới may, được thiết kế vừa vặn với khổ người đồ sộ của gã, khí thế áp đảo cả phòng. Gã tự tin có thể thuốc được các doanh nghiệp độc lập như Bosch và Madritsch và Schindler chuyển lao động Do Thái của họ vào sau rào thép gai. Bên cạnh đó, kết quả điều tra nghề nghiệp của ghetto cho thấy Płaszów sẽ là chỗ làm ăn được. Có thợ kim hoàn, thợ bọc ghế, thợ may, những nhân lực có thể được trưng dụng vào các áp phe đặc biệt theo chỉ đạo của Commandant, đáp ứng các đơn đặt hàng của SS, của *Wehrmacht*, của giới quan chức Đức giàu có. Sẽ có xưởng may của Madritsch, nhà máy tráng men của Schindler, nhà máy luyện kim (dự kiến), một nhà máy bàn chải, một cơ sở tái chế quân phục *Wehrmacht* cũ, hư

hồng, ổ bần từ Mặt trận Nga, thêm một cơ sở tái chế quần áo Do Thái từ các ghetto cho các gia đình trúng bom ở quê nhà. Bằng kinh nghiệm hồi ở kho trang sức và lông thú của SS tại Lublin - chứng kiến thương cấp làm ăn và bản thân được ăn chia đầy đủ - gã biết mình có thể chờ đợi một khoản hoa hồng từ mỗi doanh nghiệp nhà tù này. Gã đã đạt đến điểm may mắn trong sự nghiệp, khi chức trách và cơ hội làm giàu đồng nhất với nhau. Tay trùm SS mê tiệc tùng, Julian Scherner, trong bữa tối qua, đã chia sẻ với Amon rằng Płaszów sẽ là cơ hội tuyệt vời cho một sĩ quan trẻ - cho cả hai người họ - ra sao.

Scherner khai mạc cuộc họp. Y trình trọng trình bày về “lao động tập trung”, như thể đó là một quy tắc kinh tế vừa được giới quan chức SS thai nghén. Quý vị sẽ có nguồn nhân lực tại chỗ, Scherner nói. Công tác duy tu bảo dưỡng hoàn toàn miễn phí, và cũng không mất tiền thuê đất. Chiều nay mời quý vị đi khảo sát địa điểm ở Płaszów.

Viên Commandant mới được giới thiệu với quan khách. Gã bày tỏ niềm vui mừng được cộng tác với các doanh nhân đã nổi tiếng từ lâu với những đóng góp giá trị cho công cuộc chiến tranh.

Amon chỉ trên bản đồ vị trí của trại và khu vực dành riêng cho các nhà máy. Nó ở ngay cạnh trại tù nam; tù nhân nữ - gã nói, với nụ cười tự nhiên và khá dễ mến - sẽ phải đi xa hơn một chút, xuống đồi khoảng một hai trăm mét, để đến nhà máy. Gã cam đoan rằng nhiệm vụ chính của mình là đảm bảo trại hoạt động suôn sẻ, và không hề có ý định can thiệp vào chính sách hay thay đổi quyền tự quản hiện thời của mỗi nhà máy. Mệnh lệnh của gã, như *Oberführer* Scherner có thể xác nhận, đã nghiêm cấm, bằng rất nhiều câu chữ, mọi hình thức xâm phạm như vậy. Có điều, *Oberführer* đây đã rất đúng khi chỉ ra lợi ích chung của việc chuyên sản xuất vào phạm vi trại. Các chủ nhà máy không phải trả tiền thuê đất, còn gã, Commandant ở đây, không phải bố trí lính gác áp giải tù nhân vào thành phố và ngược lại. Chắc quý vị cũng hiểu chặng đường dài cộng thêm sự thù địch của dân Ba Lan với một hàng người Do Thái sẽ bào mòn giá trị của công nhân.

Trong suốt bài phát biểu, Commandant Goeth thường xuyên liếc nhìn Madritsch và Schindler, hai người gã đặc biệt muốn thuyết phục. Gã biết có thể trông cậy vào sự tư vấn và am hiểu địa bàn của Bosch. Nhưng Herr Schindler có một xưởng sản xuất đạn dược, quy mô nhỏ và vẫn đang trong giai đoạn xây dựng. Tuy nhiên, nếu được chuyển vào, nó sẽ nâng tầm quan trọng của Płaszów lên đáng kể trong mắt Tổng cục Quân giới.

Herr Madritsch lắng nghe với một cái nhú mày trầm tư, còn Herr Schindler quan sát diễn giả với nụ cười phức tạp nửa miệng. Bằng bản năng Commandant Goeth đã biết từ trước khi ngừng lời, rằng Madritsch sẽ biết điều dọn vào, còn Schindler sẽ từ chối. Từ hai quyết định riêng rẽ này, thật khó phán xét ai là người muốn bảo bọc lao động Do Thái của mình hơn - Madritsch, người muốn vào Płaszów với họ, hay Schindler, người muốn giữ họ lại Emalia với mình.

Oskar Schindler, vẫn mang vẻ mặt nhẩn nại và nhiệt tình, cùng cả nhóm đi thị sát khu trại. Płaszów nay đã thành hình - thời tiết khá lên cho phép họ lắp ráp các lán trại; đất tan băng cho phép đào hố xí và chôn cột. Một nhà thầu Ba Lan đã lắp đặt hàng cây số hàng rào ngoại vi. Những tháp canh để rộng mọc lên theo đường chân trời tới tận Cracow, ở cửa thung lũng dưới đường Wieliczka, ở đầu kia của trại, và cả ở đây, trên ngọn đồi phía Đông nơi nhóm quan chức, dưới bóng của lô cốt thời Áo, quan sát tiến độ nhanh chóng của công trình mới này. Dạt về bên phải, Oskar nhận thấy, là những nữ tù đang chặt vật trên những con đường ngập bùn tiến về phía đường sắt, nghiêng ngả khiêng theo những khối vật liệu nặng nề. Bên dưới, từ chỗ thấp nhất của thung lũng đến tít tận đầu bên kia, là dãy lán trại mới được san nền, do các tù nhân nam lắp đặt. Họ dựng và lắp và gõ búa với một vẻ nhiệt tình mà ở khoảng cách này nhìn như thể là tự nguyện.

Tại thửa đất đẹp đẽ, bằng phẳng nhất dưới chân đoàn khảo sát, một số nhà gỗ dài đã sẵn sàng đón các nhà xưởng. Họ có thể đổ bê tông nền nếu cần lắp đặt các máy móc siêu trọng. Việc vận chuyển toàn bộ máy móc sẽ do SS lo liệu. Phải thừa nhận là con đường dẫn vào đây chỉ hơn đường làng chút ít, nhưng SS đã đặt vấn đề với

công ty Klug để xây dựng một phố trung tâm cho khu trại, và *Ostbahn* đã cam kết sẽ lắp đường ray đến cổng trại, và đến mỏ đá bên tay phải. Đá vôi từ mỏ và những tấm bia lấy từ nghĩa trang, theo lời Goeth là bị “dân Ba Lan phá hoại” sẽ được đập nhỏ để lát đường trong trại. Quý vị khỏi lo chuyện đường sá, Goeth nói, bởi gã dự kiến duy trì thường trực một đội thợ mạnh chuyên khai thác đá và lát đường.

Họ đã lát một đường ray nhỏ cho xe goòng chở đá, chạy từ mỏ qua Tòa nhà Quản trị và dãy nhà lớn bằng đá đang xây làm chỗ ở cho lính SS và Ukraine. Từng xe đá, mỗi xe nặng sáu tấn, do phụ nữ tải lên, khoảng ba mươi lăm, bốn mươi người một đội, kéo dây cáp gắn hai bên thành xe, nhằm bù lại cái gập ghềnh của đường ray. Những ai vấp ngã đều bị xéo lên, hoặc lăn ra ngoài, vì cỗ máy này có động lượng tự thân và không cá thể nào có thể cưỡng lại nó. Chứng kiến cảnh tượng âm độc đầy màu sắc Ai Cập cổ đại này, Oskar cảm thấy một cơn buồn nôn, cái cảm giác huyết mạch sôi lên như lần ông đứng trên đồi, nhìn xuống phố Krakusa. Goeth ngỡ rằng các doanh nhân này là một nhóm khán giả an toàn, rằng họ đều là chỗ tri âm với gã. Gã chẳng hề hổ thẹn trước cảnh lao động khổ sai tàn nhẫn bên dưới. Câu hỏi ở đây, cũng như ở phố Krakusa, là: Điều gì có thể làm SS, có thể làm Amon hổ thẹn?

Sự nhiệt tình của tổp thợ, cho dù trong mắt một người hiểu rõ nội tình như Oskar, vẫn có vẻ ngoài của những người chồng đang nỗ lực dựng nhà cho vợ. Nhưng mặc dù tin đồn chưa tới tai Oskar, sáng hôm đó Amon vừa thực thi một vụ hành quyết nhanh gọn trước mắt công nhân, nên giờ tất cả đã thấm nhuần tính chất công việc của mình. Sau cuộc họp đầu giờ sáng với các kỹ sư, Amon đi bộ dọc Jerozolimska, và rẽ vào dãy nhà của SS, nơi công việc nằm dưới sự giám sát của một hạ sĩ quan mẫn cán, sắp được đề bạt lên hàng ngũ sĩ quan, tên là Albert Hujar. Hujar tiến đến và báo cáo. Một phần móng vừa bị sập, y nói, mặt đỏ bừng. Cùng lúc đó, Amon để ý thấy một cô gái đi lại ở công trình đang xây dở, nói chuyện với các nhóm công nhân và chỉ đạo. Ai đấy? gã hỏi Hujar. Đây à một nữ tù tên Diana Reiter, Hujar trả lời, một kiến trúc sư được phân công xây dựng khu nhà này. Cô ả khẳng định rằng móng đào như vậy là sai

quy cách, và muốn bới hết đá và xi măng ở khu vực này lên làm lại từ đầu.

Từ sắc mặt Hujar, Goeth có thể nhìn ra y vừa tranh luận với cô gái một trận ra trò. Quả thực y đuối lý quá đã quát cô, “Mày đang xây trại lính chứ đéo phải khách sạn Europa, nhé!”

Amon nở nụ cười nửa miệng. Chúng ta sẽ không tranh luận với lũ này, gã nói, như thể một lời hứa. Gọi con bé ra đây.

Từ dáng đi của cô gái, Amon có thể nhận ra nét thanh lịch giả tạo mà bậc cha mẹ trung lưu đã vun đắp cho cô, phong thái Âu châu họ đã thẩm thấu vào cô, khi gửi cô - do xã hội Ba Lan trung thực không nhận cô vào trường đại học - đến Vienna hay Milan để cho cô nghề nghiệp, và một lớp sơn bảo vệ cường lực. Cô tiến lại gần gã như thể đẳng cấp của gã và cô sẽ gắn kết họ trong trận chiến chống lại lũ hạ sĩ quan ngu dốt và chuyên môn kém cỏi của tay kỹ sư SS giám sát công trình. Cô nào biết mình chính là kẻ gã ghét nhất - loại người tưởng rằng, bất chấp bộ quân phục SS của gã, bất chấp những công trình đang mọc lên ở đây, người ta không nhận ra chúng là Do Thái.

“Mi vừa có dịp tranh cãi với *Oberscharführer* Hujar,” Goeth nói, như một sự thực hiển nhiên. Cô quả quyết gật đầu. Herr Commandant sẽ hiểu, cái gật đầu ám chỉ, dù gã ngốc Hujar kia không thể. Phải đào lại toàn bộ móng, cô hăng hái giải trình. Tất nhiên, Amon biết rõ “bọn chúng”, chúng muốn kéo dài công việc, qua đó đảm bảo an toàn cho đội thợ trong thời gian thi công. Nếu không đào lại, cô nói, ít nhất phía Nam khu nhà sẽ bị lún. Thậm chí bị sập.

Cô tiếp tục lý luận, còn Amon gật gù và coi như cô nói dối. Nguyên tắc đầu tiên là không bao giờ tin lời một tên chuyên gia Do Thái. Bọn chúng được đúc cùng một khuôn với Marx, tác giả nhiều học thuyết nhằm vào sự bền vững của chính quyền, và với Freud, kẻ công kích sự lành mạnh của lý trí Aryan. Amon cảm thấy lập luận của cô gái đe dọa nhân phẩm của chính gã. Gã bèn gọi Hujar. Viên hạ sĩ quan thấp thỏm quay lại. Y nghĩ sắp sẽ bắt mình nghe lời cô

gái. Cô cũng vậy. Bắn nó, Amon bảo Hujar. Tất nhiên, y phải mất một lúc để tiêu hóa mệnh lệnh ấy. Bắn đi, Amon nhắc lại.

Hujar nắm khuỷu tay cô gái và định dắt cô ra chỗ khuất.

Ở đây! Amon nói. Bắn ngay ở đây! Trước mặt ta, Amon nói.

Hujar là kẻ biết việc. Y nắm khuỷu tay cô gái, hơi đẩy cô ra đằng trước, rút khẩu Mauser trong bao, và bắn vào gáy cô.

Tiếng súng khiến tất cả những người có mặt sững sờ, có lẽ chỉ trừ những kẻ hành quyết và bản thân Diana Reiter đang hấp hối. Cô khụy xuống rồi ngước lên, một lần duy nhất. *Như thế chưa đủ đâu*, cô nói. Về hiểu biết trong mắt cô khiến Amon vừa sợ hãi, vừa tự tin, vừa hưng phấn. Gã không hề biết và cũng sẽ không tin rằng những phản ứng ấy đều có tên gọi trong y học. Kỳ thực, gã tin rằng sự thăng hoa này là phần thưởng tất yếu sau một hành động thực thi công lý về chính trị, chủng tộc và đạo đức. Dù vậy, gã vẫn phải trả giá, vì tới đến cảm giác tràn đầy ấy sẽ phải nhường chỗ cho nỗi trống trải lớn đến nỗi gã, để không bị thổi bay đi như một cái vỏ trấu, phải gia cố kích thích và sự vững chãi của bản thân bằng đồ ăn, rượu và đàn bà.

Ngoại trừ những vấn đề này, việc xử bắn Diana Reiter, và bác bỏ bằng cấp Tây Âu của cô, có một giá trị thực tiễn: không có thợ xây lán và làm đường nào ở Płaszów còn ảo tưởng rằng mình cần thiết cho công việc - nếu Diana Reiter còn không thể tự cứu mình bằng chuyên môn của cô, thì cơ hội duy nhất cho người khác là lao động âm thầm và ngay lập tức. Bởi thế nên những phụ nữ khiêng khung nhà tù ga Cracow-Płaszów, những đội khai thác đá, nhóm đàn ông dựng lều, tất cả đều làm việc với vẻ hăng say phù hợp với bài học họ nhận được từ vụ sát hại cô gái.

Về phần Hujar và các đồng nghiệp, chúng biết rằng từ nay hành quyết tại chỗ sẽ là tác phong hợp pháp của Płaszów.

(52) Ở các nước nói tiếng Đức và một số nước khác, trường *gymnasium* là loại trường phổ thông dành cho các học sinh định hướng học lên cao hơn ở bậc đại học. Ở Áo các trường *gymnasium* chia làm ba loại: *Humanistisches Gymnasium*. *Neusprachliches*

Gymnasium và *Realgymnasium*; trong đó trường *Realgymnasium* tập trung vào các môn khoa học, hai loại còn lại tập trung vào khoa học xã hội và ngôn ngữ.

(53) Tiếng Đức, nghĩa là sáp nhập. Chỉ sự kiện Đức xâm lược và sáp nhập Áo năm 1938.

CHƯƠNG 20

Hai ngày sau khi các chủ nhà máy thị sát Płaszów, Schindle đến văn phòng tạm của Commandant Goeth trong thành phố, với tặng phẩm là một chai brandy. Lúc này tin tức về vụ sát hại Diana Reiter đã tới Emalia và càng củng cố quyết tâm của Oskar giữ nhà máy ở ngoài Płaszów.

Hai người đàn ông cao lớn ngồi đối mặt, giữa họ có một sự ngấm hiểu, cũng như ở cuộc giao tiếp ngắn ngủi giữa Amon và Diana Reiter. Cả hai đều biết người kia đến Cracow để làm giàu; và vì thế Oskar sẵn lòng đem tiền đổi lấy ân huệ. Ở cấp độ ấy, Oskar lẫn viên Commandant hiểu nhau rất rõ. Oskar có thiên khiếu của một người bán hàng, đối đãi với những kẻ mình khinh ghét như thể với tri âm tri kỷ, và Herr Commandant đã bị mắc lừa tuyệt đối đến nỗi luôn tin Oskar là bạn mình.

Nhưng qua lời chứng của Stern và nhiều người khác, sự thực là, ngay từ buổi đầu gặp gỡ, Oskar đã căm ghét Goeth, kể đến với việc sát nhân thân nhiên như thư lại đến công sở. Oskar có thể đối thoại với Amon tay quản lý, Amon kẻ đầu cơ, nhưng đồng thời hiểu rõ chín phần mười con người viên Commandant nằm ngoài tư duy lý trí thông thường của nhân tính. Quan hệ làm ăn và xã hội giữa Oskar và Amon khăng khít đến nỗi khơi gợi giả thuyết rằng Oskar, trên góc độ nào đó, và bất chấp bản thân, bị hấp dẫn trước sự tà ác của con người này. Trên thực tế, không người quen nào của Oskar, hồi ấy cũng như sau này, thấy bất cứ dấu hiệu nào của sự mê muội ấy. Oskar khinh ghét Goeth theo cách trực diện và mãnh liệt nhất. Lòng căm ghét này rồi sẽ gia tăng không giới hạn, và sự nghiệp của Schindler sẽ minh chứng mạnh mẽ cho điều đó. Tuy vậy, vẫn khó tránh khỏi suy nghĩ Amon chính là người anh em ma quỷ của Oskar, là tên đao phủ điên rồ cuồng tín mà Oskar, nếu những ham muốn trần tục ở ông chẳng may bị đảo chiều, đã có thể trở thành.

Với chai brandy làm cầu nối, Oskar giải thích cho Amon tại sao không thể chuyển vào Płaszów. Nhà máy của ông quá đồ sộ. Ông tin rằng ông bạn Madritsch sẽ dọn vào, nhưng máy móc của

Madritsch dễ vận chuyển hơn - chẳng qua là một lô máy may. Di chuyển máy ép kim loại hạng nặng sẽ phiền phức hơn nhiều, vì mỗi chiếc, như mọi loại máy móc phức tạp, đều có cố tật riêng. Công nhân lành nghề của ông đã quen với những cố tật này. Nhưng khi chuyển đến nhà máy mới, những cỗ máy này sẽ phát sinh chứng mới. Công việc sẽ bị chậm; việc ổn định sẽ mất nhiều thời gian hơn ông bạn Julius Madritsch đáng kính. *Untersturmführer* Goeth chắc cũng hiểu, với nhiều hợp đồng chiến tranh quan trọng cần đáp ứng DEF không thể mất ngần ấy thời gian. Herr Beckmann, người cùng cảnh với tôi, đã đuổi hết lao động Do Thái ở nhà máy Corona. Ông ấy không muốn bị phiền toái áp giải đám Do Thái từ Płaszów sáng ra nhà máy tối lại quay về. Thật không may số lao động Do Thái lành nghề của Schindler lại nhiều hơn Beckmann hàng trăm người. Nếu đuổi hết, ông sẽ phải huấn luyện lao động Ba Lan thay thế, và sản xuất sẽ lại đình trệ, càng nghiêm trọng hơn nếu ông theo đề nghị hấp dẫn của Goeth và dọn vào Płaszów.

Amon thăm nghĩ chắc Oskar sợ việc chuyển vào Płaszów sẽ cản trở mỗi buôn bán chợ đen đang ngon lành ở Cracow.

Viên Commandant vội trấn an Her Schindler rằng sẽ không ai can thiệp vào việc điều hành nhà máy. “Lo ngại của tôi hoàn toàn ở khu sản xuất,” Schindler đáp, vẻ thành khẩn. Ông không muốn làm phiền viên Commandant, nhưng sẽ rất biết ơn, và ông chắc Tổng cục Quân giới cũng sẽ rất biết ơn, nếu DEF được phép giữ nguyên vị trí hiện tại.

Giữa những người như Goeth và Oskar, ý nghĩa của chữ “biết ơn” không hề trừu tượng. Biết ơn nghĩa là đền đáp. Biết ơn là rượu và kim cương. Tôi hiểu khó khăn của ông, Herr Schindler, Amon nói. Tôi sẵn lòng, sau khi ghetto giải thể, cung cấp lính gác để áp giải công nhân của ông từ Płaszów đến Zablocie.

*

Itzhak Stern, trong một chiều tới Zablocie vì công việc ở nhà máy Tiến bộ, bắt gặp Oskar đang ưu phiền và nhận thấy ở ông một cảm giác bất lực. Sau khi Klonowska đem cà phê vào để *Her Direktor*, như mọi lần, uống với một ly cognac, Oskar bảo Stern mình vừa đến

Plaszów lần nữa: bề ngoài là khảo sát hạ tầng, thực tế là đánh giá xem bao giờ nơi này sẵn sàng đón *Ghettomenschen*⁽⁵⁴⁾. “Tôi đã đếm thử,” Oskar nói. Ông đếm dãy lán vừa san nền ở đồi bên kia và kết luận nếu Amon định nhồi hai trăm nữ tù vào mỗi lán, và nhiều khả năng là thế, thì khu lán trên đồi sẽ chứa được độ sáu ngàn phụ nữ. Trại tù nam dưới chân đồi chưa nhiều nhà hoàn thiện, nhưng với tiến độ hiện nay ở Plaszów thì có thể xong trong vài ngày.

Tất cả công nhân đều biết điều sắp xảy ra, Oskar nói. Và giữ ca đêm ở lại nhà máy cũng chẳng ích gì, vì sau đận này, chẳng còn ghetto mà về nữa. Tôi chỉ biết khuyên họ rằng, Oskar nói, làm thêm một ngụm cognac, không nên trốn, trừ phi cảm chắc là trốn được. Ông nghe nói, khi càn quét xong chúng sẽ dỡ tung ghetto ra. Mọi hốc tường sẽ bị khám xét, mọi tấm thảm ở tầng áp mái sẽ bị lật lên, mọi căn hầm sẽ bị lục soát. Tôi chỉ biết khuyên họ rằng, Oskar nói, đừng chống cự.

Vậy là oái oăm thay, Stern, một trong những đối tượng của *Aktion* sắp tới, lại phải cố gắng vờ về *Herr Direktor*, một nhân chứng không hơn. Sự quan tâm của Oskar với công nhân Do Thái có nguy cơ bị hòa loãng và cuốn đi trước tấn thảm kịch lớn hơn: cái kết sắp tới của ghetto. Plaszów là một cơ sở lao động, Stern nói. Như mọi cơ sở khác, tù nhân sẽ sống dai hơn nó. Nó khác với Belzec, nơi chúng sản xuất cái chết như Henry Ford sản xuất ô tô. Phải ngoan ngoãn xếp hàng vào Plaszów cũng hèn người đi thật, nhưng đó chưa phải là tận thế. Khi Stern đã lý luận xong, Oskar đặt hai ngón cái xuống dưới mặt bàn và, trong vài giây, tưởng như muốn giật tung nó ra. Mẹ kiếp, Stern, ông thừa biết như thế là chưa đủ!

Đủ chứ, Stern nói. Đó là lối thoát duy nhất. Rồi ông tiếp tục lập luận, trích dẫn, chẻ sợi tóc làm tư cho tới khi bản thân thấy sợ hãi. Vì Oskar có vẻ đang rơi vào khủng hoảng. Nếu Oskar tuyệt vọng, Stern biết, tất cả công nhân Do Thái tại Emalia sẽ bị đuổi việc, vì Oskar sẽ muốn gột rửa triệt để khỏi việc làm ăn bẩn thỉu này.

Vẫn còn thời gian để cải thiện tình hình, Stern nói. Nhưng chưa phải bây giờ.

Từ bỏ nỗ lực xé toang mặt bàn, Oskar thả mình xuống ghế và trở về trạng thái ưu phiền. “Tên Amon Goeth ấy,” ông nói. “Hắn rất giỏi dụ dỗ người khác. Hắn có thể bước vào ngay bây giờ và dụ dỗ ông. Nhưng hắn là một tên điên.”

Buổi sáng cuối cùng của ghetto - trên thực tế là 13 tháng Ba, ngày Shabbat, Amon Goeth chính thức có mặt ở Plac Zgody, Quảng trường Hòa Bình, trước bình minh. Những quầng mây thấp xóa nhòa mọi tương phản giữa ngày và đêm. Gã thấy lính *Sonderkommando* đã tập kết tại bãi đất đóng băng của công viên nhỏ giữa quảng trường, rít thuốc và cười đùa khe khẽ, không để lộ sự có mặt của mình với cư dân ghetto tại các con phố xa hơn hiệu thuốc của Herr Pankiewicz. Những con phố lát nửa chúng sẽ hành quân đều vắng bóng người, như trong một thành phố mô hình. Những đồng tuyết ồ ạt, chưa tan hết nằm kề bên rãnh nước và bờ tường. Có thể mạnh dạn đoán rằng viên Commandant đã cảm, khi nhìn quang cảnh trật tự ấy, và khi thấy tốp lính trẻ thân cận nhau giữa quảng trường và trước giờ hành động, sẽ trỗi dậy trong lòng tình phụ tử.

Amon làm một ngụm Cognac trong khi đợi viên *Sturmbannführer* trung niên Willi Haase, người phụ trách chiến lược, dù chiến thuật thì không, của *Aktion* hôm nay. Hôm nay Ghetto A, từ Plac Zgody về phía Tây, khu chính của ghetto, nơi cư trú của tất cả dân Do Thái đang lao động (khỏe mạnh, hy vọng, ngoan cố) sẽ bị quét sạch. Ghetto B, khu định cư nhỏ ở phía Đông, gồm toàn người già, đứng cuối danh sách còn khả năng lao động. Khu này sẽ bị xóa sổ đêm nay hoặc ngày mai. Đích đến của họ sẽ là trại diệt chủng đang mở rộng quy mô lớn tại Auschwitz của Commandant Rudolf Höss. Nhiệm vụ ở Ghetto B thì đơn giản. Ghetto A mới là thách thức.

Ai cũng muốn có mặt hôm nay, vì ngày này sẽ đi vào lịch sử. Do Thái đã hiện diện ở Cracow hơn bảy trăm năm, nhưng đến tối nay - cùng lắm là ngày mai - bảy thế kỷ ấy sẽ chỉ còn là đồn đại, và Cracow sẽ trở thành *judenrein* (sạch bóng Do Thái). Và từ gã binh bết SS đều muốn được nói rằng mình đã tận mắt chứng kiến sự kiện này. Kể cả Unkelbach, *Treuhänder* của nhà máy dao kéo Tiến bộ, có tên trong lực lượng SS dự bị, cũng vận bộ quân phục hạ sĩ

quan và gia nhập đội hình hành quân vào ghetto. Thế nên một kẻ ưu tú như Willi Haase, mang hàm sĩ quan và tham gia lên kế hoạch, đương nhiên có quyền tham dự.

Như thường lệ, Amon sẽ bị đau đầu nhẹ và thấy hơi kiệt sức, vì cơn sốt kèm mất ngủ hồi tăng sáng. Tuy nhiên, có mặt tại đây, gã cảm nhận một niềm phấn khích nghề nghiệp. Đảng Quốc xã đã ban cho SS một món quà tuyệt vời khi cho phép họ ra trận mà không gặp nguy hiểm về thể xác, tìm kiếm vinh quang mà không bị nỗi sợ chẳng may trúng đạn giày vò. Nhưng nguy cơ tâm lý thì khó tránh hơn. Mọi sĩ quan SS đều có bạn bè tự sát. Tài liệu huấn luyện của SS, được xây dựng nhằm đối phó với những tổn thất vô nghĩa này, chỉ ra sự ngây thơ khi tin rằng vì thoát nhìn, dân Do Thái không có vũ trang nên hoàn toàn không sở hữu vũ khí xã hội, kinh tế, hay chính trị nào. Kỳ thực, bọn chúng được vũ trang tận chân răng. Hãy sắc đá lên, tài liệu căn dặn, vì trẻ con Do Thái là bom văn hóa hẹn giờ, đàn bà Do Thái là sinh vật phản trắc, đàn ông Do Thái là kẻ địch hiển nhiên hơn bất cứ tên Nga nào.

Amon Goeth đã sắc đá. Gã biết không gì có thể làm gã động lòng, và ý nghĩ ấy làm gã phấn khích chẳng khác một vận động viên chạy đường trường với niềm tin tất thắng trước cuộc đua. Amon rất nản với những sĩ quan vì ưa sạch sẽ mà phó mặc tất cả cho binh lính và hạ sĩ quan. Gã cảm thấy như thế, trong chừng mực nào đó, còn nguy hiểm hơn tự mình hành sự. Gã sẽ đi trước làm gương, như với Diana Reiter. Gã biết cơn hưng phấn sẽ tích tụ và cảm giác thỏa mãn sẽ dâng lên, cùng với men rượu, khi chiều đến và trận càn tăng tốc. Kể cả dưới trời mây lem luốc này, gã biết đây là một trong những ngày đẹp nhất; khi gã già và dân tộc này đã tuyệt chủng, đám thanh niên sẽ tròn mắt tìm hiểu về những ngày như hôm nay.

Cách đó chưa đầy một cây số, tại bệnh viện hồi sức của ghetto, bác sĩ H ngồi cạnh những bệnh nhân cuối cùng, trong bóng tối, lầy lầm mừn bởi họ bị cách ly ở tầng cao nhất của bệnh viện, cách xa đường phố, cô độc trong đau đớn và cơn sốt.

Bởi ở tầng dưới tất cả đều biết điều đã xảy ra tại bệnh viện truyền nhiễm gần Plac Zgody. Một phân đội SS dưới sự chỉ huy của *Oberscharführer* Albert Hujar khi tới để đóng cửa bệnh viện thì thấy

bác sĩ Rosalia Blau đứng giữa dãy giường các bệnh nhân lao phổi và tinh hồng nhiệt, những người, như lời cô, không được di chuyển. Những trẻ bị ho cô đã cho về nhà. Nhưng những ca tinh hồng nhiệt không được di chuyển vì vừa nguy hiểm cho bệnh nhân và cho cộng đồng, còn các bệnh nhân lao thì quá yếu đi không nổi.

Do tinh hồng nhiệt là bệnh của tuổi dậy thì, nhiều bệnh nhân của bác sĩ Blau là các em gái tuổi từ mười hai đến mười sáu. Đối mặt với Albert Hujar, bác sĩ Blau chỉ vào các cô gái mắt to, đang lên cơn sốt, để bảo chứng cho chẩn đoán chuyên môn của mình.

Đích thân Hujar, thực thi sứ mệnh hãn nhận được tuần trước từ Amon Goeth, bắn vào đầu bác sĩ Blau. Các bệnh nhân truyền nhiễm, một số gắng gượng ngồi dậy, số khác không hay biết gì vì đang cơn mê sảng, bị hành quyết dưới một tràng súng tự động. Khi Hujar và thuộc hạ xong việc, một nhóm tù nhân ghetto được điều lên để dọn dẹp xác chết, thu dọn chăn ga đẫm máu, và lau chùi các bức tường.

Trụ sở của bệnh viện hồi sức trước chiến tranh là một đồn cảnh sát Ba Lan. Trong suốt thời gian tồn tại của ghetto cả ba tầng lúc nào cũng đầy bệnh nhân. Giám đốc bệnh viện là một thầy thuốc khả kính, bác sĩ B. Đến buổi sáng ảm đạm ngày 13, số bệnh nhân đã được bác sĩ B và H giảm xuống còn bốn người, tất cả đều không thể di chuyển. Một người là công nhân trẻ bị lao cấp tính; người thứ hai là một nhạc sĩ tài năng suy thận giai đoạn cuối. Đối với bác sĩ H điều quan trọng là làm sao tránh cho họ khỏi nỗi kinh hoàng sau chót của làn đạn điên cuồng. Nhất là với một bệnh nhân mù đột quỵ và một ông lão vừa phẫu thuật u ruột đang rất yếu và khổ sở vì phải thông ruột kết.

Đội ngũ ở đây, bao gồm bác sĩ H, có chuyên môn rất cao. Ở bệnh viện ghetto trang bị nghèo nàn này, đã ra đời nghiên cứu đầu tiên của Ba Lan về bệnh nguyên hồng cầu típ Well, một dạng bệnh tủy xương, và về hội chứng Wollf-Parkinson-White. Tuy nhiên, sáng nay, điều bác sĩ H bận tâm là câu hỏi về xyanua.

Từng tính đến khả năng tự tử, H đã tích trữ một lượng dung dịch a xít xyanic. Anh biết các bác sĩ khác cũng vậy. Năm qua trăm cảm

đã trở thành căn bệnh đặc hữu ở ghetto. Nó đã lây sang bác sĩ H. Anh còn trẻ; anh rất sung sức. Nhưng chính lịch sử đã chuyển hóa thành ác tính. Việc có sẵn xyanua đã thành niềm an ủi cho bác sĩ H trong những ngày tồi tệ nhất. Đến giai đoạn cuối cùng này của ghetto, đây là dược phẩm duy nhất mà anh lẫn các đồng nghiệp còn dư dả. Sulfa chẳng còn bao nhiêu. Thuốc gây nôn, gây mê, thậm chí cả aspirin đều đã cạn. Xyanua là thứ thuốc phức tạp duy nhất còn sót lại.

Lúc năm giờ sáng nay, bác sĩ H đã thức giấc trong căn phòng tại phố Wit Stwosz vì tiếng xe tải dừng lại trước nhà. Từ cửa sổ nhìn xuống, anh thấy *Sonderkommando* đang tập kết bên sông, và biết chúng định giải quyết dứt điểm ghetto. Anh lao đến bệnh viện và thấy bác sĩ B và các y tá đều đã biết và đang thu xếp đưa tất cả bệnh nhân có thể di chuyển được xuống tầng để người thân hoặc bạn bè đưa về nhà. Và khi chỉ còn lại bốn người bệnh nặng, bác sĩ B bảo các y tá ra về, và tất cả đều phục tùng, trừ một y tá trưởng. Bà cùng bác sĩ B và H ở lại với bốn bệnh nhân cuối cùng trong bệnh viện gần như đã bỏ hoang.

Bác sĩ B và H không nói gì nhiều khi chờ đợi. Họ đều có xyanua, và không lâu sau, H biết rằng giải pháp ấy, đáng buồn thay, cũng đang chiếm lĩnh tâm trí bác sĩ B.

Tự sát là một cách. Nhưng cái chết êm ái cũng là một cách. Ý tưởng ấy làm H kinh sợ. Anh có khuôn mặt nhạy cảm và đôi mắt thanh tú khác thường. Anh bị giày vò ghê gớm vì hệ giá trị đạo đức gắn bó mật thiết với anh như một phần cơ thể. Anh biết một thầy thuốc, chẳng có gì dẫn lối ngoài đầu óc tỉnh táo và chiếc kim tiêm, có thể làm tính cộng, như với một danh sách mua sắm, để tính ra giá trị của hai lối thoát - tiêm xyanua, hay bỏ mặc bệnh nhân cho *Sonderkommando*. Nhưng H hiểu những việc này chẳng bao giờ là vấn đề của phép tính tổng, và đạo đức nghề nghiệp đứng cao hơn và dằn vặt hơn môn số học nhiều.

Thình thoảng bác sĩ B lại ngó ra cửa sổ xem *Aktion* đã bắt đầu chưa, rồi quay lại H với vẻ bình thản đặc trưng nghề nghiệp trong mắt. Ông, H nhìn ra, cũng đang cân nhắc các lựa chọn, lướt qua từng mặt của nan đề, như người ta chẻ bài, rồi lặp lại từ đầu. Tự

sát. Cái chết êm ái. Hydro xyanua. Một lối thoát hấp dẫn: đứng đợi đến khi chúng tìm thấy ta bên giường bệnh, như Rosalia Blau. Cách khác: sử dụng xyanua cho mình lẫn bệnh nhân. Ý tưởng này thuyết phục H hơn, không thụ động như lựa chọn đầu tiên. Ngoài ra, sau ba đêm liên tỉnh giấc giữa cơn trầm uất, anh cảm thấy cơ thể thêm thứ thuốc độc tác dụng nhanh như thể đó chỉ là thuốc phiện hay rượu mạnh bệnh nhân nào cũng cần để phút lâm chung được dễ dàng hơn.

Với người nghiêm túc như bác sĩ H, cảm dỗ này là một lý do thuyết phục để *không* uống thứ thuốc đó. Những gương tuần tử đã in vào đầu anh từ thuở ấu thơ học kinh sách, khi cha đọc cho anh trước tác của Josephus, kể chuyện các chiến binh cuồng tín từ Biển Chết đã tự sát tập thể trong đêm bị quân La Mã bắt giữ. Nguyên tắc là, không được phép tìm đến cái chết như một bến cảng bình yên. Đó phải là lời từ chối đầu hàng quyết tuyệt. Dĩ nhiên, nguyên tắc là nguyên tắc, nỗi kinh hoàng của một sớm mai ảm đạm lại là chuyện khác. Nhưng H là con người của nguyên tắc.

Và anh còn vợ. Anh và vợ còn một lối thoát khác, và anh biết điều đó. Đó là đường cống ngầm gần góc phố Piwna và Krakusa. Cống ngầm và cuộc tẩu thoát nhiều rủi ro vào rừng Ojców. Lựa chọn đó, với anh còn đáng sợ hơn chìm vào hôn mê bằng xyanua. Tuy nhiên, nếu Cảnh sát Xanh hay lính Đức chặn anh lại, anh sẽ vượt qua bài kiểm tra, nhờ bác sĩ Lachs. Lachs là một bác sĩ phẫu thuật chỉnh hình có tiếng, người đã dạy một số thanh niên Do Thái ở Cracow kéo dài da quy đầu mà không làm chảy máu bằng cách đi ngủ với một vật nặng - một chai nước nặng dần theo thời gian - buộc vào chỗ đó. Theo lời Lachs, đó là phương pháp từng được người Do Thái sử dụng trong thời kỳ bị La Mã đàn áp, và hoạt động quyết liệt của SS tại Cracow đã buộc ông phải hồi sinh giải pháp này trong mười tám tháng qua. Lachs đã dạy anh bạn đồng nghiệp trẻ phương thức ấy, và việc nó phần nào hiệu nghiệm đã khiến H càng ít cơ sở để tự sát hơn.

Khi trời sáng, người y tá, một phụ nữ điềm tĩnh trạc bốn mươi, báo cáo tình hình với bác sĩ H. Anh thanh niên ở tình trạng tốt, nhưng bệnh nhân mù với khả năng nói bị ảnh hưởng sau đột quy thì

trần trọc. Người nhạc sĩ và ca rô hậu môn đều có một đêm đau đớn. Tuy nhiên, giờ bệnh viện đang rất tĩnh lặng; bệnh nhân thở hổn hển trong giấc ngủ cuối cùng hoặc cơn đau quen thuộc; và bác sĩ H bước ra ban công lạnh cóng nhìn xuống sân, để hút thuốc và cân nhắc nan đề kia một lần nữa.

Năm ngoái, bác sĩ H đang làm việc cho bệnh viện truyền nhiễm ở Rekawka thì SS quyết định đóng cửa khu này và di dời bệnh viện. Chúng bắt y bác sĩ đứng dựa tường và lôi bệnh nhân từ trên tầng xuống. H chứng kiến cảnh bà lão Reisman bị mắc chân vào lan can cầu thang, và tên SS đang cầm chân kia của bà lôi đi không buồn dừng lại gỡ bà ra mà cứ kéo tiếp tới khi một tiếng rắc vang lên báo hiệu cái chân đã gãy. Đây là cách di chuyển bệnh nhân trong ghetto. Nhưng năm ngoái vẫn chưa ai nghĩ đến cái chết êm ái. Thời điểm ấy tất cả vẫn hy vọng tình hình sẽ khá hơn.

Giờ đây, kể cả khi anh và bác sĩ B đã quyết định, H cũng không rõ anh có đủ sắt đá để cho bệnh nhân uống xyanua, hay sẽ chứng kiến người khác làm việc đó và giữ thái độ bình thản nghề nghiệp. Sự tình này cũng oái oăm như hồi trẻ ta mê một cô gái, bản khoản không biết có nên tỏ tình không. Kể cả khi đã quyết rồi, vẫn chẳng có ý nghĩa gì. Anh vẫn phải hành động trên thực tế.

Ngoài ban công, anh nghe thấy tiếng động đầu tiên. Nó đến sớm, từ đằng đông của ghetto. Tiếng hét *Raus, raus!*⁽⁵⁵⁾ của loa phóng thanh, lời nói dối quen thuộc về hành lý mà một số người vẫn quyết định tin. Trên đường phố vắng tanh, và giữa những khu nhà nơi mọi cư dân đều bất động, dậy lên tiếng rì rầm bất tận đầy khiếp đảm, lan khắp từ mặt đường lát đá của Plac Zgody đến tận phố Nadwiślańska ven sông, khiến H rùng mình.

Rồi anh nghe thấy loạt đạn đầu tiên, to đến nỗi đánh thức các bệnh nhân. Tiếp nối bằng một âm thanh chát chúa bất ngờ, tiếng loa phóng thanh cộc cằn gầm thét, át đi tiếng đàn bà thảm thiết; tiếng rền rĩ ấy đứt đoạn dưới một tràng đạn mới, và lại một tiếng rền rĩ mới, sinh linh than vãn ấy bị xua đuổi bởi tiếng loa SS, bởi những nhân viên OD bồn chồn, bởi chính những người hàng xóm, tiếng khóc hoảng loạn nhạt dần về cuối ghetto, nơi có một cánh cổng. Anh

biết âm thanh ấy có thể xuyên thủng cả tình trạng tiền hôn mê của người nhạc công suy thận.

Khi trở vào phòng bệnh, anh thấy họ đang quan sát mình - kể cả người nhạc công. Chưa cần nhìn, anh đã cảm nhận được cơ thể họ căng cứng trên giường, và ông cụ bị thông ruột kết rên lên vì cơ co thắt. “Bác sĩ, bác sĩ!” ai đó gọi. “Yên nào!” H đáp, như muốn nói *tôi đây rồi, còn chúng vẫn ở rất xa*. Anh nhìn sang bác sĩ B, thấy đôi mắt ông nhú lại trước tiếng ồn của cuộc trực xuất vọng lại từ cách đó ba dãy phố. Bác sĩ B gật đầu, bước đến tủ thuốc nhỏ khóa kín cuối phòng, rồi quay lại với một chai hydro xyanua. Sau một thoáng, H tiến đến bên đồng nghiệp. Anh đã có thể đứng yên, để mặc bác sĩ B. Anh đoán ông thừa bản lĩnh để làm việc này một mình. Nhưng thật đáng hổ thẹn, anh nghĩ, nếu không tự mình bỏ phiếu, không nhận một phần trách nhiệm. Bác sĩ H, tuy tuổi đời trẻ hơn, xuất thân từ Đại học Jagiellonian, là một chuyên gia, một nhà tư tưởng. Anh muốn hậu thuẫn bác sĩ B bằng hết thầy những điều đó.

“Đây,” bác sĩ B nói, chìa lọ thuốc cho H xem qua. Lời ông gần như chìm dưới tiếng gào thét của một người đàn bà và những tràng ra lệnh, từ đầu kia phố Józefińska. Bác sĩ B dặn y tá. “Mỗi bệnh nhân bốn mươi giọt, hòa với nước.” “Bốn mươi giọt,” bà nhắc lại. Bà biết điều đó nghĩa là gì. “Đúng rồi,” bác sĩ B nói. Bác sĩ H cũng nhìn bà. Phải, anh muốn nói. Tôi mạnh mẽ rồi, tôi tự mình làm được. Nhưng nếu là tôi, họ sẽ cảnh giác. Tất cả bệnh nhân đều biết thuốc luôn do y tá mang đến.

Trong khi y tá pha thuốc, H đi xuống cuối phòng, và đặt tay lên người ông lão. “Tôi có thứ này để giúp ông, Roman,” anh nói. Bác sĩ H cảm thấy, trong niềm kinh ngạc, cả cuộc đời ông lão khi chạm tay vào người ông. Trong giây lát, như ngọn lửa chọt bùng lên, chàng thanh niên Roman hiện lên, trưởng thành từ xứ Galicia của Franz Josef, một tay sát gái ở thành phố như viên kẹo nougat nhỏ xinh, được mệnh danh là tiểu Vienna, hòn ngọc bên dòng Vistula. Mặc quân phục của Franz Josef, lên núi dự cuộc tập trận mùa xuân. Vào vai lính cậu ở Rynek Glowny với các thiếu nữ của Kazimierz, giữa thành phố của đăng ten và bánh ngọt. Leo đồi Kosciuszko và trộm một nụ hôn trong bụi cây. Sao thế giới có thể biến đổi ghê gớm thế

trong một đời người? chàng trai trong ông lão Roman hỏi. Từ Franz Josef tới gã hạ sĩ quan được phép đem cái chết đến cho Rosalia Blau và các em gái bị tinh hồng nhiệt?

“Nào, Roman,” anh nói, ý muốn khuyên ông lão nên thả lỏng người. Anh biết chưa đầy một tiếng nữa *Sonderkommando* sẽ đến. Bác sĩ H cảm thấy, và cưỡng lại, cảm dỗ tiết lộ tình hình cho ông lão. Liều thuốc của bác sĩ B khá mạnh. Vài giây nín thở và một cơn kinh ngạc nho nhỏ chẳng có gì là mới mẻ hay không thể chịu đựng nổi với ông lão Roman.

Khi người y tá quay lại cùng bốn cốc thuốc, không ai hỏi đó là gì. Bác sĩ H sẽ không bao giờ rõ có người nào biết hay không. Anh quay đi, nhìn đồng hồ. Anh chỉ sợ khi họ uống, một điều gì đó tồi tệ hơn những nấc, nghẹn thông thường ở bệnh viện sẽ xảy ra. Anh nghe người y tá khe khẽ, “Bác ời dậy uống thuốc.” Và tiếng hít một hơi thật sâu. Không rõ là người bệnh hay y tá. *Người phụ nữ ấy chính là anh hùng ở đây*, anh nghĩ.

Khi anh nhìn lại, người y tá đang đánh thức bệnh nhân suy thận, người nhạc công ngái ngủ, đưa cho anh cốc thuốc. Từ đằng kia phòng bệnh, bác sĩ B, trong chiếc áo blu trắng, quan sát họ. Bác sĩ H đến bên ông lão Roman và bắt mạch. Không còn gì. Ở giường bệnh đầu kia, người nhạc sĩ cổ nuốt thứ chất lỏng có mùi hạnh nhân.

Tất cả diễn ra êm ái như H hy vọng. Anh nhìn họ - miệng há ra, nhưng không quá ghê sợ, cặp mắt đờ đẫn và vô cảm, đầu ngửa ra sau, cảm hướng lên trần nhà - với vẻ ghen tị như bất kỳ cư dân ghetto nào đối với những kẻ thoát nạn.

(54) Tiếng Đức, nghĩa là người trong ghetto.

(55) Tiếng Đức: Ra ngoài, ra ngoài.

CHƯƠNG 21

Poldek Pfefferberg sống chung phòng ở tầng hai của một ngôi nhà từ thế kỷ 19 tại phố Józefińska. Cửa sổ phòng anh nhìn xuống bức tường ghetto ven sông Vistula, nơi những chiếc sà lan hết xuôi lại ngược, chẳng quan tâm tới ngày cuối cùng của ghetto, nơi tàu tuần tra của SS về về lượn qua như rong chơi. Tại đây, Pfefferberg và Mila, vợ anh, đợi *Sonderkommando* đến lừa họ ra đường. Mila là một cô gái bé nhỏ, nhút nhát, mới hai mươi hai, tị nạn từ Łódź đến. Họ lấy nhau từ những ngày đầu của ghetto. Gia đình Mila nhiều đời làm thầy thuốc, cha cô là bác sĩ phẫu thuật chết trẻ năm 1937. Mẹ cô là bác sĩ da liễu, và trong đợt *Aktion* ở ghetto Tarnow từ năm ngoái, đã chung số phận với Rosalia Blau ở bệnh viện truyền nhiễm, bị tiểu liên đồn gục khi đứng giữa bệnh nhân của mình.

Mila có một tuổi thơ hạnh phúc, dù ở nơi ngược đãi Do Thái như Łódź, và đã theo học ngành y ở Vienna một năm trước chiến tranh. Cô gặp Poldek khi dân Do Thái ở Łódź bị đưa đến Cracow năm 1939. Cô tình cờ được xếp chung căn hộ với chàng Poldek Pfefferberg sôi nổi.

Giờ đây, anh cũng như cô, là người cuối cùng sót lại trong gia đình. Mẹ anh, người trang trí căn hộ trên phố Straszewskiego cho Oskar, đã bị chở đến ghetto Tarnow cùng chồng. Từ đây, sau này anh mới biết, họ được đưa đến Belżec và sát hại. Chị và anh rể Poldek, đều có giấy tờ Aryan, mất tích tại nhà tù Pawiak ở Warsaw. Anh và Mila chỉ còn có nhau. Tính nết hai người khác nhau một trời một vực: Poldek là gã trai đường phố, thủ lĩnh, nhà tổ chức; mẫu người, khi nhà đương cục xuất hiện và hỏi có chuyện quái gì thế này, sẽ bước lên trả lời. Mila thì trầm lặng, càng trầm lặng hơn sau cái kiếp nạn đã nuốt trọn gia đình cô. Giữa thời bình, cuộc phối ngẫu giữa họ sẽ là hoàn mỹ. Cô không chỉ thông minh mà còn sâu sắc; cô tĩnh lặng như tâm bão. Cô có khiếu châm biếm, và Poldek Pfefferberg thường cần có cô để kiềm chế nét ba hoa của mình. Tuy nhiên, hôm nay, trong cái ngày không tưởng này, họ đang mâu thuẫn.

Dù sẵn lòng rời ghetto nếu có cơ hội, thậm chí thích thú với hình ảnh cô và Poldek làm du kích trong rừng, Mila sợ cống ngầm. Đã hơn một lần Poldek ra khỏi ghetto bằng đường này mặc dù thỉnh thoảng lại có cảnh sát phục ở đầu cống. Bạn và thầy giáo cũ của anh, bác sĩ H, gần đây cũng bảo lối thoát này có thể không bị canh gác trong ngày *Sonderkommando* tiến vào. Vấn đề là phải chờ tới sẩm tối. Từ cửa nhà bác sĩ H đến miệng cống chỉ có vài mét. Sau khi chui xuống là rẽ phải, đường cống sẽ dẫn ta đi dưới lòng những con phố Podgórze không thuộc ghetto ra một cửa xả trên bờ kè sông Vistula, gần kênh đào ở phố Zatorska. Hôm qua, bác sĩ H đã quyết định. Hai vợ chồng họ dự kiến thoát theo đường này, và mời vợ chồng Pfefferberg đồng hành. Thời điểm đó Poldek chưa dám nhận lời. Mila sợ, và cũng hợp lý, rằng SS có thể xả hơi ngạt vào cống hoặc vô hiệu hóa kế hoạch này nếu chúng xuất hiện sớm tại căn phòng của vợ chồng họ ở đầu kia phố Józefińska.

Ngày hôm đó trôi qua chậm và căng thẳng trên căn phòng áp mái, khi họ chờ xem phải chạy lối nào. Hàng xóm chắc cũng chung cảnh ngộ. Một số người, có lẽ không chịu nổi cảnh chờ đợi, đã xuống đường mang theo hành lý và va li đựng niềm hy vọng, vì xét cho cùng hỗn hợp âm thanh ấy rất phù hợp để dụ ta ra ngoài - mơ hồ vọng lại từ xa là tiếng ồn đầy bạo lực, còn ở đây, giữa cái tĩnh lặng của căn nhà, ta có thể nghe thấy tiếng gõ lâu năm lạnh lùng kéo kẹt, đếm từng giờ phút cuối cùng và tồi tệ nhất của đời khách trọ. Đến buổi trưa âm u, Poldek và Mila nhai bánh mì nâu, ba trăm gam mỗi người còn lại trong nhà. Âm thanh rập rình của *Aktion* lan sang góc đường Wegierska, cách đó một dãy phố dài, và rồi, đến giữa chiều, lại lắng đi. Không gian gần như tĩnh lặng. Ai đó tuyệt vọng xả nước cái toilet cứng đầu ở tầng một. Đến thời điểm này, gần như có cơ sở để tin rằng SS đã bỏ sót họ.

Thế nhưng, dù tầm tối, buổi chiều u ám cuối cùng trong đời họ tại số 2 Józefińska nhất định không kết thúc. Thật ra, theo Poldek, trời đã đủ nhá nhem để thử thoát theo đường cống trước khi sẩm tối. Giờ khi tình hình đã yên, anh muốn sang hội ý với bác sĩ H. Đừng đi, Mila nói. Nhưng anh vỗ về cô. Anh sẽ tránh đi đường lớn, sẽ sử dụng hệ thống lỗ thủng thông giữa các tòa nhà. Anh tìm đủ mọi cách

để trấn an cô. Ngoài đường có vẻ đã vắng tanh. Anh sẽ tránh những nhân viên OD hay lính SS lác đác ở ngã tư, và trở lại sau năm phút. Em yêu, em yêu, anh bảo cô, anh phải nói chuyện với bác sĩ H.

Anh xuống cầu thang hậu, ra sân qua lỗ thủng trên tường, và không lộ mặt ra phố tới khi đến Văn phòng Lao động. Tại đây anh mạo hiểm băng qua con đường rộng, chui vào những ngõ ngách chằng chịt của khu nhà hình tam giác đối diện, và thỉnh thoảng lại gặp một nhóm người đang hoang mang trao đổi tin đồn và cân nhắc các lối thoát dưới bếp, trong kho, ngoài sân, và giữa hành lang. Anh lộ ra phố Krakusa ngay chỗ đối diện nhà bác sĩ H. Anh băng qua đường mà không bị tên lính tuần tra ở bờ Nam ghetto cách đó ba dãy nhà phát hiện. Đó là nơi Schindler lần đầu chứng kiến sự cực đoan trong chính sách chủng tộc của Đế chế.

Tòa nhà của bác sĩ H trống trơn, nhưng trong sân Poldek gặp một người đàn ông trung niên đờ đẫn, cho anh biết *Sonderkommando* đã càn tới đây và hai vợ chồng bác sĩ sau khi ẩn nấp đã trốn theo đường cống. Có lẽ nên thế, ông ta bảo. Chúng sẽ còn quay lại, bọn SS. Poldek gật đầu; từng sống sót qua nhiều *Aktion*, anh quá biết kiểu chiến thuật này.

Anh trở về theo lối cũ và lại băng qua đường an toàn. Nhưng căn hộ số 2 đã trống trơn, Mila biến mất cùng hành lý, các cửa mở toang, các phòng trống hoác. Không biết có phải họ đều trốn dưới bệnh viện không - vợ chồng bác sĩ H, và cả Mila. Có lẽ họ đã rủ cô đi vì thương cô buồn chồn, và vì dòng dõi nghề y của gia đình cô.

Poldek lại trở ra bằng lối chuồng ngựa, rồi theo đường khác đi đến sân bệnh viện. Ga giường dính máu phát phơ ở ban công tầng trên, như cờ của kẻ bại trận chẳng được ai đoái hoài. Giữa mảnh sân lát đá là một đồng xác. Có những người đầu vỡ toác, chân tay gãy rục. Dĩ nhiên, đó không phải là những bệnh nhân nan y của bác sĩ B và H. Họ là những người bị tạm giữ tại đây lúc ban ngày trước khi hạ sát. Một số có lẽ bị giam trên tầng, bị bắn, rồi ngã lộn xuống sân.

Sau này, mỗi khi được hỏi về đồng xác trong sân bệnh viện, Poldek sẽ luôn đưa ra con số sáu mươi đến bảy mươi, tuy anh không có thời gian để đếm ngọn kim tự tháp rồi bời ấy. Cracow là một phố thị và Poldek, vốn là cậu bé giao du rộng, trước ở Podgórze, về sau ở nội thành, từng theo mẹ tới nhiều gia đình giàu sang trong thành phố, nhận ra từ đồng xác những khuôn mặt quen: khách hàng cũ của mẹ; những người hỏi thăm cậu bé đi học ở trường Kosciuszko thế nào, nhận được những câu trả lời láu lỉnh, cho cậu bánh kẹo vì cậu xinh trai và đáng yêu. Giờ đây họ bị phơi thân và chất chôn trong ô nhục giữa mảnh sân đầm máu ấy.

Không hiểu sao Pfefferberg không hề nghĩ đến việc tìm xác vợ và ông bà H ở đó. Anh nhận thức được vì sao số phận lại đặt anh ở đây. Anh có một niềm tin không lay chuyển vào tương lai tốt đẹp hơn, tương lai của những pháp đình công chính. Anh ý thức được vai trò nhân chứng của mình, cái cảm giác Schindler từng trải qua trên ngọn đồi nhìn xuống Rekawka.

Anh bỗng để ý đến một đám đông trên phố Wegierska, ở ngoài sân bệnh viện. Họ đi về phía cổng Rekawka với vẻ đờ đẫn nhưng không có vẻ suy nhược giống công nhân đi làm ca sáng thứ Hai, thậm chí không giống cổ động viên của đội bóng thua trận. Trong làn người này anh nhận ra hàng xóm trên phố Józefińska. Anh ra khỏi sân, mang theo, như một thứ vũ khí giấu trong tay áo, trọn vẹn ký ức của nơi này. Mila thế nào rồi? Có ai biết không? Cô ấy đi rồi, họ nói. *Sonderkommando* vừa càn qua. Cô ấy ra khỏi cổng rồi, đang trên đường đến đó. Đến Płaszów.

Tất nhiên anh và Mila đã dự phòng tình huống bế tắc như thế này. Nếu một trong hai người bị vào Płaszów, tốt hơn người kia nên cố gắng ở ngoài. Anh biết Mila có năng khiếu tránh gây chú ý, một kỹ năng hữu ích ở trong tù; nhưng cô cũng có thể bị khổ sở vì thiếu ăn trầm trọng. Anh sẽ tiếp tế cho cô từ ngoài. Anh tin chắc mình lo được việc này. Dù vậy, quyết định ấy chẳng hề dễ dàng - đám đông hoang mang kia, được SS canh gác sơ sài, đang đi từ cổng Nam đến khu nhà máy quay rào thép gai của Płaszów, là chỉ dấu về nơi được đa số, mà có lẽ họ đúng, xem là chốn dung thân lâu dài.

Ánh sáng lúc này, dù đã muộn, bỗng tỏ hơn, tựa hồ sắp có tuyết. Poldek băng qua đường trượt lọt và tiến vào khu căn hộ trống trơn. Anh tự hỏi không biết nơi này có trống thật không, hay lại đầy người đang ẩn nấp một cách tinh quái hoặc ngây thơ - những người tin rằng dù SS có bắt họ đi đâu, thì cái đích cuối cùng vẫn là phòng hơi ngạt.

Poldek muốn tìm một nơi ẩn náu loại một. Anh theo ngõ sau đến bãi chứa gỗ trên phố Józefińska. Ở đây gỗ là hàng hiếm. Không có chồng gỗ nào đủ lớn để anh trốn. Chỗ khả dĩ nhất là sau hai cánh cổng sắt ở lối vào. Kích thước và màu đen của nó khá hứa hẹn cho màn đêm sắp xuống. Về sau, chính anh cũng không tin nổi mình lại hăm hở chọn nơi này đến thế.

Anh gò lưng núp sau bên cổng bị đẩy sát vào tường của nhà văn phòng bỏ hoang. Qua kẽ hở chỗ bản lề, anh quan sát được phố Józefińska, theo hướng ban nãy anh đến. Sau tấm thép lạnh băng ấy, anh chứng kiến lát cắt của màn đêm buốt giá, một màu xám lung linh, và kéo áo khoác che kín ngực. Một đôi vợ chồng hối hả hướng về phía cổng, vừa đi vừa tránh đồ đạc vãi trên đường, những chiếc va li được ghi tên viết hoa một cách vô nghĩa. KLEINFELD, dòng chữ tuyên bố dưới ánh sáng ban đêm. LEHRER, BAUME, WEINBERG, SMOLAR, STRUS, ROSENTHAL, BIRMAN, ZEITLIN. Những cái tên không biên nhận. “Từng đồng đồ chất chồng ký ức,” nghệ sĩ trẻ Josef Bau từng miêu tả. “Bảo vật của tôi đâu?”

Bên kia bãi chiến trường ngổn ngang hành lý hy sinh này, anh nghe thấy tiếng chó sủa dữ dằn. Đầu phố Józefińska bỗng xuất hiện ba tên SS sải bước trên vỉa hè phía xa, một tên bị lôi xềnh xệch bởi một khối lông lá, mà sau đó Poldek nhận ra là hai con chó lớn. Lũ chó lôi người dắt vào số 41 Józefińska, nhưng hai tên còn lại đứng đợi ngoài vỉa hè. Poldek chỉ chú tâm vào lũ chó. Chúng như lai giữa Dalmatian với chó chăn cừu Đức. Pfefferberg vẫn nghĩ về Cracow như một thành phố thân thiện, và loại chó này nhìn thật ngoại lai, như thể chúng vừa đến từ một ghetto nào khác khắc nghiệt hơn. Bởi đến giờ phút cuối cùng này, giữa ngổn ngang hành lý, ẩn sau cánh cổng sắt, anh vẫn biết ơn thành phố này, và vẫn đinh ninh nỗi kinh hoàng tối hậu chỉ được thực thi ở những đô thị khác, ít thanh lịch

hơn. Ngộ nhận cuối cùng của Poldek sụp đổ sau chưa đầy nửa phút. Điều tồi tệ nhất xảy ra ở chính Cracow. Qua khe cửa, anh nhìn thấy cảnh tượng chứng tỏ nếu có cực điểm của tà ác thì nó không phải ở Tarnow, Czestochowa, Lwów hay Warsaw như ta tưởng. Nó ở ngay phía Bắc phố Józefińska, cách anh một trăm hai mươi bước. Từ số 41, một phụ nữ ôm con kêu khóc chạy ra. Một con chó ngoạm chặt vạt váy và phần thịt ở hông bà. Tên lính SS làm nhiệm vụ cầu nô tóm đứa trẻ rồi ném nó vào tường. Âm thanh ấy làm Pfefferberg phải nhắm mắt lại, và anh nghe tiếng súng vang lên, chấm dứt lời kêu gào phản kháng của người mẹ.

Cũng như anh luôn ước tính đồng xác ở bệnh viện cỡ độ sáu, bảy mươi người, Pfefferberg sẽ luôn làm chứng rằng đứa trẻ chỉ độ hai, ba tuổi.

Có lẽ trước khi người đàn bà chết hẳn, và chắc chắn trước khi anh tự ý thức được mình đã di chuyển, như thể quyết định ấy xuất phát từ tuyến-can-trường nằm sau gáy, Pfefferberg rời bỏ cánh cổng buốt giá, vì nó không thể bảo vệ anh khỏi lũ chó, và thấy mình đứng giữa sân. Anh lập tức lấy tác phong quân đội học được từ thời đi lính Ba Lan. Anh bước ra khỏi sân chứa gỗ như người đang hành lễ, cúi xuống, bắt đầu dọn mở hành lý khỏi lòng đường và chất chúng thành đồng ven bờ tường. Anh nghe thấy tiếng ba tên SS lại gần; cảm thấy hơi thở găm ghè của lũ chó, và cả buổi tối chực đứt tung dưới sự căng thẳng của sợi dây xích chúng. Khi đoán chúng còn cách khoảng mười bước, anh đứng thẳng lên và cho phép mình, trong vai tên Do Thái để bảo hơi có xuất thân Âu châu, nhận thấy chúng. Anh thấy ửng và quần chèn chúng vấy đầy máu, nhưng chúng không hề hổ thẹn khi xuất hiện trước mặt người khác trong tình trạng ấy. Viên sĩ quan đi giữa cao hơn cả. Nhìn gã chẳng hề giống kẻ sát nhân; gương mặt có vẻ nhạy cảm và khuôn miệng có nét thanh tú.

Pfefferberg trong bộ quần áo tồi tàn liền dập gót theo kiểu Ba Lan và giơ tay chào viên sĩ quan cao lớn đi giữa. Vì không nắm được quân hàm SS nên anh không biết xưng hô ra sao. “Herr,” anh lắp bắp. “Herr Commandant!”

Đó là một từ được bộ não anh, dưới nguy cơ tuyệt mệnh, bắn ra như điện xẹt. Và từ ấy hóa ra chuẩn xác, bởi đó chính là Amon Goeth vào thời điểm sung mãn nhất của buổi chiều, hưng phấn trước thành quả, và sẵn sàng thực thi tức thời và theo bản năng quyền uy của gã, cũng như Poldek Pfefferberg sẵn sàng thực thi tức thời và theo bản năng thủ đoạn của mình.

“Herr Commandant, kính xin báo cáo rằng tôi được lệnh dọn tất cả những thứ này sang vệ đường để không cản trở giao thông.”

Lũ chó rướn cổ chực nhao vào anh. Chúng chờ đợi, căn cứ tiền sử huấn luyện tàn bạo và phong cách của *Aktion* hôm nay, được xông vào cổ tay và háng Pfefferberg. Tiếng gầm gừ của chúng không chỉ hoang dại, mà còn đầy vẻ tự tin đáng sợ vào hệ quả, vấn đề chỉ là tên lính SS bên trái Herr Commandant liệu có đủ sức ghi chúng lại không. Pfefferberg không mong đợi gì nhiều. Anh sẽ chẳng bất ngờ nếu bị chôn vùi dưới hàm răng chó và một lúc sau được giải thoát khỏi những thương tích của chúng gây ra bằng một viên đạn. Nếu người đàn bà nọ không thể thoát nạn dù cầu xin bằng tình mẫu tử, thì anh chẳng có bao nhiêu cơ hội với câu chuyện về đồ đạc, về dọn quang con đường, trong khi mọi lưu thông của con người bất luận thể nào đều đã bị tiêu diệt.

Những viên Commandant lại thấy thú vị với Pfefferberg hơn bà mẹ. Đây là một gã *Ghettomensch*, đóng vai lính tráng báo cáo trước mặt ba sĩ quan SS, nếu là thật thì quá hèn mọn, nếu không thì gần như dễ thương. Tác phong của gã, trên hết, là sự phá cách đối với một nạn nhân. Trong tất cả những kẻ xấu số hôm nay, có mình gã thử dập gót chào. Do vậy Herr Commandant có cái quyền vương giả là tỏ ra thú vị một cách phi lý và bất ngờ. Đầu gã ngả ra; môi trên kéo lại. Đó là một cái cười toe toét, tự nhiên, và hai đồng đội của gã mỉm cười lắc đầu trước sự sảng khoái ấy.

Bằng chất giọng nam trung tuyệt hảo, *Untersturmführer* Goeth nói, “Tất cả đã thu xếp đâu vào đấy rồi. Nhóm cuối cùng sắp rời ghetto. *Verschwinde!*” Nghĩa là, Biến đi, cu binh bét Ba Lan dập gót!

Pfefferberg bắt đầu chạy, đầu không ngoảnh lại, và anh sẽ chẳng bất ngờ nếu bị hạ gục từ phía sau. Cứ thế, anh chạy tới góc phố

Wegierska, ngoặt sang, qua sân bệnh viện, nơi anh vừa là nhân chứng vài giờ trước đó. Khi anh gần ra đến cổng thì trời sập tối, và từng ngõ phố thân quen cuối cùng của ghetto mờ đi. Tại Quảng trường Podgórze, đám tù nhân chính thức sau cùng đứng giữa hàng rào hờ hững của lính SS và Ukraine.

“Chắc tôi là người sống sót cuối cùng,” anh bảo những người trong nhóm.

*

Nếu không phải anh thì chắc là bác thợ kim hoàn Wulkan và vợ con. Vài tháng qua Wulkan làm việc tại nhà máy Tiến bộ và, biết điều sắp tới, đã tìm đến *Treuhänder* Unkelbach với một viên kim cương to, đã giấu hai năm trong lớp lót của áo khoác. “Herr Unkelbach,” ông ta bảo tay quăn đốc. “Họ bắt tôi đi đâu tôi sẽ đi đấy, nhưng vợ tôi không chịu nổi những ồn ào thô bạo ấy đâu.” Wulkan, vợ và con trai sẽ chờ ở đồn cảnh sát OD dưới sự bảo vệ của một viên cảnh sát Do Thái họ quen, và có lẽ trong ngày Herr Unkelbach sẽ tới đưa họ vào Płaszów một cách bình yên.

Từ sáng họ đã ngồi một góc trong đồn cảnh sát, nhưng cuộc chờ đợi ấy cũng đáng sợ như họ ngồi ở bếp nhà mình, cậu bé hết sợ lại chán, còn bà vợ thì không ngừng lúng búng. Hấn đâu? Cuối cùng hấn có đến không? Ôi cái bọn này, cái bọn này! Tới đầu giờ chiều, Unkelbach đến thật, vào *Ordnungsdienst* đi vệ sinh và uống cà phê. Từ phòng đợi ngó ra, Wulkan nhìn thấy một *Treuhänder* Unkelbach hoàn toàn xa lạ: một người mặc quân phục hạ sĩ quan SS, hút thuốc, sôi nổi trò chuyện với một tên SS khác; một tay tu từng ngậm lớn cà phê, rít từng hơi đầy khói thuốc, ngoạm từng miếng to bánh mì nâu, trong khi khẩu súng lục, vẫn nằm ở tay trái, như một con thú nằm nghỉ trên mặt quầy, từng vệt máu thẫm màu chạy dọc ngực áo y. Đôi mắt y gặp mắt Wulkan, nhưng không nhìn thấy ông. Wulkan biết ngay không phải Unkelbach nuốt lời mà đơn giản là y không nhớ. Y đang say, nhưng không phải vì rượu. Nếu Wulkan gọi y, câu trả lời chắc hẳn sẽ là một ánh mắt ngây dại, lạc thần. Và, rất có thể, tiếp nối bằng một điều tồi tệ hơn.

Wulkan bỏ cuộc, quay vào với vợ. Bà ta vẫn cần nhần, “Sao ông không nói chuyện với hắn? Nếu hắn còn đó thì để tôi.” Rồi bà ta thấy bóng tối trong mắt Wulkan, và lén nhìn qua mép cửa. Unkelbach đang chuẩn bị rời đi. Bà ta thấy bộ quân phục lạ lẫm, mặt trước vấy máu các tiểu thương và vợ. Bà ta khẽ rú lên và trở lại chỗ ngồi.

Như chồng mình, lúc này bà rơi vào tình trạng tuyệt vọng có cơ sở, và sự chờ đợi đậm dễ dàng hơn. Viên OD họ quen trả họ lại với niềm hy vọng và nỗi phấp phỏng quen thuộc. Anh ta bảo rằng tất cả OD, trừ đội cận vệ của Spira, sẽ phải rời ghetto trước sau giờ tối, theo đường Wieliczka đến Płaszów. Anh ta sẽ tìm cách đưa nhà Wulkan lên một xe trong đoàn.

Khi trời đã tối sau cảnh Pfefferberg chạy lên phố Wegierska, khi toán tù nhân cuối cùng đã tập kết tại cổng dẫn vào quảng trường Podgórze, khi vợ chồng bác sĩ H di chuyển về phía Đông, ẩn giữa một nhóm thanh niên Ba Lan say rượu om sòm, khi các toán *Sonderkommando* đang nghỉ ngơi hút thuốc để chuẩn bị lục soát các khu nhà lần chót, hai cỗ xe ngựa dừng lại trước cổng đồn cảnh sát. Nhóm OD giấu nhà Wulkan dưới thùng giấy tờ và bọc quần áo. Symche Spira và đồng bọn không xuất hiện, vẫn đang làm nhiệm vụ trên phố, uống cà phê với các hạ sĩ quan và ăn mừng vị thế bền vững của mình trong chế độ.

Nhưng trước khi đoàn xe ra khỏi cổng ghetto, nhà Wulkan, đang nằm bẹp dí dưới sàn, nghe thấy âm thanh gần như liên hồi của súng trường và súng lục từ dãy phố sau lưng. Thế nghĩa là Amon Goeth và Willi Haase, Albert Hujar, Horst Pilarzik và vài trăm tên khác đang sục vào tầng áp mái, trần giả, thùng dưới tầng hầm, và tìm thấy những người đã nuôi hy vọng trong câm lặng suốt ngày hôm đó.

Hơn bốn ngàn người như vậy đã bị phát hiện và hành quyết ngoài phố trong một đêm. Hai ngày sau đó, thi thể họ được ném lên xe tải mui trần, chở tới Płaszów và chôn thành hai nấm mồ tập thể trong cánh rừng trước khu trại mới.

CHƯƠNG 22

Chúng ta không rõ tâm hồn Oskar Schindler ở trạng thái nào trong ngày 13 tháng Ba. Nhưng khi công nhân của ông quay lại làm việc từ Płaszów, có lính gác áp giải, ông đã sẵn sàng thu thập tài liệu để chuyển cho bác sĩ Sedlacek vào lần tới. Từ các tù nhân, ông được biết *Zwangsarbeitslager* Płaszów - tên hành chính của nơi này - sẽ không phải là vương quốc của lý trí. Goeth tiếp tục niềm căm ghét kỹ sư bằng cách cho lính đánh Zygmunt Grünberg đến hôn mê, và đưa anh tới bệnh viện cạnh trại tù nữ muộn đến mức anh cảm chắc cái chết. Qua các tù nhân được hưởng bữa xúp trưa đầy đặn tại DEF, Oskar được biết Płaszów không chỉ là trại lao động mà còn được dùng làm nơi hành quyết. Tuy cả trại đều nghe thấy, nhưng riêng một số tù nhân còn tận mắt chứng kiến.

Chẳng hạn như tù nhân M⁽⁵⁶⁾, trước chiến tranh từng kinh doanh trang trí nội thất ở Cracow. Những ngày đầu nhập trại, ông được giao trang trí khu nhà SS, là vài căn biệt thự đồng quê nằm ven con đường phía Bắc trại. Như mọi nghệ nhân có giá trị đặc biệt khác, ông được đi lại tự do hơn, và một buổi chiều mùa xuân năm ấy, ông đang trên con đường từ villa của *Untersturmführer* Leo John đến ngọn đồi tên gọi Chujowa Górka, nơi có công sự cũ của quân Áo. Trước khi rẽ sang triền dốc đi đến sân nhà máy, ông phải dừng lại nhường đường cho một chiếc xe tải quân đội nặng nề lên dốc. M nhận thấy trên xe toàn phụ nữ, dưới sự áp giải của lính Ukraine mặc đồ bảo hộ trắng. Ông nấp giữa từng chông gỗ, và thấy phần nào cánh những phụ nữ, bị lừa xuống xe và giải vào trong lô cốt, nhất định không chịu cởi quần áo. Kẻ quát tháo ra lệnh là Edmund Sdrojewski của SS. Đám hạ sĩ quan Ukraine đi xen giữa tù nhân dùng cán roi đánh họ. M đoán họ là dân Do Thái, có lẽ bị bắt vì mang giấy tờ Aryan giả mạo, và được đưa từ nhà tù Montelupich đến đây. Một số rên lên khi trúng đòn, số khác vẫn nín lặng, như thể không muốn cho bọn Ukraine thỏa mãn. Một người bắt đầu tụng *Shema Yisroel*⁽⁵⁷⁾, và tất cả hòa theo. Lời kinh cầu bưng bưng trĩu dậy trên đỉnh đồi, như thể các cô - những người mãi đến hôm qua còn đóng vai người Aryan - bỗng nhận ra giờ đây khi không còn áp

lực, hơn ai hết họ được tự do tôn vinh sự khác biệt chủng tộc của mình trước mặt Sdrojewski và bọn lính Ukraine. Thế rồi, trong khi co cụm cho đỡ xấu hổ và lạnh, họ bị bắn chết. Đêm đến, lính Ukraine chở họ đi bằng xe cút kít, chôn trong cánh rừng bên kia đồi Chujowa Górka.

Tù nhân dưới chân đồi cũng nghe nói về vụ hành quyết đầu tiên trên ngọn đồi giờ đây có cái tục danh là “Đồi Buổi”. Có người tự nhủ bị bắn trên đó chỉ toàn du kích, những tay Marxist cứng đầu hoặc bọn điên khùng theo chủ nghĩa dân tộc. Trên ấy là một xứ sở khác. Nếu tuân thủ quy củ trong hàng rào, anh sẽ không bao giờ phải lên đó. Nhưng những ai tỉnh táo hơn trong số công nhân của Schindler, ngày ngày được giải qua phố Wieliczka và nhà máy cáp tới Zablocie làm việc - họ hiểu vì sao tù nhân ở Montelupich lại bị bắn trên đồi, vì sao SS không sợ tù nhân nhìn thấy xe tải lên đồi, hay cả Płaszów nghe được tiếng súng. Đó là vì SS không coi trại viên là nhân chứng cuối cùng. Nếu nghĩ đến ngày phải ra tòa, ngày họ làm chứng tập thể, thì chúng đã đem nạn nhân vào sâu hơn trong rừng. Từ đây, Oskar rút ra kết luận Chujowa Górka không phải là một thế giới biệt lập với Płaszów, mà cả hai, những người bị chở lên đỉnh đồi bằng xe tải và những người sau hàng rào dưới chân đồi, đều đã bị kết án.

*

Buổi sáng đầu tiên Commandant Goeth bước ra hiên và hạ sát ngẫu nhiên một tù nhân, đã có xu hướng xem đây, như vụ hành quyết đầu tiên trên Chujowa Górka, là một sự kiện cá biệt, đơn lẻ, không thuộc về nhịp sống của trại. Kỳ thực, các cuộc sát nhân trên đồi tất nhiên sẽ thành thông lệ, như thói quen buổi sớm của Amon.

Mặc sơ mi, quần chần, đi đôi ủng được cần vụ đánh bóng loáng, gã sẽ bước ra bậc thềm của ngôi nhà tạm (một ngôi biệt thự đẹp hơn đang được cải tạo cho gã ở đầu kia khu trại). Sang mùa hè, gã sẽ cởi trần xuất hiện, vì gã ưa ánh nắng. Nhưng hiện thời gã vẫn mặc quần áo từ bữa sáng, một tay cầm ống nhòm, tay kia xách cây súng bắn tỉa. Gã sẽ rà quanh khu trại, khu mỏ, các tù nhân đang đẩy hoặc kéo xe goòng chở đá đi qua trước cửa. Ai liếc mắt nhìn lên sẽ thấy khói từ điều thuốc gã ngậm chặt trên môi, kiểu hút thuốc không dùng tay của người bận rộn không thể rời tay khỏi công cụ lao động.

Trong mấy ngày đầu ở trại, gã đã xuất hiện như thể trên ngưỡng cửa và bắt một tù nhân có vẻ không hết sức đẩy xe chở đá. Không ai biết chính xác tại sao Amon chọn người tù ấy - còn gã chắc chắn không phải giải trình động cơ của mình. Sau một tiếng nổ trên bậu cửa, người tù bị bứt khỏi nhóm khổ sai đang vừa kéo vừa đẩy và bị gạt sang vệ đường. Những người còn lại ngừng đẩy, tất nhiên, cơ bắp đông cứng lại, chờ đợi một trận tàn sát tập thể. Nhưng Amon nhú mày rồi vẫy tay cho họ đi, như thể muốn nói gã tạm thời hài lòng với chất lượng lao động của họ.

Bên cạnh những hành vi tàn bạo với tù nhân, Amon còn phá vỡ một lời hứa với các doanh nghiệp. Oskar nhận được điện thoại từ Madritsch - ông ta muốn họ cùng lên tiếng. Amon từng hứa sẽ không can thiệp vào công việc của các nhà máy. Ít ra gã không can thiệp từ bên trong. Nhưng gã lại trì hoãn việc thay ca, khi giữ tù nhân hàng giờ ở *Appellplatz* (sân tập trung) lúc điểm danh. Madritsch nhắc tới trường hợp SS tìm thấy một củ khoai tây trong một căn lán, và tất cả tù nhân ở lán này bị phạt roi công khai trước mặt hàng ngàn bạn tù. Bắt vài trăm người tụt quần dài và quần lót xuống, vén áo lên, và đánh mỗi người hai mươi lăm roi là chuyện chẳng hề nhanh gọn. Và Goeth quy định tù nhân phải tự đếm thay đám lính cần vụ Ukraine cầm roi. Nếu nạn nhân lầm lẫn thì phải bắt đầu lại từ đầu. Những buổi điểm danh tại *Appellplatz* của Commandant Goeth không thiếu những trò tiêu tốn thời gian như vậy.

Thành thử đội thay ca sẽ tới xưởng may của Madritsch ngay trong Płaszów muộn hàng tiếng đồng hồ và thêm một tiếng nữa ở nhà máy của Oskar trên phố Lipowa. Chưa kể họ đến nơi trong tình trạng sốc, không thể tập trung, rì rầm kể lại chuyện Amon hay John hay Scheidt hay một sĩ quan nào đó đã làm sáng hôm đó. Oskar đã phàn nàn với một tay kỹ sư quen bên Tổng cục Quân giới. Phàn nàn với các sếp cảnh sát cũng chẳng ích gì, anh ta nói. Họ đâu có tham gia cùng cuộc chiến với bọn ta. Có lẽ tôi nên, Oskar nói, giữ công nhân lại nhà máy. Tự xây trại riêng.

Ý tưởng này làm viên kỹ sư thấy thú vị. Ông định để họ ở đâu, ông bạn? anh ta hỏi. Ông làm gì còn đất.

Nếu tôi lo được chỗ, Oskar hỏi, anh có viết thư ủng hộ không?

Khi viên kỹ sư đồng ý, Oskar gọi điện cho một cặp vợ chồng già tên là Bielski sống ở phố Stradom. Ông đề xuất mua lại mảnh đất giáp nhà máy, thuộc sở hữu của họ. Ông lái xe sang bên kia sông gặp họ. Phong thái của ông làm họ rất phấn khởi. Vốn rất ngại phải kỳ kèo mặc cả, ông mở đầu bằng cách ra giá của thời sốt đất. Họ mời ông uống trà và, trong cơn phấn khích, gọi luôn luật sư đến làm hợp đồng khi ông vẫn còn ở đó. Từ nhà họ, Oskar lái thẳng đến trại để, theo phép xã giao, thông báo với Amon ý định xây trại phụ của Płaszów tại nhà máy của mình. Gã bị ý tưởng ấy thu hút. “Nếu các tướng lĩnh SS chấp thuận,” gã nói, “thì ông có thể chờ đợi sự hợp tác của tôi. Miễn ông đừng đòi đòi nhạc công hay con hầu của tôi là được.”

Hôm sau, Oskar bố trí một cuộc gặp toàn diện với *Oberführer* Scherner trên phố Pomorska. Bằng cách nào đó, cả Amon lẫn tướng Scherner đều biết có thể yêu cầu Oskar gánh toàn bộ tiền xây trại mới. Cả hai cảm nhận được, khi Oskar đưa ra lập luận từ góc độ kinh doanh - “Tôi muốn công nhân ở luôn nhà máy để khai thác tối đa sức lao động của họ”- hấn còn xuất phát từ một đam mê thâm kín và không sợ tổn kém khác. Cả hai coi Oskar là người tử tế nhưng mắc phải bả yêu Do Thái như một thứ virus. Đây là hệ quả từ lý thuyết của SS rằng căn tính Do Thái đã lan khắp thế giới và có sức mạnh thần bí, và nên thương xót Herr Oskar Schindler như một hoàng tử bị hóa ếch. Nhưng hấn sẽ phải chi đậm cho căn bệnh của mình.

Yêu cầu của *Obergruppenführer* Friedrich-Wilhelm Krüger, giám đốc cảnh sát của vùng Đức thuộc, sếp của Scherner và Czurda, dựa trên quy định của Bộ phận Đặc trách Trại tập trung thuộc Văn phòng Hành chính và Kinh tế SS của tướng Oswald Pohl, mặc dù đến thời điểm này Płaszów vẫn hoạt động độc lập với văn phòng của Pohl. Yêu cầu cơ bản với cơ sở phụ của Trại Lao động Cường bức của SS là phải có hàng rào cao ba mét, và tháp canh ở cự ly tương ứng với chu vi trại, hồ xí, lán trại, bệnh viện, phòng khám răng, nhà tắm và diệt khuẩn, hiệu cắt tóc, cửa hàng lương thực, buồng giặt, văn phòng, khu nhà cho lính gác có chất lượng xây dựng tốt hơn khu

trại, và mọi trang thiết bị liên quan. Amon, Scherner lẫn Czurda đều cho rằng Oskar, và điều này chỉ là phải lẽ, sẽ đáp ứng mọi chi phí vì động cơ kinh tế hoặc vì thứ bùa mê ông mắc phải.

Và dù chúng bắt Oskar chi, đề xuất của ông vẫn hợp ý chúng. Vẫn còn một ghetto ở Tarnow, cách đây bốn mươi lăm dặm, và khi nó bị hủy bỏ, Płaszów sẽ phải tiếp nhận cư dân từ đấy. Tương tự, sẽ còn hàng ngàn dân Do Thái tới Płaszów từ các làng quê miền Nam Ba Lan. Một trại phụ ở Lipowa sẽ giảm bớt sức ép ấy.

Amon cũng hiểu, dù gã không bao giờ nói với các sếp, rằng không nhất thiết phải cung cấp chính xác khẩu phần lương thực tối thiểu cho phổ Lipowa như chỉ đạo của tướng Pohl. Amon - người có thể phóng lưởi tầm sét từ bậc thềm mà không bị phản đối, người bất luận thế nào vẫn theo quan điểm chính thống rằng dân số Płaszów cần phải có độ hao mòn nhất định - khi ấy đã bán một phần lương thực của tù nhân ra chợ đen thông qua đầu mối của gã, một người Do Thái tên là Wilek Chilowicz, người có quan hệ với quản lý nhà máy, lái buôn, thậm chí cả các nhà hàng ở Cracow.

Bác sĩ Alexander Biberstein, nay cũng là tù nhân ở Płaszów, đã kết luận rằng khẩu phần hàng ngày dao động từ 700 đến 1.100 calo. Mỗi sáng tù nhân được nửa lít cà phê đen thể phẩm, vị như hạt sỏi rỗng, và một cục bánh mì hắc mạch nặng 175g, tương đương một phần tám bánh mì tròn cần vụn bếp ăn nhận từ hàng bánh mỗi sáng. Cái đói có sức mạnh lũng đoạn đến nỗi mỗi tay cần vụn khi cắt bánh đều quay lưng lại đồng nghiệp rồi gọi to, “Ai lấy miếng này? Ai lấy miếng kia?” Đến trưa họ được ăn xúp - cà rốt, củ cải đường, giả bột cọ. Xúp này hôm loãng hôm đặc. Buổi tối, công nhân từ ngoài trở về đem theo đồ ăn tử tế hơn. Một con gà nhỏ giấu dưới áo khoác, một cây bánh mì Pháp nhét vào ống quần. Amon cố gắng ngăn chặn việc này bằng cách lục soát từng đoàn lao động quay về lúc sẩm tối trước mặt tòa nhà quản trị. Gã không muốn công cuộc đào thải tự nhiên bị cản trở, hay mục tiêu ý thức hệ trong việc buôn bán lương thực qua Chilowicz bị phá hoại. Bởi gã không dung túng cho tù nhân, gã cho rằng nếu Oskar quyết định nhận một nghìn tên Do Thái, hẳn có thể dung túng chúng bằng tiền túi, và không thường xuyên cần đến bánh mì và củ cải từ Płaszów.

Mùa xuân ấy, các trùm cảnh sát ở Cracow không phải là đối tượng duy nhất Oskar phải tìm gặp. Ông ra sân sau thuyết phục hàng xóm. Ngoài hai túp lều xập xệ dựng từ ván thông của Jereth, ông sang nhà máy máy sưởi của Kurt Hoderman. Nơi này thuê một đám Ba Lan và khoảng một trăm tù nhân Płaszów. Đầu kia là nhà máy vỏ hộp của Jereth, do viên kỹ sư người Đức Kuhnpast giám sát. Do tù nhân chỉ chiếm một phần nhỏ trong số lao động ở đây, họ không hào hứng gì cho lắm với ý tưởng này, nhưng cũng không phản đối. Vì với đề xuất của Oskar, lao động Do Thái của họ sẽ ở cách nhà máy năm mươi mét thay vì năm cây số.

Tiếp đó Oskar ra vùng lân cận để nói chuyện với kỹ sư Schmilewski tại văn phòng doanh trại *Wehrmacht* cách đó vài dãy phố. Ông ta cũng thuê một nhóm lao động từ Płaszów. Schmilewski không phản đối. Tên ông ta, Kuhnpast và Hoderman đều được đưa vào hồ sơ đăng ký Schindler gửi đến phố Pomorska.

Đoàn khảo sát của SS đến Emalia và trao đổi với khảo sát viên Steinhauser, bạn cũ của Oskar ở Tổng cục Quân giới. Họ đứng ở khu đất, nhíu mày, đúng tác phong khảo sát, và đặt câu hỏi về hệ thống thoát nước. Oskar mời tất cả lên văn phòng ở tầng trên uống cà phê và cognac, sau đấy mọi người hồ hởi chia tay. Mấy ngày sau, hồ sơ đăng ký lập Phân trại Lao động Cường bức đã được chấp thuận.

Năm đó lợi nhuận của DEF là 15,8 triệu Reichsmark. Có người sẽ nghĩ rằng khoản tiền 300.000 RM Oskar chi để mua nguyên vật liệu cho trại Emalia tuy lớn nhưng không đến nỗi chết người. Sự thật là cuộc tiêu pha của Oskar chỉ mới bắt đầu.

*

Oskar gửi đơn đến Bauleitung, tức Văn phòng Xây dựng, của Płaszów xin sự phục vụ của một kỹ sư trẻ tên là Adam Garde. Garde khi đó vẫn đang làm việc ở khu lán trong trại của Amon và, sau khi hướng dẫn kịp thời ở đây, sẽ có riêng một lính gác áp giải từ Płaszów đến phố Lipowa để giám sát công trình của Oskar. Lần đầu đến Zablocie, Garde thấy đã có bốn trăm tù nhân ở hai khu lán tạm. Lính SS tuần tra ở ngoài hàng rào, nhưng các bạn tù bảo Garde

rằng Oskar không cho SS vào trong trại hay nhà máy, tất nhiên trừ phi có đoàn thanh tra. Oskar, họ kể, luôn đảm bảo toán lính SS đồn trú tại Emalia được say sưa và vui vẻ ở yên một chỗ. Garde có thể thấy các tù nhân ở Emalia mãn nguyện với cuộc sống giữa những tấm ván mỏng manh của hai căn lán, một nam một nữ. Họ đã bắt đầu tự nhận là *Schindlerjuden*⁽⁵⁸⁾, như một cách cần trọng tự chúc mừng bản thân, như một bệnh nhân đột quỵ vừa hồi phục tự nhận mình là một gã ăn xin vận đỏ.

Họ đã đào vài hố xí kiểu sơ khai, khiến kỹ sư Garde, dù tán thành sự nhiệt tình ấy, vẫn không tránh khỏi ngửi thấy mùi từ khi bước vào cổng. Họ tắm rửa tại một vòi bơm ngay ngoài sân nhà máy.

Oskar mời Garde lên phòng xem bản thiết kế. Sáu lán, cho tới đa 1.200 người. Bếp ở đầu này, còn lán của SS - Oskar tạm thời cho lính gác SS ở trong khuôn viên nhà máy - nằm ngoài hàng rào ở đầu kia. Tôi muốn một khu tắm giặt hạng nhất, Oskar nói. Tôi có thợ hàn để thi công theo hướng dẫn của anh. Sốt phát ban, ông gầm gừ, hơi nhoe nhoẹt cười với Garde. Thứ đó chẳng ai muốn sát. Płaszów chưa gì đã đầy chấy rận. Chúng ta phải luộc được quần áo.

Adam Garde hoan hỉ được tới phố Lipowa mỗi ngày. Đã có hai kỹ sư bị trừng trị ở Płaszów vì bằng cấp của họ, nhưng ở DEF, chuyên gia vẫn là chuyên gia. Một sáng nọ, khi lính gác đang giải anh đi trên phố Wieliczka về hướng Zablocie, một chiếc limousine đen xuất hiện, phanh kít cạnh họ. Từ trên xe bước ra *Untersturmführer* Goeth. Từ gã toát ra vẻ bồn chồn.

Một tù nhân, một lính gác, gã nhận xét. Thế nghĩa là sao? Tên lính Ukraine xin báo cáo Herr Commandant rằng y được lệnh mỗi sáng áp giải tù nhân này tới nhà máy Emalia của Herr Oskar Schindler. Cả Garde lẫn tên lính đều hy vọng sẽ được miễn tội nhờ nhắc tới tên Oskar. Một lính gác, một tù nhân? viên Commandant nhắc lại, nhưng rồi gã cũng nguôi và trở lại xe mà không xử lý vấn đề một cách quyết liệt.

Cùng ngày hôm đó gã cho gọi Wilek Chilowicz, ngoài việc là tay sai cho gã còn giữ chức đội trưởng cứu hỏa của trại. Symche Spira, mới đây còn là Napoleon ở ghetto, vẫn ở đây và hàng ngày giám sát

việc lục soát và đào mớ kim cương, vàng bạc và tiền mặt, giấu giếm và không có hồ sơ, của những người nay chỉ còn là tro trên tán thông ở Bełżec. Tuy nhiên, tại Płaszów, Spira không còn quyền lực, quyền lực ở trại đã tập trung vào Chilowicz. Không ai biết uy quyền của y từ đâu đến. Có thể Willi Kunde đã nhắc tên y với Amon; Có thể Amon đã nhận ra và thích phong cách của y. Nhưng đột nhiên, y một bước trở thành đội trưởng cứu hỏa của Płaszów, là người ban phát mũ và băng tay đại biểu cho quyền lực giữa vương quốc hạng hai này, và, như Symche, có trí tưởng tượng đủ hạn chế để tự coi quyền lực của mình ngang với các Sa hoàng.

Goeth gọi Chilowicz lên và bảo y tổng Adam Garde tới hẩn chỗ Schindler cho xong chuyện. Ở đây thiếu gì kỹ sư để đốt, Goeth nói, vẻ chán ghét. Theo gã, kỹ sư là giải pháp tình thế cho những người Do Thái không được theo học y khoa ở các trường đại học Ba Lan. Tuy nhiên, Amon nói, trước khi đến Emalia, nó phải làm cho xong cái nhà kính của ta đã.

Tin này đến với Adam Garde tại chỗ của anh trên khu giường cá nhân bốn tầng ở Lán 21. Anh sẽ được đưa tới Zablocie sau khi vượt qua thử thách. Đó là làm việc ở sau nhà Goeth, nơi, Reiter và Grünberg có lẽ sẽ dẫn anh, luật chơi rất khó lường.

Trong quá trình làm việc cho viên Commandant, một thanh xà lớn được nâng lên để lắp vào xà cái của ngôi nhà kính. Khi làm việc Adam Garde có thể nghe thấy hai con chó của Amon, Rolf và Ralf, được đặt tên theo truyện tranh trên báo - có điều tuần trước chúng vừa được Amon cho phép cắn nát vú một nữ tù bị tình nghi lừa dối. Bản thân Amon, với vốn kiến thức kỹ thuật nửa vời, thường xuyên đảo qua ngắm nghía với con mắt của dân trong nghề và theo dõi công nhân dùng ròng rọc nâng từng thanh xà lên. Gã đến để hỏi bao giờ họ định lắp xà giữa vào vị trí. Đó là một súc gỗ thông cực dài và nặng, và Goeth đứng từ đầu này hỏi vắt sang đầu kia. Adam Garde không hiểu gì và giơ tay lên khum tai. Goeth hỏi lần nữa, và còn tồi tệ hơn là không nghe được, Garde không hiểu được ý gã. “Tôi không hiểu, thưa Herr Commandant,” anh thú nhận. Amon tóm lấy thanh xà đang được cẩu lên bằng hai bàn tay ngón thon dài, kéo nó ra sau, rồi lẳng về phía viên kỹ sư. Garde nhìn thấy khối gỗ đồ sộ

xoáy thẳng vào đầu mình và biết đây là một cú đòn chết người. Anh giơ tay phải lên đỡ, thanh xà ập tới, đập nát cả xương ngón lằn xương bàn và ném anh xuống đất. Khi Garde nhìn được trở lại qua màn sương đau đớn và buồn nôn, Amon đã quay lưng bỏ đi. Có lẽ mai gã sẽ quay lại tìm câu trả lời vừa ý.

Sợ bị xem là tàn tật và vô dụng, kỹ sư Garde từ chối chăm sóc bàn tay giập nát khi đến *Krankenstube* (trạm xá). Để tự nhiên, nó trĩu xuống bên hông, như một cái bong đầy thống khổ. Sau cùng anh chịu cho bác sĩ Hilfstein bó bột. Và anh tiếp tục giám sát việc xây dựng nhà kính, và ngày ngày đến Emalia, hy vọng tay áo đủ dài để che kín bàn tay. Khi không yên tâm, anh tự tháo bột. Kệ cho nó lành một cách méo mó. Anh muốn đảm bảo mình được chuyển đến trại của Schindler bằng cách phô diễn một vẻ ngoài lành lặn.

Trong vòng một tuần, ôm theo mấy cuốn sách bọc trong chiếc sơ mi, anh được áp giải hẳn đến phố Lipowa.

(56) Hiện đang sống ở Vienna, M không muốn được nêu tên thật.

(57) Một bài kinh cầu nguyện quan trọng của người Do Thái.

(58) Người Do Thái của Schindler.

CHƯƠNG 23

Giữa những tù nhân biết chuyện, đã sớm có sự cạnh tranh để vào được Emalia. Tù nhân Dolek Horowitz, một nhân viên mua sắm trong trại Płaszów, biết rằng mình sẽ không đến được chỗ Schindler. Nhưng ông còn vợ và hai con.

Những sáng mùa xuân này Richard, cậu em, thường dậy sớm, khi mặt đất phủ nốt chút hơi ẩm cuối đông dưới dạng sương mù, tuột xuống khỏi giường mẹ ở khu tù nữ, và chạy men triền đồi xuống trại nam, đầu tư tưởng mẩu bánh mì thô cho bữa sáng. Cậu phải có mặt bên cha khi điểm danh đầu giờ trên *Appellplatz*. Đường cậu chạy đưa cậu qua đồn cảnh sát Do Thái của Chilowicz và, kể cả trong những ngày sương mù, trong tầm nhìn của hai trạm gác. Nhưng cậu an toàn vì họ biết cậu. Cậu là con nhà Horowitz. Cha cậu được coi là vô giá với Herr Bosch, bạn nhậu của viên Commandant. Tác phong tự nhiên trong cách tự do đi lại của Richard xuất phát từ chuyên môn của cha cậu; cậu duyên dáng di chuyển dưới những ánh mắt của tháp canh, tìm đến lán của cha, leo lên vồng của ông và đánh thức ông bằng những câu hỏi. Tại sao sáng có sương mà chiều thì không? Xe tải có đến không? Lát nữa điểm danh có lâu không? Có ai bị phạt đòn không?

Những câu hỏi của Richard khắc sâu vào đầu Dolek Horowitz ý nghĩ rằng Płaszów không dành cho kể cả những đứa trẻ được biệt đãi. Biết đâu ông có thể liên hệ với Schindler - Schindler thỉnh thoảng vẫn đến đây, đi loanh quanh khu nhà quản trị và công xưởng, dưới danh nghĩa làm ăn, để tặng quà và trao đổi tin tức với bạn bè cũ như Stern, Roman Ginter và Poldek Pfefferberg. Khi không tiếp cận được bằng cách đó, ông sức nghĩ ra có lẽ mình có thể thông qua Bosch. Dolek tin rằng họ gặp nhau thường xuyên. Ở đây thì không, nhưng có lẽ tại văn phòng trong thành phố và các cuộc tiệc tùng. Có thể thấy họ không phải bạn bè, nhưng gắn bó với nhau vì cùng làm ăn, cùng chung lợi ích.

Richard không phải là người duy nhất (và có lẽ cũng không phải là chủ yếu) Dolek muốn đưa đến trại của Schindler. Richard có thể

khuếch tán nỗi sợ bằng đám mây những câu hỏi. Điều đáng lo là cô chị mười tuổi, Niusia, người đã từ lâu không còn hỏi nữa; một cô bé gầy gò đã qua tuổi thật thà; người - từ cửa sổ xưởng bàn chải, nơi em khâu từng túm lông vào mặt gỗ - hằng ngày chứng kiến cảnh xe tải leo lên đồi, và ôm ấp nỗi kinh hoàng không chia sẻ được cùng ai, chẳng khác gì người lớn, không leo lên ngực cha mẹ và truyền nỗi sợ đi được nữa. Để nguôi cơn đói, Niusia bắt đầu hút lá hành vẩn trong giấy báo. Tin đồn khả tín là ở Emalia thì những biện pháp khôn trước tuổi như thế sẽ không cần thiết nữa.

Do vậy Dolek kêu nài với Bosch nhân dịp y đi thị sát kho quần áo. Dựa vào những nghĩa cử trước đây của Bosch, ông nói, ông muốn nhờ y có lời với Herr Schindler. Ông nhắc đi nhắc lại lời cầu xin lẫn tên hai đứa trẻ để Bosch, trí nhớ bị bào mòn vì rượu, khỏi quên. Herr Schindler chắc là bạn tốt nhất của ta, Bosch nói. Ta nhờ thì kiểu gì ông ấy cũng làm.

Dolek không mong đợi gì nhiều từ cuộc nói chuyện. Vợ ông, Regina, chẳng có kinh nghiệm sản xuất đạn pháo hay đồ tráng men. Bản thân Bosch cũng không bao giờ nhắc lại chuyện này. Thế nhưng, chưa đầy một tuần, họ đã có tên trong danh sách kế tiếp đến Emalia, được Commandant Goeth phê chuẩn đổi lấy một phong bì nhỏ đựng trang sức. Niusia bây giờ trông như một người lớn mảnh mai, kín đáo trong lán nữ ở Emalia, còn Richard vẫn tự do đi lại như ở Płaszów, mọi người tại xưởng đạn được lẫn xưởng tráng men đều quen cậu, lính gác chấp nhận sự hiện diện của cậu. Regina cứ chờ Oskar đến chỗ bà trong nhà máy và nói, “Ra bà là vợ Dolek đấy hả?” Lúc đó bà chỉ còn việc cảm ơn thế nào cho phải. Chỉ là ông chẳng bao giờ làm vậy. Bà vui mừng nhận thấy mình không có gì nổi bật ở phố Lipowa, và con gái bà cũng vậy. Họ biết Oskar nhớ họ là ai, vì ông vẫn gọi tên Richard khi trò chuyện với cậu. Họ cũng biết, từ sự thay đổi trong bản chất những câu hỏi của Richard, giá trị của điều ông đã đem đến cho họ.

Ở Emalia, không có viên Commandant nào để ngược đãi tù nhân. Và không có lính gác cố định. Hai ngày trại lính lại thay một lần: hai xe tải chở lính SS và Ukraine từ Płaszów đến Zablocie để đổi gác. Lính Płaszów thích phiên trực tại Emalia. Bếp ăn của *Herr Direktor*,

dù sơ khai hơn Płaszów, nấu lại ngon hơn. Vì *Herr Direktor* nổi trận lôi đình rồi gọi cho *Oberführer* Scherner nếu có tên lính nào, thay vì chỉ tuần tra vòng ngoài, dám đặt chân vào trại, bọn chúng luôn an phận bên này hàng rào. Nhiệm vụ ở Zablocie nhằm chán một cách dễ chịu.

Trừ khi có đoàn thanh tra cấp cao của SS, tù nhân của DEF ít khi thấy cận mặt lính gác. Một lối đi rào thép gai đưa họ đến nhà máy tráng men; một lối khác đến cửa xưởng đạn dược. Ai làm việc ở nhà máy vỏ hộp, nhà máy máy sưởi và phòng hành chính của doanh trại đi làm hằng ngày dưới sự áp giải của lính Ukraine - hai ngày lại đổi một lần. Chẳng tên lính nào đủ thời gian hình thành mối thù chết người với tù nhân.

Thế nên, có thể SS đặt ra giới hạn cho cuộc sống ở Emalia, nhưng đặt ra nhịp điệu cho nó chính là Oskar. Đó là một nhịp điệu bền vững mong manh. Ở đây không có chó. Và không đánh đập. Xúp và bánh mì ngon hơn và đầy đặn hơn ở Płaszów - cỡ hai ngàn calo một ngày, theo lời một bác sĩ làm công nhân tại Emalia. Ca làm việc dài, thường là mười hai tiếng, bởi vì Oskar vẫn là một doanh nhân có những hợp đồng chiến tranh và khát khao lợi nhuận truyền thống cần đáp ứng. Tuy nhiên, phải nói rằng không có ca làm việc nào quá lao khổ và khi ấy nhiều tù nhân dường như tin rằng nỗ lực lao động sẽ góp phần hữu hình đảm bảo sự sinh tồn của họ. Theo các tài liệu Oskar cung cấp cho Ủy ban Cứu trợ Do Thái sau chiến tranh, ông đã chi ra 1.800.000 zloty (360.000 dollar) mua lương thực cho Emalia. Người ta sẽ bắt gặp những khoản chi tương tự, nhằm mục đích tô hồng, trong sổ sách của Farben and Krupp - mặc dù xét tỉ lệ phần trăm trên lợi nhuận thì còn lâu mới bằng của Oskar. Thực tế là, không ai gục ngã và chết do quá sức, bị đánh đập hay đói ăn tại Emalia. Trong khi chỉ riêng nhà máy tại Buna của I. G. Farben, có tới 25.000 tù nhân trong số 35.000 sẽ chết mòn trong lao động.

Về sau này, cựu tù Emalia sẽ gọi trại của Schindler là thiên đường. Ở thời điểm ấy họ đã ly tán khắp nơi, nên đó không thể là một nhận định được tất cả nhất trí sau khi chuyện đã xảy ra. Cái tên đó chắc hẳn đã ít nhiều phổ biến từ khi họ ở Emalia. Tất nhiên, đó chỉ là một thiên đường tương đối, thiên đường đối lập với Płaszów.

Điều nó khơi dậy ở họ là cảm giác về một cuộc cứu nạn siêu thực, một cảnh hoang đường không ai dám nhìn kỹ vì sợ nó tan biến. Người mới ở DEF chỉ biết về Oskar qua lời kể. Họ không dám đứng trên đường đi của *Herr Direktor* hay đánh bạo nói chuyện với ông. Họ cần thời hồi phục và dần thích nghi với nhà tù phi truyền thống của Schindler.

Một cô gái tên Lusja chẳng hạn. Chồng cô vừa bị tách khỏi hàng ở *Appellplatz* của Płaszów và đưa đến Mauthausen cùng nhiều người khác. Trước điều sẽ trở thành thực tế hiển nhiên ấy, cô khóc than như một góa phụ. Vừa khóc, cô vừa lên đường đến Emalia. Cô được phân mang sản phẩm đã tráng men đến lò luyện. Ở đây được phép tranh thủ bề mặt nóng của máy móc để hâm nóng nước, còn sàn nhà thì ẩm. Với cô, nước nóng là ân huệ đầu tiên ở Emalia.

Đầu tiên, cô chỉ biết đến Oskar như một bóng người cao lớn đi giữa hai hàng máy ép kim loại hoặc trên lan can. Không rõ vì sao nó lại không làm cô sợ. Cô cảm giác nếu mình bị nhận ra, tính chất của nơi này - thức ăn, không bị đánh đập, không có lính gác trong trại - sẽ bị đảo ngược. Cô chỉ muốn được âm thầm làm việc rồi theo lối đi rào thép gai trở về căn lán của mình.

Được một thời gian, cô thấy mình đã gật đầu đáp lễ Oskar, thậm chí đã trả lời ông rằng vâng, cảm ơn ông, *Herr Direktor*, cô khỏe lắm. Có lần ông cho cô một ít thuốc lá, quý hơn vàng vì vừa có thể an thần vừa đổi chác được với lao động Ba Lan. Cô đã chứng kiến bạn bè biến mất, nên cô sợ tình bạn của ông; cô muốn ông chỉ hiện hữu vậy thôi, một người cha huyền bí. Thiên đường do một người bạn quản lý là thứ quá đổi mong manh. Muốn duy trì một thiên đường bền vững, ta cần một nhân vật quyền uy và bí hiểm hơn thế.

Nhiều tù nhân ở Emalia có chung suy nghĩ ấy.

Có một cô gái tên là Regina Perlman, vào thời điểm khu trại ở nhà máy của Oskar ra đời, đang sống tại Cracow bằng giấy tờ giả của người Nam Mỹ. Làn da sẫm giúp căn cước này khả tín, và dưới thân phận này cô làm việc như một người Aryan tại văn phòng một nhà máy ở Podgórze. Nếu dọn đến Warsaw, Łódź, hoặc Gdansk, cô sẽ an toàn hơn trước những kẻ tổng tiền. Nhưng cha mẹ cô ở Płaszów,

và cô mang giấy tờ giả còn vì họ, bởi cô có thể tiếp tế lương thực, thuốc men và nhu yếu phẩm cho họ. Từ hồi ghetto cô đã biết câu ngạn ngữ truyền kỳ trong cộng đồng Do Thái tại Cracow rằng Herr Schindler là đáng cứu khổ cứu nạn. Cô cũng biết tình hình ở Płaszów, ở mỏ đá, và ban công của viên Commandant. Để làm điều này cô sẽ phải phá vỡ vỏ bọc của mình, nhưng cô tin đó là điều cần thiết để đưa được bố mẹ vào trại của Schindler.

Lần đầu tới DEF, Cô mặc chiếc váy hoa bạc màu, vô danh một cách an toàn, không đi tất. Người gác cổng thông báo lên văn phòng của Herr Schindler ở tầng trên, và qua lớp kính cô có thể thấy ông không hứng thú tiếp cô. Cô chẳng là gì cả - một cô gái lem luốc từ một nhà máy khác. Như những người mang giấy tờ Aryan giả mạo khác, cô luôn sợ bị một gã Ba Lan thù địch phát hiện ra chân tướng. Mà người này lại có vẻ thù địch.

Không có gì quan trọng đâu, cô nói khi gã quay lại và lắc đầu. Cô muốn cắt đuôi gã. Nhưng gã Ba Lan chẳng buồn nói dối cô. “Ông ấy không muốn gặp cô,” gã nói. Một chiếc BMW làm lì điệu trong sân nhà máy và nó chỉ có thể thuộc về Herr Schindler. Ông có nhà, nhưng không tiếp khách không có tiền mua bút tất. Cô run rẩy bỏ đi vì thoát nạn. Cô may mắn chưa phải thú nhận với Herr Schindler điều ngay cả trong mơ cô vẫn sợ phải làm với bất cứ ai.

Cô chờ một tuần để được nghỉ làm thêm lần nữa. Cô dành hẳn nửa ngày để chuẩn bị cách tiếp cận mới. Cô tắm gội và mua tất từ chợ đen. Cô mượn bạn - một cô gái mang giấy tờ Aryan giả chẳng thể mạo hiểm có nhiều bạn bè - một chiếc sơ mi. Cô đã sẵn một chiếc áo khoác đẹp, và tậu thêm một chiếc mũ nan che mạng. Cô trang điểm, tạo cho khuôn mặt vẻ rạng rỡ râm nắng thích hợp với một phụ nữ không có gì phải sợ. Trong gương, nhìn cô chẳng khác gì thời tiền chiến, một thiếu nữ Cracow thanh lịch có nguồn gốc ngoại lai - cha có lẽ là doanh nhân người Hung, Còn mẹ từ Rio đến.

Lần này, đúng như ý cô, tay gác cổng Ba Lan thậm chí không nhận ra cô. Gã cho cô vào trong chờ, còn gã gọi điện cho Klonowska, thư ký của *Herr Direktor*, và được nối máy trực tiếp với Schindler. *Herr Direktor*, gã nói, có một quý cô có việc quan trọng muốn gặp ngài. Có vẻ Herr Schindler muốn biết chi tiết hơn. Một quý

cô trẻ, ăn mặc trang nhã, gã nói, và rồi, cúi chào trong khi vẫn cầm điện thoại, và rất xinh đẹp, gã tiếp. Như thể nôn nóng muốn gặp cô, hoặc sợ cô là tình cũ bị bỏ rơi, sẽ làm ông mất mặt tại tiền sảnh, Schindler đón cô trên bậc cầu thang. Ông mỉm cười khi thấy cô là khách lạ. Ông rất vui được gặp cô, Fraulein Rodriguez này. Cô thấy ngay ông ngưỡng mộ phụ nữ đẹp, một tính cách vừa trẻ thơ vừa thành thực. Với cử chỉ hào hoa như mình tinh mần bạc, ông mời cô lên gác. Cô có việc cần giải bày riêng với ông? Tất nhiên là được. Ông dẫn cô qua mặt Klonowska. Klonowska phản ứng một cách bình thản. Cô gái này có thể là bất cứ ai - mỗi làm ăn chợ đen, hoặc giao dịch tiền bạc. Thậm chí là một nữ du kích sành điệu. Tình ái là khả năng sau cùng. Dù gì đi nữa, một cô gái từng trải như Klonowska chẳng mong gì chiếm hữu Oskar hoặc ngược lại.

Vào văn phòng, Schindler lấy ghế mời cô ngồi, rồi bước lại sau bàn làm việc, dưới bức chân dung của *Führer*. Cô hút thuốc nhé? Một ly Pernod hoặc cognac? Không, cô đáp, nhưng xin ông cứ tự nhiên. Ông tự rót cho mình một ly. Có chuyện gì quan trọng nào? ông hỏi, không còn mấy vẻ phong lưu ban nãy trên cầu thang. Bởi thái độ của cô cũng đã thay đổi, sau khi cửa ra vào khép lại. Ông thấy rõ cô đến có việc nghiêm túc. Cô nghiêng người ra trước. Trong một thoáng, cô cảm thấy mình thật ngu ngốc, khi vứt bỏ thân phận Aryan mà cha cô đã mất 50.000 zł để mua cho con gái, khi thú nhận tất cả và không chút đắn đo, với tay Đức Sudeten nửa lo âu, nửa châm biếm, tay cầm ly cognac này. Nhưng trong chừng mực nào đó, đây cũng là điều dễ dàng nhất cô từng làm.

Thú thật với ông, Herr Schindler, tôi không phải người Ba Lan gốc Aryan. Tên thật của tôi là Perlman. Cha mẹ tôi đang ở Płaszów. Họ bảo, và tôi tin, rằng đến Emalia đồng nghĩa với được nhận *Lebenskarte* - thẻ sinh tồn. Tôi chẳng có gì cho ông; tôi phải đi mượn quần áo để vào được nhà máy. Ông sẽ đưa họ về đây giúp tôi chứ?

Oskar đặt ly xuống và đứng dậy. Cô tính thỏa thuận ngầm? Tôi không bao giờ thỏa thuận ngầm. Điều cô gợi ý, Fraulein, là phạm pháp. Tôi có nhà máy ở Zablocie này, và câu hỏi duy nhất của tôi là họ có chuyên môn không? Nếu cô không phiền lưu lại địa chỉ, có thể

sẽ tới lúc tôi thông báo tôi cần cha mẹ cô vì kỹ năng lao động của họ. Nhưng không phải bây giờ, và cũng không phải vì bất kỳ lý do nào khác.

Nhưng họ đâu phải công nhân lành nghề, Fraulein Perlman thốt. Cha tôi làm nghề nhập khẩu, không phải thợ cơ khí.

Chúng tôi cần cả nhân viên văn phòng, Schindler đáp. Nhưng chủ yếu vẫn cần thợ dưới xưởng.

Cô bại hoàn toàn. Rơm rớm nước mắt, cô để lại tên giả và địa chỉ thật - ông muốn làm gì thì tùy. Nhưng xuống dưới đường cô bỗng hiểu ra và phẩn chấn trở lại. Biết đâu Schindler nghi cô là gián điệp đến gài bẫy ông. Dù gì thì ông vẫn rất lạnh lùng. Trong cách ông tổng cổ cô chẳng hề có cử chỉ tử tế nào, dù là mơ hồ, có thể bị truy vấn.

Trong vòng một tháng, ông bà Perlman đã chuyển từ Płaszów đến Emalia. Không phải một mình, như Regina Perlman vẫn hình dung, nếu Herr Oskar Schindler đại phát từ tâm, mà trong một nhóm ba mươi công nhân mới. Thi thoảng, cô lại tạt qua phố Lipowa và hồi lộ để vào thăm họ. Cha cô được giao tráng men sản phẩm, xúc than, quét sàn nhà xưởng. “Nhưng ông ấy đã nói chuyện trở lại,” bà Perlman nói. Từ khi vào Płaszów, ông đã thành câm.

Kỳ thực, bất chấp khu lán gió lùa lẫn hệ thống nước ọp ẹp, ở Emalia có một tâm lý chung, một niềm tin mong manh, một giả định về tính bền vững mà cô, người mạo hiểm sống bằng giấy tờ giả giữa Cracow ảm đạm, chẳng hy vọng cảm thấy khi nào thực tại điên cuồng này chưa kết thúc.

Cô Perlman-Rodriguez không làm khó Herr Schindler bằng cách ào tới văn phòng ông trong niềm biết ơn, hay viết những lá thư dạt dào cảm kích. Nhưng mỗi lần ra khỏi cánh cổng vàng của DEF lòng cô luôn trĩu dậy một nỗi ghen tị khôn nguôi với những người trong đó.

*

Tiếp đến là chiến dịch đưa Giáo sĩ Menasha Levartov, dưới danh nghĩa thợ cơ khí của Płaszów, đến Emalia. Levartov là một giáo sĩ đô thị uyên bác, trẻ tuổi, râu đen. Tư tưởng của ông tự do hơn các

đồng nghiệp từ làng quê Ba Lan, những người coi Sabbath còn trọng hơn tính mạng, những người trong suốt thời kỳ 1942-1943 đã bị xử bắn hàng loạt trong các trại lao động cưỡng bức tại Ba Lan vào tối thứ Sáu vì không chịu làm việc. Ông thuộc mẫu giáo sĩ, kể cả trong thời bình, cũng sẽ khuyên giáo dân rằng có thể tỏ lòng kính Chúa với sự kiên định của người ngoan đạo song cũng có thể làm điều đó bằng sự linh hoạt của người tỉnh táo.

Lervartov luôn nhận được sự hâm mộ từ Itzhak Stern đang làm việc ở Phòng Xây dựng thuộc tòa nhà Quản trị của Amon Goeth. Ngày xưa, nếu có điều kiện, bọn họ sẽ ngồi với nhau hàng giờ bên ly *herbata*⁽⁵⁹⁾, mặc nó nguội ngắt trong khi tranh luận về ảnh hưởng của Zoroaster đối với Do Thái giáo, ngược lại, hoặc quan niệm về tự nhiên của đạo Lão. Với Stern, riêng về tôn giáo so sánh, đàm đạo với Levartov thú vị hơn nhiều anh chàng Oskar Schindler hay chém gió, người cũng có điểm yếu trí mạng là ưa cao đàm khoát luận về chủ đề này.

Trong một lần Oskar đến thăm Płaszów, Stern đề nghị ông tìm cách đem Menasha Levartov về Emalia, nếu không chắc chắn Goeth sẽ giết ông ta. Bởi Levartov thuộc loại dễ bị để ý - vấn đề là phong thái. Goeth bị thu hút bởi những người có phong thái; họ, giống như những người lơ dờ, đều thuộc diện mục tiêu ưu tiên cao. Stern kể cho Oskar chuyện Levartov suýt chết dưới tay Goeth như thế nào.

Trại của Amon Goeth hiện có hơn 30.000 người. Tại đầu này của *Appellplatz*, gần nhà tang lễ Do Thái cũ, nay đã thành chuồng ngựa, là một khu trại cho dân Ba Lan, sức chứa độ 1.200 tù nhân. *Obergruppenführer* Krüger rất hài lòng khi thị sát khu trại mới nên đã thăng viên Commandant lên hai cấp thành *Hauptsturmführer*.

Cùng với khối tù nhân Ba Lan, dân Do Thái từ miền Đông và từ Czechoslovakia sẽ bị giam ở Płaszów trong khi chờ có chỗ ở Auschwitz-Birkenau hoặc Gröss-Rosen, xa hơn về phía Tây. Có khi dân số lên đến trên 35.000, và những phiên điểm danh ở *Appellplatz* chật ních người. Amon bởi vậy phải thải bớt tù cũ mới có chỗ cho tù mới. Và Oskar biết phương pháp gọn nhẹ của viên Commandant là bước vào một văn phòng hay công xưởng bất kỳ, bắt tất cả xếp

thành hai hàng, rồi giải một hàng đi. Hàng này sẽ bị đưa lên công sự Áo để hành quyết, hoặc đến xe gia súc ngoài Ga Cracow-Płaszów hoặc, từ mùa thu năm 1943, tới tuyến đường sắt mới kể bên trại lính SS.

Trong một đợt thải loại như vậy, Stern kể, Amon đi vào xưởng cơ khí của khu nhà máy. Các đốc công đứng nghiêm như nhà binh và hăm dọa báo cáo, biết rằng chỉ lỡ lời cũng mất mạng như chơi. “Ta cần hai mươi lăm thợ cơ khí,” Amon nói khi đám đốc công báo cáo xong. “Đúng hai mươi lăm. Chỉ chọn những đứa lành nghề.”

Một tay đốc công trở Levartov và vị giáo sĩ bước vào hàng, dù thấy Amon đặc biệt chú ý đến mình. Dĩ nhiên, chẳng ai biết hàng nào sẽ bị giải đi, và đi đâu, nhưng nói chung gia nhập hàng lao động lành nghề vẫn là canh bạc an toàn hơn.

Việc chọn lọc tiếp tục. Levartov đã để ý thấy xưởng cơ khí sáng nay vắng một cách kỳ quái, vì một số đang làm việc hoặc giết thời gian gần cửa đã đánh hơi thấy việc Goeth xuất hiện và kịp chuồn sang nhà máy may của Madritsch để trốn sau những súc vải hay vờ sửa chữa máy may. Độ bốn chục người chậm chân hoặc thiếu cảnh giác còn lại ở xưởng cơ khí giờ đây đứng thành hai hàng, giữa dãy bàn làm việc và máy tiện. Ai cũng sợ, nhưng những người ở hàng ngắn càng thấp thỏm hơn.

Rồi một cậu bé không rõ tuổi, bé nhất độ mười sáu mà lớn nhất cỡ mười chín, lên tiếng từ giữa hàng ngắn, “Nhưng, Herr Commandant, cháu cũng là thợ cơ khí.”

“Vậy à, *Liebchen*?” Amon lẩm bẩm, rút khẩu súng lục nhà binh, bước đến bên cậu bé và bắn vào đầu cậu. Tiếng nổ chát chúa trong không gian đầy kim loại hất tung cậu bé vào tường. Cậu chết, Levartov kinh hoàng nghĩ, trước khi ngã xuống sàn.

Hàng người lúc này càng ngắn hơn được áp giải ra ga, xác cậu bé được chở lên đôi bằng xe cút kít, sàn nhà được lau sạch, máy tiện vận hành trở lại. Nhưng Levartov, tiếp tục chậm rãi làm bản lề, biết Amon đã nhận diện ra mình, qua ánh chớp trong mắt gã - cái nhìn như muốn nói, *Có một tên*. Vị giáo sĩ cảm thấy nhờ cậu bé xấu

số lên tiếng mà Amon mới tạm quên mất mình, mục tiêu rõ ràng hơn với gã.

Sau vài ngày, Stern kể tiếp, Amon quay lại xưởng cơ khí đúng lúc đông người làm việc, và đi một vòng tự chọn nhân sự đưa lên đồi hoặc chở đi. Gã dừng lại bên bàn của Levartov, đúng như dự đoán của ông. Ông có thể ngửi thấy mùi bột gạo từ gã. Và thấy cổ tay áo hồ cứng của Amon. Gã là kẻ ăn vận rất bảnh bao.

“Mi đang làm gì đấy?” viên Commandant hỏi.

“Herr Commandant,” Levartov đáp, “Tôi làm bản lề.” Vị giáo sĩ chỉ đồng bản lề nhỏ trên sàn.

“Làm một chiếc ta xem.” Amon lệnh. Gã rút đồng hồ trong túi, rồi bắt đầu tính giờ. Levartov cẩn trọng cắt một chiếc bản lề, dùng ngón tay điều khiển miếng kim loại, ấn máy tiện; những ngón tay lao động đầy thuyết phục, hoan hỉ vì thuần thục. Vừa làm vừa âm thầm run rẩy tính giờ, ông cho ra một chiếc bản lề trong thời gian ông tự ước tính là năm mươi tám giây, và để cho nó rơi xuống chân.

“Chiếc nữa,” Amon làm lì nói. Sau màn khảo nghiệm tốc độ, vị giáo sĩ vững dạ hơn và tự tin tiếp tục. Sau khoảng một phút chiếc thứ hai tuột xuống chân ông.

Amon xem xét đồng bản lề. “Mi đã làm việc ở đây từ sáu giờ sáng nay,” Amon nói, mắt không rời khỏi sàn nhà. “Và mi có thể làm với tốc độ như vừa rồi - thế mà chỉ được một nhúm con thế này à?” Dĩ nhiên, Levartov hiểu ra ông vừa đóng quan tài cho chính mình. Amon bắt ông đi dọc lối đi, không ai nở hoặc dám ngược nhìn. Để thấy gì? Ông đi vào cõi chết. Đi vào cõi chết là chuyện thường ngày ở Płaszów.

Ra ngoài, giữa bầu trời xuân, Amon bắt Menasha Levartov dựa vào tường, lấy tay chỉnh vai ông, rồi ra rút khẩu súng đã hạ sát cậu bé hai ngày trước.

Levartov chớp mắt và nhìn các bạn tù đang hối hả đi qua, đẩy hoặc khiêng nguyên vật liệu cho Płaszów, chỉ mong đi thoát cho nhanh, những cư dân Cracow trong số đó tự nhủ, *Lạy Chúa, đến lượt Levartov rồi*. Ông thầm tụng Shema Yisroel và nghe thấy tiếng cơ của khẩu súng. Song tiếng kim loại lách cách ấy không kết thúc

bằng một tiếng gầm mà là một tiếng cạch nhỏ như tiếng bật lửa không ra lửa. Như một con nghiện cụt hứng và với một thoáng khó chịu, Amon Goeth thay băng đạn mới, ngắm bắn lần nữa, rồi bóp cò. Khi vị giáo sĩ quay đầu theo bản năng, như thể ngờ rằng có thể tiêu giảm sức mạnh của viên đạn như với một cú đấm, tất cả những gì phát ra từ khẩu súng của Goeth là một tiếng cạch nữa.

Goeth bắt đầu làm bầm chửi tục. *“Donnerwetter! Zum Teufel!”* Levartov cảm giác Amon sẽ hạ xuống phần nản về chất lượng cơ khí hiện đại bất cứ lúc nào, như thể họ là hai tay bán hàng đang cố thể hiện một màn trình diễn đơn giản - đi một ống nước, khoan một lỗ trên tường. Amon nhét khẩu súng hóc vào bao da đen, rồi rút trong túi áo ra một khẩu rulo báng nạm ngọc trai, thứ mà giáo sĩ Levartov chỉ biết qua những truyện Viễn Tây ông đọc hồi bé. Ông tự nhủ, *Mình chắc chắn không còn cơ may được ân xá vì lỗi kỹ thuật. Hắn sẽ tiếp tục. Mình sẽ chết dưới một cây súng cao bồi, và dù tất cả kim hỏa có bị mài mòn, Hauptsturmführer Goeth cũng sẽ tìm đến những vũ khí thô sơ hơn.*

Theo lời Stern kể với Schindler, khi Goeth nhắm bắn lần nữa, Menasha Levartov đã kịp ngó quanh, với hy vọng tìm được gì đó để kết hợp với hai pha hóc súng bất ngờ của Goeth làm đòn bẩy. Góc tường có một đồng than, một sự vật bản thân nó không có gì là hứa hẹn. “Herr Commandant,” Levartov bắt đầu nói, nhưng đã nghe tiếng chuyển động đầy sát khí của búa gỗ và lò xo. Một lần nữa, tiếng cạch của bật lửa hồng lại vang lên. Amon nổi điên, như muốn xé toang nòng súng ra khỏi ổ.

Giáo sĩ Levartov bắt chước tư thế của đám đốc công ban nãy. “Herr Commandant, tôi xin phép được báo cáo, sở dĩ đồng bản lề của tôi không đạt yêu cầu như vậy, là bởi sáng nay phải căn chỉnh lại máy. Do đó, thay vì cắt bản lề, tôi được điều đi xúc động than kia.”

Levartov cảm thấy mình đã phạm luật của trò chơi từ nãy đến giờ giữa hai người, trò chơi lẽ ra phải kết thúc hợp lý bằng cái chết của Levartov, cũng như trò Rắn và Thang tất yếu phải kết thúc khi có người đổ được sáu điểm. Giờ đây cứ như thể vị giáo sĩ đã giấu hột súc sắc đi, làm trò chơi không thể kết thúc. Amon đánh vào mặt ông

bằng tay trái, và Levartov nghe miệng mình có vị máu, nằm trên lưỡi ông như một lời bảo đảm.

Hauptsturmführer Goeth bỏ đi để mặc Levartov cạnh bức tường. Cuộc thi đấu, dù vậy, cả Levartov lẫn Stern đều biết, mới chỉ tạm dừng.

Câu chuyện được Stern thì thảo kể lại với Oskar ngay tại Văn phòng Xây dựng của Płaszów. Stern, lưng còng, mắt nhướng lên, tay chấp lại, vẫn hào phóng về chi tiết như thường lệ. “Không thành vấn đề,” Oskar làm bầm. Ông khoái chọc Stern. “Sao phải dài dòng? Emalia lúc nào chẳng có chỗ cho người có thể làm ra một chiếc bản lề sau chưa đầy một phút.”

Khi Levartov và vợ tới Emalia vào mùa hè năm 43, ông phải chịu đựng cái mà ban đầu ông nghĩ là tính giấu cọt tôn giáo của Schindler. Cứ đến chiều thứ Sáu, khi gặp Levartov tại xưởng đạn dược của DEF, nơi ông đứng máy tiện, Oskar lại bảo, “Sao ông lại ở đây, giáo sĩ. Ông chuẩn bị lễ *Shabbat* đi chứ. Mãi đến khi Oskar tuồn cho ông một chai rượu lễ, Levartov mới hiểu *Herr Direktor* không đùa. Từ đó, mỗi thứ Sáu, trước khi trời tối, vị giáo sĩ lại được nghỉ việc, quay về lán của mình ở sân sau quây rào thép gai của DEF. Tại đây, dưới những dây phơi chưa nòng quần áo ướt, ông sẽ tụng *Kiddush* bên ly rượu, giữa những dãy giường tầng cao tận mái. Và, tất nhiên, dưới bóng một tháp canh SS.

(59) Tiếng Ba Lan: trà.

CHƯƠNG 24

Herr Oskar Schindler dạo ấy, người ngày ngày xuống ngựa giữa sân Emalia, vẫn là nhà tài phiệt điển hình. Ông có vẻ đẹp trai hào nhoáng như các minh tinh George Sanders và Curt Jürgens, hai người luôn được ví với ông. Trang phục kỳ vĩ của ông là đồ may đo; ủng đi ngựa bóng loáng. Nhìn ông rõ ra kẻ chỉ biết đến lợi nhuận.

Thế nhưng từ cuộc rong chơi điền dã trở về ông sẽ lên gác và đối diện với loại hóa đơn hoang đường ngay cả với một doanh nghiệp có lịch sử kỳ lạ như DEF.

Mỗi chuyến bánh mì từ lò ở Płaszów đưa đến nhà máy trên phố Lipowa, Zablocie, cỡ vài trăm ổ, giao hàng hai lần một tuần, thi thoảng thêm vào nửa xe củ cải làm màu. Những chuyến xe thùng cao song chở nhẹ ấy chắc chắn sẽ được khai khống lên nhiều lần trên sổ sách của Commandant Goeth, và những tay chân thân tín như Chilowicz sẽ thay mặt *Herr Hauptsturmführer* bán ra chợ đen khoản chênh lệch giữa lô hàng thật sự đến được phố Lipowa và những chuyến xe ma dôi dào mà Goeth ghi trên giấy tờ. Nếu chỉ trông vào Amon, thì chín trăm tù nhân của Oskar chắc chỉ được ba phần tư kilo bánh mì một tuần và ba ngày một bát súp. Trực tiếp và thông qua viên quản lý, Oskar chi 50.000 zł mỗi tháng mua thực phẩm chợ đen cho bếp ăn trong trại. Và có những tuần ông phải kiếm thêm hơn ba nghìn ổ bánh mì. Ông vào thành phố, nói chuyện với giám sát người Đức của các tiệm bánh lớn, đem theo trong va li tiền mặt và vài ba chai rượu.

Oskar hình như không nhận ra rằng, trên khắp Ba Lan mùa hè năm ấy, ông là một trong những nhà vô địch về nuôi ăn tù nhân trái phép; rằng quãng mây tà ác đáng lẽ theo chính sách của SS phải bao trùm các đại công xưởng tử vong và các trại lao động cưỡng bức quây rào thép gai lại vắng mặt trên phố Lipowa một cách lộ liễu và mạo hiểm.

Mùa hè năm ấy, một loạt sự kiện xảy ra đã củng cố truyền kỳ về Schindler và niềm tin gần như tôn giáo của nhiều tù nhân Płaszów

và toàn thể cư dân ở Emalia, rằng Oskar chính là đáng cứu khổ cứu nạn.

Mỗi khi một trại con được thành lập, các quan chức cấp cao từ trại mẹ, tức Lager, sẽ đến thị sát nhằm đảm bảo tinh thần làm việc của lao động khổ sai được khuyến khích một cách quyết liệt và gương mẫu nhất. Không rõ nhân vật nào của Płaszów đã đến thị sát Emalia, nhưng một số tù nhân và chính Oskar luôn khẳng định rằng trong số đó có Goeth. Và nếu không phải Goeth thì cũng là Leo John, hoặc Scheidt. Hoặc Josef Neuschel, đệ tử ruột của Goeth. Không có gì bất công khi gắn những cái tên này với nỗ lực “khuyến khích tinh thần lao động một cách quyết liệt và gương mẫu”. Bất kể là ai, chúng đã từng, trong lịch sử Płaszów, thực hiện hoặc dung túng những hành vi tàn bạo. Lần này, đến Emalia, chúng phát hiện giữa sân một người tù tên Lamus đang đẩy xe cút kít quá chậm. Sau này Oskar khẳng định kẻ đi thị sát hôm đó chính là Goeth, thấy Lamus đang ì ạch, và quay sang viên hạ sĩ quan trẻ là Grün - một đệ tử ruột khác của Goeth, vệ sĩ và cựu đồ vật. Chắc chắn y được lệnh hành quyết Lamus.

Vậy là Grün giải Lamus đi, trong khi đoàn thanh tra tiếp tục thị sát các khu khác ở trại mới. Một người ở xưởng cơ khí đã chạy lên Văn phòng của *Herr Direktor* báo tin. Oskar sầm sập lao xuống cầu thang, còn nhanh hơn cái lần cô Regina Perlman viếng thăm, và xuống đến sân vừa đúng lúc Grün đang bắt Lamus dựa vào tường.

Oskar hét lên, Ở đây không thể được. Anh mà bắn thì công nhân của tôi chẳng còn hồn vía nào làm việc nữa. Tôi có nhiều hợp đồng chiến tranh quan trọng phải đáp ứng, vân vân. Đây là lập luận quen thuộc của Schindler, kèm theo ám chỉ rằng nếu Grün làm ảnh hưởng tới công việc tại Emalia thì tên y sẽ đến tai những quan chức cấp cao quen biết Oskar.

Grün là kẻ ranh mãnh. Y biết đoàn thanh tra đã vào xưởng sản xuất, nơi đây tiếng thành thịch của máy ép kim loại và tiếng gầm gào của máy tiện sẽ át mọi âm thanh mà y quyết định tạo ra, hoặc không. Đối với những kẻ như Goeth hay John, Lamus chẳng là gì và sẽ không ai truy cứu chuyện này. “Làm vậy thì tôi được gì?” tên lính SS hỏi Oskar. “Một lít rượu vodka được chứ?” ông đáp.

Với Grün đây là một món hời. Cái giá của việc ôm súng máy cả ngày trong mỗi đợt *Aktion*, những đợt hành quyết tập thể hằng ngày ở miền Đông - của việc bắn chết hàng trăm người - là nửa lít vodka. Đồng đội của y xếp hàng nhận nhiệm vụ để có thể mang phần thưởng ấy về bếp ăn mỗi tối. Trong khi *Herr Direktor* cho y gấp ba chỉ để bỏ qua một trường hợp

“Tôi chưa thấy chai rượu,” y bảo. Herr Schindler đã kịp huých Lamus rời khỏi bức tường, và đẩy anh đi khuất. “Biến đi!” Grün quát với theo anh chàng đẩy xe cút kít. “Thị sát xong,” Oskar nói, “anh cứ rẽ qua văn phòng tôi mà lấy.”

Oskar cũng thực hiện một giao dịch tương tự khi Gestapo đột kích căn hộ của một người giả mạo giấy tờ, và phát hiện trong mớ căn cước giả đã hoặc sắp hoàn thiện một bộ giấy tờ Aryan của nhà Wohlfeiler - bố, mẹ, và ba đứa con vị thành niên, tất cả đều làm việc ở trại của Schindler. Hai tên Gestapo đến phố Lipowa bắt người đi thẩm vấn, quy trình sẽ dẫn họ, qua nhà tù Montelupich, tới Chujowa Górka. Ba giờ sau khi bước vào văn phòng của Oskar, cả hai ra về, lảo đảo xuống cầu thang, mặt mũi rạng rỡ với vẻ thân thiện nhất thời của cognac và, ai cũng đoán ra, một khoản lót tay. Bộ căn cước bị tịch thu nằm lại trên bàn Oskar, ông nhặt chúng lên và ném vào trong lò.

Tiếp đến, anh em nhà Danziger, thủ phạm làm hỏng chiếc máy ép kim loại vào thứ Sáu. Hai gã trai thật thà, ngờ ngác, chưa thạo việc, giương cặp mắt nông dân ngây ngốc nhìn cỗ máy họ vừa phá hỏng một cách rằm rĩ. Khi đó *Herr Direktor* đi vắng, và ai đó - một tên gián điệp, Oskar quả quyết - đã tố cáo anh em Danziger với ban quản lý Płaszów. Họ bị bắt đi khỏi Emalia, và án treo cổ họ được loan báo trong buổi điểm danh đầu sáng ở Płaszów. *Tối nay, cư dân Płaszów sẽ chứng kiến phiên hành quyết hai kẻ phá hoại.* Tất nhiên, tiêu chí đầu tiên đưa anh em Danziger đến với giá treo cổ là mùi Do Thái chính thống tỏa ra từ họ.

Oskar đi công chuyện ở Sosnowiec trở về lúc ba giờ chiều thứ Bảy, ba tiếng trước giờ hành hình. Tin tức về bản án chờ ông trên bàn làm việc. Ông chạy xe ngay đến Płaszów, mang theo cognac và một ít xúc xích *kielbasa* hảo hạng. Ông đậu xe cạnh tòa nhà quản trị

và tìm thấy Goeth trong văn phòng. Ông nhẹ nhõm vì không phải gián đoạn giấc ngủ trưa của viên Commandant. Không ai biết nội dung thỏa thuận giữa họ chiều hôm ấy, trong căn phòng tương tự của *Torquemada*⁽⁶⁰⁾, nơi Goeth cho gắn vòng sắt lên tường để xích tù nhân khi muốn giáo huấn họ. Tuy nhiên, khó mà tin được, chỉ cognac và xúc xích đã thỏa mãn được Amon. Dù sao chẳng nữa, cuộc gặp gỡ đã làm nguôi ngoai mối quan ngại của gã về sự toàn vẹn của các cỗ máy ép kim loại của Đế chế, và đến sáu giờ, giờ hành quyết, anh em Danziger đã ngồi trên băng sau chiếc limousine sang trọng của Oskar để trở về mái tranh nghèo yêu dấu Emalia.

Những thắng lợi này, tất nhiên, chỉ là cục bộ. Đặc trưng của các bạo chúa, Oskar biết, là khoan hồng cũng vô cơ như khi kết án. Emil Krautwirt, ban ngày là kỹ sư ở nhà máy máy sợi bên ngoài Emalia, là một tù nhân trong trại của Oskar. Anh còn trẻ, tốt nghiệp cuối thập niên ba mươi. Krautwirt, như các bạn tù khác ở Emalia, gọi đó là trại của Schindler; nhưng qua việc bắt Krautwirt đến Płaszów treo cổ làm gương, SS đã cho thấy ai mới thật sự là chủ nhân khu trại, ít nhất là trên một số khía cạnh trong sự tồn tại của nó.

Trong số ít ỏi những cư dân Płaszów sống sót đến ngày Hòa bình, vụ treo cổ kỹ sư Krautwirt là chuyện đầu tiên, bên cạnh những khổ đau tủi nhục thầm kín của bản thân, mà họ sẽ nhắc đến. SS luôn rất tiết kiệm khi xây đài hành hình, và ở Płaszów giá treo cổ đơn giản là một hàng cột thấp dài, thiếu đi vẻ uy nghi của các đoạn đầu đài trong lịch sử, của máy chém hồi Cách mạng Pháp, đài treo cổ thời Elizabeth và vẻ oai nghiêm cao vờ của cột treo cổ nhà tù tại sân sau các đồn cảnh sát Viễn Tây. Ra đời giữa thời bình, cột treo cổ của Płaszów và Auschwitz khiến người ta khiếp sợ không phải vì vẻ uy nghiêm mà chính từ sự bình thường của chúng. Nhưng các bà mẹ Płaszów sẽ nhận ra, kể cả bằng một kết cấu đơn sơ như thế, những đứa trẻ lên năm vẫn có thể phải chứng kiến quá nhiều từ một vụ hành hình khi đứng giữa đám đông tù nhân trên *Appellplatz*. Một cậu bé mười sáu tuổi tên là Haubenstock bị treo cổ cùng Krautwirt. Krautwirt bị kết án vì viết thư cho các phần tử bạo loạn ở Cracow. Nhưng với Haubenstock, tội danh của cậu là hát “Volga Volga”,

“Kalinka Maya”, và những bài hát Nga bị cấm khác nhằm, án tử hình ghi rõ, lôi kéo lính gác Ukraine về với chủ nghĩa Bolshevik.

Một trong những quy định của lễ hành quyết ở Płaszów là im lặng. Khác những vụ treo cổ vui như ngày hội thời trước, bản án được thi hành trong sự tĩnh lặng tuyệt đối. Từ nhân đứng thành hàng, dưới sự giám sát của những kẻ biết rõ quyền hạn của mình: Hujar và John; Scheidt và Grün; các hạ sĩ quan Landsdorfer, Amthor, và Grimm, Ritschek và Schreiber; các nữ quản giáo vừa được SS điều tới Płaszów, cả hai đều thiện nghệ với dùi cui - Alice Orłowski và Luise Danz. Dưới sự giám sát ấy những lời cầu xin của tử tù được lắng nghe trong im lặng.

Ban đầu kỹ sư Krauwirt có vẻ bị choáng và không nói gì, nhưng cậu bé thì có. Cậu mếu máo phân trần với *Hauptsturmführer*, kẻ đứng cạnh giá treo cổ. “Cháu không phải Cộng sản, Herr Commandant. Cháu ghét Cộng sản. Cháu chỉ hát thôi. mấy bài hát bình thường.” Đao phủ, một gã đồ tể ở Cracow, được xá tội cũ với điều kiện gã nhận việc này, bắt Haubenstock đứng lên ghế, rồi tròng thòng lọng qua cổ cậu. Gã biết Amon muốn treo cổ cậu trước, để đỡ phải nghe cậu lèo nhèo. Khi gã đồ tể đạp đổ chiếc ghế dưới chân Haubenstock, dây đứt, và cậu trai, tím tái và ho sặc, thòng lọng vẫn thắt trên cổ, bò bốn chân tay đến chỗ Goeth, tiếp tục van xin, giúi đầu vào mắt cá viên Commandant và bấu chặt chân gã. Đây là tột đỉnh của sự thuần phục; một lần nữa nó ban cho Goeth cái vương quyền gã đã hưởng dụng trong vài tháng kích động vừa qua. Amon, giữa *Appellplatz* đầy những khuôn miệng há hốc song không phát ra âm thanh nào ngoài một tiếng xì khe khẽ như gió thì thảo trên cồn cát, rút súng ra khỏi bao, đạp cậu bé ra xa, và bắn vào đầu cậu.

Khi chàng kỹ sư Krautwirt tội nghiệp chứng kiến cảnh hành quyết cậu bé, anh lấy ra một lưỡi dao cạo giấu trong túi, và tự cắt cổ tay. Những người tù hàng đầu thấy rõ vết thương Krautwirt tự gây ra ở hai tay là trí mạng. Nhưng Goeth vẫn ra lệnh cho đao phủ thi hành án. Cả người đầm máu từ vết thương của Krautwirt, hai lính Ukraine nhắc anh lên giá treo cổ, ở đó anh vừa chảy máu ồng ộc từ hai cổ tay, vừa chết ngạt trước mắt người Do Thái miền Nam Ba Lan.

Theo lẽ tự nhiên một phần tâm thức con người vẫn tin những màn trình diễn man rợ ấy sẽ là cuối cùng, rằng sẽ có sự nghịch chuyển về phương pháp và thái độ, kể cả ở Amon, không thì cũng ở đám quan lại vô hình cao cao tại thượng - nơi có cửa sổ kiểu Pháp, sàn nhà bóng loáng, nhìn xuống quảng trường có các bà lão bán hoa - những kẻ hoạch định phân nửa những gì đã xảy ra ở Płaszów và dung túng nửa còn lại.

Lần thứ hai bác sĩ Sedlacek tới Cracow, Oskar và vị nha sĩ lên một kế sách mà có lẽ trong mắt một người hướng nội hơn Schindler sẽ bị xem là ngây thơ. Oskar gợi ý với Sedlececk rằng một nguyên nhân khiến Amon tàn bạo như vậy là bởi thứ rượu tồi gã uống, hàng chục lít cái gọi là cognac địa phương ấy đã bào mòn nhận thức vốn đã lệch lạc của gã về báo ứng. Họ nên dùng một phần tiền bác sĩ Sedlacek giao cho Oskar để mua một thùng cognac hảo hạng - một mặt hàng không rẻ và dễ kiếm ở Ba Lan thời hậu-Stalingrad. Oskar sẽ đem tặng Amon và luôn tiện gieo vào đầu gã ý tưởng kiểu gì rồi chiến tranh cũng sẽ kết thúc, và người ta sẽ điều tra hành động của từng cá nhân. Rất có thể chính bạn bè Amon sẽ nhớ những lần gã hành xử quá nhiệt thành.

Bản chất Oskar là vậy - tin rằng ta có thể đổi âm với quỹ dữ và tác động tới sự cân bằng của cái ác bên một ly cognac. Chẳng phải vì ông e sợ những biện pháp khác quyết liệt hơn. Chẳng qua ông chưa từng nghĩ đến chúng. Ông luôn là con người của giao dịch.

Wachtmeister Oswald Bosko, người quản lý vòng ngoài ghetto trước đây, trái lại, là con người của lý tưởng. Sau cùng anh đã không chịu nổi cảnh làm việc trong hệ thống, nay hối lộ chỗ này, mai giấy tờ giả chỗ kia, lấy hàm cấp của mình ra bảo vệ cho chục đứa trẻ, trong khi cả trăm đứa khác bị giải ra khỏi cổng ghetto. Bosko đã đào ngũ khỏi đồn cảnh sát Podgórze, trốn vào rừng Niepolomice với quân du kích hòng chuộc lại lỗi lầm thuở bột nhiệt tình đi theo phát xít mùa hè năm 1938. Sau cùng anh bị nhận diện ở một làng phía Tây Cracow, khi đóng giả làm nông dân Ba Lan, và bị xử bắn vì tội phản bội. Bosko, bởi vậy, sẽ trở thành kẻ tử vì đạo.

Bosko vào rừng vì không còn lựa chọn khác. Anh không có nguồn lực tài chính mà Oskar sử dụng để bôi trơn hệ thống. Nhưng điều đó

cũng phù hợp với cá tính của mỗi người, nghĩa là người này chẳng có gì ngoài bộ quân phục và quân hàm bị vứt bỏ, còn người kia phải đảm bảo có trong tay tiền mặt và hàng hóa để đổi chác. Sẽ chẳng phải là ca tụng Bosko hay hạ thấp Schindler nếu nói rằng nhờ Oskar có tử vì đạo thì cũng là tai nạn, vì một cuộc làm ăn bỗng phát sinh biến cố. Nhưng nhiều người đã sống sót - nhà Wohlfeiler, anh em Danziger, Lamus - nhờ cách làm của Oskar. Cũng chính nhờ cách làm ấy, mới có sự tồn tại không ai ngờ được của trại Emalia trên phố Lipowa, và tại đây, hầu như mọi ngày, một ngàn con người được an toàn, không sợ bắt bớ, và SS ở lại ngoài hàng rào. Ở đây không ai bị đánh đập, và xúp đủ đặc để duy trì sự sống. Tương xứng với bản chất của họ, lòng căm ghét về đạo đức của cả hai đảng viên, Bosko và Schindler, đều cao ngang nhau, mặc dù Bosko thể hiện bằng cách vứt bỏ bộ quân phục trên mắc áo ở Podgórze, trong khi Oskar cài tấm huy hiệu đảng cỡ đại lên áo rồi mang thứ rượu hảo hạng đi tặng gã Amon Goeth điên cuồng ở Płaszów.

*

Hôm đó là chiều muộn, Oskar và Goeth ngồi trong phòng khách trong tòa biệt thự trắng của Goeth. Nhân tình của Goeth, Majola, tới chơi - một phụ nữ nhỏ xương, làm thư ký ở nhà máy Wagner trong thành phố. Ngày thường cô không ở đây, giữa Płaszów đầy rẫy cực đoan này. Cô là người nhạy cảm, và tính cách này là căn nguyên dẫn tới lời đồn rằng Majola đã dọa không ngủ với Goeth nữa nếu gã tiếp tục tùy tiện hạ sát tù nhân. Nhưng chẳng ai biết điều đó có thật không hay chỉ là một liệu pháp tâm lý phát sinh từ đầu óc những tù nhân đang cố gắng một cách tuyệt vọng để làm mặt đất này dễ sống hơn.

Chiều hôm đấy Majola không lưu lại lâu. Cô biết họ sắp ngồi uống với nhau. Helen Hirsch, cô hầu gái xanh xao mặc áo đen của Amon, bưng các đồ nhắm cần thiết lên - bánh trái, canapé, xúc xích. Cô lão đảo đi lại với vẻ kiệt sức. Đêm qua, Amon vừa đánh cô vì chuẩn bị đồ ăn cho Majola mà chưa xin phép; sáng nay gã bắt cô leo ba tầng cầu thang năm mươi lần thật nhanh vì một vết cứt ruồi ở một bức tranh trên hành lang. Cô đã nghe đồn về Herr Schindler nhưng hôm nay mới biết mặt. Chiều nay cô không tìm thấy chút an ủi nào từ

cảnh hai gã đàn ông cao lớn ngồi đối diện nhau bên chiếc bàn thấp, đầy vẻ anh em hòa hợp. Ở đây chẳng có gì khiến cô quan tâm nữa, vì cô nghĩ mình đã cầm chắc cái chết. Cô chỉ còn lo cho tính mạng của em gái, đang làm việc dưới bếp ăn tập thể của trại. Cô giấu một món tiền, với hy vọng nó sẽ giúp em cô sống sót. Nhưng cô tin rằng, chẳng món tiền hay giao dịch nào có thể xoay chuyển số phận của bản thân mình.

Cứ thế, họ uống thâu chiều đến tối. Khá lâu sau khi khúc “Lời ru” của Brahms trong màn dạ tấu của người tù Tosia Lieberman đã vỗ yên khu trại nữ và len lỏi qua lần vách gỗ vào đến trại nam, hai người vẫn còn uống tiếp. Buồng gan phi thường của họ sáng rực như lò nung. Và tới thời điểm thích hợp, Oskar nghiêng mình qua bàn và, hành động xuất phát từ một tình bằng hữu, bắt chộp ngăn ấy cognac, chẳng hề sâu hơn bề mặt làn da... Oskar nghiêng đầu về phía Amon và, ranh mãnh như loài yêu quái, bắt đầu dẫn dụ y kiểm chế.

Amon nghe cũng bùi tai. Oskar cảm giác gã bị hấp dẫn trước ý niệm về đức khoan hòa - một cảm dỗ xúng với kẻ làm hoàng đế. Amon có thể hình dung ra cảnh một nô lệ ốm yếu đang đẩy xe, một tù nhân quay về từ nhà máy cáp, lão đảo - với thái độ gian lận thật khó chấp nhận - mang theo ôm quần áo hoặc bó củi nhận từ cổng trại. Một cảm giác ấm áp kỳ lạ trỗi dậy trong lòng Amon, khi gã nghĩ rằng mình sẽ tha thứ cho tên lè mề, cho tay kịch sĩ khốn nạn ấy. Như Caligula có lẽ từng bị cám dỗ trước ý tưởng về một Caligula Nhân từ, hình ảnh Amon Nhân từ đã chiếm lĩnh trí tưởng tượng của viên Commandant một thời gian. Kỳ thực, đây sẽ luôn là điểm yếu của gã. Đêm nay, khí huyết quản gã vàng rực màu cognac và gần như toàn trại đã ngủ yên ngoài kia, rõ ràng Amon bị quyến rũ bởi lòng từ bi hơn là nỗi sợ bị báo thù. Nhưng sáng ra gã sẽ nhớ lời cảnh báo của Oskar và kết hợp nó với tin tức mối đe dọa từ Nga đang gia tăng trên mặt trận Kiev. Từ Płaszów đến Stalingrad là một khoảng cách khó hình dung nổi. Nhưng từ Płaszów đến Kiev thì có.

Vài ngày sau độ nhậu của Oskar với Amon, Emalia nhận được tin báo rằng cảm dỗ kép kia đã tác động tới viên Commandant. Khi trở lại Budapest, bác sĩ Sedlacek sẽ báo cáo với Samu Springmann

rằng Amon đã ngừng, ít ra là trước mắt, không giết người tùy tiện nữa. Và người đàn ông nhỏ nhẹ ấy, giữa vô vàn mối lo từ danh sách một loạt địa điểm, từ Dachau và Drancy phía Tây đến Sobibor và Belzec phía Đông, có lúc đã hy vọng rằng cái lỗ ở Płaszów đã được bịt lại. Nhưng cơn đăm mê khoan hồng ấy tan biến rất nhanh. Nếu quả có một thời kỳ hòa hoãn ngắn ngủi thì những ai sống sót và làm chứng về những ngày tháng ở Płaszów cũng chẳng ý thức được. Với họ những cuộc hạ sát ngắn gọn ấy dường như liên tiếp. Nếu Amon không xuất hiện trên ban công sáng nay hay sáng mai, không có nghĩa là ngày kia gã sẽ không xuất hiện. Sự vắng mặt tạm thời của gã là quá ít ngay cả với người tù hoang tưởng nhất để hy vọng về một thay đổi sâu xa trong bản chất viên Commandant. Và kiểu gì gã cũng sẽ tái xuất trên thềm, với chiếc mũ kiểu Áo gã vẫn đội khi sát nhân, tiếp tục tìm kiếm kẻ tội đồ mới qua ống nhòm.

*

Khi trở lại Budapest, bác sĩ Sedlacek không chỉ đem theo tin tức lạc quan quá mức về sự cải hóa của Amon, mà còn cả dữ liệu đáng tin cậy về trại Płaszów. Chiều nọ, một lính gác từ Emalia đến Płaszów triệu Stern tới Zablocie. Khi tới nơi, Stern được dẫn lên căn hộ mới của Oskar. Tại đây Schindler giới thiệu ông với hai nhân vật mặc vét đất tiền. Người thứ nhất là Sedlacek, người kia là Do Thái nhưng mang hộ chiếu Thụy Sĩ, và tự giới thiệu tên mình là Babar. “Bạn thân mến,” Oskar bảo Stern, “tôi muốn ông viết ngay chiều nay, một báo cáo càng chi tiết càng tốt về tình hình Płaszów.” Stern chưa gặp Sedlacek hay Babar lần nào và cảm thấy Oskar đang sơ suất. Ông bẻ tay và lầm bầm rằng trước khi nhận một nhiệm vụ như thế, ông có lời muốn nói riêng với *Herr Direktor*.

Oskar thường nói Itzhak Stern không bao giờ đưa ra được một phát ngôn hay yêu cầu nào, trừ phi nó được ngụy trang dưới một mớ thuyết giảng về kinh Talmud và lễ tẩy trần. Song lần này ông khá thẳng thắn. “Ông nói xem, Herr Schindler,” Stern hỏi, “lẽ nào ông không thấy thế này là quá mạo hiểm?”

Oskar nổi khùng. Đến khi ông kiểm chế được thì hai người ở phòng bên chắc cũng nghe thấy. “Nếu mạo hiểm, ông nghĩ tôi có bảo ông làm không?” Rồi ông bình tĩnh lại rồi nói, “Bao giờ mà

chẳng mạo hiểm. Cái đó ông còn rõ hơn tôi. Nhưng với hai người này thì không. Họ tin được.”

Sau cùng, Stern dành cả chiều để viết báo cáo. Là học giả, ông đã quen với lối hành văn chính xác. Tổ chức cứu trợ ở Budapest và nhóm Zionist ở Istanbul sẽ có được từ Stern một bản báo cáo đáng tin cậy. Nhân bản tóm lược của Stern với 1.700 trại lao động cưỡng bức lớn nhỏ khắp Ba Lan, ta sẽ có một bức tranh toàn cảnh làm cả thế giới choáng váng!

Sedlacek và Oskar muốn ở Stern nhiều hơn thế. Buổi sáng sau độ nhậ với Amon, Oskar lê buồng gan anh dũng của mình quay lại Płaszów trước giờ làm việc. Ngoài lời khuyên tiết chế mà Oskar thử rót vào tai Amon đêm trước, ông còn kiếm được giấy phép viết tay để mời hai “nhà công nghiệp anh em” đi tham quan cơ sở công nghiệp kiểu mẫu này. Sáng hôm ấy Oskar đưa họ tới tòa nhà quản trị màu xám, và yêu cầu *Häftling* (tù nhân) Itzhak Stern đưa họ tham quan một vòng. Ông bạn của Sedlacek, Babar, đem theo một chiếc máy ảnh cỡ nhỏ, cầm công khai trên tay. Nếu bị SS chặn lại, chắc ông ta sẽ hoan hỉ vì có cơ hội dừng lại để ba hoa năm phút về món đồ chơi vừa mua được khi đi công cán ở Brussels hay Stockholm.

Khi Oskar và hai vị khách Budapest bước ra từ tòa nhà quản trị, Oskar nắm lấy bờ vai thư lại gầy guộc của Stern. Bạn ông rất vui nếu được đi xem nhà xưởng và khu ăn ở của tù nhân, Oskar nói. Nhưng nếu Stern thấy họ có bỏ sót thứ gì, ông hãy cúi xuống và buộc dây giày.

Trên con đường lớn lát bằng bia mộ vợ của Goeth, họ đi qua doanh trại SS. Ở đây, gần như ngay lập tức, tù nhân Stern thấy cần buộc dây giày. Bạn hữu của Sedlacek vội chộp lại hình ảnh các toán kéo xe chở đá từ mỏ lên đồi, trong khi Stern lúng túng, “Xin lỗi quý vị.” Thế nhưng ông lại nhả nha để họ có thời gian nhìn xuống và đọc kỹ từng mảnh bia mộ. Đây là Bluma Gemeinerowa (1859-1927); và kia là Matylde Liebeskind, mất năm 1912, thọ 90 tuổi; đây là Rozia Groder, cô bé chết năm 1931, khi mới mười ba; còn có Sofia Rosner và Adolf Gottlieb, mất dưới thời Franz Josef. Stern muốn họ thấy rõ tên của những người quá cố đáng kính nay đã trở thành đá lót đường.

Tiếp tục hành trình, họ đi qua Puffhaus, khu nhà thổ toàn gái Ba Lan dành cho SS và lính Ukraine, trước khi đến mỏ đá, nơi các hầm khai thác chạy ngược vào vách đá vôi. Ở đây dây giày của Stern lại cần thắt nút; ông muốn họ ghi lại cảnh này. SS hủy hoại tù nhân tại vách núi này, vất kiệt họ bằng búa và đục. Chẳng ai trong các hiệp thợ mỏ sút sẹo ấy tỏ ra tò mò về ba vị khách sáng nay. Ivan, gã tài xế Ukraine của Amon Goeth, đang có phiên trực ở đây, còn đốc công là một gã tội phạm đầu nhọn người Đức tên gọi Erik. Gã sớm thể hiện năng khiếu sát hại toàn gia sau khi giết cả bố mẹ và em gái. Đáng ra gã đã bị treo cổ hay ít nhất cũng bị tống vào ngục, nếu SS không nhận ra có những kẻ còn phạm tội tàn nhẫn hơn giết cha, và nên dùng Erik làm công cụ trừng phạt chúng. Theo báo cáo của Stern, một bác sĩ Cracow tên gọi Edward Goldblatt được điều từ bệnh viện đến đây theo lệnh của bác sĩ SS Blancke và đệ tử Do Thái của ông ta, bác sĩ Leon Gross. Erik khoái thấy cảnh một người có văn hóa và chuyên môn phải đến mỏ đá làm việc và tỏ ra chân yếu tay mềm; và ở trường hợp Goldblatt, đòn roi bắt đầu ngay khi anh tỏ ra vụng về khi sử dụng búa và đục. Suốt nhiều ngày liền Erik cùng đám lính SS và Ukraine đánh đập Goldblatt. Viên bác sĩ phải làm việc với khuôn mặt sưng phồng gấp rưỡi bình thường và một bên mắt híp lại. Không ai rõ sai sót gì về kỹ thuật khai thác đá đã khiến Erik dành cho bác sĩ Goldblatt trận đòn sau chót. Khá lâu sau khi viên bác sĩ đã bất tỉnh, Erik mới cho mang anh đến *Krankenstube*, song bị bác sĩ Leon Gross từ chối tiếp nhận. Với sự hậu thuẫn y tế này, Erik và một tên lính SS tiếp tục đá viên bác sĩ đang nằm hấp hối và bị từ chối chữa trị trên thềm bệnh viện.

Stern cúi xuống buộc dây giày tại mỏ đá vì, như Oskar và một số khác ở Płaszów, ông tin ở một tương lai có những quan tòa sẽ hỏi, Việc này - một cách trực diện - xảy ra ở đâu?

Oskar có cơ hội giới thiệu toàn cảnh khu trại cho các đồng nghiệp, đưa họ lên tận Chujowa Górka và lô cốt Áo, nơi những cỗ xe cút kít vấy máu dùng để chở người chết vào rừng thẳm nằm ở lối vào lô cốt. Đã có hàng nghìn người bị vùi thây dưới những nấm mộ tập thể bên trong hoặc trên bìa những rặng thông phía Đông. Khi quân Nga từ phía Đông tràn xuống, cánh rừng này và những nạn nhân

của nó sẽ rơi vào tay họ trước cả trại Płaszów đang sống và chết mòn.

Trên phương diện một kỳ quan công nghiệp, Płaszów sẽ khiến bất cứ khách tham quan nghiêm túc nào thất vọng. Amon, Bosch, Leo John, Josef Neuschel coi đây là một thành phố kiểu mẫu bởi chúng kiếm bộn tiền từ đó. Tất cả hẳn sẽ ngỡ ngàng nếu biết một trong những nguyên nhân duy trì mỏ vàng Płaszów lại chẳng phải là sự hài lòng của Tổng cục Quân giới trước thành tựu kinh tế của cơ sở này.

Kỳ thực điều thần kỳ kinh tế duy nhất tại Płaszów là gia tài khổng lồ của Amon và bè lũ. Người ngoài cuộc tỉnh táo nào cũng sẽ bất ngờ khi thấy các công xưởng của Płaszów được nhận hợp đồng, nếu xét cơ sở vật chất nghèo nàn lạc hậu ở nơi này. Nhưng những tù nhân Zionist giáo hoạt ở Płaszów đã gây sức ép với người ngoài, những người có lòng tin như Oskar hay Madritsch, những người đến lượt mình sẽ gây sức ép lên Tổng cục Quân giới. Với quan điểm rằng cái đói và những vụ sát nhân lác đác ở Płaszów còn hơn là cầm chắc sự diệt chủng ở Auschwitz và Belzec, Oskar sẵn lòng ngồi với đám kỹ sư và nhân viên xét thầu ở Tổng cục Quân giới của tướng Schindler. Họ sẽ nhản mặt và nói, “Coi nào, Oskar! Thật hay đùa đấy?” Nhưng rốt cuộc họ cũng sẽ kiếm hợp đồng cho trại của Amon Goeth, hợp đồng làm xẻng từ sắt vụn ở nhà máy của Oskar, hợp đồng làm phễu từ thiếc vụn ở một nhà máy mút bên Podgórze. Khả năng những lô xẻng và cán này được bàn giao đầy đủ cho *Wehrmacht* là thấp. Nhiều người trong số bạn bè của Oskar trong Tổng cục Quân giới hiểu rõ việc mình làm, rằng kéo dài tuổi thọ trại lao động-nô lệ Płaszów cũng đồng nghĩa với kéo dài sự sống cho một cơ sở nô lệ. Với một số, điều đó thật khó nuốt trôi, bởi vì họ biết rõ sự đề tiện của Goeth, và lòng ái quốc truyền thống, nghiêm túc của họ bị lãng nhục bởi lối sống trụy lạc của Goeth ở miền quê ấy.

Điều oái oăm tuyệt đỉnh ở Trại Lao động Cưỡng bức Płaszów - nghĩa là một số nô lệ vì mục đích của bản thân họ mà mưu tính duy trì vương quốc của Amon - được thể hiện trong trường hợp của Roman Ginter. Ginter, trước là doanh nhân và nay là quản đốc ở xưởng kim loại nơi giáo sĩ Levartov vừa được giải cứu, một sáng nọ

được gọi lên văn phòng Goeth và, khi vừa khép cửa, ném ngay một trận mưa đòn. Vừa tấn Ginter, Amon vừa làm bầm chửi bới. Rồi gã lôi anh ra ngoài, xuống thêm, đến chỗ bức tường gần cửa trước. Tôi hỏi một câu được chứ? Ginter nói, lưng dựa vào tường, tùy tiện nhả ra hai cái răng, tránh để Amon nghĩ mình đóng kịch, là kẻ hay than vãn. Đồ chó đẻ, Goeth gầm lên, mày chưa nộp mớ còng tay theo lệnh tao! Lịch bàn của tao ghi rõ rành rành, đồ con lợn a. Nhưng Herr Commandant, tôi xin phép được báo cáo rằng đơn hàng công ty đã được hoàn thành hôm qua. Tôi hỏi *Herr Oberschaführer* Neuschel phải làm gì tiếp theo, và ông ấy bảo mang lên văn phòng cho ngài, và tôi đã làm rồi.

Amon lôi anh chàng Ginter máu me bê bết trở lại văn phòng và gọi cho Neuschel. Dạ vâng, gã Neuschel trẻ tuổi ngờ ngác. Ngăn kéo bên phải, thứ hai từ trên xuống, thưa Herr Commandant. Goeth tìm và thấy mớ còng. Tí nữa thì tao giết nó, gã cắn nhả tên đệ tử quê Vienna trẻ người nhưng không sáng dạ lắm này.

Chính anh chàng Roman Ginter, người bình thản nhả hai chiếc răng xuống sàn tòa nhà quản trị xám xịt của Amon - chính gã Do Thái vô danh suýt chết oan và khiến Amon quở mắng Neuschel - là người mang giấy thông hành đặc biệt đến DEF tìm Oskar để bàn về nguyên liệu cho các xưởng ở Płaszów, chuyện phải có đủ sắt vụn nếu không thì toàn bộ nhân công xưởng cơ khí sẽ bị tổng lên tàu đi Auschwitz. Do đó, trong khi Amon Goeth, với cây súng lục vung vẩy trên tay, định ninh gã điều hành Płaszów bằng thiên tài quản lý của mình, chính những tù nhân mồm đầy máu mới là người thực sự duy trì nó.

(60) Tomás de Torquemada, thầy tu Tây Ban Nha cuối thế kỷ 15. Đại pháp quan của Tòa án Dị giáo.

CHƯƠNG 25

Trong mắt một số người, giờ đây Oskar tiêu pha như một con bạc khát nước. Tuy không biết gì nhiều về ông, các tù nhân của ông cũng cảm nhận được ông sẽ vì họ mà hủy hoại bản thân, nếu đó là cái giá phải trả. Sau này - không phải bây giờ, bây giờ họ tiếp nhận lòng từ bi của ông giống như trẻ con nhận quà Giáng sinh từ cha mẹ - họ sẽ bảo nhau, Ông Chúa là ông ấy hết lòng với chúng ta hơn với vợ. Và như các tù nhân, một số viên chức cũng đánh hơi thấy niềm đam mê của Oskar.

Một trường hợp như vậy là bác sĩ Sopp của nhà tù SS tại Cracow và của Tòa án SS. (SS có hệ thống tư pháp riêng) tại Pomorska. Y bắt tin qua một người Ba Lan cho Herr Schindler rằng y sẵn lòng làm ăn. Tại nhà tù Montelupich có một phụ nữ tên là Helene Schindler. Bác sĩ Sopp biết bà ta không có họ hàng gì với Oskar, có điều chồng bà ta từng góp vốn vào Emalia. Giấy tờ Aryan của bà ta khá đáng ngờ. Điều này, chẳng cần nói cũng biết, báo hiệu một chuyến xe đến Chujowa Górka. Nhưng nếu Oskar chi ra một khoản, Sopp đánh tiếng, y sẵn sàng cấp giấy chứng nhận y tế rằng xét tình trạng sức khỏe, bà Schindler nên được cho đi chữa bệnh không thời hạn Marienbad, dưới mạn Bohemia.

Oskar đến văn phòng của Sopy, tại đây y đòi 50.000 zł cho tờ chứng nhận. Mặc cả cũng chẳng để làm gì. Sau ba năm hành nghề, một kẻ như Sopp có thể ra giá chính xác đến vài złoty. Trong một buổi chiều, Oskar tập hợp đủ tiền. Sopy biết việc này trong tầm tay ông, rằng Oskar là mẫu người có quỹ đen, khoản tiền không có dấu vết trên sổ sách.

Trước khi giao tiền, Oskar đưa ra điều kiện. Sopp sẽ đưa ông đến Montelupich để đón người phụ nữ trong xà lim. Sau đó, ông sẽ tận tay giao bà ta cho bạn bè trong thành phố. Sopp không phản đối. Dưới ánh đèn không chụp của Montelupich buổi sáng, bà Schindler được trao tờ chứng nhận đất giá của mình.

Một người cẩn trọng hơn, một người có đầu óc kế toán, hẳn đã bồi hoàn một cách công bằng cho bản thân bằng khoản tiền

Sedlacek đưa từ Budapest tới. Tổng cộng Oskar sẽ nhận gần 150.000 Reichsmark, giấu trong va li hai đáy hoặc trong lớp lót của quần áo. Nhưng Oskar, một phần do ý thức hết sức đại khái về tiền bạc (dù là cho vay hay đi vay), phần khác vì lòng tự tôn, đã chuyển cho đầu mối Do Thái của mình toàn bộ số tiền ông nhận từ Sedlacek, trừ tiền mua cognac cho Amon.

Nhưng chuyện chẳng phải lúc nào cũng trót lọt. Mùa hè năm 43, khi Sedlacek đem đến Cracow 50.000 RM, nhóm Zionist trong Płaszów được Oskar đề nghị giao tiền lại sợ đây là bẫy.

Đầu tiên, Oskar tiếp cận Henry Mandel, làm thợ hàn ở xưởng cơ khí của Płaszów, thành viên của *Hitach Dut*, phong trào Zionist của thanh niên và lao động. Mandel từ chối. Nghe này, Schindler nói, kèm theo khoản tiền có một bức thư bằng tiếng Hebrew, gửi từ Palestine. Nhưng dĩ nhiên, nếu đây là bẫy, nếu Oskar đã bị SS mua, tất nhiên ông sẽ có một bức thư từ Palestine. Và khi anh không có đủ bánh mì cho bữa sáng, thì số tiền này thật kinh khủng: 50.000 RM - 100.000 zloty. Để anh tùy nghi sử dụng. Ai mà tin được.

Sau đó Schindler thử chuyển món tiền, khi ấy đang trong phạm vi của Płaszów, ngay trong cốp xe của ông, cho một thành viên khác thuộc *Hitach Dut*, một phụ nữ tên là Alta Rubner. Cô ta có liên hệ, qua một số tù nhân làm việc cho nhà máy cáp, rồi qua một số người Ba Lan ở nhà tù Ba Lan, với quân kháng chiến ở Sosnowiec. Có lẽ, cô ta bảo Mandel, tốt nhất là chuyển toàn bộ vụ này sang quân kháng chiến, để cho họ xác minh nguồn gốc khoản tiền của Herr Oskar Schindler.

Oskar vẫn cố thuyết phục cô, lợi dụng tiếng lạch xạch của dàn máy khâu ở xưởng của Madritsch để cao giọng. “Thề có quỷ thần hai vai, đây không phải là bẫy!” Thề có quỷ thần hai vai. Đích thực là kiểu nhiệt thành của một tên nội gián!

Thế nhưng sau khi Oskar ra về và Mandel nói chuyện với Stern, người khẳng định bức thư là thật, và hội ý với cô gái, họ quyết định nhận khoản tiền. Tuy nhiên, giờ thì họ biết Oskar sẽ không quay lại. Mandel đi tìm Marcel Goldberg ở Phòng Hành chính. Goldberg cũng là thành viên của *Hitach Dut*, nhưng từ khi được giao nhiệm vụ lên

danh sách - danh sách lao động và bị chuyển, những bản danh sách định đoạt sống chết - y bắt đầu nhận hối lộ. Dù vậy, Mandel vẫn có thể gây sức ép với y. Một trong những danh sách Goldberg có quyền soạn thảo - hay ít ra là thêm bớt - là danh sách tới Emalia thu nhật sắt vụn cho các xưởng của Płaszów. Là chỗ quen biết cũ, Mandel được đưa vào danh sách mà không cần phải tiết lộ lý do.

Nhưng khi đến được Zablocie và lên khỏi đoàn nhật phế liệu để đi tìm Oskar, anh ta lại bị Bankier chặn lại trước ở phòng ngoài. Herr Schindler rất bận, Bankier nói.

Một tuần sau Mandel quay lại. Và Bankier lại không cho anh ta vào gặp Oskar. Lần thứ ba, Bankier thẳng thừng. Anh muốn món tiền Zionist ấy hả? Trước anh không lấy. Nay anh lại muốn. Giờ thì chịu thôi. Đòi là vậy đấy, anh Mandel ạ!

Mandel gật đầu ra về. Anh ta ngờ oan rằng Bankier đã chাম mút ít nhất một phần trong khoản tiền ấy. Kỳ thực, Bankier chỉ tỏ ra thận trọng. Cuối cùng số tiền cũng đến tay các tù nhân Zionist ở Płaszów, vì giấy biên nhận của Alta Rubner đã được Sedlacek chuyển đến Springmann. Có lẽ khoản tiền đã được sử dụng để hỗ trợ tù nhân đến từ các thành phố khác, do đó không có nguồn tiếp tế ngoài trại như dân bản xứ.

Oskar không bao giờ quan tâm tìm hiểu xem số tiền mà ông làm trung gian được dùng để mua lương thực (như mong muốn của Stern), hay làm giấy tờ giả hoặc mua vũ khí cho quân kháng chiến là chính. Tuy nhiên, ông không lấy một xu nào từ món tiền này để chuộc bà Schindler ra khỏi nhà tù Montelupich hay để cứu mạng những người như anh em nhà Danziger. Và Oskar cũng không dùng tiền của Sedlacek để bù vào khoản hối lộ 30.000 kg đồ tráng men cho các sĩ quan SS các cấp trong năm 1943 để ngăn việc họ kiến nghị đóng cửa trại Emalia.

Ông cũng không tiêu tiền này vào số 16.000 zł mua dụng cụ phụ khoa từ chợ đen khi một nữ công nhân của Emalia có thai - điều đồng nghĩa với một vé tức thì đến Auschwitz. Và không một đồng nào được Oskar đem ra mua chiếc Mercedes cũ kỹ của

Untersturmführer John. John chào bán chiếc Mercedes cho Oskar khi ông yêu cầu chuyển ba mươi tù nhân từ Płaszów tới Emalia. Chiếc xe Oskar vừa mua hôm trước với giá 12.000 zł hôm sau đã được bạn đồng ngũ của Leo John, *Untersturmführer* Scheidt, tái trưng dụng phục vụ việc xây dựng ở ngoại vi khu trại. Khéo bọn chúng sẽ lấy xe để chở đất, Oskar nổi khùng khi ăn tối cùng Ingrid.

Về sau, khi thuật lại vụ việc một cách không chính thức, Oskar bày tỏ sự vui mừng vì đã có dịp giúp đỡ hai ông bạn quý.

CHƯƠNG 26

Raimund Titsch cũng đang phải chung chi, dưới một hình thức khác. Titsch là một tín đồ Công giáo người Áo trầm lặng, tác phong thư lại, một chân bị tật. Có người nói ông bị thương trong Thế chiến I, người lại bảo hồi nhỏ ông bị tai nạn. Ông hơn cả Amon lẫn Oskar mười tuổi. Ở Płaszów, ông quản lý nhà máy quân phục với ba nghìn thợ may và thợ cơ khí của Julius Madritsch.

Một cách chung chi của ông là bằng những cuộc cờ với Amon Goeth. Tòa nhà quản trị có điện thoại nối trực tiếp đến văn phòng Madritsch, và Amon hay triệu Titsch lên phòng gã chơi cờ. Lần đầu Raimund chơi với Amon, ván cờ kết thúc sau nửa tiếng và phần thắng không thuộc về viên *Hauptsturmführer*. Titsch, tiếng “Chiếu tướng!” khá kiềm chế và không mấy phấn khích còn chưa dứt trên môi, bất ngờ trước cơn thịnh nộ của Amon. Viên Commandant giăng áo khoác và bao súng, cài khuy áo, thắt thắt lưng, chụp mũ lên đầu, hăm hăm bỏ đi. Ngỡ ngàng, Titsch đoán Amon sẽ xuống đường sắt tìm một tù nhân để trừng phạt cho hả giận vì thất bại vật trên bàn cờ trước ông, Raimund Titsch. Từ đây, Titsch có chiến thuật mới. Giờ đây ông có thể dằn dai tới ba tiếng trước khi thua. Khi nhân viên tại khu nhà hành chính thấy Titsch tập tễnh đi lên phố Jerozolimska làm nhiệm vụ hầu cờ, họ biết chiều nay nhờ thế sẽ yên lành hơn. Một cảm giác an toàn nhỏ nhoi lan truyền từ đây xuống các công xưởng, thậm chí đến những người đẩy xe goòng khốn khổ.

Nhưng Raimund Titsch không chỉ triển khai nước cờ ngăn chặn. Độc lập với bác sĩ Sedlacek và người bạn cầm máy ảnh được Oskar đưa đến Płaszów, Titsch bắt đầu chụp ảnh. Có khi từ cửa sổ văn phòng, có khi từ góc xưởng, ông chụp hình tù nhân mặc đồng phục sọc đang đẩy xe goòng, cảnh phân phối bánh mì và xúp, cảnh đào cống và móng nhà. Trong số ảnh Titsch chụp, có thể có cả cảnh giao bánh mì trái phép đến xưởng của Madritsch. Chắc chắn chính Raimund đã mua từng ổ bánh mì tròn, với sự đồng tình và tiền của Madritsch, rồi chuyển đến Płaszów bằng xe tải, giấu dưới đám giẻ rách và những súc vải. Titsch chụp lại cảnh từng ổ bánh mì hắc mạch được vội vã chuyển tay mang vào kho của Madritsch, ở mặt

kia của tòa nhà, nơi các tháp canh không quan sát thấy và được xưởng văn phòng phảm che khuất khỏi đường lớn. Ông chụp ảnh lính SS và Ukraine đi đều, giải trí, làm việc. Ông ghi lại cảnh một hiệp thợ lao động dưới sự giám sát của kỹ sư Karp, người sẽ sớm trở thành nạn nhân của lũ chó sát thủ, đuôi bị xé toang, cơ quan sinh dục bị cắn đứt. Ở một bức toàn cảnh của Płaszów, ông khắc họa quy mô của khu trại và vẽ tiêu điều của nó. Xem ra ông còn chụp cận cảnh viên Commandant ngồi nghỉ trên ghế văng trên ban công phơi nắng của gã, một Amon lực lưỡng sắp chạm mốc 120 kg, khiến Blancke, bác sĩ SS mới đến, phải bảo, “Đủ rồi, Amon, anh phải giảm cân đi.” Titsch chụp Rolf và Ralf chạy rông và sưởi nắng, còn Majola ôm cổ một trong hai con chó và làm ra vẻ thích thú. Ông chụp cả Amon oai vệ trên con bạch mã cao lớn của gã.

Titsch chụp nhưng không rửa ảnh. Với mục đích lưu trữ, phim an toàn hơn, và dễ vận chuyển hơn. Ông giấu chúng trong két sắt tại căn hộ ở Cracow. Ở đó ông cũng giữ hộ công nhân của Madritsch những của nả còn sót lại. Ở Płaszów không thiếu những người có một bảo vật sau cùng; dùng để hối lộ - vào thời điểm hiểm nghèo nhất - cho kẻ nắm danh sách, kẻ giữ cửa toa chở gia súc, Titsch biết rõ, chỉ những người cùng khổ mới gửi gắm cho ông. Thiếu số còn giấu được nhẫn và đồng hồ và trang sức đâu đó trong Płaszów không cần tới ông. Họ giao dịch thường xuyên để đổi lấy ân huệ và tiện nghi. Nhưng cùng chung chỗ giấu với chỗ phim của Titsch là chút tài sản cuối cùng của một tá gia đình - cây trâm của bà Yanka, chiếc đồng hồ của bác Mordche.

Thật ra, khi bộ máy ở Płaszów sụp đổ, khi Scherner và Czurda đã bỏ trốn, khi kho hồ sơ không tì vết của Văn phòng Kinh tế và Hành chính SS đã được chất lên xe tải chở đi làm chứng cứ, Titsch không cần rửa ảnh nữa, và có mọi lý do để không làm vậy. Trong hồ sơ của ODESSA, tổ chức bí mật thời hậu chiến của những cựu thành viên SS, ông bị liệt vào diện phản bội. Đây là bởi ông đã cung cấp cho lao động của Madritsch 30.000 ổ bánh mì, một lượng đáng kể gà và bơ; do lòng nhân ái này mà ông đã được Chính phủ Israel vinh danh, và tin này đã xuất hiện ít nhiều trên báo chí. Ông bị đe dọa và dè bĩu trên đường phố Vienna “đồ bội đít Do Thái”. Bởi vậy

những cuốn phim về Płaszów sẽ ngủ yên hai mươi năm trong lòng đất ở một công viên nhỏ ngoài ngoại ô Vienna, nơi ông chôn giấu chúng, lớp tráng bạc cứ khô dần trên những bức hình âm bản, bí mật của Majola người tình của Amon, cặp chó sát thủ, và những lao động khổ sai vô danh của gã. Thành thử, có thể coi đây là thắng lợi của cư dân Płaszów khi, vào tháng Mười một năm 1963, một người sống sót của Schindler (Leopold Pfefferberg) đã bí mật mua lại chiếc hộp với giá năm trăm đô la từ Raimund Titsch - khi đó đang bị bệnh tim giai đoạn cuối. Kể cả lúc đó, Raimund cũng không muốn rửa những tấm ảnh ấy trước khi ông chết. Bóng ma vô danh của ODESSA với ông còn đáng sợ hơn những cái tên thời Płaszów: Amon Goeth, Scherner, Auschwitz.

Sau khi ông mất, lô phim mới được rửa. Gần như tất cả bộ ảnh được công khai.

*

Trong số ít ỏi những tù nhân sống sót qua thời Amon và Płaszów, chẳng hề có lời cáo buộc nào đối với Raimund Titsch. Nhưng ông chưa bao giờ là người khơi dậy những truyền kỳ. Oskar thì có. Từ cuối 1943, trong dân gian đã lưu truyền, với sự hưng phấn của một truyền kỳ, một câu chuyện về Schindler. Điều đáng nói về một truyền kỳ không nằm ở chỗ nó có thật không, hay có nên là thật không, mà là việc nó chẳng hiểu vì sao lại còn thật hơn sự thật. Qua những câu chuyện này, người ta hiểu rằng với cư dân Płaszów, Titsch có thể là một ẩn sĩ đức độ, nhưng Oskar mới là đáng á thần cứu rỗi, có hai mặt - đúng kiểu Hy Lạp - như mọi tiểu thần khác: có mọi tật xấu của phàm nhân; nghìn mắt nghìn tay; âm thầm mà quyền lực; có năng lực mang lại sự cứu rỗi an toàn và miễn phí.

Một chuyện liên quan đến thời kỳ các trùm cảnh sát SS chịu sức ép phải đóng cửa Płaszów, do hiệu quả của nó với tư cách một tổ hợp công nghiệp không được Tổng cục Quân giới đánh giá cao. Helen Hirsch, hầu gái của Goeth, vẫn hay gặp các sĩ quan, khách đến ăn tối, lang thang ngoài hành lang hoặc dưới bếp để lánh mặt Amon một chốc và để lắc đầu ngao ngán. Một sĩ quan SS tên là Tibritsch xuất hiện dưới bếp và bảo Helen, “Hắn có biết có những người đang phải hy sinh tính mạng không?” Dĩ nhiên anh ta ám chỉ

Mặt trận phía Đông, chứ không phải là ngoài kia, trong bóng tối ở Płaszów. Các sĩ quan có đời sống ít vương giả hơn Amon phần nộ và có lẽ nguy hiểm hơn là ghen tị, trước những gì họ thấy ở tư dinh của gã.

Người ta đồn rằng một tối Chủ nhật nọ, tướng Julius Schindler đích thân tới thăm Płaszów, để xác định sự tồn tại của nơi này có giá trị gì với công cuộc chiến tranh không. Đó là một giờ kỳ quái để một quan chức cấp cao như vậy đi thăm nhà máy, nhưng có lẽ Tổng cục Quân giới, trước mùa đông khắc nghiệt sắp bùng xuống Mặt trận phía Đông, đang phải làm việc ngoài giờ. Cuộc thị sát được mở đầu bằng bữa tối ở Emalia, nơi vang và cognac chảy tràn, bởi Oskar cũng như Bacchus được xem là hậu duệ của tửu thần Dionysus.

Do bữa dạ tiệc, đoàn thị sát lên xe đến Płaszów trong một trạng thái tâm lý không được khách quan nghề nghiệp cho lắm. Khi khẳng định như vậy, câu chuyện đã bỏ qua một thực tế rằng Schindler lần tùy tùng đều là chuyên gia hoặc kỹ sư, với gần bốn năm kinh nghiệm làm việc khách quan. Song Oskar sẽ là người cuối cùng kinh ngạc vì thực tế ấy.

Đoàn thị sát bắt đầu từ nhà máy may của Madritsch. Đây là cơ sở “trung bày” của Płaszów. Trong năm 1943, nó cung cấp quân phục cho *Wehrmacht* với tốc độ hơn hai mươi ngàn bộ một tháng. Nhưng câu hỏi là liệu Herr Madritsch có thể làm tốt hơn nếu vứt bỏ Płaszów và tập trung mở rộng sản xuất tại các nhà máy Ba Lan có hiệu suất cao hơn, trang bị tốt hơn ở Podgórze và Tarnow không? Tình trạng xập xệ của Płaszów không thể khuyến khích Madritsch hay bất cứ nhà đầu tư nào lắp đặt hệ thống máy móc cần thiết cho một nhà máy hiện đại.

Đoàn thanh tra vừa bắt đầu cuộc thị sát thì đèn đóm trong nhà xưởng tắt phụt, do bạn bè Itzhak Stern đã cắt cầu dao ở trạm điện. Vốn đã bắt lợi vì cơn no rượu say do Oskar bố trí, các quan chức Tổng cục Quân giới nay lại thêm hạn chế về ánh sáng. Cuộc thị sát tiếp tục dưới ánh đèn pin, trong khi máy móc nằm im bất động, và do vậy ít kích thích bản tính nghề nghiệp của đoàn thanh tra hơn.

Khi tướng Schindler nheo mắt dưới ánh đèn pin nhìn dãy máy ép và tiện ở xưởng cơ khí, ba mươi ngàn cư dân Płaszów thấp thòm trên giường tầng chờ xem ông ta nói gì. Mặc dù tuyến *Ostbahn* đang quá tải, họ biết công nghệ hiện đại của Auschwitz chỉ cách họ một chặng đường vài tiếng về phía Tây. Họ biết mình không thể chờ đợi lòng nhân từ từ tướng Schindler. Chuyên môn của ông ta là sản xuất. Với ông ta, sản xuất là giá trị tối thượng.

Người ta kể rằng, nhờ bữa tối của Schindler và sự cố mất điện, cư dân Płaszów đã thoát nạn. Nói vậy kể cũng hơi ngoa, vì trên thực tế chỉ có một phần mười dân số Płaszów sống sót. Nhưng Stern và mọi người vẫn ghi nhớ chuyện này, và có lẽ phần lớn chi tiết là thật. Oskar luôn viện đến rượu khi không biết phải tiếp đãi các quan chức ra sao, và ông hẳn cũng khoái chiêu tắt đèn nhà ngói như nhà tranh ấy. “Ta phải nhớ rằng.” một chàng trai về sau được Oskar cứu sống nói, “Oskar vừa có chất Đức vừa có máu Czech. Ông là Anh lính Schweik tốt bụng⁽⁶¹⁾. Rất thích chơi xấu chế độ.”

Sẽ là khiêm lễ với truyền kỳ này, nếu ta hỏi viên Commandant khắc nghiệt nghĩ gì khi mất điện. Rất có thể, thậm chí trên bình diện thực tế, gã đang say hoặc ăn tối ở đâu đó. Câu hỏi là liệu Płaszów tồn tại bởi tướng Schindler mờ mắt dưới ánh đèn tù mù và hơi men, hay nhờ vị trí lý tưởng của một ga trung chuyển vào giai đoạn bế tắc cuối cùng tại Auschwitz-Birkenau đang quá tải. Nhưng điều nổi bật nhất ở đây không phải là một Płaszów kinh hoàng, hoặc kết cục tối hậu của phần lớn cư dân nơi này, mà là sự kỳ vọng họ dành cho Oskar.

*

Trong khi SS và Tổng cục Quân giới đang cân nhắc tương lai của Płaszów, Josef Bau - một nghệ sĩ trẻ từ Cracow, người về sau Oskar biết rất rõ - đang ôm ấp mối tình lộ liễu và vô điều kiện với một cô gái tên gọi Rebecca Tannenbaum. Bau được giao vẽ phác thảo ở Phòng Xây dựng. Anh là một chàng trai nghiêm nghị, với nhận thức về số phận của một nghệ sĩ. Có thể nói rằng anh đã trốn vào Płaszów, vì chưa bao giờ anh có giấy tờ hợp lệ của ghetto. Do không biết nghe gì hữu ích ở các nhà máy của ghetto, anh sống sót nhờ mẹ và bạn bè che giấu. Trong chiến dịch giải thể ghetto tháng

Ba năm 1943, anh thoát khỏi nơi ầm náu và lẫn vào một đoàn lao động đi vào Płaszów. Bởi ở đây có một ngành mới, trước kia không có chỗ ở ghetto. Xây dựng. Chính trong tòa nhà hai chái ảm đạm nơi có văn phòng của Amon, Josef Bau gõ lưng trên bản vẽ. Anh là đệ tử của Itzhak Stern và từng được ông giới thiệu với Oskar như một thợ phác thảo lành nghề và sở hữu, chí ít là dưới dạng tiềm năng, kỹ năng làm giả giấy tờ.

Anh có may mắn là ít phải chạm mặt Amon, vì ở anh toát ra một vẻ nhạy cảm thực thụ, điều cho đến nay vẫn luôn khiến gã tìm đến cây súng. Phòng làm việc của Bau và Amon nằm ở hai đầu tòa nhà. Một số tù nhân làm việc tại tầng trệt, gần chỗ viên Commandant. Họ là nhân viên mua sắm; thư ký; Mietek Pemper, tốc ký viên. Họ phải đối mặt hằng ngày không chỉ với nguy cơ ăn một viên đạn bất ngờ, mà còn chịu sự đả kích thường xuyên hơn vào ý thức về lòng phần nộ. Chẳng hạn như Mundek Korn, trước chiến tranh là nhân viên mua sắm ở một chuỗi công ty con của nhà Rothschild, nay là người mua vải vóc, cỏ biển, gỗ phiến, sắt cho các xưởng tù, không những phải làm việc tại Tòa nhà Quản trị, mà còn cùng cánh với văn phòng của Amon. Một sáng, Korn từ bàn làm việc nhìn lên và thấy, qua cửa sổ, bên kia phố Jerozolimska và cạnh trại lính SS, một cậu trai quăng hai mươi, người quen của ông ở Cracow, đang tiểu tiện vào một chồng gỗ phiến. Cùng lúc ông thấy hai cánh tay mặc sơ mi trắng xuất hiện từ cửa sổ phòng tắm cuối tòa nhà. Bàn tay phải cầm súng. Hai phát đạn đánh gọn vang lên, ít nhất một viên cắm vào gáy cậu trai và đẩy cậu ngã sấp lên đồng gỗ. Nhìn lại ô cửa sổ lần nữa, Korn thấy một cánh tay mặc sơ mi trắng đang từ từ khép cửa vào.

Trên bàn Korn sáng hôm đấy là một xấp đơn đặt hàng với bút tích viết ngoáy toàn nguyên âm mở⁽⁶²⁾ song vẫn đọc được của Amon. Ánh mắt ông lạc từ chữ ký ấy sang cái xác chưa kịp cài khuy quần gục trên đồng gỗ. Không những ông bàng hoàng tự hỏi có phải mình vừa thấy điều mình vừa thấy. Mà ông còn cảm thấy tư tưởng mê hoặc cố hữu trong hành vi của Amon. Ấy là sự căm dỗ chấp nhận thực tế rằng nếu sát nhân cũng chẳng khác gì vào nhà tắm, cũng chỉ như một xung động giữa sự buồn tẻ của việc ký mẫu đơn, thì có lẽ

ta nên xem mọi cái chết - dù tuyệt vọng thế nào - như chuyện thường ngày.

Có vẻ Josef Bau vẫn may mắn chưa rơi vào cảnh bị thuyết phục một cách khốc liệt như thế. Anh còn thoát được cảnh phải chứng kiến vụ thanh trừng nhân viên hành chính dưới tầng trệt. Tất cả bắt đầu khi Josef Neuschel, đệ tử của Goeth, tố với viên Commandant rằng một cô gái trong văn phòng kiếm được một dẻ thịt hun khói. Amon điên cuồng bổ xuống. “Chúng mày đang béo ra!” gã gầm lên. Rồi gã chia tất cả nhân viên thành hai hàng. Cảnh tượng ấy, với Korn, như ở trường trung học Podgórze: các cô gái đứng trong hàng bên kia rất đỗi thân quen với ông, con gái của những nhà ông biết từ khi còn bé, những gia đình ở Podgórze. Như thể giáo viên vừa chia họ làm hai hàng, hàng này đi thăm tượng đài Kosciuszko, hàng kia đến bảo tàng bên Wawel. Kỳ thực, các cô gái ở hàng kia sẽ bị đưa thẳng từ bàn làm việc đến Chujowa Górka và, vì sự suy đồi mang tên một dẻ thịt hun khói, bị xử tử bởi một trong các đội hành quyết của Pilarzik.

Dù Josef Bau không dự phần vào những thảm kịch chốn văn phòng ấy, chẳng ai có thể nói rằng anh sống cuộc đời được bảo bọc ở Płaszów. Nhưng nó vẫn ít hiểm nguy hơn ý trung nhân của anh. Rebecca Tannenbaum là một cô bé mồ côi, dù trong cộng đồng Do Thái nặng tình máu mủ ở Cracow, cô không thiếu những ông bác bà dì tốt bụng. Cô mười chín, gương mặt ưa nhìn, thân hình gọn ghẽ. Cô nói thạo tiếng Đức và có nét chuyện trò nhã nhặn, ôn nhu. Gần đây cô bắt đầu làm việc trong văn phòng của Stern sau Tòa nhà Quản trị, tức là ngoài vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những cơn điên của viên Commandant. Song công việc tại Phòng Xây dựng chỉ là phân nửa chức trách của cô. Cô là thợ sửa móng tay. Hằng tuần cô phải săn sóc Amon; cô phải chăm lo đôi tay của *Untersturmführer* Leo John, của bác sĩ Blancke lẫn nhân tình, ả Alice Orlowski cay nghiệt. Cảm bàn tay Amon, cô thấy chúng thon dài và cân đối, ngón tay búp măng - tuyệt không phải tay một người béo phì; càng không phải một kẻ man rợ.

Lần đầu tiên khi một bạn tù đến tìm cô và bảo Herr Commandant cho gọi cô, cô đã cầm đầu bỏ chạy qua những dãy bàn, xuống cầu

thang. Người tù nọ vừa đuổi theo vừa kêu, “Lạy Chúa, đừng mà! Cô mà không đi thì tôi chết với hấn mất.”

Thế là cô theo anh về biệt thự của Goeth. Nhưng trước khi vào phòng khách, cô rẽ vào căn hầm hôi hám - tại dinh cơ đầu tiên của Goeth, được đào ăn vào một nghĩa trang Do Thái cổ. Dưới tầng đất nghĩa trang này Helen Hirsch bạn cô đang săn sóc những vết bầm. Cậu phiền phức rồi, Helen công nhận. Thôi cứ làm xem sao. Cũng chả còn cách nào. Có người hấn vừa lòng vì tác phong chuyên nghiệp, có người lại không. Và khi nào cậu đến tớ sẽ cho cậu bánh và xúc xích. Nhưng đừng tự tiện lấy thức ăn; nhớ hỏi tớ trước. Có những người lấy mà không hỏi, về sau tớ chẳng biết lấy gì mà bù vào.

Amon chấp nhận tác phong chuyên nghiệp của Rebecca, chìa tay ra và nói chuyện bằng tiếng Đức. Tưởng như đây lại là khách sạn Cracovia, và Amon là tay tài phiệt người Đức trẻ trung béo tốt, sơ mi hồ cứng, đến Cracow bán vải vóc, sắt thép hoặc hóa chất. Tuy nhiên, có hai yếu tố làm giảm giá trị của không khí thân mật xa xưa ở những lần hội ngộ này. Viên Commandant luôn kê khẩu súng ngắn ổ quay dưới khuỷu tay, và một trong hai con chó thường xuyên ngủ trong phòng khách. Cô đã chứng kiến cảnh chúng, trên *Appellplatz*, cắn xé kỹ sư Karp. Nhưng có đôi lúc, khi lũ chó khịt khịt trong giấc ngủ, còn cô và Amon trao đổi hồi ức về những lần nghỉ dưỡng ở suối nước khoáng Carlsbad trước chiến tranh, những nỗi kinh hoàng vào giờ điểm danh bỗng xa xôi đến hoang đường. Một ngày, cô thấy đủ tự tin để hỏi vì sao gã luôn giữ khẩu súng dưới khuỷu tay. Cậu trả lời làm cô, đang cúi đầu tỉa tóc tay gã, lạnh buốt sống lưng. “Để nhớ cô cắt vào tay ta,” gã nói.

Nếu có bao giờ cần bằng chứng rằng với Amon tán gẫu về suối khoáng cũng chẳng khác gì một hành động điên cuồng, cô sẽ nhận được nó cái lần cô vào sảnh và thấy gã nắm tóc Helen Hirsch lôi ra từ phòng khách - Helen cố giữ thẳng bằng và giữ mái tóc nâu đỏ khỏi đứt tận chân; còn Amon, nếu có tuột tay giây lát thì cũng siết lại ngay bằng bàn tay đồ sộ được săn sóc kỹ càng. Vào buổi tối cô sẽ có thêm bằng chứng khi bước vào phòng khách và một con chó - Rolf hoặc Ralf - xuất hiện, lao bổ vào cô, đè cô xuống và chực tấp

vào ngực cô. Cô nhìn quanh và thấy Amon nằm ườn trên sofa, cười cợt. “Đừng có run, đồ ngốc,” gã nói, “không thì ta cũng chả cứu nổi cô đâu.”

Trong giai đoạn cô chăm sóc viên Commandant, gã sẽ bắt cậu bé đánh giày vì làm ăn tắc trách; treo cổ cậu cần vụ mười lăm tuổi, Poldek Deresiewicz, lên vòng sắt ở phòng làm việc do chó của gã có một con rận; xử tử cậu đầy tớ Lisiek vì cho Bosch mượn xe ngựa mà không xin phép. Thế nhưng hai lần một tuần, cô bé mỗ côi xinh đẹp vẫn đến phòng khách và bình thản đón nhận bàn tay con quái vật.

Cô gặp Josef Bau một sớm ảm đạm khi anh đứng ngoài *Bauleitung*, giờ bản vẽ lên dưới một bóng mây thu la đà. Thân hình mảnh khảnh của anh như trĩu xuống dưới sức nặng của cái khung. Cô hỏi anh có cần giúp không. “Không,” anh đáp. “Tôi chỉ đang chờ ánh nắng thôi.” “Tại sao?” Cô hỏi. Anh giải thích rằng bản vẽ tòa nhà mới trên giấy trong suốt được ép trong khung, chồng lên một lớp giấy xanh nhạy sáng. Nếu ánh nắng mạnh hơn, anh nói, một phản ứng hóa học huyền bí sẽ chuyển bản vẽ từ lớp giấy trong suốt sang lớp giấy xanh. Rồi anh tiếp, “Sao em không làm tia nắng diệu kỳ của tôi nhỉ?”

Ở Płaszów, các thiếu nữ không quen được con trai mơn trớn. Ở đây, tính dục chịu sức ép khắc nghiệt của những tràng súng trên Chujowa Górka, bãi hành quyết trên *Appellplatz*. Hãy tưởng tượng một ngày, khi nhóm công nhân từ nhà máy cáp trên Wieliczka trở về bị phát hiện giấu theo một con gà. Amon quát tháo ở *Appellplatz*, do lính gác khi lục soát ngẫu nhiên đã phát hiện ra con gà giấu trong túi vút trước cổng trại. Túi đấy của ai? Amon tra khảo. Gà của ai? Vì không ai ở *Appellplatz* chịu khai gì, Amon giằng súng trường của một tên lính và bắn người tù đứng đầu hàng. Đạn xuyên qua anh ta, hạ gục cả người đứng sau. Vẫn không ai khai gì. “Các người yêu nhau quá nhỉ!” Amon gầm lên, chuẩn bị bắn người tiếp theo. Một cậu bé mười bốn bước ra khỏi hàng. Cậu vừa run vừa khóc. Cậu biết ai mang con gà về, cậu bảo viên Commandant. “Ai nào?”

Câu trở một trong hai người chết. “Anh này!” cậu thốt. Amon khiến cả *Appellplatz* bất ngờ khi tin lời cậu bé, ngựa đầu ra sau với nụ

cười hoài nghi ưa thích của giáo viên dành cho học trò. *Cái giống người này... chẳng lẽ đến giờ chúng chưa hiểu tại sao tất cả lại bị trừng phạt?*

Sau một tối như thế, trong giờ sinh hoạt tự do từ bảy đến chín giờ, hầu hết tù nhân cảm thấy không có thời gian mà thư thả tán tỉnh nhau. Rận giày vò nơi háng và nách họ như chế nhạo những nghi thức yêu đương. Nam thanh thần nhiên đề nữ tú. Trong trại nữ, họ hát bài ca hỏi tại sao cô gái đồng trinh lại mua dây buộc mình, định giữ cái ngàn vàng để cho ai?

Tình hình ở Emalia không bị đất đến thế. Những hốc riêng tư được bố trí giữa dãy máy móc trong xưởng tráng men, để các đôi tình nhân bên nhau được lâu hơn. Sự phân biệt tại khu lán đông đúc này chỉ trên lý thuyết. Văng nổi sợ hãi thường trực và khẩu phần bánh mì đầy đặn giúp họ đỡ yêu cuồng sống vội hơn. Chưa kể Oskar vẫn kiên quyết không cho lính SS tự tiện vào trong trại.

Một người tù kể rằng, Oskar cho lắp hệ thống báo động để đề phòng có sĩ quan SS đòi vào trong trại. Khi tên SS đang trên đường vào, Oskar chỉ cần nhấn nút nối với chuông báo động dưới trại. Bà con trước tiên sẽ dập hết thuốc lá lậu họ nhận mỗi ngày từ Oskar. (“Chạy lên nhà,” hầu như ngày nào ông cũng bảo một tù nhân như vậy, “lấy thuốc đầy cái hộp này cho tôi.” Và nháy mắt đầy lộ liễu.) Và tiếng chuông còn đánh động để tù nhân nhanh chóng trở về giường họ.

Thế nên Rebecca gần như choáng váng, như hồi tưởng lại một nét văn hóa đã tiêu vong, khi gặp giữa Płaszów một chàng trai buông lời ong bướm như thể gặp cô tại một tiệm bánh trên Rynek.

Một sớm khác, khi cô từ văn phòng của Stern đi xuống, *Josepf* dắt cô vào xem bàn làm việc của anh. Anh đang vẽ thêm lán mới. Em ở lán mấy, và *Alteste*⁽⁶³⁾ ở lán em là ai? Cô trả lời anh với vẻ ngần ngại đúng phép. Cô từng chứng kiến Helen Hirsch bị nắm tóc lôi dọc hành lang, và cô sẽ chết nếu nhỡ cắt vào đầu ngón tay Amon. Thế nhưng chàng trai này đã cho cô lại được e lệ, được làm con gái. Anh sẽ nói chuyện với mẹ em, Josef hứa. Em không còn mẹ, Rebecca đáp. Thế thì anh sẽ thừa chuyện với *Alteste*.

Họ bắt đầu tìm hiểu nhau như thế - sau khi xin phép trưởng bối, và như thể trong tay có bất tận không gian và vô tận thời gian⁽⁶⁴⁾. Vì anh là bậc quân tử một niềm thủ lễ, họ không hôn nhau. Lần đầu họ ôm nhau thật sự chính là dưới mái nhà Amon. Đó là sau một buổi cắt tỉa móng tay. Rebecca xin Helen nước nóng và xà phòng rồi trốn lên tầng trên cùng, đang bỏ trống chờ cải tạo, để giặt áo khoác và đồ lót. Chậu giặt của cô là cái cặp lồng. Ngày mai cô sẽ cần đến nó để đựng xúp.

Cô đang mài miết với cái xô nhỏ đầy bọt xà phòng thì Josef xuất hiện. Sao anh lại ở đây? cô hỏi. Anh lên đo phòng ốc để làm bản vẽ chuẩn bị cải tạo, anh đáp. Còn em, sao lại lên đây? Anh thấy rồi còn gì. Mà anh nói khẽ thôi.

Anh phát phờ lợn quanh phòng, xập xòe cuộn thước đo tường và phào. Anh làm cẩn thận vào, cô quờ, lo lắng vì biết tính ưa chính xác của Amon.

Nhân tiện ở đây, anh bảo, để anh đo em luôn thể. Anh chạy thước dọc tay cô, đi từ gáy xuống thắt lưng cô. Cô không cưỡng lại khi ngón tay anh chạm vào cô, đánh dấu từng số đo của cô. Nhưng khi đã ôm nhau trọn vẹn được một lúc, cô giục anh đi. Đây không phải chỗ cho một buổi chiều lười biếng.

Tại Płaszów còn nhiều cuộc tình tuyệt vọng khác, của cả SS, nhưng tất cả đều kém bẽ tươi sáng, nếu so với mối tình hết sức chuẩn mực giữa Josef Bau với cô gái sửa móng tay. Chẳng hạn, *Oberscharführer* Albert Hujar, kẻ hạ sát bác sĩ Rosalia Blau ở ghetto và Diana Reiter trong vụ sập móng trại lính, cũng phải lòng một nữ tù Do Thái. Con gái Madritsch đem lòng yêu một cậu trai Do Thái ở ghetto Tarnow - tất nhiên, cậu làm việc cho nhà máy của Madritsch ở đây cho đến khi chuyên gia giải thể ghetto Amon được điều đến vào cuối hè để đóng cửa Tarnow như gã từng làm với Cracow. Giờ cậu đã chuyển sang nhà máy của Madritsch trong Płaszów; cô gái có thể đến đây thăm cậu. Nhưng chuyện của họ không có tương lai. Tù nhân cũng có chỗ cho các đôi tình nhân và vợ chồng gặp gỡ. Nhưng tất cả - luật lệ của Đế chế lẫn quy tắc kỳ lạ của tù nhân - đều ngăn trở cuộc tình giữa Fraulein Madritsch và chàng trai trẻ. Tương tự, Raimund Titsch trung hậu cũng đã phải lòng một nữ thợ máy.

Đây cũng là một cuộc tình ôn nhu, thầm kín và khó bề trọn vẹn. Còn về phần *Oberscharführer* Hujar, đích thân Amon đã lệnh cho gã chấm dứt trò hề ấy. Vậy là Albert đưa cô gái đi dạo trong rừng, và trong niềm hồi tiếc đầy trù mến, dành cho cô một viên đạn vào sau gáy.

Thần chết dường như luôn lơ lửng quanh những mối tình SS. Henry Rosner, nghệ sĩ violin, và em trai Leopold, nghệ sĩ accordion, rải rắc những giai điệu thành Vienna quanh bàn ăn tối của Goeth, biết rõ điều ấy. Tối nọ, một sĩ quan *Waffen* SS cao gầy tóc hoa râm đến ăn tối ở nhà Amon, và sau khi uống khá rượu, liên tục đòi anh em Rosner chơi nhạc phẩm Hungary “Chủ nhật buồn”. Bài ca là sự tuôn trào cảm xúc của một chàng trai sắp tự tử vì tình. Cảm xúc cực đoan ấy chính là thứ, Henry để ý thấy, lôi cuốn lính SS mỗi lúc nghỉ ngơi. Kỳ thực, từ những năm ba mươi, bài hát đã gặp nhiều tai tiếng - chính quyền Hungary, Ba Lan và Czechoslovakia xem xét cấm phổ biến bởi xem nó là căn nguyên của một làn sóng tự tử vì thất tình. Thanh niên đôi khi vẫn trích lời bài hát trong thư tuyệt mệnh trước khi gí súng vào đầu và bóp cò. Từ lâu, nó đã bị Phòng Tuyên truyền của Đế chế cấm lưu hành. Giờ đây, vị khách cao lớn, lịch lãm nọ, con cái nếu có cũng đến tuổi thiếu niên và cũng đang ngầy ngất trong thứ tình yêu mới lớn, liên tục đề nghị anh em nhà Rosner chơi bài “Chủ nhật buồn”. Và dù điều này bị tiến sĩ Goebbels nghiêm cấm, chẳng ai ở miền Nam Ba Lan xa xôi này lại định tranh cãi với một sĩ quan SS ôm hồi ức đau thương về một cuộc tình.

Sau khi vị khách yêu cầu bài hát bốn năm lần, một ý tưởng kỳ dị chiếm lĩnh đầu óc Henry. Trong nguồn gốc nguyên thủy của nó, âm nhạc luôn có ma thuật. Và không ai ở châu Âu hiểu rõ quyền năng của vĩ cầm hơn một nghệ sĩ Do Thái Cracow như Henry, người xuất thân từ một gia tộc nơi âm nhạc là sản phẩm của di truyền hơn là giáo dục, cũng như vị trí *cohen*, hay giáo sĩ truyền thừa. Khi ấy Henry chợt nhận ra, và như sau này anh kể lại - “Lạy Chúa, ví thử ta có quyền năng, biết đâu thằng chó chết này sẽ tự sát.”

Bài hát cấm kỵ đã trở nên hợp pháp trong phòng ăn của Amon sau nhiều lần trình diễn; và nay Henry tuyên chiến với nó, Leopold song tấu cùng anh, vững dạ vì ánh mắt u uẩn gần như cảm kích

viên sĩ quan đẹp trai dành cho họ. Henry toát mồ hôi, cảm thấy việc mình còn cựa tên SS đến với cái chết quá đổi lộ liễu và bất kỳ lúc nào Amon cũng có thể phát hiện và lôi anh ra ngoài hành quyết. Về màn trình diễn của Henry, ta không nên hỏi anh chơi hay hay dở. Anh chơi như lên đồng. Có duy nhất một người, viên sĩ quan, là nhận thấy, hưởng ứng, và, giữa trận huyền não say sưa của Bosch và Scherner, Czurda và Amon, tiếp tục từ chỗ mình nhìn thẳng vào mắt Henry, như sẽ bật dậy bất kỳ lúc nào và nói, “Tất nhiên, thưa quý vị. Anh bạn nhạc công violin hoàn toàn đúng. Không lý gì ta phải chịu đựng mãi nỗi đau này.”

Anh em Rosner tiếp tục lặp lại bài hát đến độ Amon ngày thường sẽ phải quát lên, “Đủ rồi!” Rốt cuộc vị khách đứng dậy bỏ ra ban công. Henry biết mình đã làm xong tất cả những gì có thể. Họ chuyển sang chơi von Suppé và Lehar, xóa dấu vết bằng một khúc operetta nồng đậm. Vị khách vẫn đứng một mình ngoài ban công và nửa giờ sau làm gián đoạn cuộc vui bằng cách tự bắn vào đầu mình.

Tình dục ở Płaszów là thế. Chảy rận và hôi hả bên trong rào thép gai; chết chóc và điên dại rình mò lân cận. Giữa khung cảnh ấy, Josef Bau và Rebecca Tannenbaum theo đuổi điệu nghi vũ của ái tình.

*

Mùa tuyết năm ấy Płaszów trải qua một thay đổi về danh phận ảnh hưởng tới mọi cặp tình nhân sau hàng rào. Vào đầu tháng Một năm 1944, nơi này được biên chế thành *Konzentrationslager* (Trại Tập trung) dưới quyền Văn phòng Hành chính và Kinh tế SS của tướng Oswald Pohl ở Oranienburg, ngoại ô Berlin. Các trại con của Płaszów - như Emalia của Schindler - nay cũng do Oranienburg quản lý. Các trùm cảnh sát, Scherner và Czurda, mất quyền điều hành trực tiếp. Lệ phí thuê lao động tù nhân của Oskar và Madritsch không nộp cho phố Pomorska nữa, mà đi lên văn phòng của tướng Richard Glücks, Cục trưởng Cục D (phụ trách trại tập trung) của Pohl. Nếu muốn được ưu ái, giờ Oskar không chỉ phải đến Płaszów phỉnh phờ Amon, không chỉ phải khoản đãi Julian Scherner, mà còn

phải tiếp cận một số nhân vật trong bộ máy hành chính đồ sộ của Oranienburg.

Oskar sớm tranh thủ cơ hội lên Berlin gặp gỡ những người sẽ phụ trách hồ sơ của ông. Khởi đầu Oranienburg cũng là trại tập trung. Giờ nó đã bành trướng ra thành một chuỗi doanh trại hành chính. Văn phòng Cục D điều phối mọi mặt đời sống và cái chết của tù nhân. Cục trưởng, Richard Glücks, còn chịu trách nhiệm, trên cơ sở tham khảo Pohl, xác lập sự cân bằng giữa số lao động với ứng viên cho phòng hơi ngạt, cho phương trình với X là số lao động khổ sai còn Y là số người đoản mệnh hơn.

Glücks thiết lập quy trình cho mọi tình huống, và từ chỗ y trút xuống cơn mưa chỉ thị soạn thảo bằng bộ từ vựng gây tê liệt của người lên kế hoạch, kẻ nhào nặn văn bản, tay chuyên gia khách quan.

Văn phòng Hành chính và Kinh tế SS

Cục trưởng

Cục D (Trại tập trung)

D1-AZ: 14fl-Ot-S

GEH TGB NO 453-44

Gửi Commandant của các Trại tập trung

Da, Sah, Bu, Mau, Slo, Neu, Au I-III,

Gr-Ro, Natz, Stu, Rav, Herz, A-L-Bels,

Gruppenl. D. Riga, Gruppenl. D. Cracow (Płaszów).

Số tờ trình của các Commandant kiến nghị phạt roi với các vụ phá hoại của tù nhân trong các ngành sản xuất phục vụ chiến tranh đang gia tăng.

Tôi đề nghị thời gian tới với mọi vụ phá hoại có chứng cứ rõ ràng (có báo cáo của ban quản lý gửi kèm), trại phải kiến nghị án tử hình treo cổ. Án tử hình phải được thực thi trước sự chứng kiến của toàn bộ thành viên tổ, nhóm lao động liên quan. Lý do tử hình phải được công khai nhằm mục đích răn đe.

(đã ký)

Obersturmführer SS

Tại tòa pháp đình đáng sợ này, có văn bản quy định tóc tù nhân dài bao nhiêu thì được xem là có giá trị kinh tế để “sản xuất bút tất sợi tóc cho thủy thủ tàu ngầm và ủng lót nỉ tóc cho ngành đường sắt”, lần văn bản lập luận xem mỗi trường hợp tử vong có cần tám cơ quan khác nhau lập tờ khai hay chỉ cần một thông báo để đính vào hồ sơ cá nhân ngay sau khi cập nhất thẻ chỉ mục.

Herr Oskar Schindler từ Cracow đến nơi này để trao đổi về cơ sở công nghiệp nhỏ bé của mình ở Zablocie. Một nhân vật tầm trung, một cán bộ nhân sự mang hàm sĩ quan, được giao xử lý trường hợp của ông.

Oskar không lấy thế làm phiền. Có nhiều công ty sử dụng tù nhân Do Thái còn lớn hơn ông. Các đại gia như Krupp hay I. G. Farben. Nhà máy cáp tại Płaszów. Walter C. Toebbens, doanh nhân Warsaw, kẻ suýt bị Himmler tổng vào *Wehrmacht*, cũng thuê nhiều nhân công hơn Herr Schindler. Rồi các nhà máy luyện kim tại Stalowa Wola, các xưởng máy bay ở Budzyn và Zakopane, các cơ sở của Steyr-Daimler-Puch bên Radom.

Hồ sơ về Emalia nằm trên bàn của tay cán bộ nhân sự. Tôi hy vọng, y nói cụt lủn, ông không định mở rộng quy mô trại. Làm vậy kiểu gì cũng gây ra dịch sốt phát ban.

Oskar mau mắn bác bỏ ý tưởng đó. Điều ông quan tâm là tính ổn định lâu dài của nguồn nhân lực. Ông đã thảo luận việc này với một người bạn, đại tá Erich Lange. Cái tên, Oskar nhận thấy, đã tác động đến viên sĩ quan. Oskar đưa ra một bức thư từ viên đại tá cho tay cán bộ đọc. Căn phòng chìm trong im lặng - chỉ có tiếng bút lết xẹt, tiếng giấy loạt xoạt, tiếng nói chuyện khẽ khàng, trịnh trọng vang lên ở các phòng bên, như thể chẳng ai biết nơi đây là cốt lõi của một mạng lưới những tiếng kêu gào.

Đại tá Lange là người có thể lực, Chánh văn phòng Tổng cục Quân giới thuộc Bộ Tổng tư lệnh ở Berlin. Oskar quen ông ta trong một bữa tiệc tại văn phòng tướng Schindler ở Cracow. Họ có cảm tình với nhau gần như ngay lập tức. Điều này vẫn hay xảy ra ở các bữa tiệc - hai cá nhân cảm nhận được hơi hướng phản kháng chế

độ của người kia và rút ra một góc thăm dò nhau trước khi xác lập tình bằng hữu.

Erich Lange thấy kinh hoàng trước những trại lao động ở Ba Lan - chẳng hạn các cơ sở của I. G. Farben, nơi đốc công áp dụng “nhịp điệu lao động” của SS và bắt tù nhân phải chạy khi bốc dỡ xi măng; nơi xác người chết đói, chết gục bị ném xuống hào chôn cất và phủ xi măng lên trên. “Các người đến đây không phải để sống mà để vui thây dưới bê tông,” một viên quản đốc tuyên bố với người mới đến. Lange nghe được chuyện này, và choáng váng.

Trước lá thư gửi Oranienburg, Lange đã gọi một số cuộc điện thoại, cả điện và thư đều nhằm thúc đẩy cùng một đề xuất: Herr Schindler, với những bộ đồ ăn cá nhân và đạn chống tăng 45 mm, được Cục đánh giá là có đóng góp tích cực cho cuộc đấu tranh sinh tồn của dân tộc. Ông đã xây dựng được một đội ngũ lao động lành nghề và không gì được phép làm gián đoạn công việc họ đang thực thi dưới sự giám sát của *Herr Direktor Schindler*.

Lá thư tác động mạnh đến tay cán bộ nhân sự. Y sẽ thành thực với Herr Schindler. Hiện không có kế hoạch thay đổi vị thế hay điều chỉnh dân số ở Zablocie. Tuy vậy, *Herr Direktor* phải hiểu rằng tình cảnh của dân Do Thái, kể cả lao động lành nghề trong ngành quân giới, luôn tiềm ẩn rủi ro. Đơn cử ngay các doanh nghiệp của SS. Ostindustrie sử dụng tù nhân cho xưởng than bùn, nhà máy bàn chải, cơ sở luyện kim ở Lublin, nhà máy thiết bị ở Radom, xưởng lông thú ở Trawniki. Trong khi đó các phân hiệu SS khác không ngừng bắn giết nhân lực, khiến Osti coi như sập tiệm toàn diện. Tương tự, các lò sát sinh không bao giờ giữ lại đủ tỉ lệ tù nhân cho các nhà máy. Đó chẳng qua là chuyện thường xuyên trao đổi thông tin, nhưng cái bọn ngoài thực địa ấy cứng đầu lắm. “Tất nhiên,” tay cán bộ nhân sự gõ gõ bức thư rồi nói, “tôi sẽ làm tất cả những gì có thể.”

“Tôi hiểu chứ.” Oskar nói và ngược nhìn tay cán bộ SS bằng nụ cười rạng rỡ quen thuộc. “Nếu có cách nào để tôi bày tỏ lòng biết ơn của mình...”

Sau cùng, Oskar rời Oranienburg với ít nhất vài lời đảm bảo rằng khu trại sân sau của ông ở Cracow sẽ tiếp tục tồn tại.

*

Vị thế mới của Płaszów tác động đến những đôi tình nhân qua sự ngăn cách mang tính trường giới giữa nam và nữ - theo đúng quy định trong một loạt chỉ thị từ Văn phòng Hành chính và Kinh tế. Hàng rào giữa trại nam và nữ, hàng rào ngoại vi, lẫn hàng rào quanh khu nhà xưởng đều dẫn điện. Hiệu điện thế, khoảng cách giữa các dây thép gai, số dây dẫn và trụ cách điện đều được quy định cụ thể. Amon và cộng sự nhanh chóng nhận ra công dụng răn đe của hệ thống này. Giờ đây chúng có thể bắt tù nhân đứng hai mươi bốn tiếng giữa lớp rào ngoài dẫn điện và lớp rào trong thông thường. Nếu lão đảo vì kiệt sức, họ biết sau lưng mình vài tấn là nguồn điện hàng trăm volt. Mundeck Korn đã ném mùi đứng giữa hành lang hẹp này một ngày đêm sau khi dẫn nhóm lao động của mình về trại khuyết mất một người.

Nhưng có lẽ đáng sợ hơn nguy cơ ngã vào hàng rào là việc dòng điện liên tục hoạt động từ khi hết phiên điểm danh tối đến tận giờ kèn báo sáng, như một hào nước giữa nam và nữ. Thời giờ gấp gáp đã rút lại chỉ còn vài phút lộn xộn ngắn ngủi trên *Appellplatz*, trước khi có lệnh xếp hàng. Mỗi đôi tình nhân tự chế ra một giai điệu, huýt lên, rồi căng tai tìm kiếm câu trả lời giữa một rừng tín hiệu. Rebecca và Josef cũng có một mật hiệu như thế. Quy định từ Văn phòng SS của tướng Pohl đã buộc tù nhân Płaszów phải áp dụng chiến thuật phối ngẫu của loài chim. Và cứ như thế, cuộc tình lễ mạo của Rebecca và Josef tiếp diễn.

Cho đến khi Josef kiếm được một chiếc váy của người đã chết từ kho quần áo. Sau khi điểm danh tại hàng tù nam, anh sẽ lên vào nhà vệ sinh, mặc váy và trùm chiếc mũ bonnet lên đầu. Rồi anh nhập vào hàng tù nữ. Mái tóc ngắn sẽ chẳng khiến tên lính SS nào chú ý, vì phần lớn phụ nữ đều xén tóc ngắn cho khỏi chấy. Vậy là, cùng với hơn 13.000 nữ tù, anh lên vào trại nữ và bầu bạn với Rebecca suốt đêm tại lán số 57.

Tại lán Rebecca, các bà các mẹ tin lời Josef. Nếu anh muốn tìm hiểu cô theo phong tục cổ truyền, họ sẵn sàng đảm nhiệm vai trò truyền thống của các giám phụ. Bản thân Josef là một món quà đối với họ, cho họ sống lại những lễ nghi tiền chiến. Từ những chiếc giường bốn tầng, họ coi sóc đôi trẻ cho đến khi tất cả thiếp đi. Nếu có ai nghĩ bụng, thời buổi này cần gì phải câu nệ bọn trẻ làm gì lúc canh khuya, thì họ cũng không nói ra lời. Kỳ thực, hai phụ nữ lớn tuổi còn lên trên một tầng chật chội cho Josef có chỗ ngủ riêng. Sự bất tiện, mùi hôi lẫn nguy cơ lây chấy từ người nằm cạnh, trong ý thức tự tôn của họ những cái đó có hề gì nếu so với việc nam nữ tình tự phải được tuân thủ theo phong tục.

Tới cuối đông, Josef, tay đeo băng của Phòng Xây dựng, đi ra dải tuyết thanh khiết đến lạ kỳ nằm giữa lớp rào trong và làn rào ngoài dẫn điện, với cây thước trên tay và, dưới sự quan sát của lính gác trên tháp canh có mái, vờ như đang đo đạc mảnh đất hoang này cho việc xây dựng.

Dưới chân hàng cột bê tông chi chít trụ sứ cách điện, vừa trôi lên những bông hoa li ti đầu tiên của năm mới. Ve vầy cây thước thép, anh ngắt hoa nhét vào áo khoác. Anh ôm chùm hoa băng qua trại, lên phố Jerozolimska. Đúng lúc anh đi ngang qua biệt thự của Amon, ngực căng phòng hoa, thì Amon xuất hiện trên ngưỡng cửa, và lừng lững đi xuống. Dừng bước, đứng sững lại, là cách phản ứng tối nguy hiểm khi gặp Amon. Nhưng đã trót dừng chân, Josef như đóng băng ở đó. Anh ngỡ rằng trái tim anh vừa chân thành và nồng nhiệt hiến dâng cho nàng Rebecca mờ côi sắp trở thành một mục tiêu khác của Amon.

Nhưng khi Amon đi qua mặt anh, không để ý đến anh và không phản ứng khi thấy anh đứng đậy với cây thước vu vơ trên tay, Josef Bau kết luận đó là thiên ý. Không ai thoát khỏi Amon trừ phi đó là định mệnh. Có hôm Amon, chỉnh tề trong bộ đồ xạ thủ, bất ngờ xuống trại từ cổng sau và bắt gặp cô gái nhà Warrenhaupt thơ thẩn trong chiếc limousine dưới ga ra, ngắm mình qua gương chiếu hậu. Cửa kính xe cô phải lau chùi vẫn chưa hết ố. Gã đã giết cô vì tội ấy. Rồi hai mẹ con bị gã bắt gặp qua cửa sổ bếp. Họ gọt khoai tây quá chậm. Gã nhòai người qua bậu cửa và bắn cả hai. Lần này, trước

cửa nhà gã là một kẻ gã thù ghét, một tên thợ vẽ Do Thái đang yêu, tay đu đưa cây thước thép. Nhưng gã bỏ qua. Bau cảm thấy cơn thôi thúc phải xác thực vận may phi thường này bằng một hành động dứt khoát. Hôn nhân, dĩ nhiên, là hành động dứt khoát hơn cả.

Anh quay lại tòa nhà quản trị, leo lên văn phòng của Stern tìm Rebecca và cầu hôn cô. Rebecca hoan hỉ lẫn âu lo khi thấy vẻ gấp gáp xuất hiện trong cuộc tình của họ.

Tối hôm ấy, lại trong chiếc váy của người chết, anh lại đến gặp mẹ và hội đồng giám phụ ở Lán 57. Họ chỉ đợi một giáo sĩ xuất hiện. Nhưng nếu có giáo sĩ nhập trại, họ cũng chỉ lưu lại vài ngày, trước khi lên đường đến Auschwitz - khiến những ai muốn họ hành lễ *kiddushin* và *nissutin* cũng không kịp tìm gặp, để yêu cầu họ, trước khi bước vào lò thiêu, thực hiện lần cuối vai trò giáo sĩ của mình.

Josef thành hôn với Rebecca vào một đêm Chủ nhật tháng Hai rét tê người. Không có giáo sĩ. Bà Bau mẹ Josef hành lễ cho họ. Là tín đồ Cải cách, họ không cần tới bản *ketubah*⁽⁶⁵⁾ viết bằng tiếng Aramaic. Ai đó ở xưởng của bác thợ kim hoàn Wulkan đã đánh cho họ một đôi nhẫn từ chiếc thìa bạc bà Bau giấu trên xà nhà. Rebecca lượn quanh Josef bảy lần còn Josef lấy chân giẫm nát thủy tinh - một cái bóng đèn cháy lấy từ Phòng Xây dựng.

Tân lang và tân nương được ưu tiên một giường ở tầng trên cùng. Bà con lấy chăn làm rèm để họ được riêng tư. Đôi trẻ trèo lên giường trong bóng tối, khi quanh họ rộ lên những câu đùa thô tục. Trong các đám cưới ở Ba Lan, luôn có một khoảng thời gian tạm đình khi ái tình trần tục được phép lên tiếng. Nếu quan khách không muốn tự mình nói những lời bốn cột, họ có thể thuê một anh hề đám cưới. Những người phụ nữ hồi thập niên hai mươi ba mươi còn nhúu mày trước anh hề chột nhả và đám đàn ông cười hô hố, họa hoàn mới cho phép bản thân, trên tư cách phụ nữ trưởng thành, được cười vui đôi chút, đêm nay đã thế vai mọi anh hề đám cưới vắng mặt hay đã chết của miền Nam Ba Lan.

Josef và Rebecca bên nhau chưa được mười phút thì đèn trong trại bật sáng. Nhìn qua tấm chăn, Josef thấy *Untersturmführer* Scheidt đi tuần dọc lối đi. Trong Josef ngập tràn nỗi khiếp sợ quen

thuộc về định mệnh. Chúng đã phát hiện ra anh vắng mặt, và cử một trong những kẻ đáng sợ nhất tới lòng sục lều của mẹ anh. Hôm đó Amon làm ngờ anh chỉ để hôm nay Scheidt, kẻ động tay là bắn, có cơ hội giết anh đúng đêm tân hôn!

Anh biết rằng cả nhóm phụ nữ sẽ bị liên lụy - mẹ anh, vợ anh, các nhân chứng, tác giả những câu đùa tình quái nhất. Anh lằm rằm xin lỗi và xin họ tha thứ. Rebecca bảo anh yên lặng. Cô hạ tấm rèm chân xuống. Đêm thế này, cô đoán, Scheidt sẽ không leo lên tầng trên cùng trừ phi có gì khả nghi. Các bà giường dưới chuyển vài chiếc gối rơm nhỏ lên cho cô. Có thể Josef là người đạo diễn cuộc tìm hiểu này, nhưng giờ anh chính là đứa bé cần được che giấu. Rebecca đẩy anh vào sâu trong góc giường rồi lấy gối phủ lên. Cô dõi theo Scheidt đi qua bên dưới và rời lán bằng cửa sau. Đèn tắt. Sau tràng chọc ghẹo nhả nhót cuối cùng, sự riêng tư được trả lại cho đôi trẻ.

Mới vài phút, còi báo động rú lên. Tất cả ngồi dậy trong bóng tối. Với Bau, như thế nghĩa là chúng quyết tâm hủy hoại cuộc hôn nhân trang trọng này. Chúng đã phát hiện ra giường anh trống không và quyết lòng anh bằng được.

Giữa lối đi tối tăm, đám phụ nữ đang hoang mang. Họ đều hiểu cả. Từ trên giường anh nghe thấy cả. Tình yêu truyền thống của anh sắp làm họ toi mạng. Alteste của lán này, người đã rất tạo điều kiện cho họ, sẽ bị bắn trước tiên, một khi chúng bật đèn và tóm được chú rể giữa mớ quần áo rách của đàn bà.

Josef Bau vợ vội quần áo. Anh hôn tân nương một cách chiếu lệ, tụt xuống sàn, rồi chạy khỏi lán. Trong bóng tối bên ngoài, tiếng còi báo động như xuyên thấu người anh. Anh chạy trên tuyết bản, áo khoác và tấm váy cũ cuộn lại dưới nách. Khi đèn chiếu tới, tháp canh sẽ phát hiện ra anh. Nhưng anh có ý tưởng điên rồ là mình sẽ nhanh hơn ánh đèn, thậm chí sẽ vượt được rào nhân lúc dòng điện đổi chiều. Một khi về đến trại nam, anh có thể bịa chuyện bị ỉa chảy, đi vệ sinh và bị ngất, đến khi có còi báo động mới tỉnh lại.

Kể cả có bị điện giật, Josef tự nhủ khi chạy hết tốc lực, anh cũng không thể khai ra mình sang trại nữ gặp ai. Cắm đầu lao tới hàng

rào tử thần, anh đâu biết rằng kịch bản như trong lớp học sẽ diễn ra trên *Appellplatz*, và Rebecca sẽ, kiểu gì cũng vậy, buộc phải bước lên.

Hàng rào giữa trại tù nam và nữ ở Płaszów có chín dây dẫn điện. Josef Bau phóng người lên cao để chân đạp vào dây thứ ba, còn tay khi vươn ra có thể bám vào dây thứ hai từ trên xuống. Anh hình dung ra mình leo qua rào nhanh như chuột. Trên thực tế, anh hạ cánh giữa lưới dây và lơ lửng trên đó. Anh cứ ngỡ cái lạnh của kim loại trên tay là tín hiệu đầu tiên của dòng điện. Nhưng chẳng có dòng điện nào. Và không có ánh đèn. Căng người trên hàng rào, Josef Bau không cố suy đoán xem tại sao không có điện. Anh leo lên đỉnh và nhảy sang trại nam. Mình có vợ rồi, anh tự nhủ. Anh lén vào nhà vệ sinh cạnh buồng giặt. “Tôi bị tiêu chảy dữ dội. Herr *Oberscharführer*.” Anh hỗn hển giữa mùi xú uế. Amon không thấy anh cái hôm hái hoa... đêm động phòng với sự kiên nhẫn bất ngờ, hai lần bị gián đoạn... Scheidt và còi báo động... đèn pha và rào điện hồng đột ngột - lão đảo, hào hển, anh tự hỏi mình có chịu nổi cuộc đời đầy rẫy mơ hồ này không. Như tất cả, anh muốn một sự cứu rỗi rõ ràng hơn.

Anh lò dò bóc ra, một trong những người cuối cùng đứng vào hàng. Anh run lẩy bẩy, song tin chắc *Alteste* sẽ bao che cho mình. “Vâng, Herr *Untersturmführer*, tôi đã cho phép *Häftling* Bau đi vệ sinh.”

Hóa ra chúng không tìm anh. Chúng tìm ba thanh niên Zionist, vừa tẩu thoát bằng cách trốn trên xe hàng của xưởng nệm, nơi sản xuất nệm cỏ biển cho *Wehrmacht*.

(61) Một nhân vật trào phúng nổi tiếng của văn học Czech đầu thế kỷ 20.

(62) Tên của Amon Goeth (tiếng Đức là Göth) toàn nguyên âm mở (a, o, ö).

(63) Người lớn tuổi, bậc trưởng lão.

(64) Lấy ý tứ từ câu đầu trong bài thơ “To His Coy Mistress” của Andrew Marvell.

(65) Bản hôn thú theo phong tục Do Thái.

CHƯƠNG 27

Ngày 28 tháng Tư năm 1944, khi nghiêng người soi gương, Oskar nhận thấy bụng mình bắt đầu phệ ra trước thềm sinh nhật thứ ba mươi sáu. Nhưng chỉ ít hôm nay khi ông ôm hôn các em gái, sẽ chẳng có ai tố giác ông nữa. Bất cứ tên chỉ điểm nào trong đám kỹ thuật người Đức chắc cũng ngã lòng sau khi SS thả Oskar ra khỏi cả Pomorska và Montelupich, hai nơi đều được xem là bất khả tác động.

Nhân dịp này, Emilie gửi lời chúc từ Czechoslovakia như thường lệ, còn Ingrid với Klonowska thì tặng quà ông. Quy ước trong nhà của ông hầu như không thay đổi gì sau bốn năm rưỡi ở Cracow. Ingrid vẫn là ái cơ, Klonowska là bạn gái, và Emilie là người vợ vắng mặt một cách dễ hiểu. Những oán hận và hoang mang mỗi người phải chịu đựng, nếu có, cũng không được ghi lại, nhưng vào năm thứ ba mươi bảy trong đời Oskar, có một điều dễ nhận thấy là mối quan hệ với Ingrid đã xuất hiện đôi chút lạnh lùng; còn Klonowska, một người bạn trung thành, vẫn bằng lòng với cuộc tình năm thì mười họa, trong khi Emilie vẫn coi cuộc hôn nhân của họ là bất khả chia lìa. Trước mắt, tất cả đều tặng quà và bưng kín miệng bình.

Không chỉ có họ chúc mừng sinh nhật Oskar. Amon cho phép Henry Rosner mang cây vĩ cầm tới phố Lipowa vào buổi tối, dưới sự hộ tống của giọng nam trung xuất sắc nhất trại lính Ukraine. Amon, ở thời điểm này, đang rất ưng bụng về mối quan hệ với Schindler. Để đổi lấy sự ủng hộ của gã với trại Emalia, vừa mới hôm trước Amon đã ngỏ ý và được sử dụng vĩnh viễn chiếc Mercedes của Oskar - không phải chiếc xe cà tàng mà Oskar mua lại của John trong một ngày, mà là chiếc thanh lịch nhất trong ga ra của Emalia.

Cặp đôi trình diễn ngay ở văn phòng. Không có khán giả nào khác ngoài Oskar. Có vẻ như ông muốn ở một mình. Khi tên lính Ukraine vào nhà vệ sinh, Oskar tiết lộ với Henry lý do mình chán nản. Tình hình chiến sự làm ông bức bối. Sinh nhật ông đến trong khiếm khuyết. Quân Nga đã dừng bước tại đầm lầy Pripet ở Belorussia và trước Lwów. Nỗi sợ của ông làm Henry khó hiểu. Lẽ nào ông không

rõ, anh tự hỏi, nếu quân Nga không bị chặn lại, việc kinh doanh ở đây sẽ đi tong.

“Ta vẫn hay xin Amon cho anh đến ở hẳn đây,” Oskar bảo Rosner. “Anh và vợ con. Nhưng hẳn không chịu. Hẳn quá thường thức anh. Nhưng rồi sẽ đến lúc...”

Henry biết ơn ông. Nhưng anh cảm thấy cần chỉ ra rằng tại Płaszów, gia đình anh được an toàn chẳng kém ai. Em dâu anh bị Goeth bắt quả tang hút thuốc khi đang làm việc và bị lệnh xử bắn. May mà một hạ sĩ quan xin báo cáo Herr Commandant rằng đây là bà Rosner, vợ của anh Rosner chơi accordion. “À,” Amon nói, và xá tội cho cô. “Nhớ đấy, cô gái, nghiêm cấm hút thuốc trong giờ làm việc.”

Henry chia sẻ với Oskar rằng chính vì thái độ ấy của Amon - miễn tội cho anh em nhà Rosner vì tài năng âm nhạc - mà anh và Mancini đã quyết định đưa cậu con trai tám tuổi Olek vào trại. Trước đó họ gửi cậu ở nhà bạn bè trong Cracow, nhưng cứ mỗi ngày trôi qua là thêm một phần mạo hiểm. Một khi vào trong, Olek có thể trà trộn vào lũ trẻ con, nhiều đứa không có tên trong hồ sơ nhà tù, có mặt ở đây nhờ âm mưu của tù nhân và sự làm ngơ của một số nhân viên cấp thấp. Tuy nhiên đưa được Olek vào trại mới là việc khó. Poldek Pfefferberg, nhân dịp lái xe vào thị trấn lấy đồ nghề, đã đưa cậu bé vào. Lính Ukraine suýt phát hiện ra cậu ngoài cổng, khi cậu vẫn là người ngoài và đang vi phạm mọi quy chế chủng tộc ở vùng Đức thuộc. Chân cậu tòi ra khỏi chiếc hộp giữa hai mắt cá chân Pfefferberg. “Chú Pfefferberg, chú Pfefferberg.” Poldek nghe tiếng cậu đúng lúc lính Ukraine đang lục soát đằng sau xe. “Chân cháu thò ra ngoài rồi.”

Giờ nghĩ lại Henry đã có thể cười, dù mỗi mết, vì phía trước còn nhiều gian truân. Nhưng Schindler phản ứng dữ dội, với một cử chỉ dường như xuất phát từ nỗi ưu phiền chính choáng trĩu nặng trong ông vào tối sinh nhật này. Ông nhấc chiếc ghế và gior về phía tám chân dung *Führer*. Trong một giây, tưởng chừng ông sẽ quật vào bức hình. Nhưng rồi ông xoay gót, chậm chậm hạ chiếc ghế xuống cho đến khi bốn chân cách đều mặt đất, rồi nện nó xuống mặt thảm, làm bức tường rung rinh.

Rồi ông hỏi: “Ngoài ấy chúng đang đốt xác, phải không.”

Henry nhả mặt, như thể xú khí đã lan vào đây. “Bắt đầu rồi,” anh thừa nhận.

*

Giờ đây, khi Płaszów đã là - theo ngôn ngữ hành chính - Trại Tập trung, cư dân ở đây cảm thấy an toàn hơn khi chạm mặt Amon. Các sếp ở Oranienburg không cho phép hành quyết chóng vánh. Những ngày gọt khoai chậm cũng có thể bị xử tử tại chỗ đã qua. Nay họ chỉ có thể bị kết liễu theo đúng quy trình. Họ phải ra tòa, biên bản phải sao thành ba bản gửi lên Oranienburg. Bản án phải được sự phê chuẩn từ cả văn phòng của tướng Glücks lẫn Cục W (đặc trách kinh tế) của tướng Pohl. Bởi nếu một viên Commandant sát hại lao động lành nghề, Cục W có thể bị đòi bồi thường. Allach-Munich, Ltd., công ty sử dụng lao động khổ sai tại Dachau, vừa nộp đơn đòi bồi thường 31,800 RM bởi “do dịch thương hàn bùng phát vào tháng Một năm 1943, chúng tôi không có tù nhân để sử dụng từ 26 tháng Một đến mùng 3 tháng Ba năm 1943. Chúng tôi cho rằng mình đủ tiêu chuẩn đòi bồi thường theo Điều 2 Quỹ Giải quyết bồi thường...”

Khả năng Cục W phải bồi thường càng cao nếu việc thất thoát lao động lành nghề lại bắt nguồn từ nhiệt tình của một sĩ quan SS hiếu sát.

Thế nên, để đỡ phiền hà vì thủ tục giấy tờ, Amon dành tự chế trong phần lớn thời gian. Những người sống quanh gã trong mùa xuân và đầu hè năm 1944 cảm nhận được sự an toàn ấy, dù họ chẳng biết gì về Cục W hay tướng Pohl hay Glücks. Với họ, lòng nhân từ ấy cũng bí hiểm không kém gì tính cuồng sát của Amon.

Thế nhưng, như Oskar vừa đề cập với Henry Rosner, SS đang đốt xác tại Płaszów. Nhằm chuẩn bị cho đợt tấn công của quân Nga, SS bắt đầu xóa sổ các cơ sở ở miền Đông. Treblinka, Sobibor và Belzec được sơ tán từ mùa thu năm ngoái. Lực lượng SS ở đây được lệnh đặt thuốc nổ phá hủy phòng hơi ngạt và lò thiêu xác, không để lại bất kỳ dấu vết nào, tiếp đó được điều động sang Ý chống quân du kích. Khu tổ hợp khổng lồ Auschwitz, nằm trong vùng an toàn ở Thượng Silesia, sẽ hoàn thành nhiệm vụ lớn lao tại

miền Đông, và khi xong việc, lò thiêu sẽ được vùi xuống lòng đất. Bởi không có lò thiêu làm chúng cứ, người chết chẳng thể đưa ra nhân chứng, và chỉ như tiếng thì thầm trong gió, như hạt bụi vô danh trên tán bạch dương.

Trường hợp Płaszów không đơn giản như vậy, vì xác chết rải khắp nơi. Trong cơn phấn khích mùa xuân 1943, thi thể - nhất là những người bị giết trong hai ngày cuối cùng của ghetto, được vứt bừa xuống những nắm mộ tập thể trong rừng. Giờ đây Cục D bắt Amon phải tìm lại tất cả.

Các ước tính về số thi thể chênh lệch nhau rất xa. Tài liệu của Ba Lan, dựa trên kết quả của Ủy ban Điều tra về Tội ác Phát xít ở Ba Lan và các nguồn khác, khẳng định có 150.000 tù nhân, nhiều nguồn từ nơi khác đến, đã vào Płaszów và nằm trại phụ của nó. Trong số này, họ cho rằng 80.000 người đã chết tại đây, chủ yếu trong các vụ hành quyết tập thể ở Chujowa Górka hoặc vì bệnh dịch.

Những con số ấy khiến người sống sót, vẫn chưa quên công việc góm ghiếc là đốt xác người chết, phải ngớ ngàng. Họ khẳng định đã hỏa thiêu từ tám ngàn đến mười ngàn xác - một con số tự nó đã đầy khiếp đảm và không ai có ham muốn phóng đại. Khoảng cách giữa hai số liệu thu hẹp lại khi tính đến thực tế rằng việc hành quyết người Ba Lan, Digan và Do Thái vẫn tiếp diễn trên Chujowa Górka và nhiều điểm khác quanh Płaszów suốt năm ấy, và SS bắt đầu đốt xác ngay sau khi thảm sát tại lô cốt Áo. Ngoài ra, nỗ lực thu gom tất cả xác chết trong rừng của Amon cũng không thành công. Các cuộc khai quật hậu chiến còn phát hiện thêm hàng nghìn thi thể và ngày nay, khi Cracow được đô thị hóa đến tận Płaszów, người ta vẫn tìm thấy hài cốt khi đào móng.

Oskar nhìn thấy dãy giàn thiêu ở triền đất bên trên khu nhà xưởng khi viếng thăm Płaszów ngay trước sinh nhật ông. Tuần sau, khi ông trở lại, tình hình càng thêm nhộn nhịp. Xác chết được các tù nhân nam, mặt đeo mặt nạ, mồm ho sặc sụa, khai quật. Sau đó người ta dùng chăn, xe cút kít và nệm rơm khiêng xác chết ra bãi đốt và xếp lên khung gỗ. Các giàn thiêu hình thành như vậy, từng lớp một, cho đến khi cao ngang vai thì được tưới xăng và châm lửa. Pfefferberg kinh hoàng chứng kiến sự sống nhất thời được ngọn lửa thổi vào

xác chết, khiến chúng ngồi dậy, hất tung thanh gỗ đang cháy đi, tứ chi vươn ra, mồm há hốc trong tiếng thét cuối cùng. Một tên lính SS từ trạm khử rận chạy giữa dãy giàn thiêu, hươ súng, và quát lác rầm rĩ. Tàn tro xác chết bám lên tóc và quần áo phơi ở vườn sáu dãy villa của các sĩ quan cấp dưới. Oskar ngớ ngàng khi chứng kiến các sĩ quan thản nhiên hít khói như thể tro bụi trong không khí là hệ quả từ một vụ nổ công nghiệp đang hoành và không tránh khỏi. Trong màn sương, Amon ruỗi ngựa đi rong cùng Majola, vẽ bình thản. Còn Leo John đưa đứa con trai mười hai tuổi đi bắt nòng nọc ở bãi lầy ngoài rừng. Ngọn lửa và xú khí chẳng hề làm chúng sao nhãng cuộc sống thường nhật.

Oskar, ngả người ra sau trên ghế lái chiếc BMW, cửa sổ kéo lên, mũi soa bưng kín miệng và mũi, nghĩ đến cảnh chúng đang thiêu nhà Spira cùng những người khác. Ông bị choáng khi SS hành quyết tất cả cảnh sát ghetto và gia đình vào Giáng sinh năm ngoái, ngay sau khi Symche Spira vừa hoàn thành chỉ đạo việc dỡ bỏ ghetto. Chúng đưa tất cả lên đây, cùng vợ con, vào một chiều u ám và bắn họ khi mặt trời lạnh lẽo lịm tắt. Chúng bắn cả những kẻ trung thành nhất (Spira và Zellinger) lẫn những người ương ngạnh nhất. Spira cùng bà vợ rụt rè và hai đứa con chậm tiến mà Pfefferberg từng kiên nhẫn kèm cặp - tất cả trần truồng đứng giữa một bầy súng, run rẩy nép vào nhau, bộ đồng phục OD đậm chất Napoleon của Spira giờ chỉ còn là một mớ quần áo để tái chế, vứt lại ở cửa lô cốt. Và Spira vẫn tiếp tục trấn an tất cả rằng điều đó không thể xảy ra.

Vụ hành quyết làm Oskar bị sốc bởi nó chứng tỏ không có sự cung tận tụy nào là đủ cho một người Do Thái bảo toàn tính mạng. Và giờ đây chúng đang thiêu xác nhà Spira một cách vô danh và vô ơn như lúc chúng hành quyết họ.

Kể cả nhà Gutter! Chuyện xảy ra sau một bữa tiệc tại nhà Amon năm ngoái. Oskar về sớm, nhưng sau đó nghe mọi người kể lại. John và Neuschel bắt đầu chọc ghẹo Bosch. Cả hai chê y nhất. Bosch vẫn huênh hoang ta là cựu chiến binh lăn lộn chiến hào. Nhưng chúng chưa thấy y hạ sát ai bao giờ. Cả hai nhai lại hàng tiếng đồng hồ - trò đùa đình của buổi tiệc. Cuối cùng, Bosch ra lệnh

dựng David Gutter cùng con trai từ trại nam, bà Gutter và con gái bên trại nữ đây. Một lần nữa, đây là số phận của những đầy tớ trung thành. David Gutter là Chủ tịch cuối cùng của *Judenrat*, và đã hợp tác trong mọi chuyện - chưa bao giờ lên phố Pomorska lý luận về phạm vi các *Aktion* của SS hay quy mô những đoàn tàu đi Bełżec. Gutter ký mọi giấy tờ và xem mọi yêu cầu là hợp lý. Bên cạnh đó, ông ta còn là tay sai của Bosch cả ở trong lẫn ngoài Płaszów, thay mặt y lên Cracow với hàng xe tải đồ đạc mới bọc nệm hay từng túi đầy trang sức để bán ngoài chợ đen. Và Gutter làm vậy vì bản chất vô lại, nhưng chủ yếu vì tin rằng như vậy sẽ giúp vợ con mình được miễn xá.

Đúng hai giờ buổi sáng buốt giá ấy, một cảnh sát Do Thái, Zauder, bạn Pfefferberg và Stern, về sau bị Pilarzik bắn trong cơn cuồng sát khi say, nhưng đêm đó còn là gác cổng trại nữ, đã nghe thấy vụ việc - Bosch lừa cả nhà Gutter vào một hõm đất gần trại nữ. Lũ trẻ van xin, nhưng David và bà Gutter đón nhận số phận một cách bình thản, biết có kêu cầu cũng chẳng ích gì. Và giờ đây Oskar chứng kiến, tất cả những bằng chứng ấy - nhà Gutter, nhà Spira, những kẻ nổi loạn, giáo sĩ, trẻ con, các cô gái xinh đẹp dùng giấy tờ Aryan - tất cả đang quay lại ngọn đồi điên loạn ấy để chờ bị tiêu hủy, đề phòng việc quân Nga đến Płaszów và bới bèo ra bộ.

Oranienburg có thư căn dặn Amon rằng, trong tương lai việc phi tang thi thể phải hết sức chu đáo, và sẽ cử chuyên gia từ một công ty kỹ thuật ở Hamburg đến điều nghiên vị trí xây lò thiêu. Trước mắt xác chết sẽ được chôn tạm, đánh dấu kỹ càng chờ ngày khai quật.

Lần sau quay lại, khi thấy tầm cỡ của ngọn lửa trên Chujowa Górka, phản ứng đầu tiên của Oskar là ở yên trong xe, cổ máy Đức tỉnh táo ấy, và lái thẳng về nhà. Trên thực tế, ông tiếp tục viếng thăm bạn bè ở xưởng, rồi tạt qua văn phòng Stern. Ông nghĩ với bằng ấy tro bụi vương trên cửa sổ, sẽ không có gì lạ nếu cư dân Płaszów tính đến khả năng tự sát. Ai ngờ chính ông mới là người suy sụp. Ông không buồn hỏi những câu quen thuộc, kiểu như “Thế nào, Herr Stern, nếu Chúa lấy mình làm nguyên mẫu để tạo ra con người, vậy thì chủng tộc nào giống Người nhất? Dân Ba Lan hay dân Czech?” Hôm nay, ông chẳng còn chút cười cợt nào nữa. Thay vào đó ông

gầm gừ, “Mọi người nghĩ sao?” Stern đáp, Tù nhân vẫn là tù nhân. Họ làm việc, và hy vọng sẽ sống sót.

“Tôi sẽ cứu mọi người ra,” Oskar bỗng gừ lên. Ông đấm tay xuống bàn. “Tôi sẽ cứu tất cả ra.”

“Tất cả?” Stern hỏi. Ông không nhin nổi. Đây đâu phải là thời của những cuộc cứu rỗi tập thể kiểu Kinh Thánh.

“Ít ra là ông,” Oskar đáp. “Ông.”

CHƯƠNG 28

Văn phòng của Amon trong tòa nhà quản trị có hai nhân viên đánh máy. Thứ nhất là một cô gái người Đức, Frau Kochmann; người kia là một tù nhân trẻ cần mẫn, Mietek Pemper. Về sau Pemper sẽ thành thư ký cho Oskar, nhưng mùa hè năm 44 anh đang phục vụ Amon, và như tất cả những ai rơi vào hoàn cảnh đó, không mấy lạc quan về vận may của mình.

Lần đầu anh tiếp xúc với Amon cũng ngẫu nhiên như Helen Hirsch, người hầu gái. Pemper bị gọi lên sau khi có người tiến cử với Commandant. Người tù trẻ là sinh viên kế toán, đánh máy không cần nhìn, có thể tốc ký cả tiếng Ba Lan và tiếng Đức. Anh nổi tiếng về trí nhớ phi phạm. Là một tù nhân với năng lực cỡ đó, một ngày Pemper bỗng thấy mình làm việc ở văn phòng của Amon tại Płaszów, và đôi khi chép thư cho gã tại tư dinh.

Điều trớ trêu là cuối cùng chính trí nhớ đã thấy là không quên ấy của Pemper, hơn trí nhớ của mọi tù nhân khác, sẽ khiến Amon bị treo cổ ở Cracow. Song Pemper đâu dám nghĩ ngày ấy sẽ đến. Năm 1944, nếu được hỏi ai dễ trở thành nạn nhân của trí nhớ gần như hoàn hảo ấy nhất, anh sẽ bảo chính là Mietek Pemper.

Nhiệm vụ của Pemper là đánh máy dự phòng. Với tài liệu mật, Amon phải sử dụng Frau Kochmann, năng lực thì kém xa Mietek, còn chép chính tả thì chậm. Đôi khi Amon phá lệ cho Pemper chép văn bản mật. Và Mietek, ngay khi ngồi đối diện bàn làm việc của Amon với tập giấy trên đùi, cũng không tránh khỏi phân tâm bởi hai suy nghĩ đối nghịch nhau. Thứ nhất là các báo cáo và bị vong lục nội bộ mà anh có thể ghi nhớ từng chi tiết này một ngày kia sẽ biến anh thành nhân chứng chủ chốt khi anh đối mặt với gã trước tòa. Thứ hai là nỗi nghi ngờ rằng tới phút chốt Amon sẽ phải xóa sạch anh như với một cuốn băng mật.

Dù vậy, mỗi sáng Mietek vẫn chuẩn bị không chỉ vài bộ giấy đánh máy, giấy than và bản sao cho mình, mà còn thêm cả chục bộ cho cô gái Đức. Khi cô ta xong việc, Pemper vờ hủy giấy than, kỳ thực anh giữ lại đọc. Anh không ghi chép, nhưng anh đã nổi tiếng về trí

nhớ từ thời đi học. Anh biết nếu có một ngày ra tòa, nếu anh và Amon ra giữa pháp đình, anh sẽ làm viên Commandant phải choáng váng vì ngày tháng chính xác trong bằng chứng của anh.

Pemper được thấy một vài văn bản rất độc. Chẳng hạn, anh đọc được bản ghi nhớ về việc phạt roi phụ nữ. Sĩ quan được nhắc nhở rằng hình phạt phải đạt hiệu quả tối đa. Không thể bắt binh sĩ SS hạ mình tự thi hành án, do đó phải để nữ tù Slovak đánh đòn nữ tù Czech, và ngược lại. Tương tự với Nga và Ba Lan. Các Commandant phải chủ động, sáng tạo trong việc khai thác những khác biệt sắc tộc và văn hóa.

Một thông tư khác nhắc nhở các Commandant rằng, bản thân họ không có quyền áp dụng án tử hình. Họ phải xin phép Văn phòng An ninh Trung ương của Đế chế bằng điện tín hoặc thư. Amon đã làm thế hồi mùa xuân với hai tù nhân Do Thái trốn khỏi trại phụ tại Wieliczka mà gã đề xuất treo cổ. Berlin đồng ý bằng điện tín với chữ ký, Pemper để ý thấy, của tiến sĩ Ernst Kaltenbrunner, Chánh văn phòng An ninh Trung ương.

Lần này, vào tháng Tư, Pemper thấy công văn từ Gerhard Maurer, Trưởng phòng Phân bổ Lao động thuộc Cục D của tướng Glücks. Maurer muốn biết Płaszów tiếp nhận tạm thời được bao nhiêu tù nhân Hungary. Đích đến cuối cùng của họ là Nhà máy Quản giới Đức, DAW, một công ty con của Krupp sản xuất ngòi nổ đạn pháo ở tổ hợp khổng lồ tại Auschwitz. Do Hungary vừa bị sáp nhập vào Đức, dân Do Thái và phản động ở đây đang trong tình trạng sức khỏe tốt hơn những kẻ đã bị ghetto hóa và đi tù nhiều năm. Đây hứa hẹn là làn gió mới cho các nhà máy ở Auschwitz. Không may chỗ ở tại DAW chưa sẵn sàng, và nếu Płaszów có thể tiếp nhận tối đa bảy ngàn tù nhân trong khi chờ sự sắp xếp phù hợp thì Cục D sẽ vô vàn cảm kích.

Phúc đáp của Goeth, đã qua tay hoặc qua mắt Pemper, nói rằng Płaszów đã hết công suất và không còn chỗ xây lán mới trong khuôn viên. Tuy nhiên, Amon có thể tiếp nhận tới mười ngàn tù trung chuyển nếu: (a) gã được phép thanh lọc các phần tử kém năng suất, (b) đồng thời áp dụng quy chế hai tù một giường. Maurer đáp rằng vào hè y không thể cho phép hai tù một giường vì nguy cơ sốt phát

ban, hơn nữa theo quy định, lý tưởng là mỗi tù nhân phải có tối thiểu ba mét khối không khí. Tuy vậy y sẵn sàng cho phép Goeth thực thi phương án một. Cục D sẽ lưu ý với Auschwitz-Birkenau - hay ít nhất là với bộ phận diệt chủng của cơ sở này - chuẩn bị đón một chuyến tàu chở tù nhân bị thải loại từ Płaszów. Đồng thời *Ostbahn* sẽ cho các toa gia súc chạy theo đường nhánh từ trực chính đến thẳng cổng Płaszów.

Amon do đó phải tiến hành phân loại trong trại của mình.

Dưới sự hậu thuẫn của Maurer và Cục D, chỉ trong một ngày, gã sẽ thanh lọc số tù nhân bằng với số được Oskar Schindler, bằng mưu trí và tiêu hoang, che chở dưới mái Emalia, Amon gọi quy trình chọn lọc của mình là *Die Gesundheitaktion*: Chiến dịch Sức khỏe.

Gã tổ chức sự kiện này như người ta tổ chức hội chợ đồng quê. Hôm khai mạc vào sáng Chủ nhật ngày 7 tháng Năm, *Appellplatz* chẳng khẩu hiệu “CÔNG VIỆC PHÙ HỢP CHO MỌI TÙ NHÂN!” Loa phóng thanh phát những bản ballad, Strauss, và những khúc tình ca. Bên dưới đặt một cái bàn, nơi bác sĩ Blancke của SS ngồi cùng bác sĩ Leon Gross và một số thư ký. Quan niệm của Blancke về “sức khỏe” kỳ quái không khác gì mọi bác sĩ SS khác. Y thanh lọc những người ốm lâu ngày ở bệnh viện trong trại bằng cách tiêm ết xăng vào mạch máu. Những mũi tiêm này không thể được coi là cái chết ân huệ dù theo định nghĩa của bất kỳ ai. Bệnh nhân lên cơn co giật và chết ngạt sau mười lăm phút. Marek Biberstein, có thời là chủ tịch *Judenrat* và nay, sau hai năm tù trên phố Montelupich, là cư dân Płaszów, lên cơn đau tim và được đưa vào viện. Trước khi Blancke kịp xuất hiện với mũi tiêm xăng, bác sĩ Idek Schindel, chú của cô bé Genia mà đáng dấp nhỏ bé từng nhiếp hồn Schindler hai năm trước, đã tới bên giường Biberstein cùng đồng nghiệp. Họ tiêm cho ông một liều xyanua nhân từ hơn.

Hôm nay, kẹp giữa dãy khay hồ sơ của toàn bộ cư dân nơi này, Blancke sẽ xem xét tù nhân theo từng lán một, hết khay thẻ sẽ có người mang đi và đặt vào khay mới.

Ra tới *Appellplatz*, tù nhân bị bắt cởi quần áo. Họ đứng trần truồng thành hàng và chạy qua chạy lại trước mặt bác sĩ. Blancke và

Leon Gross, tay bác sĩ Do Thái Cộng tác với SS, ghi chú lên thẻ, chỉ vào người tù và gọi tên để kiểm tra. Sau đó người tù sẽ chạy về, bác sĩ quan sát xem có dấu hiệu bệnh tật hay yếu cơ bắp không. Đây là một bài tập kỳ quặc và ô nhục. Đàn ông bị thoát vị cột sống (Pfefferberg chẳng hạn, lưng bị Hujar quật cán roi làm trật đốt sống); đàn bà bị ỉa chảy kinh niên, phải chà bắp cải đồ lên má cho hồng - ai nấy đều chạy cật lực hồng giữ mạng. Kinstlinger, từng đại diện cho điền kinh Ba Lan tại Olympics Berlin, nhận ra vòng đua hồi ấy chỉ là trò chơi. Đây mới là cuộc đua đích thực. Bụng sôi ồng ọc và hơi thở hỗn hển, cô phải chạy cật lực - trong tiếng nhạc đập dồn lừa mị - hồng bảo toàn mạng sống.

Không tù nhân nào biết kết quả cho tới Chủ nhật tuần sau, khi họ tập hợp lần nữa vẫn dưới biểu ngữ và tiếng nhạc ấy. Giữa cảnh từng người bị xướng tên, và những ai bị thải loại được lừa sang mé Đông quảng trường, nơi nơi dậy lên tiếng kêu gào bị phản và hoang mang. Lo sợ bạo động, Amon đã cầu viện doanh trại *Wehrmacht* ở Cracow, lực lượng được bố trí sẵn sàng nếu tù nhân nổi loạn. Gần ba trăm trẻ em đã bị phát hiện sau đợt kiểm tra Chủ nhật tuần trước, và hôm nay, khi chúng bị lôi đi, tiếng phản kháng và kêu khóc của bố mẹ chúng dữ dội đến mức gần như tất cả lực lượng này, cùng với các đội cảnh sát bảo an từ Cracow tới, đều phải gia nhập hàng rào ngăn cách hai nhóm. Cuộc đối đầu kéo dài hàng giờ, khi lính gác nỗ lực đẩy lùi từng làn sóng cha mẹ điên dại và thốt lên những lời nói dối quen thuộc với những ai có thân nhân trong nhóm bị thải loại. Chưa có thông báo gì, nhưng tất cả đều rõ, bọn họ đã trượt và không còn tương lai. Hai bên trao nhau một tràng hỗn loạn những nhún nhủ thăm thiết, bị xóa nhòa dưới những điệu van và bài hát vui nhộn từ loa phóng thanh. Henry Rosner, ruột gan như lửa đốt, có cậu con trai Olek đang trốn đâu đó trong trại, gặp chuyện kỳ dị là đối diện một người lính SS trẻ, mắt đầy lệ, lên án điều đang xảy ra, và thề sẽ xung phong ra mặt trận phía Tây. Nhưng đám sĩ quan dọa rằng, nếu tất cả không kiềm chế, chúng sẽ ra lệnh nổ súng. Có lẽ Amon hy vọng một cái cớ hợp lý cho phép nổ súng sẽ làm giảm thêm dân số đã quá đông đúc ở đây.

Kết thúc phiên sàng lọc, 1.400 người lớn và 268 trẻ em bị vũ khí ghìm lại ở bờ Tây của *Appellplatz*, chờ tàu nhanh đi Auschwitz. Pemper sẽ thấy và ghi nhớ con số bị Amon coi là đáng thất vọng ấy. Dù chưa được như kỳ vọng của gã, nó sẽ tạo ra chỗ trống tức thì để tạm thời đón nhận một lượng lớn tù nhân Hungary.

Trong hồ sơ của bác sĩ Blancke, trẻ con không được đăng ký sát sao như bố mẹ. Vì thế nhiều đứa phải đi trốn cả hai Chủ nhật, bằng bản năng cả chúng lẫn bố mẹ đều biết rõ, lứa tuổi và việc không có tên trong hồ sơ của trại sẽ biến chúng thành mục tiêu hiển nhiên của quá trình thanh lọc.

Olek Rosner trốn trên trần nhà vào Chủ nhật thứ hai. Có hai đứa trẻ khác sát cánh với em cả ngày trên xà nhà, và chúng cả ngày không nói một lời, cả ngày nhin tiểu giữa lũ rận, linh kinh đồ đạc của tù nhân, và đàn chuột trên mái nhà. Bọn trẻ, cũng như người lớn, biết rõ lính SS và Ukraine đều rất kỵ không gian trên trần nhà. Tất cả cho rằng nơi này đây rầy mằm bệnh phát ban, và được bác sĩ Blancke thông tri rằng một mẫu phân chảy lọt vào vết xước ở tay cũng đủ gây ra dịch phát ban. Một số trẻ em ở Płaszów đã ăn náu nhiều tháng gần trại tù nam trong căn lán gần biển ACHTUNG TYPHUS⁽⁶⁶⁾.

Chủ nhật này, đối với Olek Rosner, Chiến dịch Sức khỏe của Amon còn hiểm nguy hơn nhiều lũ chấy mang mằm phát ban.

Nhiều đứa trẻ khác trong số 268 đứa bị lọc khỏi đám đông ngày hôm ấy thật ra đã đi trốn ngay từ khi chiến dịch bắt đầu. Mỗi đứa trẻ Płaszów, đầu óc đều gan lì như nhau, lại có một chỗ trốn ưa thích. Đứa chọn hõm đất dưới gầm lán, đứa thì buồng giặt, đứa đằng sau ga ra. Nhiều chỗ trốn đã bị phát hiện sau hai Chủ nhật, và không còn an toàn nữa.

Một nhóm lại được bố mẹ đưa ra *Appellplatz* mà chẳng nghi ngờ gì. Cha mẹ chúng quen biết vài hạ sĩ quan. Đúng như Himmler từng phàn nàn (mỗi *Oberscharführer* siết cò không chớp mắt cũng có một tên Do Thái ưa thích), cảnh tượng thật chẳng khác gì sân trường. Nếu ai chất vấn về lũ trẻ, bố mẹ chúng nghĩ, họ có thể cầu viện viên sĩ quan SS mình quen.

Chủ nhật trước, một cậu bé mồ côi mười ba tuổi cứ ngỡ mình sẽ an toàn vì những phiên diễn danh trước cậu được tính là thanh niên. Nhưng khi cởi đồ, cậu không thể giấu giếm được sự non nớt của cơ thể mình. Chúng bảo cậu mặc đồ rồi ghi tên cậu vào nhóm trẻ em. Giờ đây, trong khi các bố mẹ ở đầu kia *Appellplatz* gào khóc gọi lũ con vừa bị tách đàn và loa phóng thanh phát bài hát nao lòng “Mammi, kauf mir ein Pferdchen” (Mẹ ơi mua chú ngựa nhỏ cho con), cậu bé lảng lảng chuồn từ nhóm này sang nhóm kia bằng cái bản năng bất bại từng toát ra từ chuyển động của em gái mũ đỏ trên Plac Zgody. Và như Mũ Đỏ, cậu không bị phát hiện. Cậu đứng đó, ra dáng người lớn lấm, trong khi tiếng nhạc đáng ghét réo vang và tim cậu đập muốn vỡ lồng ngực. Thế rồi, giả bộ quặn thắt vì tiêu chảy, cậu xin phép đi vệ sinh.

Dãy hố xí chạy dài trước trại nam; khi đến nơi, cậu bước lên tấm ván người ta vẫn ngồi khi đại tiện. Hai tay chống lên miệng hố, cậu hạ người xuống, cố tìm điểm đặt chân hai bên thành. Mùi xú uế làm mù cậu, ruồi xộc vào mồm vào tai vào mũi cậu. Khi toàn thân ngập trong bể phốt và chân chạm đáy bể, cậu nghe tiếng rì rầm, mà cậu ngỡ là ảo giác, đằng sau cơn vo ve của lũ ruồi. *Có ai bám theo mày không?* một giọng hỏi. Và một giọng khác, Mẹ kiếp, đây là chỗ của tụi tao!

Có mười đứa trẻ dưới ấy với cậu.

*

Báo cáo của Amon vận dụng từ ghép *Sonderbehandlung* - Đối xử Đặc biệt⁽⁶⁷⁾. Thuật ngữ này về sau sẽ trở nên nổi tiếng, nhưng đây là lần đầu tiên Pemper bắt gặp. Dĩ nhiên, nó mang âm hưởng an thần, thậm chí y học, nhưng giờ thì Mietek thừa biết chẳng có thuốc men gì ở đây hết.

Bức điện Amon đọc cho anh sáng hôm đó để gửi đến Auschwitz ám chỉ khá lộ liễu về ý nghĩa của từ này. Amon đề xuất, để tù nhân khó trốn hơn, nhất thiết phải bắt chúng bỏ lại tất cả quần áo thường dân ở sân ga để thay quần áo sọc. Do hiện nay loại trang phục này đang thiếu trầm trọng, quần áo các ứng viên của chương trình Đối

xử Đặc biệt mặc tới Auschwitz phải được gửi ngay lại Trại Tập trung Płaszów để tái sử dụng.

Và lũ trẻ còn sót lại ở Płaszów, trong đó đa số là những đứa chung chỗ trốn trong hố xí với cậu bé mồ côi dài người, tiếp tục ẩn nấp, hoặc giả làm người lớn cho đến khi bị phát hiện và đưa ra *Ostbahn* đi chuyến tàu chậm sáu mươi ki lô mét đến Auschwitz. Các toa gia súc được sử dụng như vậy suốt cao điểm mùa hè, chuyển quân và tiếp tế ra mặt trận phía Đông đang bế tắc gần Lwów và, khi trở về, lãng phí thời gian ở nơi tàu tránh trong khi các bác sĩ SS quan sát từng hàng người bất tận tràn trường chạy qua trước mặt.

(66) Cẩn thận bệnh phát ban.

(67) Behandlung trong tiếng Đức và Treatment trong tiếng Anh vừa có nghĩa là đối xử, vừa có nghĩa là điều trị.

CHƯƠNG 29

Ngồi giữa văn phòng Amon, cửa sổ mở thông ra trời hè ngột ngạt, Oskar cảm thấy từ đầu cuộc gặp này là giả tạo. Có lẽ Madritsch và Bosch đều chung cảm giác ấy, vì ánh mắt họ liên tục rời khỏi Amon, đuổi theo những xe chở đá vôi ngoài cửa sổ và bất cứ xe cộ nào đi qua. Chỉ có *Untersturmführer* Leo John, giữ nhiệm vụ ghi chép, là thấy cần phải ngồi thẳng và cài khuy kín cổ.

Amon mô tả đây như một hội nghị an ninh. Dù tình hình mặt trận đã yên tĩnh, việc quân Nga tiến đến gần ngoại ô Warsaw đã kích thích hoạt động của quân du kích trên khắp vùng Đức thuộc và kích động tù nhân Do Thái âm mưu trốn trại. Đương nhiên chúng không biết rằng, Amon nói, thà ở yên sau rào thép gai còn hơn là nộp mình cho những phần tử thích giết Do Thái trong quân du kích Ba Lan. Dù sao đi nữa, tất cả đều phải đề phòng du kích tấn công từ ngoài vào và, đáng sợ hơn cả, là nguy cơ du kích câu kết với tù nhân.

Oskar cố hình dung ra cảnh du kích tràn vào Płaszów, thả cả tù nhân Ba Lan lẫn Do Thái ra, biến họ thành một đạo quân trong chớp mắt. Thật là nằm mơ giữa ban ngày, ai mà tin nổi? Vậy mà Amon đang ráng sức thuyết phục họ rằng gã tin. Màn kịch nhỏ này ắt phải có lý do. Oskar dám chắc như vậy.

Bosch nói, “Nếu du kích sắp tới, Amon, mong rằng không trùng phải hôm tôi được mời đến đây.”

“Amen, amen,” Schindler lẩm bẩm.

Kết thúc cuộc gặp, dù nó có mục đích gì, Oskar đưa Amon ra xe mình, đỗ ngoài tòa nhà quản trị. Ông mở cốp xe. Bên trong là một bộ yên ngựa chạm trổ tinh xảo, hoa văn đặc trưng của vùng núi Zakopane, phía Nam Cracow. Oskar vẫn thấy cần thiết phải chiêu chuộng Amon bằng quà cáp, mặc dù giờ đây lệ phí lao động khổ sai của DEF không còn ở quanh chỗ *Hauptsturmführer* Goeth, mà được gửi thẳng đến đại diện khu vực Cracow của tổng hành dinh Oranienburg của tướng Pohl.

Oskar gọi ý chở cả Amon lẫn bộ yên ngựa về villa của viên Commandant.

Trong một ngày oi bức cỡ này, một số tù nhân đẩy xe tỏ ra ít nhiệt huyết hơn mức cần thiết. Nhưng bộ yên đã xoa dịu Amon. Đằng nào gã cũng không có quyền nhảy xuống xe bắn hạ người ta như trước. Chiếc xe chạy qua khu trại lính, đến đoạn tàu tránh, nơi một dãy toa xe gia súc đang đỗ. Từ màn sương lơ lửng trên các toa, hòa lẫn và phập phùng trong quang nhiệt bức xạ lại từ phần mái, Oskar biết bên trong đầy người. Bất chấp tiếng ồn từ đầu máy, ông vẫn nghe thấy tiếng rên rỉ, xin nước từ trong vọng ra.

Oskar phanh lại và lắng nghe. Ông được phép làm vậy, nếu xét đến bộ yên đắt tiền trong cốc xe. Amon mỉm cười độ lượng trước ông bạn đa cảm. Một phần trong đó là tù nhân của Płaszów, còn lại là tù trại lao động ở Szebnie. Và tù Ba Lan, Do Thái từ Montelukich. Chúng đang tới Mauthausen, Amon nói, vẻ cười cợt. Có vậy mà đã kêu ca? Bọn này còn chưa biết kêu ca là gì đâu...

Nóc các toa xe rục lên vì nhiệt. Anh không phản đối chứ, Oskar nói, nếu tôi cho gọi đội cứu hỏa của anh?

Amon bật cười kiểu “Anh-tính-bày-trò-gì-nữa-đây?” Gã ngụ ý rằng sẽ chẳng cho ai khác gọi cứu hỏa, nhưng sẽ chiều lòng Oskar bởi Oskar là người rất thú, và vụ này sẽ thành một giai thoại hay ho cho bữa tối.

Nhưng khi Oskar bảo lính Ukraine đi gióng chuông gọi đội cứu hỏa Do Thái, Amon ngớ ngàng. Gã biết Oskar thừa hiểu Mauthausen nghĩa là gì. Xịt nước vào xe tức là hứa hẹn với họ về một tương lai. Mà hứa hẹn như thế, dù theo thước đo của ai, há chẳng tàn nhẫn lắm ư? Thành thử cảm giác của Amon là khó tin pha trộn với thú vị một cách bao dung khi vòi cứu hỏa được kéo ra và từng dòng nước kêu xèo xèo trên nóc toa nóng rẫy. Neuschel cũng từ văn phòng chạy xuống để lắc đầu và mỉm cười khi thấy trong xe dậy lên tiếng rên rỉ và reo hò biết ơn. Grün, vệ sĩ của Amon, đứng tán dóc với *Untersturmführer* John, vỗ đùi và huýt sáo khi nước trút xuống. Kéo dài hết mức, vòi nước cũng chỉ đến được nửa đoàn tàu. Tiếp theo, Oskar gợi ý Amon cho mượn xe và dăm lính Ukraine đến Zablocie để lấy vòi cứu hỏa của DEF. Vòi chỗ tôi dài tới hai trăm mét, Oskar nói. Amon, vì lẽ gì đó, thấy vụ này chết cười. “Dĩ nhiên

tôi sẽ cho phép,” Amon đáp. Gã sẵn lòng làm tất cả vì vở hài kịch cuộc đời.

Oskar viết tin nhắn để toán lính Ukraine đưa cho Bankier và Garde. Trong khi chờ đợi, Amon sẵn lòng hòa chung không khí hiện trường bằng cách cho phép mở cửa các toa, chuyển nước vào trong bằng xô và chuyển những xác chết với bộ mặt phù nề đổ lụng ra. Nhiều sĩ quan, hạ sĩ quan SS vẫn đứng quanh, thấy sự việc thật ngộ nghĩnh. “Hắn nghĩ mình đang cứu chúng khỏi cái gì không biết?”

Khi vòi cỡ lớn của DEF đến nơi và các toa đã sũng nước, trò đùa chuyển sang một hướng mới. Oskar trong tin nhắn đã dặn Bankier tới căn hộ của mình và chuẩn bị một giỏ đầy rượu, thuốc lá, pho mát và xúc xích hảo hạng v.v... Lúc này Oskar trao giỏ đồ cho viên hạ sĩ quan ở cuối đoàn tàu. Đó là một giao dịch công khai, làm viên sĩ quan hơi lúng túng trước món quà, vội vàng cất đi vì sợ bị ai đó tại KL⁽⁶⁸⁾ Płaszów tố cáo. Thế nhưng Oskar có vẻ được viên Commandant đặc biệt ưu ái đến nỗi viên hạ sĩ quan kính cẩn lắng nghe ông. “Khi dừng ở gần các ga,” Oskar hỏi, “anh sẽ mở cửa các toa ra nhé?”.

Nhiều năm sau, hai người sống sót từ đoàn tàu ấy, bác sĩ Rubinstein và Feldstein, tiết lộ với Oskar rằng viên hạ sĩ quan SS thường xuyên ra lệnh mở cửa và rót nước vào xô suốt hành trình tẻ nhạt đến Mauthausen. Tất nhiên, trong phần lớn chuyến đi, đó chỉ là một sự an ủi trước cái chết không hơn.

Khi Oskar đi dọc đoàn tàu, ban phát một lòng từ bi gần như vô nghĩa, vây quanh là tiếng cười của SS, có thể thấy rằng ông không còn liều lĩnh nữa, mà đã thành như bị ma nhập. Chính Amon cũng nhận thấy bạn mình đã bước lên một ngưỡng mới. Mấy trò điên rồ này, từ kéo vòi cứu hỏa đến tận toa cuối cùng, hay hối lộ một hạ sĩ quan trước mặt đông đảo binh sĩ SS - chỉ cần một thay đổi sắc thái nhỏ nhoi trong điệu cười của Scheidt hay John hay Hujar cũng đủ cấu thành một cáo buộc tập thể với Oskar, điều Gestapo không thể bỏ qua. Thế rồi Oskar sẽ phải vào Montelupich, và với những cáo buộc về chủng tộc trước đây tiếp theo có lẽ là Auschwitz. Thành thử Amon không khỏi kinh hãi khi thấy Oskar nhất quyết đối xử với

những kẻ sắp chết như thể bà con nghèo của ông, đang đi toa hạng ba đến một cái đích thực thụ.

Độ hơn hai giờ, đầu máy kéo cả chuỗi toa gia súc thảm thương ấy ra đường chính, và tất cả vòi cứu hỏa có thể thu lại. Schindler đưa Amon và bộ yên trở về tư dinh. Amon nhận thấy Oskar vẫn trầm tư và, lần đầu tiên từ khi họ hợp tác với nhau, gã khuyên ông bạn về cách sống. Anh phải thoải mái đi, gã nói. Anh không thể đuổi theo mọi đoàn tàu rời khỏi nơi này được.

*

Adam Garde, kỹ sư và tù nhân ở Emalia, cũng nhận thấy dấu hiệu của chuyển biến này ở Oskar. Tối 20 tháng Bảy, một người lính SS tới lán của Garde và dựng anh dậy. *Herr Direktor* gọi xuống bắt gác và nói cần gặp kỹ sư Garde về việc chuyên môn ở văn phòng của ông.

Garde lên và thấy Oskar đang nghe đài, mặt đỏ bừng, trên bàn có chai rượu và hai cái ly. Dạo ấy, sau bàn có một tấm địa đồ châu Âu. Thời Đức đang bành trướng thì nó không có ở đây, nhưng Oskar xem ra đặc biệt quan tâm đến sự thu hẹp các Mặt trận của Đức. Tối nay, ông nghe đài *Deutschlandsender* chứ không phải BBC như mọi khi. Trên đài đang phát ra tiếng nhạc hào hứng, như khúc dạo đầu đã thành thông lệ trước mỗi tuyên bố quan trọng.

Oskar đang chăm chú lắng nghe. Khi Garde bước vào, ông đứng dậy lừa anh kỹ sư trẻ vào ghế. Ông rót cognac, đưa vội cho anh. “Có kẻ vừa ám sát Hitler,” Oskar nói. Tin có từ đầu giờ tối, và tiết lộ Hitler đã thoát chết. Chúng khẳng định y sẽ sớm phát biểu trước nhân dân Đức. Nhưng vẫn chưa thấy gì. Vài giờ đã qua mà chưa thấy y xuất hiện. Và chúng phát rất nhiều Beethoven, giống như lần Stalingrad thất thủ.

Oskar và Garde ngồi cùng nhau trong nhiều giờ. Một hành vi phản nghịch, một tên Do Thái và một người Đức, cùng nghe đài - suốt đêm, nếu cần - để xem *Führer* đã chết chưa. Adam Garde, dĩ nhiên, cũng chung nỗi khổ nín thở vì hy vọng. Anh thấy cử chỉ của Oskar đầy uể oải, như thể việc Lãnh tụ có thể đã chết khiến cơ bắp ông chùng xuống. Ông uống nhiệt tình và giục Garde cạn chén. Nếu thế

thật, Oskar nói, thì dân Đức, những người Đức bình thường như ông, có thể bắt đầu chuộc tội. Tất cả chỉ bởi ai đó thân cận với Hitler đã có can đảm xóa sổ y khỏi mặt đất này. SS coi như xong, Oskar nói. Sáng mai là Himmler đã vào tù rồi.

Oskar nhả từng cụm khói. Ôi, Chúa ơi, ông nói, được thấy ngày tàn của chế độ này mới nhẹ nhõm làm sao!

Bản tin mười giờ tối chỉ nhắc lại thông báo cũ. Âm mưu ám sát *Führer* đã thất bại, và *Führer* sẽ phát biểu trong vài phút nữa. Một tiếng sau, khi không thấy giọng Hitler trên đài, Oskar tìm đến một ảo tưởng khá phổ biến với nhiều người Đức khi chiến tranh sắp kết thúc. “Loạn lạc qua rồi,” ông nói. “Thế giới đã tỉnh táo trở lại. Đức có thể liên minh với phương Tây để chống Nga.”

Ước nguyện của Garde khiêm tốn hơn. Trong tình huống xấu nhất, anh hy vọng sẽ có một ghetto như thời Franz Josef.

Họ càng uống, nhạc càng chơi, khả năng châu Âu đêm nay sẽ dâng cho họ cái chết thiết yếu để đầu óc nó trở lại lành mạnh càng rõ rệt. Họ lại là công dân của lục địa; không còn là tù nhân và *Herr Direktion* nữa. Radio vẫn lặp lại lời hứa phát đi thông điệp của *Führer*, và mỗi lần như thế Oskar càng cười dữ hơn.

Đã quá nửa đêm, và họ chẳng buồn chú ý tới lời hứa ấy nữa. Ở thành Cracow hậu-*Führer* này hơi thõ của họ bỗng nhẹ hơn. Họ đoán đến sáng người ta sẽ nhảy múa khắp mọi quảng trường, mà chẳng gặp sự trừng phạt nào. *Wehrmacht* sẽ bắt giam Frank ở lâu đài Wawel và bao vây trụ sở SS trên phố Pomorska.

Gần một giờ sáng, diễn văn của Hitler được phát đi từ Rastenberg. Oskar quá đĩnh ninh mình sẽ chẳng bao giờ phải nghe lại giọng nói ấy đến nỗi những giây đầu ông không nhận ra, dù nó rất quen thuộc, ngỡ đấy là phát ngôn viên đảng Quốc xã tiếp tục trì hoãn tình hình. Nhưng Garde nghe từ chữ đầu tiên, và biết đó là giọng ai.

“Hỡi các đồng chí Đức,” giọng nói bắt đầu. “Tôi phát biểu hôm nay, một là để các đồng chí nghe giọng tôi, biết tôi vẫn bình an vô sự, hai là để các đồng chí được biết một tội ác vô tiền khoáng hậu trong lịch sử Đức.”

Bài diễn văn kết thúc sau bốn phút, và có đề cập tới những kẻ phản loạn. “Lần này chúng ta sẽ thanh toán sòng phẳng với chúng theo truyền thống của những người Quốc xã.”

Adam Garde chưa bao giờ thực sự tin vào cái ảo tưởng mà Oskar cố nhồi vào đầu anh suốt tối. Bởi Hitler không chỉ là một con người: y là một *thể chế* với muôn vàn chân rết. Dù y có chết, không có gì đảm bảo rằng bản chất thể chế này sẽ thay đổi. Hơn nữa, tiêu vong trong vòng một buổi tối không phải là đặc điểm của một hiện tượng cỡ như Hitler.

Nhưng niềm tin của Oskar vào cái chết ấy suốt mấy giờ qua đã trót mãnh liệt đến nỗi, khi nó hóa thành mây khói, chính chàng thanh niên Garde phải vào vai người an ủi, trong khi Oskar than thở như một đào thương. “Mọi hình dung của chúng ta về cứu rỗi đều là vô nghĩa,” ông nói. Ông rót thêm một ly rồi đẩy chai rượu ra giữa bàn đoạn mở hộp thuốc. “Cầm rượu với ít thuốc rồi về nghỉ đi,” ông nói. “Chúng ta đành đợi thêm chút nữa đến ngày tự do vậy.”

Trong phút xáo trộn của cognac, tin ám sát và sự đảo chiều bất ngờ vào rạng sáng, Garde không thấy ngạc nhiên khi Oskar dùng chữ “chúng ta”, như thể họ có chung một nhu cầu, cùng là tù nhân, phải thụ động chờ ngày được giải phóng. Đến khi về giường Garde mới ngỡ ngàng khi thấy *Herr Direktor* nói năng như thế, như một người dễ nuôi ảo tưởng và dễ suy sụp. Mọi khi ông vẫn thực tế lắm mà.

*

Cuối hè năm ấy, phố Pomorska lẫn các trại quanh Cracow rộ lên tin đồn sắp bố trí lại tù nhân. Điều này làm Oskar ở Zablocie lo âu, trong khi tại Płaszów Amon nghe tin không chính thức rằng trại sắp bị giải thể.

Kỳ thực, cuộc họp an ninh chính là vì chuyện này, chứ không liên quan gì đến việc bảo vệ Płaszów khỏi du kích. Amon mời Madritsch, Oskar và Bosch tới và tổ chức cuộc họp để mượn màu son phấn vậy thôi. Sau đó gã sẽ có cơ lái xe vào Cracow ra mắt Wilhelm Koppe, trùm cảnh sát mới ở vùng Đức thuộc. Gã ngồi đối diện Koppe với vẻ ưu tư giả tạo, bẽ tay rằng rắc như bị sức ép từ một

Płaszów trong vòng vây hãm. Gã lặp lại câu chuyện đã kể cho Oskar và hai người kia - nhiều nhóm du kích sinh sôi trong trại, các tù nhân Zionist đã bắt liên lạc với những phần tử cực đoan thuộc Quân đội Nhân dân Ba Lan và Tổ chức Chiến binh Do Thái. Ngài *Obergruppenführer* chắc cũng hiểu, những liên lạc kiểu này rất khó triệt tiêu - chúng có thể tuồn vào trong một ổ bánh mì. Nhưng ngay khi có dấu hiệu bạo loạn đầu tiên, gã - Amon Goeth - với tư cách Commandant, phải được tiền trạm hậu tẩu. Điều Amon muốn hỏi là, nếu gã bắn trước, báo cáo Oranienburg sau, liệu *Obergruppenführer* khả kính có ủng hộ gã không?

Không thành vấn đề, Koppe đáp. Y cũng đâu có ưa gì cánh quan chức. Những năm trước, hồi còn làm trùm cảnh sát Wartheland, y từng chỉ huy đội xe tải diệt chủng chở đám *Untermenschen* ra đồng, cho động cơ chạy hết ga, xả khí thải ngược vào thùng xe khóa kín. Đây cũng là một kiểu hành sự ngẫu hứng, không cho phép báo cáo chính xác. Dĩ nhiên, anh phải dựa vào nhận định của bản thân, y bảo Amon. Và nếu anh làm vậy, tôi sẽ ủng hộ anh.

Ngay ở cuộc họp, Oskar đã cảm thấy nỗi lo của Amon không phải là quân du kích. Nếu biết tin Płaszów sắp bị giải thể thì ông đã hiểu ngay thâm ý trong vở diễn của gã. Vì nỗi lo thực sự của Amon là Wilek Chilowicz, trùm cảnh sát Do Thái do gã bổ nhiệm. Amon thường sử dụng Chilowicz làm tay sai ngoài chợ đen. Chilowicz biết rõ Cracow, biết đầu ra cho bột mì, gạo và bơ mà viên Commandant ăn chặn từ nguồn cung thực phẩm của trại. Y biết những lái buôn quan tâm đến hàng thừa từ xưởng kim hoàn nơi những thợ tù⁽⁶⁹⁾ như Wulkan làm việc. Cả ổ nhà Chilowicz khiến gã lo âu: Marysia Chilowicz, được ân huệ ăn theo chồng; Mietek Finkelstein, bạn làm ăn của Chilowicz; chị gái y, bà Ferber, và chồng. Nếu Płaszów có tồn tại quý tộc thì đó chính là nhà Chilowicz. Họ có quyền uy với các tù nhân, nhưng thông tin của họ là con dao hai lưỡi - họ biết về Amon cũng rõ như về một tay thợ máy khốn khổ tại nhà máy của Madritsch. Khi Płaszów đóng cửa, nếu bị chuyển tới trại khác, Amon biết họ sẵn sàng đánh đổi thông tin về chuyện làm ăn phi pháp của gã ngay khi bị nguy hiểm. Không khéo ngay khi bắt đầu đối ăn.

Tất nhiên, Chilowicz cũng bồn chồn, và Amon có thể cảm nhận từ y nỗi hoài nghi rằng mình sẽ không được phép rời Płaszów. Amon lợi dụng ngay tâm lý ấy làm mồi nhử. Gã cho gọi Sowinski, viên trợ lý SS gốc gác từ vùng núi Tatras của Czechoslovakia, lên văn phòng. Sowinski sẽ tiếp cận Chilowicz và gợi ý giúp y bỏ trốn. Amon chắc rằng Chilowicz sẽ hăm hở cắn câu.

Sowinski buông câu rất đạt. Y bảo Chilowicz rằng y có thể đưa cả nhà họ trốn trại trên một chiếc xe tải lớn chạy củi/xăng. Ở chế độ chạy xăng có thể xếp sáu người vào lò đốt củi.

Chilowicz lập tức bị thu hút. Tất nhiên Sowinski cần liên hệ với bạn bè bên ngoài, để chuẩn bị sẵn xe. Sowinski sẽ đưa cả nhóm đến điểm hẹn bằng xe tải. Chilowicz sẵn sàng thanh toán bằng kim cương. Nhưng, Chilowicz nói, để bày tỏ lòng thành, Sowinski phải kiểm tra cho y vũ khí.

Sowinski báo cáo viên Commandant, và Amon đưa cho y một khẩu súng lục cỡ .38 đã mài cút kim hỏa. Chilowicz dĩ nhiên không có cả nhu cầu lẫn cơ hội để bắn thử. Nhưng sau này Amon sẽ có thể cam đoan với cả Koppe và Oranienburg gã đã phát hiện ra tên tù này mang vũ khí.

Vào một Chủ nhật giữa tháng Tám, Sowinski hẹn cả nhà Chilowicz trong kho chứa vật liệu xây dựng, rồi giấu họ vào xe tải. Tiếp đó, y theo đường Jerozolimska lái ra cổng. Khi đã qua các thủ tục theo thông lệ, cỗ xe sẽ lăn bánh ra ngoài ô. Nấp trong lò, huyết quản năm kẻ đào tẩu phập phồng, sôi sục niềm hy vọng khôn kham là bỏ Amon lại sau.

Tuy nhiên, Amon, Amthor và Hujar, cùng tên lính Ukraine Ivan Scharujew đã chờ sẵn ở cổng. Chúng lục soát một cách nhẹ nhàng. Với nụ cười nửa miệng, nhóm SS thông thả tra xét thùng xe nhưng dành cái lò lại sau cùng. Chúng vờ kinh ngạc khi tìm ra nhà Chilowicz khốn khổ xếp lớp chặt ních ở trong. Ngay khi Chilowicz bị lôi ra, Amon liền “phát hiện” thấy khẩu súng trái phép giấu trong ủng. Túi y nhét đầy kim cương, được hồi lộ từ những tù nhân khốn cùng trong trại.

Đúng ngày nghỉ, tù nhân nghe tin Chilowicz bị kết án ngay ngoài cổng. Tin ấy làm tất cả kinh hãi và hoang mang không khác gì cái đêm năm ngoái khi Symche Spira và nhóm OD của y bị hành quyết. Không tù nhân nào luận giải nổi thế thì số phận của mình sẽ ra sao.

Nhà Chilowicz lần lượt bị xử tử bằng súng lục. Amon, da vàng ệch vì bệnh gan, và ở đỉnh cao của sự béo phì, khô khè như một ông bác già, kề súng vào cổ Chilowicz. Chúng trưng xác chết trên *Appellplatz*, treo lên ngực họ dòng chữ: KỂ NÀO PHẠM PHÁP, HÃY CHỜ ĐỢI CÁI CHẾT TƯƠNG TỰ.

Đó, dĩ nhiên, không phải là bài học đạo đức mà các tù nhân Płaszów rút ra từ cảnh ấy.

*

Amon dành cả buổi chiều soạn hai báo cáo dài, một gửi Koppe, một gửi Cục D của tướng Glücks, giải trình việc gã đã bảo toàn Płaszów khỏi một cuộc nội loạn ngay từ trứng nước, bằng cách xử tử những kẻ đầu sỏ sau khi bắt quả tang chúng đang đào tẩu khỏi trại. Mãi đến mười một giờ tối gã mới xong bản thảo. Frau Kochmann chậm chạp không thích hợp với công việc muộn như vậy, nên viên Commandant cho gọi Mietek Pemper từ lán lên. Ở phòng khách, Amon bình thản tuyên bố gã tin anh đã câu kết với Chilowicz âm mưu bỏ trốn. Pemper sững sờ không biết trả lời thế nào. Nhìn quanh quất tìm ý tưởng, anh thấy ống quần mình tuột chỉ. Quần áo như này làm sao tôi sống sót ngoài ấy được? anh hỏi.

Sự cân bằng của nỗi tuyệt vọng thành khẩn từ câu trả lời của anh làm Amon thỏa mãn. Gã nói anh ngồi xuống, chỉ dẫn anh cách bố cục và đánh số trang. Những đầu ngón tay hình chày của gã gõ lên giấy. “Ta muốn một thành phẩm hạng nhất.” Anh tự nhủ, *Thế là xong - ta có thể chết ngay vì tội trốn trại, hoặc chết sau vì chứng kiến hành vi bao che sự thật này của Amon.*

Khi Pemper rời tư dinh của Goeth với bản thảo trong tay, gã theo anh ra hiên, dặn với theo lần cuối. “Khi gỡ danh sách những kẻ phản loạn,” Amon hòa nhã, “nhớ để trống một dòng trên chữ ký cho một cái tên nữa.”

Pemper gật đầu, kín kẽ như một thư ký chuyên nghiệp. Anh đứng lại chỉ nửa giây, cố vắt óc tìm một câu trả lời lạnh lẽo với hy vọng đảo ngược quyết định của Amon về dòng bỏ trống. Đó là để cho anh. Mietek Pemper. Trong cái tĩnh lặng oi bức đầy oán hận của tối Chủ nhật trên phố Jerozolimska, óc anh chẳng nghĩ ra gì khả dĩ.

“Vâng, Herr Commandant,” Pemper đáp.

Khi lập cập đi trên con đường tới tòa nhà quản trị, Pemper chợt nhớ lá thư Amon giao anh đánh máy đầu hè. Đây là thư gửi bố gã, chủ nhà xuất bản ở Vienna, chứa đựng sự quan tâm đầy hiếu để với căn bệnh dị ứng hành hạ ông cụ hồi mùa xuân. Gã hy vọng bệnh cụ đã dứt hẳn. Lý do khiến Pemper nhớ riêng thư ấy giữa vô vàn thư khác là vì nửa tiếng trước khi anh bị gọi lên đánh máy, viên Commandant vừa lôi một nhân viên sắp xếp hồ sơ ra ngoài xử tử. Đặt cạnh nhau, lá thư và vụ hành quyết cho Pemper thấy, với Amon, sát nhân với dị ứng là hai chuyện ngang nhau. Và nếu gã dặn tay nhân viên tốc ký để bảo để trống một dòng cho tên mình, thì tất nhiên anh ta sẽ làm vậy.

Pemper ngồi trước máy chữ hơn một tiếng đồng hồ, và rốt cuộc cũng để trống một dòng cho mình. Không làm vậy còn dễ đột tử hơn. Gần đây bạn bè Stern đồn nhau rằng Schindler đang tính chuyện di chuyển nhân công, một kế hoạch giải cứu nào đấy, nhưng đêm nay tin đồn từ Zablocie đâu còn nghĩa lý gì. Mietek gõ; Mietek bỏ trống ở mỗi báo cáo một dòng cho cái chết của mình. Và hết thấy ký ức về các bản sao tội ác của viên Commandant mà anh dày công ghi nhớ - tất cả đã bị chỗ trống mà anh để lại biến thành vô nghĩa.

Khi cả hai bản thảo đã hoàn hảo, anh trở lại biệt thự. Amon bắt anh đứng chờ bên ô cửa sổ kiểu Pháp trong khi gã đọc lại. Pemper tự hỏi liệu trên xác anh sẽ có mấy dòng chữ hùng hồn: “TIÊU ĐỜI BÈ LŨ DO THÁI BOLSHEVIK!”

Cuối cùng Amon xuất hiện ở cửa sổ. “Người về ngủ được rồi,” gã nói.

“Herr Commandant?”

“Ta nói, người về ngủ được rồi.”

Pemper rút lui. Chân anh đi không vững nữa. Sau những gì anh thấy, Amon không thể để anh sống. Nhưng có lẽ viên Commandant cho rằng giết anh sau sẽ thú hơn. Trước mắt, sống được một ngày cũng là sống.

Chỗ trống ấy, hóa ra, là cho một tù nhân lớn tuổi, vì khờ khạo giao dịch với những kẻ như John và Hujar, đã lộ chuyện mình có một mớ kim cương giấu đâu đó ngoài trại. Trong khi Mietek chìm vào giấc ngủ của kẻ được hoãn thi hành án, Amon gọi ông cạ lên, bắt khai chỗ giấu kim cương để đổi lấy tính mạng, được chỉ chỗ, và, tất nhiên, hạ sát ông ta rồi điền tên vào báo cáo gửi Koppe và Oranienburg - trong đó khiêm nhường tự nhận đã dập tắt bạo loạn khi vừa nhen nhóm.

(68) KL (hoặc KZ) là chữ viết tắt của Konzentrationslager - Trại Tập trung.

(69) Nguyên văn: Intern, vừa có nghĩa là thợ học việc, vừa có nghĩa là tù nhân.

CHƯƠNG 30

Bản chỉ thị, dán nhãn OKH (Bộ Tổng tư lệnh Lục quân), đã nằm trên bàn Oskar. Vì tình hình chiến sự, Cục trưởng Quân giới thông báo cho Oskar, KL Płaszów và do đó cả Emalia sẽ bị giải thể. Tù nhân Emalia phải về Płaszów chờ điều chuyển. Còn Oskar phải ngừng hoạt động ở Zablocie càng nhanh càng tốt, chỉ lưu lại những nhân viên kỹ thuật cần thiết để tháo dỡ nhà máy. Hướng dẫn chi tiết mời liên hệ với Ủy ban Di tản, OKH, Berlin.

Phản ứng ban đầu của Oskar là lạnh lùng phẫn nộ. Ông cảm cái ghét giọng điệu ấy, cái thái độ của một tay quan chức xa xôi muốn tránh liên đới trách nhiệm. Một kẻ ở Berlin, đâu biết mỗi ràng buộc được bánh mì chợ đen vun đắp giữa Oskar với tù nhân, cho rằng mở cửa phò mặc cho họ bị bắt đi là điều bình thường với một chủ nhà máy. Nhưng điểm ngạo mạn đáng ghét nhất là bức thư không thêm giải thích thể nào là “điều chuyển.” Toàn quyền Frank thẳng thắn hơn và đã có bài phát biểu lừng danh trước đó không lâu. “Đến ngày chiến thắng cuối cùng, như chỗ tôi hình dung, chúng ta sẽ có thể biến dân Ba Lan, dân Ukraine, và tất cả lũ ất ơ quanh đây thành thịt băm, hay thành gì tùy thích.” Frank có dũng khí gọi tên sự vật đúng với bản chất của nó. Ở Berlin, người ta viết “điều chuyển” và tin rằng mình được miễn xá mọi trách nhiệm.

Amon biết “điều chuyển” nghĩa là gì và, lần sau khi Oskar đến thăm Płaszów, công khai việc này với ông. Tất cả tù nam sẽ đến Gröss-Rosen. Tù nữ sẽ đến Auschwitz. Gröss-Rosen là một trại khai thác đá khổng lồ ở Hạ Silesia, Công ty Đất và Đá Đức, một doanh nghiệp SS có chi nhánh khắp Ba Lan, Đức và vùng chiếm đóng, tiêu thụ tù nhân từ Gröss-Rosen. Quy trình Auschwitz dĩ nhiên trực tiếp và hiện đại hơn.

Khi tin Emalia bị giải thể đến xưởng và lan xuống các lán, một số tù nhân nghĩ thể là hết. Ông bà Perlman, có cô con gái từng trút bỏ thân phận Aryan để cầu xin cho họ, gói ghém chăn gối và tâm sự đầy triết lý với bè bạn giường bên. Emalia đã cho chúng ta một năm

ngủ ngơi, một năm ấm bụng, một năm yên tĩnh. Có lẽ thế là đủ. Giờ đây họ bắt đầu đợi chết. Từ giọng họ toát lên điều đó.

Giáo sĩ Levartov cũng cam chịu. Ông sẽ trở về thanh toán món nợ với Amon. Edith Liebgold, cô gái được Bankier tuyển về làm ca đêm từ những ngày đầu của ghetto, nhận thấy mặc dù trao đổi hàng giờ với các quản đốc Do Thái, nhưng Oskar không đến bên họ và nói ra những lời hứa làm đầu óc họ quay cuồng nữa. Có lẽ ông cũng choáng váng và thấy mình bé mọn trước chỉ thị của Berlin như tất cả. Hóa ra ông cũng không hẳn là nhà tiên tri của cái đêm đầu tiên cô đến đây ba năm về trước.

Dẫu vậy, đến cuối hè, khi các tù nhân thu vén đồ đạc và bị áp giải về Płaszów, bọn họ lại rỉ tai nhau rằng Oskar đã tính chuyện mua lại họ. Ông đã bàn với Garde; ông đã bàn với Bankier. Ngỡ như ông đang nói với chính họ - với vẻ quả quyết, với âm hưởng cha chú gầm gừ trong cổ họng. Nhưng khi lên phố Jerozolimska, đi qua tòa nhà quản trị, nhìn những tốp thợ tải đá từ mỏ bằng ánh mắt ngỡ ngàng của người mới đến, ký ức về những lời hứa của Oskar cơ hồ chỉ là một gánh nặng nữa.

Nhà Horowitz đã trở lại Płaszów. Năm ngoái ông bố, Dolek, tìm được cách đưa họ đến Emalia, nhưng nay họ lại trở về. Cậu bé lên sáu Richard; bà mẹ Regina Nusia, nay đã mười một, tiếp tục khâu bàn chải và chứng kiến, từ cửa sổ trên cao, những chuyến xe tải chạy lên đồi công sự Áo, và màu khói hỏa thiêu đen kịt bốc cao. Năm ngoái Płaszów thế nào khi em ra đi, thì bây giờ vẫn vậy. Em không thể tin rằng có ngày tất cả sẽ kết thúc.

Nhưng bố em vẫn tin là Oskar sẽ lên một danh sách và giải cứu họ. Danh sách của Oskar, trong tâm thức một số người, đâu chỉ là một dãy những cái tên. Đây là một Danh sách. Đây là cổ thiên xa sẽ sà xuống trần gian⁽⁷⁰⁾.

Oskar đưa ra ý tưởng mang tù nhân Do Thái rời Cracow trong một tối tại tư dinh của Amon. Đó là một đêm cuối hè yên tĩnh. Amon tỏ ra vui vẻ khi thấy ông. Do sức khỏe của gã - cả bác sĩ Blancke và Gross đều khuyến cáo, nếu không ăn uống điều độ gã sẽ mất mạng - dạo này ít có khách khứa đến đây. Họ đối ẩm với tốc độ được xem

là chừng mực của Amon. Oskar ngỏ lời với gã. Ông muốn chuyển nhà máy về Czechoslovakia. Và muốn đưa những công nhân lành nghề theo. Có thể ông sẽ cần thêm một số kỹ năng khác từ công nhân trong Płaszów. Ông sẽ nhờ Ủy ban Di tản hỗ trợ tìm địa điểm thích hợp, mạn dưới Moravia, rồi nhờ *Ostbahn* hỗ trợ chuyển nhà máy từ Cracow về phía Tây Nam. Và ông biết ơn mọi sự ủng hộ. Hai tiếng “biết ơn” luôn làm Amon phấn khích. Được, gã nói, nếu Oskar vận động được sự hỗ trợ cần thiết từ các ủy ban liên quan, Amon sẽ cho phép ông lên danh sách.

Thỏa thuận xong, Amon mời Oskar chơi bài. Gã thích chơi xì dách. Trò này rất khó cho cấp dưới vì thua mà không phô. Nó gần như không cho họ cơ hội để nịnh bợ. Sự sòng phẳng ấy làm Amon ưa thích. Ngoài ra, tối nay Oskar không có hứng thua bạc. Ông sắp phải cống cho Amon ra trò vì bản danh sách kia.

Mở đầu viên Commandant chỉ đặt nhỏ, mỗi lần 100 zloty, như thẻ bác sĩ đã dặn cả món này cũng phải điều độ. Tuy nhiên, gã liên tục tổ thêm, và khi tiền đặt cửa lên đến 500 zł Oskar được xì dách, nghĩa là Amon phải chung gấp đôi tiền đặt.

Amon rất buồn phiền nhưng không đến nỗi cáu kỉnh. Gã gọi Helen Hirsch bưng cà phê lên. Cô xuất hiện, như tranh giễu nhại thân phận con hầu nhà quý tộc, váy đen hồ cứng nhưng một mắt sưng vù không thấy đường. Cô nhỏ đến nỗi Amon sẽ phải khom lưng để đánh cô. Lúc này, cô đã biết Oskar, nhưng không nhìn ông. Gần một năm trước, ông từng hứa sẽ cứu cô ra. Mỗi lần đến đây ông đều lên xuống bếp hỏi thăm cô. Quý thì quý thật, nhưng chẳng thể thay đổi bản chất cuộc sống của cô. Ví dụ như mấy tuần trước, khi nhiệt độ món xúp không chuẩn - Amon rất kỹ tính về xúp, cắt ruồi trên tường, chó có rận - viên Commandant cho gọi Ivan và Petr và ra lệnh mang cô ra gốc cây dương ngoài vườn xử bắn. Từ ô cửa sổ Pháp, gã quan sát cô đi trước khẩu Mauser của Petr, van nài cậu cần vụ Ukraine. “Petr, cậu định bắn ai đây? Helen đây. Helen vẫn cho cậu bánh mì. Làm sao cậu bắn Helen được, đúng không?” Petr trả lời cũng với thái độ ấy, và hàm răng nghiến chặt. “Em biết, Helen. Em không muốn đâu. Nhưng nếu không, hắn sẽ giết em.” Cô ngửa đầu tựa vào gốc cây. Đã nhiều lần hỏi Amon, tại sao hắn không giết cô,

cô muốn chết đơn giản, lấy sự chấp nhận số phận của mình để đã kích hấn. Nhưng cô không làm được. Cô run đến nổi kiêu gì hấn cũng thấy. Chân cô lầy bầy. Thế rồi cô nghe tiếng gã vọng ra từ cửa sổ, “Đem con ả vào. Nó thì bắn lúc nào chả được. Trước mắt, có lẽ vẫn còn dạy nó được.”

Điều bệnh hoạn là chen giữa những cơn man rợ, có đôi khi gã cố đóng vai ông chủ nhân từ. Có sáng gã bảo cô, “Cô quả thực là một người hầu rất thạo việc. Sau chiến tranh, nếu cần thư giới thiệu, ta rất vui lòng viết cho cô.” Cô biết đó chỉ là nằm mơ giữa ban ngày. Cô nghe bằng tai điếc⁽⁷¹⁾, bên tai bị gã đánh thủng màng nhĩ. Cô biết, sớm muộn gì cô cũng chết dưới một cơn thịnh nộ quen thuộc của gã.

Với một thân phận như cô, một nụ cười của khách chỉ là niềm an ủi nhất thời. Tối nay cô đặt chiếc bình cà phê bạc đồ sộ bên cạnh Herr Commandant - gã vẫn uống ừng ực với từng cốc đầy đường - cúi đầu chào, rồi rút lui.

Một giờ sau, khi Amon đã thua 3.700 zł, và cay cú phàn nàn về vận may của mình, Oskar đề nghị chơi trò mới. Khi dọn về Czechoslovakia, ông sẽ cần một người hầu gái tại Moravia. Dưới ấy, chẳng ai thông minh và được đào tạo chu đáo như Helen Hirsch. Chỉ toàn gái quê. Oskar gợi ý cả hai chơi một ván, được ăn đôi thua mất cả. Nếu gã thắng, Oskar sẽ mất 7.400 zł. Nếu gã được xì dách là 14.800 zł. Nhưng nếu tôi ăn, Oskar nói, anh phải cho Helen Hirsch vào danh sách của tôi.

Amon muốn suy nghĩ thêm. Coi nào, Oskar nói, đằng nào cô ta chả vào Auschwitz. Nhưng gã gắn bó với cô. Amon đã quen với Helen đến nỗi gã không dễ dàng mang cô ra đánh cược. Khi nghĩ đến kết cục cho cô, có lẽ gã luôn muốn tự tay kết liễu cô để thỏa mãn cơn cuồng nhiệt cá nhân. Nếu chơi bài thua, gã sẽ bị sức ép, theo tinh thần mã thượng thành Vienne, phải từ bỏ khoái cảm thân mật được hạ sát cô.

Từ hồi Płaszów mới thành lập, Schindler đã xin Helen về Emalia. Nhưng Amon từ chối. Mới một năm trước, ai cũng nghĩ Płaszów sẽ tồn tại hàng chục năm nữa và viên Commandant với người hầu gái

sẽ già đi cùng nhau, ít nhất tới khi Helen mắc một lỗi lầm sẽ đột ngột chấm dứt mối liên hệ ấy. Giờ này năm trước không ai nghĩ rằng mối quan hệ ấy sẽ chấm dứt vì quân Nga đang ở ngoài Lwów. Về phần Oskar, ông coi cuộc trao đổi này khá nhẹ nhàng. Có vẻ ông không thấy, trong đề nghị của mình với Amon, sự tương đồng nào với chuyện Chúa và Satan đánh cuộc linh hồn con người. Ông cũng không tự vấn mình có quyền gì để mang cô gái ra đánh cược. Nếu ông thua, cơ hội tìm cách khác giải cứu cô rất mong manh. Những năm ấy cơ hội nào mà chẳng mong manh. Của ông cũng vậy.

Oskar đứng dậy lục quanh phòng tìm giấy có in tiêu đề của trại. Ông viết sẵn cam kết cho Amon ký nếu thua: “Tôi cho phép tên của tù nhân Helen Hirsch được đưa vào bất kỳ danh sách lao động lành nghề nào sẽ tái định cư theo nhà máy DEF của Herr Oskar Schindler.”

Amon làm nhà cái, chia cho Oskar một con 8, một con 5. Oskar muốn rút tiếp, và nhận được một con 5, một con xì. Ông dừng ở đây. Sau đó Amon tự chia. Đầu tiên là con 4, rồi đến một con già. Lạy Chúa trên trời! Amon thoát. Khi chửi bới gã cũng lịch lãm; dường như gã quá sạch sẽ để vắng tục. Tôi thôi. Gã cười khế, nhưng chẳng vui vẻ gì. Hai lá đầu tiên của tôi, gã giải thích, là ba và năm. Kể mà được con bốn nữa thì ngon. Ai dè là con già chết tiệt này.

Cuối cùng, gã cũng ký. Oskar nhặt hết chỗ giấy nợ ông thắng tới nay, trả lại Amon. Trông nom cô gái hộ tôi, ông nói, đến khi tất cả chúng ta ra đi.

Dưới bếp, Helen Hirsch không hề biết cô vừa được giải cứu bằng những lá bài.

Có lẽ vì Oskar thuật lại chuyện này với Stern, tin đồn về kế hoạch của Oskar đã lan đến tòa nhà quản trị, thậm chí xuống các công xưởng. Schindler có một danh sách. Có tên trong đó là vô giá.

(70) Nguyên văn: the sweet chariot which might swing low. “Swing low, sweet chariot” là một bài hát có xuất xứ tôn giáo, lấy cảm hứng từ sự tích trong kinh sách Do Thái, về nhà tiên tri Elijah được cỗ thiên xa từ trên không sà xuống đưa lên trời cao.

(71) Nguyên văn: She turned her deaf ear, “Turn a deaf ear” là một thành ngữ, ý nói bỏ ngoài tai. Ở đây vừa mang nghĩa đen vừa mang nghĩa bóng, vì Helen bị điếc một tai thật.

CHƯƠNG 31

Trong bất cứ thảo luận nào về Schindler, đến một lúc nào đấy, các bạn bè sống sót của *Herr Direktor* sẽ chớp mắt, lắc đầu và bắt đầu một công việc gần như toán học là tìm tổng những động cơ của ông. Vì một trong những cảm xúc phổ biến nhất từ những người Do Thái của Schindler là “Không hiểu sao ông ấy lại làm vậy”. Có thể nói rằng đầu tiên Oskar là một con bạc, một kẻ đa cảm yêu chuộng tính minh bạch và đơn giản khi hành thiện; rằng bản chất Oskar là một kẻ vô chính phủ thích chơi khăm chế độ; và rằng sau nét tận tình hưởng lạc là sự sẵn sàng phản nộ, phản ứng và không khuất phục trước sự man rợ của nhân tính. Nhưng tất cả, dù chẻ ra ghép lại thế nào, cũng không giải thích nổi sự lì lợm của Oskar, vào mùa thu năm 1944, trong việc thu xếp nơi trú ẩn cuối cùng cho những người sắp tốt nghiệp Emalia.

Và không chỉ cho họ. Đầu tháng Chín, ông lái xe sang Podgórze gặp Madritsch, khi đó đang sử dụng hơn ba ngàn nhân công ở nhà máy quân phục của mình. Cơ sở này cũng sẽ bị giải thể. Madritsch sẽ nhận lại chỗ máy khâu, còn công nhân của ông sẽ biến mất. Nếu cùng đặt vấn đề, ta có thể cứu được hơn bốn ngàn người. Của tôi và của anh. Chúng ta có thể đưa họ đến nơi an toàn. Dưới mạn Moravia.

Madritsch sẽ luôn xứng đáng với sự kính trọng của các tù nhân sống sót. Bánh mì và gà tuồn lậu vào nhà máy đều do ông lấy tiền túi ra trả, với sự mạo hiểm thường trực. Có lẽ ông được đánh giá là điềm tĩnh hơn Oskar. Không phù phiếm và không bị những nỗi ám ảnh đeo đuổi. Ông cũng chưa bị bắt bao giờ. Nhưng sự nhân hậu của ông đã vượt ngưỡng an toàn, và nếu không mưu trí và quyết liệt, cuộc đời ông có lẽ đã kết thúc ở Auschwitz.

Giờ đây Oskar vẽ ra trước mắt ông hình ảnh một trại Madritsch-Schindler, đâu đó trên cao nguyên Jeseniks; một thôn trang công nghiệp khói tỏa yên bình.

Ý tưởng đó hấp dẫn Madritsch nhưng ông chưa vội nhận lời. Ông hiểu dù thất bại trên chiến trường, con quái vật SS chẳng những

không nguôi đi, mà còn hung hãn hơn. Đau thay, ông đã đúng khi tin rằng, tù nhân ở Plaszów sẽ bị các trại sát nhân dưới miền Tây nuốt chửng. Bởi đâu chỉ mình Oskar ương ngành và điên rồ, Sở Chỉ huy SS và các đặc vụ chiến trường sáng giá của nó - các Commandant, Trưởng trại tập trung - cũng không chịu kém.

Tuy nhiên, ông cũng chưa từ chối. Ông cần thời gian suy nghĩ. Dù không nói ra với Oskar, nhưng có lẽ Madritsch e sợ việc chung chạ với một kẻ táo tợn và ma mãnh như Herr Schindler.

Không có câu trả lời rõ ràng từ Madritsch, Oskar đành lên đường. Ông đi Berlin và mời đại tá Erich Lange ăn tối. Tôi có thể chuyển hẳn sang sản xuất đạn pháo, ông bảo Lange. Tôi có thể đưa các máy móc hạng nặng về.

Lange là nhân vật máu chốt. Người đảm bảo các hợp đồng; người viết những bức thư giới thiệu nhiệt tình mà Oskar cần cho Ủy ban Di tản và các quan chức Đức tại Moravia. Về sau, khi nhận xét về viên sĩ quan âm trầm này, Oskar khẳng định ông ta thường xuyên hỗ trợ mình. Lange vẫn đang ở giai đoạn cực cùng tuyệt vọng và ghê tởm về đạo lý điển hình ở nhiều cá nhân làm việc trong nhưng không phải lúc nào cũng vì chế độ. Sẽ làm được thôi, Lange bảo, nhưng tốn kém đấy. Không phải cho tôi. Cho những kẻ khác.

Qua Lange, Oskar nói chuyện với một viên chức thuộc Ủy ban Di tản của OKH trên phố Bendler. Người này cho biết, nhiều khả năng kế hoạch di tản sẽ được chuẩn y nguyên tắc. Nhưng có một trở ngại lớn. Viên Toàn quyền kiêm Gauleiter⁽⁷²⁾ của Moravia, cai trị từ Lâu đài Liberec, theo đuổi chính sách cấm cửa các trại lao động Do Thái khỏi tỉnh mình. Cả SS lẫn Tổng cục Quân giới đều chưa thành công trong việc thuyết phục ông ta thay đổi thái độ. Người thích hợp để phá thế bế tắc này, y nói, là một kỹ sư *Wehrmacht* trung niên, làm việc tại văn phòng Troppau của Tổng cục Quân giới, tên là Sussmuth. Oskar cũng có thể nhờ ông ta tìm giúp địa điểm tái lập nhà máy tại Moravia. Trong khi đó, Herr Schindler có thể trông cậy sự ủng hộ của Ủy ban Di tản. “Nhưng chắc ngài cũng hiểu, xét sức ép hiện nay, và ảnh hưởng của cuộc chiến lên cuộc sống tiện nghi của họ, họ sẽ phản hồi nhanh hơn nếu ngài đối đãi tử tế với họ một

chút. Đám dân nghèo thành thị bọn tôi vốn khan thịt nguội, xì gà, rượu, vải vóc, cà phê... đại khái như vậy.”

Tay viên chức nợ có vẻ nghĩ rằng Oskar tha theo một nửa sản lượng thời bình của Ba Lan. Kỳ thực, để biện được một gói quà cho các thành viên Ủy ban, Oskar buộc phải mua hàng xa xỉ phẩm theo giá chợ đen Berlin. Nhân viên tiếp tân ở khách sạn Aldon mua giúp Oskar thứ rượu schnapp hảo hạng với giá khuyến mại 80 RM một chai. Mà gửi cho các quý nhân ở Ủy ban thì không thể dưới một tá. Cà phê đắt như vàng, và xì gà Havana thì giá trên trời. Oskar mua số lượng lớn và bỏ vào giỏ. Các quý nhân chắc cũng cần động lực để thuyết phục ngài Toàn quyền Moravia.

Trong khi Oskar đang ngược xuôi chạy vạy, Amon Goeth bị bắt.

*

Hắn đã có kẻ cáo giác gã. Một thuộc cấp đồ ky, hoặc một công dân trách nhiệm đã từng đến tư dinh và choáng váng trước thói xa hoa hưởng lạc của gã. Một điều tra viên SS cao cấp tên Eckert bắt đầu tra xét việc làm ăn của Amon. Những phát súng gã bắn từ ban công không phải là cái ông ta quan tâm. Nhưng các hành vi biển thủ và buôn bán chợ đen thì có, cũng như cáo buộc của một số thuộc cấp về việc bị gã đối xử tàn nhẫn.

Amon đang về thăm ông bố làm xuất bản ở Vienna thì bị SS bắt giữ. SS cũng khám xét căn hộ của *Hauptsturmführer* Goeth trong thành phố và phát hiện một số tiền khoảng 80.000 RM mà Amon không thể giải thích hợp lý. Họ còn tìm thấy gần một triệu liều thuốc lá giấu trên trần nhà. Căn hộ thành Vienna của Amon có vẻ giống kho hàng hơn là một chốn nghỉ chân.

Thoạt tiên người ta có thể ngạc nhiên khi thấy SS - hay đúng hơn là Cục 5 của Văn phòng An ninh Trung ương - lại muốn bắt giữ một công bộc mẫn cán như *Hauptsturmführer* Goeth. Nhưng cơ quan này đã điều tra những hiện tượng bất thường ở Buchenwald để quy tội cho Koch, viên Commandant ở đó. Họ cũng sẵn lòng chứng cứ cho vụ bắt giữ Rudolf Höss⁽⁷³⁾ nổi tiếng, và đã thẩm vấn một cô gái Do Thái thành Vienna bị nghi là có bầu với ngôi sao của hệ thống

trại tập trung. Do vậy Amon, có mặt và phần nộ khi bị khám nhà, chẳng có mấy cơ sở để mong được miễn trừ.

Gã bị đưa đến nhà tù SS ở Breslau chờ điều tra xét xử. Họ thể hiện sự vô can trong cách gã điều hành Płaszów bằng việc đến tư dinh gã thẩm vấn Helen Hirsch với lý do tình nghi cô can dự vào hành vi gian lận của Amon. Trong những tháng tiếp đó, hai lần cô bị đưa xuống xà lim dưới trại lính SS ở Płaszów để điều tra. Họ tra khảo cô về các đầu mối chợ đen của Amon - tay chân của gã là ai, gã quản lý xưởng kim hoàn, tiệm may và xưởng bọc nệm của Płaszów ra sao. Không ai đánh đập hoặc đe dọa cô. Nhưng họ đoán chắc rằng cô là một phần tử trong băng nhóm vẫn hành hạ cô. Nếu có bao giờ ao ước một sự giải thoát huy hoàng và không tưởng, Helen hẳn cũng chẳng dám nghĩ tới kịch bản Amon bị chính đồng bọn bắt giữ. Nhưng cô cảm thấy mất dần lý trí trong phòng hỏi cung, khi họ, bằng luật lệ của mình, muốn xích cô vào một giuộc với Amon.

Có lẽ Chilowicz giúp được các ông, cô nói. Nhưng Chilowicz chết rồi.

Cảnh sát là nghề của họ, và sau một thời gian, họ xác định cô chẳng biết gì để khai ngoài chút thông tin về những bữa tiệc ê hê của Goeth. Họ có thể hỏi cô về những vết sẹo, nhưng biết không thể quy tội bạo dân cho Amon. Khi điều tra về bạo dân ở trại Sachsenhausen, họ đã bị lính gác có vũ trang lừa ra khỏi cửa. Ở Buchenwald họ kiếm được một hạ sĩ quan làm nhân chứng chống lại viên Commandant, nhưng người này đã chết trong xà lim. Trưởng ban điều tra của SS ra lệnh lấy mẫu thuốc độc từ dạ dày viên hạ sĩ quan SS ra thử nghiệm với bốn tù nhân Nga. Ông ta chứng kiến họ giãy chết, và có bằng chứng chống lại viên Commandant và tay bác sĩ của trại. Mặc dù ông ta buộc được tội sát nhân và bạo dân cho y, đó là một thứ công lý quái gở. Trên hết, nó khiến đội ngũ quản trại đoàn kết và thủ tiêu nhân chứng. Do vậy điều tra viên tại Cục 5 không tra hỏi Helen về thương tích của cô. Họ tiếp tục theo đuổi tội danh biển thủ, và cuối cùng buông tha cho cô.

Họ cũng thẩm vấn cả Mietek Pemper. Anh đủ khôn ngoan để không khai nhiều về Amon, đặc biệt là về tội ác với loài người của

gã. Anh không biết gì về việc gã gian lận ngoài những lời đồn đại. Anh đóng vai người đánh máy trung dung và tốt tính, chỉ chuyên gõ các văn bản không mật. “Herr Commandant không bao giờ trao đổi những việc đó với tôi.” anh liên tục kêu nài. Nhưng sau màn kịch ấy chắc anh cũng chung niềm ngổ ngàng tốt độ với Helen Hirsch. Nếu có sự kiện nào hé mở cho anh một con đường sống rõ ràng nhất, thì đấy là việc Amon bị bắt. Bởi không có gì hạn định sinh mệnh anh chắc chắn hơn kịch bản này: khi quân Nga tới Tarnow, Amon sẽ đọc chính tả những bức thư cuối cùng trước khi kết liễu người đánh máy. Điều làm Mietek lo lắng, bởi vậy, là họ sẽ thả Amon ra quá sớm.

Có điều, họ không chỉ quan tâm đến chuyện đầu cơ của Amon. Viện thẩm phán SS xét hỏi Pemper đã được *Oberscharführer* Lorenz Landsdorfer tiết lộ rằng *Hauptsturmführer* Goeth đã cho gã thư ký Do Thái đánh máy bản hướng dẫn và kế hoạch ứng phó mà trại lính Płaszów phải triển khai nếu bị du kích tấn công. Amon, nhằm giải thích cho Pemper cách trình bày, đã cho gã xem bản sao những kế hoạch tương tự của các trại tập trung khác. Viên thẩm phán SS lấy làm quan ngại về việc tiết lộ tài liệu mật cho một tù nhân Do Thái đến mức ra lệnh bắt Pemper.

Pemper trải qua hai tuần thê thảm trong xà lim dưới trại lính SS. Anh không bị tra tấn, nhưng bị hỏi cung thường xuyên bởi các điều tra viên Cục 5 và hai thẩm phán SS. Anh ngỡ như đọc được trong mắt họ kết luận rằng an toàn nhất là bắn anh. Và một hôm khi bị thẩm vấn về kế hoạch ứng phó khẩn cấp của Płaszów, Pemper hỏi lại, “Các ông giữ tôi làm gì? Tù nào chả là tù. Đảng nào tôi cũng chịu án chung thân rồi.” Lập luận ấy được tính toán nhằm chấm dứt câu chuyện: hoặc là được phóng thích, hoặc nhận một viên đạn. Kết thúc phiên hỏi cung, Pemper trải qua vài tiếng đồng hồ thấp thỏm cho đến khi cửa xà lim mở ra. Anh được trả về lán. Tuy nhiên, đây chưa phải là lần cuối anh bị thẩm vấn về Commandant Goeth.

Dường như sau vụ bắt giữ, thuộc cấp của Amon không vội vàng bảo chứng cho gã. Tất cả đều thận trọng, Và chờ đợi. Bosch, kẻ đã uống vô khối rượu của Amon, bảo *Untersturmführer* John rằng hỏi lộ những điều tra viên cứng rắn của Cục 5 là điều rất mạo hiểm. Về

phần các thượng cấp của Amon, Sherner đã ra đi, bị giao nhiệm vụ săn du kích và cuối cùng sẽ thiệt mạng trong vụ phục kích ở rừng Niepolomice. Amon đang nằm trong tay Oranienburg, những kẻ chưa bao giờ ăn tối tại nhà gã - hoặc, nếu đã từng, thì cũng bị sốc hoặc sinh lòng đổ kỵ.

Sau khi được SS trả tự do, Helen Hirsch, giờ đây làm việc cho viên Commandant mới, *Hauptsturmführer* Büscher, nhận được một lá thư nhả nhận của Amon nhờ cô thu xếp một bọc quần áo, vài cuốn tiểu thuyết tình cảm và trinh thám, cùng ít rượu để gã giải sầu trong xà lim. Cứ như thư của họ hàng, cô nghĩ. “Vui lòng chuẩn bị giùm tôi những thứ sau,” lá thư mở đầu, và kết thúc bằng “Mong sớm gặp lại cô.”

*

Trong khi đó Oskar đã xuống phố chợ Troppau tìm gặp kỹ sư Sussmuth. Ông mang theo rượu và kim cương, nhưng lần này không cần thiết. Sussmuth cho biết ông ta đã đề xuất thiết lập một số trại lao động Do Thái ở các thị trấn ven Moravia nhằm cung cấp hàng hóa cho Tổng cục Quân giới. Tất nhiên, những trại này sẽ chịu sự quản lý tập trung của Auschwitz hoặc Gröss-Rosen, vì phạm vi ảnh hưởng của hai trại lớn này bao trùm biên giới Ba Lan-Czechoslovakia. Nhưng ở những trại nhỏ này sẽ an toàn hơn một đại nghĩa địa như Auschwitz. Đương nhiên Sussmuth vẫn chưa thành công. Lâu đài Liberec đã chà đạp lên đề xuất này. Ông ta không có đòn bẩy cần thiết. Oskar - với sự ủng hộ từ đại tá Lange và các thành viên Ủy ban Di tản - có thể là đòn bẩy ấy.

Sussmuth có tại văn phòng một danh sách những địa điểm thích hợp để tiếp nhận các nhà máy di tản từ vùng chiến sự. Gần Zwittau quê Oskar, ven một làng tên gọi Brinnlitz, là một nhà máy dệt lớn thuộc sở hữu của anh em nhà Hoffman. Ở thành Vienna quê nhà, họ kinh doanh bơ và pho mát, nhưng đã theo quân viễn chinh tới *Sudetenland* (cũng như Oskar tới Cracow) và trở thành đại gia ngành dệt. Nguyên một cánh nhà máy không hoạt động, chỉ để làm kho chứa các máy kéo sợi lỗi thời. Nơi này nằm trong phạm vi cung ứng của ga Zwittau, nơi em rể Schindler quản lý kho bãi. Và có một đường ray chạy tới sát cổng. Anh em nhà này thuộc loại cơ hội,

Sussmuth mỉm cười. Họ có hậu thuẫn của đảng Quốc xã địa phương - cả Hội đồng tỉnh và lãnh đạo quận đều trong túi họ. Nhưng anh đã có Lange chống lưng. Tôi sẽ viết cho Berlin ngay, và đề xuất sử dụng cơ sở của Hoffman, Sussmuth hứa.

Oskar biết ngôi làng Đức Brinnlitz từ thời thơ ấu. Dấu ấn chủng tộc được thể hiện ngay từ cái tên, vì dân Czech sẽ gọi nó là Brnenec, cũng như Zwittau là Zvitava với người Czech. Cư dân Brinnlitz sẽ chẳng thích thú gì với việc có hơn nghìn tù nhân Do Thái dọn đến đây. Dân Zwittau, một phần là công nhân nhà máy của Hoffman, cũng chẳng ưa gì việc cái ao làng công nghiệp tù đọng của mình bị ô nhiễm sắc tộc khi chiến tranh sắp đến hồi kết thúc.

Dẫu sao, Oskar vẫn lái xe đến ngó qua địa điểm này. Ông không đi cửa trước, vì sợ sẽ đánh động người rần rần hơn trong hai anh em nhà Hoffman, đang là Chủ tịch Công ty. Ông vào được khu nhà phụ mà không bị hỏi han gì. Đây là một nhà xưởng kiểu cũ, xây hai tầng quanh một khoảng sân. Tầng trệt trần cao, chất đầy máy cũ và các thùng len. Tầng trên có lẽ định dành cho văn phòng và các máy móc hạng nhẹ. Sàn này không chịu nổi sức nặng của các máy ép cỡ lớn. Tầng dưới có thể làm xưởng mới của DEF, làm văn phòng, và căn hộ của *Herr Direktor* ở một góc. Tầng trên sẽ là nơi ở cho tù nhân.

Địa điểm mới làm Oskar phấn chấn. Ông trở về Cracow, háo hức được bắt tay vào việc, được tiêu những món tiền cần thiết, và tính đặt lại vấn đề với Madritsch. Bởi Sussmuth có thể kiếm chỗ - thậm chí cả mặt bằng sẵn có ở Brinnlitz - cho Madritsch.

Khi về nhà máy, ông thấy một máy bay ném bom của quân Đồng minh, bị tiêm kích của *Luftwaffe* bắn hạ, đã đâm xuống hai lán cuối dãy của nhà tù Emalia. Phần thân cháy đen nằm méo mó trong đống đổ nát của hai căn lán bị san bằng. Chỉ còn một nhóm nhỏ tù nhân ở lại kết thúc sản xuất và duy trì nhà máy. Họ đã chứng kiến nó bốc cháy và lao xuống. Trong đó có hai người, đều chết cháy. Người của *Luftwaffe* đưa xác đi bảo Adam Garde rằng đó là một chiếc Stirling, và hai phi công là người Úc. Một người vẫn giữ cuốn *Kinh Thánh* tiếng Anh cháy sém, có lẽ đã cầm nó trong tay khi lao xuống. Hai người khác nhảy dù xuống ngoại thành. Quân Đức tìm được một, đã chết vì thương tích, người vẫn đeo dù. Người kia được du kích giải

cứu và giấu đi. Nhiệm vụ của các phi công Úc này là thả đồ tiếp tế cho du kích ở rừng rậm phía Đông Cracow.

Nếu Oskar chờ đợi một sự xác thực, thì đây là cái ông cần. Việc có người lặn lội từ những thị trấn vô danh tận hoang mạc Úc châu hẻo lánh đến đây để đẩy nhanh cái kết của Cracow. Ông liền gọi điện cho viên quản lý đầu máy ở văn phòng chủ tịch *Ostbahn* và mời ông ta ăn tối để bàn về nhu cầu thuê toa chở hàng của DEF.

*

Một tuần sau khi Oskar gặp Sussmuth, Ủy ban Quân giới Berlin ra chỉ thị cho Toàn quyền Moravia rằng nhà máy quân giới của Oskar Schindler sẽ chuyển đến xưởng phụ thuộc nhà máy dệt của Hoffman. Phủ Toàn quyền không thể làm gì hơn ngoài việc trì hoãn thủ tục giấy tờ, Sussmuth cho Oskar biết qua điện thoại. Nhưng riêng Hoffman và các đảng viên Quốc xã vùng Zwittau đã nhóm họp và thông qua nghị quyết phản đối việc Oskar xâm phạm Moravia. *Kreisleiter*⁽⁷⁴⁾ tại Zwittau gửi thư lên Berlin cáo buộc tù nhân Do Thái ở Ba Lan là hiểm họa đối với sức khỏe người dân Đức ở Moravia. Sốt phát ban nhiều khả năng sẽ xuất hiện ở đây lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại; trong khi cơ sở vũ khí bé nhỏ của Oskar, giá trị đối với công cuộc chiến tranh còn rất mơ hồ, sẽ thành mục tiêu ném bom của Đồng minh và liên lụy đến nhà máy quan trọng của Hoffman nằm kề bên. Số tội phạm Do Thái trong trại của Schindler cũng sẽ áp đảo số cư dân tử tế ít ỏi của Brinnlitz, và thành một khối ung nhọt trên sườn núi Zwittau trung thực.

Sự phản đối này hoàn toàn vô ích, vì nó đi thẳng đến văn phòng của Erich Lange ở Berlin. Khiếu nại gửi đến Troppau thì bị Sussmuth chính trực im đi. Tuy vậy ở quê nhà Oskar vẫn xuất hiện trên tường dòng chữ “LỮ TỘI PHẠM DO THÁI CÚT ĐI”.

Oskar tiếp tục tiêu tiền. Ông chỉ cho Ủy ban Di tản Cracow để sớm có giấy phép di chuyển máy móc. Sở Kinh tế Cracow cần được động viên để giải tỏa các khoản thế chấp ngân hàng. Tiền mặt lúc này không được chuộng, nên ông trả bằng hàng hóa - từng cân chè, từng đôi giày da, từng tấm thảm, từng gói cà phê, từng hộp cá. Ông quần đảo suốt chiều trên những con phố nhỏ quanh Quảng trường

Cracow và mặc cả với những cái giá trên trời để mua bất cứ thứ gì dám quan lại thêm muốn. Nếu không, ông dám chắc, chúng sẽ cho ông đợi đến khi tù nhân Do Thái cuối cùng của ông đã vào Auschwitz.

Chính Sussmuth tiết lộ với ông, đám người ở Zwittau đã viết cho Tổng cục Quân giới tố cáo Oskar buôn bán chợ đen. Nếu họ đã viết cho tôi, Sussmuth, anh có thể cá rằng thư này cũng sẽ đến tay trùm cảnh sát Moravia *Obersturmführer* Otto Rasch. Anh nên ra mắt Rasch và cho ông ta thấy mình dễ mền ra sao.

Oskar biết Rasch từ thời ông ta là trùm cảnh sát SS tại Katowice. Tình cờ Rasch lại là bạn với chủ tịch Công ty Ferrum AG ở Sosnowiec, đối tác bán sắt cho Oskar. Khi lao xuống Brno hòng đi trước những kẻ tố cáo mình một bước, Oskar đâu có trông đợi vào một mối liên hệ mong manh là bạn bè chung. Ông mang theo một viên kim cương tuyệt mỹ, và bằng cách nào đó đã giới thiệu nó với viên sĩ quan. Khi băng qua mặt bàn và dừng lại bên Rasch, nó đã thay Oskar vỗ yên mặt trận Brno.

Sau này Oskar ước tính ông đã tiêu 100.000 RM - gần 40.000 dollar - để bôi trơn việc chuyển nhà máy về Brinnlitz. Hiếm có ai trong số những người sống sót hoài nghi con số này, tuy nhiên một số lắc đầu và nói, “Không, hơn! Phải hơn thế nhiều.”

*

Ông soạn một văn bản gọi là danh sách chuẩn bị và gửi lên Tòa nhà Quản trị. Trong đó có trên một nghìn cái tên - toàn bộ tù nhân tại nhà tù sân sau của Emalia, và cả những tên mới. Helen Hirsch là cái tên mới tinh trong danh sách, và Amon chẳng còn ở đó mà phản đối.

Và danh sách sẽ còn mở rộng nếu Madritsch đồng ý dọn đến Moravia cùng Oskar. Bởi vậy Oskar kiên trì tranh thủ Titsch, đồng minh của ông trong việc thuyết phục Julius Madritsch. Những ai gần gũi với Titsch ở nhà máy của Madritsch biết Oskar đang lên danh sách, và họ có thể có tên trong đó. Titsch không giấu giếm gì họ: Cố mà chui vào đó. Ở vương quốc giấy tờ của Płaszów, vài chục trang danh sách của Oskar là những trang duy nhất dẫn tới tương lai.

Nhưng Madritsch vẫn chưa quyết có liên minh với Oskar không, có bổ sung ba ngàn lao động của ông vào danh sách không.

Một lần nữa, tồn tại sự mơ hồ rất thích hợp với một huyền thoại xung quanh sự ra đời của bản danh sách. Việc bản danh sách có thật hay không thì không có gì mơ hồ cả - bản sao của nó ngày nay vẫn được lưu trữ ở *Yad Vashem*. Và không có gì mù mờ, như chúng ta sẽ thấy, xung quanh những cái tên được Oskar và Titsch nhớ ra vào phút chót và đính kèm vào cuối văn bản chính thức. Những cái tên trong danh sách đều xác định. Nhưng hoàn cảnh là mảnh đất màu mỡ cho huyền thoại. Vấn đề là người ta ghi nhớ bản danh sách mãnh liệt đến mức làm nó nhòa đi dưới chính sức nóng ấy. Nó là cái thiện tuyệt đích. Nó là sự sống. Còn xung quanh cái lẽ chật hẹp của nó là vực sâu thăm thẳm.

Một số người có tên trong danh sách kể rằng có một bữa tiệc ở tư dinh của Goeth, một cuộc tái ngộ của các sĩ quan SS và doanh nhân để kỷ niệm quãng thời gian tốt đẹp ở đây. Một số cho rằng Goeth cũng có mặt; nhưng do SS không cho phép đóng tiền bảo lãnh, điều này là không thể. Số khác tin rằng bữa tiệc diễn ra ở căn hộ của Oskar bên trên nhà máy. Oskar đã gây những cuộc tiệc tùng tuyệt hảo tại đây suốt hơn hai năm qua. Một tù nhân Emalia nhớ lại phiên gác đêm năm 1944, khi Oskar từ trên lầu đi xuống lúc một giờ sáng để trốn tránh sự náo nhiệt, và mang theo hai chiếc bánh, hai trăm điều thuốc và một chai rượu cho anh bạn gác đêm.

Buổi dạ tiệc tốt nghiệp của Płaszów, dù diễn ra ở đâu, cũng có một bác sĩ Blancke, Franz Bosch, và theo một số người, cả *Oberführer* Julian Scherner, đang tạm nghỉ công việc săn lùng du kích. Madritsch và Titsch cũng có mặt. Sau này Titsch tiết lộ chính ở buổi tiệc này Madritsch đã lần đầu tiên thông báo với Oskar rằng mình sẽ không chuyển tới Moravia. “Tôi đã làm tất cả những gì có thể cho người Do Thái,” Madritsch nói. Và ông không nói ngoa. Nhưng lần này ý ông đã quyết, dù Titsch đã cố thuyết phục ông mấy ngày qua.

Madritsch là người chính trực. Sau này ông sẽ được tôn vinh một cách xứng đáng. Chỉ là ông không tin vào giải pháp Moravia. Nếu tin, mọi tín hiệu đều cho thấy ông sẽ theo đuổi nó.

Người ta còn biết bữa tiệc diễn ra trong sự khẩn trương, bởi tối hôm ấy Schindler phải nộp bản danh sách. Đây là tình tiết được xác thực qua lời kể của tất cả những người sống sót. Họ chỉ có thể thuật lại và bồi thêm chi tiết nếu được nghe từ chính miệng Oskar, người có thói quen thêu hoa dệt gấm khi kể chuyện. Nhưng vào đầu thập niên 1960 chính Titsch đã khẳng định chuyện này cơ bản là xác thực. Có lẽ viên Commandant tạm quyền tại Płaszów, một *Hauptsturmführer* tên là Büscher, đã bảo Oskar, “Đùa thế đủ rồi, Oskar! Chúng ta phải hoàn tất giấy tờ và việc vận chuyển.” Cũng có thể *Ostbahn* đã đặt thời hạn dựa trên thời gian khả dụng của phương tiện vận tải.

Do đó, cuối danh sách của Oskar, Titsch phải gõ bổ sung bên dưới chữ ký, tên các tù nhân của Madritsch. Họ thêm vào gần bảy mươi cái tên, dựa trên trí nhớ của cả hai. Trong số đó có tên nhà Feigenbaum - Cô con gái bị ung thư xương vô phương cứu chữa; có cậu con trai Lutek tay nghề sửa máy khâu còn bập bõm. Giờ đây, qua bàn tay vội vàng của Titsch, họ trở thành công nhân sản xuất đạn dược lành nghề. Trong căn hộ, giữa tiếng hát hò trò chuyện râm ran, cười nói ầm ĩ và màn sương khói thuốc, ở một góc, Oskar và Titsch vật lộn với những cái tên, căng óc tìm cách đánh vần một cái họ Ba Lan.

Cuối cùng, Oskar phải giữ tay Titsch lại. Nhiều quá rồi, ông bạn. Con số này đã đủ làm chúng chán chường. Titsch vẫn vất óc nhớ thêm, và sáng hôm sau sẽ thức dậy đây ăn năn vì một cái tên đến với ông quá muộn. Nhưng ông cũng đã tới hạn, kiệt sức vì việc này. Điều ông vừa làm gần đến mức báng bổ với việc tái sinh con người chỉ bằng cách nghĩ đến họ. Ông không thấy miễn cưỡng khi làm vậy. Chính sự thật mà nó phản ánh về thế giới này - chính đó là điều khiến không khí nặng nề trong căn hộ của Schindler trở nên ngột thở với Titsch.

Tuy nhiên, bản danh sách lại bị lợi dụng bởi tay thư ký nhân sự, Marcel Goldberg. Büscher, viên Commandant mới, có mặt chỉ để giải thể trại giam, chẳng quan tâm đến chuyện ai có tên trong danh sách, miễn là số lượng có giới hạn nhất định. Do vậy, Goldberg có cơ hội thao túng ở vòng ngoài. Tù nhân đều biết, Goldberg là loại ăn

tiền. Nhà Dresner biết. Juda Dresner - bác cô bé Genia áo đỏ, chồng bà Dresner từng bị tù chối không cho trốn trong tường, cha của Janek và cô thiếu nữ Danka - Juda Dresner biết rõ. “Ông ấy hối lộ Goldberg,” cả gia đình giải thích đơn giản như vậy về việc tại sao họ lọt vào danh sách của Schindler. Họ không bao giờ biết ông phải trả những gì. Bác thợ kim hoàn Wulkan hẳn cũng lo được suất cho mình, cho vợ và con trai bằng cách đó. Poldek Pfefferberg biết đến bản danh sách từ một hạ sĩ quan SS tên gọi Hans Schreiber. Schreiber, một thanh niên trạc hai lăm, cũng có ác danh ở Płaszów chẳng kém ai, nhưng Pfefferberg ít nhiều chiếm được cảm tình của gã theo một cách khá phổ biến ở khắp chế độ này trong quan hệ cá nhân giữa tù nhân và nhân viên SS. Mọi sự bắt đầu một hôm khi Pfefferberg, là trưởng nhóm ở lán, chịu trách nhiệm lau cửa sổ. Schreiber đi kiểm tra thấy vết ố và bắt đầu dọa nạt Poldek theo kiểu thường là khúc dạo đầu cho một vụ hành quyết. Pfefferberg nổi điên và bảo Schreiber rằng cả ông lẫn tôi đều thừa biết cái cửa rất sạch rồi, và nếu ông muốn kiếm cớ bắn tôi thì làm mẹ nó đi cho xong. Con bột phát ấy, trái với lẽ thường, khiến Schreiber thấy thú vị, và sau này thỉnh thoảng lại vẫy Pfefferberg ra hỏi thăm sức khỏe hai vợ chồng, đôi khi còn gửi cho Mila quả táo. Mùa hè 1944, Poldek cầu xin gã cứu Mila khỏi chuyến tàu toàn phụ nữ từ Płaszów đến địa ngục Stutthof, ven biển Baltic. Mila đã xếp hàng lên tàu thì Schreiber vung vẫy tờ lệnh xuất hiện và gọi tên cô. Một lần khác, vào Chủ nhật, gã đến lán của Pfefferberg, say khướt và nức nở, trước mặt Poldek cùng mấy tù nhân khác, về “những điều khủng khiếp” gã gây ra ở Płaszów. Gã bảo sẽ chuộc tội bằng cách xung phong ra Mặt trận phía Đông. Rốt cuộc, gã làm thế thật.

Lần này gã mách Poldek rằng Schindler có bản danh sách và Poldek cần làm tất cả những gì có thể để có tên trong đó. Poldek xuống Tòa nhà Quản trị để xin Goldberg đưa tên anh và Mila vào danh sách. Hơn một năm rưỡi qua, Schindler vẫn hay đến thăm Poldek ở ga ra của trại và luôn hứa sẽ cứu anh ra. Tuy nhiên Poldek đã trở thành một thợ hàn lành nghề tới mức đảm quản lý, những người rất cần cho ra lò sản phẩm chất lượng cao để bảo toàn tính mạng bản thân, không đời nào chịu nhả anh. Giờ đây Goldberg nắm

danh sách trong tay - y đã tự ghi tên mình vào đó - và anh bạn cũ của Oskar, từng thường xuyên là khách ở căn hộ trên phố Straszewskiego, hy vọng sẽ có tên trong danh sách vì chút tình cố cựu với Oskar. “Chú mày có kim cương không?” Goldberg hỏi Pfefferberg.

“Ông đùa đấy à?” Poldek hỏi.

“Cái danh sách này,” Goldberg, kể ngẫu nhiên vợ được quyền lực tối thượng, đáp, “nó chỉ nhận kim cương thôi.”

Giờ đây khi *Hauptsturmführer* Goeth, người yêu nhạc thành Vienna, đã vào tù, hai anh em nhà Rosner, nghệ sĩ cung đình, có thể tự do vận động để có tên trong danh sách. Dolek Horowitz, trước đây từng thu xếp cho vợ con đến Emalia, cũng thuyết phục được Goldberg đưa tên ông, vợ ông, con trai ông và con gái nhỏ của ông vào. Trước giờ Horowitz vẫn làm việc ở kho hàng chính của Płaszów và tranh thủ giấu được chút của nả. Giờ đây nó rơi vào túi Marcel Goldberg.

Trong số những cái tên có anh em nhà Bejski, Uri và Moshe, danh nghĩa là thợ sửa máy và thợ vẽ. Uri am hiểu vũ khí còn Moshe có tài làm giả giấy tờ. Hoàn cảnh của bản danh sách mù mờ đến nỗi khó xác định được đây có phải nguyên nhân khiến họ được đưa vào hay không.

Josef Bau, chàng rể trọng lễ nghi, về sau sẽ được đưa vào mà anh không hề biết. Goldberg chủ định bùng bít thông tin về bản danh sách. Xét tính cách của chàng trai, có thể phỏng đoán rằng nếu Bau chủ động đặt vấn đề với Goldberg thì anh sẽ đòi phải có cả mẹ và vợ đi cùng. Về sau khi anh phát hiện ra chỉ mình có tên đi Brinnlitz thì đã quá muộn.

Về phần Stern, *Herr Direktor* đã ghi tên ông vào ngay từ đầu. Ông là đức Cha xưng tội duy nhất của Oskar từ trước đến nay, và ý kiến của Stern có ảnh hưởng rất lớn đến ông.

Từ 1 tháng Mười, không tù nhân Do Thái nào được phép rời Płaszów để tới nhà máy cáp hay vì bất kỳ mục đích nào khác. Đồng thời, các trưởng nhóm ở trại tù Ba Lan bắt đầu bố trí canh gác để ngăn việc tù Do Thái đánh đổi bánh mì. Giá bánh mì lậu lên cao đến

mức khó lòng biểu thị bằng złoty. Trước đây, một tấm áo khoác có thể đổi được một ổ, một chiếc áo lót sạch được 250 gam. Giờ đây - như với Goldberg, nó được tính bằng kim cương.

Tuần đầu tháng Mười, Oskar và Bankier có việc đến Płaszów và, như thường lệ, rẽ vào thăm Stern ở Phòng Xây dựng. Từ văn phòng cũ của Amon đi xuống cuối hành lang mới đến chỗ Stern. Chưa bao giờ họ có thể trao đổi tại đây thoải mái như thế. Stern kể cho Schindler về tình hình lạm phát phi mã của bánh mì đen. Oskar quay sang Bankier. “Nhớ chuyển cho Weichert 50.000 złoty,” Oskar lầm bầm.

Bác sĩ Michael Weichert là chủ tịch của Cộng đồng Tương thân Do Thái trước đây, nay là Văn phòng Cứu trợ Do Thái. Ông và văn phòng được phép hoạt động chỉ để làm màu và phần khác do ông có quan hệ mật thiết với Hội Chữ thập đỏ Đức. Mặc dù nhiều người Do Thái Ba Lan đối xử với ông bằng một sự hoài nghi dễ hiểu, và mặc dù chính sự hoài nghi này đã đưa ông ra tòa, sau chiến tranh - rồi ông được trắng án - Weichert đích thực là người thích hợp để nhanh chóng kiếm được 50.000 zł bánh mì và đưa vào Płaszów.

Cuộc đối thoại của Stern và Oskar tiếp tục. Đoạn 50.000 złoty chỉ là tiểu tiết trong câu chuyện giữa họ về thời loạn lạc và việc Amon đang hưởng thú ở tù tại Breslau ra sao.

Đến cuối tuần, bánh mì chợ đen từ thành phố được tuồn vào trại trong xe chở vải, than hoặc sắt vụn. Trong vòng một ngày, bánh mì đã về lại giá cũ.

Đó là trường hợp điển hình về sự thông đồng giữa Oskar và Stern, và sau này còn nhiều vụ khác.

(72) Thủ lĩnh đảng Quốc xã ở cấp tỉnh/bang.

(73) Trại trưởng Auschwitz.

(74) Thủ lĩnh Đảng Quốc xã ở cấp địa phương (quận, huyện).

CHƯƠNG 32

Ít nhất một tù nhân Emalia bị Goldberg gạch tên để lấy chỗ cho kẻ khác - họ hàng, những người Zionist, chuyên gia, hoặc người hồi lộ - sẽ đem lòng oán trách Oskar.

Năm 1963, Hội Martin Buber nhận được bức thư tội nghiệp của một cư dân New York, một cựu tù Emalia. Người này nói, tại Emalia, Oskar đã hứa giải cứu họ. Đổi lại, họ đã lao động để làm giàu cho ông. Thế nhưng cuối cùng một số lại không có tên trong danh sách. Người này coi việc bị xóa tên là một sự phản bội với cá nhân mình và - với mọi phần nộ của người phải vào lò lửa để trả giá cho sự dối trá của kẻ khác - quy tội cho Oskar về tất cả những gì sau đó: về Gröss-Rosen, về vách núi kinh khiếp ở Mauthausen nơi tù nhân bị ném xuống, và cuối cùng là hành trình tử thần⁽⁷⁵⁾ khi kết thúc chiến tranh.

Điều lạ là, bức thư bừng bừng phần nộ chính đáng này lại thể hiện sinh động nhất hiện thực: cuộc sống trong danh sách là khả dĩ, còn ngoài danh sách thì không nói nổi thành lời. Nhưng có lẽ sẽ không công bằng nếu kết tội Oskar về việc Goldberg lấy mạng thay đào. Trong thời kỳ hỗn loạn ấy, lãnh đạo trại sẽ ký bất kỳ danh sách nào Goldberg trình lên, miễn là nó không vượt quá xa con số 1.100 Oskar được chấp thuận. Bản thân Oskar chẳng thể giám sát Goldberg từng giờ. Ban ngày ông còn phải chạy vạy đảm quan chức, tối đến lại phỉn nịnh chúng.

Chẳng hạn, ông dự kiến nhận được giấy phép vận chuyển máy Hilo và ép kim loại từ bàn bè cũ tại văn phòng của tướng Schindler, nhưng có kẻ cố tình trì hoãn thủ tục, gây khó để có thể làm tiêu tan ý tưởng giải cứu 1.100 tù nhân của Oskar.

Một quan chức ở Tổng cục Quân giới cho rằng số máy móc sản xuất vũ khí của Oskar là do bộ phận mua sắm Berlin cung cấp, và theo phê duyệt từ bộ phận cấp phép, chỉ được sử dụng tại Ba Lan. Cả hai cơ quan này đều chưa được thông báo về đề xuất di chuyển đến Moravia. Đây là điều bắt buộc. Sẽ phải mất một tháng để nhận giấy phép của họ. Oskar làm gì có một tháng. Cuối tháng Mười

Plaszów sẽ giải thể, tất cả tù nhân sẽ đến Gröss-Rosen hoặc Auschwitz. Cuối cùng, vấn đề được giải quyết bằng những món quà quen thuộc.

Ngoài những mối bận tâm ấy, Oskar còn lo lắng về việc SS điều tra Amon. Ông nửa chờ đợi mình bị bắt giữ hoặc - và cũng chẳng khác gì - bị thẩm vấn kỹ về quan hệ với viên Commandant cũ. Ông dự trù như thế là rất tỉnh, bởi một trong những giải thích của Amon cho khoản tiền 80.000 RM tại nhà gã là, "Oskar Schindler đưa tiền để tôi nới tay cho tù nhân Do Thái." Do vậy Oskar phải giữ liên lạc với bạn bè trên phố Pomorska để nắm được hướng đi cuộc điều tra của Cục 5.

Cuối cùng, do trại mới ở Brinnlitz sẽ đặt dưới sự giám sát tối cao của KL Gröss-Rosen, ông đã chủ động làm quen với Commandant của nơi này, *Sturmbannführer* Hassebroeck. Dưới sự điều hành của Hassebroeck 100.000 người sẽ chết ở Gröss-Rosen, nhưng khi trao đổi với y qua điện thoại và lái xe xuống Hạ Silesia gặp y, Oskar cảm thấy y chỉ là mối lo sau chót của mình. Giờ đây Schindler đã quen với những tên sát nhân lịch lãm và nhận thấy Hassebroeck thậm chí còn biết ơn ông vì đã mở rộng để chế Gröss-Rosen đến Moravia. Hassebroeck quả tình xem đây là một đế chế. Y quản lý một trăm lẻ ba trại nhỏ (Brinnlitz là trại một trăm lẻ tư và, với hơn một ngàn tù nhân cùng ngành nghề kỹ thuật cao, là một sự bổ sung đáng kể). Bảy mươi tám trại của y ở Ba Lan, mười sáu ở Czechoslovakia, và ba ở Đức. Amon chưa bao giờ có trong tay miếng pho mát nào lớn thế.

Với bằng ấy ve vãn, chạy chọt, và hồ sơ giấy tờ phải lo vào tuần cuối khi Plaszów sắp giải thể, Oskar nếu có quyền thì cũng chẳng có thời gian để giám sát Goldberg. Dù gì đi nữa, ký ức của tù nhân về khu trại những ngày cuối cùng đã nhợt nhạt và hỗn loạn, còn ở trung tâm Goldbert - Trùm danh sách - vẫn kiên trì bám trụ để kiếm thêm.

Bác sĩ Idek Schindel tiếp cận Goldberg để lo cho mình và hai em trai vào Brinnlitz. Goldberg không trả lời, và mãi đến tối 15 tháng Mười Schindel mới biết, khi các tù nam bị lừa lên xe gia súc, rằng họ không có tên ở trại của Schindler. Nhưng họ vẫn đứng vào hàng của

Schindler. Cảnh tượng giống như bức phù điêu rắn đe về Ngày Phán Quyết - những người không có dấu hợp lệ định trà trộn vào hàng con chiên ngoan đạo, và bị thiên thần báo ứng - trường hợp này là *Oberscharführer* Müller - phát hiện. Gã cầm roi lại gần bác sĩ, dùng cán da tát ông vào má trái, má phải, lại trái, lại phải, và cười cợt hỏi, “Mày chui vào hàng này làm gì?”

Schindel phải ở lại với nhóm tù nhân tham gia giải thể Płaszów, và sau đó đi cùng toa với một đoàn tù nữ ốm đến Auschwitz. Họ bị nhốt vào một lán ở góc Birkenau chờ chết. Thế nhưng phần lớn, bị quản giáo bỏ mặc và thoát khỏi quy trình thông thường ở đây, sẽ sống sót. Sau đó Schindel bị chuyển đến Flossenburg và cùng hai em trải qua một hành trình tử thần. Ông sống sót, dù chỉ còn da bọc xương, nhưng cậu út sẽ bị bắn chết trên đường khi chỉ còn một ngày nữa là chiến tranh kết thúc. Đây là ví dụ cho việc bản danh sách, tuy không có chút gian trá nào từ phía Oskar, nhưng với đủ gian trá từ phía Goldberg, tiếp tục trêu người những người sống sót như đã từng trêu người họ vào những ngày tháng Mười tuyệt vọng ấy.

Mỗi người đều có chuyện để kể về bản danh sách. Henry Rosner đứng trong hàng của Schindler, nhưng một hạ sĩ quan nhìn thấy cây vĩ cầm và, biết Amon sẽ đòi âm nhạc nếu gã được thả về, đuổi Rosner trở lại. Rosner bèn giấu cây đàn dưới áo và kẹp am đàn vào nách. Anh xếp hàng lần nữa và lên được toa của Schindler.

Rosner là một trong những người có được lời hứa của Oskar, và do đó luôn có tên trong danh sách. Nhà Jereth cũng vậy: ông Jereth chủ nhà máy vỏ hộp và bà Chaja Jereth, được mô tả một cách lạc quan và thiếu chính xác là *Metallarbeiterin* - thợ luyện kim. Nhà Perlman, gương mặt kỳ cựu của Emalia, cũng có tên, nhà Levartov cũng thế. Kỳ thực, mặc dù có Goldberg, Oskar vẫn có được phần lớn những người mà ông yêu cầu, dù có một số bất ngờ. Một người thế tục như Oskar hẳn sẽ không bất ngờ khi thấy Goldberg có mặt trong sổ cư dân Brinnlitz.

Nhưng còn những sự bổ sung đáng hoan nghênh hơn thế. Như Poldek Pfefferberg chẳng hạn. Vô tình bị bỏ sót, kể đó bị Goldberg từ chối vì thiếu kim cương, Poldek bán tin rằng anh cần mua vodka - đổi bằng quần áo hoặc bánh mì. Khi kiếm được rượu, anh mang

đến tòa nhà cần vụ ở đường Jerozolimska, nơi Schreiber có phiên trực, để xin gã gây sức ép với Goldberg đưa tên anh với Mila vào. “Schindler,” anh nói, “sẽ ghi tên chúng tôi ngay nếu ông ấy nhớ ra.” Poldek biết rõ anh đang mặc cả tính mạng của mình. “Được.” Schreiber nhận lời. “Hai người phải có tên trong đó.” Đây là một câu đố về nhân tính khi những kẻ như Schreiber giây phút ấy không tự hỏi, nếu người này và vợ đáng cứu, sao những người khác lại không?

Sẽ tới lúc nhà Pfefferberg thấy mình xếp bên hàng người của Schindler. Cũng như họ, với sự ngỡ ngàng, là Helen Hirsch và đứa em gái mà sự sinh tồn của cô luôn là nỗi ám ảnh của Helen.

*

Nhóm tù nam trong danh sách của Schindler lên tàu ở Płaszów vào hôm Chủ nhật 15 tháng Mười. Tròn một tuần sau mới tới lượt nhóm tù nữ. Tuy tám trăm người được tách riêng khi lên tàu, và được xếp vào các toa hàng dành riêng cho công nhân của Schindler, họ được ghép chung với các toa chở 1.300 tù khác, tất cả cùng chạy đến Gröss-Rosen. Có vẻ một số đã ít nhiều chuẩn bị tinh thần sẽ phải qua Gröss-Rosen trên đường tới trại của Schindler; nhưng nhiều người khác tin rằng họ sẽ đi thẳng đến nơi. Họ sẵn sàng chịu đựng một chuyến tàu chậm tới Moravia - họ chấp nhận thực tế là sẽ phải ngồi chờ tại các ga và các đoạn tàu tránh. Họ có thể phải đợi nửa ngày để nhường đường cho các đoàn tàu ưu tiên. Tuần trước đã có tuyết đầu mùa và trời sẽ lạnh. Mỗi người được phát có ba trăm gam bánh mì cho cả chuyến đi và mỗi toa chỉ có một xô nước. Khi có nhu cầu vệ sinh, hành khách sẽ phải đi vào góc toa, còn nếu chật quá thì sẽ phải tiểu tiện và đại tiện ngay tại chỗ. Nhưng sau cùng, bất chấp mọi khổ nhục, họ sẽ nhào xuống nhà máy của Schindler. Chủ nhật sau ba trăm tù nữ sẽ lên tàu với cùng tâm thế hân hoan ấy.

Mọi người thấy hành lý của Goldberg cũng gọn nhẹ như họ. Chắc hẳn y vẫn còn có quan hệ bên ngoài Płaszów để giữ hộ kim cương. Những người vẫn nuôi hy vọng nhờ vả y giúp ông bác, đứa em, bà chị thì nhường cho y chỗ để ngồi thoải mái. Còn lại mọi người ngồi xổm, cầm tì lên đầu gối. Dolek Horowitz bé Richard sáu tuổi trong

tay. Henry Rosner lấy quần áo bên thành một cái ổ trên sàn cho cậu bé lên chín Olek.

Tàu đi mất ba ngày. Đôi khi ở đoạn tàu tránh, hơi thở của họ đóng băng trên vách. Không khí hiếm hoi, nhưng khi được một hơi đầy thì lại giá buốt và hôi thối. Sau cùng, tàu dừng lại lúc chạng vạng một ngày thu thảm đạm. Cửa mở và hành khách phải nhanh nhẹn nhảy xuống như doanh nhân có cuộc hẹn. Lính SS chạy xen giữa họ, quát tháo chỉ đường, và chửi rửa họ vì hôi thối. “Cởi hết đồ ra!” đám hạ sĩ quan gầm lên. “Cởi hết để diệt trùng!” Họ xếp đồng quần áo lại và trần truồng bước vào trại. Đến sáu giờ tối, họ lỏa lồ xếp hàng trên *Appellplatz* của điểm đến khắc nghiệt này. Tuyết phủ trên cây cối; mặt sân đóng băng. Không phải trại của Schindler. Mà là Gröss-Rosen. Những người hồi lộ Goldberg hằm hằm nhìn y, dọa giết, trong khi lính SS mặc áo khoác đi lại và quật vào mông những ai run rẩy ra mặt.

Chúng bắt họ đứng ngoài *Appellplatz* suốt đêm vì chưa có lán. Giữa sáng hôm sau, họ mới được vào trong nhà. Khi nói về mười bảy tiếng phơi mình ngoài trời, và về cái lạnh khôn tả bóp nghẹt trái tim, những người sống sót không nhắc tới cái chết nào. Có lẽ cuộc sống dưới ách SS, thậm chí cả Emalia, đã tôi luyện họ cho một đêm như thế. Tuy ấm hơn mấy đêm trước trong tuần, nó vẫn đủ sức giết người. Một số dĩ nhiên còn mãi mê với viễn cảnh Brinnlitz đến nỗi quên đi cái lạnh.

Sau này, Oskar còn gặp những người đã sống sót sau khi phơi mình dưới cái lạnh còn lâu hơn thế. Chắc chắn cụ Garde, cha của Adam Garde, đã sống qua đêm ấy, và hai cậu bé Olek Rosner và Richard Horowitz cũng vậy.

Mười một giờ sáng hôm sau, họ bị xua đi tắm. Poldek Pfefferberg, chen chúc cùng mọi người, xem xét cái vòi sen trên đầu với vẻ nghi ngờ, không hiểu nước hay hơi ngạt sắp phun xuống. Là nước; nhưng trước khi có nước, một đội thợ cạo Ukraine đã ào đến, cạo sạch tóc, lông mu, lông nách họ. Anh đứng thẳng, mắt nhìn ra trước trong khi lính Ukraine hành sự với lưỡi dao cạo chưa mài. “Cùn quá,” một tù nhân phàn nàn. “Không hề” tên lính nói và liếc một nhát vào chân người tù để chứng tỏ dao còn cắt tốt.

Tắm xong, họ được phát quần áo sọc của tù nhân và tự lại trong các lán. SS bắt họ ngồi thành hàng như phu chèo thuyền, người trước ngồi giữa hai chân người sau, chân xòe ra làm chỗ dựa cho người trước nữa. Bằng cách này, hai ngàn người bị nhồi vào ba lán. *Kapo*⁽⁷⁶⁾ cầm dùi cui ngồi trên ghế dựa vào tường canh gác họ. Họ bị nê m sít nhau - mỗi tắc sà n đều chậ t kín người - đến nổi mỗi lần đi vệ sinh, kẻ cả được *kapo* cho phép, đồng nghĩa với việc giấ m lên đầu lên vai bạn tù và nhận về đủ lời chửi rủa.

Giữa một trong ba căn lán là cái bếp đun xúp củ cải và nướng bánh mì. Poldek sau khi đi vệ sinh về, nhận ra người canh bếp là một hạ sĩ quan Ba Lan anh biết từ đầu chiến tranh. Anh ta cho Poldek bánh mì và để anh ngủ lại bên bếp lửa. Còn lại mọi người vẫn phải ngủ qua đê m trong chuổ i xích người nê m chậ t cứng.

Hằng ngày, họ bị bắt ra đứ ng nghiêm và im lặ ng trên *Appellplatz* suốt mười tiếng. Tuy nhiên, tối đến, sau khắ u phần xúp loắ ng toẹt, họ được phép đi dạo quanh lán, được nói chuyện với nhau. Tiếng còi lúc chín giờ là tín hiệu bắt họ ngồi vào tư thế kỳ quái để ngủ qua đê m.

Sang ngày thứ hai, một sĩ quan SS đến *Appellplatz* để tìm viên thư ký đã lên danh sách của Schindler. Có vẻ *Plaszów* chưa gửi nó đến đây. Lắ y bắ y trong bộ áo tù vắ i thô, Goldberg bị dắ t lên văn phòng để đánh lại bản danh sách theo trí nhớ. Cho tới cuối ngày y vẫn chưa làm xong và, khi trở về lán, lại ngậ p trong cơn lũ van xin lần chót để được vào danh sách. Tại đây, giữa cắ nh nhắ nhem buồ t giá, bản danh sách tiế p tục trê u người và hành hạ người ta, dù nhữ ng gì nó làm được cho nhữ ng ai có tên mới chỉ là đư a họ đến Gröss-Rosen. Pemper và mọi người áp tới Goldberg, bắt đầu ép y đư a tên bác sĩ Alexander Biberstein vào danh sách. Biberstein là anh em của Marek Biberstein, vị chủ tịch đầu tiên, lạc quan của *Judenrat* ở Cracow. Trước đó Goldberg đã bị Biberstein rằng ông có tên. Đến khi lên tàu, viên bác sĩ mới biết mình không thuộc nhóm của Schindler. Tuy ở một nơi như Gröss-Rosen, Pemper vẫn đủ vữ ng tin vào tương lai để đe dọa rằng sau chiến tranh Goldberg sẽ bị báo thù nếu tên Biberstein không được đư a vào.

Sang ngày thứ ba tám trăm người trong bản danh sách đã sửa chữa của Schindler được tách ra; đưa đến nhà tiết trùng để tắm lần nữa; được ngồi nghỉ vài tiếng trước lán, vừa buôn chuyện vừa đoán già đoán non như dân làng rồi bị lừa ra chỗ tàu tránh. Sau khi lĩnh phần bánh mì ít ỏi, họ leo lên các toa gia súc. Trong nhóm lính gác áp tải, không ai thừa nhận biết họ đi đâu. Họ ngồi xồm trên sàn theo đội hình cũ. Tâm trí họ dồn vào tám bản đồ Trung Âu, liên tục phán đoán về đường đi của mặt trời, xác định phương hướng bằng những tia sáng len vào lưới thông hơi trên nóc toa. Olek Rosner được nhắc lên lỗ thông hơi và cậu bé nói nhìn thấy rừng núi. Các chuyên gia hàng hải khẳng định nói chung tàu đang chạy về hướng Đông Nam. Mọi dấu hiệu đều cho thấy họ đang đi về Czech, nhưng không ai muốn nói ra.

Hành trình một trăm dặm này kéo dài gần hai ngày; khi cửa mở ra đã là sáng sớm ngày thứ hai. Họ đến ga Zwittau. Tất cả xuống tàu và được áp tải giữa một thị trấn vẫn chưa thức giấc, một xứ sở bị đóng băng ở cuối thập niên ba mươi. Kể cả dòng chữ trên tường - “CẤM DO THÁI BÉN MẶNG ĐẾN BRINNLITZ” - cũng toát ra một vẻ tiền chiến xa lạ với họ. Họ đến từ một thế giới hà khắc với họ đến từng hơi thở. Điều ấy khiến việc người dân Zwittau hà tiện với họ một chỗ nương thân trở nên ngay thơ một cách gần như dễ thương.

Đi vào vùng đồi quăng ba bốn dặm, qua một đoạn tàu tránh, họ tới ngôi làng công nghiệp Brinnlitz, và trông thấy, trong ánh ban mai mong manh, hình thù đồ sộ của khu nhà xưởng Hoffman được cải tạo thành *Arbeitslager* (Trại lao động) Brinnlitz, với tháp canh, rào thép gai, trại lính, ngoài cùng là cánh cổng dẫn vào nhà máy và nơi ở của tù nhân.

Khi họ bước qua cánh cổng ngoài, Oskar hiện ra từ sân nhà máy, đầu đội chiếc mũ phớt kiểu Tyrol.

(75) Khi Thế chiến II sắp kết thúc, tù nhân ở gần tiền tuyến bị cưỡng bức di dời đến các trại trong nội địa Đức để xóa tang chứng về các trại tập trung và ngăn chặn việc hồi hương tù nhân chiến tranh. Rất nhiều người đã chết trong quá trình di chuyển đầy khắc nghiệt này.

(76) Tổ tự quản ở trại tập trung của Đức Quốc xã.

CHƯƠNG 33

Trại mới, như Emalia, được trang bị bằng tiền của Oskar. Trên nguyên tắc hành chính, mọi trại sản xuất đều do chủ nhà máy tự xây dựng. SS cho rằng họ đã được hỗ trợ đáng kể bằng giá nhân công rẻ mạt, nên việc chi một khoản nhỏ mua gỗ và dây thép gai là hoàn toàn hợp lý. Kỳ thực, các nhà công nghiệp con cưng của Đức, như Krupp và Farben, đều xây trại bằng vật liệu do doanh nghiệp SS cung cấp, với nguồn lao động dồi dào. Oskar không phải con cưng, nên chẳng được gì. Ông moi được vài xe xi măng từ Bosch, với mức giá có lẽ được y coi là giá chợ đen khuyến mại. Cũng từ nguồn này, ông kiếm được độ hai, ba tấn xăng và dầu diesel phục vụ sản xuất và vận chuyển. Ngoài ra, ông cũng mang từ Emalia đi một phần rào thép gai.

Nhưng quanh bộ khung nhà xưởng trợ trợ của Hoffman, ông phải cung cấp hàng rào điện cao thế, khu vệ sinh, trại cho một trăm lính gác, văn phòng liền kề cho SS, một phòng khám, và bếp ăn tập thể. Ngoài chi phí này, *Sturmbannführer* Hassebroeck đã từ Gröss-Rosen xuống thị sát và ra về với một lượng cognac, đồ sứ và, theo lời Oskar, “chè tính bằng cân”. Hassebroeck còn đem về lệ phí thanh tra và tiền đóng góp Hỗ trợ Mùa đông bắt buộc, theo quy định từ Cục D, tất cả không hề có biên lai. “Xe của y có sức chứa đáng kể cho những thứ ấy,” sau này Oskar kể lại. Ông chẳng nghi ngờ gì việc vào tháng Mười năm 1944, Hassebroeck đã bắt đầu ngụy tạo chứng từ của Brinnlitz.

Thanh tra do Oranienburg trực tiếp gửi đến cũng cần được chăm sóc. Về hàng hóa và thiết bị của DEF, phần lớn vẫn đang trên đường, và sẽ cần 250 toa hàng cho tất cả đến nơi. Thật đáng kinh ngạc, Oskar nói, khi trong tình trạng rệu rã như thế các quan chức *Ostbahn*, nếu được khuyến khích đúng cách, có thể kiếm được bằng ấy toa tàu.

Và điều đặc biệt nhất ở đây, ở chính Oskar, hơn hở trong chiếc mũ miền sơn cước, khi xuất hiện từ mảnh sân băng giá, là khác với Krupp và Farben và mọi doanh nghiệp khác sử dụng nô lệ Do Thái,

ông không hề có mục đích kinh doanh nghiêm túc. Ông chẳng mong đợi gì về sản lượng; trong đầu chẳng có biểu đồ doanh thu nào. Dù bốn năm trước ông đến Cracow để làm giàu, giờ đây tham vọng sản xuất trong ông chỉ là con số không.

Tình hình sản xuất ở Brinnlitz rất hỗn loạn. Nhiều máy ép, máy khoan và máy tiện vẫn chưa đến, và sẽ phải đổ nền xi măng mới để chịu được sức nặng của các thiết bị này. Nhà xưởng vẫn ngổn ngang máy móc cũ của Hoffman. Tuy vậy, đối với tám trăm công nhân đạ được trên danh nghĩa vừa đến nơi, Oskar vẫn đang trả 7,5 RM một ngày cho lao động lành nghề và 6 RM cho lao động bình thường. Con số này tương đương 14.000 USD một tuần chỉ cho lao động nam; khi tốp phụ nữ tới nó sẽ vượt trên 18.000. Oskar, do đó, đang chơi một đại thương vụ rồ dại, nhưng lại ăn mừng nó với chiếc mũ xứ Tyrol.

Chuyện tình ái của Oskar cũng có thay đổi. Emilie Schindler từ Zwittau chuyển tới sống cùng Oskar trong căn hộ tầng trệt. Khác với Cracow, Brinnlitz quá gần để bà lấy đó làm cớ cho việc sống ly thân. Với một tín đồ Công giáo như bà, đây là lúc để hoặc chính thức hóa rạn nứt ấy, hoặc quay về chung một mái nhà. Chí ít, họ dường như vẫn chấp nhận đối phương, một sự tôn trọng lẫn nhau tuyệt đối. Thoạt nhìn bà có vẻ là một số không trong hôn nhân, một bà vợ bị ngược đãi nhưng không biết làm thế nào để thoát ra. Ban đầu một số còn tự hỏi bà sẽ nghĩ gì, nếu biết bản chất nhà máy, của khu trại mà Oskar đang duy trì. Họ chưa biết rằng Emilie sẽ có đóng góp đáng kể của riêng mình, không xuất phát từ đạo xuất gia tòng phụ, mà từ suy nghĩ của bản thân bà.

Ingrid đã theo Oskar đến Brinnlitz để làm việc tại nhà máy mới, nhưng cô ngụ bên ngoài trại và chỉ có mặt vào giờ làm việc. Chắc chắn mối quan hệ giữa họ đã nguội lạnh, và cô sẽ không bao giờ sống cùng Oskar nữa. Nhưng cô không oán hận gì, và những tháng sau này Oskar vẫn thường tới thăm cô. Nàng Klonowska sốt sắng, cô gái Ba Lan yêu nước và sành điệu, ở lại Cracow, nhưng giữa họ cũng không có cay đắng gì. Oskar vẫn liên hệ với cô mỗi lần trở lại Cracow, và cô vẫn sẽ giúp ông khi SS gây rắc rối. Mặc dù quan hệ của Oskar với Klonowska và Ingrid đang đi đến hồi kết một cách êm

thăm nhất, và không gợn chút đấng cay nào, ta sẽ sai lầm nếu tin rằng ông đã thành con người chuyên nhất.

Ngày họ đến, ông bảo nhóm tù nam rằng cứ yên tâm chờ đợi đoàn tù nữ. Ông dám chắc nếu chậm cũng khó mà trễ hơn họ được. Đoàn tù nữ, dù vậy, lại đi theo hành trình khác. Sau một chặng ngắn từ Płaszów, đoàn tàu đưa họ, cùng vài trăm tù nữ khác, đi qua cổng vòm của Auschwitz-Birkenau. Cửa mở, họ thấy mình đứng giữa quảng trường mênh mông chia đôi khu trại, và những nam nữ nhân viên SS sành sỏi, giọng điệu bình thản, bắt đầu phân loại họ. Quá trình phân loại diễn ra vô cảm một cách đáng sợ. Nếu đi chậm, họ liền bị ăn dùi cui, nhưng không hề có yếu tố cá nhân ở đây. Tất cả chỉ để lừa cả đoàn đi qua. Với đội SS ở trạm Birkenau, tất cả chỉ là sự tẻ nhạt của nhiệm vụ. Họ đã nghe qua mọi lời cầu xin, mọi câu chuyện. Họ đã rành rẽ mọi mảnh khóc tù nhân có thể thi triển.

Dưới đèn pha, đoàn nữ tù tê liệt hỏi nhau, thế này nghĩa là sao? Nhưng dù chờ đợi, giày sũng thứ bùn đặc trưng của Birkenau, họ vẫn nhận thấy, những nữ nhân viên SS chỉ vào họ và bảo những bác sĩ mặc quân phục chú ý tới họ "*Schindlergruppe!*"⁽⁷⁷⁾ Vậy là những viên bác sĩ trẻ bảnh bao này sẽ bỏ đi, để họ yên một lúc.

Chăn lợp bọp bùn, họ bị áp giải tới nhà tiết trùng, và bị bắt cởi đồ theo lệnh những nữ nhân viên SS trẻ hà khắc cầm dùi cui. Mila Pfefferberg lo lắng về lời đồn đã trở nên quen thuộc với tù nhân của Đé chế - một số vòi sen phun ra hơi ngạt. Ở đây, cô mừng rỡ nhận ra, chỉ có nước lạnh như băng.

Tắm xong, một số chuẩn bị tâm lý bị xăm. Họ chỉ biết có vậy về Auschwitz. SS xăm tay tù nhân nếu định sử dụng họ. Còn nếu định tổng ai vào máy, thì chúng mặc kệ. Chuyến tàu đưa họ tới đây đồng thời cũng chở đến hơn hai ngàn tù nhân khác, không thuộc danh sách của Schindler và do vậy phải qua quá trình chọn lọc bình thường. Rebecca Bau, bị loại khỏi danh sách của Schindler, vượt qua bài kiểm tra và được xăm một con số, và bà mẹ dẻo dai của Josef Bau cũng đoạt một hình xăm trong trò xổ số lố bịch của Birkenau. Một cô gái Płaszów khác, tròn mười lăm, xem xét hình xăm vừa nhận được và hân hoan phát hiện ra có hai số năm, một số ba, hai số bảy - những con số được ghi lại trong Tashlag, hay Lịch

Do Thái. Có số, anh có thể rời Birkenau đến một trong các trại lao động ở Auschwitz, nơi ít ra vẫn còn cơ hội.

Còn đoàn phụ nữ của Schindler, không có hình xăm, bị bắt mặc lại quần áo và đưa đến một căn lán không cửa sổ ở trại nữ. Giữa sàn là một cái lò bằng sắt lá, ốp gạch. Đó là tiện nghi duy nhất. Không có giường tầng. Hai đến ba người ngủ chung một ổ rơm mỏng. Nền đất ẩm ướt, chốc chốc nước dâng lên như thủy triều khiến nệm rơm và chăn rách ướt sũng. Đây là một ngôi nhà chết giữa lòng Birkenau. Họ nằm đó, thiếp đi, đóng băng và thắp thở trong một bể bùn rộng lớn.

Nó dập tắt hình dung của họ về một chốn an cư, một ngôi làng ở Moravia. Nơi này là một thành phố khổng lồ, đoán mệnh. Mỗi ngày hơn một phần tư triệu người Ba Lan, Digan và Do Thái duy trì sự sinh tồn ngắn ngủi tại đây. Còn hàng nghìn người nữa ở Auschwitz I, trại đầu tiên, nhỏ hơn, nơi ở của Commandant Rudolf Höss. Và ở đại công trường tên gọi Auschwitz III, hàng chục nghìn người đang lao động khi còn có thể. Những phụ nữ của Schindler không được biết chính xác số liệu thống kê của Birkenau hay của bản thân công quốc Auschwitz. Tuy nhiên họ có thể thấy, trên rặng bạch dương mé Tây cơ sở khổng lồ này, khói liên tục bốc lên từ bốn lò thiêu cùng vô số giàn thiêu. Họ tin rằng mình đang trôi dạt, và thủy triều sẽ mang họ xuống đó. Nhưng dù với tất cả năng lực sản sinh và tin ở tin đồn, đặc trưng của cuộc sống tù đầy, họ cũng sẽ không đoán nổi, bao nhiêu người có thể bị phun hơi ngạt tại đây vào một ngày hệ thống vận hành suôn sẻ. Con số - theo Höss - là chín nghìn.

Bọn họ cũng hoàn toàn không biết mình đến Auschwitz vào thời điểm chiến sự và cuộc đàm phán bí mật của Himmler và Bá tước Thụy Điển Folke Bernadotte đang dẫn chiến tranh đi theo hướng mới. Bí mật về các trung tâm diệt chủng đã bị lộ, vì quân Nga đã khai quật trại Lublin và phát hiện lò thiêu có chứa xương người cùng hơn năm trăm thùng Zyklon B. Tin này được công bố khắp thế giới, và Himmler, kẻ muốn được nghiêm túc coi là người đương nhiên kế vị *Führer* sau chiến tranh, sẵn sàng cam kết với Đồng minh ngừng sát hại dân Do Thái bằng hơi ngạt. Dù vậy, y không ra chỉ thị về việc này cho đến tháng Mười - không có sử liệu chính xác về ngày. Một

bản gửi tướng Pohl; bản kia gửi Kaltenbrunner, trùm An ninh Đế chế. Cả hai đều phớt lờ mệnh lệnh này, và Adolf Eichmann cũng vậy. Người Do Thái từ Płaszów, Theresienstadt và Ý tiếp tục bị giết bằng hơi ngạt đến giữa tháng Mười một. Người ta tin rằng lần tuyển chọn cuối cùng cho phòng hơi ngạt được thực thi vào ngày 30 tháng Mười.

Trong tám ngày đầu tiên tại Auschwitz, nhóm phụ nữ của Schindler đối diện nguy cơ rất lớn bị xông hơi ngạt. Kể cả sau đó, khi những nạn nhân sau cùng của phòng hơi ngạt tiếp tục suốt tháng Mười một xếp hàng tiến về cánh Tây của Birkenau, khi các lò và giàn thiêu nuốt dần những lô xác xếp hàng chờ đến lượt, họ cũng không thấy bất cứ thay đổi căn bản nào về bản chất của trại. Mọi nỗi hoang mang của họ dẫu sao cũng đều có căn cứ, bởi hầu hết những người sót lại sau khi việc xông hơi ngạt chấm dứt sẽ bị bắn - chung kết cục với tất cả công nhân lò thiêu - hoặc bị bỏ mặc cho chết bệnh.

Dù gì đi nữa, nhóm phụ nữ của Schindler cũng thường xuyên bị kiểm tra sức khỏe tập thể trong tháng Mười và Mười một. Từ ngày đầu một số đã bị lọc ra và chuyển sang lán dành riêng cho tù ốm nặng. Các bác sĩ ở Auschwitz - Josef Mengele, Fritz Klein, König và Thilo - không chỉ làm việc ở dây chuyền của Birkenau mà còn đảo xuống trại, xuất hiện khi điểm danh, xộc vào buồng tắm, mỉm cười hỏi, “Mẹ ơi, mẹ bao nhiêu tuổi rồi?” Clara Sternberg thấy mình bị chuyển sang lán cho phụ nữ lớn tuổi. Bà cụ sáu mươi Lola Krumholz cũng bị tách từ *Schindlergruppe* sang lán cho người già để chết mòn và chính quyền khỏi phải tốn kém gì. Bà Horowitz, tin rằng cô bé Nusia mong manh mười một tuổi không qua được kiểm sát hạch “trong nhà tắm”, giấu vội cô bé vào một nồi tắm hơi rộng ruột. Một trong số các nữ nhân viên SS phụ trách họ – người xinh đẹp, tóc vàng - nhìn thấy nhưng lờ đi. Cô ả là loại dữ đòn, nóng tính, sau này sẽ vùi tiền bà Horowitz và kiếm được cây trâm mà Regina không hiểu sao còn giấu được tới lúc ấy. Regina giao nộp một cách bình thản. Một ả khác, đậm người và nền tính hơn, hay gạ tình chị em và chắc sẽ đòi một sự báo đáp riêng tư hơn.

Thỉnh thoảng một vài bác sĩ sẽ có mặt khi điểm danh. Mỗi lần thấy họ, chị em lại chà đất sét lên má cho có chút sinh khí. Một lần,

Regina tìm được ít đá cho con gái, Niusia, đứng lên; và viên bác sĩ trẻ tóc bạch kim Mengele đến gần, nhẹ nhàng hỏi tuổi con gái bà và đấm bà vì nói dối. Những ai gục ngã khi kiểm tra sẽ bị lôi đi khi nửa tỉnh nửa mê và quăng vào hàng rào điện ở rìa trại nữ. Chúng lôi Regina được nửa đường thì bà hồi tỉnh, cầu xin chúng đừng nướng sống bà, hãy cho bà về chỗ. Chúng thả bà ra, và khi bà len lén bò về hàng, cô con gái mảnh mai, nín thình vẫn đứng đó, đông cứng trên đồng đá.

Những cuộc kiểm tra kiểu ấy xảy ra bất kỳ lúc nào. Có đêm họ bị gọi ra đứng giữa bùn trong khi lán bị lục soát. Bà Dresner, từng được một cậu trai OD nay đã mất tích cứu mạng, bước ra với cô thiếu nữ cao lớn Danka. Họ đứng đó trong vũng lầy kỳ quái của Auschwitz, giống như thứ bùn lầy của Flanders, sẽ không đóng băng khi tất cả đã đóng băng - đường sá, mái nhà, khách bộ hành⁽⁷⁸⁾.

Cả Danka và bà Dresner đã rời Płaszów trong trang phục mùa hè, và cũng là tất cả những gì họ có. Danka chỉ có sơ mi, áo khoác mỏng và chiếc váy nâu sẫm. Do buổi tối bắt đầu tuyết sớm, bà Dresner xui cô bé xé một dải chăn để quần dưới váy. Khi lục soát ngôi lán, SS phát hiện ra tấm chăn rách.

Viên sĩ quan đứng trước toán phụ nữ của Schindler cho gọi *Alteste* của lán - một phụ nữ Hà Lan đến tận hôm qua họ vẫn chưa biết mặt - và tuyên bố bà ta sẽ bị xử bắn cùng với bất cứ tù nhân nào bị phát hiện có mảnh chăn trong váy.

Bà Dresner thì thầm với Danka. “Cởi ra để mẹ tuần lại vào trong lán” Ý tưởng này quả có khả thi. Lán cao ngang mặt sân và không có bậc cấp. Người đứng cuối hàng có thể chèo vào qua cửa chính. Cũng như từng nghe lời mẹ trốn vào hốc tường ở phố Dabrowski, Cracow, lần này Danka lại vâng theo, tụt trong váy ra mảnh vải từ chiếc chăn nghèo nhất châu Âu. Thật ra, khi bà Dresner vào lán, viên sĩ quan SS đi xuống và hời hợt tách một phụ nữ trạc tuổi bà khỏi hàng - có lẽ là bà Sternberg - và cho giải bà đến một chỗ khác tồi tệ hơn trong trại, một nơi không tồn tại mộng tưởng về Moravia.

Có lẽ những người còn lại trong hàng không để bản thân ý thức được hành động nhặt cỏ giản đơn này nghĩa là gì. Bản chất của nó là một tuyên bố rằng không một nhóm nào dù dưới danh nghĩa “tù nhân công nghiệp” được an toàn tại Auschwitz. Không tiếng gọi “*Schindlerfrauen!*”⁽⁷⁹⁾ nào miễn trừ cho họ được mãi. Không ít nhóm “tù nhân công nghiệp” khác đã tiêu ma ở Auschwitz. Năm ngoái, Cục W của tướng Pohl gửi một số tàu chở lao động Do Thái lành nghề từ Berlin đến đây. I. G. Farben đang cần nhân lực và Cục W cho phép họ lấy công nhân từ các chuyến tàu ấy. Cục W chỉ đạo cho Commandant Höss đổ tù nhân xuống nhà máy của I. G. Farben, chứ không phải gần lò thiêu ở Auschwitz-Birkenau. Trong 1.750 tù nhân toàn nam của chuyến đầu tiên, 1.000 người bị xông hơi ngạt ngay lập tức. Còn trong 4.000 người trên bốn chuyến tiếp đó, 2.500 bị đưa ngay tới “nhà tắm”. Nếu lãnh đạo Auschwitz không buồn nường tay với I. G. Farben lẫn Cục W, thì chẳng có lý gì chúng lại nâng niu đám lao động nữ của một anh làm nổi người Đức.

Trú trong lán như nhóm phụ nữ của Schindler cũng chẳng khác gì sống ngoài trời. Cửa sổ không có kính và chỉ càng làm những luồng khí lạnh từ Nga phả sang thêm phần rét buốt. Phần lớn bị kiệt lực. Tê liệt vì co thắt, họ cố lết ra thùng vệ sinh bằng sắt ngoài bãi bùn. Một tù nhân nhận trông thùng phân để được thêm bát xúp. Một tối, Mila Pfefferberg lao đảo đi ra khi bị con kiệt lực giày vò, và người trực - không phải người xấu, một phụ nữ Mila biết từ bé - nhất quyết rằng cô chưa được đi, mà phải đợi một người nữa, rồi cùng mang thùng đi đổ. Mila lý luận, nhưng không lay chuyển nổi bà ta. Bị sao đối chiếu mệnh, việc canh thùng đã thành một dạng nghề, có luật lệ đàng hoàng. Người phụ nữ ấy vin vào chiếc thùng để tin rằng cuộc sống vẫn còn trật tự, vệ sinh, tỉnh táo.

Cô gái tiếp theo xuất hiện, hỏn hển, gập người, kiệt quệ. Nhưng cô vẫn còn trẻ và, vào thời bình ở Łódź, cũng biết người canh thùng là một thiếu phụ khả kính. Vậy là các cô vâng lời, khiêng cái thùng đi ba trăm mét trong bùn. Cô vừa khiêng vừa hỏi Mila, “Giờ này Schindler ở đâu nhỉ?”

Trong lán không phải ai cũng hỏi câu này, hoặc hỏi một cách quyết liệt và mỉa mai như thế. Một cô gái Emalia tên Luska, một góa

phụ hai mươi hai tuổi, nhắc đi nhắc lại, “Rồi mọi người xem, tất cả sẽ ổn thôi. Rồi chúng mình sẽ đến một nơi ấm áp và có xúp của Schindler trong bụng.” Cô cũng không biết vì sao mình cứ nhắc đi nhắc lại dự báo ấy. Ở Emalia cô đâu phải mẫu người hay dự báo. Cô làm việc, ăn xúp, và ngủ. Cô chưa bao giờ tiên đoán những chuyện lớn lao. Đối với cô mỗi ngày qua chỉ cần sống sót là đủ. Giờ cô đang ốm, và chẳng có lý do gì mà tiên tri. Cái lạnh và đói vắt kiệt cô, những ám ảnh ghê gớm từ cơn đói hành hạ cô. Vậy mà cô đã làm chính mình ngạc nhiên khi nhắc lại những lời hứa của Oskar.

Về sau, khi họ chuyển đến lán khác gần lò thiêu hơn và không biết sắp tới mình sẽ được đi tắm hay vào phòng hơi ngạt, Lusia tiếp tục truyền bá thông điệp lạc quan ấy. Dù đợt thủy triều của trại tập trung đã đánh dạt họ đến chốn tận cùng thế giới, đến địa cực, đến hố thẳm này, tuyệt vọng vẫn không phải là tác phong của những *Schindlerfrauen*. Người ta vẫn sẽ thấy họ rủ rỉ về công thức nấu ăn hoặc mơ màng về căn bếp thời tiền chiến.

*

Khi nhóm tù nam đến nơi, Brinnlitz mới chỉ trơ vỏ. Chưa có giường, rơm được rải trên sàn. Nhưng trong nhà vẫn ấm, nhờ hơi ấm từ các nồi hơi. Ngày đầu tiên chưa có đầu bếp. Củ cải xếp thành từng bao trên sàn của nơi sau này sẽ là nhà bếp, và họ ngấu nghiến ăn sống luôn. Về sau họ sẽ nấu súp, nướng bánh mì, và kỹ sư Finder bắt đầu phân bổ công việc. Nhưng hồi đầu, trừ phi có SS giám thị, mọi việc đều chậm chạp. Thật bí hiểm khi một nhóm tù nhân ý thức được *Herr Direktor* không còn là đối tác phục vụ bất kỳ nỗ lực chiến tranh nào nữa. Nhịp độ lao động của Brinnlitz trở nên rất tiết chế. Do sản xuất không còn là mối quan tâm của Oskar, làm việc chậm chạp trở thành cách báo thù và tuyên ngôn của các tù nhân.

Cảm giác được kiềm chế sức lao động thật ngây ngất. Khắp châu Âu nô lệ phải vắt kiệt khẩu phần 600 calo một ngày, hy vọng gây ấn tượng với đốc công và trì hoãn con đường đến trại tử thần. Nhưng tại đây, Brinnlitz, lại tồn tại thứ tự do say lòng người là được xúc đất cầm chừng mà vẫn sống sót.

Những ngày đầu việc hình thành chính sách trong vô thức này còn chưa rõ nét. Có quá nhiều người vẫn thấp thỏm ngóng vợ con. Dolek Horowitz có vợ lẫn con gái ở Auschwitz. Vợ của hai anh em Rosner cũng vậy. Pfefferberg biết rõ cú sốc một nơi đồ sộ và đáng sợ như Auschwitz sẽ gây ra cho Mila. Jacob Sternberg và con trai lo lắng về Clara Sternberg. Pfefferberg nhớ, cánh đàn ông vây quanh Schindler ở sân nhà máy và lần nữa hỏi ông nhóm tù nữ đang ở đâu.

“Tôi sẽ cứu họ ra” Schindler gầm gừ. Ông không giải thích cụ thể. Ông không công khai phỏng đoán có lẽ SS ở Auschwitz cần được hối lộ. Ông không nói mình đã gửi danh sách tù nữ cho đại tá Erich Lange, hay ông và Lange đều dự định đưa họ đến Brinnlitz theo đúng danh sách. Không gì cả. Chỉ vồn vện “Tôi sẽ cứu họ ra.”

*

Đơn vị SS đồn trú tại Brinnlitz đem đến cho Oskar vài tia hy vọng. Họ là quân dự bị trung niên, được điều động thay lính SS trẻ ra tiền tuyến. Những kẻ bệnh hoạn ở đây không nhiều như Płaszów, và Oskar luôn vỗ yên họ bằng các đặc sản từ nhà bếp - thực phẩm thông thường, nhưng dồi dào. Một lần thăm trại lính, ông tua lại diễn văn quen thuộc, về những kỹ năng đặc biệt của tù nhân của ông, về tầm quan trọng của hoạt động sản xuất ông đang thực hiện. Đạn chống tăng, và vỏ một loại tên lửa còn trong diện bí mật. Ông yêu cầu trại lính không xâm phạm khu vực nhà máy, ảnh hưởng đến tinh thần công nhân.

Ông đọc được sự hưởng ứng trong mắt họ. Thị trấn yên bình này hợp ý họ. Họ có thể mừng rỡ tưởng ra mình sẽ sống sót qua thời tao loạn ấy. Họ không muốn điên cuồng sục sạo khắp nhà máy như một Goeth hay một Hujar. Họ không muốn bị *Herr Direktor* phàn nàn.

Tuy nhiên, chỉ huy của họ còn chưa đến. Y đang trên đường đến từ địa bàn cũ, trại lao động Budzyn, nơi cho đến trước khi quân Nga áp sát vẫn đang sản xuất các bộ phận cho máy bay ném bom Heinkel. Oskar biết y sẽ trẻ hơn, sắc sảo hơn, soi mói hơn. Y chắc sẽ không sẵn sàng chấp nhận việc không được vào trong trại.

Giữa cảnh đổ xi măng láng sàn, khoét mái nhà cho vừa những cỗ máy Hilo đồ sộ, mơn trớn tụi hạ sĩ quan, trong tâm trạng bồn chồn khi lần nữa phải an phận cuộc sống gia đình với Emilie, Oskar bị bắt lần thứ ba.

Gestapo xuất hiện vào giờ cơm trưa. Oskar không có ở văn phòng, lái xe đi Brno lo công chuyện từ sáng. Một chiếc xe tải vừa từ Cracow đến, chất đầy xa xỉ phẩm của *Herr Direktor* - thuốc lá, từng thùng vodka, cognac, sâm banh. Về sau một sổ khăng định đó là của Goeth, và Oskar nhận lời chuyển chúng đến Moravia để đổi lấy việc gã ủng hộ ông dọn về Brinnlitz. Do Goeth đã vào tù được một tháng và không còn quyền hành nữa, sổ của cải trên xe có thể xem như của Oskar.

Nhóm phụ trách dỡ hàng nghĩ vậy và đâm lo khi thấy Gestapo xuất hiện giữa sân. Với danh nghĩa thợ máy, họ được phép lái xe xuống con suối dưới chân đồi, tại đây họ dim từng thùng rượu xuống nước. Hai trăm nghìn điều thuốc lá trên xe được giấu theo cách dễ thu hồi hơn: trong vỏ chiếc máy biến thế lớn ở trạm điện.

Việc trên xe nhiều thuốc lá và rượu như vậy là điều đáng lưu ý: nó cho thấy Oskar, vốn có máu con buôn, đã định kiếm ăn từ chợ đen.

Họ đưa xe về ga ra đúng lúc còi báo hiệu ăn trưa. Mọi khi *Herr Direktor* vẫn ngồi ăn cùng tù nhân, và đám thợ máy hy vọng hôm nay cũng thế, họ sẽ có thể báo cáo với ông điều vừa xảy ra với chuyến xe đắt giá này.

Không lâu sau ông quả đã từ Brno trở về, nhưng bị một nhân viên Gestapo giơ tay chặn lại ở cổng trong. Y ra lệnh cho Oskar xuống xe ngay lập tức.

“Đây là nhà máy của tôi,” một công nhân thấy Oskar gằm gù đáp trả. “Nếu các anh muốn nói chuyện, xin mời lên xe. Hoặc theo tôi lên văn phòng.”

Ông lái xe vào sân, hai gã Gestapo rào bước ộp hai bên. Lên văn phòng, chúng truy vấn quan hệ của ông với Goeth và những đồ phi pháp của gã. Tôi có giữ ở đây mấy chiếc va li của Herr Goeth, ông đáp. Ông ấy nhờ tôi giữ hộ đến khi được thả.

Hai gã Gestapo đòi xem, và Oskar đưa chúng lên nhà. Ông trình trọng và lạnh nhạt giới thiệu Frau Schindler với đại diện của Cục 5. Ông mang va li ra cho chúng xem. Bên trong toàn quần áo dân sự của Goeth, và quân phục từ thời Amon còn là một hạ sĩ quan SS thanh mảnh. Sau khi khám xét mà không thu được gì, chúng bèn bắt ông. Emilie lập tức xù lông. Các ông không có quyền bắt chồng tôi, bà nói, trừ phi có lý do rõ ràng. Giới chức Berlin sẽ không vui khi biết việc này đâu, bà nói.

Oskar khuyên bà yên lặng. Nhưng mình phải gọi cho Klonowska bạn tôi, ông dặn, và hủy giúp tôi các cuộc hẹn.

Emilie hiểu ý ông. Klonowska sẽ lại xuất chiêu bằng điện thoại lần nữa, gọi Martin Plathe ở Breslau, gọi thuộc cấp của tướng Schindler, các loại tai to mặt lớn. Một gã còng tay Oskar lại. Chúng đưa ông lên xe, chở ông ra ga Zwittau, rồi giải ông bằng tàu về Cracow.

Có cảm giác vụ bắt giữ này làm ông run sợ hơn hai lần trước. Không có viên đại tá SS thất tình nào làm bạn nhậu chung xà lim với ông cả. Tuy nhiên, Oskar về sau có ghi lại vài chi tiết. Khi người của Cục 5 áp giải ông trên hành lang thiết kế kiểu tân cổ điển của ga trung tâm Cracow, một người tên Huth lại gần họ. Anh ta từng là kỹ sư xây dựng của Płaszów. Bình thường anh ta rất khúm núm với Amon, nhưng lại có tiếng là nhân hậu một cách thầm kín. Nhiều khi chỉ là tình cờ, nhưng cho thấy Huth có thể đã liên hệ với Klonowska. Huth nhất định đòi bắt bàn tay bị còng của Oskar. Một tên ở Cục 5 phản đối. “Chú mày định đi khắp nơi bắt tay tù nhân à,” gã hoành hợ Huth. Viên kỹ sư lập tức làm một tràng ca ngợi Oskar. Đây là *Herr Direktor* Schindler, người rất được trọng vọng ở Cracow, một nhà công nghiệp tầm cỡ. “Tôi không bao giờ hình dung ra ông ấy là tù nhân,” Huth nói.

Dù cuộc gặp này có ý nghĩa gì, Oskar vẫn bị đưa lên xe và chở qua thành phố thân quen đến phố Pomorska lần nữa. Chúng đưa ông vào một phòng cùng loại với lần trước ông bị bắt, có giường, có ghế và bồn rửa mặt, nhưng cửa sổ có song sắt. Ông thấy bất an, dù bề ngoài ông có vẻ bình thần của một chú gấu. Năm 1942, khi bọn chúng bắt ông sau sinh nhật thứ ba mươi tư, những lời đồn về chuyện Pomorska có phòng tra tấn tuy đáng sợ nhưng mơ hồ. Sự

mơ hồ ấy giờ không còn nữa. Ông biết Cục 5 sẵn sàng tra tấn ông nếu chúng rất muốn bắt thóp Amon.

Tối hôm đó Herr Huth đến thăm, mang theo bữa tối và một chai vang. Huth đã nói chuyện với Klonowska. Oskar sau này chưa từng nói rõ có phải Klonowska đã bố trí cuộc gặp gỡ tình cờ ngoài ga không. Dù gì đi nữa, Huth cho biết, Klonowska đang vận động các bạn bè cũ của Oskar.

Hôm sau, ông bị một tiểu ban mười hai điều tra viên SS hỏi cung, trong đó có một thẩm phán của Tòa SS. Oskar phủ nhận việc hối lộ để viên Commandant, theo bản cung của Amon, “nường tay cho bọn Do Thái”. Có thể tôi đã cho ông ta vay tiền, có thời điểm Oskar thừa nhận. Ông cho ông ta vay làm gì? chúng hỏi. Tôi kinh doanh một ngành quan trọng phục vụ chiến tranh, Oskar đáp, chơi lại điều cũ. Tôi có lực lượng lao động lành nghề. Nếu có xáo trộn, cả tôi, Tổng cục Quân giới, lẫn công cuộc chiến tranh, sẽ tổn thất. Nếu phát hiện trong số tù nhân Płaszów, có một thợ cơ khí giá trị, tất nhiên tôi sẽ hỏi xin Herr Commandant. Tôi muốn ngay, và không muốn thủ tục phiền hà. Ưu tiên của tôi là sản xuất, là giá trị của nó với cá nhân tôi và với Tổng cục Quân giới. Xét sự ủng hộ của Herr Commandant trong lĩnh vực này, có thể tôi đã cho ông ta vay tiền.

Lời bào chữa phần nào đã phản bội chủ tịch cũ của ông. Nhưng Oskar chẳng ngần ngại gì. Mắt ông sáng long lanh đầy thành khẩn, giọng ông nhỏ nhẹ, lời ông đầy ẩn ý. Oskar không cần nhiều lời để tiết lộ cho các điều tra viên biết Amon đã bóp nặn ông. Nhưng chúng không thỏa mãn. Ông bị trả về buồng giam.

Việc thẩm vấn tiếp diễn sang ngày thứ hai, thứ ba, rồi thứ tư. Chúng không tra tấn ông, nhưng rất sắt đá. Cuối cùng, ông phải chối bỏ mọi quan hệ bạn bè với Amon. Chuyện này chẳng khó khăn gì: ông vốn đã ghét gã tận xương tủy. “Tôi không phải loại xăng pha nhớt,” ông gầm gừ với đám người của Cục 5, viện tới những tin đồn nghe được về Goeth và mấy tay cần vụ trẻ.

Bản thân Amon không bao giờ hình dung nổi Oskar lại căm ghét gã và sẵn sàng hỗ trợ Cục 5 điều tra gã. Amon luôn bị hoang tưởng về tình bạn. Khi đã cảm, gã coi cả Mietek Pemper lẫn Helen Hirsch

là những người hầu yếu chủ. Cơ quan điều tra có lẽ không cho gã biết Oskar đang ở Pomorska, và chỉ im lặng nghe Amon thúc giục, “Các ông cứ hỏi Schindler bạn tôi. Y sẽ bảo chứng cho tôi.”

Điều giúp ích cho Oskar nhất khi bị điều tra là trong thực tế ông rất ít quan hệ làm ăn với Amon. Tuy đôi khi ông có tư vấn và giới thiệu đối tác cho Amon, ông không bao giờ làm ăn chung, cũng không tự hào một zloty tiền ăn chặn khẩu phần của tù nhân, tiền bán nhẫn từ xưởng kim hoàn, bán quần áo từ xưởng may và đồ nội thất từ xưởng bọc nệm ghế. Phần khác là bởi những lời nói dối của ông có sức dụ hoặc cả cảnh sát, còn khi nói thật thì ông tuyệt đối thuyết phục. Ông chẳng hề tỏ ra hàm ơn vì có người tin mình. Ví dụ khi người của Cục 5 tạm chấp nhận việc 80.000 RM là một khoản “vay” do bị bóp nặn, Oskar bèn hỏi vậy rốt cuộc số tiền có được trả lại cho ông, *Herr Direktor* Schindler, nhà công nghiệp tuyệt đối trong sạch, chẳng?

Nhân tố thứ ba thuận lợi cho Oskar là kết quả xác minh lý lịch. Đại tá Erich Lange, khi được Cục 5 gọi điện, nhấn mạnh tầm quan trọng của Schindler với công cuộc chiến tranh. Sussmuth, từ Troppau, cho biết nhà máy của Oskar tham gia việc sản xuất “vũ khí bí mật”. Điều này, về sau ta sẽ thấy, không phải là giả. Nhưng với cách nói thẳng thừng ấy, nó gây hiểu nhầm và có sức nặng bóp méo hiện thực. Vì chính *Führer* đã hứa hẹn về “vũ khí bí mật”. Khái niệm ấy có sức thuyết phục và nay đã mở rộng phạm vi bảo vệ của nó đến Oskar. Trước một cụm từ như “vũ khí bí mật” thì mọi biểu ngữ phản đối của cư dân Zwittau chẳng nghĩa lý gì.

Nhưng ngục tù xem ra luôn không mấy tốt đẹp, kể cả với Oskar. Ngày thứ tư, một điều tra viên xuất hiện song không phải để thẩm vấn mà để nhổ bọt vào ông. Vệt nước bọt loang trên ve áo Oskar. Y chửi bới Oskar, gọi ông là đồ mê Do Thái, phang gái Do Thái. Sự kiện ấy hoàn toàn xa rời tính pháp lý lạ lùng của các lần thẩm vấn trước. Nhưng Oskar không dám chắc đó là ngẫu nhiên, và không phản ánh động cơ thực sự sau việc giam giữ ông.

Được một tuần, Oskar nhận tin qua Huth và Klonowska cho *Oberführer* Scherner. Áp lực của Cục 5 rất lớn và ông sợ mình không bảo vệ tay cựa trùm cảnh sát được lâu hơn nữa. Scherner rời

công việc chống bạo loạn (sẽ sớm lấy mạng y) và tới xà lim gặp Oskar chỉ trong một ngày. Họ làm thế này thật bận quá, Scherner nói. Còn Amon thì sao? Oskar hỏi, tưởng rằng Scherner sẽ bảo vụ đấy cũng bận quá. Hắn bị như thế là đáng, Scherner đáp. Có vẻ tất cả đều ruồng bỏ Amon. Đừng lo, Scherner nói trước khi chia tay, chúng tôi sẽ cứu cậu ra.

Sáng ngày thứ tám, chúng thả Oskar ra. Ông đi ngay không chậm trễ, và không đòi phương tiện như lần trước. Được phóng thích ra vỉa hè lạnh giá là tốt rồi.

Ông bắt xe điện đi dọc thành phố rồi đi bộ về nhà máy cũ ở Zablocie. Vài người Ba Lan trông coi nhà máy vẫn ở đó, và từ văn phòng trên gác ông gọi về Brinnlitz báo cho Emilie biết mình đã ra tù.

Moshe Bejski, thợ vẽ tại Brinnlitz, nhớ lại không khí hoang mang khi Oskar vắng mặt - những đồn đoán, những câu hỏi về bản chất sự việc. Nhưng Stern, Maurice Finder, Adam Garde và nhiều người khác đã xin ý kiến Emilie về lương thực, về bố trí công việc, về giường tầng. Họ là những người đầu tiên biết được Emilie không chỉ là một khách qua đường. Bà không hạnh phúc, và bất hạnh của bà càng sâu sắc khi Cục 5 bắt giữ Oskar. Số phận thật ác nghiệt khi để SS làm gián đoạn cuộc đoàn viên của họ khi nó chưa thực sự bắt đầu. Nhưng Stern và mọi người thấy rõ bà không có mặt ở đây, ngụ trong căn hộ nhỏ dưới tầng trệt chỉ vì đạo tòng phu. Ở bà có sự tận tụy về tư tưởng. Trên tường căn hộ treo bức tranh Jesus phanh ngực với trái tim rực lửa. Stern gặp hình ảnh ấy ở nhiều gia đình Ba Lan theo Công giáo. Nhưng hai căn hộ Cracow của Oskar đều không có kiểu thần họa ấy. Bức họa Chúa phơi tim trong căn bếp Ba Lan không phải bao giờ cũng đưa lại cảm giác bình yên. Tuy nhiên, tại căn hộ này, nó hiện diện như lời hứa của một cá nhân. Của Emilie.

Đầu tháng Mười một, chồng bà quay về bằng tàu hỏa. Râu ông chưa cạo, toàn thân khét mùi tù tội. Ông kinh ngạc khi biết nhóm phụ nữ vẫn còn ở Auschwitz-Birkenau.

Ở hành tinh Auschwitz, nơi tốp phụ nữ của Schindler đi lại trong rón rén và khiếp sợ, như mọi khách du hành không gian, Rudolf Höss ngự trị trên ngai thần tạo lập, xây dựng và phán xét. Độc giả cuốn *Lựa chọn của Sophie* của William Styron biết tới y trong vai ông chủ của Sophie - một kiểu chủ nhân rất khác Amon với Helen Hirsch; một nhân vật khách quan, lịch thiệp, tỉnh táo, nhưng vẫn là vị linh mục kiên tâm của giáo phận ăn thịt người này. Dù vào thập niên 1920, y từng sát hại một thầy giáo vùng Ruhr can tội chỉ điểm một thành viên Quốc xã và phải đi tù, y chưa từng tự tay hạ sát tù nhân Auschwitz nào. Y coi mình là một kỹ thuật gia. Là kẻ ủng hộ Zyklon B, những viên hydro xyanua giải phóng khí độc khi tiếp xúc với không khí, y bước vào cuộc đối đầu cá nhân và khoa học lâu dài với *Kriminalkommissar*⁽⁸⁰⁾ Christian Wirth, kẻ nắm quyền phán xét tại trại Bełżec và đứng đầu trường phái cacbon monoxit. Nhân viên hóa chất SS, Kurt Gerstein, từng chứng kiến một ngày tồi tệ ở Bełżec, khi phương pháp của *Kommissar* Wirth mất tới ba tiếng để kết liễu một toán đàn ông Do Thái bị nhồi vào buồng hơi ngạt. Việc Höss chọn ủng hộ công nghệ hiệu quả hơn phần nào thể hiện ở sự phát triển không ngừng của Auschwitz và suy tàn của Bełżec.

Đến năm 1943, khi Rudolf Höss rời Auschwitz để tạm giữ chức Cục phó Cục D của Oranienburg, nơi đây không còn là một trại diệt chủng thông thường. Nó thậm chí còn hơn cả một kỳ quan về khâu tổ chức. Nó là hiện tượng. Vũ trụ lương tri không hẳn đã mục nát tại đây. Nó đã bị nghịch đảo, như một hố đen, dưới sức ép của mọi tà ác trên đời - nơi mọi bộ tộc và lịch sử bị hút vào và tan biến, và ngôn ngữ bị lộn trái. Các buồng dưới lòng đất được gọi là “phòng sát trùng”, buồng trên mặt đất là “nhà tắm”, còn *Oberscharführer* Moll, kẻ có nhiệm vụ ra lệnh nhét những tinh thể màu xanh vào mái “phòng” và tường “nhà tắm”, vẫn thường quát các phụ tá, “Nào, cho chúng cái gì để nhấm nháp đi.”

Höss trở về Auschwitz vào tháng Năm năm 1944 và quản lý toàn bộ trại vào thời điểm các phụ nữ của Schindler trú trong một lần ở Birkenau, cách chỗ *Oberscharführer* Moll bốc đồng chẳng bao xa. Những truyền kỳ về Schindler khẳng định Oskar phải đánh vật với chính Höss để đòi lại ba trăm phụ nữ. Chắc chắn Oskar đã gọi điện,

và có quan hệ với Höss. Nhưng ông còn phải giao dịch với *Sturmbannführer* Fritz Hartjenstein, Commandant ở Auschwitz II, tức là Auschwitz-Birkenau, và với *Untersturmführer* Franz Hössler, viên sĩ quan trẻ phụ trách khu tù nữ của thành phố đồ sộ ấy.

Điều chắc chắn là Oskar cử một cô gái trẻ đem một va li đầy rượu, thịt nguội, và kim cương tới giao dịch với các quan chức này. Một số nói sau đó Oskar đích thân theo sau cô gái, cùng với một cộng sự là sĩ quan máu mặt ở S.A. (*Sturmabteilung*, Quân đoàn Bảo táp), *Standartenführer* Peltze, người sau này Oskar tiết lộ với bạn bè là điệp viên Anh. Số khác khẳng định Oskar tránh không xuất hiện ở Auschwitz vì lý do chiến thuật mà đến thẳng Oranienburg lẫn Tổng cục Quân giới ở Berlin hòng gây áp lực lên Höss và đồng bọn qua kênh ấy.

Còn đây là câu chuyện mà Stern sẽ kể lại nhiều năm sau trong một bài phát biểu ở Tel Aviv. Sau khi Oskar ra tù, Stern tìm đến và - “dưới áp lực của một số đồng chí” - cầu xin Oskar giải quyết dứt điểm nhóm phụ nữ đang mắc kẹt tại Auschwitz. Khi họ đang bàn bạc thì một thư ký của Oskar bước vào nhưng Stern không nói là ai. Schindler ngấm nghĩa cô gái, đoạn chỉ chiếc nhẫn kim cương lớn đeo trên tay. Ông hỏi cô có thích viên đá quý khá hoành tráng ấy không. Theo Stern, cô gái rất phấn khích. Stern trích lời Oskar, “Cầm theo danh sách tù nữ; chọn rượu và đồ ăn ngon nhất dưới bếp của tôi xếp đầy vào va li. Rồi lên đường đi Auschwitz. Cô biết là viên Commandant rất mê phụ nữ đẹp. Nếu thành công, viên kim cương sẽ là của cô. Và còn nữa.”

Tình cảnh ấy, diễn văn ấy chẳng kém gì sự tích trong kinh Cựu ước, khi một cô gái được hiến cho quân xâm lược vì lợi ích của bộ tộc. Đó cũng là tình cảnh Trung Âu điển hình, với những viên kim cương to, lấp lánh và đề xuất giao dịch xác thịt.

Theo Stern, cô gái đi thật. Sau hai ngày không thấy cô về, Schindler đích thân xuất mã - cùng nhân vật bí hiểm Peltze.

Theo truyền kỳ về Schindler, Oskar quả thật đã cử một tình nhân tới ngủ với viên Commandant - có thể là Höss, Hartjenstein, hoặc Hössler - rồi lưu kim cương lại trên gối. Trong khi một số, như Stern,

khẳng định đó là “một trong các thư ký” của ông, người khác lại nêu cái tên Aufseher, một cô gái SS tóc vàng xinh đẹp, bạn gái Oskar và thuộc biên chế trại lính Brinnlitz. Nhưng có vẻ cô vẫn ở Auschwitz, cùng các *Schindlerfrauen*.

Theo Emilie Schindler, người nữ sứ giả ấy là một cô gái hăm hai hăm ba tuổi. Cô sinh trưởng ở Zwittau, cha cô với gia đình Schindler là chỗ bạn bè cũ. Cô vừa từ vùng Nga chiếm đóng quay về, tại đây cô làm thư ký trong chính quyền Đức. Cô là bạn thân với Emilie, và đã xung phong nhận nhiệm vụ này. Khó có khả năng Oskar yêu cầu một người bạn của gia đình đi hiến thân. Dẫu ông rất cường đạo trong chuyện này, nhưng khía cạnh này của câu chuyện chắc là truyền thuyết. Không rõ mức độ cuộc giao dịch của cô gái với sĩ quan Auschwitz đến đâu. Chỉ biết cô đã đến vương quốc đáng sợ ấy và mặc cả một cách can trường.

Sau này, Oskar cho biết, khi đích thân làm việc với các lãnh chúa của Đại Nghĩa địa Auschwitz, ông lại nhận được lời mời chào quen thuộc. Tốp tù nữ đã đến đây mấy tuần rồi, và không còn mấy giá trị lao động nữa. Sao ông không vớt quách ba trăm đứa ấy đi? Bọn tôi sẽ cắt cho ông ba trăm khác, từ đàn người vô tận này. Hồi 1942 một hạ sĩ quan SS ở ga Prokocim cũng đã gợi ý như vậy với Oskar. Cứ khư khư lấy mấy cái tên làm gì, *Herr Direktor*.

Và, cũng như ở Prokocim, Oskar lại dùng bài cũ. Đây là công nhân đạn dược lành nghề, không thể thay thế. Đích thân tôi đã huấn luyện họ nhiều năm. Kỹ năng của họ không thể thay thế trong một sớm một chiều. Tôi biết tên nào, là tôi cứ đòi tên ấy thôi.

Khoan đã, kẻ chào mời nói. Tôi thấy trong danh sách một con bé chín tuổi, con gái của Phila Rath. Và một con bé mười một, con gái của Regina Horowitz. Lẽ nào ông định bảo tôi rằng hai đứa bé lên chín và lên mười một là công nhân đạn dược lành nghề?

Chúng làm nhiệm vụ đánh bóng vỏ đạn 45 mm, Oskar nói. Chúng được chọn vì có ngón tay dài, luồn sâu vào lòng vỏ đạn, điều người lớn không làm được.

Những cuộc trao đổi kiểu này, để yểm trợ cho cô gái bạn của gia đình, được Oskar thực hiện trực tiếp hoặc qua điện thoại. Oskar sẽ

truyền đạt lại kết quả đàm phán với những người thân cận trong nhóm tù nam, và từ họ thông tin sẽ được chuyển tới công nhân dưới xưởng. Tuyên bố của Oskar rằng ông cần trẻ em để đánh bóng lòng vỏ đạn chống tăng là hoàn toàn bốc phét. Nhưng đây không phải lần đầu ông sử dụng nó. Một đêm năm 1943, khi được gọi ra *Appellplatz* ở *Plaszów*, cô bé mồ côi Anita Lampel thấy Oskar đang tranh luận với một phụ nữ trung niên, *Alteste* ở trại tù nữ. Những gì bà ta nói cũng gần giống Höss/Hössler ở Auschwitz về sau sẽ nói. “Ông không thể nói rằng ông cần một con bé mười bốn tại Emalia. Ông không thể nói rằng Commandant Goeth cho phép ông tuyển mộ một đứa bé mười bốn về Emalia.” (Tất nhiên, người *Alteste* này sợ rằng nếu danh sách tù chuyển tới Emalia đã bị sửa đổi, bà ta sẽ lãnh đủ. Đêm đó, Anita Lampel kinh ngạc lắng nghe Oskar, người chưa thấy bàn tay cô lần nào, khẳng định ông chọn cô vì giá trị sản xuất của những ngón tay thon dài ấy, và Herr Commandant đã chấp thuận.

Bây giờ Anita Lampel đang ở Auschwitz, nhưng cô đã lớn và không cần đến lá bùa ngón tay dài nữa. Bởi vậy nó được chuyển lại cho con gái bà Horowitz và bà Rath.

Đầu mỗi của Schindler đã đúng khi nói rằng nhóm phụ nữ đã mất gần hết giá trị lao động. Khi bị kiểm tra, những cô gái như Mila Pfefferberg, như Helen Hirsch và em gái không giấu được dáng lưng còng và vẻ già nua mà những cơn co thắt do kiệt lực gây ra. Bà Dresner không thiết ăn nữa, kể cả món xúp phế phẩm. Danka không sao đẩy được hơi ấm nhạt nhẽo của nó xuống cổ họng bà. Như vậy nghĩa là bà sẽ sớm trở thành Mussulman. Đó là tiếng lóng ở trại, xuất phát từ ký ức của mọi người về những thước phim quay nạn đói ở các nước đạo Hồi, chỉ người đã vượt qua ranh giới phân định giữa người sống đói khát và người-đang-chờ-chết.

Clara Sternberg, ngoài bốn mươi, bị tách khỏi nhóm Schindler chuyển tới một nơi có thể gọi là lán *Mussulman*. Tại đây, sáng sáng, những phụ nữ chờ chết xếp hàng trước cửa để SS thanh lọc. Đôi khi chính Mengele ghé sát vào họ. Trong khoảng năm trăm người thuộc nhóm mới của Clara Sternberg, một trăm có thể bị lọc ra vào một sáng bất kỳ. Hôm nào ít thì năm mươi. Họ lấy đất sét Auschwitz

để đánh má hồng; nếu cố được thì đứng cho thẳng lưng. Đứng yên mà nuốt nghẹn chứ đừng ho.

Sau một lần kiểm tra như vậy, Clara nhận thấy không còn ai để dự bị cho hôm sau nữa. Bà có chồng và con trai bé Brinnlitz, nhưng giờ đây họ còn xa vời hơn kênh rạch trên Sao Hỏa. Bà không hình dung nổi Brinnlitz hay chồng con ở đó nữa. Bà dật dờ đi trong trại nữ để tìm hàng rào điện. Khi mới đến đi đâu bà cũng gặp. Giờ khi cần lại chẳng thấy đâu. Mỗi ngã rẽ dẫn bà tới một nẻo đường lầy lội khác, làm bà chán nản với cảnh tượng những căn lán tồi tàn như nhau. Gặp một người quen ở Płaszów, một phụ nữ Cracow như mình, bà lao tới. “Hàng rào điện ở đâu?” Clara hỏi. Trong cơn cùng quẫn, câu hỏi ấy với bà hoàn toàn hợp lẽ, và Clara không nghi ngờ gì việc người bạn cũ, nếu còn chút tình chị em, sẽ chỉ dẫn cho mình. Câu trả lời của người phụ nữ ấy điên khùng không kém, nhưng lại hàm chứa một góc nhìn tỉnh táo, cân bằng, một tinh thần tỉnh táo đầy méo mó.

“Đừng tự sát bằng hàng rào điện, Clara,” bà ta khuyên. “Làm vậy chị sẽ không bao giờ biết điều gì xảy ra với mình đâu.”

Đó luôn là câu trả lời hiệu nghiệm nhất cho người tự tử. Chị sẽ không bao giờ biết cốt truyện kết thúc ra sao. Clara chẳng hào hứng gì cho lắm với cốt truyện. Nhưng vì lẽ gì đó câu trả lời đã có tác dụng. Bà quay đi. Khi trở về lán, lòng bà còn rối bời hơn cả lúc đi tìm hàng rào. Nhưng với câu trả lời ấy, người bạn Cracow, bằng cách nào đó, đã loại tự tử khỏi danh sách lựa chọn của bà.

Một điều tồi tệ đã xảy ra tại Brinnlitz. Oskar, lữ khách xứ Moravia, đi vắng. Ông đi buôn đồ bếp, kim cương, rượu, xì gà khắp tỉnh. Một số thương vụ có ý nghĩa quan trọng. Biberstein đã nhắc đến tử thuốc và thiết bị y tế trang bị cho phòng khám ở Brinnlitz. Những thứ này bình thường làm gì có. Có lẽ Oskar đã phải mua thuốc từ kho của *Wehrmacht*, hoặc từ hiệu thuốc của một trong những bệnh viện lớn tại Brno.

Dù vì lý do gì thì ông cũng không có nhà khi thanh tra từ Gröss-Rosen đến thị sát dưới xưởng cùng *Untersturmführer* Josef Liepold, viên Commandant mới, kẻ luôn vui mừng khi có cơ hội xâm nhập

vào nhà máy. Viên thanh tra thực hiện chỉ thị từ Oranienburg là rà soát các trại phụ của Gröss-Rosen để bắt trẻ con cho thí nghiệm y khoa của bác sĩ Josef Mengele tại Auschwitz. Olek Rosner lẫn cậu em họ Richard Horowitz, nghĩ rằng ở đây mình không việc gì phải ẩn nấp, bị phát hiện đang chạy quanh xưởng, đuổi nhau trên cầu thang, và nô đùa giữa đám máy xe sợi bỏ không. Cùng chung số phận là con trai bác sĩ Leon Gross, người điều trị bệnh tiểu đường mới phát của Amon, hỗ trợ bác sĩ Blancke trong Chiến dịch Sức khỏe, và còn phải trả lời về nhiều tội ác khác. Viên thanh tra nhận xét với *Untersturmführer* Liepold rằng đây rõ ràng không phải công nhân đạn dược quan trọng. Liepold - thấp, đậm người, không điên như Amon - nhưng vẫn là một sĩ quan SS tin vào chế độ, chẳng buồn bảo vệ lũ nhóc.

Tiếp đó, tới lượt cậu bé chín tuổi của Roman Ginter bị phát hiện. Ginter biết Oskar từ thời ghetto mới ra đời, là người cung cấp sắt vụn của DEF cho xưởng kim khí tại Płaszów làm nguyên liệu. Nhưng *Untersturmführer* Liepold và viên thanh tra không thấy mối quan hệ đặc biệt nào. Cậu bé nhà Ginter bị giải ra cổng với những đứa trẻ khác. Con trai Frances Spira, mười tuổi rưỡi, nhưng cao lớn và trên danh sách ghi là mười bốn, đang trèo thang lau cửa kính. Cậu may mắn thoát nạn.

Chỉ thị ra lệnh bắt cả bố mẹ lũ trẻ, có lẽ để phòng ngừa nguy cơ phụ huynh vì cùng quần sẽ gây bạo động. Do vậy cả Rosner nghệ sĩ violin, Horowitz và Roman Ginter đều bị bắt. Bác sĩ Leon Gross từ phòng khám chạy xuống để trình bày, mặt mũi đỏ gay. Ông ta hy vọng chứng tỏ cho viên thanh tra từ Gröss-Rosen thấy mình là mẫu tù nhân rất có trách nhiệm, người bạn của chế độ. Nỗ lực ấy hoàn toàn vô ích. Một viên *Unterscharführer* mang súng tiểu liên được giao nhiệm vụ áp giải cả nhóm đi Auschwitz.

Đoàn cha và con ấy đi tàu khách từ Zittau đến Katowice, Thượng Silesia. Henry Rosner ngỡ hành khách sẽ tỏ ra thù địch. Trái lại, một phụ nữ táo tợn tới chỗ họ, cho Olek và các bạn đầu mẩu bánh mì và một quả táo, đồng thời nhìn thẳng mặt viên trung sĩ với vẻ khiêu khích. Tuy nhiên, viên *Unterscharführer* chỉ giữ thái độ lịch sự, gật đầu chào. Khi tàu dừng ở Usti, anh ta để họ lại cho phụ

tá canh giữ rồi bỏ tiền túi mua bánh bích quy và cà phê mang về. Anh ta bắt chuyện với Rosner và Horowitz. Càng nói họ càng thấy anh không thuộc về cùng một lực lượng cảnh sát với Amon, Hujar, John và đồng bọn. “Tôi sẽ đưa mọi người đến Auschwitz,” anh ta tiết lộ, “rồi nhận một nhóm phụ nữ đưa về Brinnlitz.”

Trớ trêu thay, những người đàn ông đầu tiên ở Brinnlitz biết tin chị em sắp được thả khỏi Auschwitz lại là Rosner và Horowitz, bản thân đang trên đường tới đó.

Cả hai ngây ngất. Họ bảo các con: chú này sắp đưa mẹ các con về Brinnlitz. Rosner nhờ viên *Unterscharführer* chuyển hộ thư cho Manci, còn Horowitz xin được viết cho Regina. Cả hai dùng giấy viên *Unterscharführer* cho họ, thứ giấy anh vẫn viết cho vợ mình. Rosner gửi Manci một địa chỉ ở Podgórze để hẹn ngày đoàn tụ nếu cả hai sống sót.

Khi cả hai viết xong, viên sĩ quan SS bỏ thư vào túi áo. *Cậu ở đâu mấy năm qua? Rosner tự hỏi. Ban đầu cậu có cuồng tinn không? Có hò reo khi lũ ác thần cười diều hâu gào lên, “Do Thái là nỗi bất hạnh của chúng ta!” không?*

Thêm một quãng, Olek vùi mặt vào tay Henry và bắt đầu khóc. Đầu tiên cậu không chịu nói tại sao. Sau cùng cậu thú nhận mình ân hận vì đã khiến Henry bị bắt theo đi Auschwitz. “Chỉ vì con mà bố phải chết,” cậu nói. Henry có thể nói dối để vỗ yên Olek, nhưng anh biết sẽ chẳng ăn thua. Lũ trẻ đều biết tới phòng ngời ngát. Chúng dần dần nếu người lớn định lừa chúng.

Viên *Unterscharführer* cúi xuống. Hẳn anh ta chưa nghe được câu chuyện, nhưng mắt anh đắm lệ. Olek dường như ngỡ ngàng vì cảnh tượng ấy - theo cách trẻ con sững sờ trước con thú đạp xe ở rạp xiếc. Cậu ngăn người nhìn viên sĩ quan. Điều đáng kinh ngạc là những giọt lệ ấy nhìn như nước mắt người cha, nước mắt bạn tù. “Chú biết điều gì sắp đến,” viên *Unterscharführer* bảo. “Chúng tôi đã bại trận. Cháu sẽ được xăm số. Cháu sẽ sống sót.”

Henry cảm giác, không phải anh đang hứa với cậu bé, mà với chính mình, tự trang bị một lời đảm bảo - để có lẽ năm năm sau, khi

hồi tưởng lại chuyến tàu này - anh có thể dùng để trấn an bản thân mình.

*

Buổi chiều đi tìm hàng rào điện, Clara Sternberg nghe tiếng gọi tên, tiếng cười của chị em từ lán *Schindlerfrauen*. Từ căn lán lầy lội, bà bò ra và thấy các phụ nữ của Schindler xếp hàng bên kia hàng rào trong trại nữ. Một số chỉ mặc độc sơ mi quần đùi. Tất cả đều da bọc xương, chẳng có cơ hội nào. Nhưng họ rúc rích như một lũ gái non. Đến nữ nhân viên SS tóc vàng cũng lộ vẻ phấn khởi, bởi nếu họ được giải phóng khỏi Auschwitz thì cô ta cũng vậy. "*Schindlergruppe*," cô ta thông báo, "các cô sẽ đi tắm rồi lên tàu." Có vẻ cô ta cũng cảm nhận được tính chất đặc biệt của sự kiện này.

Tù nhân tận số từ các lán chung quanh chờ đợi nhìn họ reo mừng qua rào thép gai. Đoàn phụ nữ ấy, họ buộc tất cả phải nhìn. Vì đột nhiên họ quá bất tương xứng với phần còn lại của thành phố này. Tất nhiên, nó chẳng ý nghĩa gì. Chỉ là một sự kiện bất thường, không ảnh hưởng tới cuộc sống của đa số; không đảo ngược nổi thực tại hay khiến không khí mù mịt khói ở đây quang đãng hơn.

Nhưng với Clara Sternberg, cảnh tượng ấy thật không tài nào chịu nổi. Và với bà Krumholz sáu mươi tuổi đang chờ chết ở lán người già, cũng vậy. Bà bắt đầu cự cãi với viên *Kapo* Hà Lan ở cửa lán. Tôi sẽ nhập bọn với họ, bà nói. Người kia tuôn ra một tràng lý luận. Sau cùng, bà ta nói, bà ở đây thì hơn. Nếu đi, bà sẽ chết trên toa gia súc. Ngoài ra tôi phải giải thích vì sao bà vắng mặt. Bà cứ bảo, bà Krumholz đáp, tôi có tên trong danh sách của Schindler. Họ đã thu xếp cả rồi. Các con số sẽ khớp. Không ai thắc mắc gì đâu.

Họ cãi nhau năm phút, nói đến gia đình, tìm hiểu gốc gác của nhau, có lẽ mong tìm ra điểm yếu nằm ngoài logic ngặt nghèo của cuộc tranh luận. Té ra người phụ nữ Hà Lan cũng có họ Krumholz. Họ bắt đầu bàn về tung tích người thân. Chồng tôi ở Sachsenhausen, chắc thế, bà Krumholz Hà Lan nói. Bà Krumholz Cracow thì bảo, chồng và con trai lớn của tôi cũng đi rồi. Có lẽ là Mauthausen. Tôi lẽ ra sẽ đến trại Schindler ở Moravia. Nhóm phụ nữ bên kia hàng rào sắp đi đấy. Họ không đi đâu sát, bà Krumholz Hà

Lan nói, bởi chỉ có một chỗ để đi thôi. Bà Krumholz Cracow nói, Nhưng họ nghĩ mình sẽ được đi. Xin chị! Vì nếu các *Schindlerfrauen* ảo tưởng, bà Krumholz từ Cracow muốn được ảo tưởng cùng với họ. Người nữ *Kapo* thông cảm với bà, và rút cuộc mở cửa cho bà đi, muốn ra sao thì ra.

Giữa bà Krumholz, bà Sternberg và nhóm phụ nữ của Schindler chỉ còn một hàng rào. Đây không phải hàng rào vòng ngoài, dẫn điện. Tuy vậy nó vẫn theo đúng quy chuẩn của Cục D, gồm ít nhất mười tám sợi, càng lên cao càng dày. Ở dưới thưa hơn, mỗi sợi song song cách nhau độ mười lăm xăng ti mét. Nhưng giữa mỗi cụm sợi song song lại có khoảng trống gần ba mươi xăng ti mét. Hôm ấy, theo lời nhân chứng và bản thân họ, cả bà Krumholz lẫn bà Sternberg, bằng cách nào đó, đã xé toang hàng rào đến với nhóm phụ nữ của Schindler, để gia nhập bất kỳ giấc mơ giải thoát giữa ban ngày nào họ đang tận hưởng. Cố lách qua khoảng cách chắc chỉ hai mươi hai phân, căng dây ra, xé toạc quần áo và để gai cào rách thịt, họ tự mình trở lại danh sách của Schindler. Chẳng ai ngăn họ vì không ai tin vào điều đó. Với những phụ nữ khác ở Auschwitz kiểu gì thì ví dụ này cũng không liên quan tới họ. Với những kẻ đào tẩu khác, vượt qua hàng rào này chỉ dẫn ta đến hàng rào khác, rồi hàng rào khác nữa, rồi đến lớp rào ngoại vi dẫn điện. Trong khi với Sternberg và Krumholz, chỉ có một lớp rào ấy thôi. Quần áo họ mang theo từ ghetto và giữ gìn cẩn thận ở Plaszów lầy lội nay đã ở lại trên rào. Trần tròng và rướm máu, họ nhập vào hàng phụ nữ của Schindler.

Bà Rachela Korn, nằm liệt trong lán cứu thương ở tuổi bốn tư, cũng được con gái lôi qua cửa sổ, đỡ đứng thẳng trong hàng. Với bà và hai người kia, hôm nay là sinh nhật. Mọi người trong hàng như đang chúc mừng họ.

Trong nhà tắm, họ bị cạo nhẵn. Các nữ thợ cạo Latvia lia một đường lừa chảy chạy dọc đầu họ, cạo lông nách và lông mu họ. Tắm xong, họ bị xua trần tròng đến lán hậu cần, ở đây họ được phát quần áo của người chết. Thấy nhau trọc lốc và quần áo tạm bợ, họ phá lên cười - sự hồn nhiên của tuổi trẻ. Cảnh cô gái nhỏ nhắn Mila Pfefferberg, chỉ còn ba mươi lăm cân, mặc y phục của một phụ nữ

béo tốt khiến họ cười rũ ra. Dở sống dở chết, y phục rách rưới đánh số bằng sơn, họ uốn éo, làm mẫu, đóng kịch, và rúc rích như một bầy nữ sinh.

“Schindler định làm gì với lũ gái già này?” Clara Sternberg nghe một nữ nhân viên SS hỏi đồng nghiệp.

“Bố ai biết được,” người kia đáp. “Hắn thích thì cho hắn mở nhà dưỡng lão.”

Dù chuẩn bị tinh thần thế nào, đoàn tàu vẫn là một trải nghiệm kinh khủng. Cả khi trời lạnh, vẫn có cảm giác ngột ngạt đến từ sự tăm tối. Hết lên xe, lũ trẻ lập tức dồn về bất kỳ khe hở nào có ánh sáng. Sáng hôm ấy Nusia Horowitz làm như vậy - áp sát vào thành toa, nơi có một tấm ván xộc xệch. Nhìn qua kẽ hở, em thấy hàng rào của trại nam bên kia đường tàu. Em thấy một dúm trẻ con đứng dòm và vẫy đoàn tàu. Trong động tác của chúng, có gì đó bền bỉ một cách rất riêng tư. Em cảm thấy kỳ lạ vì một đứa giống hệt cậu em lên sáu của mình, đang an toàn ở chỗ Schindler. Còn thằng bé bên cạnh thì giống đứa em họ Olek Rosner như đúc. Rồi em hiểu ra. Chính là Richard. Chính là Olek.

Em quay sang tìm mẹ và kéo bà ra. Regina nhìn, cũng trải qua quá trình nhận diện tàn nhẫn ấy, và bắt đầu kêu gào. Cửa toa đã đóng; họ bị lèn chặt trong bóng tối, và mỗi cử động, mỗi hơi hướm hy vọng hoặc hoảng sợ, đều dễ lây lan. Ai nấy bắt đầu kêu khóc. Mancie Rosner, đứng gần chị dâu, nhẹ nhàng đẩy Regina dịch sang, nhìn, thấy con trai đang vẫy, và cũng bắt đầu gào khóc.

Cửa lại mở ra và một hạ sĩ quan vạm vỡ hỏi làm gì mà ồn thế. Không ai có động cơ gì để bước lên, trừ Mancie và Regina vật lộn chen lên trước. “Con tôi đang ở ngoài kia,” họ đồng thanh. “Con trai tôi,” Mancie nói. “Tôi muốn cho nó biết tôi còn sống.”

Người nọ ra lệnh cho họ xuống tàu. Khi xuống rồi, họ mới bắt đầu tự hỏi mục đích của anh ta là gì. “Tên chị?” anh ta hỏi Regina.

Bà trả lời và thấy anh ta vòng tay ra sau, lục tìm dưới thắt lưng da. Bà ngỡ bàn tay sẽ rút ra một khẩu súng. Nhưng hóa ra đây là thư của chồng bà. Anh ta có một bức thư tương tự từ Henry Rosner. Anh ta kể vắn tắt chuyến đi từ Brinnlitz, với chồng họ. Mancie gợi ý

anh ta cho phép họ chui xuống gầm xe, giữa đường ray, để đi tiểu. Khi tàu dừng lâu, đôi khi họ vẫn được phép làm vậy. Anh ta bằng lòng.

Vừa chui xuống gầm tàu, Mancini liền phát ra tiếng huýt chói tai của nhà Rosner cô vẫn dùng trên *Appellplatz* ở Płaszów để gọi Henry và Olek. Olek nghe thấy, và bắt đầu vẫy. Em nắm đầu Richard, quay về hướng hai bà mẹ, đang lấp ló giữa bánh xe của đoàn tàu.

Sau khi vẫy rồi rít, Olek giơ tay lên cao và kéo áo xuống khoe một hình xăm ngoằn ngoèo như vết dẫn tĩnh mạch trên bắp tay. Và tất nhiên hai bà mẹ vẫy, gật đầu, và hoan hô; cậu bé Richard cũng giơ hình xăm lên, để được hoan hô. Mẹ, nhìn này, lũ trẻ tay áo xấn cao như muốn nói, chúng con vào biên chế rồi.

Nhưng giữa những bánh xe hai bà mẹ đang kinh hoảng. “Chúng bị sao thế?” họ hỏi nhau. “Lạy Chúa, chúng làm gì ở đây?” Họ hiểu rằng trong thư sẽ giải thích rõ ràng hơn. Cả hai xé thư ra đọc, cất đi, rồi tiếp tục vẫy.

Tiếp đó, Olek xòe tay ra khoe mấy củ khoai tây bé xíu. “Đó,” cậu hét và Mancini nghe rõ từng lời. “Mẹ không phải lo con bị đói nữa nhé.”

“Bố đâu?” Mancini hỏi.

“Bố đi làm,” Olek nói. “Bố sẽ về sớm thôi. Khoai này con để dành cho bố.”

“Chúa ơi,” Mancini than thở với chị dâu. Một tí thức ăn như thế. Cậu bé Richard thật thà hơn. “*Mamushka, Mamushka, Mamushka,*” cậu kêu, “con đói quá!”

Nhưng cậu cũng giơ lên mấy củ khoai. Khoai cho Dolek, cậu bảo. Dolek và Rosner đang làm việc ở mỏ đá.

Henry Rosner về đầu tiên. Anh đứng sát rào, giơ cánh tay trần lên, “Hình xăm đây rồi,” anh hân hoan gọi lớn. Tuy vậy Mancini vẫn thấy anh cùng lúc vừa run, vừa toát mồ hôi vừa lạnh. Cuộc sống ở Płaszów chẳng dễ dàng gì, nhưng anh còn được ngủ bù dưới xưởng sơn sau những giờ chơi Lehar trên biệt thự. Ở đây, ban nhạc thỉnh thoảng vẫn diễn tấu cho dòng người tiến về “nhà tắm”, nhưng họ không chơi thứ nhạc của Rosner.

Khi Dolek quay về, Richard dẫn bố tới hàng rào. Ông thấy hai gương mặt xinh đẹp nhưng thất thần ló ra dưới gầm tàu. Điều ông lẫn Henry sợ nhất là họ đòi ở lại. Họ không thể ở cùng các con trong trại nam. Họ đang có hoàn cảnh khả quan nhất tại Auschwitz - ngồi dưới gầm một đoàn tàu chắc chắn sẽ lăn bánh trước khi trời tối. Ý niệm đoàn viên ở chốn này chỉ là ảo tưởng, nhưng hai người đàn ông ở hàng rào Birkenau vẫn sợ vợ họ sẵn sàng chết vì điều đó. Vì vậy Dolek và Henry trò chuyện với vẻ hồ hởi giả tạo - như hai ông bố thời bình định đưa con đi biển Baltic cho vợ được thanh thoi đi chơi Carlsbad. “Trông nom Niusia nhé,” Dolek nhắc đi nhắc lại, cốt để Regina nhớ rằng họ còn một đứa con nữa, trong toa xe ngay trên đầu bà.

Cuối cùng tiếng còi ân huệ vang lên từ trại nam. Giờ bốn bố con phải rời hàng rào. Mancini và Regina thần thờ leo lên tàu và cửa toa đóng lại. Họ lặng thinh. Chẳng còn gì làm họ ngạc nhiên được nữa.

Tàu lăn bánh vào buổi chiều. Chị em lại đoán già đoán non như thường lệ. Mila tin rằng nếu đích đến không phải là trại của Schindler, phân nửa số hành khách bị lên trên tàu khó lòng sống được một tuần nữa. Cô tự biết mình cũng chỉ còn tính bằng ngày. Cô bé Luska bị tinh hồng nhiệt. Bà Dresner, được Danko săn sóc song vẫn lả dần vì kiệt lực, cũng đang chết mòn.

Nhưng ở toa của Niusia Horowitz, họ thấy núi non và rừng thông qua kẽ vách. Hồi trẻ, một số đã đến chơi vùng này, và nhìn thấy những ngọn đồi khó quên ấy, dù từ những toa tàu hơi thối, cũng khơi dậy trong họ một cảm xúc đầy phi lý về kỳ nghỉ. Họ lay những người bạn thân ngồi trong vũng xú ối. “Sắp đến rồi,” họ hứa. Nhưng đến đâu? Một lần mừng hụt nữa sẽ kết liễu tất cả.

Buổi sáng lạnh giá ngày thứ hai, họ được lệnh xuống tàu. Tiếng đầu máy xì xì vắng lại từ đâu đó trong sương. Băng đóng thành những hàm râu lem luốc quanh phần dưới đoàn tàu, và không khí rét cắt da. Nhưng không phải thứ không khí chua gắt, nặng nề của Auschwitz. Đây là một đoạn tàu tránh nào đó. Họ bước đi, ngón chân tê cóng, ai nấy đều lên cơn ho. Không bao lâu, họ trông thấy một cánh cổng lớn và, phía sau, một công trình có nhiều ống khói trông như anh em với những ống khói họ đã bỏ lại phía sau ở

Auschwitz. Một nhóm SS đứng chờ trước cổng, xoa tay vào nhau vì rét. Tốp lính SS và dãy ống khói - tất cả như thể hồi tiếp theo của bộ phim kinh dị ấy. Cô gái đi cạnh Mila bắt đầu sùi sụt. “Chúng đem mình tới tận đây để rồi vẫn tống tiến mình lên ống khói.”

“Không,” Mila đáp, “chúng không thừa thời gian thế đâu. Nếu muốn, chúng đã làm vậy từ Auschwitz.”

Tinh thần lạc quan ấy, dầu vậy, cũng giống như của cô bé Lusía - Mila cũng không hiểu nó ở đâu ra.

Gần đến cổng, họ nhận ra Herr Schindler đứng giữa nhóm SS. Ban đầu, họ nhận ra ông qua vóc dáng đồ sộ khó quên. Tiếp đến, họ nhận ra gương mặt ông dưới chiếc mũ Tyrol dạo này ông hay đội để ăn mừng việc được hồi hương. Một viên sĩ quan SS thấp, da sạm đứng cạnh Oskar. Đây là Commandant của Brinnlitz, *Untersturmführer* Liepold. Oskar đã biết - và chị em sẽ sớm biết rằng Liepold, khác với cả trại lính trung niên của y, vẫn chưa mất niềm tin vào dự án mang tên “Giải pháp Tối hậu”⁽⁸¹⁾. Mặc dù y đường đường là phó thủ của *Sturmbannführer* Hassebroeck, là đại biểu cho quyền lực ở đây, Oskar lại là người bước lên khi đoàn người đứng lại. Họ nhìn ông chăm chú. Một kỳ nhân giữa sương mù. Chỉ vài người nhoẻn cười. Mila, giống những phụ nữ khác trong hàng sáng hôm đó, vẫn nhớ đây là một khoảnh khắc của niềm biết ơn thuần khiết nhất, thành kính nhất, và không nói nổi thành lời. Nhiều năm sau, một người trong số họ, khi đứng trước ống kính truyền hình Đức và nhớ về buổi sáng ấy, sẽ gắng diễn tả lại điều đó. “Ông là cha, ông là mẹ, ông là niềm tin duy nhất của chúng tôi. Chưa bao giờ ông làm chúng tôi thất vọng.”

Và Oskar lên tiếng. Đây lại là một bài diễn văn táo bạo, đầy những hứa hẹn choáng ngợp nửa của ông. “Tôi biết mọi người sắp đến,” ông nói. “Zwittau đã gọi điện báo cho chúng tôi. Trong nhà đã có xúp và bánh mì đợi sẵn.” Và, nhẹ nhàng nhưng với vẻ quả quyết của bậc giáo chủ, ông nói: “Không phải lo gì nữa. Có tôi ở đây rồi.”

Đó là một tuyên ngôn khiến viên *Untersturmführer* bất lực. Oskar phớt lờ thái độ giận dữ từ Liepold. Khi *Herr Direktor* dẫn đoàn tù

nhân vào sân nhà máy, Liepold chẳng thể làm gì để xâm nhập thành lũy vững chãi ấy.

Nhóm tù nam biết tin. Họ tụ tập trên ban công ngóng xuống. Sternberg và con trai tìm Clara Sternberg. Ông Feigenbaum với Lutek Feigenbaum kiếm Nocha *Feigenbaum* và cô con gái mảnh mai. Juda Dresner và Janek, ông Jereth, giáo sĩ Levartov, Ginter, Garde, cả Marcel Goldberg, đều căng mắt tìm bóng dáng những phụ nữ của mình. Mundek Korn không chỉ trông mẹ và em, mà cả Lusia cô gái lạc quan, người cậu thầm cảm mến. Bau chìm trong một nỗi bi thương mà có lẽ anh chẳng bao giờ hoàn toàn thoát khỏi. Lần đầu tiên, anh biết chắc rằng mẹ và vợ mình sẽ không tới Brinnlitz. Song Wulkan người thợ kim hoàn, khi thấy Chaja Wulkan dưới sân nhà máy, lại kinh ngạc nhận ra, có những cá nhân đã can thiệp và mang tới sự giải cứu bất ngờ.

Pfefferberg vấy Mila bằng gói đồ anh vẫn giữ đợi ngày cô đến - một cuộn len trộm từ một trong những kiện hàng Hoffman bỏ lại, và chiếc kim đan anh làm ở xưởng hàn. Cậu con trai mười tuổi của Frances Spira cũng từ ban công ngóng xuống. Cậu bé phải đút nắm tay vào miệng để khỏi kêu lên, vì dưới sân đầy SS.

Đoàn tù nữ lão đảo bước vào khoảnh sân lát đá trong trang phục Auschwitz tả tơi. Đầu họ cạo trọc. Một số ốm yếu, hốc hác đến nỗi khó nhận ra. Nhưng cuộc hội ngộ ấy vẫn thật phi thường. Sẽ chẳng ai ngạc nhiên khi về sau biết rằng, khắp châu Âu tang thương chẳng đâu có cuộc đoàn tụ nào như thế. Và rằng Auschwitz chưa có và sẽ không có cuộc giải cứu nào như vậy.

Sau đó họ được dẫn đến một khu riêng. Chưa có giường tầng, mới chỉ có nệm rơm dưới sàn. Từ chiếc ôu DEF to, một nữ nhân viên SS múc cho họ thứ xúp Oskar vừa nói đến ngoài cổng. Xúp đặc. Và ngồn ngộn dinh dưỡng. Trong mùi thơm ấy là dấu hiệu bề ngoài chứa đựng giá trị của những lời hứa không tưởng kia. “Không còn gì phải lo lắng nữa.”

Nhưng họ chưa được tiếp xúc với chồng con. Khu tù nữ tạm thời bị cách ly. Cả đến Oskar, được đội ngũ y tế tư vấn, cũng phải dè chừng những gì họ có thể đem về từ Auschwitz.

Tuy nhiên, chế độ cách ly vẫn còn ba chỗ thủng. Một là viên gạch hồng ở bên trên giường của Moshe Bejski. Những đêm sắp tới, anh em sẽ thay phiên quỳ trên đệm của Bejski và nhấn gửi sang bên kia bức tường. Tương tự, dưới nhà máy có một lỗ thoáng thông sang khu vệ sinh nữ. Pfefferberg quây thùng xung quanh, làm thành một khoang đủ một người ngồi và nói vọng sang. Cuối cùng, mỗi sáng sớm và sẩm tối, họ lại tụ tập bên hàng rào ngăn cách ban công khu tù nam và tù nữ. Nhà Jereth gặp nhau ở đây: ông lão Jereth, người góp gỗ xây những lán đầu tiên ở Emalia; vợ ông, dạo ấy cần vào ghetto để lánh nạn *Aktion*. Các bạn tù vẫn hay đùa về cuộc đối thoại giữa hai vợ chồng. “Hôm nay ruột mình đã vận hành chưa?” ông Jereth trịnh trọng hỏi vợ, người vừa trở về từ khu lán chìm trong kiệt lực của Birkenau.

Về nguyên tắc, không ai muốn vào bệnh xá. Ở Płaszów, đó là một chốn hiểm nguy, nơi anh có thể bị bác sĩ Blancke điều trị bằng một liều xăng tiêm tĩnh mạch. Kể cả ở Brinnlitz, bệnh xá vẫn luôn có nguy cơ bị kiểm tra đột xuất, giống như vụ đã bắt mất lũ trẻ. Theo quy định của Oranienburg, bệnh xá của trại lao động không được có bệnh nhân nặng. Nơi này không phải là nhà thương làm phúc, mà để sơ cứu lao động. Nhưng dù muốn hay không bệnh xá ở Brinnlitz vẫn đầy phụ nữ. Cô thiếu nữ Janka Feigenbaum được đưa vào đây. Em bị ung thư và kiết gi cũng chết, dù được ở chỗ tử tế nhất. Nhưng chí ít em cũng đến được nơi tử tế nhất còn lại cho em. Bà Dresner cũng được đưa vào đây, cùng hàng chục người khác không nuốt trôi hoặc giữ nổi thức ăn trong bụng. Lusia lạc quan và hai cô gái khác bị tinh hồng nhiệt và không được nhập viện. Họ được cho nằm dưới hầm, giữa cái ẩm áp của những nồi hơi. Trong cơn mê sảng, Lusia vẫn ý thức được cái ẩm cúng phi thường của phòng bệnh dưới hầm ấy.

Emilie làm việc thâm lặng như một nữ tu trong bệnh xá. Những người khỏe mạnh, tham gia tháo dỡ máy móc của Hoffman chuyển xuống nhà kho ở cuối đường, hầu như không để ý thấy bà. Sau này một người còn bảo bà chỉ là một người vợ lặng lẽ và phục tùng. Bởi ở Brinnlitz, những người khỏe mạnh đều bị mê hoặc bởi sự hào nhoáng từ Oskar, bởi ma thuật niềm tin có tên Brinnlitz. Những phụ

nữ còn đứng vững cũng bị thu hút bởi viên giám đốc uy quyền, tài phép và toàn tri.

Như Mancini Rosner chẳng hạn. Khi Brinnlitz hoạt động được một thời gian, có lần Oskar xuống chỗ cô trực đêm, đưa cho cô cây vĩ cầm của Henry. Bằng cách nào đó, khi đến gặp Hassebroeck ở Gröss-Rosen, ông có thời gian tạt vào kho và tìm được cây đàn. Ông tốn 100 RM chuộc lại nó. Khi trao nó cho cô, ông nở nụ cười như hứa hẹn sự trở về tối hậu của người nghệ sĩ để sánh duyên với cây đàn. “Đàn cũ,” ông thì thầm. “Nhưng - tạm thời - giai điệu mới.”

Sẽ khó cho Mancini, khi đứng trước Oskar và cây vĩ cầm kỳ diệu, để thấy bóng dáng người vợ thầm lặng phía sau *Herr Direktor*. Nhưng với người hấp hối, Emilie hiện diện rõ ràng hơn. Bà cho họ ăn cháo lồi lúa mì⁽⁸²⁾, có Chúa mới biết bà moi ở đâu ra, đích thân bà nấu và mang xuống bệnh xá. Bác sĩ Biberstein nghĩ bà Dresner đã hết thuốc chữa. Emilie bón cháo cho bà bảy ngày liên tục, và bệnh lý lui dần. Trường hợp của bà Dresner có lẽ đã xác thực dự báo của Mila Pfefferberg, rằng nếu Oskar không kịp cứu họ khỏi Birkenau, phần lớn sẽ khó sống nổi một tuần nữa,

Emilie còn chăm sóc Janka Feigenbaum, cô gái mười chín bị ung thư xương. Lutek Feigenbaum, anh cô, làm việc dưới xưởng, thì thoảng vẫn thấy Emilie xuất hiện từ căn hộ tầng trệt, mang cặp lồng xúp bà tự nấu tới cho Janka đang chết mòn. “Bà ấy bị Oskar lấn át,” Lutek nói. “Ai cũng vậy. Nhưng bà vẫn là người độc lập.”

Khi Feigenbaum bị vỡ kính, bà lo sửa cho cậu. Đơn kính của cậu nằm ở một phòng khám nhãn khoa nào đó trên Cracow, đã ở đấy từ trước khi ghetto ra đời. Nhân có người đi Cracow, Emilie nhờ họ tìm đơn và đem về cặp kính đã sửa. Đối với chàng trai Feigenbaum, điều này vượt xa một cử chỉ nhân ái thông thường, nhất là trong một chế độ thật sự mong muốn anh bị cận, và âm mưu tước đi cặp kính của người Do Thái khắp châu Âu.

Chuyện Oskar tặng kính cho tù nhân thì nhiều. Người ta tự hỏi, liệu có cử chỉ nhân ái nào kiểu ấy của Emilie lại không bị hấp thụ vào truyền thuyết về Oskar, cái cách hành vi của những anh hùng nhỏ bé hơn bị gộp chung vào hình tượng Arthur hay Robin Hood.

(77) Tiếng Đức: Nhóm của Schindler.

(78) Có lẽ tác giả muốn ám chỉ những trận đánh ở vùng Flanders trong Thế chiến I, diễn ra trong tình trạng ngập ngụa bùn lầy.

(79) Tiếng Đức: Nữ (lao động) của Schindler.

(80) Chánh thanh tra hình sự. Trước khi chuyển sang phụ trách việc đầu độ tù nhân, Wirth là Chánh thanh tra của Cảnh sát hình sự Stuttgart.

(81) Tiếng Đức: die Endlösung der Judenfrage (giải pháp cuối cùng cho vấn đề Do Thái), cụm từ “chính thống” của phát xít Đức để chỉ kế hoạch diệt chủng Do Thái.

(82) Nguyên văn: selinona, là phần lõi còn lại của hạt lúa mì sau khi xay.

CHƯƠNG 34

Bác sĩ ở bệnh xá có Hilfstein, Handler, Lewkowicz và Biberstein. Tất cả đều quan ngại về nguy cơ bùng nổ dịch sốt phát ban. Vì nó không chỉ đe dọa sức khỏe. Nó, theo luật, còn là cơ sở để đóng cửa Brinlitz và tổng người mắc bệnh lên xe gia súc chở đến Birkersau, để họ chờ chết trong những lán có gắn biển ACHTUNG TYPHUS. Một sáng nọ, khi Oskar thăm bệnh xá, độ một tuần sau khi đoàn tù nữ nhập trại, Biberstein cho biết có thêm hai người bị nghi mắc bệnh. Đau đầu, sốt, mỏi mệt và đau nhức toàn thân - triệu chứng đã có đủ. Biberstein dự kiến các nốt phát ban sẽ xuất hiện trong mấy ngày tới. Cần có chỗ trong nhà máy để cách ly họ.

Biberstein không phải giảng giải cho Oskar quá nhiều về bệnh sốt phát ban này. Bệnh lây qua vết rạn cắn. Tù nhân nhiễm bệnh vì rạn trong trại vượt mức kiểm soát. Thời gian ủ bệnh khoảng hai tuần. Lúc này có thể đã có cả tá, cả trăm tù nhân đang ủ bệnh. Kể cả khi có giường, mọi người vẫn nằm quá sát nhau. Các đôi tình nhân lây thứ rạn mang bệnh cho nhau khi gặp gỡ trong vội vàng và bí mật ở một góc khuất nào đó của nhà máy. Lũ rạn lây lan nhanh điên cuồng. Sức mạnh của chúng có thể đánh bại Oskar.

Thế nên, khi Oskar ra lệnh xây một cơ sở khử rạn trên tầng - nhà tắm, buồng giặt để luộc quần áo, phòng diệt trùng - đây không hề là một chỉ thị hành chính suông. Nơi này sẽ lấy hơi nóng bơm dưới hầm lên. Đội thợ hàn sẽ chia hai ca làm liên tục. Họ làm một cách tình nguyện, bởi tình nguyện là đặc trưng của các ngành nghề bí mật ở Brinnlitz. Biểu tượng của ngành sản xuất chính thức là những máy Hilo mới mọc lên từ sàn nhà máy mới đổ bê tông. Như sau này Moshe Bejski nhận xét, việc lắp đặt chính xác những cỗ máy này là lợi ích của tù nhân cũng như của Oskar, bởi nó khoác lên cho trại một bề ngoài thuyết phục. Nhưng các ngành phi chính quy ở Brinnlitz mới đáng kể. Chị em đan quần áo bằng len thường từ các bao hàng bị vứt lại. Họ chỉ tạm ngừng để vờ lao động hăng say khi có sĩ quan hoặc hạ sĩ quan SS đi qua trên đường đến văn phòng của *Herr Direktor*, hoặc khi Fuchs và Schoenbrun, hai viên kỹ sư bắt

tài (“Còn lâu mới bằng kỹ sư của bọn này,” có tù nhân nhận xét) từ phòng làm việc bước ra.

Oskar của Brinnlitz vẫn là Oskar trong ký ức những người cũ thời Emalia. Một tay hưởng lạc, một gã ăn chơi trác táng. Mandel cùng Pfefferberg, kết thúc ca làm việc toát mồ hôi vì lắp đường ống hơi nước, rủ nhau lên bể nước ở tầng áp mái. Họ leo thang và đi cầu sắt lên. Ở đây nước ấm, và một khi đã trèo vào thì ở dưới không ai nhìn thấy họ. Vừa trèo lên tới nơi, hai anh thợ hàn ngớ ngàng phát hiện bên trong đã có người. Oskar bỗng bênh, trần truồng, đồ sộ. Một cô gái SS tóc vàng, người đã moi được cây trâm vàng từ Regina Horowitz, bộ ngực trần phập phồng trên sóng, tắm chung bồn với ông. Oskar nhận thấy và ngược nhìn họ bằng ánh mắt thật thà. Nổi hổ thẹn xác thịt, với ông, giống như khái niệm chủ nghĩa hiện sinh, rất ý nghĩa nhưng khó lòng nắm bắt. Hai anh thợ hàn để ý thấy, tuột đồ ra, cô gái thật nồn nà. Họ xin lỗi và rút lui, lắc đầu, khẽ huýt sáo và cười khúc khích như hai cậu học trò. Trên đầu họ, Oskar đóng đũa như thần Zeus.

Khi dịch không lan ra, Biberstein cảm ơn cơ sở khử rận của Brinnlitz. Khi bệnh kiệt lý lui dần, ông cảm ơn thực phẩm. Trong hồ sơ lưu trữ tại *Yad Vashem*, Biberstein khẳng định khi mới thành lập trại, khẩu phần hàng ngày vượt quá hai ngàn calo. Trên khắp lục địa thê lương chìm trong mùa đông ấy, duy có người Do Thái ở Brinnlitz là có bữa ăn đủ duy trì sự sống. Trong hàng triệu con người, chỉ riêng xúp của hơn một nghìn lao động của Schindler là có chất.

Còn cả cháo yến mạch nữa. Từ trại đi xuống một quãng, bên bờ suối nơi đám thợ máy của Oskar đã phi tang rượu lậu, có một trạm xay xát. Cầm theo giấy phép lao động, tù nhân có thể đi xuống đó với danh nghĩa chạy việc cho một phân xưởng ở DEF. Munde Korn vẫn nhớ mỗi lần về trại mang theo đầy thức ăn. Dưới trạm xay xát, anh chỉ cần buộc túm gấu quần lại và nới thắt lưng ra cho người khác trút đầy yến mạch vào. Anh cài thắt lưng và quay về - một kho lương thực di động vô giá, chân đi vòng kiềng qua mặt lính gác vào nhà máy. Vào trong, mọi người tháo dây ra và trút yến mạch vào chum.

Ở xưởng thiết kế, hai chàng trai Moshe Bejski và Josef Bau đã bắt đầu làm giả giấy phép cho tù nhân đi tải hàng từ trạm xây xát. Một hôm Oskar tạt vào và cho Bejski xem giấy tờ đóng dấu cơ quan lương thực ở vùng Đức thuộc. Các mối thực phẩm chợ đen tốt nhất của Oskar vẫn ở tận Cracow. Ông có thể đặt hàng qua điện thoại. Nhưng đến biên giới Moravia, ta phải có giấy phép từ Sở Lương nông. Oskar chỉ con dấu trên tờ giấy. Dấu này cậu làm được chứ? ông hỏi Bejski.

Bejski là thợ lành nghề. Anh làm nhiều ngủ ít. Đó là tác phẩm đầu tiên trong số rất nhiều con dấu anh sẽ chế tác cho Oskar. Công cụ của anh chỉ là dao lam và dao trổ cỡ nhỏ. Con dấu của anh sẽ trở thành biểu tượng cho nền hành chính phản nghịch của riêng Brinnlitz. Anh đeo con dấu của chính quyền Đức thuộc, của Toàn quyền Moravia, để tô điểm giấy thông hành giả mạo cho tù nhân lái xe tải đến Brno hoặc Olomouc và chở về bánh mì, xăng dầu, bột mì, vải vóc hoặc thuốc lá chợ đen. Leon Salpeter, dược sĩ Cracow, cựu thành viên *Judenrat* thời Marek Biberstein, làm thủ kho ở Brinnlitz. Nơi đây lưu trữ lương hàng tiếp tế thảm hại của Hassebroeck gửi từ Gröss-Rosen xuống, cùng với rau quả, bột mì, ngũ cốc bổ sung được Oskar mua về nhờ những con dấu cao su chế tác kỹ càng của Bejski, với hình đại bàng và chữ thập ngoặc của chế độ được điều khắc cực kỳ tinh xảo.

*

“Phải nhớ rằng,” một tù nhân nói, “cuộc sống ở Brinnlitz là gian khổ. Nhưng so với nơi khác - thiên đường!” Có lẽ bọn họ ý thức được đâu đâu cũng khan hiếm lương thực, ngay ở ngoài cũng hiếm người no đủ.

Còn Oskar? Oskar có cắt giảm khẩu phần xuống ngang bằng với tù nhân không?

Đáp lại là một tiếng cười độ lượng. “Oskar? Làm sao mà phải cắt? Người ta là *Herr Direktor*. Tội tôi tư cách gì để bàn chuyện đó?” Tiếp đó là một cái nhún vai, để nếu ta nghĩ, gì mà thần phục thế. “Anh không hiểu đâu. Sống ở đây đã là hồng phúc rồi. Làm gì còn chỗ nào nữa đâu.”

*

Giống như hồi mới cưới, Oskar vẫn là du tử từ trong máu, luôn vắng mặt dài ngày. Đôi khi Stern, người tập hợp những đề xuất trong ngày, thức cả đêm chờ ông. Tại căn hộ của Oskar, Itzhak và Emilie là những kẻ canh đêm. Vị học giả kiêm nghề kế toán luôn dành cho các cuộc lang bạt Moravia của Oskar lời giải thích trung thành nhất. Nhiều năm sau, trong một phát biểu, Stern cho biết, “Ông ấy rong ruổi ngày đêm, không chỉ thu mua lương thực cho tù nhân Do Thái tại Brinnlitz - bằng giấy tờ do một tù nhân làm giả - mà còn để mua vũ khí và đạn dược phòng khi SS định giết chúng tôi trước khi rút chạy.” Hình ảnh một *Herr Direktor* đôn đáo lo toan đã cho thấy tình yêu và lòng trung thành của Itzhak. Nhưng Emilie chắc cũng hiểu rõ, đâu phải lần vắng nhà nào cũng liên quan đến tiếng tăm buồn gian bán lận vì lòng nhân ái của Oskar.

Trong một lần Oskar đi vắng, cậu trai mười chín tuổi Janek Dresner bị quy tội phá hoại. Thật ra Dresner đâu có biết gì về cơ khí. Hồi ở Płaszów cậu chỉ biết diệt rận, bưng khăn cho lính SS đi tắm và sauna, luộc quần áo bám đầy rận của tù nhân (từ một vết rận cắn cậu đã bị sốt phát ban và sống sót chỉ nhờ anh họ, bác sĩ Schindel, chuyển cậu đến bệnh viện dưới dạng một ca viêm họng).

Vụ việc bị quy là phá hoại xảy ra bởi viên quản đốc người Đức, kỹ sư Schoenbrun, chuyển cậu từ đứng máy tiện sang một máy ép kim loại cỡ lớn. Các kỹ sư mất một tuần để căn chỉnh cỗ máy, nhưng ngay lần đầu khởi động và vận hành, cậu đã gây đoản mạch và làm gãy một tấm kim loại. Schoenbrun rửa xả và lên văn phòng viết báo cáo kết tội cậu. Báo trạng này được đánh máy rồi sao gửi đến Cục D và Cục W ở Oranienburg, đến Hassebroeck ở Gröss-Rosen, và Văn phòng *Untersturmführer* Liepold ở cổng nhà máy.

Đến sáng, Oskar vẫn chưa về. Thay vì gửi báo cáo, Stern lén rút chúng khỏi túi thư và giấu đi. Một bản đã được giao tận tay Liepold, nhưng may thay y vẫn là kẻ phục tùng quy định của tổ chức, và không thể treo cổ cậu bé chừng nào chưa có chỉ đạo từ Oranienburg và Hassebroeck. Hai ngày sau, vẫn chưa thấy Oskar đâu. “Chắc lại tiếc tùng gì rồi!” mấy người tinh nghịch dưới xưởng kháo nhau. Không biết vì đâu Schoenbrun phát hiện ra Itzhak đã im thư đi. Y

hầm hầm xông vào văn phòng, dọa Stern rằng tên ông sẽ được bổ sung vào báo cáo. Sự điềm tĩnh ở Stern dường như là vô hạn, và khi Schoenbrun dứt lời, ông đáp rằng sở dĩ mình rút báo cáo khỏi túi thư vì cho rằng *Herr Direktor*, trên nguyên tắc, phải được biết nội dung thư trước khi gửi đi. Đương nhiên *Herr Direktor*, Stern tiếp, sẽ phần nộ khi biết một tù nhân đã gây thiệt hại lên đến 10.000 RM cho cỗ máy của mình. Để Herr Schindler có dịp bổ sung ý kiến của bản thân vào báo cáo, theo Stern, là điều hoàn toàn hợp lẽ.

Sau cùng Oskar cũng lái xe về. Stern chặn ông lại và thông tin về bản cáo trạng của Schoenbrun. *Untersturmführer* Liepold cũng đang chờ gặp Schindler và nôn nóng muốn mượn vụ Janek Dresner để lần thăm quyền của y vào trong nhà máy. Tôi sẽ chủ trì phiên tòa, Liepold bảo Oskar. Và ông, *Herr Direktor*, sẽ ký vào biên bản xác nhận mức độ thiệt hại.

Khoan đã, Oskar đáp. Máy hỏng là máy của tôi. Người chủ trì là tôi mới phải.

Liepold lý luận rằng tù nhân chịu quyền tài phán của Cục D. Nhưng cỗ máy, Oskar phản bác, lại thuộc thẩm quyền Tổng cục Quân giới. Ngoài ra, ông không thể tổ chức phiên xử trong xưởng máy. Nếu Brinnlitz là nhà máy dệt hoặc hóa chất, việc này chắc sẽ không ảnh hưởng mấy đến sản xuất. Nhưng đây là nhà máy đạn dược, tham gia chế tạo các bộ phận bí mật. “Tôi không muốn công nhân bị hoang mang,” Oskar nói.

Oskar đã thắng bằng lý lẽ này, có lẽ vì Liepold nhượng bộ. Viên *Untersturmführer* vẫn e ngại quan hệ của Oskar. Vậy là phiên tòa được tổ chức vào buổi tối, ở xưởng máy của DEF, thành phần có Herr Oskar Schindler là Chủ tọa, Herr Schoenbrun và Herr Fuchs. Một cô gái người Đức ngồi cạnh bàn bồi thẩm làm ký lục; và khi được đưa vào, cậu trai Dresner thấy mình đứng trước một tòa án trang nghiêm và đúng thể thức. Theo chỉ thị ngày 11 tháng Tư năm 1944 của Cục D, điều Janek đang đối diện là giai đoạn đầu tiên và cốt lõi trong một quá trình mà, sau khi có báo cáo gửi lên Hassebroeck và có phúc đáp từ Oranienburg, sẽ kết thúc bằng việc treo cổ cậu giữa sân nhà máy, trước mặt toàn thể cư dân Brinnlitz, có cả bố mẹ và em gái cậu.

Janek để ý thấy tối nay Oskar không hề có vẻ thân thiện như những lần ông xuống xưởng. *Herr Direktor* cao giọng đọc cáo trạng của Schoenbrun. Cậu biết Oskar chủ yếu qua lời kể của người khác, và không thể đoán nổi ý tứ của Oskar khi ông trang nghiêm đọc bản cáo trạng. Lẽ nào Oskar thực sự xót xa vì cỗ máy hỏng? Hay tất cả chỉ là một màn kịch?

Đọc xong, *Herr Direktor* bắt đầu thẩm vấn. Dresner chẳng có gì nhiều nhận để giải trình. Cậu bào chữa rằng mình còn lạ máy. Lúc điều chỉnh đã có trục trặc. Cậu quá nôn nóng và phạm sai lầm. Cậu cam đoan với *Herr Direktor* rằng mình chẳng có lý do gì để phá hoại cỗ máy. Nếu người không có chuyên môn quân giới, Schoenbrun nói, thì đừng ở đây. *Herr Direktor* đã cam đoan với ta rằng tất cả các người đều có kinh nghiệm về sản xuất vũ khí. Vậy mà người, Härtling Dresner, lại tự nhận mình thiếu hiểu biết.

Với một cử chỉ giận dữ, Schindler ra lệnh cho cậu tường thuật chi tiết những gì đã làm đêm đó. Dresner kể lại quá trình chuẩn bị khởi động, trình tự cài đặt, chạy mô phỏng trên bảng điều khiển, bật nguồn, cho tới khi máy đột nhiên học lên rồi toác ra. Càng nghe, Herr Schindler càng nôn nóng, và bắt đầu đi lại, hăm hăm nhìn cậu. Đến đoạn cậu chỉnh một trong các nút trên bảng điều khiển thì Schindler dừng lại, tay nắm chặt, mắt tóe lửa.

Mi nói sao? ông hỏi. Dresner nhắc lại: cháu chỉnh van áp suất, thừa *Herr Direktor*.

Oskar xông đến và giáng cho cậu một cú vào cạnh hàm. Đầu Dresner ngan lên u u, nhưng trong chiến thắng, bởi Oskar - lưng quay lại các đồng sự - vừa gửi đến cậu một cái nháy mắt không lẫn đi đâu được. Rồi ông phẩy tay. “Sự ngu si của lũ khốn kiếp này!” ông gầm gừ. “Thật ngoài sức tưởng tượng!”

Ông quay lại than thở với Schoenbrun và Fuchs như thể họ là đồng minh duy nhất của ông. “Thà rằng bọn nó đủ khôn để phá hoại cỗ máy. Như thế ít ra tôi còn được lột da chúng chứ thế này thì biết làm thế nào. Chỉ tổ mất thời gian vô ích.”

Tay Oskar siết lại, và Dresner rúm người chờ đón một cú đấm vòng nữa. “Cút ra!” Oskar quát lên.

Khi ra khỏi cửa, Dresner nghe thấy Oskar bảo hai đồng sự rằng nên quên tất cả vụ này đi thì tốt hơn. “Trên lầu tôi có một ít Martell ngon lắm,” ông nói.

Có thể cú lật kèo ngoạn mục này chưa thỏa mãn được Liepold và Schoenbrun. Bởi phiên tòa chưa đạt đến kết luận chính thức; chưa có phán quyết cuối cùng. Nhưng họ không thể phàn nàn rằng Oskar né tránh hay xem thường việc xử án.

Vụ việc, sau này được Dresner thuật lại, gọi ra giả thiết Brinnlitz đã duy trì mạng sống tù nhân bằng một loạt chiêu trò lạnh lẹn tới mức gần như ma thuật. Dầu vậy, nói một cách xác thực, bản thân Brinnlitz, với tư cách nhà tù và một doanh nghiệp sản xuất, trong bản chất và theo nghĩa đen, chính là một trò ảo thuật bền lâu, táo bạo, và nhất quán.

CHƯƠNG 35

Bởi cả nhà máy chẳng sản xuất gì. “Một cái vỏ đạn cũng không” đến giờ các cựu tù Brinnlitz vẫn nhắc lại và lắc đầu. Không một viên đạn 45 mm, không vỏ rocket nào dùng được. Kết quả sản xuất của Oskar ở Brinnlitz hoàn toàn đối lập với thời DEF còn ở Cracow. Sản lượng đồ tráng men tại Zablocie lên tới 16 triệu RM Cùng thời gian này, xưởng đạn dược của Emalia sản xuất được 500.000 RM Oskar giải thích rằng ở Brinnlitz, “do sự suy thoái nói chung của ngành tráng men,” sản lượng thời gian này là con số không. Việc sản xuất đạn dược, theo ông, gặp khó khăn khi khởi nghiệp. Nhưng trên thực tế ông cũng đã chuyển đi được một chuyến “các bộ phận đạn dược” trị giá 35.000 RM “Số hàng này,” sau Oskar cho biết, “đã gần như hoàn chỉnh khi chuyển đến Brinnlitz. Tôi không thể cung cấp ít hơn, và lý do khó khăn khởi nghiệp ngày càng nguy hiểm hơn cho tôi lẫn lao động Do Thái của tôi, bởi vì Bộ trưởng Quân giới Albert Speer nâng yêu cầu theo từng tháng một.”

Nguy hiểm từ chính sách phi sản xuất của Oskar không chỉ ở chỗ nó gây tiếng xấu cho ông trên Bộ Quân giới. Nó còn khiến các cơ quan quản lý khác bức xúc. Bởi hệ thống nhà máy bị phân tán, nơi này sản xuất vỏ đạn, nơi kia cầu chì, nơi khác nhồi thuốc nổ và lắp ráp. Người ta lập luận rằng như thế việc một nhà máy bị ném bom sẽ không phá hủy triệt để được dây chuyền sản xuất vũ khí. Vỏ đạn của Oskar, sau khi chuyển đến các nhà máy tiếp theo trên dây chuyền, sẽ được kiểm định bởi các kỹ sư ông không quen biết và không tác động được. Sản phẩm của Brinnlitz chẳng bao giờ qua nổi vòng kiểm tra chất lượng. Oskar sẽ cho Stern, Finder, Pemper hay Garde xem những lá thư phàn nàn. Ông sẽ cười sằng sặc như thể tác giả những lời khiển trách ấy là những quan chức hề chèo.

Sau này đã có một lần như vậy. Stern và Mietek Pemper có mặt tại văn phòng của Oskar vào sáng 28 tháng Tư năm 1945, thời điểm cực kỳ nguy hiểm đối với các tư nhân, bởi tất cả đã, như sau này sẽ rõ, bị *Sturmbannführer* Hassebroeck kết án tử hình. Hôm đó là sinh nhật lần thứ ba mươi bảy của Oskar, và ông đã khai một chai cognac để ăn mừng. Trên bàn có một bức điện tín của nhà máy lắp

ráp vũ khí gần Brno. Điện viết chất lượng lô vỏ đạn chống tăng của Oskar thấp đến mức trượt tất cả các bài kiểm tra chất lượng. Kích cỡ của chúng không chính xác, và vì tôi không đúng nhiệt độ nên chúng bị nứt khi thử nghiệm.

Oskar cực kỳ khoái trá, đẩy bức điện về phía Stern và Pemper bắt họ đọc. Pemper vẫn nhớ ông lại có một bình luận táo tợn nữa. “Đây là món quà sinh nhật tuyệt vời nhất của tôi. Giờ tôi đã yên tâm rằng không gã tội nghiệp nào chết vì đạn tôi làm.”

Vụ việc này nói lên nhiều điều về hai hội chứng cuồng trái ngược nhau. Ở Oskar là con điên của một nhà sản xuất hoan hỉ khi mình không sản xuất. Nhưng còn có sự cuồng tín lạnh lùng của giới kỹ trị Đức, những kẻ khi Vienna đã thất thủ, quân của Thống chế Koniev đã tay bắt mặt mừng quân Mỹ trên sông Elbe, vẫn coi việc một nhà máy vũ khí ở miền trung du có thời gian để kiện toàn hoạt động và phục tùng nghiêm túc những nguyên tắc tối cao về kỷ luật và năng suất là lẽ đương nhiên.

Nhưng câu hỏi chủ yếu đặt ra từ bức điện mừng sinh nhật ấy là làm thế nào Oskar duy trì được suốt bảy tháng trời, cho đến ngày sinh nhật của mình.

Cư dân Brinnlitz vẫn nhớ một loạt các cuộc thanh, kiểm tra. Người của Cục D lùng sục khắp nhà máy, tay lăm lăm bảng tiêu chí. Kỹ sư từ Tổng cục Quân giới cũng vậy. Oskar luôn đãi đằng họ ăn trưa hoặc ăn tối, làm mềm họ bằng thịt nguội cùng cognac. Thời điểm này, trên khắp Đế chế những bữa trưa và bữa tối thịnh soạn đã trở nên hiếm hoi. Các tù nhân đứng máy tiện, lò luyện, máy ép kim loại đều khẳng định đoàn thanh tra mặc quân phục ngất ngưỡng đi tuần trong nhà máy, nồng nặc mùi rượu. Có một chuyện tất cả tù nhân đều kể về một viên thanh tra, tại một trong những cuộc khảo sát sau cùng trước khi chiến tranh kết thúc, huênh hoang rằng Oskar sẽ không chiêu dụ được y bằng tình hảo hữu, bữa trưa và rượu. Bà con đồn rằng, khi đi trên cầu thang từ ký túc xá xuống xưởng, Oskar đã cài chân y, làm y ngã lộn cổ xuống chân cầu thang vỡ đầu và gãy chân. Tuy nhiên cư dân Brinnlitz nhìn chung không nói được tên nhân vật cứng đầu này. Có người bảo đó là Rasch, trùm SS và cảnh sát trưởng Moravia. Không có tài liệu nào cho thấy bản thân Oskar

từng xác nhận vụ này. Đây là một trong những câu chuyện phản ánh hình tượng Oskar qua mắt mọi người là một đấng ban phát toàn năng. Và cũng phải thừa nhận, một cách công bằng, rằng các tù nhân có quyền lưu truyền một huyền thoại như vậy, bởi họ là người chịu rủi ro nhiều nhất. Nếu huyền thoại làm họ thất vọng, cái giá họ phải trả sẽ vô cùng cay đắng.

Một lý do giúp Brinnlitz qua mặt đoàn kiểm tra là những chiêu trò không mệt mỏi từ đội ngũ công nhân lành nghề của Oskar. Họ chế lại tất cả đồng hồ trên lò luyện. Kim vẫn chỉ nhiệt độ chuẩn, nhưng thực tế ở trong lò thấp hơn hàng trăm độ. “Tôi đã liên hệ với nhà sản xuất,” Oskar sẽ tâm sự với đoàn thanh tra. Ông vào vai chủ doanh nghiệp âu sầu hoang mang vì lợi nhuận hao mòn. Ông sẽ đổ lỗi cho nền nhà máy, cho đội ngũ quản lý người Đức yếu kém. Ông lại viện dẫn “khó khăn khi khởi nghiệp”, hứa hẹn hàng tấn đạn dược trong tương lai khi vấn đề được khắc phục.

Ở xưởng máy, giống như bên lò luyện, bề ngoài tất cả đều bình thường. Máy móc có vẻ được căn chỉnh hoàn hảo, nhưng thật ra bị sai lệch một phần nghìn mi li mét. Hầu hết các thanh tra đều ra về không chỉ với thuốc lá và cognac làm quà, mà còn với niềm cảm thông mơ hồ trước những trắc trở mà con người tử tế này gặp phải.

Về sau Stern luôn khẳng định Oskar đã mua lại hàng thùng vỏ đạn từ các nhà máy khác ở Czech để giả làm sản phẩm của mình khi kiểm tra. Cả Pfefferberg cũng nói vậy. Không cần biết Oskar dùng tiểu xảo gì, quan trọng là Brinnlitz đã sống sót.

Có những lần để gây ấn tượng với những phần tử thù địch địa phương, Oskar mời các quan chức máu mặt tới tham quan nhà máy và ăn tối. Nhưng họ luôn là những người không nắm chuyên môn cơ khí và sản xuất đạn dược. Sau khi *Herr Direktor* bị giữ ở phố Pomorska, Liepold, Hoffman và viên thủ lĩnh Đảng Quốc xã sở tại viết thư cho mọi quan chức họ nghĩ ra - cấp quận, cấp tỉnh, cấp trung ương - để tố cáo Oskar, tinh thần thái độ của ông, quan hệ của ông, hành vi vi phạm luật sắc tộc và hình sự của ông. Sussmuth cho Oskar biết về cơn lũ đơn từ đổ tới Troppau. Oskar bèn mời Ernst Hahn xuống Brinnlitz. Tại tổng hành dinh ở Berlin, Hahn là cấp phó văn phòng phụ trách dịch vụ cho các gia đình SS. “Y là,” Oskar nhận

xét với vẻ đạo mạo quen thuộc của kẻ phóng lãng, “một tên tửu quỷ.” Hahn tới cùng anh bạn nổi khổ Franz Bosch. Bosch, như Oskar từng có lần nhận xét, cũng “uống rượu như hũ chìm”. Y chính là kẻ sát hại gia đình Gutter. Dù vậy Oskar vẫn gạt bỏ sự khinh ghét để chào đón y, vì giá trị PR mà y mang lại.

Hahn xuất hiện tại Brinnlitz trong bộ quân phục lộng lẫy và không tí vết đúng như Oskar mong đợi. Nghĩa là đầy ruy băng và huân chương, bởi vì Hahn là dân SS kỳ cựu từ thời kỳ huy hoàng của đảng Quốc xã. Tháp tùng tay *Standartenführer* lung linh này là một viên phụ tá cũng long lanh không kém.

Liepold được mời đến, từ căn hộ y thuê bên ngoài trại, ăn tối cùng hai khách quý. Ngay từ đầu buổi, y đã hoàn toàn chịu lép. Vì Hahn mê Oskar; bợm nhậu nào cũng vậy. Về sau, Oskar mô tả hai thực khách và bộ quân phục chỉ là “làm màu”. Nhưng ít nhất Liepold giờ đã tin, nếu y viết thư tố cáo Oskar, nhiều khả năng thư sẽ dừng lại trên bàn một ông bạn nhậu nào đó của *Herr Direktor*, và như thế chỉ có hại cho y mà thôi.

Sáng ra, người ta thấy Oskar lái xe vào Zwittau, cười nói trên xe với các quý nhân từ Berlin. Đảng viên Quốc xã địa phương đứng trên vỉa hè, giơ tay chào đám rước của Đế chế khi nó đi qua.

Nhưng Hoffman không dễ bị dẹp yên như người khác. Ba trăm phụ nữ ở Brinnlitz, theo lời Oskar, không hề có “khả năng lao động”. Như đã nói, nhiều người cả ngày chỉ ngồi đan. Mùa đông năm 1944, với những người chỉ có độc manh áo tù kẻ sọc, đan chẳng hề là một thú vui nhàn tản. Hoffman chính thức khiếu nại lên SS về việc tù nhân ăn trộm len trong các kiện hàng của y. Đây là điều đáng hổ thẹn, phản ánh bản chất của cái gọi là cơ sở sản xuất đạn dược của Schindler.

Đến gặp Hoffman, Oskar thấy ông ta đang hả hê vì chiến thắng. “Chúng tôi vừa gửi thỉnh nguyện thư đề nghị Berlin cách chức anh,” Hoffman bảo. “Lần này bọn tôi có lời khai đã tuyên thệ, xác nhận nhà máy của anh vi phạm quy định của luật kinh tế và sắc tộc. Chúng tôi đề cử một kỹ sư *Wehrmacht* giải ngũ từ Brno đến tiếp quản nhà máy và đưa nó vào khuôn khổ.”

Oskar lắng nghe, xin lỗi, và cố tỏ ra ăn năn. Tiếp đó, ông gọi cho đại tá Erich Lange ở Berlin nhờ im thỉnh nguyện thư của phe Hoffman đi. Việc dàn xếp ngoài tòa tiêu tốn của Oskar 8.000 RM; và cả mùa đông giới chức Zwittau, chính quyền lẫn Đảng, hành ông, gọi ông lên tòa thị chính tổng đạt khiếu nại của các công dân về tù nhân hoặc về hệ thống xả thải của nhà máy.

*

Cô bé lạc quan Lusia đã có dịp chứng kiến một cuộc thanh tra của SS tiêu biểu cho phong cách của Schindler.

Lusia khi ấy vẫn dưỡng bệnh dưới hầm - cô sẽ ở đó suốt mùa đông. Các bạn cô đã đỡ và chuyển lên tầng để hồi sức. Nhưng dường như chất độc mà Birkenau nhiễm vào người Lusia là bất tận. Những cơn sốt trở đi trở lại. Các khớp cô sưng to. Nách cô lên nhọt. Khi nhọt vỡ rồi lành, cái mới lại mọc lên. Bất chấp khuyến cáo của bác sĩ Biberstein, bác sĩ Handler đã vài lần dùng dao lạng nhọt cho cô. Cô ở dưới hầm, no đủ, trắng nhợt, vẫn nhiễm bệnh. Khắp châu Âu mênh mông, đó là nơi duy nhất giúp cô sống sót. Cô ý thức rõ điều này, và chỉ mong cuộc đại tương tàn sẽ trôi qua trên đầu mình.

Trong cái hốc ẩm áp dưới sàn nhà máy ấy, không phân biệt ngày đêm. Cánh cửa ở đầu cầu thang dẫn xuống hầm có thể bật mở bất kỳ lúc nào. Cô đã quen với những cuộc viếng thăm lặng lẽ hơn của Emilie Schindler. Cô nghe thấy tiếng ủng trên cầu thang và căng cứng toàn thân. Âm thanh ấy nghe như những *Aktion* ngày trước.

Hóa ra đó là *Herr Direktor* với hai sĩ quan từ Gröss-Rosen. Tiếng ủng sầm sập như sắp giẫm đạp lên cô. Oskar đứng cạnh hai viên sĩ quan khi họ quan sát không gian ẩm đậm dưới hầm và nhìn cô. Lusia sực nghĩ, có lẽ cô hôm nay thế là hết. Cô là vật phải đem hiến tế để chúng thỏa mãn ra về. Cô ngồi khuất sau nôi hơi nhưng Oskar không hề có ý che giấu, trái lại còn đến bên giường cô. Nhờ hai quý khách SS có vẻ đã biếng biếng, Oskar có cơ hội nói riêng với cô. Lời ông sáo rỗng một cách huyền diệu, và cô sẽ không bao giờ quên được: “Đừng lo. Sẽ ổn cả thôi.” Ông đứng gần cô như để nhấn mạnh với hai viên thanh tra rằng ca bệnh này không lây.

“Con bé là dân Do Thái,” ông thản nhiên nói. “Tôi không muốn cho nó vào trạm xá. Viêm khớp. Kiểu gì cũng chết. Bác sĩ bảo nhiều lắm thì được 36 giờ nữa.”

Rồi ông thao thao về hệ thống nước nóng, nguồn cung cấp, việc dùng hơi nước để khử rận. Ông chỉ trỏ các loại đồng hồ, đường ống, xi lanh. Ông đi quanh giường cô, như thể nó là một phần của hệ thống. Lusia chẳng biết phải nhìn đi đâu, nên nhắm mắt hay mở mắt. Cô cố vờ hôn mê. Khi dẫn hai sĩ quan SS trở lại cầu thang, Oskar thận trọng ném cho cô một nụ cười. Kể ra như vậy cũng hơi quá đà, nhưng lúc đó Lusia không hề cảm thấy thế. Cô sẽ lưu lại đây sáu tháng, trước khi tập tễnh leo lên tầng vào mùa xuân, để tiếp tục cuộc đời trưởng thành trong một thế giới đã đổi thay.

Suốt mùa đông, Oskar lo xây kho vũ khí riêng. Quan chuyện này cũng lắm truyền kỳ: có người bảo vũ khí được mua vào cuối đông từ quân kháng chiến Czech. Song Oskar hồi năm 1938, 1939 vẫn rành rành là đảng viên Quốc xã, mà có lẽ ông cũng cẩn trọng không giao dịch với quân Czech. Nhìn chung, phần lớn vũ khí có xuất xứ không tì vết từ Obersturmbannführer Rasch, trùm SS và cảnh sát trưởng Moravia. Trong đó có súng cạc bin, súng tiểu liên, súng lục, lựu đạn. Sau này, có lần Oskar thuận miệng kể lại vụ giao dịch ấy. Ông mua chỗ vũ khí này “trên danh nghĩa bảo vệ nhà máy, bằng một chiếc nhẫn lộng lẫy tặng vợ y [Rasch]”.

Oskar không hé lộ chi tiết màn trình diễn tại văn phòng của y ở Lâu đài Spilberk, Brno. Nhưng không khó để hình dung ra. *Herr Direktor*, âu lo về nguy cơ nô lệ nổi dậy khi chiến sự gần kề, sẵn sàng chết một cách đắt đỏ ở bàn làm việc với tiểu liên trong tay, vừa tiễn vợ đi trước bằng một viên đạn, nhằm tránh cho bà một kết cục tồi tệ hơn. *Herr Direktor* cũng đã động tới kịch bản quân Nga xuất hiện. Hai kỹ sư người Đức, Fuchs và Schoenbrun, các kỹ thuật viên trung hậu của tôi, và cô thư ký nói tiếng Đức nữa, họ xứng đáng có phương tiện tự vệ. Tất nhiên đây là nói gở vậy thôi. Tôi nên đổi sang đề tài gần gũi với chúng ta hơn, *Herr Obersturmbannführer* ạ. Tôi biết ngài rất mê đồ trang sức. Xin giới thiệu với ngài, một món tôi vừa kiếm được tuần trước.

Và thế là, chiếc nhẫn xuất hiện trên rìa tập giấy thấm của Rasch. Oskar rủ rỉ. “Nhìn thấy nó, tôi nghĩ ngay đến bà nhà.”

Khi đã có vũ khí, Oskar chỉ định Uri Bejski, em trai người thợ khắc dầu cao su, làm thủ kho. Uri nhỏ nhắn, xinh trai, lanh lợi. Mọi người vẫn thấy cậu ra vào tư gia của Schindler như con cái trong nhà. Emilie cũng rất quý cậu, đưa cả chìa khóa căn hộ cho cậu cầm. Frau Schindler cũng nảy sinh tình cảm mẹ con tương tự với đứa con sống sót của nhà Spira. Bà thường dắt cậu bé vào bếp, cho cậu ăn bánh mì lát phết margarine.

Sau khi chọn được một tốp tù nhân để huấn luyện, Uri lần lượt đưa từng người ra nhà kho của Salpeter để dạy họ về kết cấu của súng trường Gewehr 41W. Ba tổ tự vệ, mỗi tổ năm người, được thành lập. Trong số học viên có cả những cậu trai như Lutek Feigenbaum. Còn lại là các cựu binh như Pfefferberg, và một số người được công nhân của Schindler gọi là “dân Budzyn”.

Dân Budzyn là những sĩ quan, hoặc binh sĩ gốc Do Thái trong Quân đội Ba Lan. Họ đã sống sót qua đợt thanh trừng trại lao động Budzyn, từng thuộc quyền quản hạt của *Untersturmführer* Liepold. Liepold đã đưa họ theo y đến Brinnlitz. Có độ năm chục người, làm việc dưới bếp của Oskar. Trong ký ức mọi người, họ rất chính trị. Họ tiếp thu Chủ nghĩa Mác trong thời kỳ ở Budzyn, và mong đợi một Ba Lan Cộng sản. Điều trớ trêu là ở Brinnlitz họ lại sống trong căn bếp ẩm cúng của nhà tư bản phi chính trị bậc nhất, Herr Oskar Schindler.

Quan hệ giữa họ với đa số tù nhân, những người (trừ nhóm Zionist) thuần túy tôn thờ chủ nghĩa sinh tồn, cơ bản tốt đẹp. Một số theo Uri Bejski học cách sử dụng vũ khí tự động, bởi trong Quân đội Ba Lan thập niên 1930, họ chưa biết tới loại vũ khí hiện đại như vậy bao giờ. Nếu Frau Rasch, trong những ngày sau cùng và trọn vẹn nhất khi đức lang quân nắm quyền tại Brno, có nhân rồi - trong một bữa tiệc, một buổi hòa nhạc ở lâu đài chẳng hạn - soi vào viên kim cương đã từ Oskar Schindler đến tay mình, bà ta sẽ thấy phản chiếu trong đó cơn ác mộng kinh hoàng nhất của mình cũng như của *Führer*. Một tên Do Thái Marxist có vũ trang.

CHƯƠNG 36

Các bạn nhậu của Oskar, bao gồm Amon và Bosch, đôi khi vẫn coi ông là nạn nhân của virus Do Thái. Đây không hề là ẩn dụ. Họ tin như thế thật và chẳng hề trách cứ nạn nhân. Họ từng chứng kiến điều này ở nhiều con người tử tế. Một phần não bộ bị khống chế bởi một thể lực nửa vi khuẩn, nửa ma thuật. Nếu được hỏi hội chứng này có dễ lây không, họ sẽ trả lời, có, rất dễ. Và họ sẽ coi trường hợp *Oberleutnant* Sussmuth là một ví dụ điển hình.

Bởi Oskar và Sussmuth, vào mùa đông 1944-45, đã đồng mưu giải cứu thêm trên ba ngàn phụ nữ từ Auschwitz, theo từng nhóm ba trăm đến năm trăm người một tới các trại nhỏ ở Moravia. Oskar lo tác động, thuyết phục và bôi trơn, Sussmuth lo giấy tờ. Các nhà máy dệt tại đây thiếu lao động, và không phải chủ nhà máy nào cũng ghét Do Thái sâu sắc như Hoffman. Ít nhất năm nhà máy Đức tại Moravia - ở Liebau và Grulich, ở Trautenau, Freudenthal và Jagerndorf - đã tuyển mộ họ và lập trại ngay tại chỗ. Những trại này chưa bao giờ là thiên đường, và ở đây SS được phép can thiệp vào khâu quản lý sâu hơn nhiều so với mơ ước của Liepold. Sau này, Oskar mô tả điều kiện sống tại các trại nhỏ này ở mức “chịu đựng được”. Có điều chỉnh quy mô nhỏ của các trại dệt may lại thuận lợi cho sự sinh tồn của tù nhân, bởi lính SS ở đây già hơn, chênh mắng hơn, ít cuồng tín hơn. Tất nhiên vẫn còn bệnh phát ban rình rập, còn cơn đói trĩu nặng bên mạng sườn. Song phần lớn các cơ sở tí hon và gần như thôn dã này sẽ thoát khỏi lệnh diệt chủng sắp đến với các trại lớn vào mùa xuân.

Nếu chứng bại huyết Do Thái vừa lây sang Sussmuth, thì ở Oskar Schindler nó đã lên đến đỉnh điểm. Qua Sussmuth, Oskar xin thêm ba mươi công nhân cơ khí. Trong thực tế Oskar đâu còn hứng thú sản xuất. Nhưng bằng nhãn quan tỉnh táo, ông biết, muốn nhà máy có giá trị tồn tại trong mắt Cục D, ông cần thêm công nhân lành nghề. Khi xem xét những sự kiện khác giữa mùa đông điên rồ ấy, có thể thấy Oskar muốn có ba mươi người không phải vì họ thạo đứng máy, mà đơn giản bởi như thế nghĩa là thêm ba mươi người nữa. Không quá hoang đường khi nói rằng ông khao khát họ với vài phần

nổi khổ hình tuyệt đối, đặc trưng cho trái tim phô bày và rực lửa của Jesus trên tường nhà Emilie. Do trước giờ câu chuyện vẫn luôn tránh việc thánh hóa *Herr Direktor*, chúng ta cần phải chứng minh, chàng Oskar phong lưu là kẻ khát khao cứu rỗi các linh hồn.

Một trong ba mươi công nhân ấy, Moshe Henigman, đã thuật lại cuộc giải cứu kỳ diệu của họ. Sau Giáng sinh không lâu, mười ngàn tù nhân từ các mỏ đá ở Auschwitz III - từ các cơ sở như nhà máy vũ khí của Krupp Weschel-Union, từ công ty Đất và Đá Đức, từ nhà máy hóa dầu của Farben, và từ xưởng tháo dỡ máy bay - bị lừa vào hàng, giải đến Gröss-Rosen. Có lẽ người lên kế hoạch tin rằng khi đến Lower Silesia, tù nhân sẽ được phân bổ về các trại sản xuất trong vùng. Nếu kịch bản có là như thế thì nó cũng không vào đầu sĩ quan và binh lính SS áp giải tù nhân. Và nó cũng không tính tới cái lạnh nuốt người của thời điểm giao niên khắc nghiệt, cũng chẳng đặt ra câu hỏi, làm sao để nuôi sống cả đoàn người. Đầu mỗi chặng đường, những ai tập tễnh hay ho đều bị lọc ra và hành quyết. Từ mười ngàn người, Henigman kể, sau mười ngày chỉ còn 1.200. Trên mạn Bắc, quân Nga của Koniev đã vượt sông Vistula phía Nam Warsaw và khống chế mọi ngã đường tiến về Tây Bắc. Do đó đoàn người ngày một ít ỏi được tạm trú ở một trại SS gần Opole. Viên Commandant trại này cho thẩm vấn tù nhân và lên danh sách lao động có tay nghề. Nhưng màn thanh lọc mỗi một kia vẫn tiếp diễn mỗi ngày, bị thải loại liền bị bắn bỏ. Khi bị gọi tên, anh không thể biết điều gì đang chờ đợi, mẩu bánh mì hay viên đạn. May thay, đến lượt Henigman, anh được lừa lên tàu với ba mươi người khác, rồi dưới sự áp tải của một lính SS và một viên *Kapo*, chuyển hướng xuôi Nam. “Chúng tôi được phát thức ăn,” Henigman nhớ lại. “Điều chưa ai nghe thấy bao giờ.”

Sau này, Henigman kể lại cái cảm giác mong manh phi thực khi vừa đến Brinnlitz. “Ai mà tin được là còn một khu trại nơi đàn ông đàn bà cùng nhau làm việc, không bị đánh đập, không có *Kapo*.” Bình luận của anh có phần hơi cường điệu, vì thật ra ở Brinnlitz có phân chia nam nữ. Và thi thoảng cô bạn gái tóc vàng của Oskar cũng ban phát một cái bạt tai, và có lần khi một cậu bé ăn trộm củ khoai tây dưới bếp bị tố với Liepold, viên Commandant liền bắt cậu

đứng trên ghế đầu cả ngày giữa sân, mồm ngậm củ khoai, dãi chảy ròng ròng xuống cằm, cổ lủng lẳng tấm biển TÔI LÀ TÊN TRỘM KHOAI TÂY!

Nhưng với Henigman những chuyện như thế chẳng đáng gì. “Làm sao diễn tả nổi,” anh hỏi, “sự thay đổi từ địa ngục đến thiên đường?”

Khi gặp Oskar, ông bảo anh nghỉ ngơi cho lại sức. Chừng nào sẵn sàng làm việc thì nói với quản đốc, *Herr Direktor* dặn. Và Henigman, trước sự đảo chiều kỳ lạ trong chính sách, cảm thấy mình không chỉ vừa tới một đồng cỏ bình yên, mà còn vừa đi qua tấm gương.

Do ba mươi anh thợ thiếc chỉ là một phần nhỏ của mười ngàn, phải nhắc lại rằng về mặt cứu nạn, Oskar chỉ là một tiểu thần. Song như mọi thần hộ mệnh, ông cứu cả Goldberg lẫn Helen Hirsch, và nỗ lực ngang nhau khi cứu bác sĩ Leon Gross lẫn Olek Rosner. Cũng với sự bình đẳng vô vụ lợi ấy ông đã có một thỏa thuận tổn kém với Gestapo ở Moravia. Chúng ta biết hai bên có giao kèo, có điều không rõ nó đất tới đâu. Việc nó tiêu tốn cả gia tài là điều chắc chắn.

Một tù nhân tên là Benjamin Wrozlowski đã trở thành đối tượng của giao kèo ấy. Wrozlowski trước đây là tù nhân ở trại lao động Gliwice. Khác trại của Henigman, Gliwice không ở vùng Auschwitz, nhưng vẫn đủ gần để trực thuộc Auschwitz. Đến 12 tháng Một, khi Koniev và Zhukov phát động tấn công, vương quốc khủng khiếp của Höss và các vệ tinh lân cận có nguy cơ thất thủ nay mai. Tù nhân Gliwice được đưa lên tàu *Ostbahn* chuyển về Fernwald. Bằng cách nào đó Wrozlowski và người bạn tên gọi Roman Wilner đã nhảy khỏi tàu. Một lối thoát phổ biến là qua các tấm thông hơi bị lỏng trên trần. Những người thứ cách này thường bị lính gác đặt trên nóc tàu bắn hạ. Wilner bị thương khi đào tẩu, nhưng vẫn đi được, và cùng với anh bạn Wrozlowski tẩu thoát qua những thị trấn cao nguyên bình lặng trên biên giới Moravia. Rốt cuộc họ bị bắt ở một ngôi làng như vậy và bị giải đến trụ sở Gestapo ở Troppau.

Ngay sau khi họ đến, bị lục soát rồi tống vào xà lim, một sĩ quan Gestapo xuất hiện và bảo họ yên tâm, không có chuyện gì đâu. Họ chẳng có lý do nào để tin y. Sau đó y nói thêm, sẽ không chuyển

Wilner đến bệnh viện dù anh bị thương vì thế chỉ tổ để anh bị bắt trở lại và đưa về trại tập trung.

Wrozlawski và Wilner bị giam gần hai tuần. Gestapo phải liên hệ với Oskar để ngã giá. Trong thời gian ấy, viên sĩ quan tiếp tục nói chuyện với họ như thể họ bị giam theo chế độ bảo vệ nhân chứng, và hai người tù thấy điều này thật kỳ cục. Khi cửa mở và họ được giải ra ngoài, cả hai cứ tưởng mình sắp bị xử bắn. Kỳ thực họ được một lính SS giải ra ga và áp tải lên tàu chạy hướng Đông Nam xuống Brno.

Cả hai đều chung cảm giác siêu thực, hân hoan xen lẫn sợ hãi giống Henigman khi đặt chân đến Brinnlitz. Wilner được đưa vào bệnh xá, dưới sự chăm sóc của bác sĩ Handler, Lewkowicz, Hilfstein và Biberstein. Wrozlawski nghỉ ngơi ở một dạng cơ sở hồi sức được thiết lập - vì những lý do đặc biệt sẽ sớm được giải thích - ngay ở tầng trệt nhà máy. *Herr Direktor* đến thăm và hỏi họ cảm thấy thế nào. Tính phi lý của câu hỏi ấy làm Wrozlawski khiếp sợ và môi trường xung quanh cũng vậy. Anh sợ, như nhiều năm sau anh kể lại, “đường từ bệnh viện sẽ dẫn đến bãi hành quyết, cũng như ở các trại khác”. Anh ăn no món xúp Brinnlitz đầy đặn, và thường xuyên gặp Schindler. Nhưng, như anh thú nhận, mình vẫn hoang mang, và thấy khó lòng tiêu hóa được hiện tượng Brinnlitz.

Theo thỏa thuận giữa Oskar và Gestapo ở tỉnh, mười một tù nhân tẩu thoát được bổ sung vào dân số vốn đã đông đúc của trại. Họ đều là diện trốn khỏi hàng hoặc nhảy tàu. Trong bộ áo tù kẻ sọc, họ cố gắng lẫn trốn. Về lý, tất cả đều phải bị xử bắn.

Năm 1963, bác sĩ Steinberg ở Tel Aviv xác nhận một vụ việc khác thể hiện nét hào sảng đầy bốc đồng, dễ lây, và không chút đắn đo của Oskar. Steinberg là bác sĩ của một trại lao động nhỏ miền trung du vùng Sudeten. Khi Silesia thất thủ trước quân Nga, viên Gauleiter ở Liberec không còn đủ khả năng ngăn trại lao động mọc lên ở tỉnh Moravia trong lãnh của y nữa. Nơi Steinberg bị cầm tù là một trong nhiều trại mới rải rác ở vùng núi. Trại thuộc *Luftwaffe*, chuyên sản xuất một linh kiện máy bay bí mật. Ở đây có bốn trăm tù nhân. Thức ăn nghèo nàn, Steinberg nói, còn công việc thì khắc nghiệt.

Bầu víu vào tin đồn về trại Brinnlitz, Steinberg kiếm được giấy thông hành, mượn được xe tải của nhà máy để đến gặp Oskar. Ông kể cho Oskar tình hình khốn khổ ở trại của *Luftwaffe*. Theo lời ông, Oskar dễ dàng đồng ý để cho ông một phần nhu yếu phẩm của Brinnlitz. Điều làm Oskar băn khoăn hơn cả là Steinberg lấy lý do gì để thường xuyên đến Brinnlitz nhận tiếp tế? Hai bên thống nhất ông sẽ viện cớ đi nhận thuốc men định kỳ từ trạm xá ở đây.

Từ đó, Steinberg kể, cứ hai tuần một lần, ông lại đến Brinnlitz và mang về trại của mình hàng lô bánh mì, lõi lúa mì, khoai tây và thuốc lá. Nếu hôm đó Schindler tình cờ ở quanh nhà kho lúc Steinberg nhận hàng, ông sẽ quay lưng bỏ đi.

Steinberg không nói chính xác khối lượng thực phẩm, nhưng từ góc nhìn của một bác sĩ, ông khẳng định nếu không có tiếp tế của Brinnlitz, ít nhất năm mươi tù nhân ở trại của *Luftwaffe* sẽ chết trước khi mùa xuân đến.

Không kể việc chuộc lại đoàn tù nữ từ Auschwitz, vụ giải cứu ngoạn mục nhất của Oskar là tốp lao động ở Golezów. Golezów là một mỏ đá kiêm nhà máy xi măng ở ngay trong Auschwitz III, cơ sở của công ty Đất và Đá Đức thuộc sở hữu SS. Như trường hợp ba mươi thợ cơ khí, cả tháng Một năm 1945, vương quốc kinh dị Auschwitz trong quá trình giải thể, và đến giữa tháng, 120 thợ mỏ từ Golezów bị lừa lên hai toa gia súc. Hành trình của họ gian khổ chẳng kém gì ai, song kết cục thì may mắn hơn phần lớn. Cần lưu ý rằng, cũng như Golezów, gần như tất cả tù nhân khu vực Auschwitz đều phải di chuyển trong tháng Một. Dolek Horowitz bị chuyển lên tàu đến Mauthausen. Nhưng cậu bé Richard thì ở lại, cùng các trẻ nhỏ khác. Quân Nga sẽ tìm thấy cậu vào cuối tháng giữa một Auschwitz bị SS bỏ hoang, và sẽ cáo buộc có cơ sở rằng cậu và các bạn bị giữ lại để làm vật thí nghiệm. Henry Rosner và cậu bé Olek lên chín (xem ra không còn cần thiết cho phòng thí nghiệm) bị lừa vào hàng, giải đi cách Auschwitz ba mươi dặm, và ai tụt lại đều bị bắn. Đến Sosnowiec họ bị nhồi vào xe hàng. Trong một cử chỉ đặc biệt tử tế, người lính SS có nhiệm vụ tách trẻ con ra riêng đã cho Olek chung toa với Henry. Tàu đông tới nỗi tất cả đều phải đứng, nhưng khi bắt đầu có người chết vì lạnh và khát, một tù nhân

mà Henry mô tả là “một người Do Thái khôn ngoan” bèn cho xác họ vào chăn và treo lên những móc buộc ngựa trên trần. Như thế sẽ có thêm chỗ cho người sống. Để cậu bé được thoải mái, Henry nảy ra ý treo Olek trong chăn đúng như vậy. Nhờ thế cậu bé vừa có một hành trình dễ chịu hơn, vừa có thể, khi dừng ở ga hoặc các đoạn tàu tránh, xin lính Đức bên dưới vê tuyết ném lên lười sắt trên mái. Tuyết vỡ ra sẽ phát tán hơi ẩm vào lòng toa, và tù nhân sẽ tranh nhau vài mẩu vụn băng.

Mất bảy ngày tàu mới tới Dachau, và một nửa trên toa của Rosner đã chết. Khi tàu rớt cuộc cũng dừng bánh và mở cửa, một xác chết rơi ra, còn Olek, vừa lồm cồm bò dậy từ trong tuyết, lập tức bẻ gãy một trụ băng bám dưới gầm tàu và liếm lấy liếm để. Điều kiện đi lại ở châu Âu tháng Một năm 1945 là như thế.

Đối với tốp thợ mỏ ở Golezów tình hình còn thảm hơn. Vận đơn cho hai toa hàng chở họ, hiện được lưu giữ trong tầng thư ở *Yad Vashem*, cho thấy hơn mười ngày liền họ không được ăn uống gì, cửa toa bị băng đóng chặt. R, một cậu bé mười sáu, nhớ lại, họ phải cào băng đóng ở mặt trong toa tàu ăn cho đỡ khát. Đến Birkenau họ cũng không được xuống. Guồng máy sát nhân đang vào những ngày cuối cùng điên cuồng nhất. Nó không có thời gian cho họ. Họ bị bỏ mặc ở đoạn tàu tránh, nổi lại vào đầu máy, lê đi năm mươi dặm rồi lại tháo ra. Họ được kéo đến trước các cổng trại, nơi những viên Commandant từ chối nhận họ vì lý do hiển nhiên là đến giờ họ đã không còn chút giá trị sản xuất nào, và vì đẳng nào thì ở khắp nơi, cơ sở vật chất - giường tầng và khẩu phần - đều đã tới hạn.

Tờ mờ sáng một ngày cuối tháng Một, họ bị tháo ra và bỏ lại trên sân ga Zwittau. Oskar bảo một người bạn từ ga gọi cho ông báo ở trong toa tàu có người cào vách và kêu gào. Họ van xin bằng đủ thứ tiếng, vì những người bị nhốt, hồ sơ cho thấy, bao gồm dân Slovenia, Ba Lan, Czech, Đức, Pháp, Hungary, Hà Lan và Serbia. Nhân vật gọi điện rất có khả năng là em rể Oskar. Oskar bảo anh cho kéo hai toa tàu từ chỗ tàu tránh đến Brinnlitz.

Đó là một sáng lạnh ghê hồn - ba mươi độ dưới không, theo lời Stern. Kể cả người vốn chính xác là Biberstein cũng bảo ít nhất phải là âm hai mươi độ. Poldek Pfefferberg bị dựng dậy khỏi giường,

mang theo đồ hàn đến chỗ tàu tránh ngập tuyết để phá những cánh cửa đóng băng cứng như sắt. Anh cũng nghe thấy tiếng rên rỉ kinh dị từ bên trong.

Thật khó lòng miêu tả cảnh tượng họ thấy khi cuối cùng những cánh cửa cũng bật mở. Chính giữa mỗi toa là một kim tự tháp xác người đông cứng, tứ chi cong queo ghê người. Hơn một trăm người sống sót bốc mùi kinh khủng, đen sì vì bỏng lạnh, chỉ còn da bọc xương. Không một ai nặng quá ba mươi lăm cân.

Oskar không có mặt. Ông đang ở nhà máy, nơi một góc ẩm áp dưới tầng trệt được chuẩn bị sẵn sàng để đón đoàn người từ Golezów. Tù nhân dỡ nốt những cỗ máy cuối cùng bị Hoffman bỏ lại và mang xuống ga ra. Rơm được đưa vào rải lên sàn. Schindler đã kịp lên đặt vấn đề với Liepold. Viên *Untersturmführer* không muốn nhận nhóm người từ Golezów; về điểm này, y giống hệt những Commandant khác mà họ đã gặp mấy tuần qua. Liepold đưa ra lập luận sắc bén rằng không ai có thể giả vờ coi những người này là công nhân đạn dược. Oskar thừa nhận điều này, song cam kết đưa họ vào danh sách, đồng nghĩa với việc trả mỗi ngày 6 RM cho một người. “Tôi có thể sử dụng họ khi họ đã hồi phục,” Oskar nói. Liepold nhận thấy hai khía cạnh của vấn đề. Thứ nhất, y không thể ngăn cản Oskar. Thứ hai, tăng quy mô Brinnlitz và kèm theo đó là tăng phí nhân công sẽ làm hài lòng Hassebroeck. Liepold sẽ đưa tên họ vào sổ và ghi ngày nhập trại sớm lên, nghĩa là khi họ còn đang được khiêng vào cổng nhà máy, Oskar đã phải trả tiền cho họ rồi.

Vào trong xưởng, họ được quán chần và nằm nghỉ trên nệm rơm. Emilie từ nhà đi xuống, theo sau là hai tù nhân khiêng một xô cháo khổng lồ. Bác sĩ nhận thấy dấu hiệu bỏng lạnh và cần phải có kem trị bỏng. Bác sĩ Biberstein lưu ý Oskar rằng họ sẽ cần vitamin, dù ông e rằng khó mà kiếm nổi ở Moravia.

Trong khi đó mười sáu thi thể đóng băng được đưa vào lán. Giáo sĩ Levartov nhìn họ, và biết rằng với tứ chi cong queo vì lạnh như vậy, sẽ khó lòng chôn cất họ theo đúng nghi thức Chính thống, vốn không cho phép làm gãy xương người chết. Tuy nhiên việc này, Levartov biết, đòi hỏi phải thuyết phục viên Commandant. Trong các chỉ thị của Cục D gửi Liepold có ghi rõ phải nhanh chóng xử lý xác

chết bằng cách hỏa thiêu. Phòng đặt nồi hơi là phương tiện hoàn hảo, lò luyện kim đủ sức làm bốc hơi thi thể. Thế nhưng Schindler đến nay đã hai lần từ chối việc hỏa thiêu người chết.

Lần thứ nhất là khi Janka Feigenbaum mất tại bệnh xá của Brinnlitz, Liepold ngay lập tức ra lệnh hỏa thiêu. Qua Stern, Oskar biết rằng nhà Feigenbaum và Levartov đều bị phần trước việc này, và thái độ phản đối của Oskar có lẽ được nhen nhóm bởi chút tàn dư Công giáo trong tâm hồn ông. Đó là thời kỳ Nhà thờ Công giáo gay gắt phản đối hình thức hỏa táng. Đồng thời với việc từ chối để Liepold sử dụng lò luyện, Oskar ra lệnh cho thợ mộc chuẩn bị quan tài, còn bản thân ông cung cấp xe ngựa, để Levartov và tang gia đưa thi hài ra chôn cất ngoài rừng dưới sự giám sát của lính gác. Hai bố con Feigenbaum đi sau xe tang, vừa đi vừa đếm bước từ cổng trại, để khi chiến tranh kết thúc còn tìm lại được thi hài Janka.

Nhân chứng kể rằng Liepold nổi giận trước hành vi nuông chiều tù nhân này. Một số cư dân Brinnlitz còn bình luận rằng Oskar đối với Levartov và nhà Feigenbaum bằng một thái độ nhẹ nhàng và lịch thiệp còn hơn cả bình thường ông đối với Emilie.

Lần thứ hai Liepold muốn sử dụng lò luyện là khi bà cụ Hofstatter mất. Oskar, đáp ứng đề nghị của Stern, cho đóng một cỗ quan tài khác, cho phép khắc một tấm bia kim loại ghi tiểu sử bà cụ bỏ vào quan tài. Levartov và một nhóm mười tráng đinh tụng kinh Kaddish cho người chết, được phép rời trại để tiến hành tang lễ.

Stern bảo rằng vì bà Hofstatter mà Oskar xây dựng một nghĩa trang Do Thái trong xứ đạo Công giáo ở Deutsch-Bielau, một làng lân cận. Theo lời ông, Oskar đến nhà thờ đúng ngày Chủ nhật khi bà Hofstatter mất và nêu đề xuất với cha xứ. Hội đồng xứ đạo họp gấp và đồng ý bán cho Oskar một mảnh đất nhỏ ngay ở ngoài nghĩa trang Công giáo. Chắc như đinh đóng cột rằng một số thành viên hội đồng phản đối, bởi đó là thời kỳ Luật Giáo hội được diễn giải rất ngặt nghèo đối với việc ai được và ai không được chôn cất ở đất thiêng.

Tuy nhiên, một số tù nhân cũng đáng tin cậy khác bảo rằng lô đất làm nghĩa trang được Oskar mua khi chuyển tàu từ Góleszów xuất

hiện, với một phần mười là xác chết cong queo. Trong hồ sơ về sau, chính Oskar cũng ám chỉ rằng ông mua lô đất vì những thi hài từ Golezow. Có người kể rằng, khi cha xứ đề cập đến mảnh đất ở ngoài tường nhà thờ, vốn dành cho những ca tụng, và gợi ý chôn những người từ Golezów tại đây, Oskar trả lời rằng họ không tụng. Họ là nạn nhân của một cuộc thảm sát.

Dù sao đi nữa, cái chết của những tù nhân Golezów và bà Hofstatter hẳn phải xảy ra gần nhau và đều được an táng với đầy đủ nghi lễ trong nghĩa trang Do Thái độc nhất vô nhị tại Deutsch-Bielau.

Qua cách đề cập của tù nhân Brinnlitz, có thể thấy rõ rằng nghi lễ này đã tác động mạnh mẽ đến tinh thần trại viên. Những thi thể méo mó dờ từ trên toa tàu xuống nhìn không còn ra hình người. Nhìn họ, người ta thấy khiếp sợ cho cái nhân tính chông chênh ở chính mình. Ăn uống, tắm rửa, ủ ấm thế nào cũng không xóa nổi sự phi nhân ấy. Cách duy nhất phục hồi được nhân tính cho họ - và cho chính mình - là bằng nghi lễ. Thánh lễ của Levartov, sự thăng hoa của bài kinh cầu Kaddish, do đó, với tù nhân Brinnlitz có sức nặng lớn lao hơn nhiều những nghi thức tương tự diễn ra trong cảnh thanh bình tương đối của Cracow thời tiền chiến.

Để giữ nghĩa trang sạch sẽ phòng khi cần tới, Oskar thuê một *Unterscharführer* SS trung niên làm quản trang và trả lương hàng tháng.

*

Emilie Schindler cũng có những giao dịch của riêng mình. Mang theo chiếc xác tay đựng giấy tờ do Bejski giả mạo, chỉ huy hai tù nhân chất đầy vodka và thuốc lá lên xe tải, và lệnh cho họ chở bà đến thị trấn mỏ Ostrava ở gần biên giới vùng Đức thuộc. Tại bệnh viện quân y, bà dàn xếp với các mối làm ăn của Oskar và mang về kem trị bỏng lạnh, sulfa, và các loại vitamin mà Biberstein ngỡ chẳng thể nào mua nổi. Những hành trình như vậy đã thành thông lệ với Emilie. Bà đã dần trở thành một lữ khách, như chồng mình.

Sau những cái chết đầu tiên, không có ai chết nữa. Đoàn người từ Golezów được xem là *Mussulman*, mà nguyên lý đầu tiên là tình trạng của *Mussulman* không thể đảo ngược. Nhưng ở Emilie có một

sự ương bướng không chịu chấp nhận điều đó. Bà nhồi nhét cho họ từng xô cháo bột. “Trong số những người được giải cứu khỏi Golezów,” bác sĩ Biberstein nói, “sẽ không một ai sống sót nếu thiếu sự chăm sóc của Emilie.” Họ bắt đầu nhúc nhích đi lại trong xưởng, gắng tỏ ra hữu ích. Một hôm viên thủ kho Do Thái sai một người đem một thùng hàng xuống xưởng. “Cái thùng nặng ba mươi lăm cân,” cậu ta đáp, “còn tôi nặng ba mươi hai. Tôi khiêng thế quái nào được?”

Nhà máy của những máy móc vô dụng, sàn rải bù nhìn rơm này là nơi Herr Amon Goeth tìm đến mùa đông ấy, sau khi ra tù, để viếng thăm nhà Schindler. Tòa án SS cho gã ra tù vì bệnh tiểu đường. Gã mặc một bộ đồ cũ, có lẽ là quân phục đã lột bỏ quân hàm. Có nhiều đồn đoán về ý nghĩa của cuộc viếng thăm này, kéo dài đến tận ngày nay. Một số nghi Goeth đến xin tiền, số khác đoán Oskar còn giữ hộ gã gì đó - tiền hoặc hiện vật từ một trong những cú áp phe cuối cùng của gã ở Cracow, với Oskar trong vai trò đầu mối. Một số làm việc sát văn phòng của Oskar khẳng định Amon thậm chí đã xin một chân quản lý tại Brinnlitz. Không ai có thể bảo gã thiếu kinh nghiệm. Thực ra, ba kịch bản về động cơ của Amon khi tìm đến Brinnlitz đều có cơ sở, dù khó có khả năng Oskar từng làm đầu mối cho gã.

Khi Amon bước qua cổng trại, có thể thấy lao tù và khổ não đã bào mòn gã. Khuôn mặt gã không còn nung núc thịt. Dung mạo gã gần giống Amon hồi mới đến Cracow đầu năm 1943 để giải tán ghetto, nhưng lại có điểm khác, vì có màu bột của bệnh vàng da và sắc xám của ngục tù. Còn nếu tinh mắt, nếu có gan nhìn, ta sẽ thấy một nét thụ động mới xuất hiện. Một số tù nhân, từ máy tiện liếc lên, chỉ thoáng thấy bóng ma từ vực thẳm những cơn mộng kinh hoàng nhất của họ, không kèn không trống lướt qua từng ô cửa, băng qua sân nhà máy tiến về văn phòng của Herr Schindler. Helen ngồi chờ đợi, chỉ có duy nhất một mong muốn là gã biến mất lần nữa. Nhưng cũng có người huyết sáo chê bai, người thì cúi xuống máy và nhổ nước bọt. Đám phụ nữ lớn tuổi hơn giờ món đồ đan dở về phía gã như thách thức. Đó là cách báo thù của họ - chứng tỏ rằng bất chấp mọi sự khủng bố của gã, đàn ông vẫn cuốc đất và đàn bà vẫn dệt vải.

Nếu Amon định xin việc ở Brinnlitz - một viên *Hauptsturmführer* bị đình chỉ chức vụ vốn chẳng có nhiều chỗ để đi - Oskar đã thuyết phục, hoặc đã đút tiền để gã từ bỏ ý định ấy. Và như vậy, lần gặp gỡ này cũng như mọi cuộc tiếp xúc khác giữa họ. Theo phép lịch sự *Herr Direktor* dẫn Amon đi thăm nhà máy, và khi xuống xưởng, công nhân vẫn phản ứng với gã ra mặt. Họ nghe lỏm được Amon, khi quay lại văn phòng, đòi Oskar trừng phạt tù nhân vì bắt kính, còn Oskar găm gù khỏa lấp, cam kết sẽ có biện pháp xử lý bọn Do Thái giáo hoạt, và bày tỏ lòng kính trọng trước sau như một của bản thân với Herr Goeth.

Mặc dù SS cho gã tại ngoại, quá trình điều tra vẫn tiếp diễn. Thẩm phán của tòa SS mấy tuần trước đã đến Brinnlitz để thẩm vấn Mietek Pemper lần nữa về quy trình quản lý của Amon. Trước khi cuộc hỏi cung bắt đầu, Commandant Liepold đã khế dặn Pemper rằng nên cẩn thận thì hơn, viên thẩm phán muốn bắt anh tới Dachau để hành quyết sau khi vắt kiệt chứng cứ từ anh. Pemper khôn ngoan đã làm tất cả những gì có thể để thuyết phục viên thẩm phán về tính chất vụn vặt của công việc mà anh đảm nhận tại văn phòng của trại Płaszów.

Không rõ vì sao Amon biết được việc điều tra viên của SS theo đuổi Pemper. Ngay khi vừa đến Brinnlitz, gã đã chặn người thư ký cũ ở văn phòng ngoài của Oskar và tra vấn anh viên thẩm phán đã hỏi những gì. Pemper tin rằng, và cũng hợp lý thôi, anh đã thấy trong mắt Amon nỗi căm hận rằng tên tù nhân một thời của mình nay vẫn là một kho chứng cứ biết đi cho Tòa SS. Dĩ nhiên Amon chẳng còn quyền hành gì, đã gầy đi, râu rĩ trong bộ vét cũ, bạc nhược trong văn phòng của Oskar. Nhưng ai mà biết được. Gã vẫn là Amon, vẫn còn tác phong uy quyền. Pemper nói, “Thẩm phán dặn tôi không được nói với ai về vụ thẩm vấn.” Goeth nổi khùng và dọa sẽ tố với Herr Schindler. Đây có thể coi như một dấu hiệu về sự bất lực mới ở Amon. Gã chưa bao giờ phải cầu đến Oskar để yêu cầu trừng phạt một tù nhân.

Đêm thứ hai sau cuộc viếng thăm của Amon, chị em thấy đặc thảng hơn. Gã chẳng làm gì được họ. Họ thuyết phục Helen Hirsch cũng hãy tin như vậy. Nhưng cô vẫn ngủ không yên.

Lần cuối cùng các tù nhân bắt gặp Amon là khi gã trên đường lên xe ra ga Zwickau. Trong quá khứ chưa bao giờ gã ba lần đến nơi nào mà không khiến trời sập xuống đầu một kẻ khốn khổ nào đó. Bây giờ thì rõ là gã chẳng còn quyền hành gì nữa. Ấy thế nhưng chẳng phải ai cũng dám nhìn thẳng mặt khi gã rời đi. Ba mươi năm sau, trong giấc ngủ của những cựu tù ở Płaszów, từ Buenos Aires đến Sydney, từ New York đến Cracow, từ Los Angeles đến Jerusalem, Amon vẫn còn quần thảo. “Trông thấy Goeth,” Poldek Pfefferberg, “là thấy tử thần.”

Thế nên, từ góc độ bản thân, gã chưa bao giờ thất bại hoàn toàn.

CHƯƠNG 37

Sinh nhật thứ ba mươi bảy của Oskar được cả ông và tất cả tù nhân cùng kỷ niệm. Ai đó đã làm một chiếc hộp nhỏ để đựng khay măng sét, và khi *Herr Direktor* xuất hiện dưới xưởng, cô bé mười hai tuổi Niusia Horowitz được đẩy về phía Oskar để đọc một đoạn diễn văn tiếng Đức đã tập đến thuộc lòng. “*Herr Direktor*,” cô nói lí nhí đến mức ông phải cúi xuống mới nghe được. “Tất cả tù nhân chúc ông những điều tốt đẹp nhất nhân dịp ngày sinh nhật⁽⁸³⁾”.

Hôm đấy vừa khéo lại là lễ Shabbat, bởi cư dân Brinnlitz sẽ mãi nhớ đến hôm nay như một ngày hội. Từ đầu giờ sáng, khi Oskar bắt đầu ăn mừng ở văn phòng bằng cognac hiệu Martell và phô cho mọi người xem bức điện tín đầy sỉ nhục từ đám kỹ sư ở Brno, hai xe tải chở bánh mì trắng lẫn bánh vào sân. Một phần dành cho trại lính SS, bao gồm cả Liepold đang say rượu ngủ nướng ở nhà. Điều này là cần thiết để ngăn SS can nhả rằng *Herr Direktor* ưu ái tù nhân. Mỗi tù nhân được phát ba phần tư cân bánh mì. Họ vừa nhấm nháp vừa sấm soi. Một số đoán già đoán non xem Oskar moi đâu ra thứ này. Có lẽ nó phần nào đến từ hảo tâm của viên quản lý cối xay trong vùng, Daubek, người ngoảnh mặt làm ngơ mỗi khi tù nhân Brinnlitz trút yến mạch vào quần. Nhưng món bánh mì thứ Bảy ấy được họ hân thưởng chủ yếu vì tính chất thần kỳ của sự kiện, của cái kỳ công mà Oskar đã bỏ ra.

Dù trong ký ức mọi người hôm ấy là một ngày đại hỉ, thực tế không có nhiều lý do cho không khí hội hè. Tuần trước, Herr Commandant Hassebroeck ở Gröss-Rosen gửi tới Liepold một bức điện dài, chỉ đạo y thủ tiêu tù nhân trong tình huống quân Nga đến gần. Điện nói sẽ có một lần chọn lọc cuối cùng. Người già yếu và què quặt phải bắn bỏ ngay lập tức, còn những người khỏe mạnh sẽ bị giải đến Mauthausen.

Dù tù nhân trong xưởng không biết gì về bức điện, họ vẫn có nỗi sợ mơ hồ về một điều tương tự. Cả tuần qua có tin đồn rằng tù nhân Ba Lan đã được điều động đào huyết tập thể trong rừng quanh Brinnlitz. Sự xuất hiện của bánh mì trắng là thuốc giải cho tin đồn ấy,

một cam kết cho tương lai của tất cả. Thế nhưng mọi người có vẻ cũng biết một giai đoạn đầy những hiểm nguy tinh vi hơn trước đã bắt đầu.

Nếu thuộc cấp của Oskar không biết gì về bức điện, thì Herr Commandant Liepold cũng chẳng hơn gì. Đầu tiên nó tới tay Mietek Pemper ở văn phòng của y. Pemper lén mở phong bì bằng hơi nước nóng rồi dán lại và báo thẳng nội dung cho Oskar. Schindler đứng bên bàn đọc bức điện, đoạn quay lại Mietek. “Được thôi,” ông gầm gừ, “Chúng ta đành chia tay *Untersturmführer* Liepold vậy.”

Vì cả Oskar và Pemper đều cảm thấy trong trại SS ở đây chỉ có duy nhất Liepold là đủ sức phục tùng một mệnh lệnh như vậy. Viên trại phó tuổi ngoài bốn mươi, một tay *Oberscharführer* tên là Motzek. Dù có thể tự tay sát nhân, nhưng chỉ huy việc giết hại máu lạnh 1.300 con người vượt quá khả năng của y.

Vài ngày trước sinh nhật, Oskar ngăm khiêu nại lên Hassebroeck về cách hành xử cực đoan của Herr Commandant Liepold. Ông tới gặp Rasch, trùm cảnh sát thể lực của Brno và đưa ra cáo buộc tương tự. Ông cho cả hai xem bản sao những bức thư ông đã viết gửi văn phòng tướng Glücks tại Oranienburg. Oskar đặt cược vào việc Hassebroeck sẽ nghĩ đến sự hào phóng của mình trước đây cùng hứa hẹn của mình về những hào phóng trong tương lai, đặt cược rằng y sẽ ghi nhận áp lực thay thế Liepold đang được Oskar tích tụ ở Oranienburg và Brno, và rằng y sẽ điều chuyển Liepold mà chẳng buồn điều tra thái độ của viên *Untersturmführer* với tù nhân ở Brinnlitz.

Đây là một tuyệt chiêu rất Schindler - ván blackjack Amon-Oskar ở tầm cao hơn. Tất cả tù nam của Brinnlitz đều nằm trên bàn cược, từ Hirsch Krischer, tù nhân số 68821, thợ sửa ô tô bốn mươi tám tuổi, tới Jarum Kiaf, tù nhân số 77196, lao động phổ thông hai mươi bảy tuổi và người sống sót của Goleszów. Và tất cả tù nữ cũng được tính luôn, từ số 76201, thợ cơ khí hai mươi chín tuổi Berta Aftergut, đến số 76500, Jenta Zwetschenstiel ba mươi sáu tuổi.

Oskar đổ thêm dầu vào ngọn lửa dưới ghế của Liepold bằng cách mời y đến ăn tối tại căn hộ trong nhà máy. Hôm đó là 27 tháng Tư,

đêm trước sinh nhật Schindler. Tầm mười một giờ tối hôm ấy, tù nhân làm việc dưới xưởng ngõ ngành thấy viên Commandant say khướt ngất ngưỡng xuất hiện, được *Herr Direktor* tỉnh táo hơn dìu đi. Dọc đường, Liepold cố gắng nhằm vào từng công nhân. Y quát tháo, chỉ lên những thanh xà cõ đại trên trần nhà. Bấy lâu nay *Herr Direktor* không cho y bước chân vào nhà máy, nhưng hôm nay y đã đến, thứ quyền lực tối hậu sẵn sàng trừng phạt họ. “Mả mẹ chúng mày,” y gào rống. “Thấy cái xà không! Tao sẽ treo cổ chúng mày lên đó! Tất cả chúng mày!”

Oskar vừa ôm vai dìu y đi vừa vỗ về. “Phải rồi, phải rồi. Nhưng tối nay thì thôi, hả? Để khi khác.”

Hôm sau, Oskar gọi Hassebroeck và các nơi khác với những cáo buộc dễ dự đoán. Hắn say xỉn, sục sạo khắp nhà máy, dọa hành quyết người ta tại chỗ. Đây đâu phải lao động phổ thông! Họ là nhân viên kỹ thuật lành nghề chịu trách nhiệm sản xuất vũ khí bí mật, vân vân. Mặc dù Hassebroeck chịu trách nhiệm về cái chết của hàng ngàn thợ mỏ, mặc dù y nghĩ rằng tất cả lao động Do Thái phải bị thủ tiêu khi quân Nga đến gần, y vẫn nhất trí rằng từ giờ tới lúc đó nhà máy của Herr Schindler cần được đối xử đặc biệt.

Liepold, Oskar nói, thường xuyên tuyên bố đến phút cuối cùng hắn muốn ra trận. Hắn còn trẻ, còn khỏe, còn nhiệt huyết. À, Hassebroeck bảo Oskar, để xem chúng ta có thể làm gì. Bản thân Commandant Liepold, trong khi đó, dành trọn ngày sinh nhật Oskar để ngủ cho tiêu bữa tối hôm trước.

Trong lúc y vắng mặt, Oskar đã có một bài phát biểu sinh nhật choáng người. Ông đã vui chơi cả ngày, nhưng không ai nhớ diễn văn của ông có chỗ nào không mạch lạc. Chúng tôi không có văn bản ghi lại những gì ông nói, nhưng một bài phát biểu khác, sau đó mười ngày, vào tối mùng 8 tháng Năm, thì có. Theo những người có mặt, mạch văn ở hai bài tương tự nhau. Cả hai, tựu trung lại, đều hứa hẹn cuộc sống sẽ tiếp diễn.

Gọi hai bài là diễn văn, tuy vậy, lại là hạ thấp ảnh hưởng của chúng. Điều bản năng thôi thúc Oskar nỗ lực là điều chỉnh hiện thực, thay đổi nhận thức về bản thân của cả tù nhân lẫn SS. Cách đây khá

lâu, với sự quả quyết đầy ương ngạnh, Oskar từng bảo một nhóm công nhân ca đêm, trong đó có Edith Liebgold, rằng họ sẽ sống sót qua chiến tranh. Ông cũng đã ban phát món quà tiên tri ấy khi đón những phụ nữ về từ Auschwitz, buổi sáng họ đến đây tháng Mười một năm ngoái, và bảo họ, “An toàn rồi; có tôi ở đây rồi.” Không thể bỏ qua rằng vào một thời đại khác, một hoàn cảnh khác, *Her Direktor* đã có thể trở thành một kẻ mị dân kiểu Huey Long⁽⁸⁴⁾ của bang Louisiana hay John Lang⁽⁸⁵⁾ của nước Úc, với thiên khiếu thuyết phục khán giả rằng họ và ông ta được vận mệnh gắn kết với nhau để ngăn chặn mọi tà ác ở nhân gian trong đường tơ kẽ tóc.

Bài diễn văn sinh nhật được Oskar thực hiện bằng tiếng Đức ở dưới xưởng, khi tù nhân tề tựu đông đủ. Một phân đội SS được đưa vào để canh gác một cuộc hội họp lớn như vậy, và nhóm nhân viên người Đức cũng có mặt. Khi Oskar cất lời, Poldek Pfefferberg cảm thấy lông chấy trên người anh dựng đứng cả lên. Anh nhìn quanh những gương mặt câm lặng của Schoenbrun và Fuchs, của những tên lính SS cầm súng tiểu liên. Họ giết ông ấy mất, anh nghĩ. Và thế là tất cả sẽ đi tong.

Bài phát biểu chứa đựng hai lời hứa lớn. Thứ nhất, để chế bạo ngược này sắp đến hồi kết thúc. Ông nói tới những người lính SS đứng quanh tường như thể họ cũng bị cầm tù và khát khao được giải phóng. Nhiều người trong số họ, Oskar giải thích cho các tù nhân, đã bị cưỡng bức đăng lính và sung vào *Waffen* SS. Lời hứa còn lại là ông sẽ lưu lại Brinnlitz tới khi có tuyên bố đình chiến. “Và thêm năm phút nữa,” ông nói. Đối với tù nhân, bài phát biểu ấy, như mọi tuyên bố trước của Oskar, hứa hẹn một tương lai. Nó khẳng định quyết tâm mãnh liệt của ông là không để họ vùi thân dưới mồ trong rừng. Nó nhắc cho họ nhớ ông những gì ông đã đầu tư vào họ, tiếp thêm cho họ sinh lực.

Tuy nhiên ta chỉ có thể phỏng đoán sự ngỡ ngàng của những người lính SS có mặt. Ông vừa hào hứng sỉ nhục quân đoàn của họ. Liệu họ sẽ phản đối, hay sẽ nuốt trôi điều đó, ông sẽ biết ngay qua cách họ phản ứng. Ông cũng cảnh báo họ rằng mình sẽ lưu lại Brinnlitz ít nhất đến khi nào họ rút đi, và do đó ông sẽ là nhân chứng.

Nhưng lòng Oskar không hoan hỉ như ngoài mặt. Sau này ông thú nhận, thời điểm ấy ông quan ngại về những gì các đơn vị quân sự đóng ở Zwittau có thể gây ra cho Brinnlitz khi rút đi. Ông nói, “Chúng tôi hoang mang, bởi chúng tôi sợ lính SS cùng đường sẽ làm liều.” Đây hẳn là một cơn hoang mang thầm lặng, bởi không tù nhân nào, ngồi gặm bánh mì trắng trong ngày sinh nhật Oskar, có vẻ đánh hơi thấy điều đó. Oskar còn nỗi lo về một số đơn vị của Vlasov đóng ở vùng giáp ranh Brinnlitz. Đó là thành viên của ROA, Quân Giải phóng Nga, thành lập năm ngoái theo chỉ đạo của Himmler, tuyển mộ từ hàng ngũ tù binh Nga đông đảo của Đế chế, đặt dưới sự chỉ huy của tướng Andrei Vlasov, một tướng lĩnh Xô viết bị bắt ở mặt trận Moscow ba năm trước. Đây là mối đe dọa với cư dân Brinnlitz, bởi chúng biết Stalin muốn dành cho chúng sự trừng phạt đặc biệt, và sợ Đồng minh sẽ trao chúng cho ông ta. Quân Vlasov ở khắp nơi do vậy rơi vào tình trạng bạo động cùng quần kiếu Xlavor, lại thêm vodka thổi bùng lên. Khi rút lui về trận tuyến quân Mỹ ở phía Tây, chuyện gì chúng cũng dám làm.

Hai ngày sau bài phát biểu sinh nhật của Oskar, một tập chỉ thị hạ cánh xuống bàn Liepold. Chúng thông báo *Untersturmführer* Liepold được điều động tới một tiểu đoàn bộ binh *Waffen* SS gần Prague. Dù chẳng thể hào hứng được, có vẻ y đã lặng lẽ khăn gói ra đi. Những bữa tối ở nhà Oskar, nhất là sau chai vang thứ hai, y vẫn hay nói mình muốn ra trận. Gần đây có một số sĩ quan, *Wehrmacht* và SS, từ mặt trận rút về, được mời ăn tối tại căn hộ của *Herr Direktor*, và câu chuyện bên bàn ăn luôn nhằm gãi vào chỗ ngứa máu ra trận của Liepold. Y chưa hề đối diện nhiều bằng chứng cho thấy lý tưởng này đã chấm hết như các thực khách khác.

Khó có khả năng y gọi lên văn phòng Hassebroeck trước khi cuốn gói. Đường điện thoại lúc này không ổn định, vì quân Nga đã bao vây Breslau và cách Gröss-Rosen chỉ một tầm hành quân. Nhưng lệnh điều động y sẽ chẳng làm ai ở văn phòng của Hassebroeck ngạc nhiên, do họ cũng thường nghe Liepold ca bài yêu nước. Vậy là, giao quyền chỉ huy Brinnlitz lại cho *Oberscharführer* Motzek, Josef Liepold lên xe ra trận, một kẻ chủ chiến nay đã toại nguyện.

Với Oskar, không có chuyện ngồi yên chờ kết thúc. Đầu tháng Năm, bằng cách nào đó, ông biết tin - có lẽ bằng điện thoại với Brno, nơi đường dây vẫn còn hoạt động - một trong những kho hàng ông thường giao dịch đã bị bỏ không. Mang theo nửa tá tù nhân, ông điều xe tải đến hôi của. Dọc đường xuôi Nam, có một số trạm kiểm soát, nhưng họ phô ra những giấy tờ hoành tráng, được làm giả, như Oskar kể lại, với con dấu và chữ ký của “các quan chức SS cao cấp nhất ở Moravia và Bohemia”. Khi đến nơi, họ thấy kho hàng chìm trong lửa. Các nhà kho quân sự lân cận đều bị châm lửa, chưa kể những đợt oanh tạc bằng bom cháy. Từ hướng nội đô, nơi quân du kích Czechoslovakia đang giành giật từng ngôi nhà với quân Đức, họ có thể nghe tiếng súng. Herr Schindler cho xe tải lùi vào cầu bốc dỡ của kho hàng, phá cửa, và phát hiện trong kho chất đầy thuốc lá hiệu Egipski.

Mặc dù hồn nhiên đi cướp như vậy, trong lòng Oskar vẫn khiếp sợ trước tin đồn ở Slovakia về việc quân Nga xử tử thường dân Đức không thương tiếc và không cần xét xử. Nhờ nghe tin BBC hằng đêm, ông yên lòng hơn khi biết chiến tranh có thể kết thúc trước khi quân Nga đến được Zwittau.

Tù nhân cũng được gián tiếp nghe BBC và nắm được tình hình thực tế. Xuyên suốt chiều dài lịch sử của Brinnlitz, hai kỹ thuật viên phát thanh, Zenon Szenwich cùng Artur Rabner, liên tục được giao sửa đài cho Oskar, không cái này thì cái khác. Tại xưởng hàn, Zenon đeo tai nghe vào để nghe bản tin hai giờ chiều của Đài tiếng nói London. Tới ca đêm, nhóm thợ hàn lại nghe chương trình phát thanh hai giờ sáng. Đêm nọ, một tên lính SS, vào nhà máy để đưa thư lên văn phòng, phát hiện ra bọn họ đang xúm quanh chiếc đài. “Bọn tôi sửa đài cho *Herr Direktor*,” họ thanh minh, “và vừa làm nó hoạt động được một phút.”

Hồi đầu năm, tù nhân hy vọng Moravia sẽ rơi vào tay quân Mỹ. Bởi vì Eisenhower vẫn chôn chân bên bờ Elbe, giờ họ biết quân Nga sẽ đến trước. Nhóm tù nhân gần gũi nhất với Oskar soạn một bức thư bằng tiếng Hebrew, giải trình thành tích của Oskar. Bức thư sẽ hữu ích nếu được giao cho quân Mỹ, vốn không chỉ có một phần đáng kể là người Do Thái, mà còn có giáo sĩ quân đội. Stern và bản

thân Oskar đều xem việc Oskar tới được chỗ quân Mỹ là điều có ý nghĩa sống còn. Một phần quyết định của Oskar bị ảnh hưởng bởi quan điểm Trung Âu điển hình rằng quân Nga là bọn man rợ, dị giáo và nhân tính khó lường. Tuy nhiên, nếu một số tin tức từ phía Đông đáng tin cậy, thì nỗi sợ của ông hoàn toàn có cơ sở.

Nhưng ông không vì thế mà ngã lòng. Ông vẫn còn thức, và trong tâm trạng phấn khích chờ đợi khi tin Đức đầu hàng đến qua đài BBC vào rạng sáng mùng 7 tháng Năm. Cuộc chiến ở châu Âu sẽ chấm dứt vào nửa đêm hôm sau, đêm thứ Ba mùng 8 tháng Năm. Oskar đánh thức Emilie, và Stern đang trần trọc cũng được triệu lên văn phòng để giúp *Herr Direktor* ăn mừng. Stern nhận thấy Oskar đã vững tâm về lực lượng SS đồn trú, nhưng chắc ông sẽ phát hoảng nếu đoán được hôm ấy Oskar sẽ thể hiện sự tự tin đó ra sao.

Dưới xưởng, tù nhân vẫn duy trì nếp lao động thường nhật. Nếu có khác, thì là họ làm việc hiệu quả hơn mọi ngày. Nhưng đến trưa, *Herr Direktor* phá vỡ không khí vờ vĩnh này bằng cách cho phát diễn văn chiến thắng của Churchill trên loa phóng thanh khắp nhà máy. Lutek Feigenbaum biết tiếng Anh và đứng nghệt mặt bên cỗ máy. Với người khác, giọng nói oang oang và nhát gừng của Churchill chính là lần đầu tiên trong mấy năm qua họ được nghe một ngôn ngữ của Thế giới Mới. Giọng nói đặc trưng ấy, trong phong cách có điểm gì đó tương đồng với giọng *Führer* đã chết, lan ra cổng và ủa vào các tháp canh, song lính SS đón nhận nó một cách điềm tĩnh. Họ không còn nhìn vào trong trại. Ánh mắt họ, giống Oskar, nhưng chăm chú hơn nhiều, đang dõi về hướng quân Nga. Theo chỉ thị trước đây của Hassebroeck, lẽ ra họ đang bận rộn trong rừng rậm. Thay vào đó, vừa nhìn đồng hồ đợi đến nửa đêm, họ vừa theo dõi bộ mặt đen ngòm của khu rừng, phỏng đoán xem có du kích trong đó hay không. Viên *Oberscharführer* bồn chồn, và tinh thần trách nhiệm, đã giữ họ lại vị trí. Bởi tinh thần trách nhiệm, như nhiều thượng cấp của họ về sau sẽ thừa nhận trước tòa, là phẩm chất đặc biệt của SS.

Trong hai ngày thấp thỏm ấy, giữa tuyên bố hòa bình và thời điểm nó có hiệu lực, một tù nhân, một thợ kim hoàn tên Licht, bắt tay vào làm một món quà cho Oskar, một thứ giá trị hơn nhiều chiếc hộp

đựng mặng sét dành tặng ông ngày sinh nhật. Nguyên liệu là một lượng vàng hiếm hoi, được ông lão Jereth chủ nhà máy bao bì cung tiến. Ai cũng hiểu - kể cả nhóm Budzyn, những tín đồ Marxist, rằng Oskar sẽ phải đào tẩu sau nửa đêm. Nỗi thôi thúc ghi dấu cuộc chia ly bằng một nghi lễ nhỏ là điều chiếm lĩnh tâm trí nhóm tù nhân gần gũi với Oskar - Stern, Finder, Garde, anh em nhà Bejski, Pemper. Thật đáng kinh ngạc khi, vào thời điểm không ai dám chắc mình có sống đến ngày hòa bình không, họ lại lo nghĩ chuyện quà chia tay.

Nhưng để làm nguyên liệu cho món quà, chỉ có kim loại thường là sẵn. Chính ông lão Jereth gợi ý thứ khác giá trị hơn. Ông há mồm khoe ra mấy chiếc răng vàng. Không có Oskar, chúng đã rơi vào tay SS từ lâu. Răng tao sẽ lẫn trong một đồng ở một nhà kho SS, cùng với răng vàng của những kẻ xa lạ từ Lublin, Łódź và Lwów.

Tất nhiên đây là một sự cung tiến xứng đáng, và Jereth nhất quyết yêu cầu. Một tù nhân từng hành nghề nha sĩ ở Cracow giúp ông nhổ chiếc răng ra. Licht nung chảy số vàng và đến trưa ngày 8 tháng Năm bắt đầu khắc chữ bằng tiếng Hebrew trong lòng nhẫn. Đó là câu kinh Talmud được Stern đọc cho Oskar ngoài văn phòng của Buchheister tháng Mười năm 1939. “Cứu một mạng người bằng cứu cả thế gian.”

Dưới ga ra nhà máy chiều hôm đó, hai tù nhân được giao dỡ lớp ốp da trên trần và mặt trong các cửa chiếc Mercedes của Oskar, giấu từng túi kim cương nhỏ vào đó rồi bọc lại như cũ, hy vọng không để lại dấu vết gì. Với họ, đó là một ngày kỳ lạ. Khi họ rời ga ra, mặt trời đang lặn sau các tháp canh, nơi đặt khẩu Spandau nạp đạn nhưng vô dụng một cách lạ thường. Như thể cả thế giới đều đang chờ đợi một tiếng nói quyết định.

Tiếng nói ấy dường như đã đến vào buổi tối. Một lần nữa, như vào ngày sinh nhật, Oskar yêu cầu viên Commandant tập trung tù nhân dưới xưởng. Một lần nữa, các kỹ sư và thư ký người Đức, trong đầu đã sẵn kế hoạch di tản, đều có mặt. Trong số họ có cả Ingrid, tình cũ của ông. Cô sẽ không rời Brinnlitz cùng Schindler, mà sẽ đi trốn cùng em trai, một cựu chiến binh trẻ, bị thương tật ở chân. Xét việc Oskar đã trải qua vô vàn khó khăn để chuẩn bị cho tù nhân những hàng hóa đổi chác được, khó có khả năng ông để một cổ

nhân như Ingrid rời Brinnlitz mà không đem theo thứ gì có thể đánh đổi để sinh nhai. Chắc chắn về sau họ sẽ tái ngộ trong tình thân ái, đâu đó ở phương Tây.

Như tại phát biểu sinh nhật của Oskar, lần này lính gác cũng cầm súng vây quanh đại sảnh. Gần sáu tiếng nữa chiến tranh mới kết thúc, và SS đã tuyên thệ không từ bỏ nhiệm vụ trong mọi hoàn cảnh. Các tù nhân quan sát và cố gắng hình dung tâm lý hiện thời của chúng.

Khi có thông báo *Herr Direktor* sắp phát biểu, hai nữ tù biết tốc ký, cô Waidmann và bà Berger, bèn đi kiếm bút chì để chuẩn bị ghi lại lời ông. Vì đây là một bài phát biểu ứng khẩu, của một người biết mình sắp thành kẻ đào vong, ấn tượng khi trực tiếp nghe từ miệng Oskar mạnh mẽ hơn nhiều khi đọc bản ký lục của Waidmann-Berger. Nó vẫn tiếp tục những chủ đề hôm sinh nhật nhưng dường như hàm chứa tính định đoạt cho cả tù nhân lẫn lính Đức. Nó tuyên bố các tù nhân là người thừa kế của thời đại mới; nó khẳng định tất cả những người còn lại - SS, Oskar, Emilie, Fuchs, Schoenbrun - đều cần được giải cứu.

“Nước Đức vừa tuyên bố,” ông nói, “đầu hàng không điều kiện. Sau sáu năm nhân loại bị tàn sát, thế giới đang khóc thương các nạn nhân, còn châu Âu đang cố gắng khôi phục hòa bình và trật tự. Tôi muốn kêu gọi các bạn tuân thủ trật tự và kỷ luật không điều kiện - tất cả các bạn, những người đã cùng tôi chia sẻ lo âu qua những năm gian khó để các bạn có thể vượt qua hiện tại, và trong mấy ngày tới quay về gia hương đã bị tàn phá và cướp bóc, tìm kiếm người thân còn sống sót. Tôi mong các bạn hãy ngăn ngừa tâm lý hoảng loạn, điều có thể gây ra hậu quả khôn lường.”

Tất nhiên, ông không hàm ý sự hoảng loạn đến từ các tù nhân. Ông muốn nói cơn hoảng loạn từ phía lính gác, từ những kẻ đang đứng dựa vào tường. Ông đang gợi ý để SS rút đi, và tù nhân cho chúng làm điều đó. Tướng Montgomery, ông nói, Chỉ huy quân Đồng minh, vừa kêu gọi tất cả đối xử nhân đạo với những kẻ bại trận, và mọi người, khi phán xét người Đức, cần phân biệt giữa tội ác và nhiệm vụ. “Những người lính ngoài mặt trận, cũng như những con người bé nhỏ chỉ làm phận sự của mình ở khắp nơi, không thể gánh

trách nhiệm về những tội ác của một nhóm nhỏ tự nhận là người Đức đã gây ra.”

Lời bào chữa Oskar nói cho đồng bào của mình là những gì tất cả tù nhân sống sót đêm hôm đó sẽ được nghe nhắc đi nhắc lại cả ngàn lần trong thời đại mới. Nhưng nếu có ai đủ tư cách làm điều đó và được họ lắng nghe, ít nhất với sự khoan dung, thì chắc chắn đó là Herr Oskar Schindler.

“Hàng nghìn người Đức đã lên án việc hàng triệu người trong các bạn, cha mẹ, con cái, anh em các bạn bị giết hại; và đến nay vẫn còn hàng triệu người chưa biết đến độ kinh hoàng của những tội ác ấy.” Những hồ sơ, tài liệu được phát hiện tại Dachau và Buchenwald hồi đầu năm, và được BBC đăng tải chi tiết, mới là lần đầu tiên nhiều người Đức biết đến “sự diệt chủng tội ác cùng vô nhân tính này”. Vì vậy, một lần nữa ông kêu gọi họ hãy hành xử nhân đạo và công bằng, hãy dành quyền phán xét cho những ai có thẩm quyền. “Nếu phải kết tội ai, hãy làm điều đó đúng nơi đúng chỗ. Bởi ở châu Âu mới sẽ có quan tòa, những quan tòa công chính, sẵn sàng lắng nghe các bạn.”

Tiếp đó, ông nói đến sự gắn bó của mình với tù nhân trong năm qua. Cách nói của Oskar phần nào gần như hoài cổ, nhưng ông cũng sợ bị phán xét chung một rọ với những Goeth và Hassebroeck.

“Nhiều người trong các bạn đều biết những áp bức, những thủ đoạn và những khó khăn mà tôi, để giữ được công nhân, phải vượt qua suốt nhiều năm. Bảo vệ quyền lợi bé nhỏ của một công nhân Ba Lan, duy trì việc làm cho họ và giữ cho họ không bị rơi vào nanh vuốt của Đế chế, gìn giữ ngôi nhà và tài sản khiêm nhường của họ vốn đã khó, cuộc đấu tranh để bảo vệ công nhân Do Thái còn khó đến mức nhiều khi tưởng như không thể vượt qua.”

Ông kể lại một số khó khăn, và cảm ơn họ đã giúp ông đáp ứng yêu cầu của các cơ quan quân giới. Xét đến việc Brinnlitz gần như không sản xuất được gì, lời cảm ơn ấy có thể mang màu giễu cợt. Nhưng Oskar không hề giễu cợt. Điều *Herr Direktor* muốn nói, theo nghĩa đen, là *Cảm ơn các bạn đã giúp tôi đánh lừa chế độ*.

Ông chuyển sang bào chữa cho người dân địa phương. “Nếu vài ngày tới cánh cửa tự do mở ra với các bạn, hãy nhớ đến nhiều người dân trong vùng đã đùm bọc các bạn bằng lương thực và quần áo. Tôi đã làm mọi thứ và tìm mọi cách để giúp các bạn có thêm lương thực, và tôi cam kết sẽ làm hết sức mình trong tương lai nhằm bảo vệ các bạn lẫn phần bánh mì hằng ngày cho các bạn. Tôi sẽ tiếp tục làm tất cả những gì có thể cho đến năm phút sau nửa đêm.

“Đừng vào nhà dân trong vùng để cướp bóc. Hãy chứng tỏ các bạn xứng đáng với hàng triệu nạn nhân đồng bào của mình, và kiềm chế mọi hành động trả thù hoặc khủng bố cá nhân.”

Ông thừa nhận các tù nhân chưa bao giờ được hoan nghênh ở đây. “Tại Brinnlitz, đám Do Thái của Schindler là điều cấm kỵ.” Nhưng còn nhiều việc quan trọng hơn là báo thù cục bộ. “Tôi gửi gắm các *Kapo* và đốc công trách nhiệm tiếp tục duy trì trật tự và hiểu biết lẫn nhau. Hãy truyền đạt tinh thần ấy đến mọi người, bởi đó là vì an toàn của chính các bạn. Hãy cảm ơn nhà máy xay của Daubek, người đã làm những điều phi thường để kiếm lương thực cho các bạn. Thay mặt các bạn, tôi xin cảm ơn vị giám đốc dũng cảm vì đã làm tất cả để các bạn có cái ăn.

“Đừng cảm ơn tôi đã cứu sống các bạn. Hãy cảm ơn bạn bè mình, những người đã làm việc ngày đêm để cứu các bạn khỏi diệt chủng. Hãy cảm ơn Stern, Pemper can trường và một số cá nhân khác, bởi lo nghĩ cho các bạn, đặc biệt là khi ở Cracow, mà phải đối diện thường trực với cái chết. Vào thời khắc danh dự này, nhiệm vụ của chúng ta là giám sát và duy trì trật tự cho đến phút cuối cùng. Tôi xin các bạn, ngay cả giữa các bạn với nhau, đừng làm gì ngoài những quyết định nhân đạo và công bằng. Tôi cũng muốn cảm ơn các cộng sự riêng của mình, bởi đã tuyệt đối hy sinh vì công việc của tôi.”

Bài phát biểu của ông, sau khi dẹt từ vấn đề này đến vấn đề khác, phân tích cặn kẽ một vài ý tưởng, đã động sơ qua một số khác, đã đến cốt lõi của sự liều lĩnh. Oskar quay sang toán lính SS và cảm ơn họ vì đã cưỡng lại bản năng tàn bạo trong nghề nghiệp của họ. Một số tù nhân thầm nghĩ, *Ông ấy vừa kêu gọi chúng ta đừng khiêu*

khích chúng? Còn ông ấy thì đang làm gì! Bởi SS vẫn là SS, là quân đoàn của Goeth và John và Hujar và Scheidt. Những thứ một tên SS được dạy, những điều gã hành động và chứng kiến, sẽ xác định giới hạn của nhân tính trong gã. Và Oskar, họ cảm thấy, đang liều lĩnh thách thức giới hạn ấy.

“Tôi muốn,” ông nói, “cảm ơn những người lính SS có mặt tại đây, những người đã bị cưỡng ép từ Quân đội và Hải quân vào lực lượng này. Là chủ gia đình, từ lâu họ đã nhận thức được tính ghê tởm và vô nghĩa trong nhiệm vụ của mình. Họ đã ứng xử ở đây một cách đặc biệt nhân văn và đúng đắn.”

Điều các tù nhân không nhận thức được, còn mới kinh hoàng pha chút hưng phấn trước sự liều lĩnh của *Herr Direktor*, là Oskar đang hoàn tất điều ông đã khởi đầu từ đêm sinh nhật. Ông đang hủy diệt phần chiến binh trong đội quân SS. Vì nếu họ vẫn đứng yên và tiêu hóa được ý tưởng về sự “nhân văn và đúng đắn” của ông, thì nghĩa là họ chẳng còn gì để làm ngoài việc rút lui.

“Cuối cùng,” ông nói, “tôi đề nghị tất cả ba phút mặc niệm để tưởng nhớ vô số nạn nhân đã chết trong những năm tháng tàn khốc này.”

Tất cả làm theo. *Oberscharführer* Motzek và Helen Hirsch; Lusia, vừa ra khỏi hầm tuần trước, và Schoenbrun; Emilie và Goldberg. Những người sốt sắng mong thời gian qua mau, những kẻ nôn nóng muốn đào tẩu. Giữ yên lặng giữa những cỗ máy Hilo khổng lồ, vào thời khắc cuối cùng của cuộc chiến ồn ào nhất lịch sử.

Khi phút mặc niệm kết thúc, lính SS nhanh chóng rời xưởng. Các tù nhân ở lại. Họ nhìn quanh, tự hỏi có thực rốt cuộc mình đã thành chủ nhân của nơi này. Khi Oskar và Emilie định về nhà thu dọn hành trang, các tù nhân chặn họ lại. Chiếc nhẫn của Licht được đưa ra. Oskar trân trọng ngắm nghía hồi lâu; ông cho Emilie xem dòng chữ và đề nghị Stern phiên dịch. Khi ông hỏi họ lấy vàng ở đâu và được biết đấy là răng của Jereth, họ chờ đợi ông bật cười; Jereth cũng có mặt trong phái đoàn tặng quà, sẵn sàng bị trêu và đã kịp toét miệng cười phô ra những cái chân răng bé xíu. Nhưng Oskar lại tỏ ra rất nghiêm trang và chậm rãi đeo chiếc nhẫn vào ngón tay. Mặc dù

không ai thực sự ý thức được, nhưng đó chính là giây phút họ được trở lại là chính mình, và Oskar Schindler bắt đầu phụ thuộc vào những món quà của họ.

(83) Tiếng Đức của Niusia không chuẩn lắm dù vẫn hiểu được.

(84) Chính khách Mỹ, thống đốc bang Louisiana giai đoạn 1928-1932.

(85) John Dunmore Lang (1799-1878), mục sư và chính khách dân túy ở Australia.

CHƯƠNG 38

Trong vài giờ sau phát biểu của Oskar, lính SS đồn trú bắt đầu đào ngũ. Trong nhà máy, đội tự vệ được tuyển chọn từ nhóm tù Budzyn và một số phần tử khác trong trại đã được phát vũ khí do Oskar cung cấp. Họ hy vọng có thể tước vũ khí của SS, chứ không buộc phải giao chiến. Như Oskar đã lý giải, sẽ là không khôn ngoan nếu thu hút sự chú ý từ những đơn vị Quốc xã đang ôm hận rút lui. Nhưng trừ phi đạt được một điều hoang đường nào đó, một hòa ước chẳng hạn, cuối cùng họ vẫn sẽ phải dùng lựu đạn tập kích các tháp canh.

Tuy nhiên, trên thực tế, đội tự vệ chỉ phải trang trọng hóa việc giải giáp mà Oskar đã hình dung. Lính gác cổng chính gần như biết ơn khi được giao nộp vũ khí. Trên bậc cấp tối tăm dẫn vào trại lính, Poldek Pfefferberg và một tù nhân tên gọi Jusek Horn tước vũ khí của Commandant Motzek. Pfefferberg gí ngón tay vào lưng y, và Motzek, như mọi người đàn ông ngoài bốn mươi, tỉnh táo và có gia đình để về, cầu xin họ tha cho. Pfefferberg tước súng lục của y, còn Motzek, sau khi kêu khóc cầu cứu *Herr Direktor* trong thời gian tạm giam ngắn ngủi, được thả và đi bộ về nhà.

Uri và nhóm du kích phát hiện ra các tháp canh, mục tiêu mà có lẽ họ đã mất hàng giờ phán đoán và lên kế hoạch, đã bị bỏ không. Một số tù nhân, trang bị súng vừa tịch thu của lính Đức, được bố trí trên đó để ai đi qua sẽ tưởng tại đây trật tự cũ vẫn đang ngự trị.

Đến nửa đêm, trong trại chẳng còn bóng SS, nam cũng như nữ. Oskar gọi Bankier lên và giao cho ông chìa khóa một kho hàng. Đó là kho dự trữ của Hải quân, và đến trước khi quân Nga tấn công Silesia, vẫn nằm đâu đấy trong vùng Katowice. Có lẽ nó được sử dụng để tiếp tế cho tàu tuần tra trên sông và kênh đào, và Oskar biết tin Tổng cục Quân giới muốn tìm thuê địa điểm mới ở một khu vực ít bị đe dọa hơn. Oskar đã nhận được hợp đồng này - "với sự trợ giúp của một ít quà cáp," sau này ông kể lại. Vậy là mười tám xe tải đầy áo khoác, quần phục, vải may đồ lót, sợi xe và len, nửa triệu cuộn sợi và nhiều loại giày, đã đi vào cổng Brinnlitz trước khi được dỡ

xuống và nhập kho. Stern và nhiều người đều khẳng định, Oskar biết kho hàng vẫn nằm trong tay mình khi chiến tranh sắp kết thúc, và ông tính lấy chỗ vải vóc này cho tù nhân làm vốn. Trong tài liệu về sau, Oskar cũng xác nhận điều này. Ông đã nhắm hợp đồng kho vận này “với mục đích chuẩn bị sẵn quần áo cho công nhân Do Thái của tôi khi chiến tranh kết thúc. Các chuyên gia dệt may Do Thái ước tính giá trị kho vải vóc này lên tới hơn 150.000 đô la Mỹ (tỉ giá thời bình)”.

Ở Brinnlitz ông có người đủ khả năng thực hiện việc định giá này - ví dụ như Juda Dresner, từng kinh doanh vải vóc ở phố Stradom; Itzhak Stern, từng làm công cho một công ty vải bên kia đường.

Khi thực hiện nghi thức bàn giao chiếc chìa khóa đất giá ấy cho Bankier, Oskar và Emilie đều mặc áo tù kẻ sọc. Cuộc đảo vận mà ông hằng nỗ lực đạt đến kể từ ngày đầu thành lập DEF nay đã hiển hiện trước mắt. Khi ông xuất hiện dưới sân để chia tay, ai nấy đều ngỡ đó chỉ là y phục cải trang được ông nhẹ nhàng mặc lên và cũng sẽ nhẹ nhàng trút bỏ một khi gặp quân Mỹ. Nhưng khoác lên bộ áo vải thô ấy lại là hành động mà Oskar chẳng bao giờ rũ bỏ được hoàn toàn. Ông sẽ, theo một nghĩa trọn vẹn nhất, mãi mãi bị cầm tù ở Brinnlitz và Emalia.

Có tám tù nhân tình nguyện tháp tùng Oskar và Emilie. Họ đều rất trẻ, nhưng gồm một đôi vợ chồng, Richard và Anka Rechen. Lớn tuổi nhất là một kỹ sư tên là Edek Reubinski, nhưng anh vẫn kém vợ chồng Schindler gần mười tuổi. Sau này, chính anh là người cung cấp chi tiết về cuộc viễn du kỳ dị của cả đoàn.

Emilie, Oskar và lái xe sẽ đi chiếc Mercedes. Những người còn lại sẽ theo sau trên chiếc xe tải chở đầy thực phẩm, thuốc lá và rượu để đổi chác. Oskar có vẻ sốt ruột muốn lên đường. Một trong hai mối đe dọa từ Nga, binh lính của Vlasov, đã không còn. Chúng đã rút đi trong mấy ngày qua. Nhưng mối kia, dự kiến sẽ đến Brinnlitz trước sáng hôm sau, thậm chí sớm hơn. Từ băng sau chiếc Mercedes, nơi họ đang yên vị trong bộ áo tù - nói thật là không giống tù nhân cho lắm, mà giống một đôi quý tộc đi dự dạ hội hóa trang hơn - Oskar vẫn gầm gừ căn dặn Stern, ra lệnh cho Bankier và Salpeter. Nhưng có thể thấy ông rất muốn đi. Thế nhưng khi tay lái

xe, Dolek Grünhaut, toan khởi động, xe lại chết máy. Oskar xuống xe và tự mình xem xét dưới nắp capô. Ông tỏ ra hốt hoảng - khác hẳn con người vừa có bài phát biểu đầy uy quyền vài giờ trước. “Làm sao thế?” ông hỏi liên tục. Nhưng trong bóng tối Grünhaut khó mà nói được. Mất một lúc anh mới bắt được bệnh, vì lỗi nằm ngoài phán đoán của anh. Ai đó, lo sợ trước viễn cảnh Oskar ra đi, đã cắt dây điện.

Pfefferberg, có mặt trong đám đông tiễn biệt *Herr Direktor*, lao vội về xưởng hàn lấy đồ nghề và bắt tay vào sửa. Anh toát mồ hôi, tay chân lóng ngóng, vì sự gấp rút mà anh cảm thấy từ Oskar cũng làm anh cuống. Schindler không ngừng ngóng ra cổng như thể quân Nga sẽ xuất hiện bất cứ lúc nào. Nỗi sợ ấy không phải là không có cơ sở - những người có mặt đều bị giằng xé trước cái kịch bản oái oăm ấy - mà Pfefferberg thì sửa quá khổ sở và quá lâu. Nhưng cuối cùng, cỗ máy cũng rung lên dưới vòng xoay chìa khóa run rẩy của Grünhaut.

Khi máy đã nổ, chiếc Mercedes xuất phát, xe tải theo sau. Ai nấy bồn chồn đến nỗi không kịp nói lời chia tay cho đảng hoàng, nhưng họ vẫn kịp trao cho Schindler và vợ một bức thư, có chữ ký của Hilfstein, Stern, và Salpeter, chứng thực công trạng của Oskar và Emilie. Đoàn xe lăn bánh ra khỏi cổng và, đến đoạn đường tàu tránh, rẽ trái về hướng Havlíčkův Brod và về vùng đất an toàn hơn cho Oskar ở châu Âu. Cuộc viễn du phần nào mang màu hôn phối, bởi Oskar, người đã đến Brinnlitz với rất nhiều phụ nữ, nay lại ra đi cùng vợ. Stern và mọi người vẫn đứng lại ngoài sân. Sau rất nhiều hứa hẹn, họ đã được tự do. Giờ đây, họ phải gánh lấy sức nặng và sự bất trắc của thân phận ấy.

*

Thời gian đình chiến dài ba ngày, có những biến động và hiểm nguy riêng. Sau khi SS rút đi, đại diện duy nhất của cỗ máy sát nhân còn lưu lại ở Brinnlitz là một viên *Kapo* người Đức đã từ Gröss-Rosen đến đây cùng các tù nhân của Schindler. Hồi ở Gröss-Rosen y đã mắc nhiều nợ máu, khi tới Brinnlitz y cũng chuốc thêm nhiều kẻ thù. Một nhóm tù nam lôi y từ giường xuống xưởng rồi treo cổ y một cách hăm hở và không thương xót lên một trong những thanh xà mà

Untersturmführer Liepold cách đây chưa lâu còn dùng để đe dọa tù nhân. Một số tù nhân cố can thiệp nhưng nhóm hành quyết đang say máu và không ai ngăn nổi.

Đây là sự kiện, vụ sát nhân đầu tiên dưới thời bình này, mà nhiều cư dân Brinnlitz sẽ mãi mãi lên án. Họ đã chứng kiến Amon treo cổ viên kỹ sư Krautwirt tội nghiệp trên *Appellplatz* tại Płaszów, và vụ treo cổ này, dù với lý do khác, cũng làm họ ghê tởm sâu xa không kém. Bởi Amon là Amon và vô phương cải hóa. Nhưng toán đao phủ này là anh em của họ.

Khi viên *Kapo* thôi co giật, họ để y lũng lảng trên những cỗ máy câm lặng. Nhưng y làm họ hoang mang. Đáng lẽ khiến họ phấn khích, y lại gieo vào lòng họ nỗi hoài nghi. Sau cùng một số người không tham gia treo cổ hạ y xuống và hỏa thiêu. Điều này phản ánh bản chất kỳ lạ của Brinnlitz khi thi thể duy nhất bị đưa vào lò luyện, theo chỉ thị là nơi hỏa thiêu tù nhân Do Thái, lại là xác một người Aryan.

Việc phân bổ hàng hóa trong kho của Hải quân diễn ra suốt ngày hôm sau. Họ chia những súc vải lớn thành từng đoạn nhỏ. Moshe Bejski kể, mỗi người được chia ba mét, một bộ đồ lót và vài cuộn bông. Ngay hôm đó, một số phụ nữ bắt tay vào may bộ quần áo họ sẽ mặc về nhà. Số khác giữ lại, để sau này đem đổi, ngõ hầu giúp họ mưu sinh trong những ngày rồi ren sắp tới.

Mỗi người còn được một phần thuốc lá Eginiski mà Oskar đã cháy nhà hồi được từ Brno, cùng một chai vodka từ kho của Salpeter. Chẳng mấy ai uống. Với họ nó quá giá trị, không ai nỡ uống.

Đêm thứ hai, sau khi trời tối, một phân đội Panzer xuất hiện trên đường từ hướng Zwittau. Lutek Feigenbaum, ôm súng nấp sau bụi cây gần cổng, chực bắn ngay khi cỗ xe tăng đầu tiên hiện ra trong tầm ngắm. Song cậu tự thấy thế là hấp tấp. Từng chiếc sầm sập đi qua. Tên pháo thủ trên một chiếc đi đoạn hậu, biết rằng hàng rào và tháp canh đồng nghĩa với khả năng bọn tội phạm Do Thái có thể đang ẩn nấp ở trong, xoay nòng pháo và bắn hai phát đạn vào trong trại. Viên thứ nhất nổ ở giữa sân, viên thứ hai trúng ban công khu nhà nữ.

Đó là một biểu hiện thù địch ngẫu nhiên, và không biết vì không ngoan hay bất ngờ mà không tù nhân có vũ trang nào đáp trả.

Khi chiếc tăng đi sau cùng vừa khuất bóng, đội tự vệ nghe thấy tiếng than khóc từ sân và khu tù nữ ở tầng trên. Một cô gái bị thương vì mảnh đạn. Bản thân cô chỉ bị choáng, nhưng cảnh cô bị thương đã giải phóng ở chị em mọi đau thương dồn nén suốt mấy năm qua. Trong khi phụ nữ khóc lóc, các bác sĩ Brinnlitz khám cho cô và kết luận vết thương không có gì nghiêm trọng.

*

Vài giờ đầu trên đường đào tẩu, đoàn Oskar nối đuôi một đoàn xe tải *Wehrmacht*. Nhờ bóng đêm, họ có thể làm vậy mà không bị ai gây khó dễ. Sau lưng họ, vọng lại tiếng quân Đức đặt mìn phá hủy các cơ sở, và thỉnh thoảng có âm thanh chát chúa từ một cuộc phục kích của du kích Czech từ xa vọng lại.

Có lẽ gần tới Havlíčkův Brod, họ đã tụt lại sau, vì họ bị một tốp du kích Czech chặn lại giữa đường. Oskar tiếp tục đóng vai tù nhân. “Tôi và các vị đây vừa trốn từ trại lao động ra. SS đã bỏ chạy, *Herr Direktor* cũng vậy. Chiếc ô tô này là của y.”

Du kích hỏi họ có vũ khí không. Reubinski từ xe tải xuống gia nhập cuộc đối thoại. Anh thú nhận mình có một khẩu súng trường. Được rồi, tốp du kích Czech nói, tốt nhất các anh có gì thì đưa cả đây. Nếu bị quân Nga chặn lại và phát hiện ra các anh có vũ khí, chưa chắc họ đã hiểu. Áo tù sẽ là bảo chứng cho các anh.

Ở thị trấn này, Đông Nam Prague và trên đường đi Áo, họ vẫn có khả năng bắt gặp những đơn vị còn ngoan cố. Du kích chỉ cho Oskar đến văn phòng Hội Chữ thập đỏ trên quảng trường thành phố. Tại đây họ có thể an toàn nghỉ qua đêm.

Nhưng khi đến nơi, nhân viên Hội Chữ thập đỏ khuyên họ rằng, trong tình hình bất ổn hiện tại nhà tù thị trấn có lẽ là an toàn nhất. Họ để xe lại trên quảng trường, trước mặt văn phòng Hội, còn Oskar, Emilie và tám bạn đồng hành xách mớ hành lý ít ỏi theo và ngủ trong những xà lim không khóa ở đồn cảnh sát.

Sáng hôm sau khi quay lại, họ thấy cả hai xe đã bị lục. Lốp da bọc chiếc Mercedes bị xé toang, kim cương biến mất, xe tải bị tháo

lốp, máy xe cũng bị cướp luôn. Dân Czech bình luận đầy minh triết. Thời buổi này mát mát là chuyện thường. Có lẽ họ còn nghi ngờ Oskar, da trắng và mắt xanh, là một sĩ quan SS đào vong.

Cả đoàn không còn phương tiện, nhưng có một chuyến tàu xuôi Nam về Kaplice và họ lên tàu, vẫn mặc áo tù. Reubinski kể, họ ngồi tàu đến tận rừng, rồi xuống lội bộ. Đâu đó ở vùng rừng biên giới ấy, mạn Bắc của Linz, họ có hy vọng gặp quân Mỹ.

Đang cuộc bộ trên một con đường chạy giữa rừng thì họ gặp hai lính Mỹ ngồi nhai kẹo cao su bên ụ súng máy. Một tù nhân bắt chuyện bằng tiếng Anh. “Chúng tôi có lệnh không cho ai đi qua,” một người nói.

“Nếu đi vòng qua rừng thì có sao không?” người tù hỏi tiếp.

Anh lính vẫn nhai. Cái dân tộc bồm bẻm kỳ quái này!

“Chắc không.” rốt cuộc anh ta đáp.

Vậy là, họ vòng qua rừng và, khi quay lại đường cái sau nửa tiếng, gặp một đại đội bộ binh đang hành quân hàng hai về phía Bắc. Qua người tù biết tiếng Anh, họ nói chuyện với trinh sát của đơn vị. Viên sĩ quan chỉ huy chạy xe jeep đến, nhảy xuống, thăm vắn họ. Họ nói thật với anh ta, rằng Oskar là *Herr Direktor*, còn họ là dân Do Thái. Họ tin mình đang ở nơi an toàn, bởi qua BBC họ biết trong quân Mỹ có nhiều lính gốc Đức và Do Thái. “Ở bên đây,” viên đại úy nói. Anh ta lẳng lẳng lái đi, để họ lại trong sự giám sát có phần lúng túng của đám lính trẻ, những người mời họ hút thuốc, loại thuốc Virginia tỏa ra vẻ long lanh - như chiếc jeep, quân phục và trang bị của họ - của thứ vật chất đến từ một nền sản xuất quy mô, hào nhoáng, không hạn chế và không có thứ phẩm.

Dù Emilie và các tù nhân lo ngại Oskar có thể bị bắt giữ, ông ngồi trên thảm cỏ với vẻ vô ưu rõ rệt, hít thở không khí mùa xuân giữa khu rừng chót vót này. Ông có lá thư tiếng Hebrew, và New York, ông biết, xét về mặt chủng tộc, là một thành phố mà Hebrew không hề xa lạ. Nửa giờ trôi qua và một toán lính xuất hiện, tiến lại họ với vẻ thoải mái, không căng thẳng kiểu nhà binh. Cả tốp đều là dân Do Thái, có cả một giáo sĩ chiến trường. Họ tỏ ra rất cảm kích, ôm hôn

cả nhóm, kể cả Emilie lẫn Oskar. Vì họ, tốp lính tiết lộ, là những người sống sót từ trại tập trung đầu tiên mà tiểu đoàn tìm được.

Kết thúc màn chào hỏi, Oskar trao cho họ lá thư giới thiệu tiếng Hebrew. Vị giáo sĩ đọc và bắt đầu khóc. Ông dịch nội dung cho những lính Mỹ khác. Màn hoan hô, bắt tay và ôm hôn tiếp tục. Đám lính trẻ tỏ ra thật cởi mở, thật ồn ào, thật trẻ thơ. Mặc dù mới xa cách Trung Âu một hai thế hệ, dấu ấn Mỹ quốc ở họ đã rõ ràng đến mức Schindler và các tù nhân nhìn họ với vẻ ngạc nhiên chẳng kém gì ngược lại.

Hệ quả là nhóm Schindler lưu lại ở biên giới Áo làm khách của chỉ huy trung đoàn và vị giáo sĩ hai ngày liền. Họ uống thứ cà phê tuyệt hảo mà tù nhân trong đoàn từ khi ghetto ra đời chưa được uống bao giờ. Họ ăn rất vương giả.

Sau hai ngày, vị giáo sĩ tặng họ một chiếc xe cứu thương tịch thu được, và họ dùng nó để lái đến thành phố bị tàn phá Linz ở vùng thượng Áo.

*

Sang ngày hòa bình thứ hai ở Brinnlitz, quân Nga vẫn chưa xuất hiện. Nhóm tự vệ lo ngại rằng họ sẽ phải lưu lại trại lâu hơn dự kiến. Họ nhớ rằng lần duy nhất SS tỏ ra khiếp sợ - không kể sự bồn chồn của Motzek và đồng bọn mấy ngày qua - ấy là khi có dịch sốt phát ban. Họ bèn treo biển cảnh báo phát ban khắp hàng rào.

Ba du kích Czech xuất hiện trước cổng vào buổi chiều và nói chuyện qua hàng rào với lính gác. Tất cả kết thúc rồi, họ nói. Các anh muốn ra lúc nào cũng được.

Bao giờ quân Nga đến đã, đội tự vệ đáp. Cho đến lúc đó, bọn tôi vẫn ở trong này.

Câu trả lời phần nào thể hiện tâm bệnh của tù nhân: nỗi nghi ngờ thường trực của họ sau một thời gian rằng thế giới ở ngoài hàng rào đầy rẫy hiểm nguy, và phải tái hòa nhập từ từ. Nó cũng cho thấy sự khôn ngoan ở họ. Họ chưa tin các đơn vị Đức cuối cùng đã rút đi.

Đám du kích Czech nhún vai và bỏ đi.

Đêm đó, khi Poldek Pfefferberg có phiên gác cổng chính, từ ngoài đường vắng đến tiếng động cơ mô tô. Chúng không đi qua như tốp Panzer hôm qua mà rẽ thẳng về hướng trại. Năm chiếc xe có hình đầu lâu SS xuất hiện từ bóng tối, và rầm rập đến gần hàng rào. Khi tốp lính SS - rất trẻ, Poldek còn nhớ - tắt máy, xuống xe, lại gần cổng, một cuộc tranh cãi nổ ra giữa nhóm tự vệ rằng liệu có nên bắn hạ ngay đám khách không mời.

Viên hạ sĩ quan chỉ huy có vẻ nhận thức được nguy cơ tiềm ẩn ở tình huống này. Y đứng cách rào một chút, hai tay xòe ra. Bọn họ cần xăng, y nói. Y đoán Brinnlitz, là một trại sản xuất, ắt sẽ có xăng.

Pfefferberg gợi ý cấp xăng cho chúng cuốn gói thì hay hơn là gây rắc rối bằng cách nổ súng. Đồng ngũ từ trung đoàn của chúng có thể ở gần đây và sẽ theo tiếng súng tìm đến.

Sau cùng, họ mở cửa cho tốp lính SS, và một số tù nhân xuống ga ra hút xăng. Viên hạ sĩ quan SS rất lưu ý thể hiện cho đội tự vệ - vừa mặc đồng phục xanh cho giống lính gác, hoặc ít nhất là giống *Kapo* người Đức - thấy y chẳng thấy gì bất thường việc tù nhân được vũ trang để bảo vệ trại từ bên trong.

“Tôi hy vọng anh nhận ra ở đây có dịch phát ban, Pfefferberg nói tiếng Đức và chỉ lên mấy tấm biển.

Toán SS nhìn nhau.

“Bọn tôi vừa mất hơn hai chục người,” Pfefferberg nói. “Còn năm mươi người nữa đang phải cách ly dưới hầm.”

Thông tin này có vẻ tác động mạnh đến những vị khách đeo phù hiệu đầu lâu thần chết. Chúng mệt mỏi. Chúng đang trốn chạy. Thế là đủ lắm rồi. Chúng chẳng muốn gánh thêm nguy cơ lây bệnh làm gì nữa.

Khi xăng được đưa đến trong từng can hai mươi lít, chúng cảm ơn, cúi chào và rút đi qua cổng. Các tù nhân quan sát chúng đổ xăng vào bình và nhả nhận để lại cạnh hàng rào những can thừa không để vừa lên xe. Chúng đeo găng, nổ máy, rời đi mà không rõ ga quá to, không muốn hao bình xăng vừa đổ vào một trò trẻ trâu. Tiếng động cơ lắng dần về phía làng ở góc Tây Nam. Với những

người gác cổng, cuộc tao ngộ lịch sử này sẽ là lần gặp gỡ cuối cùng với những kẻ mặc đồng phục quân đoàn tà ác của Heinrich Himmler.

*

Sang ngày thứ ba, trại được giải phóng, bởi một sĩ quan Nga duy nhất. Anh ta cưỡi ngựa, xuất hiện từ hẻm núi nơi đường bộ và đường sắt chạy qua trước khi dẫn tới cổng trại. Khi anh ta đến gần, họ mới nhận ra con ngựa hóa ra chỉ là ngựa lừa, bàn chân gầy gò xỏ trong bàn đạp của viên sĩ quan gần như chạm đất và hai cẳng chân anh ta khuỳnh ra một cách hoạt kê dưới phần bụng lép kẹp của con ngựa. Sự giải phóng mà anh ta mang đến Brinnlitz có vẻ là một nỗ lực cá nhân đầy gian khó, bởi bộ quân phục đã tả tơi, dây da đeo súng đã bị mờ hôi, mùa đông và chiến trận bào mòn tới mức phải thay bằng dây thừng. Cưng ngựa cũng là dây thừng. Anh ta có nước da trắng và, như mọi người Nga trong mắt dân Ba Lan, vừa rất đối xa lạ, vừa vô cùng quen thuộc.

Sau cuộc đối thoại ngắn lẩn lộn tiếng Nga và Ba Lan, nhóm tự vệ mở cổng cho anh vào. Tin anh xuất hiện lan khắp các ban công tầng hai. Khi vừa xuống ngựa anh đã nhận được một cái hôn từ bà Kumholz. Anh mỉm cười rồi, bằng hai thứ tiếng, xin một cái ghế. Một cậu thanh niên đưa ghế đến.

Đứng trên ghế đem lại cho anh một lợi thế về chiều cao mà, xét tương quan với đa số tù nhân, anh không cần đến. Từ đây, anh thực hiện một bài diễn văn giải phóng có vẻ theo đúng công thức bằng tiếng Nga. Moshe Bejski cũng nắm được đại ý. Họ đã được Hồng quân Xô viết quang vinh giải phóng. Họ được tự do vào thị trấn hay đi đâu tùy ý. Vì dưới chế độ Xô viết, như trên thiên đường thần thoại, chẳng phân biệt Do Thái hay không Do Thái, đàn ông hay đàn bà, nô lệ hay tự do. Và họ không được có hành vi trả thù đáng hổ thẹn trong thị trấn. Đồng Minh sẽ săn lùng những kẻ đàn áp họ và có hình phạt đích đáng. Họ phải coi trọng tự do của mình hơn hết.

Anh bước xuống khỏi ghế và mỉm cười, như muốn nói giờ đây khi xong nhiệm vụ phát ngôn, anh sẵn sàng trả lời câu hỏi. Bejski cùng vài người khác bắt chuyện với anh, và anh tự chỉ vào mình rồi nói

bằng thứ tiếng Yiddish trợ trợ của dân Belarus - kiểu khẩu âm học một từ ông bà hơn là cha mẹ - rằng anh là người Do Thái.

Cuộc đối thoại bỗng trở nên gần gũi hơn.

“Anh đã đến Ba Lan chưa?” Bejski hỏi.

“Rồi,” viên sĩ quan xác nhận. “Tôi vừa từ Ba Lan đến đây.”

“Còn người Do Thái nào ở đây không?”

“Không thấy ai hết.”

Tù nhân vây quanh anh, dịch và truyền đạt nội dung cuộc đối thoại lại cho nhau.

“Quê anh ở đâu? viên sĩ quan hỏi Bejski.

“Cracow.”

“Tôi mới ở Cracow hai tuần trước.”

“Còn Auschwitz? Auschwitz thì sao?”

“Thấy bảo ở Auschwitz vẫn còn một ít tù Do Thái.”

Các tù nhân trở nên trầm ngâm. Theo lời anh bạn Nga, Ba Lan giờ đây như một xứ trống không, và nếu trở lại Cracow họ sẽ vật vờ tro tro ở đây như vài hạt đậu khô trong lọ.

“Mọi người có cần tôi giúp gì không?” viên sĩ quan hỏi.

Ai nấy nhao nhao xin thực phẩm. Anh nói sẽ kiếm được cho họ một xe bánh mì, có thể thêm ít thịt ngựa. Tất cả sẽ đến trước khi trời tối. “Nhưng mọi người cũng nên xem trong thị trấn có gì,” anh gợi ý.

Đây là một ý tưởng táo bạo - rằng họ cứ thế ra khỏi trại và vào Brinnlitz mua bán. Với một số người, lựa chọn ấy vẫn là điều không tưởng.

Đám thanh niên như Pemper và Bejski bám theo viên sĩ quan khi anh chuẩn bị rời đi. Nếu Ba Lan không còn dân Do Thái, nghĩa là họ không còn chỗ mà đi. Họ không cần anh chỉ dẫn, nhưng cảm thấy anh nên trao đổi về thể tiến thoái lưỡng nan của họ. Người lính Nga ngừng tay cởi dây buộc ngựa.

“Tôi chịu,” anh nói, ngoảnh thẳng vào mặt họ. “Tôi chẳng biết phải khuyên các anh thế nào. Chờ đi hướng Đông - tôi chỉ biết có vậy.

Nhưng cũng đừng đi hướng Tây.” Bàn tay anh tiếp tục cởi dây cương. “Chẳng đâu ưa chúng ta sắt.”

*

Nghe lời kêu gọi của viên sĩ quan Nga, các tù nhân Brinnlitz sau cùng cũng ra khỏi cổng để thực hiện sự tiếp xúc dè dặt đầu tiên với thế giới bên ngoài. Những người trẻ thử đầu tiên. Danka Schindel ra khỏi trại sau ngày giải phóng, leo lên ngọn đồi cây phủ phía sau. Hoa bách hợp với ngân liên bắt đầu hé nụ, chim thiên di từ châu Phi đã bay về. Danka ngồi trên đồi một lúc lâu, tận hưởng, rồi lăn xuống, nằm trên thảm cỏ dưới chân đồi, hít thở mùi hương và nhìn ngắm bầu trời. Cô nằm ở đó lâu đến nỗi bố mẹ tưởng cô đã gặp chuyện chẳng lành trong làng, với dân địa phương hoặc với quân Nga.

Goldberg cũng rời trại sớm, có lẽ là đầu tiên, để về thu nhận của cải giấu ở Cracow. Y sẽ di cư sang Brazil ngay khi thu xếp được.

Đa số tù nhân lớn tuổi hơn lưu lại trại. Lúc này quân Nga đã vào Brinnlitz, lấy một villa trên đồi nhìn xuống ngôi làng làm nơi ở cho sĩ quan. Họ đưa vào trại một con ngựa đã mổ, và tù nhân ăn ngấu nghiến, một số còn thấy món này quá đầy bụng sau thời gian dài sống với bánh mì, rau và cháo yến mạch của Emilie.

Lutek Feigenbaum, Janek Dresner, và cậu trai nhà Sternberg vào thị trấn tìm kiếm thức ăn. Ngôi làng nằm dưới sự tuần tra của du kích Czech, do đó cư dân Brinnlitz gốc Đức rất e ngại những tù nhân vừa tự do. Một ông hàng xóm gợi ý bọn họ có thể lấy một bao đường trong kho. Cậu trai Sternberg nhìn không nổi khi thấy đường, vực mặt xuống làm một vốc đầy. Nó hành cậu một phen điên đảo. Bài học cậu thu được cũng là điều nhóm của Schindler đang nhận ra ở Nuremberg và Ravensburg - phải làm quen với tự do và sung túc một cách từ từ.

Mục đích chính của cuộc thám hiểm vào thị trấn là để kiếm bánh mì. Feigenbaum, là thành viên đội tự vệ Brinnlitz, được trang bị cả súng trường lẫn súng lục, thành thử khi ông hàng bánh khẳng khẳng chối là không có bánh mì, một người xui cậu, “Lấy súng ra mà dọa lão.” Ông ta, nói cho cùng, là dân Đức Sudeten, và bởi vậy trên lý thuyết là người tán đồng mọi khổ đau họ phải gánh chịu.

Feigenbaum chĩa súng vào ông hàng bánh rồi xộc vào nhà trong để tìm chỗ giấu bột mì. Đến phòng khách, cậu thấy vợ và hai con gái chủ nhà đang rúm ró vì sợ hãi. Về khiếp đảm của họ và của những gia đình Cracow vào đợt *Aktion* giống nhau đến nỗi một niềm hổ thẹn lớn lao ngập tràn trong cậu. Cậu gật đầu chào họ, như thể một vị khách viếng thăm xã giao, rồi rút lui.

Cũng nỗi hổ thẹn ấy đã xâm chiếm Mila Pfefferberg trong lần đầu vào làng. Khi cô đến quảng trường, một du kích Czech chặn hai cô gái Sudeten lại, bắt họ cởi giày cho Mila, đang đi đôi guốc gỗ, chọn xem đôi nào vừa hơn. Hành vi ngang ngược này làm cô đỏ mặt, và cô ngồi trên vỉa hè, lúng túng đưa ra lựa chọn. Tay du kích đưa guốc cho cô gái Sudeten rồi bỏ đi. Mila sau đó đang đi bỗng dừng lại, đuổi theo cô gái, và trả lại đôi giày. Cô gái, Mila vẫn nhớ, chẳng buồn tỏ ra biết ơn.

Tối đến, lính Nga vào trại mò gái. Pfefferberg phải gi súng vào đầu một gã lính lên vào khu tù nữ và vồ được bà Krumholz. (Nhiều năm sau bà Krumholz vẫn còn oán trách Pfefferberg, chỉ mặt anh mà bảo. “Được dịp cao chạy xa bay theo giai trẻ mà bị thằng ranh này nó phá đám!”) Có ba cô gái được đưa - ít nhiều tự nguyện - đến một buổi tiệc tùng của quân Nga, và trở lại sau ba ngày, theo lời họ, khoái hoạt.

Bám trụ lại Brinnlitz là một lựa chọn tiêu cực, và sau một tuần tù nhân bắt đầu ra đi. Một số đã mất cả gia đình di cư thẳng sang phương Tây, chẳng có nguyện vọng thấy lại Ba Lan lần nữa. Anh em Bejski, lấy suất vải và vodka của họ để lót đường, sang Ý rồi từ đó lên một con tàu Zionist đi Palestine. Nhà Dresner đi bộ băng qua Moravia và Bohemia về Đức, nơi Janek là một trong mười sinh viên đầu tiên đăng ký vào Đại học Erlangen của bang Bavaria khi trường này mở cửa cuối năm ấy.

Manci Rosner trở lại Podgórze, nơi Henry hẹn gặp cô, Henry Rosner, sau khi được giải thoát khỏi Dachau cùng Olek, một hôm vào nhà vệ sinh công cộng tại Munich thì thấy một người mặc áo sọc. Anh hỏi anh ta bị tù ở đâu. “Brinnlitz,” anh ta đáp. Theo lời anh ta (thực tế là không chính xác), trừ một bà cụ, mọi người ở Brinnlitz đều sống sót. Manci sẽ biết tin Henry còn sống qua ông anh họ,

người tìm đến căn phòng ở Podgórze nơi cô đang chờ đợi, tay huơ tờ báo có danh sách những người Ba Lan được giải phóng từ Dachau. “Manci.” anh gọi, “hôn anh đi. Henry còn sống, Olek cũng vậy.”

Regina Horowitz có một cuộc hẹn tương tự. Bà mất ba tuần để đi từ Brinnlitz đến Cracow cùng cô con gái Nusia. Bà thuê một căn phòng - nhờ có phần chia từ kho hàng của Hải quân - và đợi Dolek. Khi ông đến, họ liền hỏi thăm về Richard, song không có tin tức gì. Một ngày hè năm ấy, Regina đi xem bộ phim về Auschwitz do Nga sản xuất và chiếu miễn phí ở Ba Lan. Bà xem đến khung hình nổi tiếng về bọn trẻ ở trại, đứng sau rào thép gai hóng ra, hay được các xơ dắt đi qua hàng rào dẫn điện của Auschwitz I. Rất nhỏ bé và đáng yêu, Richard xuất hiện trong hầu hết mọi khuôn hình. Regina bật dậy, rú lên và rời khỏi khán phòng. Viên quản lý cùng vài người qua đường cố gắng vỗ về bà. “Đó là con tôi, đó là con tôi!” bà tiếp tục hét lên. Giờ đây khi biết cậu bé còn sống, bà có thể truy ra được, quân Nga đã trao cậu cho một tổ chức cứu trợ Do Thái. Cho rằng bố mẹ Richard đã chết, họ giao cậu cho nhà Liebling, người quen cũ của gia đình Horowitz, làm con nuôi. Regina xin được địa chỉ, và khi đến cửa căn hộ của gia đình họ, bà nghe tiếng Richard ở trong, đang gõ xoong và tuyên bố, “Hôm nay cả nhà ăn xúp!” Khi bà gõ cửa, cậu gọi bà Liebling ra mở.

Vậy là cậu được về với mẹ. Nhưng sau những gì Richard đã chứng kiến trên đoạn đầu đời ở Płaszów và Auschwitz, bà chẳng thể dắt cậu ra sân chơi mà không khiến cậu bị kích động khi thấy bóng xích đu.

*

Đến Linz, nhóm Oskar ra trình diện quân Mỹ, chia tay với chiếc xe cứu thương ậm ạch, và được xe tải chở ngược Bắc lên Nuremberg đến một trung tâm tiếp nhận tù nhân lưu vong từ các trại tập trung. Họ nhận ra, đúng như mình e ngại, con đường giải phóng không hề bằng phẳng.

Richard Rechen có bà cô ở Constanz, cạnh hồ trên biên giới Thụy Sĩ. Khi giới chức Mỹ hỏi, cả nhóm có chỗ nào để đi không, họ đề cử

bà cô này. Ý định của tám người tù trẻ từ Brinnlitz là đưa vợ chồng Schindler, nếu có thể, vượt biên giới sang Thụy Sĩ, để phòng làn sóng báo thù nhắm vào người Đức bất ngờ bùng phát và, kể cả tại vùng Mỹ tạm chiếm, họ bị trừng phạt một cách bất công. Ngoài ra cả tám đều định di cư và tin rằng sang Thụy Sĩ việc này sẽ dễ thu xếp hơn.

Reubinski nhớ rằng quan hệ của họ và viên Commandant người Mỹ ở Nuremberg khá hữu hảo, nhưng ông ta chỉ dành cho họ phương tiện gì để tới Constanze ở phía Nam. Họ tìm cách xoay xở để đi xuyên Rừng Đen, một số chặng đi bộ, còn lại là đi tàu. Gần tới Ravensburg, họ rẽ vào trại tù ở địa phương và nói chuyện với viên chỉ huy người Mỹ. Họ làm khách ở đây đêm ngày, nghỉ ngơi và sống xa hoa bằng khẩu phần của Quân đội. Đổi lại, họ tiếp chuyện viên Trại trưởng, cũng gốc Do Thái, tới khuya, kể cho ông ta về Amon, Płaszów, Gröss-Rosen, Auschwitz và Brinnlitz. Bọn họ hy vọng ông ta sẽ giúp họ phương tiện đi Constanze, xe tải thì tốt. Ông ta không lo được xe tải, nhưng cho họ một chiếc xe buýt, cùng một ít nhu yếu phẩm cho hành trình ấy. Mặc dù Oskar vẫn mang theo sổ kim cương trị giá hơn 1.000 RM, và một ít tiền mặt, có vẻ họ không mất tiền mua chiếc xe mà được tặng. Sau nhiều áp phe với giới quan chức Đức, chắc hẳn Oskar khó mà quen ngay được với cách thức giao dịch này.

Đến phía Tây Constanze, trên biên giới Thụy Sĩ và trong vùng chiếm đóng của Pháp, họ dừng xe tại làng Kreuzlingen. Rechen vào hiệu đồ sắt trong làng mua một chiếc kim cộng lực. Xem ra họ vẫn mặc áo tù khi mua kim. Có lẽ người bán đã chịu tác động từ một trong hai suy đoán: (a) đây là tù nhân, nếu bị gây khó dễ y sẽ mách giới bảo hộ Pháp; (b) đây kỳ thực là một sĩ quan Đức cải trang để đào vong, và có lẽ nên được giúp đỡ.

Hàng rào biên giới cắt ngang Kreuzlingen, và bên thuộc Đức được hiển binh Pháp thuộc quân đoàn Sûreté canh gác. Cả nhóm tiếp cận hàng rào ở rìa làng, dùng kim cắt dây thép, rình khi lính gác đi đến cuối đường rồi chuồn sang lãnh thổ Thụy Sĩ. Không may, một người dân làng đi đường bắt gặp họ và đã báo động cho cả phía Pháp lẫn Thụy Sĩ. Trên quảng trường tĩnh lặng của ngôi làng Thụy

Sĩ, một bản sao của ngôi làng Đức đối diện, cảnh sát Thụy Sĩ bao vây cả nhóm, nhưng Richard và Anka chạy thoát và cảnh sát phải điều xe tuần tra bắt họ lại. Trong vòng nửa tiếng họ bị trao trả cho giới chức Pháp, những người lục soát tư trang của họ, phát hiện thấy kim cương và tiền mặt; đưa họ tới một nhà tù cũ của Đức và nhốt riêng từng người vào xà lim.

Reubinski thấy rõ họ bị nghi ngờ là lính gác ở trại tập trung. Trong tình huống ấy, việc họ lên cân khi làm khách của quân Mỹ trở thành phản chủ, vì nhìn họ không tiêu tụy như khi mới rời Brinnlitz.

Họ bị thẩm vấn riêng rẽ về chuyến đi, về tài sản họ mang theo. Từng người đều có thể khai báo một cách hợp lý, nhưng không biết lời khai của mình có ăn khớp với mọi người không. Có lẽ họ lo sợ, điều họ không cảm thấy khi gặp quân Mỹ, là nếu quân Pháp biết được danh tính và thân phận của Oskar ở Brinnlitz, chắc chắn ông sẽ bị quy tội.

Quanh co để bảo vệ Oskar và Emilie, họ nằm khám một tuần. Hiểu biết về Do Thái giáo của vợ chồng Schindler lúc này thừa đủ để vượt qua các bài kiểm tra. Nhưng tác phong và thể trạng của Schindler khiến khó ai tin được ông vừa là tù nhân của SS. Không may thay, lá thư tiếng Hebrew của ông đã bị để lại Linz, trong hồ sơ của quân Mỹ.

Edek Reubinski, thủ lĩnh của cả bọn, bị thẩm vấn nhiều nhất, và vào ngày thứ bảy ở tù, khi được giải đến phòng hỏi cung, thấy có thêm một người nữa mặc thường phục, nói tiếng Ba Lan, được đưa đến để xác minh lời khai của Reubinski rằng anh đến từ Cracow. Không rõ tại sao - do người Ba Lan nọ đóng vai thương cảm trong cuộc thẩm vấn hay vì sự quen thuộc của ngôn ngữ - mà Reubinski sụp đổ, òa khóc và khai hết bằng tiếng Ba Lan lưu loát. Bảy người còn lại lần lượt bị triệu lên, cho gặp Reubinski, được biết anh ta đã thú nhận, và bị bắt khai lại bằng tiếng Ba Lan. Đến cuối buổi sáng, khi lời khai của họ đã khác nhau, cả nhóm, kể cả hai vợ chồng Schindler, được tập trung ở phòng thẩm vấn và được cả hai điều tra viên ôm hôn. Tay người Pháp, Reubinski kể, còn bật khóc. Ai nấy đều hân hoan trước tình cảnh ấy - một điều tra viên dấn lẹ. Khi đã

lấy lại bình tĩnh, ông ta cho người mang bữa trưa lên cho mình, người đồng nghiệp, vợ chồng Schindler, và tám tù nhân.

Đến chiều, ông ta cho chuyển họ tới một khách sạn bên hồ ở Constanz, nơi họ lưu lại vài ngày dưới sự đài thọ của chính quyền quân sự Pháp.

Tối hôm đó, khi ông ngồi ăn tối tại khách sạn với Emilie, Reubinski, hai vợ chồng Rechen và mọi người, tài sản của Oskar đã rơi vào tay chính quyền Xô viết, trong khi những viên kim cương và số tiền mặt ít ỏi cuối cùng đã thất lạc qua những kẽ hở của bộ máy chính quyền giải phóng. Ông không còn lấy một xu dính túi, nhưng vẫn ăn uống thịnh soạn hết mức có thể, tại một khách sạn đẳng hoàng, với một số thành viên trong “đại gia đình” của mình. Tất cả những điều ấy sẽ thành nếp sống của ông trong tương lai.

VĨ THANH

Thời hoàng kim của Oskar đã kết thúc. Thời bình sẽ không bao giờ giúp ông thăng hoa như thời chiến. Oskar và Emilie đến Munich. Họ ở chung với anh em Rosner một thời gian, vì Henry và em trai đã tìm được suất chơi nhạc tại một nhà hàng ở Munich với thu nhập không đến nỗi nào. Một cựu tù, khi gặp ông ở căn hộ nhỏ bé, chật chội của nhà Rosner, ngỡ ngàng khi thấy chiếc áo khoác rách của ông. Tài sản của ông ở Cracow và Moravia, tất nhiên, đã bị quân Nga tịch thu, chỗ trang sức sót lại đã mang đổi hết lấy thức ăn và rượu. Khi nhà Feigenbaum đến Munich, họ gặp tình nhân mới nhất của ông, một cô gái Do Thái, một tù nhân sống sót không phải từ Brinnlitz mà từ một nơi khác khắc nghiệt hơn. Khách khứa, khi tới thăm Oskar ở nhà thuê, dù có bao dung với những điểm yếu người hùng của ông đến mấy, vẫn thấy hổ thẹn vì thương cảm cho Emilie.

Ông vẫn là một người bạn vô cùng hào phóng và một cao thủ săn lùng hàng hiếm. Henry Rosner nhớ ông vẫn tìm được mỗi bán gà giữa một Munich không đào đâu ra gà. Ông gắn bó với những cựu tù Do Thái đã đến Đức định cư - nhà Rosner, nhà Pfefferberg, nhà Dresner, nhà Feigenbaum, nhà Sternberg. Một số đầu óc hay hoài nghi sau này sẽ nói thời kỳ ấy ai dấn dng đến trại tập trung nếu khôn ra đều gần gũi bạn bè Do Thái để tô hồng lớp vỏ bảo vệ bản thân. Nhưng sự tin cậy của ông đã vượt ra ngoài thứ khôn lanh bản năng ấy. *Schindlerjuden* đã trở thành gia đình của Oskar.

Giống như họ, ông biết tin Amon Goeth đã bị quân Mỹ của tướng Patton bắt giữ từ tháng Hai, khi đang nằm ở viện điều dưỡng SS tại Bad Tolz. Y bị giam ở Dachau và khi chiến tranh kết thúc bị giao lại cho chính quyền Ba Lan. Trên thực tế, Amon là một trong những người Đức đầu tiên bị xét xử ở Ba Lan. Một số cựu tù được mời tham dự phiên tòa với tư cách nhân chứng, và trong số các nhân chứng của bên bị mà Amon giữa cơn hoang tưởng định mời ra, có Helen Hirsch và Oskar Schindler. Oskar không đích thân đến Cracow dự phiên tòa. Những người có mặt thấy Goeth, gầy đi vì tiểu đường, bào chữa một cách nhỏ nhẹ nhưng không chút ăn năn. Tất cả các sắc lệnh hành quyết hoặc vận chuyển tù nhân, gã tuyên bố,

đều do thương cấp của gã ký, và do đó là tội của họ chứ không phải của gã. Các nhân chứng kể lại việc viên Commandant tự tay giết người, theo gã, đều cố tình bóp méo sự thật. Đúng là có một số bị xử tử vì tội phá hoại, nhưng thời chiến bao giờ chả có những phần tử phá hoại.

Mietek Pemper, ngồi chờ ở dưới để lên làm chứng, ngồi cạnh một cùm tù Płaszów, người chăm chăm nhìn Amon trước vành móng ngựa và thì thào, “Tôi giờ hẳn vẫn làm tôi khiếp sợ.” Nhưng Pemper, với tư cách nhân chứng số một của bên công tố, đã liệt kê một cách chính xác tội ác của Amon. Tiếp theo anh là những người khác, trong đó có bác sĩ Biberstein và Helen Hirsch, chủ nhân của những ký ức xác thực và đau đớn. Amon bị kết án tử hình và bị treo cổ ở Cracow vào hôm 13 tháng Chín năm 1946, hai năm sau ngày gã bị SS bắt giữ ở Vienna với tội danh buôn bán chợ đen. Theo báo chí Cracow, gã lên đoạn đầu đài không chút ăn năn, và làm động tác chào Quốc xã trước khi chết.

Ở Munich, Oskar đứng ra nhận diện Leipold, khi y bị quân Mỹ tạm giữ. Một cùm tù Brinnlitz đi cùng Oskar và kể lại, khi y phản đối, Oskar hỏi, “Mi muốn ta làm việc này, hay mi thích để năm mươi người Do Thái phần uất đang đợi dưới đường làm điều đó?” Leipold cũng sẽ bị treo cổ - không phải vì tội ác ở Brinnlitz mà vì những vụ sát nhân thời ở Budzyn.

Lúc này có lẽ Oskar đã nhen nhóm ý tưởng mở nông trang ở Argentina, chăn nuôi hải ly, loài động vật gặm nhấm thủy sinh cỡ lớn ở Nam Mỹ, có bộ da đắt giá. Oskar tin rằng bản năng kinh doanh nhạy bén từng mang ông đến Cracow năm 1939 giờ đây đang thôi thúc ông vượt Đại Tây Dương. Ông chẳng còn xu dính túi, nhưng Ủy ban Cứu trợ Do Thái, tổ chức Oskar đã cung cấp thông tin trong thời chiến, và biết rõ thành tích của ông, sẵn lòng giúp đỡ. Năm 1949 họ dành cho ông một khoản vay *ex gratia*⁽⁸⁶⁾ 15.000 đô la Mỹ và một lá thư giới thiệu (“Gửi những ai liên quan”), do M. W. Beckelman, Phó chủ tịch Hội đồng Điều hành tổ chức này ký. Thư viết: *Ủy ban Cứu trợ Do Thái tại Mỹ đã điều tra kỹ hành động của ông Schindler vào thời chiến và giai đoạn Đức thuộc... Chúng tôi hết lòng kêu gọi mọi tổ chức và cá nhân được ông Schindler liên hệ hãy*

làm hết sức mình để giúp đỡ ông, nhằm ghi nhận những thành tích vượt bậc của ông... Dưới vỏ bọc điều hành một trại lao động, đầu tiên ở Ba Lan và sau đó ở Sudetenland, ông Schindler đã tuyển mộ và bảo vệ những lao động Do Thái mà số phận đã định sẽ phải chết ở Auschwitz hoặc các trại tập trung ô nhục khác...

“Trại của Schindler tại Brinnlitz,” các nhân chứng từng nói với Ủy ban Cứu trợ Do Thái, “là trại duy nhất trên vùng lãnh thổ bị Đức Quốc xã chiếm đóng nơi người Do Thái chưa bao giờ bị giết, bị đánh đập, mà luôn được đối xử như con người.”

Giờ đây, khi ông sắp bắt đầu cuộc đời mới, hãy chung tay giúp ông, như ông từng giúp đồng bào của chúng ta.

Khi lên tàu sang Argentina, ông đem theo sáu gia đình *Schindlerjuden*, và trả tiền vé cho nhiều người trong số họ. Cùng với Emilie, ông định cư ở một trang trại tại tỉnh Buenos Aires và làm ăn ở đây gần mười năm. Những cựu tù không được thấy ông trong những năm tháng ấy, giờ cảm thấy khó lòng hình dung ra ông trong vai nông dân, do Oskar chưa bao giờ là người của nếp sống đều đặn. Một số nhận xét, và cũng có lý của nó, rằng sở dĩ mô hình kỳ dị của Emalia và Brinnlitz thành công là nhờ sự nhạy bén của những người như Stern và Bankier. Đến Argentina, Oskar không còn sự hậu thuẫn ấy, tất nhiên trừ đầu óc tỉnh táo và sự tàn táo của Emilie. Thập niên Oskar nuôi hải ly, tuy nhiên, lại là giai đoạn người ta nhận ra rằng, chất lượng da hải ly nuôi không đạt tiêu chuẩn như hải ly đánh bắt. Nhiều dự án hải ly khác cũng thất bại, và vào năm 1957, trang trại của nhà Schindler phá sản. Emilie và Oskar dọn đến một căn nhà do tổ chức B'nai B'rith bố trí ở San Vicente, ngoại ô phía Nam Buenos Aires, và Oskar đi làm nhân viên tiếp thị một thời gian. Tuy vậy, chưa đầy một năm, ông bỏ về Đức. Còn Emilie ở lại.

Sống trong một căn hộ nhỏ ở Frankfurt, ông tìm nguồn vốn để mua một nhà máy xi măng, và theo đuổi khả năng đòi bồi thường lớn của Bộ Tài chính Tây Đức cho những tài sản bị mất ở Ba Lan và Czechoslovakia. Nỗ lực ấy chẳng đi đến đâu. Một số cựu tù cho rằng chính quyền không bồi thường cho Oskar là vì trong hàng ngũ viên chức bậc trung vẫn còn tàn dư của tư tưởng Hitler. Nhưng thất bại của Oskar có lẽ vì lý do kỹ thuật, bởi trong các công văn Bộ Tài

chính gửi Oskar không phát hiện thấy có biểu hiện gian lận hành chính.

Schindler khởi nghiệp sản xuất xi măng nhờ vốn của Ủy ban Cứu trợ Do Thái cùng “vốn vay” của một số cựu tù thành đạt tại Đức thời hậu chiến. Vòng đời của nó rất ngắn ngủi. Đến năm 1961, Oskar lại phá sản. Nhà máy của ông gặp thiệt hại vì liên tiếp nhiều mùa đông thời tiết khắc nghiệt khiến ngành xây dựng đóng cửa, nhưng một số cựu tù nghĩ rằng một phần căn nguyên thất bại đến từ vết không chịu ngồi yên và khó khép mình vào khuôn khổ của Oskar.

Năm đó, hay tin ông gặp khó khăn, các *Schindlerjuden* từ Israel mời ông đến chơi và đài thọ mọi chi phí. Báo tiếng Ba Lan ở Israel đăng tin nhắn mời các cựu tù của Trại tập trung Brinnlitz, những người từng biết “Oskar Schindler người Đức”, liên hệ với tờ báo. Ở Tel Aviv, Oskar được chào đón nồng nhiệt. Con cái sinh sau chiến tranh của các cựu tù xúm xít vây quanh ông. Ông béo ra, khuôn mặt cũng nặng nề hơn. Nhưng tại những buổi chiêu đãi, người quen cũ đều nói ông vẫn là Oskar hào sảng ngày xưa. Giọng đùa giỡn sắc sảo, nét phong lưu hào nhoáng kiểu Charles Boyer, tửu lượng như hũ chìm, tất cả vẫn vẹn nguyên sau hai lần phá sản.

Đó lại là năm xét xử Adolf Eichmann, và việc Oskar đến Israel thu hút sự chú ý của báo giới quốc tế. Trước ngày khai mạc phiên tòa phóng viên tờ *Daily Mail* London đã viết một bài về sự tương phản trong lý lịch của hai nhân vật và trích lời nói đầu từ bức thư ngỏ của các *Schindlerjuden* kêu gọi giúp đỡ Oskar: “Chúng ta không quên nỗi đau Ai Cập, chúng ta không quên Haman⁽⁸⁷⁾, chúng ta không quên Hitler. Nhưng, bên cạnh quân tà ác, chúng ta cũng không quên những người chính trực. Hãy nhớ Oskar Schindler.”

Một số người sống sót sau Holocaust tỏ ý nghi ngờ tính xác thực của một trại lao động nhân đạo như của Oskar, và nỗi hoài nghi ấy được phản ánh qua một phóng viên dự cuộc họp báo với Schindler ở Jerusalem. “Ông giải thích thế nào,” anh này hỏi, “về việc ông quen biết hết giới sĩ quan SS cao cấp tại Cracow và thường xuyên làm ăn với chúng?” “Vào giai đoạn lịch sử ấy,” Oskar nói, “thảo luận về số phận người Do Thái với đức Chương giáo Jerusalem là điều hơi khó khăn.”

Bộ phận Xác minh của *Yad Vashem*, vào cuối thời gian Oskar định cư ở Argentina, đã tìm đến và nhận được bản tường trình do ông cung cấp về hoạt động của mình tại Cracow và Brinnlitz. Giờ đây, chủ động và dưới tác động của Itzhak Stern, Jakob Sternberg và Moshe Bejski (khi xưa là chuyên gia làm giả con dấu cho Oskar, nay là một luật sư uyên bác và khả kính), Ủy ban Thác quản của *Yad Vashem* bắt đầu cân nhắc một hình thức tôn vinh chính thức dành cho Oskar. Chủ tịch Ủy ban là Thẩm phán Landau, chánh án tại phiên tòa xét xử Eichmann. *Yad Vashem* tìm kiếm và thu về rất nhiều lời chứng về Oskar. Trong số lượng lớn những đánh giá này, có bốn là phê phán. Mặc dầu cả bốn nhân chứng đều thừa nhận, nếu không có Oskar thì bọn họ đã chết, họ vẫn phê phán cách thức kinh doanh của ông trong những tháng đầu cuộc chiến.

Hai trong số bốn lời chứng tiêu cực ấy là của hai bố con, được nhắc tới trong phần đầu dưới cái tên C. Oskar đã đưa tình nhân của ông, Ingrid, vào làm *Treuhänder* (quản lý) ở đại lý đồ tráng men của họ tại Cracow. Lời chứng thứ ba từ thư ký của C, nhắc lại cáo buộc ông dùng nắm đấm và hăm dọa, những tin đồn mà Stern đã thông tin lại với Oskar từ năm 1940. Cuối cùng là một người khẳng định có cổ phần ở nhà máy tráng men của Oskar trước chiến tranh, khi nó mang tên cũ là Rekord, song Oskar đã phớt lờ quyền lợi của ông ta.

Thẩm phán Landau và Ủy ban của ông chắc đã xem bốn cáo buộc này là không đáng kể khi đặt cạnh vô vàn lời chứng của các *Schindlerjuden* khác, và họ không bình luận gì. Dù gì đi nữa, cả bốn vẫn thừa nhận Oskar đã cứu mạng họ, nên người ta bảo Ủy ban đã đặt câu hỏi tại sao, nếu đã gây tội lỗi với những người này, Oskar còn vượt bao gian truân khổ ải để cứu họ làm gì.

Thành phố Tel Aviv là nơi đầu tiên vinh danh Oskar. Vào sinh nhật thứ năm mươi ba của Oskar, ông khánh thành tấm bia tại Công viên Anh hùng. Văn tự trên bia ca ngợi ông cứu mạng 1.200 tù nhân tại AL Brinnlitz, và tuy nó chưa phản ánh hết, về mặt số lượng, thành tích thật sự của ông, nó tuyên bố tấm bia được dựng lên bằng tình yêu và lòng biết ơn. Mười ngày sau, ở Jerusalem, Oskar được phong là Người Hiệp nghĩa, một danh hiệu đặc hữu của Israel, bắt nguồn từ một giả thuyết xa xưa của chủng tộc Hebrew, rằng giữa

biển người phi Do Thái, Chúa Trời luôn ban tặng cho họ một mẻ những người chính trực. Oskar còn được mời trồng một cây carob trên Đại lộ Hiệp nghĩa dẫn tới Bảo tàng *Yad Vashem*. Ngày nay cây vẫn còn, có gắn biển, sánh vai cùng cây mang tên nhiều người Hiệp nghĩa khác. Tại đây còn có cây của Julius Madritsch, người đã liều lĩnh nuôi dưỡng và bảo vệ công nhân của mình theo một cách chưa hề nghe đến tại các nhà máy của Krupp và Farben, và một cây của Raimund Titsch, quản đốc của Madritsch ở Płaszów. Trên triền đồi sỏi đá này, hiếm có cây lưu niệm nào mọc cao hơn ba mét.

Truyền thông Đức đưa tin về thành tích thời chiến của Oskar và các nghi lễ ở *Yad Vashem*. Những tin bài ấy, dù luôn tán tụng, không làm cuộc sống của ông dễ dàng hơn. Ông bị phỉ nhổ, bị ném đá trên đường phố Frankfurt, một tốp công nhân giễu cợt ông và nói ông nhẽ ra phải bị hỏa thiêu cùng bọn Do Thái. Năm 1963, ông đâm một công nhân, kẻ gọi ông là “đồ bỏ dít Do Thái”, và bị y kiện vì tội hành hung. Tại tòa án địa phương, nấc thấp nhất ở hệ thống tư pháp Đức, Oskar được viên chánh án giáo huấn một bài trước khi phạt ông bồi thường thiệt hại. “Lẽ ra tôi đã tự sát,” Oskar viết cho Henry Rosner ở Queens, New York, “nếu điều đó không làm chúng hả hê đến thế.”

Những lăng nhục ấy càng gia tăng sự phụ thuộc của ông vào các cựu tù. Họ là bảo đảm duy nhất về tình cảm lẫn tài chính cho Oskar. Suốt phần đời còn lại, mỗi năm ông lại đến với họ vài tháng, sống trong an nhàn và trân trọng giữa Tel Aviv hay Jerusalem, ăn miễn phí ở một nhà hàng Rumania trên phố Ben Yehudah, Tel Aviv, dẫu đôi khi vẫn bị Moshe Bejski, vì lòng hiếu thuận, cố hạn chế tửu lượng của ông xuống ba ly đúp cognac một tối. Nhưng rốt cuộc, ông vẫn luôn phải trở về với nửa kia của tâm hồn mình: con người bị tước đoạt hết thảy; căn hộ chật chội, tồi tàn chỉ cách nhà ga Frankfurt vài trăm mét. Viết thư từ Los Angeles cho các *Schindlerjuden* khác trên đất Mỹ vào năm ấy, Poldek Pfefferberg kêu gọi tất cả các cựu tù quyên góp ít nhất một ngày lương cho Oskar Schindler, người, theo lời anh, đang trong tình trạng “chán chường, cô đơn, vỡ mộng”.

Mối liên hệ của Oskar và các *Schindlerjuden* được duy trì định kỳ hằng năm. Đó là một sự luân chuyển theo mùa - nửa năm là cánh bướm Israel, nửa năm là con sâu Frankfurt. Ông thường xuyên túng thiếu.

Một Ủy ban ở Tel Aviv, với Itzhak Stern, Jakob Sternberg và Moshe Bejski là thành viên, tiếp tục vận động chính quyền Tây Đức dành cho Oskar một khoản trợ cấp tương xứng. Căn cứ của họ là những hành động anh hùng của Oskar trong thời chiến, những tài sản ông đã mất, và sức khỏe yếu ớt của ông lúc này. Phản ứng chính thức đầu tiên của chính phủ Đức, mặc dầu vậy, lại là trao tặng ông Huân chương Công trạng năm 1966, trong một buổi lễ do Konrad Adenauer chủ trì. Mãi tới tận 1 tháng Bảy năm 1968, Bộ Tài chính mới vui mừng thông báo rằng kể từ hôm nay ông sẽ được trợ cấp 200 mark một tháng. Ba tháng sau, công dân lĩnh lương hưu Schindler được nhận danh hiệu Hiệp sĩ Thánh Sylvester từ tay Giám mục xứ Limburg.

Oskar vẫn sẵn sàng hợp tác với Bộ Tư pháp Liên bang để truy lùng tội phạm chiến tranh. Riêng trong việc này, dường như ông không hề khoan nhượng. Đúng ngày sinh nhật của mình năm 1967, ông cung cấp thông tin mật liên quan tới nhiều cán bộ của KL Płaszów. Bản ghi lời chứng của ông ngày hôm ấy cho thấy ông chẳng hề ngần ngại, nhưng cũng đầy thận trọng khi làm chứng. Nếu có nhân viên SS nào mà ông không biết hoặc biết ít, ông nói ngay. Ông đã nói như vậy về Amthor, về Zugsbürger và về Fraulein Ohnesorge, một trong những nữ giám thị nóng tính. Thế nhưng ông không ngần ngại kết tội Bosch là kẻ sát nhân và bóc lột, và kể, khi nhận ra Bosch trên ga tàu ở Munich năm 1946, ông đã tiến lại và hỏi, sau Płaszów, hằng đêm y có ngủ được không.

Bosch, Oskar kể, thời điểm ấy đang sống bằng hộ chiếu Đông Đức. Một giám thị có tên là Mohwinkel, đại diện của Tổ hợp Vũ khí Đức ở Płaszów, cũng bị tố cáo thẳng thừng “thông minh nhưng tàn bạo,” Oskar nhận xét. Về vệ sĩ của Goeth, Grün, ông kể lại vụ y định xử tử Lamus, một tù nhân tại Emalia, và bị ông ngăn cản bằng một chai vodka (rất nhiều tù nhân khác cũng thuật lại chuyện này trong lời chứng của họ lưu giữ tại *Yad Vashem*). Về hạ sĩ quan Ritschek,

Oskar nói y có ác danh, nhưng bản thân ông không biết gì về tội ác của y. Ông cũng không khẳng định được nhân vật trong bức ảnh Sở Tư pháp cho ông xem có phải là Ritschek không. Trong danh sách của Sở Tư pháp, một người duy nhất được ông hết lời khen ngợi. Đó là kỹ sư Huth, người đã giúp đỡ trong lần cuối cùng ông bị bắt. Huth, theo ông, được chính các tù nhân tôn trọng và đánh giá cao.

*

Bước sang tuổi sáu mươi, ông bắt đầu làm việc cho tổ chức Những Người Bạn Đức ở Đại học Hebrew. Việc này cũng xuất phát từ sự thúc giục của các *Schindlerjuden* - những người mong tìm cho Oskar một mục đích sống mới. Ông bắt đầu tham gia gây quỹ ở Tây Đức. Tài năng dụ dỗ và mê hoặc quan chức lẫn doanh nhân của ông một lần nữa có đất dụng võ. Ông còn góp phần xây dựng khuôn khổ trao đổi giáo dục cho trẻ em Đức và Israel.

Dù sức khỏe giảm sút, ông vẫn sống và uống như thanh niên. Ông yêu một phụ nữ Đức tên là Annemarie, sau khi gặp cô ở khách sạn Vua David tại Jerusalem. Đây sẽ là chỗ dựa tình cảm cho ông những năm cuối đời. Vợ ông, Emilie, vẫn sống tại căn nhà nhỏ tại San Vicente, phía Nam Buenos Aires, một mình, không có sự hỗ trợ tài chính từ Oskar. Thời điểm cuốn sách này được viết, bà vẫn đang sống ở đó. Giống như thời ở Brinnlitz, bà là một nhân cách cao quý và thâm lặng. Trong cuốn phim tài liệu do truyền hình Đức sản xuất năm 1973, bà chia sẻ - mà không có chút cay đắng hay than thân trách phận nào của người vợ bị bỏ rơi - về Oskar và Brinnlitz, và về những gì bà đã làm ở đây.

Một cách sắc sảo, bà nhận xét sự nghiệp của Oskar, trước lẫn sau chiến tranh, đều không có gì xuất sắc. Có thể nói ông đã may mắn, khi trong giai đoạn ngắn ngủi và khốc liệt từ 1939 đến 1945, ông đã gặp những người khơi dậy được những phẩm chất sâu kín trong ông. Năm 1972, nhân dịp Oskar đến thăm văn phòng điều hành ở New York của Hội Những Người Bạn Mỹ của Đại học Hebrew, ba *Schindlerjuden*, nay là cổ đông trong một công ty xây dựng lớn tại New Jersey, dẫn đầu một nhóm bảy mươi lăm cựu tù khác quyên góp 120.000 đô la để dành tặng Oskar một tầng trong Trung tâm Nghiên cứu Truman tại Đại học Hebrew. Nơi đây sẽ lưu

giữ Cuốn sách Sinh mệnh, ghi lại nỗ lực cứu nạn của Oskar và danh sách những người được giải cứu. Hai trong ba cổ đồng, Murray Pantirer và Isak Levenstein, mới mười sáu tuổi khi Oskar mang họ đến Brinnlitz. Những đứa con của Oskar nay đã thành cha mẹ ông, chỗ nương tựa của ông, nguồn vinh dự của ông. Ông đã yếu nhiều. Những người từng làm bác sĩ ở Brinnlitz - Alexander Biberstein chẳng hạn - thấy rõ điều này. Một người khuyến cáo bạn bè thân thiết của Oskar, “Ông ấy sống nổi đến giờ là một kỳ tích. Tim ông ấy đập hoàn toàn bằng sự bướng bỉnh.”

Tháng Mười năm 1974, ông đột quỵ tại căn hộ nhỏ gần ga Frankfurt, và mất tại bệnh viện vào ngày mùng 9. Giấy chứng tử xác định, xơ cứng cấp động mạch não và tim là nguyên nhân dẫn tới cái chết. Trong di chúc ông bày tỏ mong muốn từng đề cập với vài *Schindlerjuden* là được chôn cất ở Jerusalem. Trong vòng hai tuần, cha xứ dòng Francis ở thành phố đã cho phép Herr Oskar Schindler, một trong những con chiên ít tuân giáo lý nhất của Nhà thờ, được chôn cất tại Nghĩa trang Latin của Jerusalem.

Thêm một tháng trôi qua, trước khi thi hài Oskar, đặt trong quan tài bọc chì, được diễu qua đường phố đông đúc của Thành cổ Jerusalem, đến nghĩa trang Công giáo ngoảnh mặt về phương Nam, nhìn xuống Thung lũng Hinnom, trong kinh Tân ước gọi là Gehenna. Trong bức ảnh dòng người tiễn biệt ông đăng trên báo có thể thấy - bên cạnh những người Do Thái khác của Schindler - Itzhak Stern, Moshe Bejski, Helen Hirsch, Jakob Sternberg, Juda Dresner.

Ông được tiếc thương trên khắp các lục địa.

(86) Tiếng Latin, nghĩa là “vì lòng hảo tâm”, trong trường hợp này chỉ khoản vay không nhất thiết phải trả lại.

(87) Nhân vật trong Kinh Thánh, âm mưu sát hại toàn bộ người Do Thái.

PHỤ LỤC

Cấp bậc của SS và quân hàm tương đương trong quân đội

Sĩ quan

Oberstgruppenführer: Đại tướng

Obergruppenführer: Trung tướng

Gruppenführer: Thiếu tướng

Brigadeführer: Chuẩn tướng

Oberführer: không có quân hàm tương đương trong quân đội

Standartenführer: Đại tá

Obersturmbannführer: Trung tá

Sturmbannführer: Thiếu tá

Hauptsturmführer: Đại úy

Obersturmführer: Trung úy

Untersturmführer: Thiếu úy

Hạ sĩ quan

Oberscharführer: quân hàm cao trong nhóm hạ sĩ quan

Unterscharführer: tương đương Trung sĩ

Rottenführer: tương đương Hạ sĩ